

# ERICH MARRIA REMARQUÉ

BA NGƯỜI BẠN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

vh

# BA NGƯỜI BẠN

*Nguyên tác: Drei Kameraden*  
*Tác giả: Erich Maria Remarque*  
*Dịch giả: Vũ Hương Giang*  
*Nhà xuất bản Văn Học 1988*  
*Nguồn: Vnthuquan*  
*Biên tập: V.C*  
*Ebook: tna*



Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

# Mục Lục

Lời Giới Thiệu

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Chương 20

Chương 21

Chương 22

Chương 23

Chương 24

Chương 25

Chương 26

Chương 27

Chương 28



# LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc Việt Nam đã yêu mến Remarque (Erich Maria Remarque - tên thật Erich Paul Remark, 1898 - 1970) - nhà văn Đức nổi tiếng, một trong những tiểu thuyết gia nhiều thành công nhất của thế kỷ hai mươi - qua các tác phẩm “Phía Tây không có gì lạ”, “Thời gian để sống và thời gian để chết” do nhà xuất bản Văn Học giới thiệu. Remarque chiếm được hàng triệu con tim độc giả trên khắp hành tinh không đơn giản vì ông là một thiên tài văn học; đọc Remarque, ta tìm thấy ở nhà văn một tấm lòng đầy tình yêu thương con người, cảm thông với nỗi đau của con người, tha thiết mong cho tất cả một cuộc sống hạnh phúc mà con người vốn dĩ xứng đáng được hưởng. Trái tim nhân đạo ấy không thể không ứa máu trước những sự thật tàn khốc mà hai cuộc đại chiến thế giới đã gieo rắc cho nhân loại, thiên tài văn học ấy không thể im tiếng trước những tội ác ghê tởm do chính bọn cầm quyền của đất nước mình gây ra. Năm 1933 bọn phát xít Đức buộc cho Remarque tội “phản bội những người lính của chiến tranh thế giới bằng văn học” và ra lệnh đốt các tác phẩm của nhà văn, năm 1938 ông bị tước bỏ quốc tịch Đức, buộc phải sang New York năm 1939 (1947 nhập quốc tịch Mỹ). Từ sau 1945, Remarque sống khi ở Mỹ, khi ở Thụy Sĩ, ông mất năm 1970 ở Locarno (Thụy Sĩ).

Cả thế giới biết đến Remarque qua hàng loạt tiểu thuyết của ông: “Phía Tây không có gì lạ” (1929), “Đường trở về” (1931), “Ba người bạn” (1938), “Hãy yêu những kẻ hậu sinh” (1941), “Khải hoàn môn” (1946). “Tia lửa sống” (1952), “Thời gian để sống và thời gian để chết” (1954), “Bia mộ đen” (1956), “Đêm ở Lissabon” (1962), “Bóng tối nơi thiên đường” (1971)...

Xuyên suốt các tác phẩm của Remarque là tính nhân đạo sâu sắc, là tiếng nói kiên định, không mệt mỏi chống lại cuộc chiến tranh phát xít phi nghĩa. Remarque không dùng những lời lẽ đao to búa lớn, không hô khẩu hiệu chống phát xít, nhưng các tác phẩm của ông đã bóc trần toàn bộ bản chất tàn bạo của chủ nghĩa phát xít, lột tả những cảnh địa ngục trần gian mà chiến tranh đã đưa lại. Biết bao số phận khổ nhục, ê chề, biết bao kiếp người phiêu dạt, tha hương không bến đậu, biết bao tình yêu tuyệt vọng, con người phải sống lẫn lút như loài vật, sống mà như đã chết... người đọc cùng đau xót với nỗi đau của tác giả, đau xót bao nhiêu, càng căm phẫn, ghê tởm bấy nhiêu cuộc chiến tranh do bè lũ phát xít gây nên. Thật dễ hiểu vì sao bọn phát xít lại thù ghét nhà văn, khiếp sợ ảnh hưởng văn học của ông đến thế.

Một mảng đề tài được Remarque khá quan tâm là số phận của những người cựu chiến binh Đức, những người phải gánh chịu trực tiếp hậu quả cuộc chiến tranh diễn ra ngoài ý muốn của họ. Tác phẩm “Ba người bạn” để lại ấn tượng hết sức sâu sắc bởi lẽ đã giúp ta thấy được cái hậu quả gớm ghiếc ấy dưới biết bao góc độ. Cốt truyện diễn ra vào những năm 20 của thế kỷ này, thời gian xen giữa hai cuộc đại chiến thế giới. Các nhân vật trung tâm là ba cựu chiến binh trẻ, ba “chiến hữu” trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ba người bạn trong thời hậu chiến - những con người tiêu biểu cho cái “thế hệ vất vả” sau chiến tranh. Họ là những thanh niên bình thường, từng có những ước mơ bình thường: người muốn trở thành bác sĩ, kẻ muốn trở thành giảng viên đại học... nhưng đã bị buộc tham gia vào cuộc chiến tranh phi nghĩa. Tuy không bỏ xác ngoài trận tuyến như biết bao thanh niên đồng lứa với mình, Robby, Lenz và Koster đã bị chiến tranh cướp mất lẽ sống, họ thấy cuộc đời phi lý và trống rỗng, thế xác trẻ trung mà tâm hồn sớm già cỗi. Ngoài những giờ sửa chữa xe thuê, vất lộn kiếm sống, họ tiêu phí thời gian vào những đêm rượu chè, những phen phóng xe điên cuồng, những cuộc hoan lạc... để rồi lại về một mình đối diện với chính mình, cô đơn, trống rỗng, trong một gian buồng trọ tồi tàn. Ba người bạn gắn bó với nhau hết mình đương đầu với cuộc sống, trong khi thực ra họ cũng không hiểu sống để làm gì. Mọi tình của Pat và Robby đã cho cuộc sống ấy chút ý nghĩa. Họ thấy mình cần thiết cho mọi tình ấy, cho cô gái bất hạnh ấy, họ quên mình đến cảm động giúp cô gái chống lại bệnh tật. Nhưng đó chỉ là cuộc chống chọi tuyệt vọng của ba nạn nhân trực tiếp của chiến tranh hòng cứu cô gái là nạn nhân gián tiếp của chiến tranh; lớn lên trong những năm chiến tranh đói kém. Pat đã mắc chứng lao phổi, căn bệnh vô phương cứu chữa thời bấy giờ. Ba thanh niên lành mạnh bị xô đẩy vào cuộc chiến, bị biến thành những kẻ đồng lõa, để rồi sau đó bị quẳng sống vạ vật giữa cái xã hội hỗn mang thời hậu chiến. Với họ, chỉ có mất mát: Lenz mất mạng vì một bọn phát xít choai choai, Koster phải bán xương, bán chiếc xe mà anh yêu quý hơn chính cánh tay mình, Robby mất người yêu, cũng là mất cái mắt xích cuối cùng gắn anh với cuộc đời... Ai là kẻ có tội trước cuộc đời bỏ đi của họ? Cuộc chiến tranh phát xít.

“Ba người bạn” vẽ lên đầy đủ cuộc sống cơ cực của tầng lớp nghèo hèn nhất trong xã hội, những con người bị coi là hạng “cặn bã” phải chịu hậu quả ghê gớm của chiến tranh, để một nhóm kẻ cầm quyền hưởng lợi nhuận chiến tranh. Có lẽ không ai có thể cảm thông với đám cựu chiến binh hơn là các cô gái điếm và ngược lại. Họ đều là những người trẻ tuổi, nuôi những mơ ước bình dị, nhưng chiến tranh đã không cho họ cái cơ hội làm một con người

bình thường. Nạn đói, nạn thất nghiệp, sự bỏ mạng của người chồng nơi chiến địa đã đẩy những người phụ nữ suốt đời chỉ mơ làm vợ làm mẹ ấy phải lao vào con đường bán thân nuôi miệng. Remarque đã viết về họ, những nạn nhân đáng thương chứ không đáng trách ấy, với một ngòi bút đầy nhân đạo, vị tha. Dưới ngòi bút của tác giả, những nhân vật “cặn bã” này, những chàng trai cô gái bất hạnh “bỏ đi” này lại “người” hơn ai hết. Thật cảm động là những trang viết về tình gắn bó đùm bọc giữa họ với nhau, họ không thương lấy nhau thì còn ai thương họ nữa, vả chăng họ mất mát nhiều quá, thiệt thòi nhiều quá nên cũng quá cảm thông nhau. Những người như họ có quyền hưởng hạnh phúc, nhưng cuộc đại chiến thế giới thứ nhất đã thiêu ra tro quá khứ và hiện tại của họ, và đại chiến thế giới lần thứ hai đang rình rập hủy nốt cái gọi là tương lai không có tương lai của họ. Đói nghèo, thất nghiệp, mãi dâm - những nét tiêu biểu của xã hội Đức trong những năm cuối thập kỷ 20 thế kỷ này đã được Remarque mô tả một cách hết sức giản dị mà cực kỳ rõ nét, đầy đủ trong “Ba người bạn”. Các nhân vật của ông mỗi người khổ sở mỗi cách. Đó là Mutchen, một bà lão đêm đêm đứng đường với chảo xúc xích để cung phụng ông chồng nghiện moocphin, đó là Valentin, cựu chiến binh, nuôi ấn tượng quá khủng khiếp về cuộc chiến tranh, không còn biết bắt đầu lại ra sao với cuộc đời mình, suốt ngày ngập trong rượu mừng vì nỗi thoát chết; đó là Hasse, một viên chức cần mẫn, lúc nào cũng chúm mũi vào việc công sở, nơm nớp lo mất việc, không dám ăn tiêu, dè xẽn từng đồng phòng khi thất cơ lỡ vận, để đến nỗi bà vợ chịu không nổi bỏ đi, cuối cùng kẻ xấu số ấy thất cố tự vẫn; đó là F Grau, một họa sĩ có tài nhưng phải sống bằng nghề truyền thần ảnh người chết... Biết bao kiếp người bé tấc trong một xã hội bé tấc. Qua một chương thôi, Remarque đã cho ta thấy sự bé tấc tột cùng của những người Đức thời bấy giờ, họ đổ xô đến những cuộc hội họp chính trị, không cần biết mục đích của đảng phái chính trị ấy, họ tìm một cái gì đó thay cho tôn giáo để mà tin, để mà bầu víu, và dễ dàng trở thành những kẻ cuồng tín. Đó chính là cơ sở để chủ nghĩa phát xít phát triển, đi đến chỗ cầm quyền. Đã thấy bóng dáng của lũ người mặc áo bludông, những tên phát xít khủng bố được dung túng. Vả chăng Lenz cũng đã chết bởi bàn tay chúng.

“Ba người bạn” cũng như cả loạt tác phẩm có thể gọi là “chống chiến tranh” của Remarque hơn lúc nào hết vẫn mang tính thời sự nóng hổi, bởi hiện nay các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên khắp thế giới đang đấu tranh không tiếc sức cho một hành tinh hòa bình không có chiến tranh, chống lại cuộc chiến tranh thế giới mới luôn đe dọa bùng nổ bởi bàn tay của các thế lực đế quốc và bọn phát xít mới. Giới thiệu với bạn đọc “Ba người

bạn”, chúng tôi hy vọng thời gian tới đây có thể lần lượt cho ra mắt đầy đủ, có hệ thống, các tác phẩm nổi tiếng tiếp theo của Remarque, nhà văn lỗi lạc mà bằng sự nghiệp văn học của mình mãi mãi còn góp tiếng nói cho hòa bình.

7-1987. Vũ Hương Giang



# CHƯƠNG 1

Bầu trời vàng như đồng thau, vẫn chưa bị vẩn đục bởi khói nhà máy, hừng sáng phía sau dãy mái ngói xí nghiệp. Hẳn mặt trời sắp nhô lên đến nơi. Tôi nhìn đồng hồ. Vẫn chưa đến tám giờ. Sớm mười lăm phút. Tôi mở công chuẩn bị sẵn sàng máy bơm xăng. Vào giờ này thường đã có một số muồn ăn sáng chạy qua đây. Bỗng tôi nghe sau lưng mình tiếng gì khàn khàn, khe khẽ, tuồng như một chiếc đinh ốc gỉ đang xoáy trôi lên khỏi mặt đất. Tôi dừng chân nghe ngóng, đoạn đi qua sân trở lại xưởng và thận trọng mở cửa. Trong căn phòng tranh tối tranh sáng đang lác lác dạo vòng một con ma. Con ma chít chiếc khăn đội đầu màu trắng bản thiu, choàng tạp dề xanh, chân xỏ đôi guốc thô, tay hươ hươ một cái chổi, nó nặng chín chục ký và là thợ lao công Matilda Stoss.

Tôi đứng yên một lát nhìn thợ. Thợ có cái vẻ yêu kiều của một con hà mã khi thợ chuệch choạng đi đi lại lại giữa những bộ tản nhiệt xe hơi và cất giọng trầm trầm hát bài ca về anh lính khinh kỵ trung thành. Trên mặt bàn kế cạnh cửa sổ có hai chai cognac. Một chai hầu như đã cạn. Tôi qua cái chai còn đầy nguyên. Tôi đã quên không cất nó vào tủ khóa lại. “Kia bà Stoss!” tôi lên tiếng. Lời ca ngừng bật. Cái chổi rơi xuống đất. Thợ cười ngà say tắt lịm. Bây giờ tôi mới là con ma. “Jesusma, lạy Chúa tôi”, Matilda áp úng và giương cặp mắt đỏ ngầu ngó tôi trân trân. “Tôi đâu ngờ cậu đến sớm thế...”

“Biết rồi. Rượu ngon chứ?”

“Đã hẳn... nhưng nhục cho tôi quá”. - Thợ quệt miệng. “Tôi rõ tôi tệ...”

“Chà, bà cứ phóng đại thế. Bà chỉ say thôi. Say khướt như một gã nghiện”.

Thợ gắng đứng thẳng người. Ria mép thợ động đậy và mi mắt thợ chớp chớp như mắt một con cú già. Nhưng dần dần thợ cũng tỉnh táo hơn. Thợ quả quyết tiến lên một bước. “Cậu Lohkamp... người ta ai cũng là người thôi... đầu tiên tôi chỉ gửi... và rồi làm một ngụm... vì rằng tiếng thế chứ dạ dày tôi bao giờ cũng yếu... vâng, thế rồi, thế rồi hẳn quý Satăng đã ám tôi. Các cậu cũng không nên thử thách một người đàn bà tội nghiệp, không nên để mặc cái chai đấy”.

Đây chẳng phải lần đầu tiên tôi bắt gặp thợ như thế. Sáng nào thợ cũng đến dọn dẹp trong xưởng độ hai tiếng: cứ việc quăng tiền vương vãi đâu tùy thích, thợ không tư hào đến... thế nhưng rượu đặt trước mắt thợ thì chẳng

khác gì mỡ để miệng mèo.

Tôi giơ cái chai lên. “Đương nhiên rồi, bà không động đến rượu cognac dành cho khách hàng... Thế nhưng thứ rượu ngon của ông Koster thì bà nốc sạch”.

Một thoáng cười đắc ý lướt qua nét mặt già nua của Matilda. “Tất tật những gì ngon lành... tôi là kẻ sành sỏi mà lại. Nhưng cậu sẽ không tổ giác gì tôi chứ, cậu Lohkamp? Tổ giác một mục góa yếu đuối bất lực như tôi?”

Tôi lắc đầu. “Hôm nay thì không đâu”.

Mụ buông những nếp váy xuống. “Thế thì tôi chuẩn đây. Cậu Koster mà đến bây giờ thì... trời đất quỷ thần ơi!”

Tôi lại bèn tú và mở tú ra. “Bà Matilda...”

Mụ vội vã lạch bạch chạy đến. Tôi giơ cao một cái chai nâu hình vuông.

Mụ hươ tay chối. “Không phải tôi! Thẻ danh dự đây! Tôi không hề động tới nó!”

“Tôi biết”, tôi nói và rót đầy một ly. “Bà biết loại rượu này chứ?”

“Sao không!” Mụ liếm môi. “Rum! Rượu rum Jamaica lâu đời!”

“Khá. Vậy xin bà hãy cạn ly!”

“Tôi áy?” Mụ nhảy lùi lại. “Như thế nhiều quá, cậu Lohkamp! Đầu tôi đang nóng phùng phùng như than hồng đây này! Mụ Stoss già nua đã ngậm nốc sạch rượu cognac của cậu, thế mà cậu lại còn thết mụ một ly rum để thưởng công nữa. Cậu là một bậc thánh, chính thế! Thà chết còn hơn chấp nhận một chuyện như vậy”.

“Thế hở?” tôi nói và làm ra vẻ chực thu ly rượu về.

“Nào thì uống!” Mụ vội vã nắm lấy cái ly. “Đành phải tiếp nhận điều tốt đẹp như nó đã đến thôi. Cho dù không hiểu nó. Chúc sức khỏe cậu! Dễ thường hôm nay là sinh nhật cậu”.

“Đúng vậy, bà Matilda. Bà đoán giỏi đấy”.

“Sao, thật thế ư?” Mụ chộp lấy bàn tay tôi lắc lắc lắc để. “Rất chi thành thật chúc cậu hạnh phúc! Dồi dào tiền của! Cậu Lohkamp này”, mụ quệt miệng “tôi cảm động quá thể... nhất định tôi phải làm một ly nữa mừng cậu. Là vì chẳng gì tôi cũng quý cậu như con”.

“Tốt thôi”.

Tôi rót thêm cho mụ ly nữa. Mụ dốc cạn một hơi, rồi rời xuống, mồm

xuýt xoa khen ngợi.

Tôi dọn cái chai đi, ngồi vào bàn. Mặt trời nhợt nhạt xuyên qua cửa sổ chiếu xuống đôi tay tôi. cảm giác lạ kỳ trong một ngày sinh như thế này, dẫu rằng ta chẳng xem nó ra gì. Ba mươi tuổi... đã từng có thời tôi ngỡ đâu không bao giờ mình có thể lên đến tuổi hai mươi, tôi cảm thấy cái ngày ấy sao mà xa vời. Và rồi...

Tôi mở ngăn kéo lấy một tờ giấy viết thư và bắt đầu tính. Thời ấu thơ, trường học... đó là một tổng thể, xa xôi, ở đâu đó, không còn thật nữa. Mỗi năm 1916 cuộc đời thật sự mới bắt đầu. Khi ấy tôi vừa trở thành chú lính mới, gầy, cao ngồng, mười tám tuổi, tập nằm xuống, đứng lên trên những thửa ruộng mới cày phía sau doanh trại theo lệnh của một tay hạ sĩ quan ria mép rậm rì. Vào một trong những tối đầu tiên, mẹ tôi đến doanh trại thăm tôi, nhưng bà phải đợi tôi mất hơn một giờ đồng hồ. Tôi đã đóng ba lô của mình không đúng quy cách và phải chịu hình phạt quét dọn nhà vệ sinh vào giờ nghỉ. Mẹ tôi muốn giúp tôi, nhưng bà không được phép. Bà khóc, còn tôi thì mệt tới mức ngủ thiếp đi khi mẹ vẫn còn ngồi bên.

1917. Flanders<sup>[1]</sup>. Mittendorf và tôi mua ở căng tin một chai vang đỏ. Chúng tôi định uống một chầu. Thế nhưng cả bọn tôi đã không thực hiện được. Sáng tinh mơ, quân Anh bắt đầu một trận pháo kích lớn. Koster bị thương lúc giữa trưa, Meyer và Deters ngã xuống buổi chiều. Và tối đến, khi cả bọn đã tưởng được bình yên và mở chai rượu ra, thì hơi độc tràn vào, ủa xuống các công sự. Tuy rằng cả bọn kịp thời đeo mặt nạ nhưng mặt nạ của Mittendorf lại hỏng. Khi cậu ấy phát hiện ra thì đã muộn. Cho đến lúc chiếc mặt nạ này bị giật đi và tìm thấy một cái mới thay vào thì Mittendorf đã hít phải quá nhiều hơi độc và nôn ra máu. Cậu ấy chết vào sáng hôm sau, trên mặt có nhiều vết bầm tím. Cổ Mittendorf rách bươm... cậu ấy đã cố dùng móng tay hòng phanh nó ra để hít lấy không khí.

1918. Nằm quân y viện. Mấy hôm trước, một đợt thương binh mới được chở đến. Bông băng bằng giấy bản. Những ca bị thương nặng. Suốt ngày, những chiếc xe phẳng lỳ của phòng mổ cứ chạy ra chạy vào. Thỉnh thoảng có những chiếc ra không. Joseph Stoll nằm cạnh mình. Anh đã mất cả hai đùi, nhưng còn chưa biết điều đó. Không thể nhìn thấy được, vì người ta chụp lên phần dưới anh một cái lồng bằng dây thép phủ chắn. Mà giá có thấy anh cũng chẳng tin nó, vì anh vẫn cảm thấy đau đớn dưới hai bàn chân. Đêm hai người chết trong buồng bọn mình. Một người chết rất ngạc nhiên và đau đớn.

1919. Lại ở nhà. Cách mạng<sup>[2]</sup>. Đói. Bên ngoài vẫn tiếp tục nghe tiếng

súng máy. Lính đánh nhau với lính. Đồng đội gây lộn với đồng đội.

1920. Đảo chính. Karl Broger bị bắn chết. Koster và Lenz bị bắt. Mẹ tôi nằm nhà thương. Bệnh ung thư của bà đang vào giai đoạn cuối.

1921...

Tôi ngẫm nghĩ. Tôi chẳng còn nhớ nữa rồi. Đơn giản là thiếu mắt năm đó. 1922 tôi làm công nhân đường sắt ở Thuringia, 1923 lãnh đạo việc quảng cáo cho một xí nghiệp cao su. Đang thời kỳ lạm phát. Lương tháng của tôi là hai trăm tỉ mác. Mỗi ngày hai lần lĩnh tiền và mỗi lần lĩnh tiền lại được nghỉ nửa giờ để đảo nhanh qua các cửa hiệu mua sắm chút ít trước khi hối đoái đô-la mới lại được công bố... đồng tiền lại mất giá một nửa.

Còn sau đó? Những năm tiếp theo? Tôi đặt bút chì xuống. Nhắm lại tất cả những cái ấy mà làm gì. Vả lại tôi cũng chẳng còn nhớ chính xác. Tôi đã lẫn lộn quá lắm. Năm ngoài tôi uống mừng sinh nhật của mình tại tiệm cà phê Quốc Tế, nơi tôi đánh dương cầm thuê được một năm. Thế rồi tôi gặp lại Koster và Lenz. Còn lúc này tôi đang ngồi trong xưởng sửa chữa ô-tô Koster và Co... Co, đây tức là Lenz và tôi, nhưng sự thực thì xưởng này chỉ thuộc về mỗi mình Koster. Trước kia Koster là bạn học, rồi chỉ huy đại đội của chúng tôi, sau đó làm phi công, có thời gian dài là sinh viên, rồi lái xe đua... cuối cùng cậu ta đã tậu được cái văn phòng nhỏ này. Đến làm với Koster trước tiên là Lenz, kẻ từng lang bạt vài năm bên Nam Mỹ... rồi thêm tôi.

Tôi rút từ túi áo một điều thuốc lá. Thật ra tôi có thể hoàn toàn hài lòng. Hoàn cảnh của tôi chẳng đến nỗi nào, tôi có việc làm, lại cường tráng, tôi không dễ gì trở nên mệt mỏi, tôi lành lặn - như người ta thường nói... nhưng dẫu sao đừng nghĩ ngợi thái quá về điều đó vẫn hơn. Đặc biệt đừng nghĩ ngợi vào lúc chỉ có một mình. Và buổi tối cũng đừng. Một cái gì đó của quá khứ đôi khi lại hiện lên và nhìn ta trần trối bằng cặp mắt của người chết. Nhưng ta đã có rượu mạnh.

Ngoài kia có tiếng kẹt cổng. Tôi xé tờ giấy có ghi những năm tháng đời mình, ném vào sọt giấy lộn. Cánh cửa bật mở. Gottfried Lenz đứng trong khung cửa, cao, gầy, với cái bờm tóc màu vàng rom và một cái mũi lể ra thích hợp với một người đàn ông hoàn toàn khác. “Robby”, cậu ta gầm lên, “quân sẵn mỗi già đời, đứng dậy và hãy lên gân lên cốt đi! Cấp trên của cậu muốn nói chuyện với cậu!”

“Chúa ơi!” Tôi đứng dậy. “Mình đã hy vọng rằng các cậu không nhớ tới kia đây. Hãy nương nhẹ thôi, các chú bé!”

“Điều đó xem ra hợp ý cậu!” Gottfried đặt lên bàn một cái gói, từ đó

tiếng lanh canh phát ra rõ mồn mồn. Koster bước vào sau Lenz. Lenz đứng chắn trước mặt tôi. “Robby, sáng nay cậu gặp cái gì trước tiên?”

Tôi ngẫm nghĩ. “Một mù già nghiêng ngả”.

“Đáng Moses thiêng liêng! Một điềm gở! Nhưng lại đúng với lá số tử vi của cậu. Mình vừa lập nó hôm qua. Cậu là một đứa trẻ cần được che chở, không vững vàng, dao động, một ngọn lau trước gió, với chòm Thổ tinh đáng ngờ và một Mộc tinh thương tật trong năm nay. Vì Otto và mình thay mặt cho cha mẹ cậu, vật đầu tiên mình trao cho cậu là một thứ để phòng thân. Hãy nhận lấy tấm bùa hộ mệnh này. Một kẻ hậu sinh của những người Inka<sup>[3]</sup> đã để lại nó cho mình. Mụ ta có dòng máu xanh, đôi bàn chân phẳng, chấy rận và biệt tài nhìn vào tương lai. ‘Hỡi người lạ da trắng, mụ ta bảo mình, các đức vua đã đeo nó, nó chứa sức mạnh của vàng dương, mặt trăng và trái đất, hoàn toàn chưa nói đến các hành tinh nhỏ hơn... hãy đưa ta một đồng đô-la bạc để ta mua rượu mạnh, và anh sẽ được nó’. Để sợi dây chuyền hạnh phúc này tiếp tục luân chuyển, mình trao nó cho cậu. Nó sẽ bảo vệ cậu, sẽ xua đuổi lão Mộc tinh lạnh lùng của cậu”.

Cậu ta đeo vào cổ tôi một bức tượng nhỏ xíu màu đen treo trên sợi dây chuyền mỏng mảnh.

“Thế! Để chống lại điều rủi giáng xuống từ trời... còn chống lại những bất hạnh hàng ngày thì đây: sáu chai rượu rum của Otto! Lâu năm gấp đôi số tuổi của cậu!”

Lenz mở cái gói và đặt từng chai một dưới ánh mặt trời buổi sớm. Chúng lóng lánh như hổ phách. “Trông tuyệt đẹp”, tôi nói, “cậu moi ở đâu ra thế, Otto?”

Koster cười. “Một câu chuyện rắc rối. Kể ra thì dài dòng lắm. Nhưng hãy nói thử cậu cảm thấy trong người ra sao? Như một kẻ tam tuần?”

Tôi phẩy tay. “Như mười sáu và đồng thời như ngũ tuần. Chẳng có gì đặc biệt cả”.

“Cậu bảo chẳng có gì đặc biệt sao?” Lenz đáp lại. “Tuổi tác không phải là thứ cao nhất có trên đời hay sao? Cậu đã chiến thắng thời gian một cách tự chủ và sẽ sống gấp đôi”.

Koster nhìn tôi, đoạn bảo: “Thôi mặc cậu ấy, Gottfried, những ngày sinh nhật thường đè nặng lên lòng tự tôn. Đặc biệt vào lúc sáng sớm. Cậu ấy sẽ tỉnh tâm lại ngay ấy mà”.

Lenz nheo mắt lại. “Lòng tự tôn của một con người càng ít đi bao nhiêu,

giá trị của anh ta càng nhiều lên bấy nhiêu, Robby ạ. Điều đó ít nhiều an ủi cậu chăng?”

“Không”, tôi đáp, “không một mảy may. Khi con người trở nên có giá trị một chút, anh ta chỉ còn là tượng đài của riêng anh ta mà thôi. Đối với mình, như thế thật mệt mỏi và buồn tẻ”.

“Cậu ấy triết lý, Otto ơi”. Lenz reo. “Cậu ấy đã thoát nạn. Cậu ấy đã vượt qua khoảnh khắc im lặng! Cái khoảnh khắc im lặng trong ngày sinh nhật, khi con người ta tự soi vào đồng tử của con người mình và phát hiện ra mình chỉ là một chú gà nhép nghèo hèn biết mấy. Bây giờ tại mình có thể thanh toán bắt tay vào công việc hàng ngày và tra dầu cho động cơ chiếc Cadillac cổ được rồi đây”...

Cả bọn chúng tôi làm việc cho tới lúc chạng vạng tôi, rồi rửa ráy và thay quần áo. Lenz thêm thường liếc nhìn dĩa chai. “Ta bẻ cổ một chai chứ?”. “Cái đó phải do Robby quyết định”. Koster nói. “Đi gạ gẫm kẻ được tặng quà một cách vụng về đến thế thật không đẹp chút nào. Gottfried ạ”. “Nhưng để những kẻ tặng quà chết khát còn không đẹp hơn nữa kia”. Lenz đáp và mở một chai.

Mùi thơm lập tức lan khắp xưởng.

“Đấng Moses thiêng liêng”. Gottfried xuýt xoa.

Cả ba thằng hít lấy hít để. “Tuyệt vời Otto ạ. Cần phải vươn tới nền thi ca cao siêu mới hòng tìm được những so sánh xứng đáng”.

“Quá uông nếu cậu đem uông trong cái căn xép tối tăm này!” Lenz quyết định. “Các cậu biết không, tại mình sẽ ra khỏi đây, sẽ ăn tối ở đâu đó và cấp chai rượu theo. Phải nốc cạn nó giữa thiên nhiên tự do của Chúa” - “Hết tầm!”

Ba thằng đẩy chiếc Cadillac vừa sửa sang ban chiều sang một bên. Phía sau nó là một vật kỳ dị đặt trên bốn bánh. Đó là chiếc xe đua của Otto Koster, niềm tự hào của xưởng.

Koster đã đổi chiếc xe, một cái thùng cũ cao thành, trong một cuộc bán đấu giá bằng một chiếc bánh mì bơ. Thời đó nhìn chiếc xe, các chuyên gia đều không chút do dự mệnh danh cho nó là một hiện vật thú vị cho bảo tàng giao thông. Nhà thời trang Bonvis, chủ một hãng may mặc tô phụ nữ và là kẻ ham thích đua xe, đã khuyên Otto biến nó thành một chiếc máy khâu. Nhưng Koster chẳng bận tâm đến điều đó. Cậu ta tháo rời chiếc xe như tháo một chiếc đồng hồ bỏ túi và hì hụi thâm đẽm với nó hàng tháng trời. Một tối

nọ, cậu ta xuất hiện cùng với chiếc xe trước tiệm rượu mà chúng tôi thường đến uống. Khi lại nhìn thấy chiếc xe, Bonvis suýt ngã lăn ra vì cười, nom nó vẫn tức cười như cũ. Để gây chuyện khôi hài, gã mời Otto một cuộc thách đấu. Gã muốn đưa ra hai trăm mác cược lấy hai mươi thôi, nếu Koster nhận đua với chiếc xe thể thao mới của gã... chặng đường dài mười kilômét, chấp xe của Otto một kilômét. Koster nhận lời thách đấu. Ai nấy đều cười và trông đợi một điều thú vị khổng lồ. Nhưng Otto còn làm tốn hơn nữa: cậu ta khước từ sự ưu tiên, và với nét mặt thanh thản, nâng giá đánh cược lên một ngàn mác chọi một ngàn mác. Bonvis luống cuống hỏi Otto liệu gã có cần phải đưa cậu ta tới trại điên hay không. Koster chỉ trả lời bằng cách cho xe mình khởi động. Cả hai lập tức phóng đi thực hiện cuộc đấu. Sau nửa giờ, Bonvis trở lại với vẻ mặt hoảng loạn như thể vừa trông thấy rắn biển. Gã lặng lẽ viết một tấm séc và thêm một tấm séc nữa. Giờ đây gã muốn mua lại chỗ chiếc xe. Nhưng Koster đã cười nhạo gã. Cậu ta sẽ không bao giờ đổi chiếc xe lấy đồng tiền trần gian nữa. Dầu cỗ máy bên trong của chiếc xe không chê vào đâu được... bề ngoài của nó trông vẫn xấu xí. Để sử dụng hàng ngày, chúng tôi thay cho nó một chiếc vỏ xe đặc biệt lỗi thời, vừa khớp với lớp sơn đã khá xỉn, chân bùn có những chỗ rách, và cái mui đã dùng đến cả chục năm. Lẽ ra chúng tôi có thể mông má tất cả... Nhưng chúng tôi có một lý do để không làm.

Chiếc xe tên là Karl, bóng ma trên đường nhựa.

Karl thở phì phò dọc theo đường nhựa.

“Otto”, tôi nói, “một nạn nhân đang dẫn xác đến kia”.

Sau lưng chúng tôi, một chiếc Buick nặng nề nôn nóng bóp còi. Nó đang nhanh chóng đuổi kịp. Những bộ tản nhiệt sắp sửa xích lại gần nhau. Gã đàn ông bên tay lái hờ hững trông sang. Ánh mắt gã lướt từ trên xuống chiếc Karl thô thiển. Rồi gã quay mặt đi và quên phắt chúng tôi.

Vài giây sau, hẳn gã đã xác định là Karl vẫn ở cùng một tốc độ với gã. Gã chỉnh lại tư thế ngồi chút ít cho thoải mái, nhìn chúng tôi một cách khoái trá và tăng ga. Nhưng Karl không nao núng. Như một con chó teriê bên cạnh một con chó dô, nó vẫn tiếp tục chạy, nhỏ bé, linh lợi, kèm sát cái đầu máy mạ kền và sơn sáng nhoáng. Gã đàn ông nắm chắc tay lái hơn. Gã hoàn toàn chẳng nghi ngờ gì và khinh bỉ bĩu môi. Có thể đoán giờ đây gã định bụng cho chúng tôi thấy hiệu suất cỗ xe trượt của gã. Gã nhấn chân ga mạnh tới mức ống xả rít lên như một cánh đồng đầy chim sơn ca trong mùa hạ. Thế nhưng chẳng ích gì; gã không vượt lên nổi. Như có phép phù thủy. Karl cứ dính chặt lấy gã, xấu xí và khiêm tốn. Gã đàn ông ngạc nhiên nhìn chòng

chọc xuống chúng tôi. Gã không hiểu nổi làm sao với tốc độ trên trăm cây số giờ mà cái hòm cô lỗ bên cạnh gã đây lại không long hết ra. Gã kinh ngạc nhìn vào đồng hồ tốc độ xe gã, làm như nó có thể chỉ sai. Rồi gã thả xe chạy hết tốc lực.

Giờ đây hai chiếc xe sánh vai nhau lao trên con đường nhựa thẳng, dài hun hút. Được vài trăm mét, xuất hiện một chiếc xe tải đi ngược chiều. Chiếc Buick đành lùi lại sau chúng tôi để tránh. Nó chưa kịp lên ngang với Karl thì một chiếc xe tang lướt đến với những tua kết vòng hoa bay bay, chiếc Buick buộc lòng lùi lại lần nữa. Sau đó là khoảng trống trước mặt.

Tới lúc này gã đàn ông bên tay lái đã mất hết vẻ ngạo nghễ; tức giận, môi mím chặt, gã khom mình về phía trước... máu đua xe đã bốc lên trong gã, và đột nhiên danh dự đòi gã buộc gã bằng bất cứ giá nào không được phép tỏ ra hèn kém trước con chó hay sủa nhặng lên đang kè kè bên gã đây. Ngược lại, chúng tôi tỏ vẻ dừng dưng ngồi yên chỗ của mình. Đối với chúng tôi, chiếc Buick như không hề tồn tại. Koester bình thản nhìn con đường, tôi uể oải dãi mắt vào không trung; còn Lenz, mặc dù hết sức căng thẳng, lôi một tờ báo ra và làm ra vẻ như đối với cậu ta ngay lúc này không có gì quan trọng hơn là đọc báo.

Ít phút sau Koster nháy mắt cho chúng tôi. Karl ngầm giảm tốc độ, và chiếc Buick từ từ vượt lên. Những chiếc chắn bùn rộng, bóng loáng của nó sạt qua xe chúng tôi. Ông xả ầm ầm nhả khói xanh vào mặt chúng tôi. Dần dần nó đã bỏ xa chúng tôi quãng hai chục mét... và ở cửa sổ xe đã lộ ra bộ mặt của kẻ sở hữu, gã nhe răng cười đắc thắng. Gã chắc hẳn đã được cuộc.

Nhưng gã còn có một hành vi nữa. Gã không thể nén một sự trả thù. Gã vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi cứ việc đuổi theo. Thậm chí gã vẫy một cách đặc biệt hồ hững năm chắc phần thắng. “Kìa Otto” Lenz nói giọng nhắc nhở.

Nhưng cậu ta chẳng cần phải nhắc. Trong cùng khoảnh khắc, Karl đã vọt lên. Chiếc máy nén khí huyết như tiếng sáo. Và đột nhiên cánh tay vẫy vẫy thò ở cửa xe biến mất... bởi vì Karl đã hưởng ứng sự mời mọc, nó tới. Nó tới thậm chí không gì kìm hãm nổi, lấy lại mọi khoảng cách... và bây giờ, lần đầu tiên chúng tôi để tâm đến chiếc xe lạ. Chúng tôi ngược nhìn gã đàn ông bên tay lái với vẻ dò hỏi trong trắng, như thể chúng tôi rất muốn biết vì có gì gã lại vẫy chúng tôi. Thế nhưng gã một mực ngoảnh mặt đi. Bây giờ Karl mới thả hết tốc lực vọt lên, một kẻ lôi thôi lếch thếch thắng trận với toàn thân lấm lem và những chiếc chắn bùn bay rập rờn.

“Cừ đấy, Otto”, Lenz bảo Koester, “tôi nay thẳng cha sẽ ăn mất ngon”.



Những cuộc săn đuổi như thế chính là lý do khiến chúng tôi không thay đổi vỏ ngoài của Karl. Chỉ cần Kart xuất hiện trên đường phố, lập tức có kẻ tìm cách bỏ xa nó. Đối với những chiếc xe khác, nó như một con chim gáy rã cánh trước một lũ mèo đói. Nó cảm dỗ những cỗ xe nhà hiền hòa nhất muốn vượt và ngay cả những kẻ rậm râu béo bệu nhất cũng không sao tránh khỏi bốc máu đua xe, một khi thấy cái gầm xe kêu rầm rầm của nó cứ nhảy loi choi trước mặt. Có ai ngờ nổi bên trong cái hình thù nực cười đó đang đập trái tim vĩ đại của một động cơ xe đua!

Lenz khẳng định rằng Karl có tác dụng giáo dục. Nó dạy thiên hạ biết kính trọng sự sáng tạo luôn ẩn mình trong một cái vỏ khiêm nhường. Đó là lời của Lenz, kẻ đã vỗ ngực khẳng định mình là con người lãng mạn cuối cùng.

Chúng tôi dừng bánh trước một quán ăn nhỏ và xuống xe. Chiều đẹp, yên tĩnh. Những luống cày trên các cánh đồng mới xới ánh lên màu tím tím. Còn những bờ ruộng phát sáng sắc nâu và óng vàng. Những đám mây tựa đàn cò lửa khổng lồ rải cánh trên bầu trời xanh màu trái táo, lấp ló sau chúng là lưới liềm mỏng manh của vàng trắng đang dần đầy. Một bụi hồ đào đại ôm hoàng hôn và nổi ngờ vực trong những cánh tay của mình, trơ trụi một cách cảm động, nhưng đã ngập tràn hy vọng chồi non. Từ quán ăn nhỏ bay ra mùi gan rán thơm phức, cả mùi hành phi nữa. Chúng tôi hít căng lồng ngực.

Mùi thơm kéo Lenz đắm bả vào quán. Cậu ta quay ra, nét mặt rạng rỡ “Các cậu phải tận mắt nhìn những lát khoai tây rán nhé! Nhanh lên, không họ hộc sạch món ngon nhất bây giờ!”

Đúng lúc đó có tiếng một chiếc xe nữa rì rì tiến lại. Cả bọn đứng như trời trồng. Đó là chiếc Buick. Nó đỗ xịch ngay cạnh Karl. “Ái chà!” Lenz nói. Chúng tôi luôn ầu ẩu vì những vụ tương tự.

Gã đàn ông xuống xe. Gã cao lớn, nặng nề, khoác một chiếc áo Raglan rộng bằng lông lạc đà nâu. Gã bực tức liếc nhìn Karl, tháo đôi găng tay to sụ màu vàng ra, và bước lại gần.

“Cũng là một mẫu xe hả? Xe của anh ấy?” Gã hỏi Koster lúc ấy đứng gần gã nhất, mặt nhăn nhó chẳng khác gì dưa chuột ngâm dấm.

Cả ba thằng lặng lẽ nhìn gã một lúc. Chắc gã cho chúng tôi là bọn thợ máy diện bộ đồ Chủ nhật đi chơi lậu một chuyến. “Ngài vừa nói gì đó phải không ạ?”, cuối cùng Otto ngờ vực hỏi, cốt dạy cho gã biết lẽ ra gã có thể lịch sự hơn.

Gã đàn ông đỏ mặt. “Tôi hỏi về cái xe này”. Gã không đổi giọng, cầu

nhà giải thích.

Lenz uốn thẳng người. Cái mũi to bự của cậu ta rung rung. Cậu ta hết sức đòi hỏi những người khác phải giữ phép lịch sự. Nhưng Lenz chưa kịp mở miệng thì bỗng nhiên, như bởi một bàn tay ma quỷ, cánh cửa thứ hai của chiếc Buick bật mở... một bàn chân nhỏ nhón thò ra, tiếp theo là cái đầu gối xinh xinh... rồi một cô gái bước xuống, từ tốn đi về phía chúng tôi.

Ba thằng kinh ngạc nhìn nhau. Trước đây chúng tôi không nhận thấy trong xe còn có người nữa. Lenz thay đổi ngay thái độ. Cả gương mặt tàn nhang của cậu ta mỉm cười. Chúng tôi cùng nhất loạt mỉm cười. Có trời biết tại sao.

Gã béo sừng sốt nhìn chúng tôi. Gã trở nên hoài nghi và hình như không còn biết nên làm gì trong tình huống này. “Binding”, cuối cùng gã nói, khề nghiêng mình, tuồng như gã có thể tin tưởng vào cái tên của gã.

Lúc này cô thiếu nữ đã đến sát chỗ chúng tôi. Chúng tôi hòa nhã hơn nữa. “Hãy giới thiệu chiếc xe đi, Otto” Lenz nói, mắt đưa nhanh sang Koster. “Sao lại không nhỉ”. Otto trả lời và đáp lại bằng cái nhìn láu lỉnh.

“Thực tình tôi rất muốn xem qua chiếc xe” Binding nói, giọng đã ôn hòa hơn. “Hắn nó chạy nhanh ghê gớm. Nó đã làm tôi hết cả hơi”.

Hai người đi sang bãi đỗ xe, và Koster nhắc nắp xe lên.

Thiếu nữ không đi cùng. Thanh mảnh và lạng lẽ, nàng đứng bên Lenz và tôi, trong cảnh hoang hôn. Tôi chắc mẩm Gottfried sẽ tận dụng cơ hội, sẽ bung ra như một trái bom. Cậu ta vốn thích hợp với những tình huống như thế này. Ấy vậy mà tuồng như cậu ta đã quên mất tiếng nói. Thông thường cậu ta có thể gọi mái như một chú gà lôi... thế mà giờ đây cứ đứng đực ra đó chẳng khác nào một vị linh mục thuộc giáo phái Carmel<sup>14</sup> vào giữa kỳ về thăm nhà.

“Mong cô thứ lỗi cho”, cuối cùng tôi lên tiếng “Chúng tôi không thấy cô ngồi trong xe. Nếu thấy chắc chắn chúng tôi chẳng làm bậy như vừa rồi”. Thiếu nữ nhìn tôi. “Nhưng sao lại không nhỉ?”, nàng bình thản đáp, giọng trầm một cách đáng ngạc nhiên. “Điều đó đâu đến nỗi tồi tệ gì”.

“Không tồi tệ, nhưng cũng không hoàn toàn đứng đắn. Xe của chúng tôi chạy quãng hai trăm kilômét một giờ”.

Nàng hơi khom mình về phía trước, tay thọc vào túi áo măng tô. “Hai trăm kilômét kia à?”

“Chính xác là 189,2 kilômét, số ghi chính thức đây”. Lenz kiêu hãnh

giảng giải tức khắc chẳng khác gì súng liên thanh.

Nàng cười. “Thế mà chúng tôi tưởng chỉ khoảng sáu bảy chục”.

“Cô thấy đấy...” tôi nói, “đầu sao cô cũng không thể biết được”.

“Vâng”. Nàng đáp, “Quả thật chúng tôi không thể biết. Chúng tôi cứ ngỡ chiếc Buick phải chạy nhanh gấp đôi xe của các anh”.

“Vâng...” tôi lấy mũi chân đá một cành cây gãy sang bên “nhưng chúng tôi có một lợi thế quá lớn. Và ông Binding bên ấy hẳn cũng khá tức giận về chúng tôi”.

Nàng cười. “Chắc thế, trong một khoảnh khắc nào đó. Nhưng con người ta cũng phải biết thua; nếu không làm sao sống nổi”.

“Hẳn rồi...”

Một quãng ngừng. Tôi đưa mắt cho Lenz. Nhưng con người lẳng mạn cuối cùng ấy chỉ nhếch miệng cười, phập phồng cánh mũi và bỏ mặc tôi. Những cây bạch dương xào xạc. Một con gà mái quang quác sau nhà.

“Thời tiết kỳ diệu”, cuối cùng tôi nói nhằm phá vỡ sự im lặng.

“Vâng, đẹp tuyệt”, thiếu nữ đáp.

“Và đến là ôn hòa”, Lenz thêm.

“Thậm chí ôn hòa khác thường”, tôi bổ sung.

Lại một quãng ngừng mới. Cô thiếu nữ hẳn phải xem chúng tôi là những cái đầu cừu khá ngu ngốc. Nhưng mặc dù muốn lắm, tôi cũng không moi nổi một ý nào nữa. Lenz hềnh mũi hít quanh. “Táo hầm” cậu ta nói đầy cảm xúc, “hình như người ta cho cả táo hầm vào món gan. Một món ăn ngon lành”.

“Đương nhiên rồi”, tôi hưởng ứng và nguyên rửa hai thằng bạn tôi.

Koster và Binding quay trở lại. Sau có ít phút mà Binding đã trở thành một người khác hẳn. Ông ta có cái vẻ hoàn toàn mãn nguyện của những kẻ say mê ô-tô khi vớ được ở đâu đó một tay sành sỏi để có thể cùng trò chuyện.

“Chúng ta cùng ăn với nhau chứ?” ông ta mời “Lẽ dĩ nhiên”, Lenz đáp. Chúng tôi vào quán. Bước qua cửa, Gottfried nháy mắt với tôi và hát hàm về phía

— Này cậu, cô nàng mười lần ăn đứt mụ già nghiêng ngả ban sáng...”

Tôi nhún vai “Có thể... nhưng tại sao cậu lại bỏ mặc mình áp a áp ứng như vậy?”

Cậu ta cười “Cũng phải học cái ấy lấy một lần, bé yêu ơi!”

“Nhưng mình chẳng còn hứng học hiếc gì sất”, tôi nói.

Chúng tôi theo chân những người kia. Họ đã ngồi vào bàn. Bà chủ quán vừa vặn bụng ra món gan và khoai tây rán. Bà ta còn đưa ra một chai lớn rượu mạnh cất từ lúa mì để khai vị.

Binding tỏ ra là một nhà diễn thuyết, lời lẽ luôn như thác nước. Kiến thức của ông ta về động cơ ô-tô phong phú tới mức đáng kinh ngạc. Khi nghe Otto đã từng lái cả xe đua nữa thì mối thiện cảm của ông ta đối với Otto hầu như không còn biết tới giới hạn.

Tôi ngắm ông ta kỹ hơn. Đó là một người đàn ông cao lớn, nặng nề với cặp lông mày rậm trên một gương mặt đỏ đẫm, ít nhiều khoe khoang, ít nhiều ồn ào, và hình như tốt bụng, giống như hết thảy những ai thành đạt trong cuộc sống. Tôi có thể hình dung tới tới trước khi đi ngủ ông ta vẫn tự ngắm mình trong gương một cách nghiêm nghị, đầy phẩm giá và trịnh trọng.

Thiếu nữ ngồi giữa Lenz và tôi. Nàng đã cởi bỏ áo măng-tô, bên trong là một bộ trang phục Anh màu xám. Cổ nàng thắt một chiếc khăn trắng trông như cà vạt của kỹ sĩ. Tóc nàng màu nâu, óng như tơ, lấp lánh màu hổ phách dưới ánh đèn. Vai nàng rất phẳng, nhưng hơi nhô ra phía trước, đôi bàn tay nhỏ nhắn, ngón quá dài, và có vẻ hơi xương xương hơn là mềm mại. Gương mặt nàng nhỏ, xanh xao, nhưng cặp mắt to đã cho nó một sức mạnh gần như nồng nhiệt. Theo tôi thì nàng rất xinh... nhưng ngoài điều đó ra tôi không nghĩ gì hơn.

Ngược lại giờ đây Lenz hết sức hứng khởi. Cậu ta đã biến đổi hoàn toàn so với khi nãy. Chòm tóc vàng của cậu ta sáng lóa như mào một con chim đầu riu. Trong đầu cậu ta, những ý nghĩ thi nhau nảy ra như hào hoa và cậu ta cùng với Binding chế ngự cả bàn. Tôi lép vế ngồi đây và chỉ có thể gây được rất ít sự chú ý, nhiều lắm là một lần đưa liễn súp hay mời thuốc lá. Và chạm cốc với Binding nữa. Chạm cốc khá thường xuyên.

Bỗng nhiên Lenz vỗ tay lên trán: “Chai rum! Robby, ra lấy chai rum sinh nhật của chúng ta vào đây!”

“Sinh nhật à? Một người nào trong các anh có sinh nhật chẳng?”, cô gái hỏi.

“Tôi”, tôi nói, “vì nó tôi đã bị họ đeo đẳng suốt ngày hôm nay”.

“Đeo đẳng ư? Vậy có nghĩa anh không muốn người ta chúc mừng anh chứ gì?”

“Có chú”, tôi nói, “chúc mừng lại là một chuyện khác”.

“Vậy xin chúc anh mọi điều tốt đẹp!”

Trong một khoảnh khắc tôi nắm bàn tay nàng trong bàn tay tôi và cảm thấy cái xiết tay khô ấm của nàng. Đoạn tôi đi ra ngoài lấy chai rum.

Đêm mênh mông và cảm lặng trùm lên căn nhà nhỏ. Những chiếc ghế da trong xe chúng tôi âm sương. Tôi đứng lại nhìn về phía chân trời, nơi ánh sáng đỏ của thành phố hắt lên. Lẽ ra tôi còn muốn nấn ná ở ngoài này thêm nữa, nhưng đã nghe tiếng Lenz gọi.

Binding không chịu được rum. Chỉ sau cốc thứ hai là thấy ngay, ông ta lão đảo bước ra vườn. Tôi đứng dậy, cùng Lenz lại bên quầy rượu. Cậu ta gọi một chai gin. “Một cô gái tuyệt vời, hả?” cậu ta nói.

“Mình không biết, Gottfried, ạ”, tôi đáp “Mình chẳng chú ý đến điều đó lắm”.

Lenz ngắm tôi một lát với cặp mắt xanh lấp lánh sắc cầu vồng của cậu ta, đoạn lắc cái đầu vàng rực. “Nói xem, bé yêu, thật ra cậu sống để làm gì hở?”

“Mình cũng đã tự hỏi từ lâu”.

Cậu ta cười “Khôn thế! Nhưng không phải với ai cũng dễ dàng vậy đâu. Còn bây giờ trước hết mình phải moi thử xem cô gái có quan hệ thế nào với cái cuốn cataloge ô-tô dày cộp ngoài kia”.

Cậu ta theo Binding ra vườn. Sau ít phút, hai người cùng trở lại quầy rượu. Tin tức hẳn phải tốt đẹp; bởi Gottfried, người giờ đây hình như biết mình không bị ngáng đường, đang sôi nổi bám riết lấy Binding trong niềm hân hoan rạng rỡ. Hai người lấy chai gin và một giờ sau đã cậu cậu tứ tứ với nhau, khi vui vẻ, Lenz luôn có một cái gì đó lôi cuốn khiến người khác khó lòng cưỡng lại. Bản thân cậu ta cũng không cưỡng nổi mình. Giờ đây cậu ta đang nhún chìm Binding trong rượu và liền đó cả hai đã cùng nghêu ngao những bài hát lính tráng ở ngoài vườn. Con người lãng mạn cuối cùng đã quên phắt cô gái.

Còn lại ba chúng tôi trong quán ăn. Không khí đột nhiên hết sức yên ắng. Chiếc đồng hồ bằng gỗ mun kêu tích tắc. Bà chủ quán thu dọn bát đĩa và nhìn xuống chúng tôi với ánh mắt của người mẹ, một con chó săn màu nâu nằm duỗi mình bên lò sưởi. Thỉnh thoảng nó lại sủa trong giấc ngủ, khe khẽ, ăng ăng và rền rĩ. Bên ngoài gió lướt qua cửa sổ. Tiếng gió bị át bởi cái thứ bài hát lính giẻ rách, và tôi có cảm giác căn buồng nhỏ dường như tự nâng bổng lên, cùng với chúng tôi bay lững lờ xuyên màn đêm, xuyên năm tháng,

lướt qua bao kỷ niệm.

Một trạng thái kỳ lạ. Thời gian như đã mất hiệu lực... nó không còn là một dòng sông bắt nguồn từ tăm tối và tìm về tăm tối... nó là một cái hồ trong đó cuộc sống lặng lẽ soi bóng. Tôi nắm trong tay ly rượu của mình. Rượu rum sáng lấp lánh. Tôi nghĩ đến mảnh giấy mình đã viết ban sáng ở xưởng. Tôi đã buồn ít nhiều. Giờ đây tôi không còn buồn nữa. Tất cả thế nào cũng được miễn người ta còn sống. Tôi nhìn Koster. Tôi nghe cậu ta trò chuyện với cô gái nhưng tôi không để ý họ nói gì. Tôi cảm thấy vẻ rục rĩ êm dịu của tình trạng chóng say, nó sủi âm dòng máu, và tôi yêu nó bởi thông qua sự mơ mơ mang màng nó cho ta sắc thái phiêu lưu. Ngoài kia Lenz và Binding đang gào bài ca về rừng Argonner. Còn bên cạnh tôi, cô gái không quen biết đang nói, nàng nói khẽ và từ tốn, với cái giọng trầm đục, gợi cảm và hơi khàn khàn ấy. Tôi uống cạn cốc rượu của mình. Hai người kia lại quay vào. Không khí trong lành đã khiến họ tỉnh táo hơn.

Chúng tôi đứng dậy. Tôi giúp cô gái mặc áo măng-tô. Nàng đứng sát trước tôi, vươn vai một cách mềm mại, đầu hơi ngả về phía sau miệng hé mở, nhìn trần nở một nụ cười băng quơ. Tôi buông thõng chiếc măng-tô trong một khoảnh khắc. Mắt tôi để đâu suốt thời gian vừa rồi? Tôi đã ngủ chãng? Tôi bỗng hiểu nỗi phẫn khích của Lenz.

Nàng quay người về dò hỏi. Tôi giương vọi chiếc măng-tô lên và ngó sang Binding. Mặt đỏ như trái anh đào, vẫn ít nhiều đờ đẫn, ông ta đứng cạnh bàn “Cô cho rằng ông ta vẫn lái xe được chãng?”, tôi hỏi.

“Tôi tin thế”...

Tôi vẫn không thôi nhìn nàng “Nếu ông ta không đủ tỉnh táo, một người trong chúng tôi có thể đi cùng xe cô”.

Nàng lôi hộp phấn của mình ra và mở nắp. “Sẽ đâu vào đấy cả thôi”, nàng nói, “khi say, ông ấy lái tốt hơn nhiều”.

“Tốt hơn và có lẽ cũng ầu hơn”, tôi đáp.

Nàng nhìn tôi qua mép chiếc gương nhỏ của nàng.

“Hy vọng rằng sẽ ổn”, tôi nói, có hơi cường điệu một chút vì Binding đứng khá vững trên đôi chân của mình. Nhưng tôi muốn làm một cái gì đó. Cốt sao nàng đừng bỏ đi.

“Cô cho phép tôi sáng mai gọi điện tới nhà cô hỏi thăm chuyến đi ra sao chứ?” tôi hỏi.

Nàng không trả lời ngay. “Với trò nhậu nhẹt của mình, dẫu sao chúng tôi

cũng có trách nhiệm phần nào”, tôi tiếp. “Nhất là tôi, với chai rum sinh nhật của mình”.

Nàng cười. “Vâng được ạ, nếu anh muốn. Phía Tây 2796”.

Ra khỏi quán tôi ghi lại ngay số điện. Chúng tôi nhìn xe Binding lăn bánh, rồi cạn thêm ly cuối cùng. Sau đó chúng tôi cho Karl rú máy. Nó lướt qua đám sương mù tháng Ba mỏng manh, chúng tôi thở gấp, thành phố xích lại gần trước mắt chúng tôi, đồ rực và đung đưa trong sương mù; và từ làn hơi nước, tiệm rượu của Freddi như một con tàu sặc sỡ được chiếu sáng nhô lên. Chúng tôi cùng Karl đến trước mỏ neo. Rượu cognac rót ra vàng óng, rượu gin lóng lánh như ngọc xanh màu nước biển và rượu rum chính là cuộc đời. Chúng tôi ngồi lì lợm trên những chiếc ghế kê trong tiệm, âm nhạc ướm át, sự tồn tại thật sáng sủa và mạnh mẽ; rượu chảy ào qua lồng ngực chúng tôi, chúng tôi quên đi nỗi phiền muộn trong những gian buồng cho thuê trống trải, quên đi nỗi tuyệt vọng của sự hiện tồn, quây rượu trong tiệm là buồng chỉ huy con tàu, và chúng tôi ồn ào lướt sóng vào tương lai.

# CHƯƠNG 2

Hôm sau là Chủ nhật. Tôi đánh một giấc dài và chỉ thức giấc khi ánh mặt trời rọi vào giường tôi. Tôi nhảy vội dậy, mở tung cửa sổ. Bên ngoài, không khí tươi mát và trong trẻo. Tôi đặt chiếc bếp còn lên bậu cửa sổ rồi tìm hộp đựng cà phê. Chủ nhà của tôi, bà Zalewski, đã cho phép tôi tự đun cà phê của mình trong phòng. Cà phê của bà quá loãng. Đặc biệt loãng đối với những kẻ tối hôm trước vừa nốc rượu.

Tôi sống ở nhà trọ của Zalewski đã hai năm nay. Tôi thích khu vực này. Nơi đây luôn luôn diễn ra một cái gì đó, vì nhà công đoàn, tiệm cà phê Quốc Tế và trụ sở hội họp của Đội quân cứu tế<sup>[5]</sup> nằm sát bên nhau. Ngoài ra phía trước nhà trọ còn có một nghĩa trang cỏ đã ngừng hoạt động từ lâu. Cây cối mọc trong đó chẳng khác gì trong công viên, và khi đêm về yên tĩnh, ta có thể ngỡ mình như đang sống ở thôn quê. Nhưng phải khá khuya mới có được sự yên tĩnh ấy. Bởi bên cạnh nghĩa trang là một quảng trường chợ với nào đu quay, đu thuyền.

Với bà Zalewski thì nghĩa trang này là một nguồn lợi chắc chắn. Bà dẫn ra không khí trong lành và tầm nhìn thoáng đạt để đòi những giá thuê nhà cao hơn. Câu nói cửa miệng của bà trong những lần quảng cáo là: “Nhưng thưa các quý vị, quý vị thử ngẫm mà xem... địa thế mới tuyệt chứ!”

Tôi hết sức thông thả mặc quần áo để tạo cho mình cảm giác đang là ngày Chủ nhật. Tôi rửa mặt mũi, tôi dạo quanh trong phòng, tôi đọc báo, tôi khuấy tách cà phê, tôi đứng bên cửa sổ và nhìn xem đường phố trở nên náo nhiệt ra sao, tôi nghe những chú chim hót trên những tán cây cao trong nghĩa trang... chúng hót như những ống sáo nhỏ bằng bạc của Chúa long lanh hòa với tiếng làu nhàu ngọt ngào, khe khẽ phát ra từ những chiếc đàn quay tay ở quảng trường chợ... tôi lựa chọn giữa một vài chiếc sơ-mi và những đôi bít tất của mình, tuồng như tôi giàu quần áo hơn thế gấp hai chục lần, và vừa huýt sáo tôi vừa dốc túi của mình ra: vài đồng tiền lẻ, một con dao, chìa khóa, mấy điều thuốc lá... và đây, mảnh giấy ngày hôm qua có ghi tên cô gái và số điện thoại của nàng. Patrice Hollmann. Một cái tên kỳ quặc... Patrice. Tôi đặt mảnh giấy lên mặt bàn. Có thật mới chỉ hôm qua thôi không? Nó đã lại lùì xa biết mấy... gần như đã bị quên đi trong đám hơi men màu xám ngọc của rượu... Thật tuyệt diệu là khi rượu chè... nó khiến ta mau chóng sụp đổ... nhưng từ đêm tới sáng, nó cũng lại tạo ra những khoảng trống, dường như đã trôi qua có đến hàng năm.



Tôi nhét mảnh giấy dưới một chồng sách, gọi điện chẳng? Có lẽ nên... cũng có lẽ không nên. Ban ngày ta nhìn những sự việc đại loại luôn khác với buổi tối. Thật ra tôi hoàn toàn hài lòng vì có được sự yên tĩnh của mình. Những năm vừa qua âm ỉ như thế là đủ có điều chớ để một chút gì đến với ta, Koster nói. Cái gì ta đã để đến với ta rồi, ta cứ muốn giữ lấy. Mà giữ thì ta lại không thể...

Đúng vào lúc này bắt đầu nổ ra trận cãi vã sáng Chủ nhật thường kỳ ở buồng bên cạnh. Tôi tìm chiếc mũ mà hẳn tôi đã bỏ lại đâu đó tối hôm qua, và lắng tai nghe một lát. Đó là cặp vợ chồng Hasse đang nổi khùng lên với nhau, cả hai sống ở đây đã năm năm, trong một căn buồng nhỏ. Họ không phải là những người xấu. Giá như họ có được một căn hộ ba buồng, với một gian bếp cho người vợ, và ngoài ra thêm một mụn con nữa, thì cuộc hôn nhân của họ có lẽ vẫn giữ được yên ấm. Thế nhưng một căn hộ đòi hỏi nhiều tiền, và ai là kẻ dám sinh con vào giữa thời buổi bấp bênh này! Thế là họ đành cứ sống chật chội, bà vợ sinh thói khỏe cái gắt, còn ông chồng ngay ngáy lo mất cái cương vị nhỏ nhoi của mình. Khi ấy ông sẽ đi đút. Ông đã bốn mươi lăm tuổi. Sẽ không ai thèm nhận ông vào làm nữa, hồi ông đã một lần mất việc. Đó là nỗi cay cực... trước kia người ta suy sụp từ từ, và bao giờ cũng vẫn còn những cơ hội để ngoi lên... nhưng ngày nay, liền sau mỗi sự thải hồi là cái vực thẳm thất nghiệp vĩnh viễn.

Tôi toan lẳng lặng bỏ ra ngoài thì nghe tiếng gõ cửa, và Hasse thất thủ bước vào. Ông ngồi phịch xuống một chiếc ghế: “Tôi không chịu nổi nữa...” Thật ra ông là một người đàn ông nhỏ nhẹ với đôi vai trĩu và chút ria mép. Một viên chức khiêm tốn, tận tụy. Nhưng giờ đây chính những người như thế lại khôn đôn nhất. Mà có lẽ vào thời nào họ cũng là những kẻ lặn độn nhất. Đức khiêm tốn và tận tụy chỉ được trả ơn trong tiểu thuyết mà thôi. Trong cuộc sống, chúng bị lợi dụng để rồi sau đó bị gạt sang bên. Hasse giơ tay lên trời: “Anh nghĩ xem lại có thêm hai người nữa bị thải hồi ở công sở. Người tiếp theo là tôi, anh chú ý cho, là tôi!” Ông sống trong nỗi sợ hãi kể từ khi kẻ đầu tiên bị thải hồi. Tôi rót cho ông một ly rượu mạnh. Ông run rẩy toàn thân. Có thể thấy rõ một ngày kia ông sẽ hoàn toàn suy sụp. Ông không còn mấy sức lực để mà chống chọi: “Đã thế, bao giờ cũng phải nghe những lời chì chiết ấy”, ông thì thào.

Hình như bà vợ kết tội ông về hiện trạng của bà. Bà bốn mươi hai tuổi, đã hơi sò sè và tàn tạ, nhưng cố nhiên không đến nỗi kiệt quệ như ông chồng. Bà đang ở giai đoạn hồi xuân.

Can thiệp vào chuyện của họ chẳng ích lợi gì. “Thế này nhé, bác Hasse”,

tôi nói “bác cứ việc ngồi đây bao lâu tùy thích. Tôi có việc phải đi. Rượu cognac ở trong tủ áo ấy, nếu bác thích uống thứ ấy hơn. Còn đây là rượu rum. Có cả báo đây. Đến chiều bác hãy thử rủ bác gái ra khỏi nhà này lấy một lần xem sao. Đến rập chiếu bóng chẳng hạn. Tốn kém cũng ngang như ngồi hai giờ trong tiệm cà phê, mà lại bỏ ích hơn hẳn. Khẩu lệnh hôm nay là: ‘Quên đi, chớ có suy nghĩ!’.” Tôi vỗ vai ông với ít nhiều áy náy trong lương tâm. Dầu rằng rập chiếu bóng bao giờ cũng tốt. Ở đó ai cũng có thể mơ mộng chút đỉnh.

Cửa phòng bên mở toang. Bà vợ khóc nức nở khiến ở ngoài cũng nghe rõ. Tôi đi dọc hành lang. Có ai nép mình phía sau cánh cửa buồng tiếp theo. Người đó đang nghe ngóng. Mùi nước hoa thoang thoảng bay ra. Đó là buồng của Erna Bonig, nữ thư ký tư. Quá ăn diện so với đồng lương của cô ta. Nhưng mỗi tuần sếp của cô ta lại một lần bắt cô ta ghi chép thâu đêm suốt sáng. Và thế là ngày hôm sau cô ta hết sức cau có. Để bù lại, tối nào cô ta cũng đi nhảy. Erna tuyên bố lúc cô ta không thể nhảy được nữa cũng sẽ là lúc cô ta hết thiết sống. Cô ta có hai nhân tình. Anh này yêu và tặng hoa cô ta. Chàng kia được cô ta yêu và cho tiền.

Bên cạnh cô ta: đội trưởng đội kỵ mã, bá tước Orlov, người Nga lưu vong, vũ công, bồi bàn, dĩ đực với hai bên tóc mai đã ngã hoa râm, một tay chơi ghita tuyệt vời, tối tối cầu xin Đức Mẹ Kasan ban cho chân điều hành tiếp tân trong một khách sạn cỡ vừa. Hễ say rượu là mau nước mắt. Phòng bên cạnh: bà Bender, hộ lý trong một cư xá dành cho trẻ sơ sinh. Bà đã năm mươi tuổi. Chồng nằm lại trong chiến tranh. Hai con chết năm 1918 vì suy dinh dưỡng. Bà có một con mèo tam thể. Nó là tài sản duy nhất của bà. Bên cạnh nữa... lão Muller, cố vấn kế toán đã nghỉ hưu, theo dõi sổ sách cho một hội chơi tem. Một bộ sưu tập tem sống, ngoài ra chẳng là gì cả. Con người sung sướng.

Tôi gõ cánh cửa tiếp theo. “Thế nào Georgie”, tôi nói “vẫn chưa có tin gì sao”?

Georgie Block lắc đầu. Chú là sinh viên năm thứ ba. Để theo học được ba năm đó chú đã phải làm việc hai năm ở mỏ. Giờ đây số tiền dành dụm ấy sắp cạn, chỉ đủ nuôi chú thêm hai tháng. Chú chẳng thể quay lại mỏ... Ở đó lúc này thiếu gì thợ không việc làm. Chú xoay xở mọi cách kiếm kế sinh nhai. Chú chạy chân phân phát quảng cáo cho một hãng sản xuất bơ thảo mộc vừa được một tuần thì hãng này bị vỡ nợ. Sau đó ít lâu, xin được việc đi giao báo, chú đã thử phào. Ba ngày sau, lúc tờ mờ sáng chú bị hai tên đội mũ kết chặn đường, giật xấp báo của chú, xé tan và cảnh cáo đừng để chúng phải

trông thấy chú lần thứ hai trong cái nghề không mảy may liên quan gì tới chú này. Bản thân bọn chúng cũng khối thành mất việc rồi. Tuy nhiên sáng hôm sau chú vẫn đi, dầu đã phải đền tiền số báo bị xé. Một tên nào đó tông xe đạp hất chú té nhào, xấp báo bay xuống bùn. Chú lại phải đền thêm hai mác nữa. Chú đi lần thứ ba và trở về với quần áo rách bươm, mặt mũi bầm dập. Chú đành bỏ việc. Giờ đây ngày nào chú cũng ngồi lý trong phòng, tuyệt vọng, và chúi đầu như điên, tuồng như việc học hành còn giúp ích gì cho chú. Mỗi ngày chú chỉ ăn một bữa. Trong khi chú có theo hay không theo học các năm sau cũng thế cả thôi... Ngay giả thử chú có cầm bằng trong tay, thì sớm nhất cũng phải chục năm sau chú mới hòng kiếm nổi một chỗ làm. Tôi đẩy bao thuốc về phía chú: “Thầy kệ việc học hành đấy. Georgie. Tôi đây cũng đã từng học. Sau này lúc nào chú bắt đầu lại chẳng được”.

Chú lắc đầu “Trước kia, hồi ở mỏ về, tôi đã thấm thía rồi. Chỉ cần buồng sách vở một ngày là sẽ quên hết, và tôi không đủ sức làm lại lần thứ hai đâu”.

Gương mặt xanh xao với đôi tai vênh và cặp mắt cận thị, thân hình gầy đét với bộ ngực lép kẹp... Khốn nạn thân chú! “Vậy hãy gắng lên, Georgie” Chú cũng chẳng còn đâu cha mẹ.

Nhà bếp. Một cái đầu lợn lòi nhồi. Vật tưởng niệm ông Zalewski đã quá cổ. Chiếc máy điện thoại, cảnh tranh tối tranh sáng. Nồng nặc mùi hơi ga và mồ hôi. Cánh cửa hành lang với nhiều danh thiếp dán bên cạnh nút chuông.

Trong đó có cả danh thiếp của tôi. “Robert Lohkamp, sinh viên triết, hai hồi chuông dài”. Nó đã vàng ố. Sinh viên triết. Không nghi ngờ gì nữa! Qua từ lâu rồi. Tôi theo cầu thang xuống nhà, đến tiệm cà phê Quốc Tế.

Tiệm Quốc Tế là một cái ống lớn, tối tăm, mù mịt khói với nhiều phòng hậu. Phía trong, cạnh quầy, là chiếc đàn dương cầm. Nó đã lạc điệu, vài dây bị đứt, và dây phiếm bằng ngà voi cũng long mất một số; nhưng tôi yêu con ngựa bạch can đảm dai sức ấy. Nó đã cùng tôi chia sẻ năm tháng cuộc đời tôi hồi tôi được nhận vào chơi dương cầm trong tiệm.

Những tay lái gia súc tụ tập với nhau trong những phòng hậu của tiệm cà phê, đôi khi cả những anh hàng chợ nữa. Các ả điếm ngồi phòng ngoài. Tiệm vắng tanh. Chỉ có anh bồi chân bệt Alois đứng sau quầy rượu. “Như mọi lần?”, gã hỏi.

Tôi gật đầu. Gã mang lại cho tôi một ly vang pha rum. Tôi ngồi xuống bàn, thần thờ nhìn phía trước. Một tia mặt trời xám lạnh chiếu chéo qua cửa

sổ, dừng lại trên những chai rượu mạnh xếp trên giá. Chai rượu anh đào đỏ rực như một viên hồng ngọc.

Alois súc sạch các ly. Con mèo của chủ tiệm nằm gù gù trên nắp dương cầm. Tôi thông thả rít thuốc lá.

Không khí khiến tôi buồn ngủ. Cô gái hôm qua có giọng nói đến lạ. Trầm, hơi đục, gằn như khăn khăn, nhưng vẫn êm ái “Cho mượn vài tờ tạp chí đây. Alois” tôi nói.

Có tiếng kẹt cửa, Rosa bước vào. Rosa, ả điểm nghĩa trang, được mệnh danh là “con ngựa sắt”. ả mang cái tên đó bởi ả rất dai sức. ả định uống một tách sô-cô-la. Sáng Chủ nhật nào ả cũng tự đãi mình một tách tại đây để rồi còn đi Burgdorf thăm con ả.

“Chào anh, Robert”.

“Chào cô, Rosa. Con nhóc nhà cô sao rồi?”

“Em đi thăm cháu bây giờ đây. Nhìn này... em mang theo cho cháu đây”.

Ả lôi trong hộp ra một con búp bê hai má đỏ chót và ghì nó vào bụng “Mẹ... mẹ, con búp bê kêu”. Mặt Rosa sáng rỡ lên.

“Tuyệt vời!”, tôi nói.

“Chú ý nhé!” Ả ngả con búp bê về phía sau. Nó đóng sập hàng mi lại.

“Hết tầm đây, cô Rosa!”

Ả lấy làm thỏa mãn và cất con búp bê đi.

“Anh biết thông cảm phần nào với những chuyện như thế này, Robert ạ. Anh sẽ là một người chồng tốt”.

“Chà chà”, tôi ngờ vực nói.

Rosa rất quyến luyến con ả. Ba tháng trở về trước, khi con bé chưa biết đi, ả giữ nó ở bên mình, trong phòng ả. vẫn ổn, mặc dù cái nghề của ả, bởi cạnh đó có một gian xép nhỏ.

Tối tối dẫn khách chơi về, ả thường viện một cứ gì đó buộc khách chờ một lát ở ngoài rồi hồi hả vào nhà, đẩy chiếc xe nô sang căn phòng xép, khóa cửa thông giữa hai phòng, rồi mới mời khách vào. Nhưng tiết tháng Chạp mà con bé phải rời căn phòng ấm sang gian xép giá lạnh quá thường xuyên, thành thử nó bị cảm lạnh và hay gào toáng lên ngay giữa lúc ả đang hành nghề. Rosa buộc lòng sống xa con gái, dù rất đau lòng. ả gửi con vào

một trại trẻ dốt tiền. Tại đó ả được xem như một quả phụ đoan chính. Nếu không thể chắc gì người ta đã nhận con ả.

Rosa đứng dậy. “Thứ Sáu anh đến chứ?”

Tôi gật đầu.

Ả nhìn tôi. “Anh hẳn biết có chuyện gì?”

“Tất nhiên”.

Tôi hoàn toàn chẳng biết có chuyện gì, nhưng tôi cũng chẳng thiết hỏi thử. Tôi đã quen nét như vậy trong cái năm chơi dương cầm ở tiệm này. Cứ thế hóa ra lại thoải mái nhất. Cũng như tôi anh anh em em với tất cả các ả điếm. Không thể khác được.

“Tạm biệt, anh Robert”.

“Tạm biệt, Rosa”.

Tôi còn nán ngồi thêm lát nữa. Nhưng tôi không có được sự thư thái mơ màng đích thực như trong những ngày tôi coi tiệm Quốc Tế là một dạng tổ ấm Chủ nhật của mình. Tôi uống thêm một ly rum, vuốt ve con mèo, rồi bỏ đi.

Suốt ngày tôi lang thang đây đó. Tôi không biết mình nên làm gì và cũng chẳng dừng ở bất cứ đâu được lâu. Xế chiều, tôi về xưởng. Tôi gặp Koster: cậu ta đang sửa chiếc Cadillac. Trước đây ít lâu chúng tôi đã mua chiếc xe cũ kỹ ấy với một giá rẻ mạt. Giờ đây chúng tôi vừa tân trang lại nó một cách kỹ lưỡng, và Koster đang tô điểm hoàn chỉnh nó. Đây là một món hời. Chúng tôi sẽ hy vọng trúng to. Tôi ngại rằng khó lòng bán nổi chiếc xe. Vào thời buổi khó khăn này ai ai cũng muốn tậu những chiếc xe nhỏ, chứ đâu ham một chiếc xe buýt keng càng như nó. “Bọn mình rồi kẹt với nó thôi, Otto ạ”, tôi nói.

Thế nhưng Koster vẫn tin tưởng. “Người ta chỉ kẹt với những chiếc xe giá phải chăng thôi, Robby ơi”, cậu ta giải thích. “Những chiếc rẻ hoặc cực dốt lại bán rất chạy. Thời nào cũng vẫn còn có những kẻ sẵn tiền, hoặc ra về ta đây sẵn tiền”.

“Gottfried đâu nhỉ?”, tôi hỏi.

“Chắc lại hội họp chính trị gì đây”.

“Điên rồ! Cậu ta muốn gì ở đó?”

Koster cười. “Bản thân cậu ta cũng không biết. Hình như mùa xuân khiến cậu ta ngứa ngáy tay chân. Lúc nào cậu ta chẳng muốn tìm kiếm một

cái gì đó mới mẻ”.

“Có thể”, tôi nói. “Nào, mình giúp cậu một tay”. Hai đứa chúng tôi hi hục đến xâm tới. “Nghỉ thôi” Koster bảo. Chúng tôi rửa ráy. “Cậu biết mình có gì trong này không?”, cậu ta hỏi, tay vỗ ví.

“Gì thế?”

“Vé xem đấu bốc tôi nay. Một đôi. Cậu sẽ cùng đi, hả” Tôi do dự. Cậu ta ngạc nhiên nhìn tôi. “Stilling chọi với Walker nhé”, cậu ta nói. “Một trận đấu hay phải biết”.

“Rủ Gottfried ấy”, tôi đề nghị và cảm thấy mình lớ bịch vì đã không nhận lời. Nhưng tôi không có hứng đi lắm, chẳng hiểu tại sao.

“Cậu có dự định gì rồi chăng?”, cậu ta hỏi.

“Không”.

Cậu ta nhìn tôi.

“Mình cần về nhà”, tôi nói, “Viết thư và những việc đại loại. Cũng phải có lần...”

“Cậu ốm hay sao?”, cậu ta lo lắng hỏi.

“Ồ không, không một mảy may. Có lẽ mùa xuân cũng khiến mình cảm thấy ngứa ngáy”.

“Thôi được. Tùy cậu”.

Tôi tha thân đi về nhà. Nhưng khi ngồi trong buồng mình rồi, tôi lại chẳng biết nên bắt đầu làm gì. Tôi do dự dạo quanh trong buồng. Giờ đây tôi không còn hiểu thật ra tôi muốn về vì lẽ gì. Cuối cùng tôi đi qua hành lang lại thăm Georgie. Tôi va phải bà Zalewski. “Úi chà”, bà sừng sốt nói, “cũng ở nhà cơ đấy?”

“Khó lòng chối cãi”, tôi hơi bực bội đáp.

Bà lúc lắc mái đầu với những búp tóc hoa râm “Không đi chơi đâu sao? Kỳ lạ gớm”.

Tôi không ngồi lại lâu với Georgie. Sau mười lăm phút tôi đã trở lại buồng mình. Tôi ngẫm nghĩ xem mình có thêm nhấp chút gì không. Nhưng không thấy thêm. Tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ, nhìn xuống đường phố. Hoàng hôn lướt trên nghĩa trang với những cặp cánh của loài dơi. Nền trời phía sau nhà công đoàn xanh như một trái táo non. Bên ngoài, đèn đường đã bật; nhưng trời chưa đủ tối nên ánh sáng của chúng như run rẩy. Tôi lặn dưới

chồng sách mảnh giấy có ghi số điện thoại. Rốt cuộc thì... Tôi có thể thử một lần chứ sao. Thậm chí tôi đã gần như hứa hẹn sẽ gọi điện cho nàng kia mà. Đã chắc gì nàng có mặt ở nhà đấy.

Tôi đi ra tiền phòng, nơi đặt máy điện thoại, nhắc ông nghe lên và xin số. Trong khi đợi trả lời, tôi cảm giác như từ ống loa đen thoát ra một làn sóng êm ái, một niềm hy vọng sẽ sang. Cô gái có nhà. Khi cái giọng trầm, hơi đục của nàng đột nhiên cất lên một cách phi thường trong gian phòng chờ của bà Zalewski - giữa những cái đầu lợn lòi, hơi mờ và soong nồi xúng xoảng. - khe khẽ và hơi chậm rãi như thể nàng cân nhắc từng chữ, thì nỗi bực bội của tôi bỗng chốc tan biến. Tôi móc lại ống nghe sau khi, thay vì chỉ hỏi cho biết tin, đã hẹn được với nàng một cuộc gặp gỡ vào ngày kia. Bỗng chốc mọi thứ đối với tôi không còn u ám như trước. Rõ điên, tôi nghĩ và lắc đầu. Rồi tôi lại nhắc ông nghe, gọi cho Koster. “Cậu vẫn còn giữ vé đấy chứ, Otto?”

“Còn”.

“Hay lắm. Mình sẽ đi xem đấu bốc với cậu”.

Sau đó chúng tôi còn la cà khá lâu trong thành phố về đêm. Đường phố sáng sủa và vắng tanh. Những tấm biển quảng cáo nhấp nháy. Trong các ô trưng bày hàng, đèn cháy rực một cách vô ích. Trong một gian kính thấy sừng sững các hình nộm trần nhồng nhộng với những mái đầu tô vẽ lòe loẹt. Trông ma quái và thác loạn. Bên cạnh, lấp lánh đồ nữ trang. Rồi đến một cửa hàng lớn tắm mình trong ánh sáng trắng chẳng khác gì một thánh đường. Các ô kính ngồn ngộn hàng tơ lụa sặc sỡ, bóng bẩy. Trước rạp chiếu bóng chòm hóm những hình hài nhợt nhạt, đói ăn. Bên cạnh họ, chói lọi một chi điểm của một cửa hàng thực phẩm. Đồ hộp xếp chồng lên nhau như những ngọn tháp bằng thiếc, những trái táo mềm quý hiếm nằm trên nệm bông, một dãy ngỗng béo treo lủng lẳng như quần áo trên dây phơi, những ổ bánh mì nâu tròn xen giữa những chiếc xúc xích hun khói chắc nịch, chum dấm bông và patê cắt khoanh lấp lánh sắc hồng và vàng dịu.

Chúng tôi ngồi xuống một chiếc ghế băng đặt cạnh cửa hàng. Trời mát lạnh. Mặt trăng như một ngọn đèn hồ quang lơ lửng trên các mái nhà. Quá nửa đêm đã lâu. Gần đó trên đường cát, những người thợ dựng một mái lều. Họ sửa chữa đường xe điện. Những chiếc máy quạt gió kêu phè phè, và những chùm tia lửa bắn tung tóe trên những dáng người tối sẫm, khom mình nghiêm trang. Bên cạnh họ, những chảo nhựa đường bốc khói nghi ngút như những thùng thịt kho. Chúng tôi theo đuổi ý nghĩ của mình.

“Nực cười là một Chủ nhật như thế này, phải không, Otto?”, Koster gật

đầu.

“Thật ra mình hoàn toàn vui mừng khi nó qua đi.”, Koster nhún vai. “Có lẽ mình đã quen với lối sống nhàm chán, tới mức một chút tự do cũng đủ khiến mình khó chịu”.

Tôi dựng cổ áo lên. “Có cái gì đó phản bác lại cuộc sống của bọn mình chẳng, Otto?”

Cậu ta nhìn tôi và mỉm cười. “Một cái gì hoàn toàn khác đã phản bác nó rồi còn đâu, Robby”.

“Đúng vậy”, tôi thừa nhận. “Dẫu sao...”

Ánh sáng gắt của chiếc máy khoan dùng khí nén khiến mặt nhựa đường xanh ngắt lên.

Căn lều tỏa sáng từ bên trong của những người thợ trông như một que hương nhỏ ấm áp.

“Cậu bảo thứ Ba tới chiếc Cadillac đã xong chưa?” tôi hỏi.

“Có thể”. Koster đáp. “Sao kia?”

“Ồ hỏi vậy thôi...”

Chúng tôi đứng lên đi về nhà. “Hôm nay mình hơi điên điên sao ấy Otto ạ”, tôi nói.

“Ai cũng có lúc vậy cả. Ngủ ngon nhé, Robby”.

“Cả cậu nữa, Otto!”

Tôi thức ngồi trong phòng mình lát nữa. Gian buồng nhỏ bỗng chốc không còn vừa mắt tôi chút nào. Chùm đèn quái dị, ánh sáng quá chói, những chiếc ghế bành toại tả, lớp vải sơn trên trần tằm thường đến thấm hại, bồn rửa mặt, cái giường bên trên treo bức tranh về trận Waterloo... Quả thật không thể dẫn về đây một con người đứng đắn, tôi nghĩ. Một phụ nữ lại càng không thể. May lắm là một ả điếm từ tiệm Quốc Tế.



# CHƯƠNG 3

Sáng thứ Ba, chúng tôi ngồi trong sân trước xưởng ăn điểm tâm. Chiếc Cadillac đã sửa xong. Lenz cầm trong tay một tờ giấy và nhìn chúng tôi vẻ hí hửng. Là trùm quảng cáo của chúng tôi, Lenz vừa đọc cho Koster và tôi nghe một lời rao hàng mà cậu ta mới thảo ra để bán chiếc xe. Lời rao mở đầu bằng câu: “Kỳ nghỉ bên bờ biển phương Nam trong một chiếc xe lộng lẫy”, một thứ hổ lốn nửa thi ca nửa tụng ca.

Koster và tôi lặng im một lát. Chúng tôi còn phải tỉnh trí lại sau cái cơn lũ tưởng tượng đầy hoa mỹ ấy. Lenz ngỡ đâu chúng tôi đã bị chinh phục. “Đầy thi hứng, hả?”, cậu ta hãnh diện hỏi. “Vào thời đại thực dụng phải biết tỏ ra lãng mạn, đó là mảnh khóc. Những sự trái ngược thu hút nhau mà lại”.

“Nhưng không phải vào lúc làm tiền”, tôi đáp.

“Không ai mua động cơ xe hơi để đầu tư, chú em hiểu chưa”, Gottfried lên lớp về bài bác. “Người ta mua chúng để mà tiêu tiền; và chính đây là điểm khởi đầu của chủ nghĩa lãng mạn, chí ít cũng dưới con mắt một nhà kinh doanh. Còn đối với phần lớn thiên hạ, thì đó thậm chí là điểm kết thúc của họ. Cậu nghĩ sao, Otto?”

“Cậu biết không...”, Koster thận trọng mở đầu.

“Dài lời mà làm gì”, tôi ngắt lời Otto. “Đó là bài quảng cáo cho một khu nghỉ hoặc một loại kem trang điểm, nhưng không phải cho xe hơi”.

Lenz chực mở miệng.

“Thong thả đã nào”, tôi tiếp. “Hắn cậu phải cho tụi mình là định kiến, Gottfried ạ. Vì thế mình đề nghị cậu: chúng ta hãy hỏi thử Jupp. Đó là tiếng nói của nhân dân”.

Jupp là người làm công độc nhất của chúng tôi, một thiếu niên mười lăm tuổi, vừa giúp việc vừa học nghề ở xưởng. Chú đảm nhiệm máy bơm xăng, sửa soạn bữa điểm tâm và dọn dẹp buổi chiều. Chú có vóc người nhỏ nhắn, gương mặt đầy tàn nhang, và đôi tai vĩnh nhất mà tôi từng biết. Koster nói rằng ngộ Jupp có rơi khỏi máy bay thì chú cũng chẳng việc gì. Với đôi tai ấy chú sẽ hạ xuống đất êm ru.

Chúng tôi gọi chú lại gần. Lenz đọc chú nghe bài quảng cáo. “Mày sẽ quan tâm đến một chiếc xe như vậy chứ, Jupp?” Koster hỏi.

“Một chiếc xe ư?” Jupp hỏi lại.

Tôi cười. “Tất nhiên là một chiếc xe”. Gottfried càu nhàu. “Dễ mà tưởng một con cào cào chắc?”

“Nó có trục cam điều khiển từ trên, và phanh thủy lực không đã?”, Jupp vẫn thản nhiên hỏi.

“Ngu như bò, nó chính là chiếc Cadillac của bọn tao”, Lenz gầm lên.

“Vô lý” Jupp cười, miệng ngoác đến tận mang tai.

“Thấy chưa, Gottfried!” Koster nói, “chủ nghĩa lãng mạn thời nay là thế đấy”.

“Xéo về máy bơm của máy đi, Jupp, thứ con đẽ chết tiệt của thế kỷ hai mươi”.

Lenz bắt mắt biến vào cái văn phòng khổ để thêm vào bài quảng cáo chút nội dung kỹ thuật mà vẫn giữ được nguyên vẹn thi tứ của nó.

Vài phút sau, chánh thanh tra Barsig đột ngột xuất hiện ở cổng sân. Chúng tôi tiếp đón ông đặc biệt trân trọng. Ông là kỹ sư và giám định viên của công ty bảo hiểm xe hơi “Phượng Hoàng”, một nhân vật quan trọng có thể đưa lại cho chúng tôi nhiều mối sửa xe. Chúng tôi hết sức ấn ý với ông. Là kỹ sư, ông sắc sảo như quý Satãng, không để lọt một chút gì thật đấy, nhưng là chuyên gia sưu tầm bướm bướm thì ông lại mềm như bún. Ông có một bộ sưu tập lớn, và lần nọ chúng tôi đã đem tặng ông một con bướm to bự lạc vào xưởng chúng tôi hồi đêm. Barsig tái mặt đi và trịnh trọng hẳn lên khi chúng tôi trao con bướm cho ông. Đó là con bướm Đầu Lâu, một loài cực hiếm mà bộ sưu tập của ông còn thiếu. Ông không bao giờ quên ơn chúng tôi, và kể từ đấy, hễ ở đâu có xe hỏng ông lại mách cho chúng tôi. Để bù lại, gặp con bướm nào chúng tôi cũng bắt đem nộp ông. “Làm một ly vermouthe nhé, ông Barsig?”, Lenz mời, đã tươi tỉnh trở lại. “Không uống rượu chừng nào chưa tới”, Barsig đáp. “Đó là nguyên tắc triệt để của tôi”.

“Cũng phải phá vỡ những nguyên tắc, nếu không chúng đâu đưa lại niềm vui”, Gottfried miệng nói tay rót rượu ra ly. “Chúc cho tương lai của loài bướm đêm xám đỏ, loài bướm ngày óng ánh xà cừ và loài bướm sắc đuôi công!”

Bardich do dự giây lát. “Anh đã có lòng với tôi như vậy, tôi đâu thể từ chối”, ông nói và cầm ly rượu. “Nhưng rồi ta sẽ mừng mừng những con bướm mắt bò nhỏ xinh nữa”. Ông mỉm cười ngượng nghịu tuồng như ông hé ra ít nhiều ngụ ý về một người đàn bà, cốt để mua vui. “Tôi vừa phát hiện

được một loài bướm mới. Với những chiếc vòi lông”.

“Trời đất!”, Lenz thốt lên, “hết lòng bái phục ông! Vậy ra ông là một nhà tiên phong, và tên tuổi của ông sẽ đi vào lịch sử tự nhiên!”.

Cả bọn cạn một ly nữa mừng những chiếc vòi lông. Barsig quệt ria mép. “Tôi mang tin mừng lại cho mấy anh. Các anh có thể lấy chiếc xe Ford về. Ban giám đốc đã chấp thuận để các anh sửa”.

“Tuyệt”, Koster nói. “Nó sẽ có ích cho chúng tôi. Còn phần dự trù mà chúng tôi đã nêu thì sao?”

“Cũng chấp thuận”.

“Không bớt?”

Barsig nháy mắt. “Thoạt đầu mấy ông còn chưa chịu. Nhưng rồi cuộc...” “Một ly đầy mừng công ty bảo hiểm Phượng Hoàng!”, Lenz nói và lại rót rượu.

Barsig đứng lên cáo từ. “Các anh hình dung được không”, ông nói khi đã cất bước, “cái bà cùng ngồi trong chiếc Ford thế mà đã chết cách đây mấy ngày. Bà ta chỉ bị cứa rách da thịt. Hình như mất quá nhiều máu”.

“Bà ta bao nhiêu tuổi?” Koster hỏi.

“Ba mươi tư”, Barsig đáp. “Có mang bốn tháng. Bảo hiểm hai vạn mác”.

Chúng tôi lập tức phóng đi lấy chiếc xe về. Chủ nhân là một chủ hiệu bánh. Đêm nọ, ngà ngà say, lão đã lái xe đâm xầm vào một bức tường. Chỉ vợ lão bị thương, còn bản thân lão chỉ bị xây xước qua gọi là.

Trong lúc móc chiếc xe để kéo đi, chúng tôi gặp lão trong gara. Lão lặng lẽ quan sát chúng tôi hồi lâu, co ro với tấm lưng mập ú và cái cổ ngắn, đầu hơi cúi về phía trước. Với sắc mặt bệnh tật, mai mái như thầy các thợ làm bánh, trong bóng tối mờ mờ trông lão chẳng khác gì một con sâu bột kéch xù, ủ ê. Lão chậm chạp tiến lại gần chúng tôi.

“Bao giờ thì xe sửa xong?”, lão hỏi.

“Quãng ba tuần”, Koster đáp.

Lão trở vào mui xe. “Kể cả cái này, phải vậy không?”

“Sao kia?” Otto hỏi. “Nó còn nguyên vẹn mà”.

Lão chủ hiệu bánh phác một cử chỉ nóng nảy. “Tất nhiên rồi. Nhưng tiện thể thêm một cái mui mới vẫn hơn chứ. Đây quả là một món khá bở cho các anh mà. Chúng mình thông cảm lẫn nhau, hả?”.

“Không được”, Koster đáp.

Cậu ta biết tổng bụng dạ lão già. Lão muốn ăn không một cái mui mới mà lẽ ra hãng bảo hiểm không phải chịu bằng cách nhập nhằng vào khoản sửa xe. Hai bên cãi vã một hồi. Lão già dọa hủy bỏ hợp đồng, dọa nhờ một xưởng xe biết điều hơn tính lại giá thành. Rốt cuộc Koster đành nhượng bộ. Giá như chúng tôi không cần việc làm thì đời nào cậu ta chịu.

“Thấy chưa, sao không bằng lòng ngay cho rồi”, lão chủ hiệu bánh nói với nụ cười nhếch mép. “Mấy ngày tới tôi sẽ đến để lựa chất liệu. Màu be tôi nghĩ vậy. Những màu dịu ấy”.

Chúng tôi kéo chiếc xe đi. Ra ngoài rồi, Lenz chỉ vào nệm chiếc Ford. Trên đó loang lổ những vết đen lớn. “Máu bà vợ vừa chết của lão. Lại còn ni nèo cho được một cái mui lớn. Màu be. Những màu dịu. Phục thật. Mình tin rằng lão dám vùi số tiền bảo hiểm cho cả hai mạng người lắm. Vợ lão đang có mang mà lại”.

Koster nhún vai. “Có lẽ lão tự nhủ hai chuyện chẳng liên quan gì với nhau”.

“Dám lắm”, Lenz nói. “Thì cũng có những kẻ xem luôn đó là cái may trong cái rủi của họ. Còn bọn mình thì vì thế thiệt bég năm chục mác tiền lời”.

Buổi chiều, tôi viện cớ có việc phải về nhà. Tôi hẹn gặp Patrice Hollmann vào lúc năm giờ, nhưng không hé chút gì ở xưởng. Không phải vì tôi muốn giấu diếm; nhưng tôi bỗng cảm thấy khó lòng tin nổi chuyện ấy. Nàng hẹn gặp tôi tại một tiệm cà phê. Tôi chưa hề đến tiệm này; chỉ biết đó là một tiệm nhỏ và lịch sự. Hoàn toàn mù mịt, tôi tới nơi hẹn. Nhưng vừa bước chân vào, tôi đã hốt hoảng giật lùi. Căn phòng rất bọn đàn bà mồm mép liến thoắng. Tôi đã sa vào một tiệm bánh ngọt điển hình dành cho các bà. Phải gắng lắm tôi mới chộp nổi một bàn vừa được bỏ trống. Tôi khó chịu nhìn quanh. Ngoài tôi ra, trong tiệm chỉ có hai người đàn ông, cả hai trông đều dễ ghét.

“Cà phê, trà, hay sô-cô-la?”, gã bồi vừa hỏi vừa dùng khăn phủi vô số vụn bánh trên mặt bàn vào quần áo tôi.

“Cho một ly lớn cognac”, tôi đáp.

Gã ta mang ly rượu lại. Nhưng đồng thời gã kéo theo một nhóm khách quen đang tìm chỗ, cầm đầu là một bà hộ pháp đã đứng tuổi đội mũ lông đà điểu.

“Bốn chỗ, xin mời!”, gã nói, tay chỉ vào bàn tôi ngồi.

“Khoan”, tôi đáp, “bàn này không trống. Tôi chờ một người mà”.

“Không được đâu, thưa ông”, gã bồi nói. “Vào giờ này không có chỗ nào được dành trước cả”.

Tôi nhìn gã. Đoạn tôi nhìn cái bà hộ pháp lúc này đã đứng sát bàn tay nắm chặt thành ghế. Tôi ngó mặt bà ta và từ bỏ mọi ý định chống cự. Có dùng đến cả đại bác cũng không hòng lay chuyển quyết tâm của con người này, ấy là chiếm cho được bàn của tôi.

“Ít nhất anh cũng có thể đem thêm cho tôi một ly cognac chứ?”, tôi gắt gã bồi.

“Được ạ, thưa ông. Lại một ly lớn ạ”?

“Phải”.

“Xin có ngay!”, gã cúi mình. “Đây là bàn dành cho những sáu người cơ đấy, thưa ông”, gã nói về xin lỗi.

Cái bà hộ pháp hình như cũng tham gia hội bài rượu. Bà ta nhìn chăm chăm vào ly rượu mạnh của tôi, cứ như nó là một con cá uơn không bằng. Để chọc tức bà ta, tôi gọi thêm một ly nữa và giương mắt ngó trả. Bỗng tôi cảm thấy toàn bộ những việc mình sắp làm thật nực cười. Tôi muốn gì ở đây? Và tôi muốn gì ở cô gái? Thậm chí tôi không hề biết liệu mình có nhận nổi nàng giữa đám người hỗn độn và ồn ào này hay không. Tôi bực mình uống ực một hơi hết ly cognac.

“Xin chào!” Có ai nói sau lưng tôi.

Tôi đứng phắt dậy. Nàng đứng đó, và cười. “Anh bắt đầu kịp thời đấy nhỉ!” Tôi đặt chiếc ly mà tôi vẫn cầm trên tay xuống mặt bàn và bỗng nhiên luống cuống. Trông cô gái hoàn toàn khác với hình ảnh tôi lưu trong trí nhớ. Giữa cái đám đàn bà phốp pháp đang nhòm nhào bánh ngọt kia, nàng như một nữ kỹ sĩ trẻ trung, thanh mảnh, điềm tĩnh, tự tin đến rạng rỡ và xa vời. “Giữa nàng và ta không bao giờ nên chuyện gì được”, tôi tự nhủ và hỏi nàng: “Cô vào lối nào mà như ma hiện vậy? Nãy giờ tôi không rời mắt khỏi cửa mà”.

Nàng chỉ sang phải. “Ồ đằng ấy có một lối vào. Nhưng tôi đến muộn, anh chờ có lâu không?”

“Lâu gì đâu. Hai, ba phút là cùng. Tôi cũng vừa đến tức thì”.

Đám các bà ngồi cùng bàn lạng hẳn đi. Tôi cảm thấy sau gáy ánh mắt

khinh thị của bốn bà mẹ khôn ngoan.

“Chúng ta định ngồi lại đây chẳng?”, tôi hỏi.

Cô gái lướt mắt nhìn nhanh chiếc bàn. Nàng khẽ nhếch miệng. Nàng tinh nghịch nhìn tôi. “Tôi e rằng ở tiệm cà phê nào cũng thế cả thôi”.

Tôi lắc đầu. “Miễn vắng hơn. Tiệm này là cái tổ quỷ, ngồi đây đâm mặ cảm đầy người. Tốt nhất chúng ta hãy tới một quán rượu”.

“Quán rượu ấy à? Có những quán rượu mở cửa giữa ban ngày ban mặt sao?”.

“Tôi biết một quán”, tôi nói. “Tất nhiên ở đây rất yên tĩnh. Nếu như cô muốn...”.

“Ừ thì, cũng có lúc...”.

Tôi ngược nhìn. Trong khoảnh khắc tôi không hiểu nổi ý nàng. Tôi chẳng hề phản đối sự mai mỉa, với điều kiện nó không chĩa vào tôi; nhưng lương tâm tôi áy náy.

“Nào ta đi”, nàng nói.

Tôi vẫy gã bồi. “Ba ly lớn cognac”, gã trai bắt hạnh gầm gừ với cái giọng như thể gã muốn thanh toán với một khách hàng ở dưới mồ. “Ba mác ba mươi xu!”

Cô gái quay lại. “Ba ly cognac trong ba phút sao? Một tốc độ mới tuyệt chứ!”

“Trong đó có hai ly từ hôm qua kia”.

“Rõ đồ dối trá”. Bà hộ pháp ngồi bên bàn rít lên sau lưng tôi. Bà nín lặng như thể là quá lắm rồi.

Tôi quay lại cúi mình. “Chúc một lễ giảng sinh vui vẻ, thưa các quý bà!”. Rồi nhanh chóng bỏ đi.

“Anh vừa cãi nhau với họ đấy à?”, cô gái hỏi khi chúng tôi ra đến ngoài đường.

“Chẳng có gì đặc biệt. Tôi chỉ không được lòng mấy bà nội trợ trong các gia đình nề nếp”.

“Tôi cũng vậy”, nàng đáp.

Tôi nhìn nàng. Với tôi, nàng như xuất hiện từ một thế giới khác. Tôi tuyệt đối không hình dung nổi nàng là ai và sống ra sao.

Quán rượu là mảnh đất vững chắc của tôi. Fred, gã bồi rượu, đứng sau quầy và đang lau chùi những chiếc ly lớn dành cho cognac khi chúng tôi bước vào. Gã chào tôi như thể trông thấy tôi lần này là lần đầu, như thể trước đây mới hai hôm chẳng phải chính gã đã phải dìu tôi về nhà. Gã từng trải nhiều, rất lịch lãm và đầy kinh nghiệm.

Quán rượu gần như trống trơn trừ một bàn. Hầu như bao giờ cũng vậy. Valentin Hauser ngồi đó. Tôi biết anh từ thời chiến tranh; chúng tôi ở cùng đại đội. Một lần, anh ta băng qua hàng rào trọng pháo mang lên tuyến trước cho tôi một phong thư mà anh tưởng của mẹ tôi gửi. Anh biết tôi mong tin mẹ vì bà vừa mổ xong. Nhưng anh đã làm... đó chỉ là một tờ quảng cáo mũ bảo vệ bằng vải gai. Trên đường trở lại, anh bị một viên đạn găm vào đùi.

Sau chiến tranh ít lâu, Valentin được thừa hưởng một gia tài. Kể từ đó anh dốc nó vào rượu. Anh khẳng định phải uống mừng vì đã may mắn sống sót. Dẫu đã bao năm trôi qua cũng thế thôi. Anh lý giải rằng con người ta uống không biết thế nào là đủ để mừng cho đáng cái vận may ấy. Anh là một trong những người đeo đẳng một ký ức ghê sợ về chiến tranh. Chúng tôi, những kẻ khác, đã quên nhiều điều, nhưng anh thì anh nhớ như in từng ngày từng giờ.

Tôi thấy anh đã nốc khá nhiều rượu. Anh ngồi rũ gục và dờ dẩn trong cái xó của anh. Tôi giơ tay lên “Chào cậu, Valentin!”

Anh ngược nhìn và gật đầu. “Chào cậu, Robby!”

Chúng tôi ngồi vào một góc. Gã bồi rượu đến bên. “Cô muốn dùng gì?”, tôi hỏi cô gái.

“Có lẽ một ly Martini”, nàng đáp. “Một ly Martini chua”.

“Về khoản này thì Fred rất nghệ”.

Fred cho phép mình mỉm một nụ cười. “Cho tôi như thương lệ”, tôi nói. Trong tiệm mát mẻ, mờ mờ tối. Nồng nặc mùi rượu gin và cognac bị tràn ra. Hương thơm thoang thoảng như hương đỗ tùng và bánh mì. Trên trần treo lủng lẳng một chiếc tàu buồm nhỏ bằng gỗ. Phần tường phía sau quầy ốp đồng. Ánh sáng dịu của một ngọn đèn hắt ra những tia sáng đỏ, như thể đang phản chiếu một ngọn lửa ngậm dưới lòng đất. Trong số trụ đèn nhỏ rèn bằng sắt gắn trên tường chỉ cháy sáng có hai, một chỗ Valentin ngồi, một chỗ chúng tôi. Những cái chụp đèn được làm bằng giấy da thuộc vàng khè cắt ra từ một tấm bản đồ cũ kỹ trông chẳng khác gì những mảnh địa cầu bé xíu tỏa sáng.

Tôi hơi bối rối, không biết nên bắt chuyện cách nào. Có thể nói tôi hầu như không quen biết cô gái, và càng nhìn nàng lâu bao nhiêu, tôi càng cảm giác nàng, xa lạ với mình bấy nhiêu. Đã lâu lắm tôi không ngồi với ai như thế này; tôi đã mất thói quen ấy. Tôi thạo chuyện trò với cánh đàn ông hơn. Ban nãy ở tiệm cà phê tôi thấy quá ồn ào, còn lúc này, với tôi quán rượu thốt nhiên lại quá im ắng. Im ắng tới mức mỗi lời đều hóa ra quan trọng, khiến khó mà nói năng được tự nhiên. Tôi hầu như ước ao được trở lại tiệm cà phê.

Fred mang rượu ra. Chúng tôi uống. Rượu rum mạnh và thơm mát, mang hương vị mặt trời. Đây là thứ có thể uống không sợ say. Tôi uống cạn và trao ngay chiếc ly cho Fred.

“Cô thích quán này chứ?”, tôi hỏi.

Cô gái gật đầu.

“Thích hơn tiệm bánh ngọt đằng kia chứ?”

“Tôi căm ghét các tiệm bánh ngọt”, nàng đáp.

“Thế tại sao cô lại chọn chính nơi đó làm chỗ hẹn”, tôi sừng sốt hỏi.

“Tôi chẳng biết nữa”. Nàng bỏ mũ xuống. “Chỉ vì tôi không nảy ra được địa điểm nào khác”.

“Như vậy việc cô thích nơi đây lại càng hay. Chúng tôi thường lui tới quán này. Tối tới chúng tôi xem đây gần như nhà mình”.

Nàng cười. “Điều đó thật ra không đáng buồn sao?”

“Không”, tôi nói, “nó thích hợp với thời buổi này”.

Fred mang cho tôi ly thứ hai. Gã đặt thêm một chai Havana màu xanh lá cây lên bàn. “Của ông Hauser gửi anh”.

Từ cái xó của anh, Valentin vẫy sang và nâng ly “31 tháng bảy năm 17, Robby!”, anh gọi, giọng nặng nề.

Tôi gật đầu với anh và cũng nâng ly.

Lúc nào anh cũng phải uống vì cái gì mới xong; tôi từng bắt gặp anh tối tối uống trong một quán dân quê, khi mừng vàng trắng, lúc lại mừng một bụi tử đinh hương. Rồi anh nhớ tới cái ngày anh chui ra khỏi hầm trú ẩn, nơi chiến trận diễn ra đặc biệt khốc liệt, và lại tạ ơn số phận đã cho mình sống sót và còn được ngồi đây.

“Bạn tôi đấy”, tôi bảo cô gái. “Một đồng đội thời chiến tranh. Anh ta là người duy nhất tôi biết đã lấy ra từ một tai họa khổng lồ chút may mắn còn



con. Anh ta không còn biết bắt đầu ra sao với cuộc đời mình... bởi vậy anh ta sung sướng chỉ vì mình còn sống”.

Nàng trầm ngâm nhìn tôi. Một tia sáng rơi chéch xuống trán và miệng nàng. “Tôi có thể hiểu được lắm”.

Tôi ngược nhìn. “Nhưng xin cô chớ hiểu làm gì. Cô còn quá trẻ để hiểu điều đó”.

Nàng mỉm cười. Một nụ cười nhẹ, thoáng qua, chỉ hiện trên khóe mắt. Gương mặt nàng hầu như không thay đổi, nó chỉ sáng lên, sáng từ bên trong. “Quá trẻ ư”, nàng nói, “đó chỉ là một từ ngữ vậy thôi. Theo tôi con người ta không bao giờ quá trẻ cả. Chỉ luôn luôn quá già”.

Tôi im lặng một khoảnh khắc. “Để bác lại điều cô nói, có thể viện ra vô số lý lẽ”, sau đó tôi đáp và ra hiệu Fred mang thêm chút gì cho tôi. Cô gái mới tự tin và thoải mái làm sao; còn tôi, trái lại, cảm thấy mình cứng vụng như thanh gỗ. Tôi những muốn đưa đẩy một cuộc chuyện trò nhẹ nhàng, vui nhộn, một cuộc chuyện trò thực sự, để sau đó, như thông thường, khi còn lại một mình người ta còn nhớ đến nó. Lenz có cái tài đó, nhưng với tôi thì câu chuyện bao giờ cũng xoay ra vụng về, nặng nề. Lenz không phải là không có lý khi khẳng định rằng về tài nói chuyện, tôi chỉ đáng đánh đổ đồng với một thằng thư ký bưu điện.

May mà Fred biết điều. Thay vì mang cho tôi cái ly bé xíu như cái đế khâu, gã bung ngay đến một cốc vang rõ lịch sự, đầy phè. Như vậy gã đỡ mất công chạy đi chạy lại, mà người ta lại không thể biết tôi nốc bao nhiêu. Tôi phải uống; tôi chẳng còn cách nào khác khả dĩ thoát khỏi tình trạng nặng nề trì đọng này.

“Cô dùng thêm một ly Martini nữa nhé?” Tôi hỏi cô gái.

“Anh đang uống gì vậy?”

“Rum đây”.

Nàng ngắm ly rượu của tôi. “Anh vừa mới uống thứ đó xong kia mà!” “Phải”, tôi đáp, “tôi nghiện thứ này nhất”.

Nàng lắc đầu: “Tôi không hình dung nổi là nó lại ngon”.

“Tôi hoàn toàn không biết nó có ngon hay không nữa”.

Nàng nhìn tôi. “Thế tại sao anh lại uống?”

“Rum ấy à”, tôi nói, phần khởi vì đã vớ được một đề tài khả dĩ tán được ít nhiều. “Rum không liên quan gì lắm đến sự ngon miệng. Nó không đơn

giản là một thứ đồ uống... mà đúng hơn là một người bạn. Một người bạn làm vội đi mọi điều. Thay đổi cả thế gian. Và vì thế mà người ta uống...” Tôi đẩy chiếc ly sang bên.

“Nhưng để tôi gọi thêm cho cô một ly Martini nữa nhé?”

“Một ly rum thì hơn. Tôi cũng muốn ném thử xem sao”.

“Hay lắm”, tôi đáp, “nhưng đừng uống loại này. Nó quá nặng với những ai mới thử lần đầu. Cho một chai cocktail Bacardi đây”, tôi gọi với sang Fred. Fred mang ly lại. Gã còn bung ra thêm một bát hạnh nhân muối và hạt cà phê rang. “Để luôn cả chai đây cho tôi”, tôi bảo gã.

Dần dà câu chuyện trở nên trôi chảy và khéo léo. Nỗi hoài nghi biến mất, những lời lẽ tự tìm đến, và tôi cũng chẳng còn chú ý mình nói gì. Tôi tiếp tục uống, cảm thấy những làn sóng lớn êm ái xô tới trùm lên người, cảm thấy cái giờ khắc trống rỗng của hoàng hôn đang tự lấp đầy bằng những hình ảnh, và các giấc mơ lạng lẽ nối đuôi nhau tái hiện một cách phi thường trên những vùng u ám và hờ hững của sự sống. Những bức tường quán vươn dài ra, và nơi đây bỗng nhiên không còn là quán rượu nữa... mà là một xó xỉnh của thế giới, một góc nương thân, một gian hầm trú ẩn tôi mờ bị vây giữa chiến trận hỗn mang muôn đời khốc liệt, trong đó chúng tôi ngồi nấu mình và được xô đẩy đến gần nhau một cách khó hiểu xuyên qua bóng tối nhờ nhờ của thời gian. Cô gái thu mình trên ghế, xa lạ và bí ẩn, cứ như từ bờ bên kia của cuộc sống trôi giạt lại. Tôi nghe mình nói, nhưng tuồng như không phải tôi là một kẻ khác đang nói, có lẽ tôi đã từng mong ước được như gã. Những lời lẽ không còn đúng nữa, chúng biến đổi, xô đẩy nhau vào những lĩnh vực khác hơn, nhiều màu sắc hơn là bản thân chúng khi phản ánh lại những biến cố nhỏ nhặt của đời tôi... tôi biết chúng không còn trung thành với sự thật, rằng chúng trở nên khoác lác và dối trá, nhưng, thật kỳ... sự thật bị đất và nhạt nhẽo, chỉ tình cảm và ánh phản chiếu những ước mơ mới là cuộc sống...

Ánh đèn lấp lánh trong bồn rửa bằng đồng của quán rượu. Thịnh thoảng Valentin lại nâng ly và làm bầm một ngày tháng nào đó. Ngoài kia, dòng người và xe cộ cuộn cuộn xuôi ngược trong tiếng còi xe hơi âm ỉ tựa tiếng kêu của loài ác điểu. Hễ có ai mở cửa tiệm phở xá lại chỗ vào chỗ chúng tôi mà rít róng. Rít róng như một mụ già độc mồm độc miệng khỏe đố kỵ. Khi tôi tiễn Patrice Hollmann về nhà, trời đã tối. Chậm rãi, tôi quay trở lại. Chợt tôi cảm thấy cô đơn và trống rỗng. Mưa lâm thâm. Tôi dừng chân trước một ô kính nhà hàng. Lúc này tôi nhận thấy mình đã uống quá nhiều. Không, tôi không lão đảo... nhưng đầu sao tôi vẫn nhận rõ là mình trượt quá chén.

Đột nhiên tôi nóng ran cả người. Tôi cởi cúc áo măng-tô, hai mũ ra sau. Mẹ kiếp, một lần nữa tôi lại bị bắt quả tang! Vừa rồi tôi đã làm nhảm những gì vậy? Tôi không dám ngẫm lại cho chính xác. Mà tôi cũng chẳng còn nhớ tí gì, đó là điều tệ nhất. Một mình nơi đây, trên đường phố lạnh lẽo râm râm tiếng xe buýt, dưới con mắt tôi, mọi sự hoàn toàn khác trong cảnh mờ tối nơi tiệm rượu. Tôi thắm rửa mình. Cô gái hẳn có một ấn tượng rõ đẹp về tôi! Chắc chắn nàng đã để ý. Bản thân nàng hầu như có uống gì đâu. Khi chia tay, nàng chẳng nhìn tôi một cách lạ lùng là gì.

Chúa ơi! Tôi quay lại, và đụng ngay phải một lão thấp béo. “Rõ thật”, tôi giận dữ nói.

“Mở to mắt ra mà nhìn, đồ chổi cùn!”, lão béo rủa.

Tôi nhìn lão trân trân.

“Không mấy khi được thấy người hay sao, hả”, lão tiếp tục sửa nhặng lên. Lão nói vừa trúng ý tôi. “Người thì có”, tôi nói, “nhưng những thùng bia đi tản bộ thì chưa”.

Lão béo không cần suy nghĩ lấy một giây. Lão dừng ngay lại, phòng mang trợn mắt. “Anh biết tôi khuyên anh gì không?”, lão rít lên: “Đi mà vào sở thú! Những con chuột túi mơ mộng không có gì để tìm kiếm trên đường phố cả”.

Tôi hiểu mình đụng phải một tay chửi bới có hạng. Dù chán ngán đến đâu cũng phải bảo tồn danh dự thôi.

“Xéo đường nào thì xéo, cái ngữ đẽ non thần kinh chập!”, tôi nói và giơ cao bàn tay như để ban phước.

Lão chẳng thèm đếm xỉa đến lời tôi đe. “Về xịt bê-tông vào sọ mày ấy, đồ óc chó khô!”, lão chửi.

Tôi chửi giả, gọi lão là quân chân bệt đôi trụ, lão rủa tôi là đồ vẹt Kakadu đang kỳ thay lông; tôi rủa lão quân rửa xác chết thất nghiệp. Đáp lại, trong lòng đã hơi kính nể, lão mệnh danh tôi là đồ đầu bò ung thư. Để kết thúc, tôi tặng lão cái tên nghĩa trang bít-tết, lưu động. Gương mặt lão đột nhiên rạng rỡ “Nghĩa trang bít-tết, hay!”, lão nói. “Đây chưa biết từ này. Sẽ được ghi vào cẩm nang! Hẹn gặp lại...” lão hươ hươ chiếc mũ và chúng tôi chia tay nhau, người nọ phục người kia sát đất.

Cuộc đọ tài đã giải nhiệt cho tôi. Nhưng nổi tức giận vẫn còn. Thậm chí nó càng tăng lên khi tôi tỉnh táo hơn. Tôi cảm giác mình như chiếc khăn tay sũng nước bị vắt kiệt. Nhưng dần dà, tôi không chỉ còn tức giận mình... tôi

tức giận với hết thảy... kể cả cô gái. Cô ta chính là nguyên cớ khiến tôi say. Tôi dựng cổ áo lên. Thôi thôi kệ, cô ta muốn nghĩ sao thì nghĩ... chỉ ít cô ta cũng được biết ngay từ đầu là cô ta đánh bạn với hạng người nào. Cầu cho quỷ tha ma bắt cả câu chuyện vừa rồi đi... cái gì đã xảy ra là đã xảy ra, không hòng cứu vãn được nữa. Có lẽ như thế mà lại hay cơ đấy... Tôi trở lại quán rượu và bây giờ mới thật sự nốc đến say bí tỉ.

# CHƯƠNG 4

Tiết trời trở nên ẩm và ẩm ướt, mưa tầm tã mấy ngày ròng. Rồi trời quang mây tạnh, bắt đầu hứng nắng. Sáng thứ Sáu, bước chân đến xưởng tôi thấy Matilda Stoss đang đứng ngoài sân, chỗi cấp dưới nách, bộ mặt hà mã của mụ ra chiều xúc động.

“Cậu xem kia, cậu Lohkamp, đẹp quá thể! Lần nào cũng như có phép tiên ấy thôi”.

Tôi đứng sững bàng hoàng. Cây mận già bên máy bơm xăng qua một đêm đã rộ hoa.

Suốt mùa đông, nó đứng đó cong queo và trơ trụi, chúng tôi đã ngoắc lên nó các lớp xe cũ, treo bidông đựng dầu lên cành cho ráo, nó không được xem là gì khác ngoài một cái giá treo tiện lợi cho tất tật mọi thứ: từ chiếc giẻ lau cho tới vỏ động cơ... mới trước đây ít ngày, trên cây còn phấp phới đám quần vải gai tím than vừa giặt của cả bọn, hôm qua đây thôi còn chưa ai thềm để mắt đến nó... thế mà bây giờ, bỗng chốc qua một đêm, nó đã biến đổi như có phép màu, hóa thân thành một đám mây sắc trắng xen hồng, một đám mây hoa bùng sáng, tuồng như một đàn bướm bướm vừa lạc vào cái sân bần thỉu của chúng tôi.

“Mà ôi chao là thơm”, Matilda say sưa nói, mắt đảo lia lịa, “thơm tuyệt... đúng như mùi rum của cậu...”

Tôi chẳng nghĩ thấy gì cả. Nhưng tôi lập tức hiểu ra. “Thơm mùi cognac dành thết khách hàng thì đúng hơn”, tôi quả quyết.

Mụ kịch liệt phản đối. “Cậu Lohkamp, cậu cảm lạnh mắt rồi. Chưa chừng cậu cũng bị mọc u thịt trong mũi. Thời nay không mấy ai là không có u cả. Không, mụ Stoss già lão này mũi thính như chó săn ấy chứ, cậu cứ tin đi, đúng mùi rum mà... rum lâu năm..”

“Được rồi, Matilda...”

Tôi rót cho mụ một ly rum rồi lại bên máy bơm xăng. Jupp ngồi đó. Chú đã có trước mặt một lô nhành hoa mới cắt cắm trong hộp sắt gi. “Thế này là nghĩa làm sao?”, tôi ngạc nhiên hỏi.

“Dành cho các bà khác”, Jupp giải thích. “Bà nào đến đồ xăng tôi đều biếu không một nhành. Nhờ thế tôi đã bán được nhiều hơn mọi ngày chín chục lít. Cây này đáng giá ngàn vàng đó cậu Lohkamp ạ. Giả thử không có

nó, khéo xường ta đến phải tự tạo một cây khác in hệt nó mất thôi”.

“May là một thằng choai giỏi buôn bán đấy!”

Chú cười ngoác miệng. Ánh nắng xuyên qua, khiến hai cái tai vĩnh của chú trông như những ô cửa sổ nhà thờ màu hồng ngọc. “Tôi cũng từng được chụp ảnh tận hai lần”, chú phô. “Đứng trước cái cây nhá!”

“Nghe đây, mày sẽ còn trở thành ngôi sao màn bạc cơ đấy”, tôi nói, rồi đi sang chỗ cái hồ, nơi Lenz vừa chui lên khỏi gầm chiếc Ford.

“Robby này”, cậu ta nói, “mình vừa sức nhớ ra. Tụi mình phải để tâm tới con bé của thằng cha Binding mới được”.

Tôi dăm dăm nhìn cậu ta. “Cậu muốn nói gì kia?”

“Thì đúng như mình vừa nói đấy. Nhưng cậu nhìn cái gì mà cứ chòng chọc thế?”

“Mình không nhìn chòng chọc...”.

“Thậm chí mắt còn ngậy đại ra. Cô gái tên là gì ấy nhỉ? Pat, nhưng còn họ?”

“Mình không biết”, tôi đáp.

Cậu ta đứng lên. “Cậu mà không biết? Cậu đã ghi địa chỉ của cô ta kia mà. Chính mình trông thấy hẳn hoi”.

“Mình đánh mất mảnh giấy rồi”.

“Đánh mất!” Cậu ta đưa cả hai tay lên vò mớ tóc rậm vàng rom. “Mình đã nhọc công với thằng cha Binding cả tiếng đồng hồ ở ngoài trời để như thế này đấy hẳn! Đánh mất! Xem nào, không chừng Otto nó lại biết ấy chứ”. “Otto cũng chẳng biết đâu”.

Lenz nhìn tôi. “Đồ tài tử vứt đi! Còn tôi tệ hơn thế nữa! Cậu không biết rằng đó là một cô gái tuyệt vời hay sao? Lạy Chúa!” Cậu ta ngược mắt trông trời. “Rốt cuộc bọn mình đã gặp được của báu nhường ấy, thế mà cái đồ bù loong rầu rĩ này lại đánh mất địa chỉ!”

“Mình hoàn toàn chẳng thấy cô ta có gì ghê gớm đến thế”.

“Vì cậu là một con lừa”, Lenz đáp, “một thằng mặt nạc không biết chút gì vượt quá trình độ của lũ điếm ở tiệm Quốc Tế. Chính cậu ấy, ông nhạc công dương cầm ạ! Mình nhắc lần nữa cho mà biết: đó là một dịp may, dịp may hiếm có, cái cô thiếu nữ đó! Dĩ nhiên cậu thì biết cái cóc khô gì về chuyện này! Cậu có ngắm kỹ cặp mắt của nàng không nào? Dĩ nhiên

không... cậu chỉ chiêm ngưỡng độc ly rượu của cậu thôi”.

“Câm mồm đi!” Tôi ngắt lời Lenz, khi nhắc tới ly rượu cậu ta đã vô tình khơi sâu vết thương còn há miệng.

“Và đôi tay nàng”, cậu ta tiếp tục, chẳng thèm đếm xỉa đến tôi, “đôi tay thon, dài như của một cô con lai da màu, cái này thì Gottfried khá sành, cậu có thể tin được. Đáng Moses<sup>16</sup> thiêng liêng! Rốt cuộc gặp được một cô gái đáng giá: xinh đẹp, tự nhiên và đây mới là điểm quan trọng bậc nhất, nàng gây được bầu không khí...” cậu ta ngừng lời... “cậu có hiểu thế nào là bầu không khí không đã?”

“Là hơi vẩn bơm vào lốp xe”, tôi gắt gỏng.

“Biết ngay mà”, cậu ta dai giọng vẻ thương hại và đầy khinh bỉ, “hơi, sao không biết! Không khí hào quang, sự tỏa sáng, ấm áp và bí ẩn... đó là thứ khiến cho sắc đẹp trở nên có hồn và sống động... nhưng nói mà làm gì... bầu không khí của cậu là hơi rum cơ...”

“Có câm đi không, tao lại đập vào sọ bây giờ”, tôi gầm gừ.

Nhưng Gottfried vẫn tiếp tục lải nhải và tôi chẳng làm gì cậu ta cả. Cậu ta hoàn toàn không biết những gì đã diễn ra, cũng chẳng ngờ mỗi lời mình nói đều như xát muối vào ruột tôi. Nhất là những lời đả động đến rượu. Tôi đã đào sâu chôn chặt, đã hoàn toàn khuây khỏa; thế mà giờ đây cậu ta lại khơi lên hết. Cậu ta tán tụng cô gái không tiếc lời, và tôi gần như cũng tin mình đã thật sự để buột khỏi tay một cái gì hết sức đặc biệt, không còn mong thấy lại.

Sáu giờ chiều, tôi đến tiệm cà phê Quốc Tế trong tâm trạng bực bội. Đây là chốn nương thân của tôi: Lenz cũng thừa nhận với tôi như vậy. Khi bước chân vào, tôi ngạc nhiên thấy tiệm có vẻ rộng rãi hơn. Trên quầy bày bánh ngọt và những chiếc gatô to bự, anh chàng Alois chân bệt đang chạy vào phòng trong với một khay đầy bộ uống cà phê kê lạnh canh. Tôi đứng sững. Cà phê đựng trong bình ư? Hẳn ở đây phải có một lũ người say bét nhè đang nằm la liệt dưới gầm bàn.

Nhưng ông chủ quán giải thích cho tôi. Hôm nay người ta liên hoan chia tay với Lilly, cô bạn gái của Rosa ở phòng trong. Tôi vỗ trán, ừ nhỉ, tôi chả được mời đến dự là gì! Thậm chí tôi còn là người đàn ông độc nhất, như Rosa đã nói đầy ngụ ý... vì kể làm gì cái thằng Kiki đồng tình luyện ái cũng sẽ có mặt. Tôi vội vã quay ra, đi mua một bó hoa, một trái dứa, một cái mũ đồ chơi trẻ con và một thanh sô-cô-la.

Rosa chào đón tôi với nụ cười của một mệnh phụ. Áo diện áo dài đen khoét rộng cổ và ngực ở đầu bàn. Những chiếc răng vàng của ả lóe sáng. Tôi hỏi thăm con nhóc của ả, gửi ả cầm về cho con bé chiếc mũ bằng nhựa và thanh sô-cô-la. Mặt ả sáng rỡ lên.

Tôi quay sang trao cho Lilly trái dưa và bó hoa. “Xin chúc cô hạnh phúc!” “Anh ấy bao giờ cũng là một con người hào hoa, phong nhã!”, Rosa nói. “Giờ thì lại đây, anh Robby, ngồi giữa hai chúng em đây này”.

Lilly là bạn thân nhất của Rosa. ả đã qua một thời oanh liệt. ả từng là nổi thềm khát không bao giờ đạt được của mỗi ả điểm hạng xoàng: một gái chơi nơi khách sạn. Một gái chơi khách sạn không khi nào đứng đường... ả ở trong khách sạn và tiếp khách cũng tại đó. Hầu hết các ả điểm không làm được như thế... họ không có đủ váy áo và cũng chẳng đủ tiền để có thể chờ đợi lâu lâu mới có khách chơi. Tuy chỉ hành nghề trong những khách sạn tỉnh lẻ, nhưng suốt từng ấy năm, Lilly đã dành dụm ngót nghét bốn ngàn mác. Bây giờ ả muốn lấy chồng. Gã chồng tương lai của ả là chủ một cửa hiệu nhỏ chuyên nhận bắc các loại ống dẫn. Biết tổng quá khứ của ả, nhưng gã mặc kệ. Trong tương lai gã có thể yên tâm được; điểm mà lấy chồng lại đáng tin cậy. Các ả ném mùi đời và đã chán ngấy. Các ả sẽ thủy chung.

Lilly sẽ cưới vào thứ Hai tới. Hôm nay Rosa đãi một tiệc cà phê chia tay cô bạn thân. Các ả đến đông đủ để ngồi với Lilly lần chót. Sau lễ cưới, ả chẳng thể đặt chân đến chốn này.

Rosa rót cho tôi một tách cà phê. Alois nhón chân đi vào với một chiếc bánh gatô bự có rắc nho khô, hạnh nhân và vỏ chanh xanh tằm đường. Rosa xắt vào đĩa cho tôi một miếng cỡ to. Tôi hiểu mình phải làm gì. Vẻ sành sỏi, tôi ném một miếng và làm bộ mặt sừng sốt cực độ. “Cha mẹ ơi, thứ này chắc chắn không thể mua ở tiệm...”

“Bánh em tự làm đấy”. Rosa sung sướng khoe. ả là một tay nấu nướng cừ khôi và rất thích được khen. Đặc biệt món thịt kho và bánh gatô ả làm thì đồ ai bì kịp. Con gái Bohemia có khác.

Tôi đưa mắt nhìn quanh. Họ ngồi đó vây quanh bàn, những cô thợ trong vườn nho của Chúa, những kẻ sành người đời nhưng không biết dối lừa, những người lính của tình yêu;... Wally, Người Đẹp, mới đây vừa bị đánh cắp mắt con chó trắng trên một chuyến xe đêm... Lina, bắt chắp cái chân gỗ vẫn tìm được người tình: Fritzzi, ả điểm si mê chàng Alois chân bẹt, dẫu rằng nếu muốn, ả đã có thể sở hữu một căn hộ riêng lẫn tay nhân tình vẫn bao ả; ... Margot với đôi má đỏ hây hây bao giờ cũng lượn lờ trong bộ cánh nàng



hầu, nhờ đó chuyên vớ được khách sộp;... Marion, cô em trẻ nhất, rạng rỡ và vô tư lự;... Kiki, kẻ không được coi là đàn ông, bởi hắn mặc váy đàn bà và tô son điểm phấn;... Mimi, con vật tội nghiệp, đi đứng lúc nào cùng khó khăn do cái tuổi bốn mươi lăm và chứng giãn tĩnh mạch;... vài cô nàng bán bar và hầu bàn mà tôi không quen;... cuối cùng là Muttchen, khách mời danh dự thứ hai, nhỏ thó, xám xịt, và nhăn nheo như một trái táo héo mùa đông, ai cũng tin cây mụ, mụ là niềm an ủi, là chỗ dựa của những cô gái ăn sương, Muttchen với cái nôi xúc xích đến từ góc phố Nikolai là quán ăn điếm tâm biết bay, là công sở lưu động về đêm, ngoài những chiếc xúc xích Frankfort con con, mụ con bán vụng thuốc lá, kẹo cao su, và có thể còn bố thí.

Tôi biết cần xử sự ra sao. Không một lời đả động tới chuyện làm ăn, không một ám chỉ khiếm nhã vào tôi nay... quên đi thành tích tuyệt vời của Rosa đã khoác cho ả cái biệt danh “con ngựa sắt”, quên đi những dan díu tình ái của Fritzi với lão buôn gia súc Stefan Grigoleit;... quên đi những điệu nhảy uốn éo của Kiki xung quanh giỏ bánh muối vào lúc tảng sáng. Cuộc trò chuyện này chỉ có thể làm danh giá cho đám các bà các cô.

“Cô chuẩn bị xong cả rồi chứ, Lilly?”, tôi hỏi.

Ả gật đầu. “Em đã có sẵn của hồi môn từ lâu rồi”.

“Món hồi môn tuyệt vời”, Rosa nói. “Không thiếu từ cái khăn đăngten trở đi”.

“Người ta cần khăn đăngten để làm gì?”, tôi hỏi.

“Kìa anh Robby!” Rosa nhìn tôi đầy trách móc, khiến tôi vội vã nói rằng tôi nhớ ra rồi. Những cái khăn đăngten... rồi chiếc thuyền buồm nhỏ bằng gỗ, dĩ nhiên rồi, chúng là biểu tượng cho sự phong lưu trưởng giả, biểu tượng thiêng liêng của hôn nhân, của thiên đường đã mất. Phải, tất cả bọn họ đều có bản tính dĩ điểm, họ là những kẻ thất cơ lỡ vận do cuộc sống tư sản đưa lại. Mơ ước thầm kín của họ là chiếc giường cuối: chứ đầu phải lồi sống trác táng. Nhưng họ không đời nào để lộ ra.

Tôi ngồi vào đàn dương cầm. Rosa chỉ mong có thế. Cũng như thầy các cô gái này, ả yêu âm nhạc.

Để chia tay, tôi chơi lại một lần nữa tất cả các bài mà Lilly và các cô bạn của ả ưa thích. Mở đầu là bài Lời cầu nguyện của nàng trinh nữ. Tuy cái nhan đề không hoàn toàn thích hợp với bối cảnh nhưng đây cũng chỉ là một khúc hát đòi hỏi kỹ thuật cao, nhiều luyện láy. Tiếp đến bày chim nhỏ, Ráng hồng trên đỉnh Alpes, Khi tình yêu chết, Bạc triệu của chú hề, và cuối cùng:

Tôi muốn trở lại quê hương, bài ca mà Rosa đặc biệt yêu thích. Gái điếm là những kẻ chai sạn nhất, đồng thời lại cũng đa cảm nhất. Thấy các ả đều hát theo. Anh chàng Kiki đồng cô một mình một giọng.

Lilly ra về. ả phải đi đón vị hôn phu của ả. Rosa nồng nhiệt ôm hôn bạn. “Tốt đẹp cả nhé, Lilly! Đừng để bị bắt nạt nhé!”

Lilly đi khỏi với hai tay ôm đầy quà tặng. Có quỷ thần chứng giám, gương mặt ả đổi khác hoàn toàn so với trước đây. Những nét trơ trên vốn hằn trên tất thấy những kẻ nào dính dáng đến thói đê tiện của con người giờ đã bị xóa sạch, gương mặt trở nên mềm dịu hơn và thật sự phảng phất chút gì đó của một nàng trinh nữ mới lớn.

Chúng tôi ra trước cửa vẫy theo Lilly. Đột nhiên Mimi òa khóc. Chính ả cũng từng có chồng. Trong chiến tranh, chồng ả chết vì lao phổi. Giá như anh ta tử trận thì ả đã được lĩnh một món tiền tuất nho nhỏ và không phải ra đứng đường. Rosa vỗ về lưng ả. “Thôi nào, Mimi, đừng sụt mướt thế đi! Vào đây, bọn ta làm thêm một ngụm cà phê nữa!”

Cả đám kéo nhau trở vào cái tiệm Quốc Tế tôi tắm chẳng khác gì một bầy gà lên chuồng. Thế nhưng không khí không được như trước. “Để kết thúc, hãy chơi thêm một bài nữa đi, anh Robby!”, Rosa nói “Cho chúng em tươi tỉnh lên tí!”

“Được”, tôi đáp. “Chúng ta hát bài Hành khúc anh em chiến hữu cũ nhé”.

Sau đó tôi cũng cáo biệt. Rosa còn dúi cho tôi một gói bánh ngọt nữa. Tôi tặng gói bánh cho thằng con của Mutchen lúc ấy vừa bắc xong chảo xúc xích buổi tối ở ngoài phố.

Tôi ngẫm nghĩ xem nên làm gì bây giờ. Đến quán rượu thì tôi không muốn một chút nào, cũng chẳng thiết vào rạp chiếu bóng; hay về xưởng vậy? Tôi phân vân ngó đồng hồ. Tám giờ tối. Lúc này Koster hẳn đã quay về. Có mặt cậu ta, Lenz sẽ không thể lái nhái hàng giờ về cô gái nữa. Tôi bèn về xưởng.

Trong phòng sáng đèn. Không riêng trong phòng... mà khắp sân đều sáng choang. Có một mình Koster ở đấy. “Làm trò gì ở đây thế, Otto?”, tôi hỏi. “Hay là cậu bán được chiếc Cadillac rồi?”

Koster cười. “Đâu có, Gottfried nó chỉ rọi đèn một chút cho vui”.

Cả hai đèn pha của chiếc Cadillac đều sáng rực. Chiếc xe được đẩy vào vị trí sao cho luồng đèn xuyên qua cửa sổ chiếu ra sân, xói vào giữa cây mận

nở đầy hoa trắng. Cái cây đứng đó trắng xóa như phấn, trông thật đẹp. Bóng tối ở hai bên chẳng khác gì biển đen rì rầm vỗ sóng.

“Tuyệt vời”, tôi nói. “Thế cậu ấy đâu rồi?”

“Đi kiếm chút gì về ăn”.

“Một ý xuất chúng đấy. Mình cảm thấy người hơi lung liêng. Nhưng có thể chỉ vì đói”.

Koster gật đầu. “Ăn bao giờ cũng tốt. Đó là nguyên tắc cơ bản của thầy các chiến binh cũ. Chiều nay mình cũng làm một việc có chiều lung liêng. Mình đã đăng ký cho chiếc Karl đua đấy”.

“Thật sao?”, tôi hỏi. “Đua lần thứ sáu?”. Cậu ta gật đầu.

“Nhưng mẹ kiếp, Otto, toàn những chiếc xe cự phách cả”.

Cậu ta lại gật. “Braumuller trong chiếc xe thể thao thượng hạng”.

Tôi xắn tay áo lên. “Thế thì bắt tay vào việc thôi, Otto! Ta sẽ lau dầu kỹ lưỡng cho cái xe thân yêu nhất của cả bọn”.

“Hăng khoan!”, con người lẳng mạn cuối cùng vừa về đến nơi bèn kêu lên “Ních no bụng cái đã!” Cậu ta giở đồ ăn tối ra... pho mát, bánh mì, xúc xích hun khói rắn như đá, và cá trích. Vừa ăn chúng tôi vừa uống bia ướp lạnh. Ba thằng ăn lấy ăn để như cánh thợ đập lúa đói rã vẫn ăn. Rồi cả bọn đến bên chiếc Karl. Hai giờ liền chúng tôi loay hoay với nó, kiểm tra và bôi dầu từng bộ phận một. Sau đó Lenz và tôi lại chén thêm lần nữa. Bây giờ Lenz bật luôn cả đèn của chiếc Ford. Ngẫu nhiên mà một đèn pha của nó vẫn lảnh lảnh sau cú đâm đêm nào. Từ cái khung xe quần vênh, cái đèn trần trần ngó xéo lên trời. Lenz hài lòng quay người lại. “Thế đấy, Robby, giờ hãy lôi lũ chai ra đây. Bọn ta sẽ uống mừng hội cây trở hoa”.

Tôi đặt lên bàn chai cognac, chai gin và hai cái ly.

“Thế ly của cậu đâu?”, Gottfried hỏi.

“Mình không uống”.

“Cái gì? Tại sao không?”

“Vì mình đã chán ngấy cái trò nhậu nhẹt khôn kiếp này”.

Lenz quan sát tôi một lát. Đoạn cậu ta bảo Koster: “Thằng bé của tụi mình quá chén mất rồi, Otto ơi”.

“Cậu ta đã không muốn uống, thì mặc cậu ta”.

Lenz rót cho mình một ly đầy. “Ít bữa nay chú chàng có hơi điên điên”.

“Điên thôi đã may”, tôi đáp.

Phía sau mái nhà của xí nghiệp đối diện nhô lên vàng trắng to và đỏ ối. Chúng tôi ngồi im hồi lâu. “Nói thử xem, Gottfried”, tôi mở đầu, “cậu là một chuyên gia trong tình yêu, đúng chứ?”

“Chuyên gia thôi ư? Mình là bậc thầy già đời trong tình yêu”, Lenz khiêm tốn đáp.

“Hay lắm. Cụ thể mình muốn biết có thật khi yêu con người ta bao giờ cũng xử sự ngớ ngẩn không?”

“Sao lại ngớ ngẩn?”

“À như thể bị ngã say ấy. Lảm nhảm, tán nhăng tán cuội và bịp bợm”.

Lenz phá lên cười. “Nhưng bé yêu ơi! Toàn bộ trò yêu đương chẳng qua cũng chỉ là trò bịp bợm. Thói bịp bợm do Bà Mẹ Thiên Nhiên sinh ra. Hãy nhìn cây mận kia xem! Nó cũng đang bịp bợm đấy. Nó tự tô điểm đẹp hơn bản thân nó. Thật là quái dị nếu tình yêu lại dính dáng đến sự thật, ơn Chúa, những nhà luân lý chết tiệt đâu sao cũng chưa trần áp được hết thầy”.

Tôi nhòm dậy. “Cậu cho rằng không thể có tình yêu mà không có chút bịp bợm sao?”

“Hầu như không, bé ạ”.

“Nhưng đâu sao con người vẫn có thể tự biến mình thành lỗ bịch một cách đáng nguyên rủa”.

Lenz cười nhăn nhó. “Hãy nhớ lấy một điều, chú em: không, không và không bao giờ ta có thể biến bản thân ta thành lỗ bịch trước người đàn bà, một khi ta làm chút gì đó vì nàng. Ngay cả trong những vai kịch đóng tôi nhất. Xin cứ làm những gì cậu muốn... trồng cây chuối, ba hoa những điều thậm ngu ngốc, phô trương như một con công, hoặc ngêu ngao hát trước cửa sổ nhà nàng, chỉ một điều xin chớ: ấy là chớ thực tế! Chớ nghiêm chỉnh!”

Tôi trở nên hoạt bát. “Ý kiến cậu thế nào, Otto?”

Koster cười. “Chắc cũng thế thôi”.

Cậu ta đứng dậy và mở nắp máy chiếc Karl. Tôi đi lấy chai rum và một cái ly, đặt trên bàn. Otto cho xe khởi động. Tiếng máy nổ rất trầm và âm. Lenz gác cả hai chân lên bậu cửa sổ, mắt trôn trôn nhìn ra ngoài. Tôi ngồi xuống bên cậu ta. “Đã bao giờ cậu say rượu khi cùng ngồi với một phụ nữ chưa?”

“Thường xuyên”, cậu ta đáp, không hề nhúc nhích.

“Rồi sao?”

Cậu ta hiếng mắt nhìn tôi. “Ý cậu muốn hỏi là sau khi mình lỡ thất thố ấy à? Không bao giờ xin lỗi, bé yêu ạ. Không nhiều lời. Hãy gửi hoa. Không thư từ gì sốt. Chỉ có hoa mà thôi. Hoa sẽ phủ kín tất tật. Thậm chí cả những nấm mồ”.

Tôi nhìn Lenz. Cậu ta không động đậy. Cặp mắt cậu ta lóng lánh phản chiếu ánh sáng trắng bên ngoài. Động cơ ô-tô vẫn nổ, khẽ rừ rì, tuồng như mặt đất đang rung rung dưới chân chúng tôi.

“Giờ đây mình có thể thực sự bình tâm uống tí chút”, tôi nói và mở chai rượu.

Koster tắt máy, đoạn quay sang Lenz. “Bây giờ trăng đủ sáng để có thể nhìn thấy ly rượu rồi đấy, Gottfried. Tắt đèn xe đi. Đặc biệt là chiếc Ford. Với cái đèn pha hắt ngược lên, của nợ ấy khiến mình liên tưởng đến chiến tranh. Hay ho gì đâu khi đêm đêm đèn cứ rọi lên trời rình máy bay...”.

Lenz gật đầu. “Nó nhắc mình nhớ tới... chà, thôi mặc!” Cậu ta đứng lên và tắt các ngọn đèn pha.

Trăng đã lên khỏi mái xí nghiệp. Mỗi lúc một tỏ. Và lúc này lơ lửng như một chiếc đèn lồng vàng treo trên cành mạn. Những cành lá khẽ đung đưa trong gió thoảng. “Quái lạ thật”, Lenz nói sau một lát im lặng, “Cả sao thiên hạ dựng tượng đài cho đủ loại người... mà không một lần tạc một vàng trắng hoặc một cái cây đang đâm hoa?”

Tôi về nhà sớm. Khi mở cửa hành lang, tôi nghe có tiếng nhạc. Lại chiếc máy quay đĩa của cái cô thư ký Erna Bonig. Một giọng nữ trong trẻo và khẽ khàng. Rồi dồn dập tiếng vĩ cầm trầm đục, tiếng búng bănggiô. Và giọng hát lại cất lên, thiết tha, êm ái, như ngập tràn hạnh phúc. Tôi lắng tai nghe cho rõ lời. Cái giọng nữ hát lên khe khẽ trong khoang hành lang tối tăm này, giữa chiếc máy khâu của bà Bender và hòm xiềng của gia đình Hasse, nghe sao xúc động lạ lùng. Tôi nhìn chiếc đầu lợn lòi nhồi treo trên cửa bếp. Tôi nghe ả người ở xúng xoảng với đồng bát đĩa. “Làm sao em có thể sống thiếu anh”, tiếng hát vẳng lại từ sau cánh cửa cách tôi vài bước chân.

Tôi nhún vai, bỏ vào buồng mình.

Ở phòng bên có tiếng cãi vã giận dữ. vài phút sau có người gõ cửa, Hasse bước vào.

“Tôi có làm phiền anh không?” ông hỏi, vẻ mệt mỏi.

“Không phiền gì đâu ạ”, tôi nói. “Bác uống chút gì nhé?”

“Tốt hơn là đừng. Tôi ngồi nhờ một lát thôi”.

Ông đờ đẫn nhìn ra trước mặt. “Anh thế mà lại sưng”, ông nói, “anh độc thân...”

“Ồ, chuyện vợ vắn”, tôi đáp. “Lúc nào cũng ngồi thu lu một mình thế này cũng chẳng ra sao... Bác cứ tin tôi đi...”

Ông ngồi ủ rũ trong chiếc ghế bành. Mắt ông đục lờ trong ánh sáng mờ ảo mà những ngọn đèn đường ngoài kia hắt vào. Đôi vai trĩu, gầy guộc... “Tôi đã hình dung cuộc đời hoàn toàn khác”, ông nói sau một lát im lặng. “Chúng ta ai cũng thế cả”, tôi nói.

Nửa giờ sau ông lại về phòng bên để dàn hòa với vợ. Tôi đưa ông vài tờ báo và nửa chai Curasao sót lại không biết từ đời thưở nào trên nóc tủ - một thứ rượu ngọt, vị khó chịu, nhưng lại rất tốt cho ông. Thì ông có hiểu quái gì về rượu đâu.

Nhẹ nhàng, gần như không tiếng động, ông đi ra, một cái bóng chìm trong bóng tối, tuồng như ông đã tắt ngấm. Tôi đóng cửa lại sau lưng ông. Từ hành lang lại bay vào cái thứ âm nhạc giẻ rách tựa một chiếc khăn lụa màu - tiếng vĩ cầm, tiếng bănggiô trầm đục - “Làm sao em có thể sống thiếu anh...”

Tôi ra ngồi bên cửa sổ. Ngoài kia, nghĩa trang đăm mình trong ánh trăng lơ. Những khối vuông sặc sỡ của các biển đèn quảng cáo nhảy nhót trên những ngọn cây, và những tấm bia đá sáng lấp lánh. Chúng câm lặng, không chút sợ hãi. Xe hơi lao vèo vèo sát chúng, ánh đèn pha quét loang loáng trên những dòng chữ nhòa nhạt bởi phong sương.

Tôi ngồi như thế khá lâu, nghĩ tới đủ thứ chuyện. Nhớ cả ngày nào chúng tôi từ mặt trận trở về, trẻ trung, mất lòng tin, như những người thợ mỏ được lôi lên khỏi một đường hầm bị sập. Chúng tôi muốn tuồn hành chống lại thói dối trá, thói vị kỷ, lòng tham và sự nhẫn tâm, những thứ đã gây nên cái thảm họa mà chúng tôi đã phải trải qua... chúng tôi đã từng tàn ác, từng không có sự tin cậy nào khác ngoài sự tin cậy thẳng bạn kề bên mình, và một niềm tin nữa chưa hề biết phản bội: đó là tin vào bầu trời, thuốc lá, cỏ cây, bánh mì và mặt đất... nhưng chúng tôi đã đạt được gì chứ? Tất cả đều bị sụp đổ, bị nguy tạo, bị quên lãng, và kẻ nào không quên nổi, kẻ đó chỉ còn sống trong bất lực, tuyệt vọng, lãnh đạm và rượu mạnh, cáo chung rồi cái thời đại của những ước mơ trượng phu vĩ đại. Những kẻ siêng năng hể hả. Tham những. Lầm than.

“Anh thế mà lại sướng, anh độc thân” Hasse đã nói như vậy. Kẻ cũng hay thật... kẻ nào độc thân, kẻ đó không sợ bị bỏ rơi. Nhưng thỉnh thoảng tôi đến, tòa nhà giả tạo sụp đổ, cuộc sống biến thành một giai điệu nức nở, dai dẳng, một cơn lốc của khát vọng điên cuồng, của thèm muốn, sâu muốn, và niềm hy vọng được thoát khỏi trạng thái tê liệt vô nghĩa này, thoát khỏi cái điệp khúc vô nghĩa của chiếc đàn oóc quay tay muôn thưở này, rồi muốn đến đâu thì đến. Chao, cái nhu cầu ít ỏi được một chút tình người - nó không thể là hai bàn tay và một gương mặt cúi xuống với ta sao? Hay nó cũng chỉ là lừa gạt, từ bỏ và trốn tránh? còn cái gì khác hơn là sự cô đơn?

Tôi đóng cửa sổ lại. Không, không còn gì khác cả. Mảnh đất dưới chân ta đây quá hẹp, không đủ chỗ cho những thứ khác.

Nhưng sáng hôm sau tôi ra khỏi nhà từ rất sớm, tôi gõ cửa một hiệu hoa nhỏ trước khi đến xưởng. Tôi chọn một bó hồng và nhờ chủ hiệu gửi đi tức khắc. Tôi có cảm giác kỳ lạ khi thông thả ghi lên tấm thiệp cái địa chỉ: Patrice Hollmann.

# CHƯƠNG 5

Koster đã đánh bộ complê tàng của mình đến sở Tài chính, cậu ta tính chuyện xin giảm thuế cho chúng tôi. Trong xưởng còn lại mỗi Lenz và tôi. “Bắt đầu thôi, Gottfried” tôi nói, “ta sửa sang cho anh chàng Cadillac kèn càng này đi”.

Chiều qua bài quảng cáo của chúng tôi đã được rao đăng. Như vậy hôm nay chúng tôi có thể lờng đến chuyện tiếp khách hàng... nếu như có ai đó tìm đến. Có nghĩa là phải chuẩn bị cho chiếc xe.

Trước tiên chúng tôi lảng một lượt nước bóng ra ngoài lớp sơn xe. Chiếc xe bóng lộn lên, trông phải đáng giá trên trăm mác nữa. Rồi chúng tôi tra vào động cơ xe thứ dầu quánh nhất mà mình có. Pittông không còn hoàn hảo nên đã hơi kêu. Nhờ dầu đặc, nhờn điếm đó đã được khắc phục, máy nổ êm tuyệt. Chúng tôi cũng phết dầu đặc vào hộp số và bánh visai, sao cho chúng chạy êm ru.

Rồi chúng tôi cho xe chạy thử. Gần đây có một quãng đường cực xấu. Chúng tôi vượt nó với tốc độ năm mươi kilômét giờ. Giàn đồng lách cách. Chúng tôi xì bốt một phần tư hơi ra khỏi các lớp xe, rồi thử lần nữa. Đã khá hơn. Chúng tôi lại xì bốt hơi. Bây giờ không còn xốc chút nào.

Chúng tôi quay xe về xưởng, phết mỡ vào chiếc mui xe cọt kẹt, lót thêm vào giữa các khe một ít cao su, đổ nước nóng vào bộ tản nhiệt để máy nổ dễ dàng, và một lần nữa dùng máy thổi bụi xịt dưới gầm xe cho gầm xe cũng sáng bóng lên. Xong xuôi, Gottfried Lenz giơ hai tay lên trời. “Giờ hãy đến đây, hơi vị khách hàng được chúc phúc! Hãy đến đây, hơi chủ nhân ông đáng yêu của những chiếc ví dày cộm! Chúng tôi mong mỗi ngài như chú rể ngóng đợi cô dâu!”

Cô dâu vẫn chưa chịu đến. Thấy vậy chúng tôi đẩy cái đầu máy kếp xù của lão chủ hiệu bánh lên mặt hồ và bắt đầu tháo trực trước. Chúng tôi lặng lẽ làm việc mấy giờ liền, chẳng nói chẳng rằng. Bỗng từ cây xăng vắng vào tiếng Jupp huýt sáo bài Nghe kia có gì đi vào... Tôi nhảy lên khỏi hồ, nhìn ra cửa sổ. Một lão thấp béo lượn lờ quanh chiếc Cadillac. Dáng vẻ tự sản, khôn ngoan. “Nhìn xem, Gottfried” tôi thì thào, “cô dâu đó chẳng?”

“Chính cựa”, mới thoáng nhìn, Lenz đã tuyên bố, “Trông cái mặt lão kia! Chưa gặp ai mà lão đã thủ thế rồi. Nhanh chạy ra tiếp lão đi! Mình ở lại đây làm lính dự bị. Mình sẽ ra ứng cứu nếu cậu không đương đầu nổi với lão.



Nhớ các mảnh khóe mình đã bày cho đây!”

“Được rồi”. Tôi đi ra.

Lão đàn ông nhìn tôi với cặp mắt đen thông minh. Tôi tự giới thiệu. “Tôi là Lohkamp”.

“Tôi là Blumenthal”.

Tự giới thiệu là mảnh khóe thứ nhất của Gottfried, cậu ta quả quyết rằng sau đó không khí sẽ lập tức trở nên thân mật hơn. Mảnh khóe thứ hai là phải mở đầu hết sức dè dặt và thăm dò khách hàng để có thể bập vào những điểm lợi hại.

“Ngài tới để xem chiếc Cadillac phải không ạ, thưa ngài Blumenthal?” Tôi hỏi. Blumenthal gật đầu.

“Nó đây”, tôi chỉ chiếc xe.

“Tôi thấy rồi”. Blumenthal đáp.

Tôi liếc nhanh lão ta. Hãy dè chừng! Tôi nghĩ, một tay quý quyết đây! Chúng tôi đi qua sân. Tôi mở cửa xe và cho máy chạy. Rồi tôi im lặng để Blumenthal có thời gian xem xét. Thế nào lão chẳng bới ra điểm gì đó để chê bai, khi ấy tôi sẽ lựa lời đối đáp.

Nhưng Blumenthal không xem. Lão cũng chẳng chê bai. Lão nín thinh như tôi, và đứng ngay đơ tựa trời trong. Tôi không còn cách nào khác là phó mặc cho may rủi.

Từ tốn, tôi bắt đầu mô tả tuần tự chiếc Cadillac, chẳng khác gì bà mẹ phô đũa con của mình, vừa nói tôi vừa thăm dò xem lão có hiểu tí gì về xe cộ không. Nếu lão là tay sành xe hơi, tôi phải kể tỉ mỉ về động cơ và khung xe... còn nếu lão mù tịt, tôi sẽ huyên thiên về đủ các thứ tiện nghi, phụ tùng.

Nhưng đến lúc này lão vẫn kín bưng. Lão mặc cho tôi nói kỳ tới khi tôi cảm giác mình chơi voi như trái bóng bay thì thôi.

“Ngài định dùng chiếc xe vào việc gì ạ? Để đi lại trong thành phố hay đi du lịch?” cuối cùng tôi hỏi, xem may ra tìm được một điểm mà vin vào chẳng.

“Mọi việc” Blumenthal đáp.

“Thế ạ! Ngài định lái lấy hay dùng tài xế?”

“Còn tùy”.

Còn tùy. Lão ném ra những câu trả lời như một con vẹt. Hình như lão là

hội viên “Hội những người anh em câm lặng”.

Đề khiến lão hoạt bát lên, tôi gắng tìm bất kỳ một thứ gì cho lão thử. Thông thường nhờ vậy các khách hàng sẽ trở nên cởi mở hơn. Chứ cứ đà này, tôi e lão ngủ gật mất.

“Chiếc xe đồ sộ thế, nhưng mui lại đóng mở rất dễ dàng”, tôi nói. “Ngài thử đóng mà xem. Chỉ cần dùng một tay”.

Nhưng Blumenthal cho rằng không cần thiết. Lão nhìn cũng đủ. Tôi đóng sập các cánh cửa, và lay lay những chiếc tay cầm.

“Không chút lỏng lẻo. Chắc như bánh Lái! Ngài lắc thử xem”.

Blumenthal chẳng buồn thử. Lão coi đó là lẽ đương nhiên. Thằng cha đúng là quả hạt dễ chết tiệt khó nhá.

Tôi giới thiệu với lão các tấm kính xe. “Quay lên quay xuống dễ như bỡn. Để cỡ nào, giữ nguyên cỡ đó”.

Lão vẫn không nhúc nhích.

“Mà lại toàn kính không vỡ cơ đấy ạ”, tôi tiếp, lòng đã hơi hoang mang. “Lợi vô kê! Ở đằng kia trong xưởng có chiếc Ford...” tôi thuật lại câu chuyện thương tâm xảy ra với vợ lão chủ hiệu bánh, có thêm mắm thêm muối chút đỉnh, bằng cách cho một đứa trẻ nữa cùng lâm nạn.

Nhưng Blumenthal có cuộc sống nội tâm khép kín như một két bạc.

“Xe nào chẳng có kính không vỡ”, lão ngắt lời tôi, “có gì đặc biệt đâu”. “Không loại xe nào được lắp toàn kính không vỡ cả”, tôi đáp, gay gắt những vẫn cố mềm mỏng. “Giỏi lắm chỉ tấm kính trước, mà ở đôi loại thôi. Chứ cửa sổ to bên cạnh mà được lắp kính không vỡ thì đào đâu ra”.

Tôi bóp còi kêu bim bim rồi xoay sang mô tả những tiện nghi bên trong... thùng, nệm ngồi, các túi, bảng đồng hồ điện - tôi liệt kê tỉ mỉ không thiếu thứ gì, thậm chí còn bật lửa cho Blumenthal châm thuốc và thừa dịp đưa thuốc lá ra mời để lấy lòng lão, nhưng lão từ chối.

“Cám ơn, tôi không hút”, lão nói và nhìn tôi vẻ chán chường đến nỗi tôi đột nhiên sa vào một mối ngờ vực khủng khiếp: có lẽ lão không hề định tìm đến chúng tôi, có lẽ lão chỉ lạc nẻo tới đây chứ lão chủ tâm mua một cái gì hoàn toàn khác kia: một chiếc máy thừa khuyết hoặc một chiếc radiô, và lão chỉ hơi tần ngần dừng bước ở đây trước khi tiếp tục đường lão.

“Ta đi thử một vòng chứ, thưa ngài Blumenthal?” cuối cùng, đã rất thối chí, tôi đề nghị.

“Đi thử à?” Lão hỏi lại, cứ như lão vừa nghe tôi rủ ra ga làm một chuyến chu du bằng tàu hỏa không bằng.

“Phải, đi thử. Ngài cần thấy tận mắt chiếc xe chạy ra sao chứ. Nó như tấm ván đặt trên mặt đường, cũng giống đặt trên đường ray vậy, và máy cứ thế lôi nó lướt đi, cỗ xe nặng nề thế mà chỉ còn như một chiếc lông to lao vun vút...”

“Dào ôi, thử thiếc gì...” lão phẩy tay ra ý khước từ. “Những chuyến đi thử có ăn nhằm gì đâu. Bao giờ cũng vậy, dùng xe ít bữa mới thấy các khuyết tật của nó”.

Cố nhiên rồi, đồ quý giá rắn hơn gang, tôi giận dữ rửa thềm, dễ thương lão tưởng ta đây sẽ tông tốc khai ra với lão chiếc xe trục trặc chỗ nào chắc?

“Được, thì thôi vậy”, tôi nói, vất bỏ mọi hy vọng. Rõ ràng lão chẳng muốn gì cả.

Nhưng lão đột nhiên xoay người lại, nhìn chăm chăm vào mắt tôi và hỏi khẽ, rất nhanh, giọng cương quyết: “Chiếc xe giá bao nhiêu?”

“Bảy ngàn mác”, tôi bật nhanh như tên bắn, mặt tỉnh khô không động đậy một sợi lông mi. Tôi biết không được để lão già này nhận thấy mình suy nghĩ, dù chỉ trong nháy mắt. Mỗi giây do dự sẽ đi đứt cả ngàn mác, cái ngàn mác mà lão sẽ cò kè đòi bớt. “Đúng bảy ngàn”, tôi khẳng định lại, bụng nghĩ: cứ xùy ra đây năm ngàn, chiếc xe là của lão. Nhưng Blumenthal chẳng xùy ra đồng nào. Lão chỉ phì một hơi ngắn: “Đắt quá!” “Tất nhiên!” tôi nói, thầm tính chuyện cho đi cái vụ mời chào này.

“Tất nhiên là nghĩa thế nào?” Blumenthal hỏi, giọng bỗng khá hiền hậu. “Ngài Blumenthal”, tôi cắt nghĩa, “ở thời buổi này, ngài đã thấy kẻ nào trả lời khác ngài khi nghe nêu một cái giá hay chưa?”

Lão chăm chú nhìn tôi. Có chút gì như ánh cười lướt qua gương mặt lão. “Đúng vậy. Nhưng chiếc xe quả khá đắt”.

Tôi không dám tin vào tai mình. Rốt cuộc thì nó đây rồi, cái giọng thật của lão. Giọng của một kẻ rõ ràng quan tâm đến mặt hàng! Hay đây lại là trò tinh quái khôn khiếp mới của lão?

Đúng lúc đó, một công tử bột hào hoa phong nhã đi vào sân. Chàng ta rút trong túi ra một tờ báo, xem lại số nhà lần nữa, rồi mới tiến lại gần tôi. “Ở đây có bán chiếc Cadillac phải không?”

Tôi gật đầu, há hốc mồm nhìn chiếc can sậy vàng óng và đôi găng tay bằng da thú của anh chàng.

“Tôi có thể xem qua được chứ?” chàng công tử bột hỏi tiếp, mặt tỉnh khô. “Chiếc xe này đây”, tôi nói, “nhưng có lẽ ngài vui lòng chờ cho một lát, tôi đang dở chút việc. Ngài ngồi tạm trong kia được chứ ạ?”

Chàng công tử bột lắng nghe tiếng động cơ rừ rừ, nét mặt thoát đầu cau lại vẻ sẫm soi, sau giãn ra tán thưởng, đoạn theo tôi đi vào xưởng.

“Đồ ngốc”, tôi gầm gừ với hắn rồi tắt tời quay lại chỗ Blumenthal.

“Nếu ngài dùng chiếc xe một lần rồi, ngài sẽ suy xét đúng nó đắt hay rẻ”, tôi nói. “Ngài cứ việc thử nó bao lâu tùy thích. Hay tôi tới nhà đón ngài chạy thử xe vào buổi tối cũng được, nếu như thế tiện cho ngài hơn”.

Nhưng sự rung động thoáng qua đã bay biến. Blumenthal lại đứng đó như một nhạc trưởng tạc từ đá granit. “Thôi khỏi cần”, lão nói, “giờ tôi phải đi. Trường hợp tôi có ý định thử xe, tôi còn có thể gọi điện cho anh mà”.

Tôi hiểu tạm thời không thể làm gì hơn. Lão là loại người không thuyết phục nổi.

“Tốt thôi”, tôi nói, “nhưng ngài không muốn cho tôi số điện của ngài sao, để tôi có thể báo tin cho ngài trường hợp có một ai khác quan tâm đến chiếc xe?”

Blumenthal nhìn tôi một cách kỳ quái. “Người quan tâm chưa hẳn là người mua”.

Lão móc trong túi ra một hộp xì gà chìa mời tôi. Đột nhiên lão còn hút thuốc nữa chứ. Thậm chí loại Corona - Coronas hẳn hoi... hẳn lão có hàng núi tiền. Nhưng tôi đâu thèm bận tâm tới điều đó nữa. Tôi rút một điếu. Lão vui vẻ bắt tay tôi và bỏ đi. Tôi nhìn theo lão, nguyên rửa lão, khề thôi, nhưng rửa cho thật hả. Đoạn tôi bỏ vào xưởng.

“Thế nào?” Chàng công tử bột Gottfried Lenz chào đón tôi.

“Mình đóng trò được đấy chứ hả? Thấy cậu ngắc mãi mới được một câu mình muốn thử cứu cậu. May mà Otto đã thay bộ đồ ở đây để đến sở Tài chính. Thấy bộ đồ bánh của cậu ta treo đó... mình bèn phi nước đại vào, đóng bộ, rồi nhảy qua lối cửa sổ và lại hiện diện ở đây trong vai một quý khách đứng đắn! Bọn đấy chứ, hả?”

“Ngu ngốc thì có”, tôi đáp. “Lão cáo hơn cả hai thằng mình góp lại! Mở mắt ra mà nhìn điếu xì gà đây này. Một mác rưỡi một điếu chứ đùa đâu. cậu đã đui mắt của mình một tay tỉ phú”.

Gottfried giật điếu thuốc từ tay tôi, đưa lên mũi hít hít và châm lửa hút.

“Mình đã đuổi hộ cậu một thằng cha lừa đảo. Tỉ phú đâu có hút loại xì gà này. Lũ ấy chỉ dám dùng loại đáng giá mỗi điếu một xu”.

“Dớ dân”, tôi đáp, “những kẻ lừa đảo không tự xưng là Blumenthal. Chúng tự xưng là bá tước Blumenthal hoặc đại loại thế”.

“Lão sẽ trở lại”, Lenz nói, tràn trề hy vọng như mọi khi, và phun khói thuốc xì gà của tôi vào mặt tôi.

“Lão ấy thì đừng mong”, tôi quả quyết. “Nhưng cậu đào đâu ra cây can sậy và đôi găng tay thế?”

“Mượn. Ở đằng kia, trong cửa hiệu của Benn và Co. Mình quen một cô em bán hàng ở đó. Có lẽ mình còn mua đứt chiếc can ấy chứ, mình thích nó”.

Cậu ta mãi nguyện múa cái que bự ấy trong không khí.

“Gottfried này” tôi nói, “cậu ru rú ở đây thật uống, cậu biết mình khuyên cậu gì không? Hãy tìm đến gánh hát tạp kỹ. Đó mới là sở trường của cậu”.

“Ban nãy có người gọi điện cho ông” Frida, ả hầu mắt lác của bà Zalewski nói với tôi lúc trưa khi tôi nhảy về đến nhà.

Tôi quay phắt lại. “Lúc nào?”

“Trước đây nửa giờ. Một bà”.

“Bà ta nói gì?”

“Bà ta định gọi lại vào buổi tối. Nhưng tôi đã bảo ngay rằng vô ích thôi. Ông có bao giờ ở nhà buổi tối đâu”.

Tôi trợn mắt nhìn ả. “Cái gì? cô đã nói thế hả? Trời đất, phải có kẻ dạy cô cách nói chuyện điện thoại mới xong”.

“Tôi biết nói chuyện điện thoại”, Frida tỉnh rụi đáp. “Còn tối tối ông hầu như có bao giờ chịu ở nhà”.

“Cái đó không can hệ gì đến cô”, tôi rửa. “Lần sau dễ thường cô còn thọc mách xem bút tất của tôi có thủng lỗ nào không đây”.

“Chứ sao”, Frida đáp và ranh mãnh nhìn tôi với cặp mắt toét ba vành son son. Chúng tôi là kẻ thù cố hữu của nhau.

Tôi những muốn dúi ả vào nôi súp của ả, nhưng cố kiềm chế, thọc tay vào túi tìm đồng một mác ấn vào tay ả, đoạn, hỏi vẻ dàn hòa. “Thiếu phụ không xưng danh sao?”

“Không”, Frida nói.

“Giọng cô ta thế nào? Hơi trầm đục và dường như khàn khàn một chút, phải không?”

“Không biết”, Frida lạnh lùng đáp, cứ như tôi chẳng hề ấn vào tay ả đồng một mác.

“Cái nhẫn cô đeo ở tay kia xinh quá, quả là mê hồn”, tôi nói, “còn bây giờ cô thử nghĩ kỹ hộ xem nào, chẳng lẽ cô không nhớ nổi sao?”

“Không”, Frida đáp, một niềm vui hiềm độc ánh lên trên gương mặt ả.

“Thế thì treo cổ cô lên, đồ chối cùn của quý”, tôi thét và bỏ mặc ả đứng đó.

Đúng sáu giờ tối tôi đã có mặt ở nhà. Vừa mở cửa, tôi thấy một cảnh tượng khác thường. Bà Bender, nữ hộ lý chăm sóc trẻ bé, đứng trong hành lang, vây quanh bà là toàn thể các bà các cô sống trong nhà trọ. “Anh lại đây”, bà Zalewski gọi.

Nguyên nhân của cuộc tụ tập là một đứa bé quăng sáu tháng, được quần nơ đủ màu. Bà Bender đưa nó từ nhà nuôi trẻ của mình về trong một chiếc xe nôi. Đó là một đứa bé hoàn toàn bình thường; thế mà các bà cúi xuống nó với một vẻ mặt vui sướng đến điên cuồng, làm như nó là đứa trẻ đầu tiên thế giới sản sinh ra. Họ lại còn ríu rít trầm trồ, múa các ngón tay trước mắt cái sinh vật bé bỏng ấy và chúm môi dẫu mỡ với nó. Ngay đến Erna Bonig, mình khoác kimono thêu rồng, cũng tham dự vào cuộc truy hoan của tình mẫu tử thuần khiết, lý tưởng này.

“Nó chẳng phải là một hình hài tuyệt đẹp sao?” bà Zalewski hỏi với cái nhìn đắm đuối.

“Phải đợi hai, ba chục năm nữa mới đánh giá đúng được”, tôi đáp, mắt liếc máy điện thoại. Mong sao chuông điện thoại không réo lên vào giữa lúc ai nấy đều đang tụ tập ở đây.

“Anh thử ngắm kỹ nó xem nào!” bà Hasse ra lệnh. Tôi nhìn. Một đứa bé như mọi đứa trẻ khác. Tôi chẳng khám phá nổi một điểm gì khác thường ở nó. Họ chẳng là hai bàn tay bé tí tẹo, và thật kỳ lạ khi nghĩ bản thân mình cũng đã từng nhỏ xíu như thế. “Con sâu nhỏ tội nghiệp”, tôi nói, “nó vẫn chưa hề biết cái gì đang chờ đợi nó. Tôi muốn xem xem nó ra đời để tham dự cuộc chiến nào đây”.

“Anh Robby”, bà Zalewski nói. “Anh không có chút tình cảm nào sao?”

“Quá nhiều đặng khác”, tôi đáp, “nếu không tôi đã chẳng nghĩ như vậy”. Đoạn tôi rút lui về phòng mình.

Mười phút sau chuông điện thoại réo. Nghe gọi tên mình, tôi chạy ra. Thì đã hẵn, cả đám các bà các cô vẫn còn đó! Họ cũng chẳng buồn giải tán khi tôi áp ống nghe vào tai và nghe tiếng Patrice Hollmann cảm ơn tôi đã gửi tặng hoa. Trái lại, thằng bé, kẻ có vẻ biết điều nhất đám và đã chán ngấy cái trò khi, bỗng khóc toáng lên. “Xin lỗi cô”, tôi tuyệt vọng nói vào ống máy, “tôi không thể nghe rõ lời cô, ở đây có một đứa bé đang gào; nhưng không phải con tôi đâu”. Các bà thi nhau suýt suýt như một ổ trần không lồ để đỡ nín cái thằng cu đang oa oa đó. Các bà đã nhanh chóng thành công, ông lòi ngày càng gào khỏe hơn. Đến lúc này tôi mới nhận ra nó quả là một đứa bé phi thường: có lẽ hai lá phổi của nó phải lún dài xuống tận hai chân, nếu không làm sao lý giải nổi cái tiếng hét văng óc ấy. Tôi ở vào một tình huống khó xử; trong khi mắt phóng những tia giận dữ vào đám đàn bà phô diễn tình mẫu tử, miệng tôi lại phải lựa những lời khả ái để nói vào ống máy - tôi là bão bùng giông tố từ đỉnh đầu xuống mũi, và là trời xuân ngập nắng từ mũi xuống cằm - tôi cũng không hiểu tôi đã làm cách nào mà vẫn hẹn gặp được với nàng vào chiều mai.

“Bà nên xây lấy một phòng điện thoại cách âm”, tôi nói với bà Zalewski. Nhưng bà đâu chịu thua. “Để làm gì?” bà hỏi, mắt lóe sáng, “Anh có nhiều chuyện cần giấu diếm thế kia à?”

Tôi nín lặng, cổ dẫn lòng. Chớ nên sinh sự với những tình mẹ đang phần nộ. Họ có sau họ cái luân lý của toàn thế giới.

Mấy thằng tôi hẹn gặp nhau buổi tối tại nhà Gottfried. Tôi ăn ở một quán nhỏ, rồi đi đến đây. Dọc đường, tôi ghé vào cửa hàng thời trang nam giới lịch sự nhất mua cho mình một chiếc càvạt mới rõ bánh gọi là để mừng ngày hôm nay. Tôi vẫn ngạc nhiên vì mọi sự trôi chảy quá và tự thề rằng ngày mai tôi sẽ nghiêm nghị như ông tổng giám đốc của một nhà thầu tang lễ.

Phòng của Gottfried là cả một thắng cảnh. Trong đó treo đầy các kỷ vật mà cậu ta tha từ Nam Mỹ về. Những tấm thảm dứa sặc sỡ trên tường, vài chiếc mặt nạ, một cái đầu lâu khô cong, những cái nồi đất sét kỳ dị, lao phóng, và vật trưng bày chính yếu là bộ sưu tầm lớn những tấm ảnh phủ kín cả một bức tường - những cô nàng thổ dân, gái lai đen, những con vật xinh đẹp, nâu óng uyển chuyển, hờ hững và duyên dáng đến kỳ lạ.

Ngoài Lenz và Koster còn có cả Braumuller và Grau. Mặt rám nắng, tóc đỏ như đồng, Théo Braumuller ngả người trên đi-văng ngắm say sưa bộ sưu tập ảnh của Gottfried. Anh ta lái xe đua cho một hãng xe hơi và lâu nay kết thân với Koster. Mồng sáu tới anh ta cũng tham dự cuộc đua mà Otto đã đăng ký tham dự với chiếc Karl.

Kềnh càng, béo phì, Ferdinand Grau đã khá say ngời bên bàn. Thấy tôi, anh đưa bàn tay to bè ra kéo tôi lại gần: “Robby”, anh cất giọng lè nhè, “cậu đến làm gì với cái bọn hư hỏng này? cậu chẳng tìm thấy gì ở đây đâu. Đi đi. Hãy cứu lấy cậu. với cậu hãy còn kịp!”

Tôi đưa mắt sang Lenz. cậu ta nháy mắt với tôi. “Ferdinand đang rùng rình. Đã hai ngày nay cậu ta nốc rượu khóc người tình đã chết. Chả là vừa bán được một bức chân dung lấy tiền ngay!”

Ferdinand Grau là họa sĩ. Nhưng anh đã chết đói từ lâu, nếu như không có một cách kiếm ăn riêng. Anh truyền thần ảnh những người quá cố thành những bức chân dung sống động tuyệt vời cho đám thân nhân thương tiếc không nguôi của họ. Nhờ thế mà anh sống... thậm chí sống rất phong lưu. Chẳng ma nào mua những bức tranh phong cảnh của anh. vì thế trong lúc chuyện trò, bao giờ anh cũng đượm vẻ bi quan.

“Khách hàng lần này là một lão chủ quán, Robby ạ”. Anh nói, “một lão chủ quán đã làm nộm bà dì có gia tài trong dầu và dấm”. Anh lắc đầu. “Ghê tởm!”

“Nghe này, Ferdinand” Lenz khuyên, “cậu chẳng nên dùng những lời lẽ gay gắt đến thế, cậu đã sống nhờ vào một trong những đức tính cao đẹp nhất của con người, đó là lòng hiếu thảo”.

“Láo toét”, Ferdinand nói, “mình sống nhờ vào lương tâm tội lỗi mới đúng. Lòng hiếu thảo chẳng là gì khác ngoài lương tâm tội lỗi. Chẳng qua người đời muốn tự bào chữa về tất cả những điều xấu xa họ đã gây nên và đã cầu nguyện cho kẻ quá cố quý hóa lúc sinh thời”. Anh đưa tay thong thả vuốt mái tóc đỏ rực của mình. “Cậu thử nghĩ, không biết bao nhiêu lần lão chủ quán đã cầu cho thần chết tóm lấy cổ bà dì lão... để bù lại, giờ đây lão cho truyền thần bà cụ bằng những màu sắc thanh nhã nhất và treo bức chân dung ngay phía trên đi-văng. Lão ưa bà già sống trong tranh hơn. Hiếu thảo! Bao giờ con người cũng chỉ sực nhớ đến những đức tính tốt đẹp hiếm hoi của mình khi đã muộn. Thế rồi hấn xúc động vì lẽ đáng ra hấn đã có thể xử sự hào hiệp biết bao và hấn tự cho mình là có phẩm hạnh. Phẩm hạnh, nhân từ, độ lượng...!”, anh phẩy bàn tay to bè mập ù của mình, “người ta chỉ mong tìm thấy các đức tính ấy ở những kẻ khác, để có cơ chôn chúng cùng họ cả thế”.

Lenz cười ngoạc miệng. “Cậu đang lay các cột trụ của xã hội loài người đây, Ferdinand!”

“Những cột trụ của xã hội loài người là tham lam, sợ sệt, và sa đọa”,



Ferdinand đáp. “Con người ác độc nhưng lại ưa điều thiện... nếu như kẻ khác mang lại điều thiện” - Anh chia ly của mình cho Lenz. “Thế, giờ hãy rót rượu cho mình đi và đừng có huyền thuyên suốt tối... cho người khác còn nói với chứ”.

Tôi bước qua đi-vãng sang chỗ Koster ngồi. Tôi bỗng nảy ra một ý. “Otto, giúp mình một việc được không? Chiều mai mình cần chiếc Cadillac”.

Đang mê mải ngắm nghía ảnh một vũ nữ lai đen ăn mặc hở hang, Théo Braumuller ngoảnh sang hỏi “Cậu đã biết cua đường rồi sao? Cho tới nay mình tưởng cậu chỉ biết thẳng tiến nếu có ai đó cầm lái hộ cậu thôi cơ đấy”.

“Théo ơi, cứ yên chí”, tôi đáp “đến cuộc đua mồng sáu tới bọn này sẽ bãm nhừ cậu ra”.

Braumuller cười sảng sặc.

“Thế nào, Otto?” tôi hỏi hộp hỏi.

“Chiếc xe không được bảo hiểm đâu, Robby”, Koster nói.

“Mình sẽ bò như sên và bóp còi inh ỏi như xe khách ấy. Chạy dăm cây số trong thành phố thôi mà”.

Otto lim dim cặp mắt chỉ còn bằng hai khe hở nhỏ, và mỉm cười.

“Được thôi, Robby, mình sẵn lòng”.

“Để thường cậu cần chiếc xe cho đồng bộ với chiếc càvạt mới của cậu?” Lenz đã sẵn lại gần, hỏi.

“Câm mồm lại”, tôi nói và đẩy cậu ta sang bên.

Nhưng cậu ta không hề suy suyển. “Xem cái nào, bé yêu!” cậu ta sờ cái càvạt lụa. “Tuyệt. Thằng bé của tụi ta đóng vai dĩ đực. Để thường toan đi kiếm vợ”.

“Đồ hát rong, hôm nay thì đừng hòng chọc tức được thằng này”, tôi nói. “Kiếm vợ à?” Ferdinand Grau ngẩng đầu lên. “Mà tội gì cậu ta lại không đi kiếm vợ chứ?”. Anh quay sang tôi, tươi tỉnh hẳn lên. “Xin cứ việc, Robby ơi! Cậu có thể để làm chuyện đó. Thơ ngây rất cần cho tình yêu, mà cậu thì có nó. Hãy giữ gìn lấy sự ngây thơ. Đó là món quà Chúa ban. Đã đánh mất rồi thì chẳng bao giờ hòng lấy lại được nữa”.

“Đừng thềm để tâm đến lời hấn” Lenz cười khẩy. “Sinh ra ngu không nhục. Chết ngu mới nhục”.

“Câm đi, Gottfried!” Loáng cái, bàn tay hộ pháp của Ferdinand đã xua

bắn Lenz ra.

“Việc gì đến cậu, đồ lãng mạn rôm. cậu thì chẳng được điểm gì cho bõ tiếc”.

“Cứ tuôn ra cho hả, Ferdinand ạ”, Lenz nói. “Phun ra bằng hết bao giờ cũng nhẹ người đi đấy”.

“Cậu là thằng linh việc”, Ferdinand nói, “một thằng linh việc bằng chẳng”. “Bọn ta thế cả”, Lenz cười nhếch mép. “Bọn ta chỉ còn sống nhờ ảo vọng, sống vay”.

“Chính thế”, Ferdinand nói, mắt lần lượt nhìn chúng tôi dưới cặp lông mày chồi xể. “Áo vọng quá khứ và vay mượn tương lai”. Đoạn anh quay sang tôi, “Robby, mình vừa nói đến ngây thơ. Chỉ những kẻ hay ghen ghét mới gọi ngây thơ là ngu ngốc, cậu chớ vì thế mà tự ái. Đó đâu phải nhược điểm, đó là cái khiếu trời cho”.

Lenz toan bác lại, nhưng Ferdinand nói tiếp. “Cậu hiểu ý mình đây. Mình muốn nói đến một tấm lòng chất phác, chưa bị sự hoài nghi và siêu trí tuệ nghiền ngấu. Parsifal ngu ngốc, ông ta mà khôn ngoan, ông ta đã không đời nào chiếm được viên đá thần thiêng liêng. Chỉ kẻ nào ngu mới chiến thắng trong cuộc đời; những kẻ khác thấy quá nhiều trở ngại và chưa khởi sự đã ngã lòng, vào thời buổi khó khăn, thơ ngây là tài sản quý giá nhất - một tấm áo khoác thần diệu che lấp mọi hiểm nguy mà kẻ cực khôn ngoan cứ đâm đầu vào như bị thôi miên”.

Anh tợp một ngụm rượu và nhìn tôi với một cặp mắt xanh to tướng như một mảnh trời trên gương mặt nứt nẻ của anh. “Đừng bao giờ ham biết quá nhiều, Robby ạ. càng biết ít, càng dễ sống. Biết nhiều thì tự do đấy... nhưng lại bất hạnh. Nào, hãy cùng mình nâng cốc vì sự ngây thơ, sự ngu ngốc và những gì liên quan đến nó... vì tình yêu, niềm tin vào tương lai, những giấc mơ về hạnh phúc... vì sự ngu ngốc tuyệt diệu, cái thiên đường đã mất...”

Anh ngồi đó, kênh càng, nặng nề, thốt nhiên chìm đắm vào suy tư và men say, như một móm gò đơn côi của nổi sầu muộn không sao chạm tới được. Đời anh thế là hồng, và anh biết vô phương làm lại. Anh ở trong xưởng họa lớn của mình và đan dúi với mù quàng gia. Một mù đàn bà cứng rắn, cục cằn. Ngược lại, tuy tạng người to béo hộ pháp, Grau lại nhạy cảm và dễ xiêu lòng. Anh không sao bỏ nổi mù ta và có lẽ anh cũng bất cần. Anh bốn mươi hai tuổi.

Biết rằng anh say, nhưng nhìn anh như thế tôi vẫn cảm thấy hơi rùng mình khác lạ. Anh ít khi đến bù khú với cả bọn mà hầu như thường xuyên

uống một mình trong xưởng họa của mình.

Một nụ cười thoáng lướt trên gương mặt anh. Anh ấn ly rượu vào tay tôi. “Uống đi, Robby. Hãy cứu lấy cậu. Nhớ lấy những điều mình đã khuyên cậu”.

“Được rồi, Ferdinand!”

Lenz lên dây cót chiếc máy hát. cậu ta có cả đồng đĩa mọi và cho chạy vài đĩa... những khúc hát về dòng Missisipi, về những luống bông và về những đêm hè oi ả bên các dòng sông xanh miền nhiệt đới.

# CHƯƠNG 6

Patrice Hollmann sống trong một tòa nhà tầng đồ sộ quét vôi vàng, cách phố một vạt cỏ hẹp. Trước lối vào là một ngọn đèn đường. Tôi đậu chiếc Cadillac ngay ở đó. Dưới ánh sáng lung linh, trông chiếc xe chẳng khác gì một chú voi đen lực lưỡng, bóng nhẫy.

Tôi đã tiếp tục hoàn thiện bộ cánh của mình. Ngoài chiếc cà vạt, tôi sắm thêm một cái mũ mới và đôi găng tay... lại còn diện nhờ áo khoác của Lenz, một chiếc măng-tô màu xám tuyệt đẹp may bằng thứ len Shetland mịn nhất. Đóng bộ như vậy, tôi muốn xua tan cái ấn tượng nát rượ mà tôi đã gây cho nàng.

Tôi bấm còi xe. Lập tức đèn cầu thang ở cả năm tầng bừng sáng như pháo bông, cầu thang máy bắt đầu kêu rừ rừ. Tôi nhìn nó tụt xuống như một chiếc gàu xúc sáng trưng thòng từ trời xuống. Patrice Hollmann mở cửa và nhanh nhẹn chạy xuống mấy bậc thang. Nàng mặc một chiếc áo khoác ngắn lông nâu và một chiếc váy chên cũng màu nâu.

“Xin chào!” Nàng chìa tay cho tôi. “Được ra ngoài trời thế này tôi rất thích. Tôi đã ru rú suốt ngày trong nhà rồi”.

Tôi rất ưa cái cách bắt tay của nàng - một cái xiết mạnh mẽ hơn người ta tưởng. Tôi ghét cay ghét đắng những kẻ cứ chìa bàn tay mềm nhũn như cá ươn ra cho người khác bắt.

“Sao cô không nói sớm với tôi?” Tôi đáp. “Nếu biết, có phải tôi đã tới đón cô từ trưa rồi không”.

“Anh nhàn rồi thế kia à?”

“Không hẳn. Nhưng tôi có thể nghỉ việc”.

Nàng hít một hơi thật sâu. “Không khí tuyệt diệu. Có hương vị mùa xuân”.

“Nếu cô thích, chúng ta có thể đi vòng vo ngoài trời bao lâu cũng được”, tôi nói. “Ra ngoài ô, đi xuyên rừng... Tôi có đưa theo một chiếc xe hơi”. Nói rồi, tôi chỉ chiếc Cadillac, thản nhiên như đang chỉ một chiếc Ford cà khỗ.

“Cadillac cơ à?” Nàng ngạc nhiên nhìn tôi. “Của anh sao?”

“Vâng, nhưng chỉ tối nay thôi, còn thì nó thuộc về xưởng chúng tôi. Chúng tôi đã tân trang cho nó và sắp tâm làm ăn cú quyết định trong đời với

nó đây”. Tôi mở cửa xe. “Trước hết ta đến tiệm Chùm nho và ăn chút gì đã nhé? Ý cô thế nào?”

“Đồng ý là sẽ ăn, nhưng sao cứ phải ở tiệm Chùm nho mới được nhỉ?”

Tôi chưng hửng nhìn nàng. Chùm nho là tiệm ăn lịch sự duy nhất mà tôi biết.

“Thú thật tôi không biết tiệm nào khác”, tôi nói. “Vả lại tôi nghĩ đã đi chiếc Cadillac thì phải tìm cái tiệm nào cho xứng”.

Nàng cười: “Trong tiệm Chùm nho thiên hạ hẳn phải khách khí và buồn tẻ lắm. Ta tìm chỗ nào khác đi”.

Tôi đứng đực ra. Những giấc mơ trọng đại của tôi tan thành mây khói. “Thế cô nêu một chỗ nào vậy. Các quán khác mà tôi hay lui tới có phần lỗ mãng. Tôi e không hợp với cô”.

“Sao anh lại nghĩ vậy?”

“Ấy là tôi cảm tưởng...”

Nàng thoáng nhìn tôi. “Ta thử tới đó xem sao”.

“Được”. Tôi dứt khoát đảo lộn toàn bộ chương trình của mình. “Vậy tôi biết một chỗ, nếu cô không thấy khiếp. Chúng ta lại quán bác Alphonse”.

“Alphonse, nghe được đây”, nàng đáp, “và tối nay tôi cũng chẳng biết khiếp là gì”.

“Alphonse là chủ quán bia”, tôi nói, “bạn thân của Lenz”.

Nàng cười: “Hẳn đâu đâu Lenz cũng có bạn?”

Tôi gật. “Cậu ta dễ dàng kiếm bạn lắm. Thì cô đã chứng kiến tình thâm giao của cậu ta với Binding rồi đấy thôi”.

“Phải, có Chúa chúng giám”, nàng đáp. “Bắt thân nhanh như chớp”.

Chúng tôi khởi hành.

Alphonse là một người đàn ông nặng nề, ít nói. Gò má nhô cao. Mắt nhỏ. Tay áo xắn ngược. Hai cánh tay như khi đột. Kẻ nào vào quán mà xử sự chượng tai gai mắt bác, đều bị bác đích thân quăng ra ngoài. Kể cả các chàng hội viên hội thể thao Trung thành với Tổ quốc. Đối với những tên khách bất trị, bác thủ sẵn dưới quày một cái búa. Quán của bác nằm ở vị trí thuận lợi, ngay sát nhà thương. Thế là Alphonse tiết kiệm được khoản tiền chuyên chở nạn nhân.

Bác đưa bàn tay to lông lá ra chùi cái mặt bàn sáng màu đồng bằng gỗ

thông. “Bia chứ?”, bác hỏi.

“Cho rượu mạnh và chút gì ăn đi”, tôi nói.

“Còn quý cô đây?” Alphonse hỏi.

“Quý cô cũng muốn dùng một ly rượu mạnh”. Patrice Hollmann đáp.

“Cứng cựa thật, cứng cựa thật”, Alphonse nói. “Có món sườn lợn với bắp cải muối đây”.

“Lợn nhà tự mổ chứ?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên!”

“Nhưng quý cô hẳn muốn dùng món gì nhẹ hơn cơ”.

“Cô không đùa đấy chứ”, Alphonse đáp “Mời cô xem thử món sườn cái đã”.

Bác gọi gã hầu bàn bung ra một xuất. “Lợn sữa tuyệt vời nhé”, bác nói. “Món này đã từng đoạt giải. Hai giải nhất”.

“Tất nhiên rồi, ai mà khước từ cho nổi”, Patrice Hollmann đáp với vẻ tự tin khiến tôi sững sốt, tưởng như nàng đã lui tới quán này hàng năm nay.

Alphonse nháy mắt, “VẬY hai xuất nhé?”

Nàng gật.

“Hay lắm! Tôi sẽ đích thân đi lấy”.

Đoạn bác lui vào bếp. “Tôi đã hết e ngại quán này”, tôi nói, “Cô chiếm được cảm tình của bác Alphonse nhanh như cơn lốc. Đích thân tôi đi lấy!... Thường thì bác ta chỉ làm thế đối với khách quen thôi”.

Alphonse trở lại. “Tôi thêm cho mỗi người một xúc xích mới làm”.

“Sáng kiến hay đấy”, tôi nhận xét.

Alphonse nhìn chúng tôi đầy thiện cảm. Rượu mạnh được bung ra. Ba ly. Một dành cho Alphonse. “Nào, xin chúc mừng”, bác nói. “Chúc cho con cái chúng ta có được cha mẹ giàu”.

Chúng tôi dốc tuốt ly rượu vào mồm. Cô gái không chỉ nhấp nhấp ở môi, nàng cũng cạn luôn một hơi.

“Cứng cựa thật, cứng cựa thật”. Alphonse nói và kéo giày lệt xệt về quầy.

“Cô thấy rượu mạnh thế nào?”, tôi hỏi.

Nàng rùng mình. “Hơi nặng. Nhưng tôi không thể để mất thể diện trước bác Alphonse”.

Món sườn lợn quả ngon tuyệt. Tôi làm luôn hai xuất đầy, và nàng ngồi trong quán mới tự nhiên, thoải mái làm sao. Không chút kiêu cách, nàng cạn thêm ly rượu mạnh nữa với Alphonse.

Bác ngẫm nháy mắt với tôi ra ý tán thưởng. Mà Alphonse là kẻ sành đời. Bác chẳng hẳn sành về sắc đẹp và văn hóa... nhưng chắc chắn bác rất hiểu những gì thuộc về bản chất và giá trị nội dung.

“Nếu cô gặp may, cô sẽ còn được biết điểm mềm yếu trong con người Alphonse”, tôi nói.

“Tôi rất muốn xem thử”, nàng đáp. “Trông bác ta chẳng có vẻ gì mềm yếu cả”.

“Thế mà có đấy!” Tôi chỉ vào chiếc bàn đặt cạnh quầy: “Kia kia...”

“Cái gì? Chiếc máy quay đĩa ấy à?”

“Không phải chiếc máy quay đĩa. Các bài đồng ca cơ! Alphonse ưa thích đồng ca lắm. Không nhạc nhảy, nhạc cổ điển cũng không... chỉ đồng ca thôi: đồng ca nam, đồng ca nam nữ... trên đĩa hát của bác ta chỉ rất đồng ca là đồng ca. Kia bác ấy lại đấy”.

“Ngon chứ?” Alphonse hỏi.

“Ngon sánh ngang các cụ bà nhà ta vẫn nấu”, tôi đáp.

“Thế còn quý cô?”

“Đời tôi chưa bao giờ được nếm món sườn tuyệt đến thế”, quý cô đáp chững chạc.

Alphonse thỏa mãn gật đầu. “Giờ tôi cho hai người nghe thử những chiếc đĩa mới của tôi. Các người cứ là sừng sốt nhá!”.

Bác đi lại chiếc máy quay đĩa. Kim chạy xào xạo, và một dàn đồng ca nam giọng vang như sấm hùng hồn cất tiếng hát bài Tĩnh mạch trong rừng thẳm. Rõ là một sự tĩnh mạch đỉnh tai nhức óc chết tiệt.

Vừa nghe nhịp đầu, cả quán đã im phắc. Alphonse trở nên đáng gờm cho kẻ nào không chịu tỏ ra ta đây cũng thưởng thức. Bác đứng bên quầy, hai cánh tay lông lá tì trên mặt kính. Nét mặt bác thay đổi dưới sức mạnh của âm nhạc. Bác đắm ra mơ mộng... mơ mộng như một con khỉ đột có thể thả hồn chơi vui. Các bài đồng ca có một mãnh lực phi thường đối với bác. Chúng biến bác hiền như nai con. Ngay giữa cuộc ẩu đả... hể dàn đồng ca nam cất

tiếng hát là bác buông địch thủ, như thể có chiếc đĩa thần đưng phải, lắng tai nghe và sẵn sàng dàn hòa. Trước kia, thời bác hay nổi cơn thịnh nộ hơn, bác gái luôn đặt sẵn trên máy những đĩa hát bác đặc biệt yêu thích. Hễ tình thế trở nên nguy hiểm và thấy bác lăm lăm tay búa hùng hổ từ sau quầy nhào ra, bác gái vội đặt kim lên đĩa... Thế là Alphonse buông búa, lắng tai nghe, rồi diu luôn. Thời gian trôi, và giờ đây điều đó chẳng còn cần thiết nữa... Bác gái đã mất, chân dung bà - quà tặng của Ferdinand Grau, bù vào đó họa sĩ cứ việc đến quán ăn khỏi trả tiền - treo phía trên quầy... ngay Alphonse cũng đã già đi, lạnh lùng hơn. Hết đĩa, Alphonse lại gần.

“Tuyệt vời”, tôi nói.

“Nhất là giọng tênô đầu”, Patrice Hollmann đế thêm.

“Chính thế”, Alphonse nói, lần đầu tiên trở nên sôi nổi. “Cô sành lắm! Giọng tênô đầu thuộc loại cừ khôi”.

Chúng tôi cáo biệt bác. “Chào Gottfried hộ tôi nhé”, bác nói. “Bảo cậu ấy sao lâu nay không thấy thò mặt đến đây”.

Chúng tôi đứng trên hè phố. Ánh sáng đèn đường trước nhà nhảy nhót trên tán một cây cô thụ. Các cành khô đã nhú chồi xanh, và nhờ những tia sáng mờ, lung linh hắt từ dưới lên, cái cây trông như to hơn, cao hơn, tưởng chừng như ngọn của nó mất hút trong bóng hoàng hôn... nó giống một bàn tay khổng lồ xòe rộng vươn lên bầu trời trong nỗi khao khát khôn cùng.

Patrice Hollmann khẽ rùng mình.

“Cô lạnh à?”, tôi hỏi.

Nàng so vai và luồn hai bàn tay vào ống tay áo khoác lông của nàng.

“Một thoáng thôi, ở trong kia ấm quá mà”.

“Cô ăn mặc hơi phong phanh”, tôi nói. “Tôi còn lạnh nữa!”.

Nàng lắc đầu. “Tôi không thích mặc những đồ dày. Và tôi mong sao trời mau ấm trở lại. Tôi ghét lạnh. Nhất là cái lạnh ở thành phố”.

Tôi đỡ nàng lên xe và lấy chăn phủ lên đầu gối nàng. Nàng trèm cao thêm chút nữa. “Tuyệt vời! Thế này dễ chịu lắm. Lạnh phát buồn cả người”.

“Đâu chỉ lạnh mà thôi”. Tôi ngò vào tay lái. “Chúng ta đi dạo chút nhé?”.

Nàng gật. “Rất vui lòng”.

“Đi đâu bây giờ?”.



“Cứ thong thả xuyên qua thành phố. Muốn đến đâu thì đến”.

“Được”.

Tôi nổ máy, chúng tôi cho xe chạy chậm chậm, không mục đích, xuyên qua thành phố. Đây là giờ xe cộ đông nhất vào chiều tối. Chúng tôi len lỏi hầu như không tiếng động, xe chạy êm thế đấy. Nó tựa một con tàu lặng lẽ trôi trên những dòng kênh muôn sắc của cuộc đời. Đường phố cuộn cuộn chảy, những vòm công sáng rực, ánh điện nhấp nháy, những dãy đèn đường, cái náo động êm ái, ngọt ngào của cuộc sống lúc hoàng hôn, cơn sốt dịu của đêm thấp sáng, và bên trên tất cả, giữa các đường viền mái nhà, bầu trời mênh mông màu xám bạc với ánh sáng hắt lên từ thành phố.

Cô gái lặng lẽ ngồi bên tôi; qua cửa kính xe, ánh sáng và bóng tôi luân chuyển trên gương mặt nàng. Chốc chốc tôi lại nhìn sang nàng, giờ đây nàng gọi tôi nhớ đến buổi tối đầu tiên tôi gặp nàng. Gương mặt nàng nghiêm trang hơn, có vẻ gì xa lạ hơn trước, nhưng tuyệt đẹp... Đó chính là gương mặt đã khiến tôi xao xuyến và không sao quên nổi. Tôi cảm tưởng như nó chứa đựng chút bí ẩn của sự tĩnh lặng, cái bí ẩn mà chỉ những vật gần gũi thiên nhiên mới có - cây cỏ, mây trời, muông thú... và đôi khi một người đàn bà.

Chúng tôi đi ra những đường phố yên tĩnh vùng ngoại ô. Gió mạnh lên. Dường như gió đang thổi đêm đến. Tôi dừng xe bên một khoảng trống rộng, xung quanh, trong những mảnh vườn nhỏ, những căn nhà xinh đang say ngủ.

Patrice Hollmann tựa mình như chợt tỉnh dậy.

“Tuyệt thật”, lát sau nàng nói. “Tôi mà có xe thì tối nào tôi cũng thong thả đi rong thế này. Có một chút gì huyền ảo khi được lặng lẽ lướt qua mọi nơi như thế. Ta tỉnh và mơ cùng một lúc. Tôi có thể tưởng như người ta không cần có những người khác nữa, khi tôi đến...”

Tôi móc túi lấy một bao thuốc lá. “Tối đến, người ta cần có ai đó, phải không?”

Nàng gật. “Vâng, tối đến. Khi trời tối dần kỳ lạ lắm”.

Tôi bóc bao thuốc. “Thuốc lá Mỹ đây. Cô ưa loại này chứ?”

“Vâng. Thậm chí ưa hơn cả”.

Tôi châm lửa cho nàng. Ngọn lửa gần và ấm áp nơi đầu que diêm rọi sáng gương mặt nàng, đôi bàn tay tôi trong khoảnh khắc, và thốt nhiên tôi có những ý nghĩ điên rồ, tưởng như chúng tôi đã thuộc về nhau từ lâu lắm.

Tôi hạ kính cửa xe xuống để khói thuốc thoát ra ngoài.

“Bây giờ có muốn lái một chút chăng?” Tôi hỏi. “Chắc chắn cô sẽ thấy thú vị đây”.

Nàng quay sang tôi. “Tôi muốn lắm; nhưng tôi không biết lái”.

“Không biết thật à?”

“Thật. Tôi chưa học lái bao giờ”.

Tôi vớ được dịp. “Lẽ ra ông Binding phải bày cô từ lâu mới phải”, tôi nói.

Nàng cười. “Binding quá si mê xe của mình. Ông ta chẳng cho ai mó vào nó cả”.

“Rõ ngớ ngẩn”, tôi nói, khoái chí vì có cơ hội chơi lão béo một vố. “Tôi để cô lái thoải mái. Cô ngồi vào đây”.

Cho bay mọi lời căn dặn của Koster, tôi xuống xe để cô gái ngồi vào tay lái. Nàng trở nên lo lắng.

“Nhưng tôi không lái được thật mà”.

“Được chứ”, tôi nói, “cô lái thừa sức. Có điều cô chưa biết đó thôi”. Tôi bày cho nàng cách rồ máy, gài số.

“Thế”, tôi nói, “và bây giờ ta đi nào”.

“Khoan đã!” Nàng chỉ một chiếc xe buýt đang làm lùi trườn dọc phố. “Ta không cho nó chạy qua cái sao?”

“Không đời nào!” Tôi nhanh nhẹn rồ máy và gài số.

Nàng nắm cứng lấy tay lái, mắt căng thẳng nhìn con đường trước mặt. “Lạy Chúa, chúng ta phóng nhanh quá!”

Tôi nhìn đồng hồ đo tốc độ. “Cô đang cho xe chạy đúng hai mươi lăm cây số giờ. Trong thực tế là hai mươi cây. Tốc độ thích hợp cho một chiếc xe chạy đường trường”.

“Thế mà tôi cứ ngỡ những tám mươi cây số giờ cơ đấy”.

Sau ít phút, nàng đã chế ngự được cái sợ ban đầu. Chúng tôi chạy xuôi một con đường rộng, thẳng tắp. Chiếc Cadillac hơi lạng sang hai bên, tuồng như trong thùng xăng của nó không chứa xăng mà đầy ắp rượu cognac, thỉnh thoảng nó lại suýt quệt vào lề đường một cách đáng ngại, nhưng dần dần chú chàng chạy đã chững chạc lắm, và sự thể xoay chiều đúng như tôi dự đoán: tôi giành được lợi thế bởi chúng tôi bỗng trở nên thầy trò, và tôi tận dụng triệt để cơ hội ấy.

“Coi chừng”, tôi nói, “phía trước có cảnh sát”.

“Ta dừng xe chẳng?”

“Quá muộn mất rồi”.

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông ta chặn hỏi tôi? Tôi không có bằng lái”.

“Thì cả hai ta sẽ vào tù”.

“Vì Chúa!” Nàng hét hoảng quơ chân tìm cần phanh.

“Nhấn ga!” Tôi kêu “Nhấn ga! Dặn mạnh vào. Ta phải phóng vèo qua thật hiên ngang, xác xược là biện pháp hữu hiệu nhất đối chọi với pháp luật”.

Viên cảnh sát chẳng buồn để mắt đến chúng tôi. Cô gái thờ phào. “Tôi chưa hề nghĩ đám cảnh sát giao thông diện mạo lại đáng gờm như bầy rồng phun lửa!” Nàng nói khi chúng tôi đã vượt qua đó hàng trăm thước.

“Họ chỉ phun lửa khi ta tông vào họ”. Tôi từ từ kéo cần phanh. “Thế, đây là con đường phụ vắng vẻ tuyệt đẹp. Ta sẽ tập cho ra tập. Trước hết hãy tập cho xe lăn bánh, dừng bánh”.

Patrice Hollmann làm tắt máy mấy lần. Nàng cởi khuy áo khoác lông của mình. “Nó làm tôi phát bực! Nhưng tôi sẽ tập bằng được”.

Hăng hái, tập trung, nàng ngồi bên tay lái chăm chú xem tôi làm mẫu. Rồi nàng tập quanh, miệng thốt lên những câu xúc động, rời rạc, nàng sợ chết khiếp khi phải đương đầu với những luồng đèn pha đi ngược chiều, tựa như chúng là lũ quỷ, và nàng rất mực kiêu hãnh khi xe đã vượt lên êm đẹp. Chẳng mấy chốc, trong cái không gian nhỏ bé lờ mờ sáng nhờ ánh đèn đài và đồng hồ xe, đã nảy nở một tình cảm bè bạn như nó vẫn thường nhanh chóng hình thành trong những công việc mang tính chất kỹ thuật và thực hành... Nửa giờ sau, khi chúng tôi đổi chỗ để tôi lái xe về, chúng tôi đã trở nên thân thiết với nhau hơn là giả sử hai đứa vừa cùng nhau tâm sự về toàn bộ đời mình.

Đến phố Nicholai tôi dừng xe. Chúng tôi đỗ ngay dưới một tấm biển quảng cáo phim đỏ rực. Lốp nhựa đường ánh lên mờ mờ như một thứ phẩm nhuộm đỏ sẫm đã phai màu. Bên vệ đường lấp lánh một vũng dầu lớn đen nhầy.

“Nào”, tôi nói. “bây giờ ta xứng đáng được công khai hưởng một ly rượu. Ta đi đâu uống nhỉ?”

Patrice Hollmann suy nghĩ một loáng. “Hay lại đến cái quán xinh xắn đáng yêu có những chiếc thuyền buồm nhỏ ấy được không”, nàng đề nghị.

Trong tích tắc tôi cảnh giác cao độ. Giờ này, trăm phần chắc cả trăm, thế nào anh chàng lãng mạn cuối cùng cũng ngồi lù lù ở đó. Tôi đã hình dung ra vẻ mặt cậu ta... “Ồi dào”, tôi nói nhanh! “Quán ấy thì có gì đặc biệt nhỉ. Có nhiều tiệm còn hay hơn nhiều...”

“Tôi không biết... hôm vừa rồi tôi thấy quán ấy xinh xắn đáng yêu lắm”.

“Thật không?” tôi sững sốt hỏi. “Hôm rồi cô thấy thích nó à?”

“Vâng”, nàng cười đáp. “Rất thích đằng khác...”

Té ra vậy! Tôi tự nhủ, thế mà tôi cứ tự sỉ vả mình mãi! “Nhưng tôi tin giờ này ở đây chật ních những người” tôi thử bàn lùi thêm lần nữa.

“Thì ta cứ đến đó thử xem”.

“Ừ, thì đến”. Tôi suy tính nên xoay cách nào đây.

Vừa đến nơi, tôi đã nhanh nhẹn xuống xe. “Tôi ngó qua một loáng thôi. Sẽ quay lại ngay”.

Ngoài Valentin, không thấy ai quen trong tiệm. “Này cậu”, tôi hỏi, “Gottfried đã đến đây chưa?”

Valentin gật đầu. “Rồi, cùng Otto. Họ đã bỏ đi cách đây nửa giờ”.

“Tiếc quá”, tôi thở phào. “Minh rất muốn gặp họ”.

Tôi trở ra xe. “Ta có thể liêu một phen”, tôi nói “Ngẫu nhiên mà hôm nay trong quán chẳng đông mấy”. Dầu sao để đề phòng, tôi vẫn đậu chiếc Cadillac ở góc phố tiếp đó, khuất trong chỗ tối nhất.

Nhưng chúng tôi ngồi chưa ấm chỗ đã thấy mớ tóc vàng rơm của Lenz xuất hiện bên quầy rượu. Mẹ kiếp, tôi nghĩ, giờ sẽ lộ chuyện đây. Tôi những muốn thư thư vài tuần nữa.

Có vẻ như Gottfried chỉ ghé qua chực đi ngay. Tôi vừa khấp khởi tưởng thoát nợ thì thấy Valentin nhắc cậu ta tôi đang ngồi đằng kia. Đáng đời cái tội nói dối ban nãy. Vẻ mặt Gottfried khi cậu ta nhìn thấy hai chúng tôi xúng là một trang khảo cứu xuất sắc cho một diễn viên điện ảnh ham học hỏi. Mắt cậu ta trôi ra như hai hòn bi ve, và tôi e rằng hàm dưới của cậu ta sẽ long ra mất. Đáng tiếc đúng giây phút này không một nhà đạo diễn nào có mặt trong quán; nếu có tôi đoán chắc ông ta đã giúp Lenz ngồi lên trong giới điện ảnh. Chẳng hạn để thủ những vai như vai một thủy thủ đắm tàu bỗng thấy hiện trước mặt một con rắn biển đang phun phì phì.

Gottfried nhanh chóng trấn tĩnh lại. Tôi ném cho cậu ta một cái nhìn van vỉ, xin cậu hãy biến đi cho. Nhưng cậu ta đáp lại bằng một nụ cười nhếch

mép đều giả, vuốt chiếc áo vét trên mình cho phẳng nếp, và bước lại gần.

Tôi biết điều gì đang đe dọa mình nên tấn công ngay. “Cậu đã đưa cô Bomblatt về nhà rồi à?” Tôi hỏi để trung lập hóa cậu ta.

“Ừ”, cậu ta trả lời, không một sợi mi mắt nào động đậy khả đi tiết lộ rằng một giây trước đó cậu ta còn không biết có một cô nàng Bomblatt tồn tại trên đời.

“Cô ta gửi lời chào cậu, nói sáng mai cậu gọi điện cho cô ta sớm”.

Trả miếng búa bổ đây. Tôi bèn gật đầu. “Minh sẽ gọi. Minh hy vọng cô ta sẽ mua chiếc xe”.

Lenz lại mở miệng. Tôi đá vào ống chân cậu ta và lừ mắt cảnh cáo khiến cậu ta mỉm cười không nói nữa.

Chúng tôi cạn vài ly rượu. Tôi chỉ uống loại sidecar vắt nhiều chanh. Tôi không muốn tự mình lại bắt quả tang mình say.

Gottfried đang cực kỳ phờ chí. “Minh vừa lại đăng nhà cậu”, cậu ta nói, “mình định rủ cậu đi. Sau đó mình ra quảng trường Chợ. Ở đấy có một chiếc đu quay mới rất chúa sùng. Ta đi chơi tí không?” Cậu ta nhìn Patrice Hollmann.

“Đi ngay!” nàng đáp. “Tôi yêu đu quay hơn hết thảy mọi thứ!”

“Vậy ta nhờ rể luôn thôi”, tôi nói. Tôi phấn khởi vì được thoát ra ngoài. Ngoài trời, mọi sự sẽ đơn giản hơn.

Đám đàn ông quay đàn - những trạm gác vòng ngoài cùng của quảng trường Chợ. Tiếng nhạc rền rĩ ngọt ngào, buồn bã. Trên những tấm nhung nhàu nhĩ phủ đàn, đôi khi có một con vẹt hoặc một chú khỉ nhỏ run rẩy trong chiếc áo đỏ bằng vải thô. Rồi những tiếng rao hàng lạnh lốt của đám người bán nhựa mác-tít gắn đồ sứ, dao cắt kính, mật ong Thổ Nhĩ Kỳ, bóng bay và vải may complê. Ánh sáng xanh lạnh lẽo, mùi những ngọn đèn đốt bằng khí cacbua. Những thầy đoán số, các nhà chiêm tinh, những căn lều bán bánh quế, những chiếc đi thuyền, những gian hàng với các trò giải trí và cuối cùng, âm ã tiếng nhạc, sắc sỡ, lộng lẫy và rực sáng như những tòa lâu đài: những ngọn tháp xoay tròn của chiếc đu quay.

“Nhanh nào các bạn!” Lenz xông vào Con đường xuyên núi non, thung lũng với cái đầu bù xù. Đây là nơi dàn nhạc lớn nhất chợ chơi. Cứ mỗi vòng quay lại có sáu chàng thổi kèn trompet bước ra khỏi sáu cái bục sơn son thiếp vàng, họ quay người về mọi phía vẫy vẫy, múa may những chiếc kèn, rồi lại lùi về. Thực là huy hoàng.

Chúng tôi ngồi vào một con thiên nga lớn và cứ thế xoay vù vù khi lên khi xuống. Thế giới lướt qua lòng lầy, chao đảo rồi rơi trở lại một đường ngầm tối đen, chúng tôi xuyên qua đường hầm ấy trong tiếng trống khua loạn xạ để rồi liền đó lại được chào đón trong ánh sáng rực rỡ và tiếng kèn trumpet.

“Tiếp tục” Gottfried kéo chúng tôi đến một chiếc đu bay với những khinh khí cầu và phi cơ. Chúng tôi trèo lên một khinh khí cầu và chao lượn ba vòng liền.

Khi xuống tới đất, chúng tôi hơi hụt hơi. “Bây giờ đến chỗ bánh xe quỳ!” Lenz tuyên bố.

Bánh xe quỳ là một mặt tròn phẳng khổng lồ, ở giữa hơi lồi, luôn quay nhanh dần, và ta phải chống chọi để không bị nó hút xuống. Gottfried trèo lên với chừng hai chục người nữa. Cậu ta nhảy loi choi như một thằng cha lên con khùng và được hoan hô nhiệt liệt. Rốt cuộc còn lại một mình cậu ta và một chị bếp có cặp mông đồ sộ như mông ngựa cày. Khi cuộc chơi trở nên khó nhá, chị chàng khôn lỏi ngồi phệt ngay xuống chính giữa mặt tròn, và Gottfried loi choi lượn vòng sát chị ta. Những kẻ khác đã bị lẳng ráo xuống đất. Rốt cuộc, số phận cũng túm gáy con người lẳng mạn cuối cùng, anh chàng chệnh choáng nhào vào lòng chị bếp, rồi, vẫn trong vòng ôm của chị, lặn lông lốc sang một bên. Khi trở xuống chỗ chúng tôi, Lenz đã khoác tay chị bếp và thân mật gọi chị là Lina. Lina mỉm cười ngượng nghịu. Lenz hỏi chị muốn dùng gì để cậu ta đãi. Lina bèn nói uống bia chắc là đã khát, cả hai biến vào một rạp vũ dân gian vùng Bavarois Thượng<sup>[7]</sup>.

“Còn chúng mình? Chúng mình đi đâu bây giờ?”

Patrice Hollmann hỏi, hai mắt long lanh.

“Vào mê cung ma quỳ”, tôi nói, tay chỉ một căn lều lớn.

Mê cung là một con đường đầy rẫy sự kinh ngạc. Đi được vài bước, đất chòng chành dưới chân, những bàn tay quờ quạng trong bóng tối, từ các góc ló ra những bộ mặt quỷ sứ, lũ ma hú hét... Chúng tôi chỉ cười, nhưng một lần cô gái giật mình lùi lại trước một cái đầu lâu sáng xanh lè. Trong khoảnh khắc, nàng ngã người trong cánh tay tôi, hơi thở của nàng phớt trên mặt tôi, và tôi cảm thấy tóc nàng khẽ vướng vào môi mình... ngay sau đó nàng lại cười, tôi buông nàng ra. Tôi buông nàng, nhưng một cái gì trong tôi không buông nàng. Chúng tôi ra ngoài đã lâu mà tôi vẫn cảm thấy đôi vai nàng trên cánh tay tôi, cảm thấy làn tóc mềm mại, và hương đào thoang thoảng của da thịt nàng. Tôi tránh không nhìn nàng. Thốt nhiên, nàng đã trở nên khác hẳn

đôi với tôi.

Lenz đã chờ tôi. Cậu ta đứng một mình. “Lina đâu rồi?” tôi hỏi.

“Đang nốc rượu”, cậu ta đáp, đầu hát về phía căn lều nông dân, “với một tay phó rèn”.

“Xin có lời chia buồn”, tôi nói.

“Nhảm nhí”, Gottfried nói, “bây giờ ta chuyển sang những trò đàn ông nghiêm túc thôi”.

Chúng tôi vào một căn lều, nơi người ta thi thố tài ném những chiếc vòng cao su cứng sao cho chúng ngoắc vào những cái móc, ném trúng thì được thu về đủ mọi thứ linh tinh.

“Nào”, Lenz nói với Patrice Hollmann và hát mũ ra sau gáy, “bây giờ chúng tôi sẽ thu lượm cho cô một đồng hồi môn”.

Cậu ta ném trước tiên và được một chiếc đồng hồ báo thức. Đến lượt tôi đoạt một con gấu bông. Chủ lều vừa trao giải cho chúng tôi vừa mời chào luôn miệng để lôi kéo các khách hàng khác. “Xem còn mời chào được mấy nữa”. Gottfried cười mỉm và chiếm luôn một cái chảo rán. Tôi làm thêm chú gấu thứ hai. “Chà, may khiếp”, chủ lều nói khi trao đồ cho bọn tôi.

Lão có ngờ đâu cái gì đang chờ đợi lão. Lenz từng là tay ném lựu đạn búa bổ nhất đại đội, và mùa đông đến, hễ rồi việc, hàng tháng rông chúng tôi tập ném mũ lên mọi loại móc có trước mắt chúng tôi. So ra thì những chiếc vòng này chỉ là trò trẻ con. Gottfried nhẹ nhàng giành một lọ hoa bằng pha lê. Tôi lượm có đến nửa tá đĩa hát. Lão chủ lều làm lì đẩy các thứ cho chúng tôi, đoạn kiểm tra lại các móc của lão. Lenz nhắm, ném, và chiếm luôn giải nhì, một bộ đồ uống cà phê. Giờ đây, chúng tôi có cả đám khán giả vây quanh. Tôi ném một lều luôn ba vòng vào một móc. Kết quả: Bức Madeleine thiêng liêng sấm hồi đóng trong khung thiếp vàng.

Lão chủ lều nhăn nhó như thể đang ngồi trên ghế nhỏ rặng, lão từ chối không cho chúng tôi tiếp tục ném vòng. Chúng tôi định thôi, nhưng đám khán giả làm ầm lên. Họ đòi lão để chúng tôi chơi tiếp. Họ muốn nhìn lão sập tiệm. Lina to mồm nhất, chị ta đã cùng bác phó rèn trở lại đây từ bao giờ. “Thiên hạ chỉ được quyền ném trượt thôi hả?” chị ta la to, “còn ném trúng thì không được quyền, đúng chứ?” Bác phó rèn găm lên hưởng ứng.

“Tốt lắm”, Lenz nói, “mỗi thằng một cú nữa đi”.

Tôi ném trước, đoạt một cái chậu với một chiếc bình và hộp đựng xà phòng. Rồi đến lượt Lenz. Cậu ta cầm năm vòng, loáng cái đã ném bốn chiếc

vào một móc. Trước khi ném nốt chiếc thứ năm, cậu ta cố tình nghỉ một lát để tăng hiệu quả cuộc trung diễn và rút thuốc lá ra. Ba người đàn ông vội chìa lửa cho Lenz. Bác phó rèn vỗ vai cậu ta. Lina cắn khăn mù xoa vì quá hồi hộp. Sau đó, Lenz nhắm, và rất nhẹ nhàng để chiếc vòng khỏi bật ra, cậu ta ném chiếc thứ năm chòng lên bốn chiếc kia. Vòng móc lại trên móc. Tiếng hò reo vang rền. Lenz đoạt giải độc đắc - một chiếc xe nô trong có chắn hông và gối đỡ ten.

Lão chủ lều vừa đẩy chiếc xe ra vừa chửi thề. Chúng tôi chất tất cả lên xe, kéo nhau sang lều bên, Lina đẩy xe. Bác phó rèn thấy vậy bèn buông những lời bông đùa cợt nhả khiến tôi chỉ muốn cùng Patrice Hollmann lùi sau họ một quãng. Ở lều tiếp theo người ta chơi trò ném vòng lọt qua những chai rượu vang. Ném lọt chai nào, được chai ấy. Chúng tôi quơ sáu chai liền. Lenz xem nhãn rượu, rồi biếu cả cho bác thợ rèn.

Còn một lều nữa có trò chơi tương tự, nhưng ông chủ đã đánh hơi thấy nguy hiểm, nên khi chúng tôi đến, ông ta tuyên bố đóng cửa. Bác phó rèn gậy gổ, bác đã nhòm thấy những chai bia có thể đoạt được. Nhưng chúng tôi ngăn bác. Ông chủ lều này chỉ còn một cánh tay.

Chúng tôi về chiếc Cadillac với một đám lãnh nhãng theo sau. “Làm thế nào bây giờ?” Lenz vừa hỏi vừa gỡ đầu. “Tốt hơn hết ta buộc chiếc xe nô vào sau xe mà kéo”.

“Tất nhiên”, tôi nói, “nhưng cậu phải ngồi vào xe nô mà điều khiển để nó khỏi tung bê”.

Patrice Hollmann phản đối. Nàng sợ nhờ Lenz làm thật. “Được”, Gottfried nói, “vậy chúng ta hãy phân loại. Hai con gấu bông này cô nhất định phải cầm. Cả những chiếc đĩa bát nữa. Thế còn cái chảo?”.

Cô gái lắc đầu. “Nó sẽ trở thành tài sản của xưởng vậy”, Gottfried tuyên bố. “Hãy nhận nó về, bậc thầy tráng tráng lão thành Robby ơi. Còn bộ đồ uống cà phê?”.

Cô gái hát đầu về phía Lina. Chị bếp đỏ mặt. Gottfried trao đồ cho chị ta trịnh trọng như trao giải thưởng. Đoạn cậu ta lôi ra cái chậu men. “Thế cái chậu rửa này? Xin biếu ông bạn láng giềng đây, phải không? Có ích cho nghề của bác. Cả chiếc đồng hồ báo thức nữa. Cánh thợ rèn có tật ngủ say như chết”.

Tôi đưa Gottfried cái lọ hoa. Cậu ta trao nó cho Lina. Chị ta ấp úng chực từ chối. Mắt chị ta dán chặt vào thánh Madeleine sấm hối. Chị ta sợ nhờ nhận lọ hoa rồi thì bức tranh sẽ về tay bác thợ rèn. “Tôi ham mê nghệ thuật”,



chị ta thốt lên. Chị ta đứng đó thềm thường đến tội nghiệp, miệng cắn cắn những ngón tay đỏ lựng để kìm bớt xúc động.

“Thưa quý tiểu thư”, Lenz quay lại Patrice Hollmann hỏi với vẻ mặt trịnh trọng, “Tiểu thư nghĩ sao ạ?”

Patrice Hollmann cầm bức tranh, đưa nó cho chị bếp. “Bức tranh đẹp lắm, chị Lina ạ”, nàng nói.

“Hãy treo nó trên đầu giường chị và hãy yêu quý nó”, Lenz tiếp lời, Lina vội lấy bức tranh. Mắt chị ta đắm lệ. Chị ta nức to lên một tiếng vì biết ơn.

“Còn may nữa”, Lenz nói với chiếc xe nôi, vẻ trầm tư. Mặc dù còn tràn trề hạnh phúc vì bức Madeleine, mắt Lina đã lại sáng lên thềm thường. Bác phó rên tán rằng người ta chẳng thể nào biết được bao giờ người ta sẽ cần đến cái của ấy và phá lên cười thích thú, buông rơi cả một chai vang. Nhưng Lenz không thuận. “Khoan, ban nãy tôi vừa trông thấy...”, cậu ta nói và biến mất. Vài phút sau cậu ta về đẩy chiếc xe đi. “Xong rồi”, cậu ta bảo khi trở lại. Chúng tôi lên chiếc Cadillac. “Hệt như Lễ Chúa giáng sinh ấy!” Lina nổi hoan hỉ giữa đồng chiến lại phẩm của mình, đoạn chị ta chìa bàn tay to bè, đỏ lựng, ra bắt tay tạm biệt chúng tôi.

Bác phó rên còn ghé đầu vào giấy lát nói riêng với chúng tôi. “Nghe này”, bác dặn, “phòng có lúc các cậu cần cho thằng nào ném đòn... tôi ở phố Leibnitz, nhà số 16, qua sân sau, lên tầng hai, rẽ trái. Rủi chúng đông, tôi kéo theo cả phường hội của tôi”.

“Nhất trí”, chúng tôi đáp và phóng xe đi. Khi chúng tôi quành xe ở góc quảng trường Chợ, Gottfried chỉ ra cửa xe. Kia, chiếc xe nôi của chúng tôi với một đĩa bé bằng xương bằng thịt, bên cạnh, một người đàn bà xanh xao đang ngắm nghía chiếc xe, vẻ mặt vẫn chưa hết bối rối.

“Được đấy chứ, hả?” Gottfried hỏi.

“Anh hãy cho nốt chị ta những con gấu này đi!” Patrice Hollmann kêu lên.

“Có lẽ cho một con thôi”, Lenz nói, “cô phải giữ một con chứ”.

“Không, cho cả hai đi”.

“Được”. Lenz nhảy khỏi xe, ném vào lòng người đàn bà hai thứ đồ chơi bằng nhung nọ, rồi ba chân bốn cẳng chạy biến như đang bị truy đuổi, không để cho bà ta kịp mở miệng nữa. “Dào”, cậu ta thở phào “giờ thì mình mệt lử vì cái thói hào hiệp của mình. Cho mình xuống Quốc Tế nhé. Phải làm một ly cognac mới xong”.

Cậu ta xuống xe, tôi đưa cô gái về nhà. Lần này khác với lần trước. Nàng đứng trong khung cửa, ánh đèn đường lung linh trên gương mặt nàng. Nàng xinh đẹp quá. Giá như tôi được theo nàng.

“Xin chào”, tôi nói, “cô ngủ ngon nhé!”

“Chúc anh ngủ ngon!”

Tôi nhìn theo nàng cho tới khi đèn trong nhà tắt. Đoạn, tôi lái chiếc Cadillac về. Một cảm giác kỳ lạ đến trong tôi. Nó không giống với cảm giác ta thường có những tối nào, khi ta si mê một cô gái. Lần này đượm tình âu yếm hơn. Tình âu yếm và niềm khát vọng được buông thả lòng mình trọn vẹn. Buông mình phiêu diêu đến đâu thì đến...

Tôi lại tìm Lenz ở tiệm Quốc Tế. Tiệm hầu như vắng teo. Fritzzi ngồi trong góc tiệm với anh bồi Alois người tình của ả. Anh chị chàng đang cãi nhau. Gottfried ngồi cùng Mimi và Wally trên chiếc đi-văng cạnh quầy rượu. Cậu ta tỏ ra khả ái với cả hai, với cả Mini, ả gái xề tôi nghiệp.

Các ả sửa soạn đi. Họ phải hành nghề; lúc này là thời điểm chính. Mimi rên rỉ và than thở vì chứng giãn tĩnh mạch của ả. Tôi ngồi xuống bên Gottfried.

“Cứ việc nổ với mình đi”, tôi nói.

“Đề làm gì, bé yêu”, cậu ta đáp khiến tôi ngạc nhiên. “Cậu xử sự hoàn toàn đúng”.

Tôi nhẹ cả người khi thấy Lenz nhìn nhận sự việc đơn giản đến thế. “Lẽ ra mình nên kể sơ sơ từ trước”.

Cậu ta phẩy tay. “Vớ vẩn!”

Tôi gọi một ly rum “Cậu hiểu không”, tôi nói. “mình chẳng biết tí gì về nàng. Cũng không rõ nàng quan hệ thế nào với Binding. Có thật hôm đó hắn đã kể ít nhiều với cậu?”

Cậu ta nhìn tôi “Cậu đâm lo vì lẽ đó sao?”

“Không”.

“Mình cũng muốn tin như vậy. À mà chiếc áo khoác hợp với cậu lắm”.

Tôi đỏ mặt.

“Việc gì mà đỏ mặt. Cậu rất phải. Mình những mong được như cậu”.

Tôi nín lặng một lát. “Vì sao, Gottfried?” cuối cùng tôi hỏi.

Cậu ta lại nhìn tôi. “Vì tất thấy những thứ khác đều là rác rưởi, Robby ạ.

Vì thời nay không còn gì đáng sống cả. Hãy nghĩ đến những điều Ferdinand đã nói với cậu hôm qua. Cái thằng phết màu xác chết béo bệu, già đời ấy không phải là không có lý. Nào, giờ thì lại đây, ngồi vào đàn và chơi vài bài hát cũ của lính xem nào”.

Tôi chơi bài Ba bông huệ và Rừng Argonner. Trong tiệm vắng tanh, tiếng đàn vang lên có vẻ ma quái, nếu nhớ lại cái thời chúng tôi thường xuyên hát những giai điệu ấy.

# CHƯƠNG 7

Hai ngày sau, Koster nhào ra từ cái văn phòng nhỏ của chúng tôi. “Robby, lão Blumenthal của cậu vừa gọi điện. Lão yêu cầu cậu mười một giờ lái chiếc Cadillac đến chỗ lão. Lão muốn chạy thử”.

Tôi quăng cả mớ lết lẫn cò lê.

“Mẹ kiếp, Otto... phen này khéo trúng quả!”

“Mình đã bảo các cậu thế nào”, từ cái hố dưới gầm chiếc Ford, Lenz kêu vọng lên. “Lão sẽ trở lại, mình đã nói mà. Phải luôn luôn tin lời Gottfried!”

“Câm mồm đi, đang chuyện nghiêm chỉnh”, tôi hét chỗ xuống. “Này, Otto, mình có thể bớt giá nhiều nhất bao nhiêu?”

“Nhiều nhất hai ngàn. Quá lắm thì hai ngàn hai. Trường hợp cùng đường, đành hai ngàn rưỡi. Nếu cậu thấy đang ngã giá với một thằng điên, thì hai ngàn sáu vậy. Nhưng nhớ bảo cho hắn biết là bọn ta sẽ nguyên rửa hắn đời đời”.

“Được”.

Chúng tôi chúi cho chiếc xe bóng lộn lên. Tôi ngồi vào xe. Koster đặt tay lên vai tôi. “Robby, nên nhớ: thời là lính cậu đã nhiều phen sát cánh với bọn mình. Hãy bảo vệ danh dự của xưởng chúng ta đến giọt máu cuối cùng. Có chết thì đứng mà chết, tay đặt trên ví lão Blumenthal”.

“Nhất trí”, tôi cười khì.

Lenz móc trong túi ra một chiếc mề đay và giơ nó trước mặt tôi. “Sờ vào tấm bùa của mình đi, Robby!”

“Thì sờ”. Tôi nói, tay chạm vào tấm bùa.

“Úm ba la, cầu xin thần vĩ đại Siva”, Gottfried niệm thần chú, “xin thần ban cho kẻ nhát gan này lòng can đảm và sức mạnh! Gượng đã, đây, cậu cứ cầm theo vẫn hơn. Thế, bây giờ hãy nhổ nước bọt ba lần nữa”.

“Xong ngay”, tôi nói và nhổ ba lần xuống đất, ngay trước chân Lenz, rồi phóng xe đi, khi qua chỗ Jupp, chú cao hứng vẫy chào tôi bằng cái vôi xăng.

Đọc đường tôi mua vài bông cảm chướng và cảm chúng rất nghệ thuật vào những bình pha lê gắn trong xe. Tôi tính dùng chúng lấy lòng bà Blumenthal.

Tiếc rằng Blumenthal tiếp tôi tại văn phòng chứ không phải ở nhà lão. Tôi phải chờ mười lăm phút. Cung ơi, tôi nghĩ, đây biết tổng mảnh khóc của cung, cách đó cũng đừng hòng khiến đây mềm lòng. Trong phòng đợi, tôi hỏi dò một cô nàng đánh máy mà tôi mua chuộc được bằng bông cầm chương cài trên khuyết áo của mình về chuyện làm ăn của Blumenthal. Lão thầu đồ dẹt kim, khối lượng hàng hóa lớn, có chín nhân viên trong văn phòng, là một thành viên trầm tính của công ty, kẻ cạnh tranh đáng gờm nhất của hãng Meyer và con trai, chàng Meyer con sở hữu một chiếc Essex màu đỏ hai chỗ ngồi... thu lượm được chừng ấy tin thì Blumenthal cho gọi tôi.

Lão lập tức khai hỏa. “Anh bạn trẻ”, lão nói, “tôi không có nhiều thời giờ. Cái giá vừa rồi là mộng ước của anh. Vậy nói thật đi, chiếc xe giá bao nhiêu?”

“Bảy ngàn mác”, tôi đáp.

Lão quay phắt đi. “Thế thì chịu”.

“Ngài Blumenthal”, tôi nói, “ngài hãy xem lại chiếc xe lần nữa...”

“Không cần thiết”, lão ngắt lời tôi, “vừa rồi tôi đã nhìn kỹ...”

“Nhìn và xem là hai việc khác nhau”, tôi giải thích. “Ngài cần xem xét các chi tiết xe. Lớp sơn hảo hạng, của hãng Voll và Ruhrbeck riêng nó đã đáng giá hai trăm rưỡi mác, bộ lốp mới toanh, giá in trong tập quảng cáo là sáu trăm mác, vị chi tám trăm rưỡi. Rồi đệm xe, bọc loại nhung mịn nhất...”

Lão phẩy tay. Tôi bắt đầu lại từ đầu. Tôi mời lão chiêm ngưỡng chiếc xe lộng lẫy, tấm mui da tuyệt đẹp, bộ tản nhiệt mạ kền, cặp ba-đờ-sóc tối tân giá sáu chục mác... tôi ngoái nhìn chiếc xe như đứa trẻ ngóng về mẹ và tìm cách thuyết phục Blumenthal quá bộ xuống xem. Cũng như Antées, tôi biết rằng mặt đất sẽ truyền thêm sức mạnh cho tôi. Và lại nếu mặt hàng được chỉ ra tường tận thì nỗi sợ hãi trừu tượng do giá cả gây nên sẽ giảm hẳn.

Nhưng Blumenthal cũng biết rằng sức mạnh của lão nằm phía sau bàn giấy. Lão bỏ kính xuống và mãi lúc này mới thật sự tấn công tôi. Chúng tôi quần nhau như hổ với trăn. Blumenthal chính là con trăn. Tôi chưa kịp đảo mắt ra xung quanh đã bị lão bót ngoéo ngàn rưỡi mác.

Tôi đâm hoảng, bèn thọc tay vào túi, nắm chặt chiếc bùa của Gottfried. “Ngài Blumenthal”, tôi cất giọng khá mệt mỏi, “bây giờ là một giờ, hẳn ngài phải đi dùng cơm!” Tôi muốn bằng bất kỳ giá nào thoát khỏi căn phòng này, nơi giá cả cứ tan ra như tuyết.

“Hai giờ tôi mới ăn”, Blumenthal lạnh lùng đáp, “nhưng anh biết tôi đề

ngại gì không? Ta có thể chạy thử xe bây giờ”.

Tôi thở phào.

“Sau đó chúng ta sẽ nói chuyện tiếp”, lão thêm. Tôi lại cảm thấy ghen thờ.

Chúng tôi đánh xe về nhà lão. Tôi ngạc nhiên thấy kể từ lúc ngồi vào xe lão thay đổi hẳn, tuồng như được thay thế bởi một người khác. Hiền hậu, lão kể tôi nghe câu chuyện tiểu lâm về hoàng đế Franz Josep mà tôi đã biết từ lâu. Để đáp lại, tôi hiến lão câu chuyện vui về tay soát vé tàu điện; lão lại xỏ một tràng về chàng tằm lạc đường vùng Sacsen, và lập tức được tôi hưởng ứng bằng một thiên diễm tình Scotland... về đến trước cổng nhà lão, chúng tôi mới trở lại nghiêm trang. Lão bảo tôi đợi một lát, lão vào đón vợ lão ra.

“Cadillac béo yêu quý của ta”, tôi nựng chiếc xe, tay vỗ về bộ tản nhiệt, “phía sau những câu chuyện tiểu lâm hẳn lại ẩn náu một trò ma quỷ mới đây. Nhưng cứ yên trí, bọn ta sẽ kiếm được cho chú mày một mái nhà yên ấm. Lão mua chú mày đấy... một khi tên Do Thái đã trở lại, hẳn sẽ mua. Còn nếu một tín đồ Thiên Chúa giáo trở lại, cứ là còn xoi nhé. Hẳn sẽ đòi chạy thử cả chục chuyến để đỡ tiền tắcxi, và rồi hẳn chợt nhớ ra là thay vì chiếc xe, hẳn cần một thiết bị nhà bếp kia. Không, không, người Do Thái chơi được, họ biết họ muốn gì. Nhưng ta thề với chú mày, bạn béo tốt bụng của ta ạ: ta mà còn nhượng bộ kẻ hậu duệ chính tông của lão Judas Macchabée hiệu chiến một trăm đồng mác nữa thôi, thì suốt đời ta, ta sẽ không nhấp một giọt rượu nào nữa”.

Bà Blumenthal xuất hiện. Tôi nhớ lại mọi lời khuyên của Lenz, và từ tay lính chiến, tôi hóa thân thành một anh chàng hào hoa phong nhã. Thấy thế, Blumenthal chỉ nhếch một nụ cười khả ố. Lão quả là lòng lim dạ sắt. Lẽ ra lão nên đầu máy xe lửa, chứ không phải hàng dệt kim. Tôi thu xếp để lão ngồi vào ghế sau, còn vợ lão ngồi bên tôi.

“Tôi được phép đưa bà đi đâu đây, thưa quý bà?” tôi hỏi, giọng ngọt như mía lùi.

“Tùy anh”, bà đáp, miệng mỉm một nụ cười mầu tử.

Tôi bắt đầu gọi chuyện. Thật dễ chịu khi được ở bên một con người vô hại. Tôi nói năng nhỏ nhẹ tới mức Blumenthal chỉ nghe câu được câu chẳng. Như vậy tự do thoải mái hơn. Nguyên việc có lão ngồi ám đằng sau đã đủ khó chịu lắm rồi.

Chúng tôi dừng xe. Tôi bước xuống, mắt chăm chăm nhìn địch thủ. “Dẫu

sao ngài cũng phải thừa nhận rằng chiếc xe chạy êm như ru, thừa ngài Blumenthal”.

“Êm như ru thì đã đáng gì, hờ anh bạn trẻ”, lão đáp với vẻ niềm nở kỳ lạ, “một khi thuê má nuốt chừng con người ta. Thuê chiếc xe này nặng hết sức. Nói để anh biết”.

“Ngài Blumenthal”, tôi nói, gắng giữ giọng đừng run, “ngài là một nhà thương gia, tôi có thể nói chuyện đứng đắn với ngài. Đó không phải thuê, mà là một khoản chi. Ngài thử nghĩ, thời buổi này công việc kinh doanh đòi hỏi cái gì nào, Ngài cũng biết... không phải vốn như trước đây..., cái nó cần là tín dụng! Và làm cách nào để nhận được tín dụng chứ? Bao giờ cũng vẫn nhờ vào vẻ ngoài của ta. Một chiếc Cadillac vừa vững chãi, vừa thanh lịch... đường bộ nhưng không lỗi thời... một quảng cáo sống cho việc kinh doanh”.

Blumenthal vui vẻ quay sang vợ. “Anh ta có cái đầu Do Thái đấy chứ? Đây anh bạn trẻ”, lão nói, vẫn với giọng thân mật, “thời buổi này, cách quảng cáo hữu hiệu nhất cho tình đoàn kết là đánh bộ quần áo tồi tàn và đi xe buýt. Giá như hai ta có trong tay số tiền chưa trả cho số xe hơi lịch sự đang lượn quanh đây, thì ta có thể ngồi rung đùi được. Tôi lấy tình thân mà nói cho anh biết”.

Tôi nhìn lão ngờ vực. Lão mưu tính chuyện gì dưới cái vỏ ân cần này? Hay sự có mặt của bà vợ đã làm giảm tinh thần chiến đấu của lão? Tôi quyết định nổ súng. “Một chiếc Cadillac thế này không thể đem so với một chiếc Essex, có phải thế không ạ, thưa quý bà? Cậu chủ trẻ của hãng Meyer và con trai sử dụng cái của ấy đấy, thứ mà tôi đây giá có được biểu cũng chẳng buồn nhận, một cỗ xe trượt đỏ chóc, trông mà ngứa con mắt...”.

Nghe tiếng Blumenthal thở phì phì, tôi vội vã tiếp: “Vả lại màu sắc chiếc xe đây lại hết sức phù hợp với bà, thưa quý bà... xanh cobalt dịu đi với màu vàng óng của mái tóc...”.

Bỗng Blumenthal cười khằng khặc như cả một khu rừng đầy khí rộ lên. “Meyer và con trai ... khá lắm, khá lắm...”, lão nắc lên. “Và bây giờ lại còn tán nhăng tán cuội... tán nhăng tán cuội!”.

Tôi nhìn lão. Tôi không tin vào mắt mình nữa; lão không đóng kịch! Tôi lập tức đưa tiếp nhất cửa đang dở. “Ngài Blumenthal, ngài cho phép tôi sửa lời ngài chút ít. Đối với một người phụ nữ không bao giờ có chuyện tán nhăng tán cuội cả. Đó là những lời tán dương mà khôn nổi càng ngày càng hiếm đi trong cái thời đại thảm hại của chúng ta. Phụ nữ không phải cái két bạc, mà là một bông hoa... họ không đòi hỏi sự khách quan mà khao khát

vàng thái dương tươi sáng biết ơn trốn. Mỗi ngày, hãy nói với họ đôi lời êm đẹp thì hơn là suốt đời nai lưng làm việc vì họ. Xin nói để ngài biết, âu cũng do chỗ tình thân. Và tôi đâu có tán nhăng tán cuội... tôi chỉ đơn giản dẫn ra một nguyên tắc vật lý: màu xanh lục đi đôi với màu vàng óng”.

“Gầm khá đấy, chú sư tử non”, Blumenthal rạng rỡ nói. “Hãy nghe đây, anh Lohkamp! Tôi biết tôi còn có thể bớt của anh trọn ngàn mác nữa...”.

Tôi lùi lại một bước. Quân Satäng hiểm độc, tôi nghĩ, cú đòn ta hằng lo ngại đây. Tôi đã mừng tượng thấy mình không một giọt rượu kéo lê đến mãn kiếp, và tôi hướng sang bà Blumenthal cặp mắt nai con thống thiết.

“Kìa, bố nó...” bà nói.

“Mặc tôi, mẹ nó”, lão đáp. “Thế đấy, lẽ ra tôi có thể... nhưng tôi không bớt. Là thương gia, tôi thấy khoái cung cách làm ăn của anh. Còn hơi quá giàu trí tưởng tượng, nhưng đâu sao... anh đã khéo nhắc đến Meyer và con trai đấy. Bà cụ thân sinh ra anh là người Do Thái?”

“Không”.

“Vậy anh đã từng ở trong xưởng may quần áo chằng?”

“Phải”.

“Ấy đấy, từ đó mà anh có cái phong cách này. Nghề gì?”

“Tâm hồn”, tôi đáp, “tôi đã từng mơ ước trở thành giáo viên”.

“Anh Lohkamp”, Blumenthal nói. “Phục anh! Nếu khi nào anh không có chỗ làm, hãy gọi điện đến tôi”.

Lão viết một tấm séc trao cho tôi. Tôi không còn tin ở mắt mình. Trả trước! Một chuyện lạ! “Ngài Blumenthal”, tôi nói, lòng đã bị chinh phục, “xin ngài cho phép tôi được trao luôn cùng chiếc xe hai gát tàn pha lê và một tấm thảm cao su thượng hạng không lấy tiền”.

“Hay lắm”, lão nói, “lão già Blumenthal thế là cũng có lúc được biểu xén chút đỉnh”. Đoạn lão mời tôi hôm sau lại dùng bữa cơm chiều. Bà Blumenthal mỉm cười với tôi, âu yếm như một người mẹ.

“Sẽ có cá măng nhồi”, bà dịu dàng nói.

“Một món ăn ngon tuyệt”, tôi đáp, “Vậy tôi xin đưa xe đến cho ông bà luôn thể. Sáng sớm mai chúng tôi sẽ cho sang tên ngay”.

Tôi bay như cánh én về xưởng. Nhưng Lenz và Koster đã đi ăn. Tôi còn phải dẫn sự đặc thắng của mình lại. Chỉ có Jupp ở đây. “Bán rồi à?” chú hỏi.



“Mày muốn biết lắm đây, đồ vô tích sự”, tôi nói. “Đây cho mày một đồng tiền. Đi mà lấp lầy một chiếc phi cơ”.

“Nghĩa là đã bán”, Jupp cười ngoác miệng.

“Giờ tao đi kiếm cái gì ăn đây”, tôi nói, “nhưng hãy liệu hồn nếu mày hé với họ trước khi tao trở lại”.

“Cậu Lohkamp”, chú nói giọng thề thốt, tung tung đồng tiền trong không khí, “tôi cảm lạnh như nắm mồ mà”.

“Trông mày có vẻ thế thật”, tôi nói và nhún ga.

Khi tôi quay về đến sân, Jupp ra hiệu cho tôi. “Có chuyện gì?” tôi hỏi. “Lại không giữ được mồm phải không?”

“Kìa cậu Lohkamp! Tôi cảm như thóc ấy chứ!” Chú toét miệng cười. “Có điều... lão xe Ford đang ở trong ấy”.

Tôi đỗ chiếc Cadillac ngoài sân, bước vào xưởng. Lão chủ hiệu bánh có đó, đang cúi xuống một cuốn sách mẫu màu. Lão vận một chiếc áo khoác kẻ caro ngắn đến thắt lưng, dính cái băng tang rộng bản. Đứng bên lão là một cô nàng khá khinh với cặp mắt đen linh lợi, chiếc áo khoác viền lông thỏ xinh xinh phanh cúc và đôi giày da sơn bé tí xíu. Cô nàng mắt đen thích màu son chói, nhưng lão thợ bánh ngại màu đỏ, vì lão đang để tang vợ. Lão đề nghị màu nâu vàng.

“Ồi dào”, cô nàng mắt đen hờn dỗi, “xe Ford thì phải sơn sao cho thật nổi, nếu không trông chẳng ra quái gì”.

Cô ả ngằm ném cho chúng tôi những cái nhìn đồng lõa và nhún vai, khi lão thợ bánh cúi xuống, ả nhếch miệng, nháy mắt với chúng tôi. Một con bé nhí nhảnh! Cuối cùng hai người đồng tình chọn màu xám lục. Cô ả muốn đặt tấm mui màu sáng. Nhưng lão thợ bánh nhất quyết phản đối: phải có cái gì đó chứng tỏ lão đang để tang vợ chứ. Và lão yêu cầu một tấm mui da đen. Cả ở đây nữa lão lại tranh thủ kiếm chác, vì đằng nào lão cũng nhận tấm mui không mất tiền, mà da thì đắt hơn vải đứt đuôi.

Hai người đi ra. Nhưng sau đó còn dừng lại trên sân một hồi. Mới thoáng thấy chiếc Cadillac, ả mắt đen đã lao bổ đến nó. “Xem này, anh yêu, xe thế mới là xe chứ! Tuyệt! Em thích lắm!”

Loáng cái, ả đã mở cửa chui lọt vào trong xe, mắt lác xệch vì hân hoan quá đỗi. “Đệm ra đệm! Phi thường! Cứ như ghé bành trong câu lạc bộ! Khác xa chiếc Ford!”

“Thôi nào, ta đi”, anh yêu cau có nói.

Lenz huých tôi... tôi cần phải vào trận, tìm cách tròng chiếc xe vào cổ lão thợ bánh. Tôi nhìn Gottfried từ đầu xuống chân, chẳng nói chẳng rằng. Cậu ta huých tôi cái nữa mạnh hơn. Tôi huých trả và xoay lưng lại cậu ta.

Vắt vả lăm lão thợ bánh mới lôi được viên ngọc đen của lão ra khỏi chiếc xe, lão bỏ đi, lưng hơi khòm xuống, bụng rất bực tức.

Chúng tôi nhìn theo cặp già trẻ. “Một thằng cha có những quyết định chóng vánh!”, tôi bình phẩm. “Sửa xe... vợ mới... phục thật!”

“Thế đấy”, Koster nói, “lão còn được cô ả hành cho bằng sướng!”

Hai người chưa khuất sau góc phố, Gottfried đã nhảy lên đùng đùng. “Ma quỷ hút hết hồn cậu rồi hay sao, hờ Robby? Để lỡ một dịp như thế! Đến đứa trẻ con cũng biết phải xáp vô ra sao!”

“Hạ sĩ Lenz”, tôi đáp, “yêu cầu anh đứng nghiêm khi thừa chuyện với cấp trên! Anh tưởng tôi đây khích lệ chế độ song hôn, nữ đem gả chiếc xe hai lần hay sao?”

Được nhìn Lenz lúc này thật đã đời! Hai mắt cu cậu tròn xoe như hai hòn bi.

“Chớ đem chuyện thiêng liêng ra mà đùa cợt”, cậu ta ấp úng.

Bỏ mặc cậu ta, tôi quay sang Koster. “Otto, hãy giã từ đứa con Cadillac của bọn ta! Nó không còn thuộc về bọn ta nữa rồi! Từ nay nó sẽ cho ngành thầu đồ lót vay mượn vẻ hào nhoáng của mình! Cứ hy vọng rằng nó sẽ có một cuộc sống đẹp đẽ. Kém phần hào hùng như khi sống với bọn ta... nhưng bù vào đó, lại ổn định hơn”.

Tôi chìa tấm séc ra. Lenz chút nữa thì té xỉu.

“Lẽ nào... hả? Không lẽ... trả tiền rồi?” Cậu ta hỏi lảo đảo, giọng khản đặc.

“VẬY anh tưởng thế nào, hờ quân mới tập tọng vào nghề”, tôi vừa hỏi vừa phe phẩy tấm séc. “Đoán xem!”

“Bốn!” Lenz kêu, mắt nhắm nghiền.

“Bốn rưỡi!” Koster nói.

“Năm!” Jupp từ cây xăng gào với sang.

“Năm ngàn rưỡi!” Tôi hét to.

Lenz giật tấm séc từ tay tôi. “Vô lý! Hẳn đây là tấm séc của một ngân

sách rỗng”.

“Hạ sĩ Lenz”, tôi trịnh trọng nói, “anh ngờ vực chừng nào, tấm séc này đáng tin chừng ấy. Ông bạn Blumenthal của tôi còn tốt gấp hai chục lần thế. Bạn tôi, anh hiểu không, người bạn đã mời tôi chiều mai lại nhà dùng món cá măng nhồi. Anh hãy đọc lấy! Kết thân, nhận tiền trả trước, được mời dùng cơm chiều: bán hàng là thế đấy! Thôi, giờ cho phép anh đứng tư thế nghỉ!”

Gottfried gắng trấn tĩnh. Cậu ta cố đấm ăn xôi. “Nhưng còn lời rao của mình, bùa phép của mình!”

Tôi quăng trả cậu ta tấm mẽ đây. “Đây, trả cậu cái xích cổ chó! Mình đã quên băng nó”.

“Cậu bán không chê vào đâu được, Robby ạ” Koster nói. “Ôn Chúa, thế là tội mình thoát được cái của nợ ấy”.

“Số tiền này tha hồ xài mệt nghỉ”.

“Cậu ứng trước cho mình năm chục mác chứ?” tôi hỏi.

“Một trăm. Cậu xứng đáng được ngàn ấy”.

“Cậu không muốn nhận ứng chiếc măng-tô xám của mình cả thế sao?” Gottfried nheo mắt hỏi.

“Muốn đi nhà thương hả, cái đồ con hoang ử dột, khỏe xọc mũi vào việc của người khác!” Tôi vặc lại.

“Các chú, hôm nay ta dừng ở đây thôi!” Koster đề nghị.

“Hôm nay kiếm thế đủ rồi. Cũng không nên trêu tức Chúa. Chúng ta sẽ lôi chiếc Karl đi chơi, luyện cu cậu cho cuộc đua sắp tới”.

Jupp đã bỏ mặc cây xăng từ lâu. Chú hồi hộp chùi hai bàn tay.

“Cậu Koster, vậy là tôi phải đảm nhận trông coi xưởng chứ ạ?”

“Không đâu, Jupp”, Otto cười đáp, “mày cũng cùng đi!”

Trước tiên chúng tôi đến nhà băng giải quyết tấm séc. Lenz chỉ yên dạ khi biết tấm séc hợp lệ. Rồi chúng tôi phóng xe đi, nhanh tới mức ống xả phụt ra cả tia lửa.

# CHƯƠNG 8

Tôi đến trước mặt bà chủ nhà của tôi. “Cháy ở đâu à?” bà Zalewski hỏi.

“Chẳng đâu cháy cả”, tôi đáp. “Tôi chỉ muốn trả tiền nhà thôi”. Trả trước thời hạn những ba ngày! Bà Zalewski suýt té xỉu vì kinh ngạc. “Có điều gì khuất tất đây”, bà ngò vục nói.

“Không hề”, tôi đáp. “Tối này bà cho tôi mượn cả hai chiếc ghế bành bọc gấm trong phòng khách của bà được không?”

Bà liền chống hai tay lên cặp hông mập ú, sẵn sàng nghênh chiến. “Ra thế! Anh không ưng căn buồng của anh nữa hả?”

“Sao lại không. Nhưng tôi còn ưng những chiếc ghế bành bọc gấm của bà nữa kia”.

Tôi giải thích cho bà rằng có thể một cô em họ sẽ tới thăm tôi, và vì vậy tôi muốn căn buồng của mình khang trang lên ít nhiều. Bà cười, rung rinh bộ ngực đồ sộ. “Em họ”, bà khinh bỉ đái lại, “thế bao giờ cô em họ ấy đến?”

“Đã chắc chắn gì đâu”, tôi nói, “nhưng nếu đến, dĩ nhiên cô ấy sẽ đến sớm, để dùng bữa chiều. Sao người ta lại không thể có các cô em họ chứ, thưa bà Zalewski?”

“Đã đành là có”, bà đáp, “nhưng không ai đi mượn ghế bành vì một cô em họ cả”.

“Thế mà tôi mượn đây”, tôi quả quyết, “tôi nặng tình cảm gia đình lắm”.

“Trông cái mặt anh thì biết! Các người rặt những quân lang bạt kỳ hồ với nhau cả. Anh có thể lấy về buồng hai chiếc ghế bành bọc gấm. Hãy đặt vào phòng khách những chiếc ghế nhưng đồ chùng nào anh còn dùng những chiếc kia”.

“Rất cảm ơn bà. Sáng mai tôi sẽ đem trả tất tậ. Cả tấm thảm nữa”.

“Thảm nào?” bà quay phắt lại. “Có ai đã động một chữ đến thảm thiếc gì đâu chứ?”

“Tôi. Cả bà nữa, vừa tức thì đây thôi”.

Bà nhìn tôi giận dữ. “Đồng bộ mà lại”, tôi nói, “những chiếc ghế bành không đặt trên thảm là gì đấy!”

“Này anh Lohkamp”, bà Zalewski trịnh trọng đó, “anh chớ làm quá! Cái

gì cũng nên có mức độ, đó là lời của ông Zalewski đã quá cố. Nó cũng có thể giúp ích cho anh đây”.

Tôi biết rằng bất chấp lời cách ngôn chọn lọc trên, ông Zalewski quá cố rõ ràng đã chết chìm trong rượu. Chính bà chứ chẳng phải ai khác đã kể cho tôi điều đó đến phát nhảm trong những dịp khác. Nhưng bà không bận tâm chút nào. Bà sử dụng ông chồng như thiên hạ sử dụng Kinh thánh: để trích dẫn. Và ông mất càng lâu ngày, bà càng đổ cho ông lắm lời cách ngôn hơn. Giờ đây bà có thể trích dẫn ông trong mọi hoàn cảnh... như Kinh thánh vậy.

Tôi trang hoàng căn buồng của mình. Tôi vừa gọi điện cho Patrice Hollmann hỏi chiều. Nàng mới ốm dậy, đã gần một tuần nay tôi không gặp nàng. Giờ đây chúng tôi hẹn gặp nhau lúc tám giờ, tôi mời nàng lại nhà tôi ăn tối, sau đó chúng tôi cùng đi xem phim.

Những chiếc ghế bành bọc gấm và tấm thảm trông thật lộng lẫy nhưng đèn đóm trong buồng trông thảm hại quá. Vì vậy tôi gỡ cửa gia đình Hasse bên cạnh để mượn họ chiếc đèn bàn. Bà Hasse mệt mỏi ngồi bên cửa sổ. Chồng bà không có nhà. Ngày nào ông cũng tình nguyện làm thêm vài ba giờ, chỉ cốt để không bị sa thải. Người đàn bà nom ủ rũ như con gà rù. Trên những đường nét mềm nhẽo, héo hắt dần của bà vẫn có thể nhận ra gương mặt thon nhỏ của một đứa trẻ... một đứa trẻ vỡ mộng, rầu rĩ.

Tôi hỏi mượn chiếc đèn. Bà sốt sắng đi lấy nó cho tôi. “Ồ vâng”, bà thờ dãi, “hể tôi nhớ lại, trước kia...”.

Tôi biết bà sẽ nói gì. Bà sẽ nói về những viễn cảnh mà lẽ ra bà đã có, giá như bà không lấy Hasse. Tôi cũng từng nghe chính câu chuyện này từ mồm Hasse. Những viễn cảnh mà lẽ ra ông đã có, giá như ông cứ ở vậy suốt đời. Hình như đây là câu chuyện hay gặp nhất trên thế gian. Cũng là câu chuyện vô vọng nhất.

Tôi lơ đãng nghe, góp mấy lời chung chung, rồi sang buồng Erna Bonig mượn chiếc máy quay đĩa.

Bà Hasse gọi Erna là cái con người ở phòng bên. Bà khinh rẻ cô ta vì ghen ghét. Tôi lại rất mến cô gái. Cô ta không hề tự lừa phỉnh mình về cuộc sống, mà hiểu rằng cần phải bám vào nó để chộp lấy một chút thứ mà người đời gọi là hạnh phúc. Cô ta cũng biết phải trả giá gấp hai, ba lần thế. Hạnh phúc là vật lung linh nhất trên thế gian đồng thời đắt giá nhất.

Erna quỳ xuống trước va-li của cô ta, lục tìm cho tôi một lô đĩa hát. “Anh muốn mượn foxtrot không?” cô ta hỏi.

“Không”, tôi đáp, “tôi không biết nhảy”.

Cô ta ngạc nhiên ngược nhìn. “Anh không biết nhảy sao? Ồ, thế anh làm gì những lúc anh đi chơi?”

“Tôi nhảy với cái cuống họng của tôi. Như thế cũng thích chán”.

Cô ta lắc đầu. “Đàn ông mà không biết nhảy theo tôi cứ gạt phăng”.

“Nguyên tắc góm nhĩ”, tôi đáp. “Nhưng cũng còn những đĩa khác nữa mà. Mới đây tôi thấy cô nghe một đĩa rất hay... một giọng nữ với giai điệu Hawai...”

“Ồ, đĩa ấy tuyệt diệu... làm sao em có thể sống thiếu anh... chứ gì?”

“Chính nó! Các thi sĩ sáng tác lời hát nghĩ ra đủ mọi ý hay ho! Tôi cho rằng họ là những người lãng mạn duy nhất còn lại”.

Cô ta cười. “Chứ sao nữa? Một chiếc máy quay đĩa thế này cũng là một dạng sổ lưu niệm đấy nhé. Xưa kia người ta ghi vào anbom những vần thơ, còn bây giờ người ta tặng nhau những đĩa hát. Hễ muốn hồi tưởng lại cái gì, tôi chỉ cần đặt vào máy chiếc đĩa hát thưở nào, và mọi thứ lập tức hiện hiện trước mắt”.

Tôi nhìn xuống những chồng đĩa nằm dưới đất. “Cứ xét trên số đĩa thì cô phải có hàng đồng kỷ niệm, cô Erna nhĩ”.

Cô ta đứng lên, vuốt mái tóc đỏ rực ra sau. “Vâng”, cô ta nói, chân gạt một chồng đĩa sang bên cạnh “nhưng giá được một kỷ niệm duy nhất ra hồn vẫn hơn”...

Tôi giờ những món tôi đã mua về cho bữa ăn tối và gắng bày biện tươm tất theo hết khả năng của mình. Tôi chẳng mong gì được giúp đỡ trong việc bếp núc, quan hệ của tôi với ả Frida quá xấu. Bét ra ả cũng quăng đồ của tôi cái gì đó. Nhưng rồi cũng ổn, và tôi suýt không còn nhận ra căn buồng cũ của mình trong vẻ lộng lẫy mới mẻ của nó. Những chiếc ghế bành, chiếc đèn, mặt bàn trải khăn... tôi cảm thấy trong người đang dần hình thành một nỗi mong chờ thắc thỏm. Tôi đi tới chỗ hẹn, mặc dù còn hơn một giờ nữa. Bên ngoài gió cuốn từng luồng dài quanh góc những tòa nhà, đèn đường đã bật. Chiều buông xanh ngắt như biển giữa các tòa nhà. Tiệm Quốc Tế bơi trong đó như một chiếc tàu chiến đã bị dỡ bỏ hết trang bị. Tôi nhảy một bước vào tiệm.

“Xin chào, Robert”, Rosa nói.

“Cô làm gì ở đây vậy?”, tôi hỏi. “Không định dạo phố đón khách hay

sao?”

“Hăng còn hơi sớm”.

Alois rón rén lại gần. “Một ly?” gã hỏi.

“Ba”, tôi đáp.

“Anh uống hơi quá độ đây”, Rosa nhắc.

“Tôi cần thêm dũng khí”, tôi nói và nốc cạn ly rum.

“Anh chơi chút gì nhé?” Rosa hỏi.

Tôi lắc đầu. “Hôm nay không có hứng. Quá đãng trí, Rosa ạ. Con bé thế nào?”.

Ả cười, phô đủ những chiếc răng vàng. “Tốt cả, không có gì đáng phàn nàn. Mai em lại đi thăm cháu. Tuần này em kiếm khá tiền, mùa xuân chưa gì đã làm rục ruột đám dê già. Em mang cho con bé một chiếc áo khoác mới xinh xinh. Bằng dạ đỏ”.

“Dạ đỏ là một thời thượng nhất hiện nay”.

“Anh là một con người hào hoa, Robby ạ”.

“Nếu như cô không nhầm. Nào, uống với tôi một ly. Rượu anit nhé?”

Ả gật. Chúng tôi cụng ly. “Nói thử xem, Rosa, thật ra cô nghĩ thế nào về tình yêu?” tôi hỏi. “Cô hiểu nó chút ít mà”.

Ả phá lên một chuỗi cười chói tai. “Thôi đừng nói nữa”, sau đó ả nói. “Tình yêu à! Ô, Arthur của em, hể nghĩ đến thằng đêu ấy em vẫn cứ bủn rủn chân tay. Em muốn nói với anh điều này, anh Robby, nói nghiêm chỉnh: đối với tình yêu, đời người quá dài. Đơn giản là quá dài. Arthur của em đã vạch cho em thấy điều ấy khi hắn ta quất ngựa truy phong. Và quả đúng như vậy. Tình yêu sao mà tuyệt vời. Nhưng bao giờ nó cũng quá dài với một người. Còn người kia, người kia ngồi lại, mắt nhìn trống rỗng. Trống rỗng như một kẻ điên”.

“Đã hẳn”, tôi nói. “Nhưng không có tình yêu thì con người ta thật sự chỉ là cái xác vật vờ trên đời”.

“Cứ làm như em đây này”, Rosa đáp. “Hãy sinh lấy một đứa con. Thế là anh có cái để yêu thương và được yên thân”.

“Dạy khôn gớm”, tôi nói. “Tôi chỉ còn thiếu có nước ấy nữa thôi”.

Rosa đung đưa mái đầu, vẽ mơ màng. “Arthur của em đã đánh đập em tàn nhẫn biết chừng nào... dẫu vậy, giá lúc này hắn bước vào đây với chiếc

mũ ông hát ra sau gáy... trời, anh bạn trẻ, nghĩ tới đó chưa gì em đã run rẩy toàn thân”.

“Chúng ta hãy cạn một ly chúc sức khỏe Arthur”.

Rosa cười. “Thằng sở khanh muôn năm! Chúc sức khỏe anh!”

Chúng tôi cạn ly. “Tạm biệt, Rosa. Tối nay đất khách nhé!”

“Cám ơn. Tạm biệt anh Robby”.

Cửa nhà đóng cái sập. “Chào anh”, Patrice Hollmann nói, “anh có vẻ suy tư quá nhỉ?”

“Không, suy tư gì đâu! Sức khỏe cô ra sao rồi? Cô đã bình phục hẳn chưa? Bệnh gì vậy?”

“Ồ, chẳng có gì đặc biệt, cảm lạnh và hơi gầy gầy sốt”.

Trông nàng chẳng có vẻ gì đau ốm, mệt mỏi cả. Trái lại... chưa bao giờ tôi thấy cặp mắt nàng to và rạng rỡ đến thế, gương mặt nàng hơi ửng hồng, nàng cử động mềm mại và uyển chuyển như một con thú thon thả, xinh đẹp.

“Trông cô khá lắm”, tôi nói. “Hoàn toàn khỏe mạnh! Chúng ta có thể dạo chơi thoải mái”.

“Được thế thì hay biết mấy”, nàng đáp. “Nhưng hôm nay không được. Hôm nay tôi không thể đi”.

Tôi tròn mắt nhìn nàng không hiểu. “Cô không thể đi được sao?” Nàng lắc đầu. “Đáng tiếc là không”.

Tôi vẫn chưa hiểu ra. Tôi tưởng đâu nàng đã nghĩ lại việc nàng nhận lời tới thăm tôi, và nàng chỉ không muốn dùng bữa tại buồng tôi nữa.

“Tôi có gọi điện đến nhà anh để anh khỏi mất công đến đây. Nhưng anh đi mất rồi”.

Roth cuộc giờ đây tôi đã hiểu. “Cô thật sự không thể đi cùng tôi sao? Suốt cả buổi tối?” Tôi hỏi.

“Hôm nay thì không. Tôi có việc phải đi. Đáng tiếc tôi cũng chỉ được biết trước đây nửa giờ”.

“Cô không thể hoãn lại sao?”

“Không, không được đâu”. Nàng mỉm cười. “Đây gần như một công chuyện làm ăn”.

Tôi như bị giáng một cú trúng đầu. Tôi đã lường trước tất cả, trừ điều



này. Tôi không tin nàng dù chỉ một lời. Công chuyện làm ăn... nàng chẳng có vẻ gì là dân làm ăn cả. Có lẽ đây chỉ là một cách nói. Thậm chí chắc chắn thế. Ai lại đi bàn chuyện làm ăn vào buổi tối cơ chứ. Việc đó người ta làm vào buổi sáng! Và người ta cũng không chỉ được báo trước có nửa giờ. Cô ta không muốn, có thể thôi.

Tôi thất vọng chẳng khác gì một đứa trẻ. Giờ đây tôi mới thấy là mình đã khắp khởi đợi chờ cuộc gặp tối nay biết bao. Tôi bực mình vì đã thất vọng đến thế và không muốn nàng nhận thấy điều đó. “Được thôi”, tôi nói “biết làm sao. Tạm biệt cô”.

Nàng nhìn tôi dò hỏi. “Chẳng vội đến thế đâu. Chín giờ tôi mới có hẹn. Chúng ta có thể đi dạo một lát. Suốt tuần tôi không ra ngoài trời”.

“Thì đi”, tôi miễn cưỡng nói. Tôi bỗng cảm thấy mệt mỏi và trống rỗng.

Chúng tôi đi dọc phố. Buổi tối trở nên trong trẻo, những ngôi sao xuất hiện giữa các mái nhà. Chúng tôi đi qua một bãi cỏ có những bụi cây náu mình trong bóng tối. Patrice Hollmann đứng lại. “Tử đinh hương”, nàng nói, “có mùi hoa tử đinh hương! Nhưng sao vô lý thế nhỉ, đã đến mùa đâu”.

“Tôi chẳng ngửi thấy gì cả”, tôi nói.

“Có đấy!” Nàng cúi mình trên khu vườn.

“Đó là cây hoa thụ hương, thưa quý cô”, một giọng khàn khàn từ bóng tối vọng ra.

Một người thợ làm vườn thành phố đầu đội mũ lưỡi trai bằng đồng đang đứng tựa vào một thân cây. Bác ta hơi lão đảo tiến lại gần chúng tôi. Túi áo bác ta thò ra một cái cổ chai lấp lánh. “Chúng tôi vừa trồng nó hôm nay”, bác vừa nói vừa nắc to. “Nó kia kia!”

“Cám ơn bác”, Patrice Hollmann nói, đoạn quay sang tôi. “Anh vẫn chưa ngửi thấy gì sao?”

“Có chứ, giờ thì tôi ngửi thấy gì rồi”, tôi miễn cưỡng đáp. “Mùi rượu nếp ngon trữ lâu ngày”.

“Đoán thần tình đây!” Người đàn ông trong bóng tối ợ một cái rồ to.

Tôi nhận thấy rất rõ mùi hương ngọt ngào lan tỏa trong bóng tối êm dịu; nhưng bằng mọi giá tôi quyết không thừa nhận điều đó. Cô gái cười, vờn vai. “Thật tuyệt diệu biết bao, nhất là sau khi phải ở lì trong buồng quá lâu! Đáng tiếc quá tôi lại phải đi! Cái ông Binding ấy... lúc nào cũng vội vội vàng vàng và cứ đến sát giờ mới báo... quả thực đáng lý ông ta có thể lui

việc đến ngày mai!”

“Binding à?”, tôi hỏi. “Cô có hẹn với Binding?”

Nàng gật. “Với Binding và một người nữa. Vấn đề là ở người kia. Công chuyện nghiêm túc. Anh tưởng tượng được chứ?”

“Không”, tôi đáp, “tôi không sao hình dung nổi”.

Nàng cười và tiếp tục nói. Nhưng tôi không nghe nàng nữa. Binding... dường như một tia chớp đánh nhoảng vào xương tủy tôi. Tôi không nghĩ đến chuyện nàng đã quen biết hẳn ta trước tôi nhiều, chỉ thấy hiện lên trước mắt chiếc Buick, bộ comple đắt tiền và chiếc ví của hẳn ta: choáng lộn và xa hoa hơn hẳn thực tế. Ôi, căn buồng nghèo nàn, thanh bạch, được tô điểm của tôi! Tôi đã tưởng tượng hão cái gì vậy! Đèn bàn nhà Hasse, ghế bành nhà Zalewski! Cô gái đâu cần xứng với tôi! Tôi là cái thá gì? Một kẻ bộ hành từng đi mượn một chiếc Cadillac, một con sâu rọu vụng về, ngoài ra không là gì nữa! Loại ấy thì góc phố nào chẳng thấy. Tôi đã mừng tượng ra cảnh người gác cửa quán

Chùm nho cúi mình chào Binding, tôi nhìn thấy những căn phòng sáng sủa, ấm áp, đẹp đẽ, khang trang, thấy đám khói thuốc lá và những con người lịch sự, tôi nghe tiếng nhạc và tiếng cười, cười nhạo tôi. Quay lại, tôi nghĩ, quay lại ngay! Một linh cảm, một niềm hy vọng... như thế đã quá đủ! Dính líu vào đó thật vô nghĩa. Chỉ còn một cách là thoái lui!

“Nếu anh muốn, tối mai chúng ta có thể gặp lại nhau”, Patrice Hollmann nói.

“Tối mai tôi không có thời giờ”, tôi đáp.

“Hoặc ngày kia, hay bất kỳ ngày nào trong tuần. Mấy hôm tới tôi không vương bận gì cả”.

“Khó đấy”, tôi nói. “Hôm nay chúng tôi vừa nhận một đơn đặt hàng gấp, có lẽ suốt tuần chúng tôi sẽ phải làm việc tới khuya”.

Nói khoác, nhưng tôi không thể làm khác. Trong tôi bỗng chất chứa bao tức giận và tủi hổ.

Chúng tôi tạt ngang quảng trường, đi dọc theo con đường chạy bên nghĩa trang. Tôi trông thấy Rosa đi lại từ phía tiệm Quốc Tế. Đôi ủng cao cổ của ả bóng loáng. Lẽ ra tôi có thể rẽ, giá bình thường tôi đã lảng... nhưng lúc này tôi cứ thẳng tiến, giần mặt với ả. Rosa nhìn lướt qua tôi, làm như tôi lạ hoắc trong mắt ả. Đương nhiên rồi; không một ả điếm nào tỏ ra quen biết một người ngoài phố nếu anh ta không đi một mình. “Chào Rosa”, tôi nói.

À bồi rồi nhìn tôi, rồi Patrice Hollmann, đoạn hấp tấp gật đầu và luống cuống bước tiếp. Sau ả vài bước là Fritzi, vung vẩy chiếc xắc tay, môi tô đỏ chót, hông đung đưa. À đứng dung nhìn xuyên qua tôi như nhìn xuyên một ô kính cửa sổ. “Chào em, Fritzi!” tôi nói.

À khẽ nghiêng đầu như một bà hoàng, không để lộ một chút ngạc nhiên; nhưng tôi nghe bước chân ả gấp gấp hơn lúc ả đi ngang... ả muốn cùng Rosa bàn tán về sự lạ vừa xảy ra. Tôi vẫn còn có thể rẽ sang một phố phụ, tôi biết sẽ còn gặp các ả khác... Lúc này đúng là thời điểm cho cuộc đi dạo kiếm khách rầm rộ đầu tiên trong ngày của các ả. Nhưng tôi vẫn bướng bỉnh thẳng tiến... việc gì tôi lại phải tránh mặt họ; tôi quen biết họ còn bằng mấy quen biết cái cô gái đang đi bên tôi đây với cái gã Binding của cô ta cùng chiếc Buick của hắn. Cô ta cứ việc chứng kiến... thậm chí thỏa thích.

Tôi gặp tất cả bọn họ đi dọc dãy đèn đường dài... Wally - Người đẹp, trắng xanh, thon mảnh, ăn mặc lịch sự, Lina với cái chân gỗ. Erna vạm vỡ, Marion - con gà con non nớt, Margot với cặp má đỏ hây hây, anh chàng luyến ái đồng tính Kiki trong chiếc áo choàng lông, và sau rốt là Mimi, ả điểm già với chúng giãn tĩnh mạch, trông chẳng khác gì con cú vọ xác xơ. Tôi chào không chừa một ai, và khi đi ngang Mutchen với chảo xúc xích tôi chân thành bắt tay mụ.

“Ồ đây anh quen biết nhiều ghê”, Patrice Hollman nói sau một hồi im lặng.

“Chỉ loại người ấy”, tôi ương ngạnh đáp.

Tôi cảm thấy nàng nhìn tôi. “Tôi nghĩ ta phải quay về thôi”.

“Phải”, tôi đáp, “tôi cũng nghĩ vậy”.

Chúng tôi đứng trước cửa nhà nàng. “Tạm biệt cô”, tôi nói, “chúc cô giải trí vui vẻ”.

Nàng không đáp. Phải cố gắng lắm tôi mới rời mắt khỏi cái nút chuông trên cửa và nhìn nàng. Và thật vậy... tôi không tin vào mắt mình nữa... nàng đứng đó, thay vì giận tím mặt, khóe miệng nàng run run, mắt nàng long lanh, đoạn nàng bật cười, tiếng cười chân thành, vô tư lự, giản dị là nàng cười chế tôi. “Trẻ con”, nàng nói, “lạy Chúa, anh vẫn còn trẻ con quá đi mất!”

Tôi giương mắt nhìn nàng. “Ồ, ờ...”, tôi áp ứng, “dẫu sao...” và tôi đột nhiên hiểu ra cảnh ngộ của mình. “Hắn cô cho là tôi hơi ám đầu, hả?”

Nàng cười. Tôi bước nhanh lên một bước và ghì chặt lấy nàng, mặc nàng muốn nghĩ sao thì nghĩ. Tóc nàng mon man trên má tôi, mặt nàng kề sát mặt

tôi, tôi cảm thấy hương đào thoang thoảng của làn da nàng... rồi cặp mắt nàng nhích gần lại, và thốt nhiên tôi cảm thấy môi nàng gắn lên miệng tôi...

Nàng thoát biến trước khi tôi nhận thức được điều gì vừa xảy ra.

Tôi trở lại, đi ngang chảo xúc xích của Muttchen.

“Cho tôi một xúc xích thật to đi”, tôi hớn hờ nói.

“Vớ mù tạc chứ?” Muttchen hỏi, mình khoác tạp dề trắng sạch tinh.

“Thật nhiều mù tạc vào, Muttchen ạ”.

Tôi cứ đứng thế ngón sạch chiếc xúc xích và gọi Alois đem từ tiệm Quốc Tế ra một vại bia.

“Con người là một sinh vật lạ lùng, phải không Muttchen?” tôi hỏi.

“Cậu có thể tin chắc như vậy”, nụ hăng hái hưởng ứng. “Hôm qua có một ông tới, gọi hai xúc xích nhỏ kèm mù tạc, sau đó không có tiền trả. Thế đấy, đêm hôm khuya khoắt, chẳng có ma nào ngoài tôi với hắn, tôi biết làm gì được, thôi đành để hắn đi. Cậu có tin được không, hôm nay gã đàn ông trở lại trả tiền xúc xích ăn hôm qua, đã thế còn cho tôi một món tiền puốc boa nữa”.

“Một phẩm chất thời tiền chiến đây, Muttchen ạ. Hàng họ của u thế nào?”

“Ế ầm! Hôm qua chỉ bán được bảy cặp xúc xích nhỏ và chín xúc xích lớn. Cậu biết không, không có đám các cô thì tôi đã đi đời từ lâu”.

Đám các cô đây là các ả điếm, thường trợ giúp Muttchen trong khả năng của họ. Hễ mỗi chài được một khách chơi, và vì lẽ nào đó gặp thuận lợi, họ lại dẫn khách đi ngang chảo xúc xích của Muttchen để nhám nháp một chiếc xúc xích trước khi hành sự, giúp bà già kiếm thêm chút đỉnh.

“Bây giờ trời sắp âm lên rồi”, Muttchen tiếp tục kể lể, “nhưng tiết mùa đông, vừa ướt át vừa lạnh khiếp... chát lên người hàng đông quần áo vẫn bị cảm lạnh”.

“Cho tôi một xúc xích lớn nữa đi”, tôi nói, “sao tôi thấy ham cuộc sống thế. Chuyện nhà cửa của u sao rồi?”

Mụ nhìn tôi với cặp mắt nhỏ trong veo. “Vẫn cứ thế. Ông ấy lại vừa bán mất chiếc giường”.

Muttchen có chồng. Trước đây mười năm, chồng mụ nhảy lên một tàu điện ngầm đang chạy, không may bị ngã, đưa chân vào gầm tàu. Người ta

phải cưa bỏ hai chân lão. Tai họa này tác động kỳ quặc đến tình tình lão.

Quá xấu hổ vì mình tàn tật, lão thôi không đi lại với vợ nữa. Và lại, trong thời gian nằm nhà thương lão đam mê nghiện moocphin. Thói xấu này nhanh chóng tha hóa lão, lão giao du với các nhóm đồng tình luyến ái, và chẳng mấy chốc, người đàn ông vốn bình thường suốt năm mươi năm, bỗng chỉ còn đan díu với lũ con trai lại cái. Lão không ngượng trước đám ấy vì họ là đàn ông. Gần đàn bà, lão cho mình là kẻ tàn tật, chỉ gọi lên sự kính trọng và lòng thương hại... lão không chịu đựng nổi điều đó... gần đàn ông, lão chỉ là một con người xấu số. Để có tiền bao lũ con trai và chích moocphin, lão rình lấy của Muttchen mọi thứ, hễ bán được là bán liền. Nhưng Muttchen vẫn gắn bó với lão, cho dù mục thường xuyên bị lão nện như tử. Đêm nào mục cũng cùng thằng con đứng đến bốn giờ sáng bên chảo xúc xích. Suốt ngày mục đầu tắt mặt tối, hết giặt giũ lại lau chùi cầu thang. Mục luôn đau bụng dưới và cân nặng có chín chục phun<sup>[8]</sup>, ấy thế mà bao giờ cũng hồ hởi, vui vẻ. Mục cho đời mục tuy thế vẫn còn tươi chán. Thảng hoặc, khi cảm thấy quá khốn khổ, chồng mục lại tìm về mục để khóc lóc. Đó là những giờ phút sung sướng nhất của Muttchen.

“Cậu vẫn còn cái chỗ làm béo bở ấy đây chứ?” Mục hỏi tôi.

Tôi gật. “Vẫn còn, Muttchen ạ. Giờ tôi kiếm được khá tiền”.

“Liệu mà giữ cho lâu dài”.

“Tôi sẽ chú ý, Muttchen”.

Tôi đi về nhà. Như được Chúa sắp đặt, tôi chạm trán ngay ả hầu gái Frida ở tiền sảnh. “Cô là đứa trẻ dễ thương ra trò”, tôi nói, vì tôi muốn làm một cái gì đó tốt đẹp.

Ả nhăn mặt như vừa uống phải dấm.

“Nói nghiêm chỉnh đấy!”, tôi tiếp. “Cãi vã liên miên mà làm gì! Cuộc đời ngắn ngủi lắm, Frida ạ, lại đầy rẫy bất ngờ và nguy hiểm. Thời buổi này phải biết nương tựa vào nhau. Ta làm lành nhé!”

Không thèm nhìn bàn tay tôi chia ra, miệng làm bầm rửa quần nát rượu chết tử chết tiệt, ả đóng sầm cửa biến mất.

Tôi gõ cửa buồng Georgie Block. Dưới cửa có một kẽ sáng. Chú đang nghiền sách vở. “Sang tôi chén đi, Georgie”. Tôi nói.

Chú ngược nhìn. Gương mặt tái xanh ửng đỏ. “Tôi không đói”. Chú nghĩ tôi thương hại chú. Vì thế chú không muốn.

“Thì cứ sang ngó thử cái đã”, tôi nói. “Không ăn ngay sẽ hỏng mất. Sang đi cho tôi vui lòng”.

Khi chúng tôi đi qua hành lang, tôi thấy buồng Erna Bonig hé mở. Có tiếng thở nhẹ sau cánh cửa. Ái chà, tôi nghĩ, đồng thời nghe ổ khóa nhà Hasse xoay hết sức thận trọng, và cánh cửa cũng hé ra đúng một xentimet. Có vẻ như cả khu nhà trọ đang rình cô em họ của tôi.

Dưới ánh sáng gắt của ngọn đèn trần trong căn buồng là hai chiếc ghế bành bọc gấm của bà Zalewski. Ngọn đèn mượn nhà Hasse tỏa sáng, những trái dưa óng ánh, xúc xích gan hảo hạng, giấm bông hun khói, chai rượu anh đào...

Giữa lúc tôi và chú chàng câm lặng Georgie ăn uống ngon lành nhất thì có tiếng gõ cửa. Tôi biết sẽ diễn ra trò gì. “Đề ý nhé, Georgie”, tôi thì thầm, rồi gọi to: “Mời vào!”

Cửa mở, và bà Zalewski, mắt lóe sáng vì tò mò, bước vào. Lần đầu tiên trong đời tôi được bà trao thư tận tay, một tờ in quảng cáo kêu gọi chỉ nên ăn rau quả tươi. Bà trang phục, tô điểm lộng lẫy, một mệnh phụ hết sức quyền quý từ thời xa xưa với chiếc váy dài đặng ten và khăn choàng tua rua, cổ gài cái trâm có gắn hình ông Zalewski đã quá cố. Một nụ cười ngọt như đường bất ngờ đọng lại trên mặt bà; bà tung hứng dán mắt vào chú chàng Georgie đang bối rối. Tôi phá lên một chuỗi cười nhẩn tâm. Bà nhanh chóng trấn tĩnh.

“A ha, bị đá”, bà độc địa nói.

“Đúng thế”, tôi thừa nhận, vẫn còn mê mải ngắm nghía cách trang phục của bà. Thật may phúc là cuộc hẹn hôm nay không thành.

Bà bô Zalewski nhìn tôi trách móc. “VẬY mà anh còn cười được? Tôi đã chẳng luôn nói là gì: nơi những người khác có một con tim, thì trong ngực anh chỉ thấy hũ rượu”.

“Một lời tốt đẹp”, tôi đáp, “Bà không muốn ban cho chúng tôi chút vinh dự sao, thưa quý bà?”

Bà do dự. Nhưng rồi thói tò mò đã thắng, biết đâu bà chẳng nghe ngóng thêm được chuyện gì đó. Tôi mở chai rượu anh đào.

Về khuya, khi tất cả đã trở nên im ắng, tôi vợ áo khoác và một cái chăn rón rén đi qua hành lang ra chỗ đặt máy điện thoại. Tôi quỳ xuống trước bàn điện thoại, trùm áo và chần lên đầu, tay phải nhấc ống nghe lên, tay trái khép vạt áo choàng ở phía dưới lại. Như vậy tôi yên tâm không bị ai nghe lỏm.

Nhà trọ Zalewski không thiếu những cái tai tò mò dài ngoẵng. Tôi gặp may. Patrice Hollmann có nhà. “Sau cuộc bàn bạc đầy bí ẩn, cô về lâu chưa?” tôi hỏi.

“Gần một tiếng rồi”.

“Tiếc quá. Giá như tôi biết được”.

Nàng cười. “Ồ không, anh có biết cũng chẳng ích gì. Tôi đã vào giường và lại hơi gầy gầy sốt rồi. Tôi trở về nhà sớm thế này là rất tốt”.

“Cô sốt? Nhưng sốt vì bệnh gì vậy?”

“Ồ, có gì trầm trọng đâu. Tối nay anh còn làm những gì nữa đây?”

“Tôi đã đàm đạo với bà chủ nhà của tôi về tình hình thế giới. Còn cô? Công việc của cô ổn chứ?”

“Tôi hy vọng là sẽ ổn”.

Ở trong đám chăn áo bùng bùng trở nên nóng bức. Vì vậy mỗi khi cô gái nói tôi lại hát chúng lên để thông khí, hít vội không khí mát lạnh bên ngoài, rồi lại ập xuống khi đến lượt tôi áp sát vào ống máy để nói. “Trong đám người quen của cô không có kẻ nào tên là Robert sao?” tôi hỏi.

Nàng cười. “Tôi cho là không...”

“Đáng tiếc. Tôi tha thiết được nghe cô gọi lên cái tên ấy. Cô không muốn đầu sao cũng thử nhắc đến nó ư?”

Nàng lại cười.

“Đùa chơi thôi mà”, tôi nói. “Thí dụ hãy nói: Robert là một con lừa”.

“Robert là đồ trẻ con...”

“Cô phát âm hay tuyệt”, tôi nói. “Còn bây giờ ta hãy thử với cái tên gọi Robby xem. Nào, Robby là...”

“Robby là tên nát rượu...” cái giọng thoảng đến từ xa cất lên chậm rãi, “bây giờ tôi phải ngủ đây... tôi vừa uống một viên thuốc ngủ nên đã thấy ong ong trong đầu rồi...”

“Được... tạm biệt... chúc cô ngon giấc”.

Tôi đặt ống nói xuống và hát bỏ cả áo khoác lẫn chăn. Đoạn tôi đứng thẳng dậy và sững người. Ngay sau tôi một bước, lù lù như một bóng ma, là lão cố vấn kiểm kê hồi hưu sống ở gian phòng sát bếp. Tôi giận dữ chửi thề. “Suýt!” lão ra hiệu và cười ngoác miệng.

“Suyt!” tôi đáp lại và cầu cho lão xuống địa ngục.

Lão giơ một ngón tay lên. “Tôi không tiết lộ tí gì đâu... chính trị, hả?”

Lão nháy mắt. “Đừng lo! Chính tôi đây cũng cực hữu. Chuyện chính trị kín, hả?”

Tôi vỡ lẽ. “Chính trị đại sự!” tôi nói, lúc này cũng toét miệng cười.

Lão gật đầu, thì thầm: “Hoàng đế vạn tuế!”

“Ba lần vạn tuế!” tôi đáp. “Nhưng giờ nói sang chuyện khác: ông có biết ai là người phát minh ra điện thoại không?”

Lão ngạc nhiên lắc lắc cái sọ nhăn thín.

“Tôi cũng chẳng biết”, tôi nói, “nhưng đó hẳn phải là một gã trai cừ...”



# CHƯƠNG 9

Chủ nhật. Ngày đua xe. Suốt tuần vừa rồi, ngày nào Koster cũng tập dượt. Tối tối, chúng tôi lại chỉnh chiếc Karl, kiểm tra và bôi dầu mỡ chu đáo, không bỏ sót lấy một cái ốc nhỏ. Lúc này cả bọn đang ngồi trong kho phụ tùng chờ Koster từ bãi xuất phát về. Chúng tôi đủ mặt: Grau, Valentin, Lenz, Patrice Hollmann, nhất là Jupp. Chú chàng vận bộ áo liền quần, trang bị kính đua, mũ đua. Chú được phụ xe cho Koster vì nhẹ cân nhất. Tất nhiên Lenz có ý lo ngại. Cậu ta quả quyết rằng cặp tai voi của Jupp sẽ cản gió ghê gớm, nếu chiếc xe không vì thế mà giảm tốc độ đi hai mươi kilômét giờ, thì cũng biến thành tàu lượn sớm.

“Sao cô lại mang cái tên Anh thế?” Gottfried hỏi. Patrice Hollmann bây giờ ngồi bên cậu ta.

“Mẹ tôi là người Anh, bà cũng tên như vậy, Pat”.

“Ồ, Pat à, thế thì lại khác. Dễ gọi hơn nhiều”. Cậu ta lôi ra cái ly và chai rượu. “Nào, chúc tình bạn tốt đẹp giữa chúng ta, Pat! Tôi là Gottfried!”

Tôi nhìn cậu ta chòng chọc. Trong khi tôi còn đang phân vân không biết nên chuyển cách xưng hô với nàng sao đây thì cậu ta đã trơ tráo nói toẹt ra! Thế mà nàng lại cười hưởng ứng, và quả nhiên cũng thân mật gọi cậu ta là Gottfried.

Nhưng như thế cũng chưa thấm vào đâu so với Ferdinand Grau. Anh chàng đã trở nên hoàn toàn mất trí, mắt không rời Patrice Hollmann. Anh ngâm những vần thơ thánh thót và tuyên bố thế nào cũng phải vẽ nàng. Quả nhiên anh ngồi lên một chiếc hòm và bắt đầu vẽ.

“Nghe đây, Ferdinand, đồ chim lợn già khú kia”, tôi vừa nói vừa giật khỏi tay anh tập giấy vẽ, “đừng có động đến những con người đang sống. Đi mà để mắt tới đồng xác chết của anh. Và hãy nói những chuyện chung chung thì hơn. Chớ bàn về cô gái nữa mà đây diên tiết lên đây”.

“Thế sau này các cậu sẽ cùng mình nhậu nốt cái xác bà dì lão khách hàng của mình chứ?”

“Nốt cả cái xác hay không chưa biết. Nhưng chắc chắn là hết một chân”.

“Được, nếu thế mình sẽ nương nhẹ cậu, chú bé ạ”.

Tiếng động cơ xe nổ giòn như tiếng súng máy râm ran quanh đường đua.

Mùi dầu, xăng và thêu dầu khét lẹt. Cái mùi tuyệt diệu, kích động cũng như tiếng nổ giòn giã tuyệt diệu đầy kích động của các động cơ xe đua.

Bên cạnh, đám thợ máy đang làm nhộn nhạo trên những khoảnh đất riêng chát không thiếu thứ gì của họ. Bản thân chúng tôi được trang bị hết sức nghèo nàn. Một ít dụng cụ, mấy chiếc bugi, vài bánh xe với săm lốp dự trữ mà một nhà máy cho không chúng tôi, dăm thứ phụ tùng lặt vặt... tất cả chỉ có thế. Koster đâu có chạy đua cho một hãng xe nào. Chúng tôi phải tự chi phí lấy hết. Nên chỉ sơ sài vậy thôi.

Otto đến. Sau lưng cậu ta là Braumuller đã mặc sẵn đồ đua.

“Này, Otto” Braumuller nói, “hôm nay bugi của mình mà đừng giờ què thì toi đời cậu! Nhưng chúng sẽ giờ què mất!”

“Đề rồi xem!” Otto đáp.

Braumuller quay sang đe chiếc Karl. “Giờ hồn trước cỗ máy nghiền của tao!”

“Cỗ máy nghiền” là một chiếc xe mới hết sức đồ sộ mà Braumuller lái. Nó được xem như kẻ sẽ đoạt giải đầu trong cuộc đua.

“Karl sẽ dòn cho cậu tóe phở đấy, Théo!” Lenz gọi chỗ sang.

Braumuller toan giờ giọng lính tráng bốp chát thườ trước ra, nhưng vội kìm lại khi thấy Patrice Hollmann trong đám chúng tôi, anh ta trừng mắt, cười khẩy vào khoảng trống trước mặt rồi phóng đi.

“Thắng tuyệt đôi”, Lenz hể hả nói.

Tiếng những chiếc xe máy sửa nặng trên đường đua. Koster phải mặc quần áo đua. Karl được đăng ký vào nhóm xe thể thao.

“Bọn mình không thể giúp cậu được nhiều, Otto ạ”, tôi nói, mắt nhìn đồng dụng cụ.

Cậu ta phẩy tay. “Cũng chẳng cần thiết. Karl mà đã sụm thì đến cả một xưởng sửa chữa cũng không cứu vãn nổi”.

“Bọn mình có cần giờ biển ra để cậu biết chừng không?”

Koster lắc đầu. “Bãi xuất phát đông nghịt người. Mình nhìn được. Thêm nữa Jupp sẽ chú ý”.

Jupp háng hái gật đầu. Chú run người vì hồi hộp, miệng không ngừng nhá sô-cô-la. Nhưng chỉ lúc này thôi. Tiếng súng xuất phát vừa nổ, chú lập tức bình tĩnh như rùa. “Nào đi... đi cho may mắn!”. Chúng tôi đẩy Karl lên

phía trước. “Chớ có chững lại khi xuất phát đây, cái xác thú yêu dẫu của bọn ta”, Lenz nói, tay vuốt ve bộ tản nhiệt. “Đừng bắt cha già của mày vỡ mộng, nghe Karl!”

Karl rồ đi. Chúng tôi nhìn theo. “Xem kia, cái đồ đồng nát gì kỳ cục thế kia”, một kẻ nào đó bỗng lên tiếng bên cạnh chúng tôi. “Bố khi, đuôi thì vênh ngược như đít đà điều!”

Lenz ưỡn thẳng người. “Anh nói chiếc xe trắng phải không?” cậu ta hỏi, mặt đỏ gay, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh.

“Chính thế”, thằng cha thợ máy hộ pháp ở phần đất bên cạnh ngoảnh đầu đáp qua vai một cách khinh bỉ, tay trao cho thằng bạn đứng bên một chai bia. Lenz bắt đầu líu lười vì quá tức giận, toan leo qua bức rào thấp ngăn giữa hai bên. Ông Chúa, cậu ta chưa kịp tuôn ra những lời thóa mạ. Tôi ngăn cậu ta lại. “Thôi ngay cái trò ngu ngốc này đi”, tôi rửa, “bọn mình cần cậu ở đây. Có gì lại cứ muồn bị càn sỏm vào nhà thương cơ chứ!”

Ương bướng như lừa, cậu ta giằng ra bằng được. Cậu ta không thể chịu nổi khi thấy Karl bị xúc phạm.

“Cô nhìn thử”, tôi nói với Patrice Hollmann, “cái thằng dê đực điên khùng này mà lại dám vỗ ngực ta đây là con người lã mạn cuối cùng cơ đấy! Cô có thể tin nổi cu cậu đã từng sáng tác cả thơ nữa không?”

Hiệu nghiệm tức thì. Tôi đã nhằm đúng vào điểm yếu của Gottfried. “Lâu rồi, trước chiến tranh nhiều”, cậu ta nói về biết lỗi. “Vả lại, chú bé ạ, hóa rồ trong một cuộc đua có gì là nhục. Phải thế không, Pat?”

“Nói chung điên rồ không phải là điều ô nhục”.

Gottfried nghiêng mình. “Một lời cực hay!”

Tiếng động cơ như sấm rền át mọi âm thanh khác. Không khí rung bần bật. Đất chuyên trời rung. Cả đám xe vụt qua.

“Gần bét tĩ!” Lenz gầm gừ. “Cái con vật gớm ghiếc ấy lại riu căng lúc khởi hành rồi”.

“Không sao”, tôi nói. “Khởi hành vốn là nhược điểm của Karl. Bao giờ nó cũng xuất phát từ từ, nhưng rồi sẽ không biết ngừng là gì nữa”.

Tiếng loa vang lên trong tiếng gầm gào lảng dần. Chúng tôi ngỡ như nghe nhầm: Burger, một đối thủ đáng gờm, lại ì ra tại điểm xuất phát.

Đám xe rù rù tiến lại. Tít đằng xa, nom chúng rung bần bật như những con cào cào trên đường đua, rồi chúng hiện ra to dần và vèo qua trước mặt

chúng tôi, lướt qua các khán đài, ngoặt vào cua đường rộng. Còn sáu chiếc. Koster vẫn áp chót. Chúng tôi tư thế sẵn sàng! Kể từ khúc ngoặt, tiếng rền vang dội lại khi to khi nhỏ. Rồi cả đoàn xe vọt đến. Chiếc đầu, bám sát sau nó là chiếc thứ hai, thứ ba, rồi Koster. Vượt lên ở khúc ngoặt, giờ đây anh ở vị trí thứ tư.

Mặt trời nhô ra khỏi những đám mây. Những vệt rộng màu trắng và xám tràn ngang con đường đua giờ đây đột nhiên vẫn vện như da cọp bởi ánh sáng và bóng râm. Bóng mây lướt trên những đám đông trên các khán đài. Tiếng gầm rú của động cơ xe dội thẳng vào mạch máu của hết thảy chúng tôi như một thứ âm nhạc phi thường. Lenz nhấp nha nhấp nhồm, tôi nhai nát một miếng thuốc lá, còn Patrice Hollmann thì cứ ghéech mũi lên trời chẳng khác gì một chú ngựa con chào đón bình minh. Chỉ có Valentin và Grau là ngồi bình thản tận hưởng ánh nắng mặt trời.

Tiếng đập vang rền của con tim vĩ đại của đoàn xe lại dội gần lại, lướt qua các khán đài. Chúng tôi ngó đăm đăm vào Koster. Cậu ta lắc đầu; cậu ta không muốn thay lớp. Khi trở lại, cậu ta đã nhoai lên được một chút, bám sát bánh sau chiếc thứ ba. Cả hai vọt vào con đường thẳng tắp dài hun hút.

“Mẹ kiếp!” Lenz dốc chai tu ực một ngụm.

“Cậu ta đã tập luyện như vậy”, tôi bảo Patrice Hollmann. “Vượt lên trong lúc quanh là biệt tài của Koster”.

“Cũng làm một ngụm từ cái hũ này chứ, Pat?” Lenz hỏi.

Tôi giận dữ nhìn Lenz. Cậu ta thản nhiên chịu đựng cái nhìn của tôi.

“Giá có một cái ly thì hơn”, nàng nói. “Tôi chưa học cách tu chai”.

“Biết ngay mà!” Lenz với tay nhón cái ly. “Đó là những sai lầm của nền giáo dục tân tiến”.

Trong những vòng sau, các tay đua tiếp tục bỏ xa nhau. Braumuller dẫn đầu. Dần dần, bốn chiếc tiên phong bỏ xa những chiếc còn lại tới ba trăm mét. Koster và chiếc thứ ba sóng đôi biến sau khán đài. Đoàn xe lại rầm rầm kéo đến. Chúng tôi nhảy dựng lên. Chiếc thứ ba đâu rồi? Chỉ còn mỗi Otto bám theo hai chiếc kia. Kia... rốt cuộc chiếc thứ ba cũng rừ rì tiến lại với hai lớp sau tơi tả. Lenz ngoác miệng cười khoái trá, chiếc xe dừng lại trước khoảnh đất bên cạnh. Tay thợ máy hộ pháp chửi thề. Một phút sau nó lại lao vun vút trên bộ lớp mới.

Thứ hạng vẫn giữ nguyên trong mấy vòng tiếp theo. Lenz đặt chiếc đồng hồ bấm giây xuống bên cạnh và tính toán. “Karl còn dư sức để tăng tốc nữa”,

cậu ta tuyên bố.

“Mình e rằng tụi kia cũng thế”, tôi nói.

“Đồ thôi chí!” Cậu ta ném cho tôi một cái nhìn đầy khinh bỉ và phẫn nộ.

Đến vòng áp chót rồi mà Koster vẫn lắc đầu. Cậu ta muốn thử liệu không thay lớp xem sao. Cũng chưa nóng tới mức chúng không chịu đựng nổi.

Sự căng thẳng như một con vật trong vắt nằm phục trên quảng trường rộng và các khán đài, khi giờ đây những chiếc xe lao vào phân tranh thắng bại. “Cả bọn hãy nắm lấy gỗ”, tôi nói, tay nắm chặt một cán búa. Lenz túm lấy đầu tôi. Tôi xô cậu ta ra. Cậu ta cười khi, đặt tay lên chiếc gióng gỗ.

Tiếng rền phình lên thành tiếng rú, tiếng rú thành tiếng rống, tiếng rống thành tiếng gầm, tiếng hú huýt chói tai của những chiếc xe chạy hết tốc lực. Braumuller bay lên trên cua đường, bám sát theo là chiếc thứ hai với hai bánh sau xoay tít, tung bụi mù mịt, nó lạng sâu vào giữa, hình như toan thử từ đó vọt lên. “Hông”, Lenz gào.

Koster vừa vịn nhào đến, chiếc xe vù vù leo lên tận rìa vòng đua, chúng tôi đứng chết trân trong tích tắc, nhìn Karl mà tưởng chừng nó sẽ văng ra ngoài, đoạn động cơ rú lên và chiếc xe vọt về phía trước.

“Cậu ta nhấn hết ga!” tôi kêu.

Lenz gật. “Điên rồ!”

Chúng tôi nhào người qua gióng chắn, phát sốt vì hồi hộp, thành công hay không đây. Tôi nhắc Patrice Hollmann đứng lên thùng dụng cụ.

“Đề cô nhìn rõ hơn! Vịn vào vai tôi đây! Chú ý, cậu ta sẽ chộp cả hấn ở khúc ngoặt này”.

“Đuôi kịp rồi!” nàng reo. “Anh ấy đã vượt qua!”

“Cậu ta đang rượt theo Braumuller! Trời đất ơi! Lay đấng Moses thiêng liêng!” Lenz gào lên, “đúng là cậu ta đã vượt qua và đang rượt theo Braumuller!”

Từ trong đám mây bụi bão tố, ba chiếc xe vọt ra lao về phía chúng tôi, chúng tôi la hét như điên dại, giờ đây thì Valentin và cái gióng ồm ồm kỳ lạ của Grau cũng cùng hòa theo... Sự điên rồ đã mang lại thành công cho Koster, từ trên rìa cao của cua đường nhào xuống, cậu ta đã vượt chiếc thứ hai vì anh cu này không lượng đúng sức mình, để mất đà trong vòng cua quá hẹp. Giờ đây như một con chim kền kền, Koster lao vào Braumuller lúc này bỗng nhiên chỉ còn chạy trước cậu ta hai mươi mét và hình như đang bị trục

trặc về điện.

“Chộp lấy, Otto! Chộp lấy nó! Nhai sòng cái máy nghiền đi!”, chúng tôi gầm, tay vung vít.

Hai chiếc xe biến vào khúc ngoặt cuối cùng. Lenz lớn tiếng cầu xin tất cả các thần linh ở châu Á và Nam Mỹ phù hộ độ trì cho chúng tôi, tay cậu ta vung vẩy tấm bùa. Tôi cũng moi tấm bùa của mình ra. Patrice Hollmann tựa vào vai tôi, mặt vươn hẳn lên phía trước để quan sát, trông chẳng khác gì gương mặt một pho tượng gắn ở mũi tàu.

Họ đây rồi! Động cơ xe của Braumuller vẫn không thôi khục khặc, khục khặc liên tục. Tôi nhắm nghiền mắt lại; Lenz quay đi, lưng xây lại đường đua... chúng tôi muốn hồi lộ định mệnh. Một tiếng thét giật chúng tôi choàng dậy. Chúng tôi còn kịp trông thấy Koster lướt qua đích, về trước Braumuller hai mét.

Lenz điên lên vì sung sướng. Quăng đồ nghề xuống đất, cậu ta trồng cây chuối trên những chiếc lốp.

“Ban nãy anh nói gì hả?” vừa đứng thẳng người dậy, cậu ta đã hét chỗ sang tay thợ máy khổng lồ, “đồ đồng nát à?”

“Thôi đi, đồ nỡm, đừng có làm nhảm rách việc”, tay thợ máy đáp bực bõ.

Và lần đầu tiên kể từ khi tôi biết cậu ta, con người lãng mạn cuối cùng không dùng dùng nỗi giận vì bị xúc phạm, mà lại phá lên cười sảng sặc, người co giật như mắc chứng động kinh.

Chúng tôi chờ Otto. Cậu ta còn mắc bận với ban tổ chức cuộc đua.

“Gottfried”, bỗng một giọng khê nùng gọi sau lưng chúng tôi. Một núi thịt đứng lù lù, bó cứng trong chiếc quần sọc quá chật, chiếc áo khoác xám chám trắng quá chật, trên chụp chiếc mũ ống màu đen.

“Alphonse!” Patrice Hollman reo.

“Chính hẳn”, bác ta xác nhận.

“Chúng tôi thắng rồi, Alphonse ơi!” nàng kêu lên.

“Cứng cựa thật, cứng cựa thật. Có lẽ tôi đến khí muộn, hả?”

“Bác bao giờ cũng đến đúng lúc, Alphonse ạ”, Lenz nói.

“Kỳ thực cốt mang chút gì cho các cậu chén chơi. Thịt lợn rán để nguội và sườn muối đã chặt miếng”.

“Đưa đây và ngồi xuống đi, ông bạn vàng ngọc ơi”, Gottfried reo lên,

“chúng mình chén liền đi thôi”.

Cậu ta giở cái gói ra. “Lạy Chúa”, Patrice Hollmann nói, “đủ cho một trung đoàn”.

“Cứ ăn xong đi đã rồi hãy nói”. Alphonse bảo. “Ngoài ra... còn có chút rượu mùi ướp đá đây”.

Bác ta rút ra hai chai “Đã mở nút sẵn”

“Cứng cựa thật, cứng cựa thật”. Patrice Hollmann nói. Alphonse thân thiện nháy mắt với nàng.

Karl rú rú đến. Kostere và Jupp nhảy ra khỏi xe. Trông Jupp như Napoleon thời trẻ. Cặp tai voi của chú hừng sáng như kính màu cửa sổ nhà thờ. Chú ôm trong tay một chiếc cúp bạc to tướng, xấu ghê hồn. “Chiếc thứ sáu”. Koster cười nói. “Họ không bao giờ nghĩ ra được thứ gì khác”.

“Chỉ được đọc cái bình sữa ấy thôi à?” Alphonse hỏi, lúc nào cũng thực tế, “Không có tiền mặt sao?”

“Có chứ”. Otto làm bác ta yên lòng, “cả tiền mặt nữa”.

“Thế thì cánh ta gần như ngụp lặn trong tiền”, Grau nói.

“Có vẻ như sắp được một tối xôm ra trò”.

“Đặng tôi chứ?” Alphonse hỏi.

“Rất vinh hạnh”, Lenz đáp.

“Súp đậu với thịt dọi, mông giò và tai lợn”, Alphonse nói, ngay cả Patrice Hollmann cũng giữ vẻ mặt hết sức kính cẩn. “Đãi không, dĩ nhiên!” bác ta nói thêm.

Braumuller lại gằn, miệng rửa cái vận rủi của mình, tay đầy những chiếc bugi nhoen dầu mỡ.

“Yên tâm đi, Oscar ơi”, Lenz réo. “Lần đua xe con nít sắp tới, cậu đoạt giải nhất là cái chắc”.

“Các cậu cho mình cơ hội rửa thù bằng thi nốc cognac chứ?” Braumuller hỏi.

“Thậm chí uống bằng cốc vại hẵn hoi”, Grau đáp.

“Vận may không đến với các ông đâu, ông Braumuller”. Alphonse tuyên bố vẻ sành sỏi. “Tôi chưa thấy Koster say bao giờ”.

“Tôi cũng chưa thấy Karl vượt trước xe tôi bao giờ”. Braumuller đáp.

“Ngoại trừ hôm nay”.

“Hãy chịu đựng cho có phẩm giá”, Grau nói. “Ly của cậu đây. Ta uống mừng sự suy đồi của nền văn hóa thông qua máy móc”.

Khi ra về, chúng tôi toan mang theo số thức ăn thừa. Hẳn còn đủ cho vài miệng ăn. Nhưng chỉ thấy còn tro tở giấy gói. “Quái quỷ...” Lenz lầm bầm. “A ha!” Cậu ta trở vào chú chàng Jupp đang toét miệng cười ngượng nghịu với hai tay nắm đầy đồ ăn, bụng căng tròn như cái trống. “Àu cũng là một kỷ lục!”

Tôi có cảm tưởng sau bữa ăn khao ở tiệm của Alphonse, Patrice Hollmann được hâm mộ tột. Tôi bắt chọt Grau lại xin vẽ chân dung của nàng. Nàng cười, nói rằng ngồi mẫu lâu lắm, chụp ảnh tiện lợi hơn.

“Xem ra như thế lại hợp sở trường của anh ta hơn đây”, tôi châm chọc. “Có lẽ anh ta sẽ truyền thần cô từ một tấm ảnh”.

“Im nào, Robby”. Ferdinand thản nhiên đáp và ngắm nhìn Pat với cặp mắt xanh thơ ngây. “Rượu vào, cậu đâm ra ác... còn mình thành nhân hậu. Đó là sự khác biệt giữa hai thế hệ chúng mình”.

“Anh ta hơn tôi chừng mười tuổi chứ mấy”, tôi nhận xét.

“Ngày nay, mười năm đã là cả một sự khác biệt về thế hệ”, Ferdinand tiếp. “Khác biệt một đời. Khác biệt ngàn năm. Bọn trai trẻ các cậu thì biết gì về đời chứ! Các cậu sợ hãi trước những tình cảm của chính mình. Các cậu không viết thư bao giờ... chỉ biết có điện thoại; các cậu không còn mơ mộng gì... chỉ khỏe rủ nhau đi du hí cuối tuần: các cậu giàu lý trí trong tình ái, nhưng lại không chút lý trí trong chuyện chính trị... một thế hệ đáng thương xót!”

Tôi chỉ để một tai vào đó, tai kia còn mãi hóng sang Braumuller. Anh ta đang ngập ngừng nói với Patrice Hollmann rằng nàng nhất thiết phải học lái xe với anh ta. Anh ta sẽ truyền cho nàng đủ mọi ngón.

Khi có dịp, tôi bảo riêng anh ta. “Theo mày, con nhà thể thao mà quá đề tâm đến phụ nữ rất bất lợi cho sức khỏe”.

“Với mình thì không”, Braumuller nói, “mình có một thể chất tuyệt vời”.

“Được lắm. Thế thì đây báo cho mà biết cái điều chắc hẳn cũng có lợi cho sức khỏe của cậu: giờ hờn có lúc được ăn cái chai này vào đầu”.

Anh ta cười khi, “Tra grom vào vỏ đi, chú em. Chú em có biết người ta nhận ra con người hào hoa phong nhã ở điểm nào không? Đó là cư xử đứng



đẫn lịch thiệp ngay cả khi đã say. Và chú em có biết anh đây là gì không?”

“Một thằng huênh hoang!”

Tôi không sợ một trong hai thằng bạn thật sự toan tính tán tỉnh Pat; chuyện đó không thể có giữa chúng tôi. Nhưng tôi không biết đích xác cô gái nghĩ gì... dễ lắm, chưa chừng một thằng lại lọt mắt xanh của nàng. Chúng tôi biết nhau còn quá ít để tôi có thể tin tưởng. Mà nói chung có bao giờ người ta dám tin?

“Chúng ta lẳng lẳng chuồn nhé”, tôi rủ nàng.

Nàng gật.

Chúng tôi lang thang qua các lồi phố. Trời trở nên ẩm ướt. Sương mù từ từ buông trên thành phố, thứ sương mù xanh, ánh bạc. Tôi cầm bàn tay Pat, ủ vào túi áo măng-tô của tôi. Chúng tôi đi như thế khá lâu.

“Mệt chưa?” tôi hỏi.

Nàng lắc đầu, mỉm cười.

Tôi chỉ vào tiệm cà phê mà chúng tôi đi ngang qua.

“Ta vào đâu đó tí chăng?”

“Thôi, khoan đã”.

Chúng tôi đi tiếp, rồi đến bên nghĩa trang. Nghĩa trang tựa một hòn đảo chơi vơi giữa làn sóng nhà bằng đá. Cây cối rì rào. Không còn nhìn thấy ngọn. Chúng tôi tìm một chiếc ghế băng trống, và ngồi xuống.

Những ngọn đèn đường bên rìa phô trước mặt tỏa những quầng sáng run rẩy màu da cam. Trong lớp sương mù mỗi lúc một dày đặc, ánh sáng trở nên huyền ảo như một chuyện thần tiên. Từ những tán cây bồ đề, lũ bọt da say sưa chuển choáng bay ra, chúng lượn quanh những ngọn đèn và va mạnh vào các tấm kính ẩm sương. Sương mù biến đổi hết thảy, nâng mọi vật lên và hòa tan chúng, tòa khách sạn đối diện như một con tàu vượt đại dương với những buồm tàu thấp sáng bơi trên mặt gương đen nhoáng của đường nhựa, cái bóng xám xịt của ngôi nhà thờ sau nó biến thành chiếc thuyền buồm ma quái với những cột buồm cao vóng mắt hút trong ánh sáng xám đỏ, và giờ đây những dãy nhà như những con phà cũng bắt đầu trôi, dập dềnh cuốn đi...

Chúng tôi ngồi bên nhau câm lặng. Sương mù biến mọi vật thành hư ảo... kể cả chúng tôi. Tôi nhìn cô gái... ánh sáng đèn đường lóng lánh trong cặp mắt mở to của nàng. “Nhích lại gần đây”, tôi nói “nép sát vào anh... kéo

sương mù cuốn em đi mất...”

Nàng quay mặt về phía tôi. Nàng mỉm cười, miệng hé mở, hàm răng trắng nuốt, cặp mắt mở to hướng vào tôi... nhưng tôi cảm giác như chúng chẳng hề nhìn tôi... tưởng chừng lướt qua tôi, nàng gửi nụ cười vào cái dòng chảy màu xám ánh bạc, tưởng chừng ngọn gió trên các ngọn cây và những dòng nước âm ư ri rí dọc các gốc cây đang thì thầm với nàng một cách ma quái, tưởng chừng nàng đang lắng tai nghe tiếng gọi trầm đục, không thể nghe thấy, vắng từ sau các thân cây, từ sau thế giới, tưởng chừng nàng phải lập tức đứng dậy và ra đi, xuyên sương mù, tin tưởng, không mục đích, đi theo tiếng gọi trầm đục, đầy bí ẩn của trái đất và cuộc sống.

Sẽ chẳng bao giờ tôi quên nổi gương mặt ấy... Chẳng bao giờ tôi quên gương mặt ngả về phía tôi, nét biểu lộ của nó, vẻ âu yếm dịu dàng lặng lẽ ngập tràn với một sự yên tĩnh tỏa ngời, tựa hồ gương mặt ấy bùng nở... sẽ chẳng bao giờ tôi quên đôi môi nàng đưa lại gần tôi và nhìn tôi: dò hỏi, nghiêm trang, mở to, lóng lánh... rồi từ từ khép lại, như thể hàng phục...

Sương mù vẫn giăng đều. Những cây thập tự trên bia mộ bột bạc nhô khỏi đám hơi mờ. Tôi lấy áo khoác của mình trùm cho cả hai đứa. Thành phố chìm ngấm. Thời gian đã chết...

Chúng tôi ngồi thật lâu như thế. Gió bắt đầu dần thổi mạnh lên, những bóng người chao đảo xuyên qua khoảng không xám mờ trước mặt chúng tôi, Tôi nghe những bước chân lạo xạo xen tiếng lảm rảm khe khẽ. Rồi tiếng ghita thoảng rung. Tôi ngẩng đầu lên. Những cái bóng tiến gần lại, hiện ra những dáng người tối thẫm, dồn thành một đám. Im lặng. Và đột nhiên vang lên lời hát: “Jesus, Jesus tìm cả người...”

Tôi giật mình nhồm phất dậy nghe ngóng. Cái gì vậy? Chúng tôi đang ở trên cung trăng chẳng? Một bài hợp xướng đích thực... hợp xướng hai bè nữ...

“Kẻ tội lỗi, kẻ tội lỗi đứng lên mau...” tiếng hát vang trên nghĩa trang trong nhịp quân hành...

Tôi dăm dăm ngó Pat. “Không tài nào hiểu nổi”, tôi nói.

“Hãy sám hối đến quỳ rửa tội...” bài ca tiếp tục, lúc này đã nhanh hơn.

Tôi bỗng hiểu ra. “Trời đất! Té ra đội quân Cứu rỗi!”

“Chớ tiếp tục con đường lầm lỗi”, những cái bóng nhắc nhở trong giai điệu du dương mỗi lúc một bổng lên.

Trong đôi mắt nâu của Pat lấp lánh những tia sáng. Môi nàng khẽ giật

giật, vai rung rung.

Giờ đây tiếng hát tiếp tục mãnh liệt không gì cản nổi:

“Lửa địa ngục và đọa đày.

Cái giá đáng sợ cho tội lỗi.

Jesus vời trước ngươi: Tới đây

Đưa con lầm lạc, mau sám hối!”

“Im đi đồ quỷ tha ma bắt!” Bỗng một giọng giận dữ gầm lên đâu đó trong sương mù.

Một phút yên lặng ngỡ ngàng. Nhưng đội quân Cứu rỗi đã quen với sự phiền muộn. Ban hợp xướng lập tức tiếp tục gào to hơn nữa:

“Ngươi muốn gì trên cõi đời đơn độc...”

“Muốn hôn hít, mẹ kiếp!” cái giọng giận dữ gầm lên.

“Ở đây cũng không được yên tai hay sao?”

“Nơi ngươi bị quỷ Satăng phỉnh phờ cám dỗ...” tiếng hát cao vồng lên hùng hồn đáp lại.

“Ngữ nạ dòng lập dị già khú các người từ lâu đã không hòng cám dỗ nổi ta!” câu trả lời vọt nhanh từ trong sương mù.

Tôi phá lên cười sảng sặc. Pat cũng không nhìn nổi nữa. Chúng tôi cười rung cả người trước cuộc đấu khẩu trên nghĩa trang. Đội quân Cứu rỗi biết rằng những chiếc ghế dài ở đây là nơi nương náu của các cặp tình nhân chẳng còn biết tìm đâu ra giữa cái thành phố náo nhiệt này một chốn yên tĩnh để ngồi riêng với nhau. Vì vậy nó đã quyết định vung một chưởng mạnh. Nó tổ chức cuộc bố ráp ngày Chủ nhật để cứu vớt những linh hồn. Ngoan đạo, sùng tín, những giọng hát không được rèn giũa rõ ràng to lời ca của mình. Các cây đàn ghita phùng phùng họa theo.

Nghĩa trang trở nên nhộn nhạo. Từ trong sương mù vọng ra tiếng cười khúc khích, tiếng gọi nhau. Hình như mọi chiếc ghế dài đều có người ngồi. Kẻ phiến loạn đơn độc của tình yêu nhận được sự ủng hộ vô hình mạnh mẽ từ những kẻ cùng tâm trạng. Một dàn hợp xướng chống đối được hình thành. Hẳn trong đó có các chàng cựu chiến binh bị thứ nhạc hành khúc làm cho hăng máu... vì chỉ loáng sau đã gầm vang bài ca muôn thưở:

“Em đã đi Hamburg

Thấy cuộc đời nở hoa...”

“Ồ chớ ngoan cô lâu hơn nữa”, dàn hợp xướng của những kẻ khỗ hạnh the thé gào thêm lần chót, vì đội quân Cứu rỗi với những chiếc mũ đàn bà cong vành gật gù kia đang hoảng loạn cực độ.

Nhưng chiến thắng vẫn về cánh nhà binh quái ác. “Tên em, em chẳng dám xưng”, tiếng hát ồ lên mạnh mẽ từ những cuống họng khàn đặc.

“Vì em là gái lấm lưng kiếm tiền”.

“Ta đi là vừa”, tôi bảo Pat. “Anh biết bài hát này. Có nhiều đoạn, càng về sau càng ghê. Rời khỏi đây thôi!”

Thành phố lại hiện ra với tiếng còi xe âm ỉ và tiếng bánh xe lăn. Nhưng nó vẫn bị biến dạng bởi phép màu. Qua làn sương mù, những chiếc xe buýt trông như những con thú hoang đường khổng lồ, đoàn xe hơi tựa một lũ mèo sáng rực đang trườn đi, còn các ô kính trưng bày hàng chằng khác nào các hang động kỳ ảo muôn màu sắc.

Chúng tôi đi dọc con đường bên nghĩa trang, rồi tạt ngang quảng trường Chợ. Những chiếc đu quay nhô lên không trung mù mịt như những ngọn tháp âm nhạc lỏng lẫ đang quay vù vù, bánh xe quý chói lọi trong sắc đỏ sẫm, sắc vàng và tiếng cười, còn mê cung thì lập lòe những ngọn lửa xanh.

“Mê cung được chúc phúc!” tôi nói.

“Vì sao?” Pat hỏi.

“Chúng mình từng cùng vào đó mà”.

Nàng gật.

“Em có cảm giác chuyện đó diễn ra từ thưở nào rồi”.

“Chúng mình lại vào đó nhé?” nàng hỏi.

“Không”, tôi nói. “Giờ thì thôi. Em muốn uống chút gì chắng?”

Nàng lắc đầu. Trông nàng tuyệt vời. Sương mù như một làn hương mỏng khiến nàng càng rạng rỡ hơn.

“Em cũng không mệt chứ?”, tôi hỏi.

“Không, chưa mệt”.

Chúng tôi đến bên những ngôi lều có những chiếc vòng treo trên móc. Trước lều lũng lảng những chiếc đèn với ngọn lửa trắng cháy, phùn phụt bằng khí cacbua. Pat nhìn tôi. “Không”, tôi nói, “hôm nay anh không ném đầu. Một vòng duy nhất cũng không. Dù có được cả hàm rượu vang của Alexandre Đại đế”. Chúng tôi bước tiếp, băng qua quảng trường, xuyên

những vườn cây thành phố.

“Hắn cây hoa thụy hương phải quanh quần đầu đây”, Pat nói.

“Ừ nghe hương của nó từ xa đưa lại, bay qua thảm cỏ. Thơm lắm. Phải không?”

Nàng nhìn tôi. “Có thể thật”, nàng nói.

“Hắn nó đã nở rộ. Giờ thì hắn cả thành phố ngửi thấy”. Tôi thận trọng đưa mắt tìm hai bên xem có còn ở đâu một ghé băng trống. Nhưng chắc do cây hoa thụy hương, do ngày Chủ nhật, hoặc do chính chúng tôi, mà tôi chẳng kiếm được chiếc ghé thừa nào. Mọi ghé đều có người ngồi. Tôi nhìn đồng hồ. Đã quá nửa đêm. “Đi em”, tôi nói, “lại đằng anh... chúng mình sẽ được ngồi riêng với nhau”.

Nàng không đáp, nhưng chúng tôi quay trở lại. Khi đi ngang nghĩa trang, chúng tôi bắt gặp một chuyện không ngờ. Đội quân Cúu rồi đã kéo viện binh đến. Dàn hợp xướng giờ đây phình ra những bốn hàng. Không chỉ có các bà xơ mà thêm hai hàng nam, mặc đồng phục. Bài ca không chỉ cất lên the thé với hai bè nữ mà tận bốn bè, vang như một cây đàn oóc. Tiếng hát oang oang trên những tấm bia mộ trong nhịp valse. “Jesusdalem thánh địa...”

Không còn nghe phe hát đối lập lên tiếng. Các ông tướng đã bị quét bay khỏi đó.

“Kiên nhẫn”, ngài Himmelemann, hiệu trưởng trường đại học của tôi trước kia vẫn luôn nói, “kiên nhẫn và siêng năng còn hơn là thiên tài mà buông thả...”

Tôi mở cửa, do dự giây lát. Rồi tôi bật đèn. Hành lang như một đường ống há hoác ra, vàng vọt và ghê tởm. “Nhắm mắt lại em”, tôi khế bảo Pat, “cảnh tượng này chỉ thích hợp với những hệ thần kinh chai cứng”.

Bế bồng nàng lên, tôi thông thả bước những bước bình thường, như thể không hề có nàng trên tay, qua đồng hòm xiềng và bếp còn, đến tận buồng mình.

“Kinh quá phải không?” tôi ngược ngừng nói, mắt dán vào bộ ghé nhung chềnh ềnh trước mắt chúng tôi. Phải, giờ đây tôi thiếu đứt đôi ghé bành bọc gấm của bà Zalewski... tấm thảm, chiếc đèn bàn của Hasse... “Chẳng có gì kinh cả”, Pat nói.

“Có đấy, có đấy”, tôi đáp, và lại bên cửa sổ. “May mà còn cảnh đẹp bên ngoài. Có lẽ ta kéo ghé ra đây chẳng”.

Pat đi đi lại lại trong buồng. “Chẳng đến nỗi nào. Nhất là lại âm tuyệt”.

“Em lạnh à?”

“Em ưa trời ấm”, nàng nói, hơi so vai lên. “Em không thích lạnh và mưa. Em cũng không chịu nổi chúng”.

“Trời... vậy mà chúng mình ngồi phơi sương suốt buổi”.

“Như thế lúc này ngồi đây càng dễ chịu hơn...”

Nàng vươn vai, dạo bước trong phòng với dáng đi tuyệt đẹp của nàng. Hết sức rụt rè, tôi đưa mắt ngó quanh, ơn Chúa, không đến nỗi bừa bãi lắm. Tôi xoay bàn chân gọt đôi giày vải rách vào gầm giường.

Pat đứng trước tủ quần áo, ngược mắt nhìn lên. Trên nóc tủ là chiếc va-li cũ Lenz cho tôi, dán chi chít những nhãn màu ghi dấu những chặng đường phiêu lưu của cậu ta.

“Rio de Janeiro...” nàng đọc. “Manaos... Santiago... Buenos Aires... La Palmas...”

Nàng đẩy chiếc va-li về chỗ cũ, bước lại gần tôi. “Vậy ra anh đã chu du khắp nẻo?”

Tôi lẩm bẩm câu gì đó. Nàng nắm lấy cánh tay tôi. “Nào anh, kể cho em nghe đi, kể em nghe về tất cả những thành phố đó, đi xa như thế hẳn thú vị tuyệt vời...”

Còn tôi thì sao? Tôi thấy nàng trước tôi, xinh đẹp, tươi trẻ, đầy mong đợi, một cánh bướm mà sự tình cờ may mắn đã xua lạc vào căn buồng cũ nát, tồi tàn của tôi, vào cuộc đời vô nghĩa, mờ nhạt của tôi, sát bên tôi mà lại chẳng gần tôi, chỉ một hơi thở, nó có thể vỗ cánh bay lên và lại mất hút... xin quở trách tôi, nguyên rửa tôi, tôi không thể, không thể bảo rằng không, không thể nói tôi chưa hề đặt chân đến những chốn ấy, bây giờ thì không thể...

Chúng tôi đứng bên cửa sổ, sương mù tụ lại, chảy trên những ô kính... và tôi cảm thấy: phía sau sương mù lại rình rập cái điều giấu diếm và che đậy di, dĩ vãng, những ngày ghé rợn ướt át, sự buồn tẻ, sự bản thủ, những mảnh đời thối rữa, sự bất lực, sức người lằm lạp của một cuộc đời vèo trôi vô mục đích... nhưng ở đây, trong bóng tối trước tôi, làm cho tôi gần như bối rối, là cái hơi thở nhẹ nhẹ, thực tại khó hiểu, sự ám áp, cuộc đời trong sáng... tôi phải giữ nó bằng được, chiếm đoạt bằng được...

“Rio..” tôi nói... “Rio de Janeiro... một bến cảng thần tiên. Biển vỗ sóng

bảy lớp xung quanh vịnh, trên đó nhô lên thành phố trắng toát, nhấp nháy...” Tôi bắt đầu kể về những thành phố oi bức, những đồng bằng trải tít tắp chân trời, những con sóng dâng triều vàng khè chở nặng phù sa, những hòn đảo óng ánh với lũ cá sấu, những khu rừng nuốt chửng các con đường, và tiếng gầm về đêm của bầy báo đốm châu Mỹ, khi con tàu đường sông chạy bằng hơi nước xuyên qua làn không khí ngọt ngào, đượm hương hoa phong lan, sặc mùi mực rữa và thơm mùi vani, xuyên qua bóng tối; Lenz đã kể tôi nghe tất cả những cái đó, nhưng giờ đây tôi tưởng chính mình đã như trải qua chúng, sự hồi tưởng và nỗi khao khát chúng hòa lẫn một cách kỳ lạ với ý muốn thêm thắt tô điểm cho mớ bong bóng tăm tối, tòi tẹt của đời tôi, cốt sao không để buột mất cái gương mặt xinh đẹp lạ lùng trước mắt tôi kia, niềm hy vọng đột ngột kia, sự bùng nổ đem lại hạnh phúc kia, mà đứng trước nó riêng tôi sao thật nhỏ nhoi. Sau này có thể sẽ có lúc tôi phân trần mọi lẽ, sau này, khi tôi đã khá hơn, khi mọi sự đã bớt mong manh, nhưng bây giờ tôi không thể... “Manaos”, tôi nói, “Buenos Aires”, và mỗi một lời là một lời cầu khẩn, một sự van xin.

Đêm. Ngoài trời bắt đầu mưa. Những giọt mưa rơi dịu dàng, êm ái. Chúng không còn lộp độp như một tháng trở về trước, khi chúng chỉ gặp rất những cảnh bờ đê... giờ đây mưa rơi nhẹ nhẹ trên những chiếc lá non mềm mại, tụ lại rồi chảy xuống, một ngày hội huyền diệu, một dòng chảy bí ẩn về góc rẽ, để rồi từ đó lại dâng lên, như những chồi non chờ đón mưa rơi trong các đêm xuân.

Không gian trở nên im ắng. Tiếng ồn ào ngoài phố đã tắt lặng... một ngọn đèn đường trợ trợ đung đưa trên vỉa hè. Những chiếc lá non mỏng manh được rọi sáng từ dưới nom trắng nga, gần như trong suốt và những ngọn cây là những cánh buồm sáng, lấp lánh.

“Nghe tiếng mưa kìa, Pat...”

“Vâng...”

Nàng nằm bên tôi. Mái tóc xõa đen trên đôi gò trắng. Bóng tối của mái tóc khiến gương mặt có vẻ trắng bệch. Một bên vai nàng nhô cao, ánh lên như đồng mờ dưới thứ ánh sáng nào đó, và một vệt sáng mảnh mai đậu trên cánh tay nàng. “Anh nhìn này”, nàng nói, đưa hai bàn tay ra hứng lấy tia sáng.

“Chắc ngọn đèn đường ngoài kia hắt vào”, tôi bảo.

Nàng nhòm dậy. Giờ đây cả gương mặt nàng cũng được rọi sáng, vệt sáng chạy từ vai xuống ngực nàng, vàng như ánh nến, nó thay đổi, hòa làm

một, chuyển sang màu da cam, rồi những vòng sáng màu xanh lung linh lướt qua, và đột nhiên xuất hiện phía sau nàng một quầng sáng đỏ rực như hào quang, lên cao dần, đoạn thông thả di động trên trần nhà.

“Đó là bảng điện quảng cáo thuốc lá bên kia đường”.

“Anh thấy chưa, buồng của anh đẹp đấy chứ”.

“Nó đẹp vì có em. Từ bây giờ căn buồng cũng sẽ chẳng còn là nó trước kia... vì em đã đến đây”.

Nàng quỳ trên giường, tấm mình trong ánh sáng xanh lơ. “Nhưng...”, nàng nói, “em sẽ còn đến đây thường xuyên mà... thường xuyên”.

Tôi lặng lẽ ngắm nàng. Tôi nhìn tất cả như qua một giấc ngủ êm ái sáng sủa: sáng khoái, nhẹ nhõm, thư thái và vô cùng hạnh phúc. “Em đẹp lắm, Pat ạ! Đẹp hơn là khi em mặc bất kể loại váy áo nào”.

Nàng mỉm cười, cúi xuống tôi, “Anh phải yêu em hết lòng, anh Robby. Em không biết thiếu tình yêu em sẽ ra sao!”

Mắt nàng nhìn tôi đăm đăm. Gương mặt nàng ghé sát xuống gương mặt tôi, xúc động, hoàn toàn cởi mở, nồng nàn. “Anh phải giữ chặt lấy em”, nàng thì thầm, “em cần có ai đó giữ chặt lấy mình. Không thì em gục mất. Em sợ”.

“Trông em chẳng có vẻ gì là đang sợ sệt cả”, tôi đáp.

“Có đấy. Em chỉ làm ra vẻ thôi. Em thường xuyên sợ hãi”.

“Anh sẽ giữ em thật chặt”, tôi nói, vẫn chìm đắm trong trạng thái tỉnh mà mơ hư ảo ấy, trong giấc ngủ mơ màng trong sáng ấy. “Anh sẽ giữ em rõ chặt, Pat ạ. Em sẽ ngạc nhiên cho mà xem”. Nàng đưa tay ôm lấy gương mặt tôi. “Thật không anh?”

Tôi gật. Bờ vai nàng ánh lên biêng biếc như từ dưới nước sâu. Tôi nắm tay nàng, kéo nàng xuống với tôi... một làn sóng, cơn sóng còn sáng ngời, hồng hên, mềm mại dâng lên, xóa tan hết thủy.

Nàng ngủ trong cánh tay tôi. Chốc chốc tôi lại thức giấc ngắm nhìn nàng. Tôi ngỡ như đêm nay dài vô tận. Chúng tôi đang ở đâu đó bên ngoài thời gian. Tất cả diễn ra quá nhanh chóng, tôi vẫn chưa hiểu nổi. Tôi chưa hiểu nổi một người nào đó có thể yêu tôi. Tôi rất biết, đối với một người đàn ông, tôi có thể là người bạn cực tốt; nhưng tôi không sao hình dung được vì lẽ gì một người phụ nữ lại yêu tôi. Tôi nghĩ đến điều đó chỉ tồn tại trong đêm nay, và tin rằng nó sẽ tan biến khi sáng ra thức dậy.



Bóng đêm trở nên xám nhờ. Tôi nằm thật im. Cánh tay tôi đặt dưới đầu Pat đã tê dại, không còn cảm giác được nữa. Nhưng tôi không động cựa. Mãi tới lúc nàng trở mình trong giấc ngủ và vùi đầu vào chiếc gối, tôi mới rụt tay lại được. Tôi ra khỏi giường hết sức nhẹ nhàng, không gây ra một tiếng động nhỏ trong lúc đánh răng, rồi cạo râu. Tôi còn lấy chút nước hoa xoa lên tóc và sau gáy. Một cảm giác là lạ khi ta lặng lẽ ở trong căn buồng mờ tối với những ý nghĩ và những bóng cây đen sẫm ngoài kia. Khi quay người lại, tôi thấy Pat đã mở mắt và đang quan sát tôi. Tôi nín thở. “Lại đây anh”, nàng nói.

Tôi đến bên nàng, ngồi xuống giường. “Mọi sự vẫn là thật chứ em?” tôi hỏi.

“Sao anh hỏi thế?”

“Anh không biết. Có lẽ vì sáng rồi chẳng?”

Trời rạng hơn. “Giờ hãy cho em xin quần áo của em” nàng nói. Tôi nhặt chiếc áo lụa mỏng nằm trên sàn nhà. Nó nhẹ bồng và có chút xíu. Tôi giữ chiếc áo trong tay. Riêng cái này đã hoàn toàn khác, tôi nghĩ. Người nào mặc nó, lại càng khác lạ với mình quá. Sẽ không bao giờ mình hiểu nổi, không bao giờ.

Tôi đưa quần áo cho nàng. Nàng quàng tay lên gáy tôi và hôn tôi.

Rồi tôi đưa nàng về nhà. Chúng tôi chỉ trao đổi đôi ba câu. Chúng tôi sóng vai đi trong bình minh ánh bạc. Những chiếc xe chở sữa chạy rầm rầm trên con đường lát đá, những tờ báo được đem đi phân phát. Một ông lão ngồi ngủ trước ngôi nhà, cái cằm run rẩy như sắp long ra. Những chiếc xe đạp chở bánh mì con lướt qua. Mùi bánh nóng mới ra lò thơm nức phố. Cao tit trên đầu chúng tôi, một chiếc máy bay vụt ngang nền trời xanh.

“Hôm nay sao?” tôi hỏi Pat khi về tới trước cửa nhà nàng.

Nàng mỉm cười. “Bảy giờ nhé?” tôi hỏi.

Trông nàng không chút mệt mỏi. Nàng tươi tỉnh như thể vừa được ngủ đầy giấc. Nàng hôn tạm biệt tôi. Tôi nán lại trước tòa nhà cho tới lúc thấy đèn phòng nàng bật sáng.

Đoạn tôi quay gót. Trên đường về, đầu óc tôi nảy ra bao điều mà lẽ ra tôi có thể nói cùng nàng, bao lời đẹp đẽ. Tôi lang thang qua các phố và nghĩ đến điều lẽ ra tôi đã nói ra và đã làm giá như tôi chẳng phải là tôi bây giờ. Rồi tôi đi đến các gian hàng chợ. Những chiếc xe chở rau, thịt và hoa đã có đó. Tôi biết ở đây hoa rẻ gấp ba lần so với trong cửa hàng. Có bao nhiêu tiền trong

người, tôi dốc sạch ra mua hoa tulip. Những bông hoa rực rỡ tươi nguyên, với những giọt nước đọng lại nơi nhụy. Tôi nhận được cả một ôm đầy. Cô hàng hoa hứa sẽ gửi hoa đến Pat lúc mười một giờ. Cô ta cười với tôi khi hứa như vậy, đoạn gài thêm một túm dày hoa violet.

“Chúng sẽ làm vui lòng quý cô ít nhất là mười lăm ngày”, cô ta nói. “Chỉ cần thỉnh thoảng bỏ vào nước cắm một viên pyramidon”.

Tôi gật đầu, trao tiền cho cô ta. Đoạn tôi thông thả đi về nhà.

# CHƯƠNG 10

Chiếc Ford đứng trong xưởng, đã được sửa chữa xong xuôi. Công việc mới không tự đến. Chúng tôi phải xoay sở cách nào đó. Koster và tôi tìm đến một cuộc bán đấu giá. Chúng tôi muốn mua một chiếc tắcxi đang được rao bán tại đó. Bán lại tắcxi bao giờ cũng khá được giá.

Địa điểm bán đấu giá là một ngôi nhà khuất nẻo ở khu bắc thành phố. Ngoài chiếc tắcxi còn cả đồng hồ khác được đem ra đấu giá. Một số bày ngay ngoài sân. Những chiếc giường, những cái bàn ọp ẹp, một chiếc lồng mạ vàng với chú vẹt luôn miệng kêu “Chào, người thương”, một chiếc đồng hồ đứng, sách, tủ, một chiếc áo đuôi tôm đã cũ. Những chiếc ghế ăn, bát đĩa... toàn bộ nổi nghèo khổ của cuộc đời suy tàn, sụp đổ.

Chúng tôi đến quá sớm, viên phát mại chưa có mặt.

Tôi sục sạo giữa đồng hồ đặc bày ngổn ngang, xem vài cuốn trong đám sách... những cuốn sách rẻ tiền đã được đọc đến nát như của các nhà cổ điển Hy Lạp và La Tinh với nhiều ghi chú viết tay bên lề. Trên những trang sách phai mực, lông lá tả, chẳng còn thấy đâu những vần thơ của Horace, những bài ca của Anacreon... chỉ còn thấy tiếng gào thét từ sự khốn quẫn và bất lực của một cuộc đời bỏ đi. Người nào sở hữu những cuốn sách này, người đó đã coi chúng là nơi ẩn náu của mình, và anh ta gắng giữ chúng đến cùng, một khi anh ta đã phải rời chúng, đưa chúng tới đây, có nghĩa anh ta đã đến ngày tận.

Koster ngoái lại nhìn tôi. “Đáng buồn, phải không?” Tôi gật, chỉ vào những đồ vật khác. “Cả đây nữa, Otto ạ. Những chiếc ghế ăn và tủ áo quần được đưa tới đây không phải để đùa”.

Chúng tôi đến bên chiếc xe đỗ ở góc sân. Lốp sơn đã mòn, cũ xín, nhưng xe sạch sẽ, ngay phía dưới chần bùn cũng sạch. Một người đàn ông thấp béo đứng cạnh xe, hai bàn tay to bè buông thõng, ngờ ngạc nhiên nhìn chúng tôi.

“Cậu xem kỹ máy rồi chứ?” tôi hỏi Koster.

“Xem hôm qua”, cậu ta nói. “Khá mòn, nhưng được bảo dưỡng không chê vào đâu được”.

Tôi gật. “Nhìn cũng biết. Sáng nay chiếc xe con được lau rửa. Hẳn không phải do tay lũ bán đấu giá làm”.

Koster lắc đầu, đưa mắt sang người đàn ông thấp béo. “Chắc bác chủ xe.

Hôm qua bác ta cũng đứng đây và lau chùi chiếc xe”.

“Mẹ kiếp”, tôi nói, “Trông bác ta thiếu não chẳng khác gì con chó bị chẹt”.

Một gã trai trẻ băng qua sân lại bên chiếc xe. Gã mặc một chiếc áo măng-tô có đai, vẻ dạn dĩ đến khó chịu. “Thì ra cái xe này đây”, gã nói, nửa với chúng tôi, nửa với người đàn ông tay gõ can lên mũi xe. Tôi thấy mí mắt người đàn ông giật giật. “Không sao, không sao”, gã thốt đai công kích một cách hào hiệp, “gì thì gì, nước sơn chẳng còn đáng năm xu bọ. Một thứ đồng nát đáng kính. Lẽ ra nên tống vào viện bảo tàng mới phải, hả?” Gã hô hô cười câu nói bông lơn của mình và đưa mắt tìm sự tán thưởng ở chúng tôi. Chúng tôi không cười hòa với gã. Gã bèn quay sang người chủ xe.

“Ông định bán cụ cổ nội này lấy bao nhiêu?”

Người đàn ông nuốt nước bọt, nín thinh.

“Giá sắt vụn, hả?” thằng choai phớn phở kêu be be, rồi lại quay sang chúng tôi. “Các ông cũng để mắt đến nó sao?”, đoạn hạ giọng: “Ta ăn cánh với nhau, được chứ? Mua chiếc xe với giá rẻ mạt, lời lãi ăn chia. Tội quái gì không dung quăng tiền cho cái lũ ở đây nó đóp! Xin nói thêm: tôi, Guido Thiess, hãng Augeka”.

Gã quay tít cây can bằng trúc và thân mật nháy mắt với chúng tôi, vẻ kể cả. Cần gì phải úp mở với cái đồ sâu bọ hai lăm tuổi ranh này, tôi cáu tiết tự nhủ, bởi tôi thấy thương người đàn ông câm lặng kia, tôi bảo gã: “Thiết tưởng anh phải mang danh gì khác xứng hơn cái tên Thiess”.

“Ấy đấy”, gã hí hửng nói. Có vẻ như gã đã quen nghe thiên hạ khen ngợi tài xoay xở của mình.

“Chí phải”, tôi tiếp, “phải gọi anh là Mũi Thò Lò. Guido Mũi Thò Lò!”

Gã giật nảy mình. “Đành thôi”, cuối cùng gã nói “hai chọi một mà lại...”

“Đã vậy chỉ mình tôi thách đấu với anh”, tôi nói, “đi đâu tùy anh chọn”.

“Cám ơn”, Guido lạnh lùng đáp, “cám ơn lắm lắm!” rồi rút lui.

Với vẻ mặt luống cuống, người đàn ông thấp béo đứng đó như thể mọi chuyện chẳng liên quan gì đến bác, mắt bác không rời chiếc xe.

“Bọn ta chẳng nên mua chiếc xe, Otto ạ”, tôi nói.

“Thế thì cái thằng khi thất dai của cậu sẽ chộp liền”, Koster đáp. “Chúng mình chẳng giúp gì được bác ta”.

“Cậu nói phải”, tôi nói. “Nhưng dẫu sao... mình vẫn cảm thấy hơi áy náy”.

“Thời buổi này làm cái gì mà không khỏi áy náy hử Robby? Hãy tin mình: việc tui mình có mặt ở đây thậm chí lại có lợi hơn cho nhà bác đứng kia cơ đấy. Có thể nhờ bác ta bán chiếc xe được giá hơn một chút. Nhưng mình hứa với cậu: nếu thằng khỉ thất đai ấy không trả thì mình cũng sẽ không trả”.

Viên phát mại đến. Trông lão tất bật, hình như lão bận lắm. Ngày nào cũng có hàng tá món hàng đấu giá. Tay hươ tròn, lão bắt đầu cuộc đấu giá những thứ đồ lặt vặt thảm hại. Lão có chất hài hước rắn như gang và tính thiết thực của một người đàn ông hàng ngày tiếp xúc với nỗi khốn khó mà bản thân vẫn không bị nó chạm đến.

Đống đồ được bán đi với giá vài chục xu. Phần lớn do một số dân buôn mua. Khi viên phát mại ném cái nhìn về phía họ, họ chỉ uể oải giơ một ngón tay lên, hoặc lắc đầu. Nhưng thỉnh thoảng còn có một cặp mắt khác dõi theo ánh mắt của lão - cặp mắt trên một gương mặt đàn bà đầy âu lo, cặp mắt ngược trông những ngón tay của đám dân buôn như đang lĩnh hội lời răn của Chúa... đầy hy vọng và sợ hãi. Có ba người - kẻ đầu tiên là Guido - đưa ra cái giá ba trăm mác trả chiếc tácxì. Bác máy máy đôi môi không thốt ra tiếng. Trông bác như cũng muốn được cùng đấu giá. Những bàn tay bác lặng lẽ buông thõng. Bác lùi lại.

Người tiếp theo trả bốn trăm mác. Guido nâng lên bốn trăm rưỡi. Một lát im lặng. Viên phát mại mời mọc xung quanh... “Không còn ai nữa à... lần thứ nhất... lần thứ hai...”

Người đàn ông bên chiếc tácxì đứng đó với cặp mắt mở to, đầu cúi gằm, tựa như bác đang chờ một cái tát vào mặt.

“Một ngàn”, Koster nói. Tôi nhìn cậu ta. “Đáng giá ba ngàn” cậu lầm bầm. “Mình không chịu đựng nổi cảnh bác ta bị làm thịt”.

Guido phác cho chúng tôi những dấu hiệu tuyệt vọng. Khi lao vào chuyện làm ăn, gã đã quên phéng cái Mũi Thò Lò. “Ngàn một”, gã chu lên, nháy với chúng tôi bằng cả hai mắt. Giá thử gã có một con mắt nữa sau mông, thì gã cũng nháy.

“Ngàn rưỡi”, Koster nói.

Viên phát mại bắt đầu khoa chân múa tay. Lão nhảy nhót, tay hươ chiếc dùi như một nhạc trưởng. Đây là những con số khác hẳn hai mác và hai mác

rười ban này.

“Một ngàn năm trăm mười”, Guido toát mồ hôi tuyên bố.

“Ngàn tám”, Koster lên tiếng.

Guido trở tay vào trán mình<sup>19</sup> và bỏ cuộc. Viên phát mại nhảy nhồm lên. Thốt nhiên tôi nghĩ tới Pat. “Ngàn tám năm chục”, tôi nói, mặc dù không hẳn muốn thế.

Koster ngạc nhiên ngoái đầu lại. “Minh sẽ bỏ ra năm chục ấy”, tôi nói nhanh. “Gọi là chút... để đề phòng”.

Cậu ta gật.

Viên phát mại gõ hiệu để xe cho chúng tôi. Koster trả tiền tấp lự.

“Lại còn thế nữa!” Guido nói, không sao đừng được, gã xán lại gần, cứ như chẳng có chuyện gì xảy ra “Lẽ ra bọn ta đã có thể mua chiếc xe với giá một ngàn. Thế cũng đủ loại thắng cánh tên thứ ba rồi”.

“Chào, người thương”, một giọng chói tai gào lên sau lưng gã. Đó là chú vẹt vừa được đưa ra trong chiếc lồng vàng của chú.

“Mũi Thò Lò” tôi bổ sung.

Guido nhún vai lủi mất.

Tôi đến bên người đàn ông vốn là chủ chiếc xe. Giờ đây đứng cạnh bác còn có một người đàn bà xanh xao. “Thế này bác ạ...” tôi nói.

“Tôi biết rồi..”, bác đáp.

“Thực ra chúng tôi đâu muốn làm thế”, tôi nói “Nhưng nếu không, bác chỉ được số tiền ít hơn”.

Bác gật đầu, bối rối vắn vẹo hai bàn tay. “Chiếc xe tốt đấy”, bác đột nhiên nói nhanh, lộn xộn, “chiếc xe tốt đấy, đáng giá từng ấy tiền, chắc chắn thế các anh không mua đắt đâu, không phải vì chuyện chiếc xe, hoàn toàn không phải, mà vì... mà vì...”

“Tôi biết”, tôi nói.

“Chúng tôi nào được xơ múi gì ở số tiền này” người đàn bà than. “Lại như gió vào nhà trống thôi” - “Rồi sẽ ổn, mẹ nó ạ”, người đàn ông nói. “Sẽ ổn mà”.

Người đàn bà chẳng ừ chẳng hử. “Khi nổ máy, chuyển từ số một lên số hai hơi rè”, người đàn ông nói, “nhưng không phải vì hỏng hóc gì đâu. Đạo

còn mới nó đã thế”. Bác kể về chiếc xe như kể về một đứa con. “Chúng tôi có nó đã ba năm nay, và chưa hề gặp chuyện gì rắc rối với nó. Chỉ vì... thoát đầu tôi lâm bệnh, rồi có một kẻ đã hại tôi... một thằng bạn..”

“Một tên vô lại”, bà vợ nói, nét mặt hằn học.

“Thôi nào, mẹ nó”, người chồng nói và nhìn vợ, “tôi sẽ lại khám khá lên, phải thế không, mẹ nó?”

Người vợ không đáp. Người chồng túa đẫm mồ hôi.

“Bác cho tôi xin địa chỉ của bác”. Koster nói, “có thể sẽ có lúc chúng tôi cần một người lái xe”.

Người đàn ông hăm hở viết, đôi bàn tay nặng nề, chát phác. Tôi nhìn Koster; cả hai chúng tôi đều hiểu rằng họa có phép lạ mới hồng biển điều hứa hẹn trên thành sự thật. Mà phép lạ thì không còn nữa. Có chăng chỉ tổ sa sút thêm.

Người đàn ông nói liên hồi như trong cơn sốt. Cuộc bán đấu giá kết thúc. Trên sân còn trơ lại chúng tôi. Bác bày cho chúng tôi nên nổ máy như thế nào vào mùa đông. Bác vuốt ve mãi chiếc xe, tuồng không muốn rời. Rồi đứng lặng. “Ta về thôi chứ, ông Albert”, bà vợ nói.

Chúng tôi chìa tay cho bác. Hai người đi. Chúng tôi chờ cho tới khi họ khuất dạng. Rồi chúng tôi cho xe nổ máy.

Khi đi ngang, chúng tôi trông thấy một bà lão nhỏ bé. Bà cụ ôm trong tay chiếc lồng vẹt và đang xua mấy đứa trẻ xúm vào xem. Koster dừng xe. “Cụ định về đâu đây?” cậu ta hỏi.

“Trời đất, lão làm gì ra tiền mà đi xe hơi”, bà lão đáp.

“Cụ cũng chẳng cần có tiền”, Otto nói. “Hôm nay là ngày sinh nhật tôi và tôi chở khách không công”.

Bà lão ngờ vực ôm chặt chiếc lồng. “Rồi lát nữa thế nào anh chẳng đòi trả tiền”.

Chúng tôi nói để bà yên lòng, và bà lên xe.

“U mua con vẹt này về làm gì vậy, u?” tôi hỏi lúc bà lão xuống xe.

“Cho những buổi tối”, bà lão nói “Anh bảo giá hạt kê có đắt không?”

“Không đâu”, tôi đáp, “nhưng sao lại cho các buổi tối?”

“Chả là nó biết nói”, bà lão đáp và nhìn tôi với cặp mắt già nua, sáng rỡ. “Nên lão cùng có kẻ trò chuyện bên tai”.

“Ra thế...”, tôi nói.

Buổi chiều, lão chủ hiệu bánh đến lấy chiếc xe Ford của lão. Về mặt lão u ám, cau có. Chỉ mình tôi đứng trên sân. “Ông thích màu sơn chứ?”, tôi hỏi.

“Vâng, thích”, lão nói, mắt lưỡng lự nhìn chiếc xe.

“Mũi xe được tân trang đẹp tuyệt”.

“Đã hẳn...”

Lão đứng ì ra đấy và hình như không quyết định lái xe về nổi. Tôi chắc hẳn thế nào lão cũng lại thử tìm cách moi thêm chút gì mà không phải trả tiền, một cái kích xe, một chiếc gạt tàn hoặc thứ gì đó tương tự.

Nhưng sự việc lại khác hẳn. Lão thờ phỉ phò một lúc, đoạn nhìn tôi với cặp mắt vằn tia đỏ: “Tôi cứ hình dung trước đây vài tuần, bà ấy vẫn ngồi trong xe, còn khỏe mạnh, vui tươi”.

Tôi hơi ngạc nhiên thấy lão bất chợt ủy mị như vậy, đoán chừng cái cô ả tóc đen linh lợi lần trước lão kè kè mang theo đã khiến lão bức mình. Chả là, hơn hẳn tình yêu, nổi tức giận dễ làm con người ta đa cảm.

“Một người vợ tốt biết bao”, lão tiếp, “một tâm hồn phụ nữ chính công. Bà ấy không bao giờ đòi hỏi chút gì. Suốt mười năm vẫn đánh độc một chiếc măng-tô. Sơ-mi và những đồ mặc khác, bà ấy cắt may lấy tất. Một tay thu vén việc nhà... không cần người ở”. Ái chà, xem ra ả bồ mới lại chẳng có được cái nét ấy. Lão thợ bánh bắt đầu dốc bầu tâm sự. Lão kể về cái đức tần tiện tiết kiệm lại khiến lão hội viên hội chơi ky nghiệm rượu này xúc động đến thế. Vợ lão chưa bao giờ chịu để người ta chụp hình mình cho đường hoàng, vì cho rằng quá tốn kém. Thế nên lão chỉ còn giữ được bức ảnh cưới và vài tấm ảnh nhỏ chụp chớp nhoáng bà vợ của mình.

Tôi bèn nảy ra một ý. “Ông nên cho truyền thần ảnh bà nhà thành một bức chân dung thật đẹp”, tôi nói. “Như vậy ông sẽ mãi mãi lưu giữ được hình ảnh bà nhà. Chứ những bức ảnh sớm muộn rồi cũng phai màu. Ở đây có một nghệ sĩ chuyên làm việc ấy đấy”.

Tôi kể cho lão công việc của Ferdinand Grau. Lão lập tức tỏ ý ngờ vực, kêu rằng hẳn phải đắt lắm. Tôi bảo lão cứ yên tâm... có tôi đi cùng, thế nào Ferdinand cũng lấy rẻ cho lão. Lão tìm cách lảng. Nhưng tôi không buông tha lão, cố giảng giải với lão rằng với một người thương nhớ vợ như lão thì không có cái giá nào là quá đắt cả. Rốt cuộc lão ưng thuận. Tôi gọi điện báo cho Ferdinand biết. Đoạn tôi cùng lão thợ bánh phóng xe về nhà lão lấy những bức ảnh.



Từ trong cửa hiệu, cô nàng tóc đen chạy bỏ ra đón chúng tôi. Ắ nhảy nhót xung quanh chiếc xe Ford. “Giá màu đỏ có phải đẹp hơn không, anh yêu! Nhưng dĩ nhiên anh đã khăng khăng làm theo ý mình!”

“Thôi đi nào”, anh yêu nói, giọng bất bình.

Chúng tôi đi lên buồng trên. Cô nàng tóc đen theo sau. Cặp mắt linh lợi của ả đảo khắp mọi chỗ. Lão thợ bánh đâm cáu. Lão không muốn tìm những tấm ảnh trước mặt ả. “Mặc bọn tôi chuyện riêng với nhau”, cuối cùng lão nói thô bạo.

Cặp vú rung rinh khiêu khích dưới làn áo len chui bó sát người, cô nàng quay ra. Lão thợ bánh lôi từ một cuốn album bọc nhung xanh vài tấm ảnh đưa tôi xem. Bà vợ trong trang phục cô dâu, lão đứng bên cạnh với bộ ria vênh ngược, khi ấy bà còn cười... rồi một tấm khác chụp bà ngồi ghé trên mép ghế, gầy gò, phờ phạc vì làm lụng vất vả, ánh mắt sợ sệt. Chỉ hai tấm ảnh nhỏ đó thôi... nhưng là cả một đời người.

“Được đấy”, tôi nói. “Dựa vào đây anh ta có thể làm được tất cả”.

Ferdinand Grau diện một chiếc áo vét đen để tiếp chúng tôi. Trông anh đáng kính và trang nghiêm. Công việc làm ăn của anh đòi hỏi như vậy. Anh biết rằng đối với nhiều người đang có tang, thái độ tôn trọng trước nỗi đau của họ còn quan trọng hơn là bản thân nỗi đau.

Trên tường xưởng vẽ treo một số bức chân dung tao nhã lồng trong khung thiếp vàng; bên dưới là những tấm ảnh nguyên bản nhỏ xíu. Khách hàng nào thoát nhìn cũng có thể thấy ngay từ một tấm ảnh chụp vội đã phai màu, nghệ sĩ phải kỳ công đến đâu.

Ferdinand dẫn lão thợ bánh xem quanh phòng tranh và muốn biết lão ưng ý bức nào nhất. Lão thợ bánh hỏi lại xem liệu giá cả có phụ thuộc vào độ lớn của bức tranh hay không. Ferdinand đáp rằng vấn đề không phải ở kích thước tranh mà ở cách biểu hiện nó. Lão thợ bánh bèn tuyên bố lão thích bức lớn nhất hơn cả.

“Ông thật có óc thẩm mỹ”, Ferdman khen, “đây là chân dung công chúa Borghèse. Giá tám trăm mác. Kể cả khung”.

Lão thợ bánh rúm người lại. “Thế nếu không kể khung?”

“Bảy trăm hai”.

Lão trả bốn trăm.

Ferdinand lúc lắc cái đầu sư tử của anh. “Với bốn trăm mác giỏi lắm ông

chỉ nhận được bức tranh vẽ độc khuôn mặt trông nghiêng thôi. Chứ làm gì được bức toàn thân en face<sup>[10]</sup>. Phải bỏ công gấp hai lần cơ đấy”.

Lão thợ bánh nói lão vừa lòng với một bức vẽ mặt trông nghiêng. Ferdinand bèn lưu ý lão rằng cả hai tấm ảnh đều chụp thẳng mặt cả. Ngay đến danh họa Titian cũng không thể dựa vào đó mà chiều theo ý lão được. Lão thợ bánh đồ mồ hôi hột; có thể thấy lão đang tuyệt vọng vì nỗi trước kia mình đã không thận trọng đúng mức khi cho chụp ảnh. Lão đành thừa nhận Ferdinand có lý - vẽ en face thì anh sẽ phải vẽ hơn “mặt trông nghiêng” những nửa khuôn mặt nữa. Nên lão chịu nhận một cái giá cao hơn. Lão dao động tợn. Cho đến lúc ấy Ferdinand vẫn khá kín tiếng; giờ đây anh bắt đầu thuyết phục lão khách. Cái giọng trầm ồm ồm của anh lan khắp xưởng vẽ. Là kẻ sành sỏi trong mục này, tôi phải thừa nhận rằng anh đã tán lão khéo không chê vào đâu được. Lão thợ bánh cũng sắp “đổ” đến nơi... đặc biệt là khi Ferdinand gợi cho lão thấy cảnh tượng những kẻ hàng xóm xấu bụng lồng lên ghen tức như thế nào trước một bức chân dung lộng lẫy nhường ấy.

“Được”, lão nói, “nhưng phải giảm mười phần trăm vì trả tiền mặt”.

“Đồng ý”, Ferdinand đáp, “giảm mười phần trăm, và 300 mác ứng trước để tôi chi các khoản: màu vẽ, phòng tranh”.

Hai người còn trao đổi một thôi một hỏi nửa trước khi đi đến thỏa thuận, đoạn bàn xem nên thể hiện bức chân dung như thế nào. Lão thợ bánh muốn thêm vào bức tranh chuỗi ngọc và món nữ trang gài áo bằng vàng có chạm những hạt kim cương, những thứ không thấy có trong ảnh.

“Dĩ nhiên rồi”, Ferdinand nói, “tôi sẽ vẽ món trang sức của bà nhà nữa. Tốt nhất, lúc nào đó ông hãy mang lại cho tôi xem chừng một giờ, để tôi vẽ cho giống”.

Lão thợ bánh đỏ mặt “Nhưng tôi không còn giữ nó. Nó... tôi đã để ở chỗ họ hàng mất rồi”.

“Ra thế. Thôi, cũng chẳng sao. Trông nó có giống cái trâm gài áo trên bức tranh kia không?”

Lão thợ bánh gật đầu. “Không hoàn toàn to như thế”.

“Được. Vậy ta sẽ vẽ nó giống thế. Còn chuỗi hạt thì không cần. Vì ngọc nào chả như ngọc nào”.

Lão thợ bánh thở phào. “Bao giờ tranh vẽ xong?”

“Sáu tuần nữa”.

“Tốt”.

Lão cáo từ.

Ferdinand và tôi còn ngồi với nhau một lát trong xưởng vẽ.

“Anh cần những sáu tuần để vẽ bức chân dung kia à?” tôi hỏi.

“Làm gì đến. Bốn năm ngày là cùng: nhưng mình không thể cho lão biết điều đó, nếu không lão sẽ tính ra mỗi giờ mình kiếm được bao nhiêu và cảm thấy bị lừa. Nhưng con số sáu tuần làm lão vừa lòng, cả với bức công chúa Borghèse cũng vậy. Bản chất con người là thế, Robby thân mến ạ. Giả sử mình bảo thật lão đó là chân dung một cô thợ may, thì trước mắt lão bức chân dung sẽ kém giá trị hẳn. Thêm nữa đây là lần thứ sáu người ta nói với mình người đàn bà quá cố cũng có món trang sức hết như trong bức tranh ấy. Một sự ngẫu nhiên trùng hợp đến thế. Bức chân dung cô Louise Wolff tốt bụng quả là một món quảng cáo ẩn khách lạ thường”.

Tôi ngó quanh. Từ bốn bức tường, những cặp mắt trên những gương mặt bất động, thối rữa từ lâu dưới mồ, chăm chăm nhìn xuống. Những bức chân dung không được thân nhân tới rước về, hoặc trả tiền. Tất thấy bọn họ đã từng hy vọng, từng hít thở khí trời. “Những thứ này không dần dà biến anh thành sầu não sao, Ferdinand?”

“Không. Nhiều lắm chỉ đâm trơ trẽn. Con người ta trở nên sầu não khi ngẫm nghĩ về cuộc đời... và hóa trơ trẽn khi tận mắt chứng kiến phần đông giống người xoay xở ra sao với đời”.

“Có những kẻ khôn khổ hơn”.

“Đã hẳn. Nhưng loại người ấy không thuê họa chân dung”.

Anh đứng lên. “Âu cũng là điều tốt, Robby ạ, vì họ vẫn còn có cái thứ vớ vẩn mà họ xem trọng ấy níu giữ và bảo vệ họ. Cô đơn... cô đơn thực sự, không chút ảo tưởng... đó mới là trạng thái mập mé với điên loạn và tự sát”.

Căn buồng lớn trống trải trôi bồng bênh trong ánh chiều chạng vạng. Bên cạnh có tiếng chân rón rén đi đi lại lại. Đó là mẹ quản gia. Mẹ không bao giờ lộ mặt nếu một thằng trong bọn tôi lại chơi. Mẹ thù ghét bọn tôi vì cho rằng bọn tôi xúi bẩy Grau chống mẹ.

Tôi ra về. Xuống tới đường, dòng người và tiếng ồn ã của phố phường ập vào tôi như một làn sóng âm.



# CHƯƠNG 11

Tôi đang trên đường đến nhà Pat. Đây là lần đầu tiên tôi lại thăm nàng. Cho tới nay chỉ có nàng tới nhà tôi, hoặc tôi đón nàng trước cửa nhà nàng, rồi chúng tôi đi đâu đó. Nhưng lúc nào cũng như nàng là người lại thăm. Tôi muốn biết nhiều hơn về nàng. Tôi muốn biết nàng sống ra sao.

Tôi nảy ý nghĩ có thể đem hoa tặng nàng. Dễ thôi, vườn hoa thành phố mé sau quảng trường Chợ đang rộ nở. Tôi nhảy qua bờ rào và bắt đầu ngắt một bó tử đinh hương trắng.

“Anh kia làm gì thế hả?” một giọng nói rần rỏi đột nhiên vang lên. Tôi ngẩng nhìn. Một người đàn ông có khuôn mặt dân miền núi và bộ ria mép trắng vênh ngược giận dữ ngó tôi trừng trừng. Không phải cảnh sát, cũng chẳng phải người canh giữ vườn hoa. Sĩ quan cao cấp hưu trí, thoạt nhìn biết ngay.

“Có khó gì xác định chuyện ấy”, tôi nhã nhặn đáp. “Tôi đang bẻ những cánh tử đinh hương chứ còn làm gì nữa!”

Một khoảnh khắc, lão già uất nghẹn lời. “Anh không biết đây là vườn hoa thành phố hay sao, hả?” Lão phẫn nộ gầm lên. Tôi cười, “Tất nhiên tôi có biết! Hay ông tưởng tôi ngỡ đây là những hòn đảo của loài chim bạch yến?”

Lão giận tím người. Tôi e lão bị đánh trúng tim đen. “Cút ngay khỏi đây, đồ nhãi nhép!” lão hét bằng cái giọng tối thượng hạng quen chỉ huy trên sân trại lính. “Anh xâm phạm tài sản của thành phố! Tôi lệnh bắt giải anh đi bây giờ?”

Tôi đã lượm đủ hoa tử đinh hương. “Thì thử túm lấy tôi xem, bố già!” tôi mời mọc lão, đoạn nhảy phắt qua rào sang mé đường bên kia, lủi mất.

Đến trước cửa nhà Pat, tôi ngắm nghía lại bộ cánh của mình lần nữa. Đoạn tôi lên cầu thang, quan sát xung quanh. Tòa nhà được xây dựng mới mẻ, theo lối tân thời - khác xa cái quán trọ diêm dúa, cũ kỹ của tôi. Các bậc thang được trải thảm đỏ; Ở chỗ chúng tôi làm gì ra có thảm. Đây là hoàn toàn chưa nói đến thang máy.

Pat sống ở tầng hai. Trên cửa treo một tấm biển lòng đầy tự tin. Egbert von Hake, trung tá. Tôi chăm chăm nhìn tấm biển hồi lâu, đoạn vô tình đưa tay lên sửa sang lại chiếc cà vạt trước khi bấm chuông.

Một cô hầu gái đội mũ vải trắng, đeo tạp dề trắng tinh ra mở cửa - thật không thể đánh đổ đồng với ả Frida phục phịch mắt lác ở nhà chúng tôi. Đột nhiên, tôi cảm thấy khó chịu.

“Ông Lohkamp phải không ạ?” cô ta hỏi.

Tôi gật đầu.

Cô ta dẫn tôi đi qua một tiền phòng nhỏ, đoạn mở một cánh cửa. Có lẽ tôi sẽ chẳng ngạc nhiên lắm nếu thoát tiên chạm trán với ngài trung tá Egbert von Hake tề chỉnh trong bộ quân phục và bị ngài căn vặn này nọ... thật trang trọng là dấy chân dung một lô các vị tướng, huân chương đầy ngực, từ trên các bức tường tiền phòng giậm dữ nhìn theo tôi - cái thằng dấn sự. Nhưng Pat đã ra đón tôi kia với những bước đi dài, kiêu diễm của nàng, và căn phòng bỗng không là cái gì khác ngoài một hòn đảo ấm áp tươi vui. Tôi khép cửa lại, động tác đầu tiên là thận trọng ôm nàng vào lòng. Rồi tôi mới trao nàng những bông tử đinh hương vừa hái trộm. “Của em”, tôi nói. “Có kèm lời chào của Tòa thị chính!”

Nàng cắm những nhánh hoa vào một chiếc bình gốm lớn tươi màu đặt trên sàn trước cửa sổ. Trong lúc đó, tôi đưa mắt nhìn khắp phòng nàng. Những màu sắc êm dịu, vài thứ đồ gỗ đẹp đã cổ, một tấm thảm lam dịu, các bức rèm màu phối màu, những chiếc ghế bành nhỏ êm ái bọc nhung phai... “Lạy Chúa, làm cách nào mà em tìm được một căn phòng như thế này vậy Pat?” tôi hỏi. “Thiên hạ thường chỉ khoe bày những thứ đồ sứt mẻ bỏ đi cộng các món quà sinh nhật vô dụng của họ vào những căn phòng cho thuê thôi mà”.

Nàng thận trọng dịch bình hoa vào sát tường.

Tôi nhìn cái gáy thon mảnh, lượn cong của nàng, đôi vai thẳng và hai cánh tay hơi gầy. Khi nàng quỳ như thế trông nàng chẳng khác gì một đứa trẻ, đứa trẻ mà người ta phải che chở nâng niu. Nhưng nàng lại cử động như một con thú mềm mại, và khi nàng đứng lên tựa vào tôi, nàng đâu còn là một đứa trẻ nữa, nơi mắt và miệng nàng lại ánh lên chút gì đợi chờ e ấp và bí ẩn khiến tôi bối rối, vậy mà tôi từng ngỡ rằng chẳng còn đâu điều bí ẩn trên cái thế gian như nhớp này.

Tôi đặt tay lên bờ vai nàng. Được cảm nhận nàng cách ấy thật sung sướng.

“Mọi đồ đạc đều là của em cả, anh Robby ạ. Trước kia mẹ em sở hữu căn hộ này. Khi mẹ em mất, em đã nhượng lại, chỉ giữ cho mình hai phòng”.

“VẬY NHÀ NÀY LÀ CỦA EM SAO?” TÔI NHẸ NGƯỜI, HỎI. “VÀ NGÀI TRUNG TÁ EGBERT VON HAKE CHẴNG QUA CHỈ LÀ NGƯỜI THUÊ NHÀ CỦA EM CHỨ GÌ?”

Nàng lắc đầu. “BÂY GIỜ THÌ KHÔNG. EM CHẴNG THỂ GIỮ NỖ NHÀ CỦA EM. EM ĐÃ BÁN DẦN GIƯỜNG TỦ VÀ NHƯỜNG ĐỨT CĂN HỘ. GIỜ EM LẠI LÀ NGƯỜI TRỢ THUÊ Ở ĐÂY. NHƯNG ANH CÓ CHUYỆN GÌ VỚI ÔNG GIÀ EGBERT VẬY?”

“CHUYỆN GÌ ĐÂU. CÓ ĐIỀU TỰ NHIÊN ANH CỨ SỜ SỢ ĐÁM CẢNH SÁT VÀ SĨ QUAN THAM MƯU. CŨNG TẠI ĐI LÍNH MÀ RA CẢ”.

Nàng cười. “BỐ EM TỪNG LÀ THIẾU TÁ ĐÂY”.

“THIẾU TÁ THÌ HẾT CHỖ NÓI”, TÔI ĐÁP.

“ANH BIẾT ÔNG GIÀ HAKE CHỨ?” NÀNG HỎI.

MỘT LINH CẢM CHẴNG LÀNH BỔNG XÂM CHIẾM TÔI. “CÓ PHẢI CÁI ÔNG GIÀ THẤP BÉ, TRÁNG KIỆN, MẶT ĐỎ GAY, RIA BẠC, GIỌNG NÓI SANG SÁNG KHÔNG? ÔNG TA HAY ĐI DẠO DẠC CÁC VƯỜN HOA THÀNH PHỐ CHỨ GÌ?”

“RA THẾ!” NÀNG NHÌN NHỮNG BÔNG TỬ ĐÌNH HƯƠNG, ĐOẠN QUAY SANG TÔI CƯỜI.

“KHÔNG, ĐÓ LÀ MỘT ÔNG GIÀ CAO LỚN, XANH XAO, ĐEO KÍNH GỌNG SỪNG!”

“THẾ THÌ ANH KHÔNG BIẾT ÔNG TA”.

“ANH MUỐN LÀM QUEN VỚI ÔNG CỤ KHÔNG? ÔNG CỤ RẤT NIỀM NỞ”.

“XIN NHƯỜNG CHO CHÚA! HIỆN THỜI ANH THUỘC VỀ CÁNH NHỮNG NGƯỜI THỢ MÁY VÀ BÀ ZALEWSKI NHIỀU HƠN”.

CÓ TIẾNG GỖ CỬA. CÔ HẦU GÁI BAN NÀY ĐẨY VÀO MỘT CHIẾC BÀN THẤP CÓ BÁNH XE. BỘ ĐỒ SỨ TRẮNG MUỐT, MỎNG MẢNH, MỘT CHIẾC ĐĨA BẠC ĐỰNG BÁNH NGỌT, CHIẾC KHÁC XẾP ĐẦY BÁNH MÌ CON BÉ TÍ XÍU CÓ KẸP DẶM BÔNG, KHĂN ĂN, THUỐC LÁ, VÀ NHIỀU THỨ KHÁC NỮA... TÔI TRỐ MẮT NHÌN XUỐNG MẶT BÀN, NHƯ BỊ LÓA MẮT. “HÃY RỬ LÒNG THƯƠNG, PAT!” ĐOẠN TÔI NÓI. “CỨ NHƯ TRONG PHIM VẬY! VỪA ĐẶT CHÂN LÊN CẦU THANG ANH ĐÃ NHẬN THẤY HAI CHÚNG MÌNH THUỘC HAI TẦNG LỚP XÃ HỘI KHÁC NHAU. NGHĨ MÀ XEM, ANH VỐN QUEN ĂN TỪ NHỮNG TỜ GIẤY BỌC NHẪY MỠ ĐẶT TRÊN BẬU CỬA SỔ NHÀ ZALEWSKI, KÈ KÈ BÊN CẠNH LÀ CHIẾC BẾP CỒN TRUNG KIÊN. HÃY RỬ LÒNG THƯƠNG CÁI KẸ ĐANG TRÚ THÂN TRONG CÁC NHÀ TRỢ CHẮNG CHỨT ÂN CẦN NÀY, NẾU CHẴNG MAY VÌ LUỐNG CUỐNG MÀ HẮN QUĂNG VỠ MỘT CÁI CHÉN!”

Nàng cười. “ANH KHÔNG ĐƯỢC PHÉP THẾ. DANH DỰ NGƯỜI THỢ MÁY CỤ PHÁCH KHÔNG CHO PHÉP ANH. ANH PHẢI KHÉO LÉO MỚI ĐƯỢC”. NÀNG CẦM LẤY QUAI BÌNH. “ANH DỪNG TRÀ HAY CÀ PHÊ?”

“TRÀ HAY CÀ PHÊ? EM CÓ CẢ HAI THỨ SAO?”

“Vâng, anh nhìn đây này!”

“Tuyệt! Như trong các tiệm sang trọng nhất! Bây giờ chỉ còn thiếu có âm nhạc nữa thôi”.

Nàng nghiêng mình sang bên, bật một chiếc radiô xách tay nhỏ mà tôi không hề để ý thấy. “Thế, giờ thì anh muốn gì nào, trà hay cà phê đây?”

“Cà phê, cà phê thôi, Pat ạ. Anh xuất thân từ làng quê mà. Còn em?”

“Em cùng uống cà phê với anh”.

“Nhưng bình thường em dùng trà chứ gì?”

“Vâng”.

“VẬY ta dùng trà”.

“Em đã bắt đầu quen uống cà phê. Anh ăn bánh ngọt nhé? Hay bánh mì con?”

“Cả hai thứ, Pat ạ. Cần phải tận dụng những dịp như thế này. Sau đây anh sẽ còn nhấp cả trà nữa. Phải nếm đủ các món mà em có mới được”.

Nàng cười, sẽ cho tôi một đĩa bánh đầy hụ. Tôi ngăn nàng. “Đủ rồi, đủ rồi em! Nên nhớ rằng chúng mình đang ở trong tầm tay của một ngài trung tá. Quân đội ưa sự điều độ ở cấp dưới”.

“Điều độ khi rượu chè thôi, anh Robby ạ. Bản thân ông già Egbert mê ăn bánh ngọt phủ kem phải biết”.

“Điều độ trong sự sung túc nữa”, tôi đáp. “Họ đã làm bọn anh mất hẳn thói quen nhàn hạ, no đủ”. Tôi đùn đẩy chiếc bàn trên các bánh xe cao su. Cứ nhìn nó lại ngứa tay muốn đẩy. Nó lùn êm ru trên thảm. Tôi ngó quanh, mọi vật đều cân xứng, hài hòa. “Phải, Pat ạ” tôi nói, “cha ông chúng mình từng sống thế này đây!”

Nàng cười. “Anh bịa chuyện gì vậy?”

“Không phải chuyện bịa. Những sự kiện có tính thời đại đấy”.

“Chẳng qua chỉ vì ngẫu nhiên mà em có dăm ba thứ đồ này, anh Robby ạ”.

Tôi lắc đầu. “Không phải ngẫu nhiên. Cũng không đơn thuần có chuyện đồ đạc. Cái đáng kể là thứ ẩn sau chúng. Sự bảo đảm. Em đâu hiểu được điều đó. Chỉ kẻ nào đã bị tách khỏi chúng mới hiểu nổi”.

Nàng nhìn tôi. “Anh cũng có thể sống như vậy, nếu anh thật tình mong muốn”.



Tôi cầm tay nàng. “Nhưng anh không muốn, Pat ạ, vấn đề là thế. Sống như vậy anh sẽ có cảm giác như mình là một kẻ gian hùng. Loại người như bọn anh sẽ tốt nhất cứ luôn sống trên sự phá phách. Bọn anh quen thói đi rồi. Lỗi ở thời đại”.

“Thế cũng dễ chịu ra phết”.

Tôi cười. “Có lẽ. Giờ hãy rót cho anh chút trà nào. Anh muốn ném thử”.

“Không”, nàng nói, “ta cứ dùng cà phê thôi. Nhưng ăn thêm chút gì đi anh. Cũng là để phá phách”.

“Một ý hay đấy. Nhưng liệu ông già mê bánh ngọt Egbert có hy vọng ta để lại cho cụ chút gì không?”

“Có thể. Nhưng ông cụ cũng phải tính đến sự trả thù của cấp dưới nữa chứ! Lỗi âu cũng ở thời đại cả. Cứ chén sạch đi anh, khỏi phần cho cụ”.

Mắt nàng tỏa sáng, trông nàng tuyệt đẹp.

“Này em” tôi nói, “em có biết sự phá phách sẽ ngừng lại ở đâu không?”

Nàng không đáp; nhưng nàng nhìn tôi. “Ở nhà em!”, tôi nói, “và giờ đây anh sẽ không nê gì mà không cầm vũ khí chống lại Egbert!”

Hồi trưa tôi chỉ làm một tách súp thịt tại quán dành cho tài xế. Vì vậy chén sạch các món ở đây có gì khó đâu. Được Pat khích lệ, tôi còn nốc cạn cả bình cà phê.

Chúng tôi ngồi bên cửa sổ hút thuốc. Ráng chiều đỏ rực trên các mái nhà. “Ở nhà em thích thật, Pat ạ”, tôi nói “Thế anh mới hiểu người ta suốt tuần chẳng buồn thò chân ra ngoài... cho tới khi quên hết sự đời”.

Nàng mỉm cười, “Có một dạo em không mong nổi ra khỏi nơi đây”.

“Hồi nào vậy?”

“Dạo em ốm”.

“Đó lại là chuyện khác. Em bệnh gì?”

“Không đến nỗi nặng lắm. Em chỉ phải nằm. Có lẽ vì em lớn mau quá mà lại thiếu ăn. Trong và sau chiến tranh thiếu thốn đủ đường”.

Tôi gật đầu. “Em phải nằm bao lâu?”

Nàng do dự một lát. “Quãng một năm”.

“Như thế chả quá lâu sao”. Tôi chăm chú nhìn nàng.

“Chuyện quá lâu rồi. Nhưng hồi đó em cảm tưởng quãng thời gian ấy dài

bằng cả đời người. Một lần, ngồi trong tiệm rượu, anh có kể em nghe về anh bạn Valentin của anh. Rằng sau chiến tranh anh ta không sao quên nổi cái cảm giác hạnh phúc được sống sót. Rằng ngoài điều đó ra, với anh ta chẳng có gì đáng kể”.

“Em nhớ giỏi lắm”, tôi nói.

“Vì em rất thông cảm với anh ta. Kể từ dạo đó, em cũng rất dễ vui sướng. Em nghĩ hẳn mình phải nông cạn lắm”.

“Chỉ những kẻ cho rằng mình không nông cạn mới là lũ người nông cạn”.

“Nhưng chắc chắn em Ta thế đấy. Em không hiểu gì lắm những việc đại sự ở đời. Chỉ rung động trước những cái đẹp. Bông tử đinh hương kia đủ khiến em sung sướng”.

“Đó đâu phải là sự nông cạn... mà là triết học tối hậu”.

“Với em thì không. Em nông cạn và nhẹ dạ”.

“Anh cũng thế”.

“Nhưng không như em. Anh vừa nói đến sự gian manh gì đó. Em là một kẻ gian manh chính cống”.

“Anh đã nghĩ như vậy mà”, tôi nói.

“Đúng. Lẽ ra từ lâu em đã phải kiếm một chỗ ở khác và một việc làm, đã phải kiếm tiền. Nhưng em cứ lẩn lữa mãi. Em dự định cứ sống một thời gian dài theo ý mình. Chẳng cần biết như vậy có đúng đắn không. Và em đã làm thế”.

Tôi cười. “Tại sao em lại ra mặt bướng bỉnh như vậy?”

“Vì ai cũng bảo em rằng xử sự như em là quá nông nổi... Lẽ ra em nên biết dè xẻn số tiền nhỏ mọn của em và tìm cho mình một việc làm, một chỗ đứng. Nhưng em lại muốn được thanh thoi, hớn hờ và vô tư lự, muốn làm cái gì em thích. Ý muốn đó nảy sinh sau khi mẹ em mất và sau khi em nằm liệt giường một thời gian dài”.

“Em có anh chị em gì không?” tôi hỏi.

Nàng lắc đầu.

“Anh cũng không hình dung được là em có anh chị em”, tôi nói.

“Và anh cũng cho rằng em đã nông nổi chứ gì?”

“Không, can đảm thì có”.

“Ồ, can đảm gì, em chẳng can đảm lắm đâu. Thỉnh thoảng em từng sợ hãi ra trò đấy. Giống như một kẻ biết mình ngồi sai số ghế trong nhà hát, nhưng vẫn chẳng buồn nhúc nhích khỏi chỗ”.

“Thế là can đảm chứ sao”, tôi nói. “Con người ta chỉ can đảm một khi cũng biết sợ. Thêm nữa, em xử sự như vậy là đúng đắn. Nếu không đằng nào em chẳng tiêu phénng số tiền của em. Làm thế chí ít em còn được một chút gì đó ở đây. Em đã làm gì vậy?”

“Thật sự chẳng làm gì cả. Sống cho mình, thế thôi”.

“Phục em! Đó là điều tao nhã nhất trần đời”.

Nàng mỉm cười. “Điều đó chẳng còn kéo dài mấy đổi. Sắp tới em sẽ bắt đầu làm việc”.

“Việc gì thế? Có phải vì nó mà có bữa bàn công chuyện làm ăn hôm nọ giữa em với Binding không?”

Nàng gật. “Với Binding không nghĩ ra được cái gì khác hay sao?”

“Có chứ”, nàng đáp, “nhưng em lại không muốn”.

“Anh cũng không định khuyên ông ta điều ấy. Bao giờ thì em bắt đầu?”

“Ngày mồng một tháng Tám”.

“Nào, đến đó vẫn còn khối thời gian. Biết đâu chúng mình lại chẳng tìm được một việc gì khác nữa. Dù thế nào, bọn anh sẽ là khách hàng trung thành của em”.

“Anh có một máy quay đĩa sao?”

“Không, nhưng tất nhiên anh sẽ lập tức sắm một chiếc. Tạm thời đương nhiên anh chưa thấy khoái chuyện này”.

“Em thì em thích rồi!”, nàng nói. “Em thật chẳng biết thế nào là phải. Và đối với em, mọi sự trở nên giản dị hơn nhiều kể từ khi có anh. Nhưng lẽ ra em chẳng nên kể với anh làm gì”.

“Sao lại không. Em phải luôn kể anh nghe tất cả”.

Nàng nhìn tôi giây lát. “Được thôi, anh Robby”, nàng nói. Đoạn nàng đứng lên, bước lại một cái tủ nhỏ. “Anh biết em có gì ở đây không? Rượu rum dành cho anh. Rum ngon, em chắc thế!”

Nàng đặt một chiếc ly lên bàn và nhìn tôi tôi đầy chờ đợi.

“Rum ngon đấy, người từ xa đã biết”, tôi nói. “Nhưng thực ra, Pat ạ... có lẽ lúc này em nên tận tiện tí chút thì hơn chẳng? Để có thể trì hoãn cái lũ

máy quay đĩa thêm ít lâu nữa?”

“Không”, nàng đáp.

“Cũng đúng”, tôi nói.

Chỉ nhìn màu tôi đã biết là rum rơm. Chắc chắn tay bán hàng đã lừa Pat. Tôi cạn ly. “Thượng hạng”, tôi nói “Cho anh ly nữa. Em mua ở đâu vậy?”

“Ở cửa hiệu góc phố”.

A ha, tôi nghĩ, dĩ nhiên rồi, một cửa hiệu thực phẩm hảo hạng khốn nạn đến thế thì thôi. Tôi định bụng có dịp sẽ vào đó ngó thử và đập thẳng vào mặt thẳng cha chủ hiệu.

“Giờ có lẽ anh phải về, phải không Pat?” tôi hỏi.

Nàng nhìn tôi. “Chưa đâu anh...”

Chúng tôi đứng bên cửa sổ. Dưới kia, đèn đường bật sáng. “Hãy chỉ anh xem phòng ngủ của em”, tôi bảo nàng.

Nàng mở cửa phòng và bật đèn. Tôi đứng tại trên ngưỡng cửa nhìn vào. Bao nhiêu ý nghĩ thoáng qua đầu tôi.

“Ra đây là giường của em, Pat...” cuối cùng tôi nói.

Nàng mỉm cười. “Còn của ai nữa kia chứ, anh Robby?”

“Quả vậy!” Tôi nhìn lên. “Và cả máy điện thoại đây nữa. Giờ anh biết thêm điều đó. Thôi anh về nhé. Chào em, Pat”. Nàng áp hai bàn tay vào hai bên thái dương tôi. Sẽ tuyệt diệu biết bao nếu giờ đây ta được nán lại, trong màn đêm dần buông sát bên nhau, dưới lằn chần mềm mại màu xanh da trời kia trong phòng ngủ... nhưng ở đây có cái gì đó ngăn cản tôi. Không phải do e ngại, cũng không phải vì sợ hay thận trọng, mà đơn giản vì một tình cảm rất đôi âu yếm, một tình âu yếm trào dâng khóa lấp đục vọng.

“Tạm biệt nhé, Pat”, tôi nói “Anh sung sướng vì đã đến đây. Sung sướng hơn là em tưởng nhiều. Lại còn rum nữa chứ... không ngờ em chu đáo đến thế...”

“Đơn giản lắm mà anh...”

“Nhưng không đơn giản với anh. Anh vốn không quen được chiều chuộng ân cần như vậy”.

Căn buồng trọ nhà bà Zalewski. Tôi ngồi không một lát. Việc Pat phải chịu ơn Binding khiến tôi bứt rứt khó chịu. Cuối cùng tôi đi qua hành lang lại phòng Erna Bonig.

“Tôi đến có việc quan trọng!”, tôi nói. “Nay Erna, dạo này chuyện kiếm công việc phụ nữ thế nào?”

“Ái chà”, cô ta đáp. “Một câu hỏi đến là lạnh lẽo trước một trái tim trống trải! Nói để anh biết: gay lắm”.

“Không có cách nào cả ư?” tôi hỏi.

“Việc gì mới được chứ?”

“Thư ký, phụ tá!”

Cô ta phẩy tay. “Hàng trăm ngàn người không có việc làm kia kia. Cô ta có khả năng gì đặc biệt không?”

“Nàng rất đẹp”, tôi nói.

“Bao nhiêu từ?” Erna hỏi.

“Cái gì?”

“Cô ta biết được bao nhiêu từ trong một phút? Và bằng mấy thứ tiếng?”

“Chịu, tôi không biết”, tôi nói “nhưng cô hiểu cho, tôi chỉ đại diện hỏi giùm...”

“Anh bạn trẻ thân mến của tôi ơi”, Erna đáp, “tôi hiểu rồi.. Tiểu thư con nhà, trước kia từng ăn trắng mặc trơn, giờ buộc lòng phải kiếm kế sinh nhai và vân vân. Không nước non gì đâu, nói để anh biết. Trừ phi có lão nào đó đặc biệt lưu tâm và bởi thế cố ấn cô vào chỗ nào đó. Anh cũng biết vì sao đấy. Nhưng anh đâu muốn vậy, phải không?”

“Hỏi gì mà lạ”, tôi nói. “Không đến nỗi lạ như anh tưởng đâu”, Erna đáp đượm vẻ chua chát. “Tôi biết nhiều trường hợp khác”. Tôi chợt nhớ tới chuyện đan dít giữa Erna với sếp của cô ta. “Nhưng tôi muốn khuyên anh một điều”. Cô ta tiếp. “Hãy lo sao kiếm đủ tiền nuôi cả hai miệng ăn. Đó là giải pháp đơn giản nhất. Lấy nhau”.

“Nghe được đấy”, tôi nói và cười. “Tôi cũng muốn có bấy nhiêu lòng tin ở mình”.

Erna nhìn tôi vẻ kỳ lạ. Đang rất linh hoạt, nom cô ta thốt nhiên già hẳn đi, gần như có phần úa tàn. “Tôi muốn thổ lộ với anh điều này”, cô ta nói. “Tôi sống dư dật, có đầy những thứ mà tôi chẳng hề cần đến. Nhưng xin anh hãy tin tôi... nếu có một người đàn ông đến và đề nghị tôi chung sống với anh ta, chung sống thực sự chân thành, tôi sẽ vứt bỏ hết thảy những thứ linh kinh nơi đây để theo anh ta, dù phải chui vào một căn xép áp mái”. gương mặt cô ta lấy lại vẻ thường lệ. “Chà thôi, cho qua chuyện ấy... mỗi người

đều có nỗi niềm riêng của mình”. Cô ta nháy mắt với tôi qua làn khói thuốc lá. “Thậm chí hình như cả anh cũng vậy?”

“Đâu có...” tôi nói.

“Thôi nào, thôi nào...” Erna bảo. “Điều đó dễ xảy ra nhất với kẻ nào không may mắn gì...”

“Với tôi thì không”, tôi đáp.

Tôi còn ngồi lại trong buồng mình đến tám giờ...

Ngồi thui thui rồi mãi mãi cũng chán, tôi mò tới quán rượu xem may ra vợ được thằng bạn nào ở đó.

Valentin đây rồi. “Ngồi xuống cậu”, anh ta nói. “Cậu dùng gì đây?”

“Rum”, tôi đáp. “Kể từ hôm nay mình có một quan hệ đặc biệt với rượu rum”.

“Rum là sữa của lính kia mà”. Valentin nói. “Thêm nữa hôm nay trông cậu đến bánh trai, Robby ạ”.

“Thế à?”

“Ừ, trẻ hẳn ra”.

“Còn thế nữa”, tôi nói. “Chúc sức khỏe cậu, Valentin”.

“Chúc sức khỏe, Robby”.

Chúng tôi đặt ly xuống mặt bàn, nhìn nhau. Đoạn phá lên cười. “Đồ cụ non”. Valentin nói.

“Đồ trẻ ranh già khú chết tiệt”, tôi đáp. “Ta uống gì bây giờ nào?”

“Lại rum đi”.

“Hay lắm”.

Fred rót đầy các ly. “Nào, chúc sức khỏe cậu, Valentin”.

“Chúc sức khỏe, Robby”.

“Một câu nói tuyệt vời... Chúc sức khỏe ấy mà, hả?”

“Chúa tể của mọi câu nói”.

Chúng tôi lặp lại nó vài lần nữa. Rồi Valentin ra về.

Tôi ngồi lại. Ngoài Fred, trong quán chẳng còn ai khác. Tôi ngắm những chụp đèn cũ kỹ tỏa sáng làm bằng giấy in bản đồ, ngắm những chiếc tàu với những cánh buồm đã ố vàng và nghĩ tới Pat. Tôi tha thiết muốn gọi điện cho

nàng, nhưng tự ghim mình không làm điều đó. Tôi cũng chẳng muốn nghĩ nhiều tới nàng làm gì. Tôi muốn đón nhận nàng như đón nhận một quà tặng bất ngờ, đầy may mắn đã đến với mình và sẽ lại ra đi... không hơn. Không bao giờ tôi nuôi trong đầu mình ý nghĩ: giữa nàng và tôi có thể là một cái gì hơn thế. Tôi biết lắm, rằng thấy các mối tình đều khao khát tồn tại mãi mãi, và nỗi đau muôn thưở của chúng chính là ở chỗ ấy. Không có cái gì trường tồn cả. Làm gì có. “Cho tôi ly nữa đây”, tôi gọi.

Một cặp nam nữ bước vào. Họ uống một ly Cobbler bên quầy rượu. Người đàn bà vẻ mỗi mệt, người đàn ông vẻ thêm thường. Họ lại đi ngay.

Tôi uống cạn ly rượu. Hồi chiều giá tôi dừng lại thăm Pat có lẽ lại hơn. Tôi không tài nào rút bỏ nỗi hình ảnh ấy... căn phòng chìm dần trong ánh hoàng hôn, bóng chiều tím biếc êm ả, và cô thiếu nữ xinh đẹp, ngồi thu mình, bằng cái giọng khàn trầm đục nói về cuộc sống và khát vọng sống của mình. Mẹ kiếp, tôi đâm ra đa cảm mất rồi! Nhưng phải chăng cái mà từ trước tới nay vốn là cuộc phiêu lưu không ngừng, đầy kỳ thú, giờ đã tan biến trong sương mù của tình âu yếm, phải chăng nó đã thấm sâu vào tôi hơn là tôi mong muốn và ý thức được, phải chăng hôm nay tôi mới cảm giác thấy, đúng vào hôm nay, rằng con người tôi đã thay đổi xiết bao? Cớ sao tôi lại bỏ ra về, cớ sao tôi không ở lại bên nàng như thực ra tôi đã mong muốn? Chao, khổ nợ, tôi không thiết nghĩ gì nữa hết, thầy kệ sự đời, muốn ra sao thì ra, cho dù tôi sẽ phải phát điên lên trước nỗi bất hạnh một khi tôi mất nàng, nàng có đấy, nàng đang có đấy, thấy những cái khác đều chẳng là cái cóc khô gì, quỷ tha ma bắt chúng đi cho rảnh! Gìn giữ một chút cuộc sống mà làm gì! Sẽ đến một ngày trận đại hồng thủy ập tới, cuốn trôi tất tật.

“Ta cùng cạn một ly chứ, Fred?” tôi mời.

“Sẵn lòng”, gã nói.

Chúng tôi nốc hai ly vermouth cực mạnh. Rồi chúng tôi “oản tù tì” xem ai được uống tiếp. Tôi thắng. Tôi đâu thích thắng. Vì vậy hai thằng chơi tiếp. Nhưng mãi tới lần thứ năm tôi mới thua cho. Lần này đương nhiên thua liền ba keo. “Tôi say hay ngoài trời nổi sấm thế” tôi hỏi.

Fred lắng tai, “Sấm thật. Con giông đầu tiên trong năm nay đây”.

Chúng tôi ra đứng dưới vòm cửa, ngược nhìn trời.

Chẳng thấy quái gì. Chỉ thấy oi bức, chốc chốc lại nổi sấm.

“Ta làm thêm một ly mừng dịp này chẳng?” tôi đề nghị. Fred nhất trí.

“Một thứ nước cam thảo chết tiệt”, tôi nói khi đặt trả cái ly không lên

quầy. Fred cũng cho rằng có lẽ chúng tôi nên dùng thử một thứ gì nồng hơn chẳng. Cứ như ý gã thì hay nhất là rượu anh đào... tôi đòi rum. Để khỏi cãi vã lời thôi, chúng tôi lần lượt uống cả hai thứ. Chúng tôi lấy ra hai ly khá bự nhằm tránh cho Fred cái khoản rót luôn tay. Giờ đây hai thằng rõ phần chân. Chốc chốc lại ra ngó xem có chóp chung gì không. Chúng tôi chỉ ước gì được thấy chóp nhưng chẳng gặp may. Chóp cứ nhè đúng lúc chúng tôi ngồi trong tiệm mà lóe. Fred kể rằng gã có một vị hôn thê, con gái một chủ tiệm ăn tự động. Nhưng gã con lần nữa chưa cưới, chờ lão bố chết đi đã, để biết chắc chắn cô còn có được cả cái tiệm làm của hồi môn hay không. Tôi cho rằng gã hơi quá thận trọng, nhưng gã chứng minh để tôi thấy lão già là một cái xác thú không biết đâu mà lường, vào giây phút cuối cùng, lão dám đi tặng cả tiệm ăn cho giáo hội Giám lý lắm. Tôi đành rút lui ý kiến. Và lại Fred khá lạc quan. Lão già phải cảm, và theo Fred, biết đâu lão chẳng đang mắc dịch cúm, mà cúm thì nguy hiểm phải biết. Tôi lấy làm tiếc bảo gã rằng đối với những tay nghiện rượu, bệnh cúm chẳng mùi mẽ gì, ngược lại kia, đôi khi chính nhờ mắc bệnh cúm mà những con sâu rượu ốm o lại hóa hồng hào béo tốt ra cơ đấy. Fred bèn tuyên bố thế cũng chẳng sao, rồi lão già sẽ chui đầu vào gầm một chiếc ô-tô nào đấy chưa chừng. Tôi công nhận khả năng đó đặc biệt dễ xảy ra trên mặt đường nhựa loáng nước. Fred lập tức đứng dậy ra ngó xem đã mưa chưa. Nhưng trời đất vẫn khô ráo. Chỉ có sấm rền hơn. Tôi đưa gã uống một ly nước chanh ép và đi lại máy điện thoại. Phút cuối cùng tôi mới nhớ rằng mình đã chủ tâm không gọi điện thoại. Tôi vẫy chào chiếc máy và toan ngả mũ trước nó. Nhưng rồi tôi nhận thấy mình không hề đội mũ.

Khi tôi trở lại, Koster và Lenz đã ở đó. “Phà hơi đây người thử nào” Gottfried nói.

Tôi phà. “Rượu rum, anh đào và rượu apxin” cậu ta tuyên bố. “Apxin hẳn hoi kia à, đồ lợn!”

“Nếu cậu cho rằng mình say thì cậu nhầm to”, tôi nói “Các cậu ở đâu về vậy?”

“Hội họp chính trị. Nhưng Otto chẳng hiểu quái gì cả. Thằng Fred nốc cái gì vậy?”

“Nước chanh ép”.

“Cậu cũng làm một ly đi”.

“Đề mai”, tôi đáp. “Giờ mình phải kiếm cái gì chén đã”. Từ nãy đến giờ Koster cứ nhìn tôi vẻ lo lắng. “Đừng nhìn mình như thế đi, Otto”, tôi nói.



“Chỉ vì quá yêu đời mà mình say sưa chút đỉnh. Đâu phải vì sâu muộn”.

“Vậy thì được” cậu ta đáp. “Dẫu sao hãy đi với tội mình, đi chén”.

Đến mười một giờ tôi lại tỉnh như sáo Koster đề nghị ngó qua Fred xem sao. Chúng tôi đánh xe về tiệm, thấy gã rũ gục như chết rồi sau quày rượu.

“Khuôn hấn sang bên kia”, Lenz nói, “mình sẽ đảm đương việc phục dịch cho tới khi hấn tỉnh”.

Koster và tôi lo làm Fred đã rượu. Chúng tôi đổ sữa nóng cho hấn uống. Hiệu quả tức thì. Đoạn chúng tôi đặt gã ngồi lên một chiếc ghế và dặn gã cứ việc nghỉ ngơi nửa giờ nữa. Quày rượu đã có Lenz lo.

Mà Lenz làm thật. Cậu ta thạo giá cả và các công thức pha chế cocktail thông thường. Cậu ta lắc cái bình trộn rượu nghe như thể suốt đời cậu ta chỉ làm có mỗi động tác ấy.

Một giờ sau Fred lại lẳng xăng bên quày. Gã có cái dạ dày thép và mau chóng hồi phục. “Mình lấy làm tiếc, Fred ạ”, tôi nói, “đáng ra hai ta phải lót dạ chút gì rồi hăng uống”.

“Tôi khỏe rồi mà”, gã đáp. “Kể có lần thể cũng hay”.

“Dĩ nhiên rồi”.

Tôi quay số điện thoại gọi Pat. Tôi hoàn toàn chẳng còn đếm xia đến những gì trước đó mình đã cân nhắc. Pat lên tiếng.

“Mười lăm phút nữa anh sẽ có mặt trước cửa nhà em”, tôi nói và treo vội ống nghe. Tôi sợ nhỡ nàng mệt và không buồn nghe tôi. Tôi muốn được nhìn thấy nàng.

Nàng ra. Trong khi nàng mở khóa cửa, tôi hôn vào ô kính, nơi hiện ra mái đầu nàng. Nàng định nói gì đó nhưng tôi không để nàng thốt một lời. Tôi hôn nàng, rồi hai đứa cùng sánh vai đi xuôi phố cho tới khi tìm được một chiếc tắcxi. Trời nổi sấm chớp. “Nhanh lên kéo mưa!” tôi giục.

Chúng tôi lên xe. Những giọt mưa đầu tiên rơi lộp bộp trên nóc xe. Chiếc xe lắc lư trên con đường xấu. Mọi cái thật tuyệt diệu, bởi mỗi bận lắc lư là một lần tôi cảm giác được nàng. Mọi cái thật tuyệt diệu cơn mưa, thành phố, châu rượu... tất thảy, sao mà mênh mông, huy hoàng. Tôi đang ở trong tình trạng tỉnh táo, sáng khoái của một người đã quá chén nhưng đã lại qua được cơn say. Mọi nỗi bứt rứt, khó chịu đều tan biến, đêm ngập tràn sức mạnh vô biên, ngập tràn hào quang, không gì còn có thể xảy ra; không gì làm lạc nữa.

Khi chúng tôi xuống xe, mưa bắt đầu nặng hạt. Lúc tôi trả tiền, mặt

đường còn lồm đồm những chấm nước như da báo... nhưng chúng tôi chưa kịp về đến cửa thì mặt đường đã đen thẫm, loang loáng ướt, mưa xối xả như trút. Tôi không bật đèn. Đã có chớp rọi sáng căn buồng. Con giông đang trên đầu thành phố. Sấm thi nhau rền tưởng không dứt.

“Giờ thì ít nhất ta có thể mặc sức gào to một lần mà chẳng sợ ai nghe thấy”, tôi kêu lên với Pat.

Cửa sổ sáng rực. Trong một giây bóng đèn của cây cối nghĩa địa hắt trên nền trời xanh bọt để rồi lập tức bị màn đêm nhận chìm dưới tiếng sấm rền... trong một giây, thoáng giữa bóng tối và bóng tối, là thân hình mềm mại của Pat, sáng chập chờn trước những ô kính... tôi đặt tay lên vai nàng, nàng nép mình vào tôi, tôi cảm thấy làn môi nàng, hơi thở của nàng, tôi không nghĩ gì nữa...

# CHƯƠNG 12

Xưởng của chúng tôi vẫn cứ trông như vừa thóc trước vụ mùa. Vì vậy cả bọn quyết định chưa bán chiếc tắcxi mua ở cửa hàng đấu giá vội, mà hãy tạm thời dùng nó đi chở thuê đã. Lenz và tôi sẽ thay nhau lái tắcxi. Với sự giúp đỡ của Jupp. Koster có thể một mình đảm đương chu tất công việc ở xưởng cho đến khi lại có việc.

Lenz và tôi đổ xúc xác xem ai chạy tắcxi đầu tiên. Tôi được cuộc, thủ vào túi một ví đầy tiền lẻ, cầm theo đầy đủ giấy tờ tùy thân, rồi thông thả lái chiếc tắcxi xuyên qua các phố, để trước hết tìm lấy một chỗ đỗ thuận lợi. Lần đầu tiên chạy tắcxi kể cũng hơi kỳ kỳ. Bất cứ một thằng ngốc nào cũng có thể chặn mình lại, ra lệnh cho mình. Một cảm giác không lấy gì làm hãnh diện.

Tôi chọn một bãi đỗ, nơi chỉ có năm chiếc xe đậu, đối diện với khách sạn “Waldecker Hof” lọt giữa khu buôn bán. Điều đó cho phép tôi hy vọng nhanh chóng kiếm được khách. Tôi tắt máy, ra khỏi xe. Từ một trong những chiếc xe đỗ đằng trước xuất hiện một gã đàn ông cao lớn mặc áo choàng da tiến lại phía tôi. “Cút ngay khỏi đây”, gã gầm lên.

Tôi bình tĩnh nhìn gã, thậm chí có lẽ tốt nhất nên hạ gã bằng một cú Uppercut<sup>[11]</sup> vào phần dưới, nếu tình thế buộc phải như vậy. Với chiếc áo choàng kia, hẳn sẽ không kịp trở tay.

“Không hiểu hả?” gã áo choàng da hặc và nhổ toẹt mẩu thuốc lá xuống trước chân tôi. “Xéo ngay! Đây đủ người rồi! Đéch cần đũa mẹ nào nữa!”

Gã điên tiết vì có thêm kẻ cạnh tranh, rõ rồi; nhưng đỗ ở đâu là quyền của tôi. “Tôi sẽ khao dăm chầu rượu”, tôi nói.

Tôi những tưởng chuyện thế là êm. Thường kẻ nào mới nhập hội cũng phải khao cả. Một tay lái trẻ lại gần.

“Thôi được rồi, ông bạn đồng nghiệp. Mặc hấn Gustave ạ...”

Nhưng Gustave không ưa một điếm gì đó ở tôi. Tôi biết là điếm gì. Gã nhận thấy tôi là kẻ mới tập tọng vào nghề. “Ta đếm đến ba...” gã tuyên bố. Gã cao hơn tôi một cái đầu, vì thế mà gã tự tin.

Tôi hiểu rằng dùng lời lẽ chẳng ăn thua gì ở đây.

Tôi phải đánh xe đi hoặc ẩu đá. Cái đó rõ quá.

“Một..”, Gustave đếm, tay mở khuy áo choàng.

“Đừng làm chuyện điên rồ”, tôi nói, cố thử lấy lòng gã. “Ta đi nhấp chút rượu cho ấm cuống họng là hơn”.

“Hai...”, Gustave gầm gừ...

Tôi nhận thấy gã định quai tôi ngã bằng một cú đâm chính quy. “Và nên nhớ...” gã đẩy chiếc mũ ra sau gáy.

“Câm mồm, đồ ngu!” tôi đột ngột hét lớn. Gustave kinh ngạc há hốc mồm, tiến lên một bước, đứng đứng vào chỗ tôi nhắm trước. Tôi phang luôn. Một cú đánh như quai búa, với sức bật toàn thân. Koster đã truyền cho tôi miếng ấy. Tôi đâu có thạo đâm đá; tôi cho rằng không cần thiết, tất cả tùy thuộc chủ yếu vào cú đánh đầu tiên. Miếng này chơi được. Gustave đổ phịch xuống. “Đáng đời hấn”, tay tài xế trẻ nói. “Đồ bọm già”. Chúng tôi khuôn gã đặt vào ghế xe gã. “Hấn sẽ tự tỉnh lại”.

Tôi hơi lo lắng. Vì vội, tôi để sai tư thế nắm đấm khi giả miếng và bị sai tay. Nếu Gustave hỏi lại, gã muốn hành tôi thế nào chả được. Tôi nói điều đó với tay tài xế trẻ, hỏi anh ta có lẽ tôi nên chuồn là hơn chẳng. “Vớ vẩn”, anh ta nói, “chuyện thế là xong. Giờ hãy đến quán rượu và khao châu của cậu đi. Cậu không phải là lái xế nhà nghề, hả?”

“Không...”

“Mình cũng vậy. Mình là diễn viên”.

“Thế sao?”

“Cần phải sống...”, anh ta cười đáp. “Nhà hát cũng đủ chỗ rồi!” Tụi tôi có năm người, hai trung niên, ba thanh niên. Lát sau Gustave cũng lù lù dẫn xác vào quán. Gã giương mắt dò dẫm nhìn vào bàn tụi tôi và tiến lại gần. Tay trái nắm chặt chùm chìa khóa trong túi áo, tôi định bụng sẽ chống chọi đến cùng trong mọi trường hợp, kỳ tới khi không nhúc nhích nổi nữa thì thôi.

Nhưng rồi điều đó đã không xảy ra. Gustave quơ chân đẩy tới một cái ghế, đoạn buông phịch người, về bất mãn. Chủ quán đưa ra một cái ly nữa. Rượu đến. Gustave uống ực một hơi. Châu thứ hai. Gustave liếc nhìn tôi, gã nâng ly.

“Chúc sức khỏe”, gã nói với tôi, nhưng nét mặt vẫn tối sầm.

“Chúc sức khỏe”, tôi đáp và cạn ly.

Gustave móc ra một bao thuốc lá. Gã chìa mời tôi, nhưng mắt nhìn đi nơi khác. Tôi rút một điếu, bù vào đó, tôi bật lửa cho gã. Rồi tôi gọi một châu

đúp rượu hồi. Chúng tôi uống, Gustave lại liếc xéo tôi. “Đồ thộn”, gã nói, nhưng giọng đã ôn hòa.

“Ngu như bò”, tôi đáp lại, giọng hết thế.

Gã quay hẳn sang tôi. “Cú đánh khá lắm...”

“Ngẫu nhiên thôi...” tôi chia gã xem ngón tay cái của mình.

“Rủi mà”, gã toét miệng cười đáp. “Mình tên là Gustave”.

“Còn mình là, Robert”

“Hay lắm. Tốt đẹp cả, hả, Robert? Mình cứ ngỡ cậu chỉ là đứa trẻ vừa rời váy mẹ cơ chứ”.

“Tốt đẹp cả, Gustave ạ”.

Kể từ phút đó, chúng tôi là bạn của nhau.

Những chiếc xe chậm chạp lăn bánh lên phía trước. Anh chàng diễn viên, tên gọi Tommy, được một chuyến ra ga khá trúng. Gustave phải chở khách đến tiệm ăn gần nhất với giá ba chục xu. Cậu ta tức giận nỗ ruột bởi lẽ chỉ lời được có chục xu mà phải xếp lại vào cuối hàng. Tôi vớ được dịp may hiếm có... một bà già người Anh muốn tham quan thành phố. Tôi dong xe đưa bà ta đi đây đó đến cả tiếng đồng hồ. Trên đường quay về, tôi còn đánh mấy quả nho nhỏ nữa. Đến trưa, khi cả bọn lại ngồi trong quán rượu nhá bánh mì bơ, tôi đã có cảm tưởng mình là tài xế nhà nghề. Một tình cảm gì đó như tình huynh đệ giữa những người lính cũ. Hội tụ về đây là anh em thuộc đủ các nghề. Nhiều lắm chỉ phân nửa bọn họ xưa nay vốn chạy tắcxi, số còn lại do số phận run rủi sao đó mà chui vào cái nghiệp này.

Chiều khá là hớn hở, tôi phóng xe vào sân xưởng chúng tôi.

“Sao, những người anh em, làm ăn thế nào rồi?”

“Bán được bảy chục lít xăng”, Jupp nói.

“Thế thôi à?”

Lenz ngửa mặt gầm ghè nhìn trời. “Mưa đi thôi chứ! Cầu cho một cuộc đụng xe nhẹ trên đường nhựa trơn ngay trước ngõ! Không ai bị thương! Chỉ một cú sửa xe tròn trịa, ngon ăn!”

“Nhìn đây!” Tôi xò ra ba mươi lăm mác.

“Cực kỳ”, Koster nói. “Thế là lời được hai chục mác. Hôm nay ta sẽ vung tay quá trán. Phải uống mừng chuyến tắcxi đầu tiên chứ!”

“Tụi mình định làm một châu vang xa diệp thảo” Lenz giải thích.

“Một châu ấy cơ à?” tôi hỏi. “Vì lẽ gì?”

“Vì Pat sẽ cùng đi”.

“Pat ư?”

“Đừng có há hoác mồm ra thế đi”, anh chàng lãng mạn cuối cùng nói “tụi này thỏa thuận mọi chuyện từ lâu. Đúng bảy giờ tụi này sẽ đi đón cô ấy. Cô ấy đã biết. Tự cậu không nghĩ ra được, thì tụi này đành liệu lấy vậy. Suy cho cùng cũng nhờ có tụi này mà cậu quen được với cô ấy”.

“Này Otto”, tôi nói, “cậu đã bao giờ thấy kẻ nào lại trơ tráo hơn cái thằng lính mới tò te này chưa?”

Koster cười “Tay cậu bị làm sao vậy, Robby? Trông vợ vợ làm sao ấy”.

“Mình cho là nó bị sai”. Tôi thuật lại cuộc xô xát với Gustave.

Lenz xem xét bàn tay tôi. “Dĩ nhiên thôi! Nhân danh Chúa Jesus và bậc sinh viên y khoa đang ỉn dật, mình sẽ xoa bóp cho cậu, bất chấp cái thói thô lỗ của cậu. Đi nào, đồ võ sĩ hạng bét”.

Chúng tôi vào xưởng, Gottfried xoa một chút dầu lên tay tôi. “Cậu đã bảo Pat rằng tụi mình sẽ uống mừng kỷ niệm trọn ngày mình trở thành lái xế taxi đấy à” tôi hỏi Lenz.

Cậu ta huýt gió qua kẽ răng. “Vì thế mà cậu bối rối chẳng, anh bạn trẻ?”

“Câm mồm!” tôi đáp, đặc biệt vì thấy cậu ta có lý.

“Cậu đã bảo nàng thế chứ gì”.

“Tình yêu”, Gottfried tỉnh rụi bình phẩm, “là một cái gì đó tuyệt vời. Nhưng nó hủy hoại nhân cách”.

“Còn cô đơn lắm lắm thiếu tế nhị, đồ trơ thân cụ ử dột à”.

“Tế nhị chẳng qua là sự thỏa thuận, ngấm ngấm, phớt lờ những lầm lỗi chung, khi đáng lẽ phải gọi to chúng lên. Tóm lại, một hành động thỏa hiệp đáng thương. Người cựu chiến binh Đức đâu chịu như vậy, bé yêu!”

“Giả sử ở vào địa vị mình, cậu sẽ làm gì”, tôi hỏi, “nếu có người vẫy taxi của cậu, và rồi cậu nhận ra đó là Pat?”

Lenz tùm tùm cười. “Trong bất kỳ trường hợp nào ta cũng sẽ không đòi hỏi nàng trả tiền xe, con trai của ta à”.

Tôi dúm một cái khiến cậu ta lộn nhào khỏi chiếc ghế gỗ ba chân.

“Đồ phá đám! Cậu biết mình sẽ làm gì không? Tôi nay mình sẽ đến đón

nàng bằng chiếc tắcxi”.

“Chí phải!” Gottfried giơ tay như để chúc phúc. “Có điều chó đẻ mất tự do! Tự do quý giá hơn cả tình yêu. Nhưng bao giờ con người ta cũng nhận ra điều đó khi đã quá muộn. Dẫu sao chiếc tắcxi cũng không đến lượt cậu. Tụi mình cần nó để đón Ferdinand Grau và Valentin. Ta sẽ có một tối trang nghiêm, nhưng vui hết tâm”.

Chúng tôi ngồi trong vườn một quán ăn nhỏ trước thành phố. Vàng trắng âm ướn lửng lơ trên những cánh rừng như một ngọn đuốc đỏ. Những chùm hoa nhạt màu lóng lánh trên những cây dẻ, tử đinh hương thơm ngào ngạt, và trên bàn, trước mặt chúng tôi, trong ánh sáng mờ ảo của chiều tà, chiếc bình thủy tinh lớn đựng thứ rượu vang thơm mùi xa diệp thảo trông tựa một khối opan rực rỡ trong đó tụ lại ánh chiều cuối cùng biêng biếc tím óng ánh như xà cừ. Chúng tôi đã cho tiếp rượu đầy bình đến lần thứ tư. Ferdinand Grau làm chủ tọa. Pat ngồi cạnh anh. Nàng cài một bông lan phơn phớt hồng mà anh đã đem theo tặng nàng.

Ferdinand vớt từ ly vang của anh một con muỗi, thận trọng quệt nó lên mặt bàn. “Nhìn xem này”, anh nói. “Chà, đôi cánh mới tuyệt chứ. So với nó thì gấm vóc gì cũng chỉ là đồ giẻ lau mà thôi! Một con vật như thế mà sống có một ngày, và thế là hết”. Anh lần lượt nhìn từng người trong chúng tôi. “Các cậu có biết cái đáng sợ nhất trên thế gian là cái gì không, hỡi những người anh em?”

“Một ly rượu rỗng”, Lenz đáp.

Ferdinand phác một cử chỉ như phúi Lenz đi. “Đối với một trang nam nhi, Gottfried ạ, thì trên thế gian này điều làm tổn hại thanh danh nhất là đóng vai kẻ hay pha trò”. Đoạn anh lại quay sang chúng tôi. “Cái đáng sợ nhất, anh em ạ, là thời gian. Thời gian. Cái khoảnh khắc chúng ta đang trải qua và cái khoảnh khắc mà chúng ta sẽ chẳng bao giờ chiếm được”.

Anh móc trong túi ra chiếc đồng hồ của mình, chìa nó trước mắt Lenz. “Cái này đây, hỡi đồ lãng mạn rôm! Cái máy địa ngục kêu tích ta tích tắc, tích tắc hoài trước hư không này đây! Cậu có thể chặn bão tuyết, ngăn núi lở... nhưng đâu tìm nổi thứ này”.

“Mà mình cũng chẳng muốn”, Lenz nói. “Mình chỉ muốn được yên ổn đến già. Ngoài ra, mình yêu sự thay đổi”.

“Con người không chịu đựng nổi thời gian”, Grau tiếp, chẳng buồn để ý đến Lenz. “Con người không sao kham nổi nó. Vì vậy con người tự vẽ lên cho mình một giấc mơ. Giấc mơ vô vọng, cảm động, muôn thưở của loài

người: sự vĩnh cửu”.

Gottfried phì cười. “Căn bệnh hiểm nghèo nhất của cõi trần, Ferdinand ạ, là suy tư! Vô phương cứu chữa”.

“Nếu đó là căn bệnh duy nhất thì cậu sẽ là kẻ bất tử”. Grau độp lại. “Ngữ cậu chỉ là một mớ hồ lộn thán khí, vôi, photpho, và một tí ti sắt, tồn tại ngắn ngủi trên đời với cái tên Gottfried Lenz”.

Gottfried mỉm cười khoái chí. Ferdinand lúc lắc cái đầu sư tử của anh. “Anh em ạ, cuộc sống là một căn bệnh, và cái chết bắt đầu ngay trong sự sinh nở. Mỗi hơi thở, mỗi nhịp đập của trái tim đều là chết đi một chút... một sự xê dịch nhỏ xíu dần đến cõi tận”.

“Mỗi ngụm rượu nữa chứ”, Lenz đế. “Chúc sức khỏe cậu, Ferdinand! Đôi khi cái chết lại nhẹ nhàng đáo để”.

Grau nâng ly. Một nụ cười như cơn giông thâm lặng lướt trên gương mặt to bè của anh. “Chúc cậu, Gottfried, con bọ chết vui tươi trên dòng sỏi trôi tuồn tuột của thời gian. Không hiểu cái quyền lực thần bí chi phối chúng ta đã nghĩ gì khi tạo ra cậu thế?”

“Đó là việc riêng của nó. Và lại, chính cậu là kẻ không nên nói về những chuyện đó một cách khinh thị như vậy, Ferdinand ạ. Nếu con người là vĩnh cửu thì cậu sẽ thất nghiệp mất, hơi đồ ký sinh trùng phúc hậu, già nua của tử thần kia!”

Vai Grau bắt đầu rung rung. Anh cười. Đoạn anh quay sang Pat. “Cô nói gì với lũ nhặng cuội chúng tôi hơi bông hoa nhỏ xinh trên làn nước rập rờn?”

Rồi tôi và Pat đi dạo xuyên vườn riêng với nhau. Trăng đã lên cao hơn, những thảm cỏ đẫm mình trong ánh trăng màu xám bạc; trên đó, những bóng cây đen đờ dài như những mũi tên thâm màu chỉ đường vào cõi vô định. Hai đứa xuôi đến ven hồ, rồi lộn trở lại. Trên đường về, chúng tôi gặp Gottfried Lenz, anh chàng cắp theo một cái ghế nhỏ, dúi vào một bụi tử đinh hương. Giờ cậu ta ngồi trong đó, chỉ thấy ló sáng đốm lửa thuốc lá và chòm tóc hoe vàng. Dưới đất, ngay cạnh cậu ta, là một cái ly và chỗ rượu vang còn lại.

“Chỗ thế mới là chỗ chứ!” Pat reo lên. “Ngập trong tử đinh hương”.

“Có thể ngồi mãi được ấy”. Gottfried đứng lên, “Cô thử mà xem!” Pat ngồi vào ghế. Gương mặt nàng óng ánh giữa những bông hoa. “Tôi mê tử đinh hương điên lên được”, anh chàng lãng mạn cuối cùng nói. “Với tôi, nhớ nhà có nghĩa là nhớ tử đinh hương. Mùa xuân năm 1942 tôi đã vội vã rời Rio de Janeiro về quê hương chỉ vì sức nhớ ra rằng nơi đây hẳn tử đinh hương



đang rộ nở. Khi tôi về tới, thì dĩ nhiên đã muộn” Cậu ta cười. “Bao giờ chả vậy”. “Rio de Janeiro?” Pat vút một nhành hoa xuống “Các anh cùng ở đó à?”

Lenz ngơ ngác. Tôi thốt nhiên lạnh buốt sống lưng. “Nhìn trăng kia!” tôi vội nói, đồng thời ngấm đá chân Lenz.

Dưới ánh sáng lập lòe dầu điều thuốc Lenz hút, tôi nhận thấy một thoáng cười và cái nháy mắt. Thoát nạn rồi. “Không, hai đứa tôi không cùng ở đó” Gottfried nói. “Đạo ấy tôi chỉ có một mình. Nhưng có lẽ ta nên làm thêm ngum vang cuối cùng chứ nhỉ?”

“Tôi xin thôi”. Pat lắc đầu. “Tôi không uống được nhiều vang thế đâu”.

Chúng tôi nghe tiếng Ferdinand gọi, bèn trở lại quán.

Anh đứng lừng lững nơi ngưỡng cửa. “Vào đây, các cô các chú”, anh nói. “Ban đêm, những người như tụi ta chẳng có gì để tìm kiếm ngoài thiên nhiên cả. Ban đêm, thiên nhiên muốn được một mình. Một bác nông dân hay một anh dân chài, đó lại là chuyện khác; nhưng chúng ta thì không, chúng ta, lũ người thành thị với những bản năng đã bị chém lia”. Anh đặt tay lên vai Gottfried. “Đêm là sự phản kháng của tự nhiên chống lại căn bệnh hủi của văn minh, Gottfried ạ! Một người đứng đắn không chịu được lâu điều ấy. Anh ta nhận thấy mình bị đẩy ra khỏi cái vòng khuyển tâm lặng của cỏ cây, muông thú, trăng sao, và sự sống vô thức”. Đến đây anh mỉm một nụ cười lạ lùng mà người ta không bao giờ biết được nó buồn hay vui. “Vào đi, các cô các chú! Chúng ta sẽ sưởi ấm đôi tay bằng những kỷ niệm. Ôi, cái thời huy hoàng, khi chúng ta còn là loài mộc tặc, sa giông, trước đây chừng năm sáu chục triệu năm; lạy Chúa, từ đây tới nay chúng ta đã sa đọa biết chừng nào...!”

Anh cầm bàn tay Pat. “Nếu chúng ta không còn một chút ý thức về sắc đẹp... thì tất cả thế là hết”. Bằng một cử chỉ dịu dàng, bàn tay chuôi mấn của anh cầm bàn tay Pat đặt lên cánh tay mình. “Hỡi ngời sao bạc trên vực thăm âm ì... cô sẵn lòng cạ ly cùng gã đàn ông cổ đại như tôi hay chẳng?”

Pat gật. “Thưa có”, nàng nói. “Tôi sẵn lòng chiều ý ông”.

Hai người bước vào quán. Nhìn họ sóng đôi mà ngỡ như Pat là con gái của Ferdinand. Nàng con gái mảnh dẻ, can đảm, trẻ trung của một gã khổng lồ mệt mỏi còn sót lại từ thời tiền sử.

Mười một giờ, chúng tôi ra về. Valentin và Ferdinand đi chiếc tắcxi do Valentin lái. Còn lại bọn tôi lên chiếc Karl. Đêm ấm áp, Koster còn cho xe

chạy vòng vèo qua những làng mạc đã thiếp ngủ ven đường với vài ngọn đèn thấp thoáng đây đó và tiếng chó sủa thura thốt.

Ngồi ghế trước, cạnh Otto, Lenz cất tiếng hát. Pat và tôi ngồi ghế sau. Koster lái giỏi tuyệt. Cậu ta cua vòng như chim liệng. Tay lái cậu ta vững tới mức tài hoa. Koster không chạy gấu như số đông các tay đua. Xe cậu ta lăn êm tới mức tưởng chừng ta có thể ngủ yên trên những khúc đường lượn. Không bao giờ ta nhận biết xe đang chạy ở tốc độ nào.

Chúng tôi cảm giác từng đoạn đường thay đổi nhờ vào tiếng bánh xe rít trên đường nhựa, ầm ì trên đường lát đá. Những ngọn đèn pha tựa những con chó săn nhạt màu vọt lên trước chúng tôi và lôi ra khỏi bóng đêm con đường bạch dương cành lá rung rinh, hàng thùy dương, những cột điện lướt qua vèo vèo, dãy nhà lụp xụp và cuộc diễu binh thảm lặng của những bìa rừng. Dòng ngân hà, như một làn hơi sáng, nhấp nháy bởi muôn ngàn tinh tú, mênh mông trải dài trên đầu chúng tôi.

Xe chạy nhanh hơn. Tôi choàng cho Pat áo khoác của cả hai đứa. Nàng mỉm cười với tôi, “Em yêu anh thật chứ?” tôi hỏi.

Nàng lắc đầu. “Còn anh, yêu em không?”

“Không. May quá, hả?”

“Cực may”.

“Nếu vậy chẳng có gì có thể xảy đến với chúng mình, phải không em?”

“Chẳng có gì hết...” nàng đáp và quờ tìm bàn tay tôi dưới những chiếc măng-tô.

Con đường cua một vòng xuống cạnh đường xe lửa. Đường ray lấp lánh. Xa xa; trước chúng tôi, đung đưa một ánh sáng đỏ. Karl rú lên, lao vọt về phía trước. Đó là một đoàn tàu tốc hành với những toa nằm và một toa ăn đèn đóm sáng trưng. Chúng tôi dần lên, đã gần sòng đôi với nó. Từ các cửa sổ tàu, hành khách vẫy chào chúng tôi. Chúng tôi không vẫy lại. Chúng tôi đã vượt lên. Tôi ngoái nhìn. Đầu tàu phì khói và những tia lửa. Nó găm lại, đen thẫm trên màn đêm biếc xanh. Chúng tôi vượt nó... nhưng chúng tôi đang lao vào thành phố, về với những chiếc tácxì, những xưởng sửa chữa ô-tô và những căn buồng trọ. Còn con tàu, nó ở lại bên triền những cánh rừng, những đồng ruộng, sông ngòi, hút mãi về miền xa, vào cuộc phiêu lưu dài rộng.

Phố xá, nhà cửa lắc lư xấp gần lại. Karl chạy êm hơn, nhưng lũ ống xả vẫn gầm gào chẳng khác gì thú dữ.

Koster dừng xe ở khu vực gần nghĩa trang. Cậu ta không lái về nhà Pat, cũng chẳng về khu trọ của tôi mà dừng lại gần đâu đó, có lẽ cậu ta nghĩ chúng tôi muốn được đi riêng với nhau. Chúng tôi xuống xe. Hai cậu rồ máy đi liền, chẳng hề ngoái lại. Tôi nhìn theo họ. Trong khoảnh khắc, tôi có cảm giác thật lạ lùng. Họ bỏ đi, những người bạn của tôi bỏ đi, còn tôi ở lại. Tôi ở lại.

Tôi rũ bỏ ý nghĩ đó. “Đi em”, tôi bảo Pat khi ấy đang nhìn tôi như đã cảm thấy điều gì.

“Anh hãy đi với họ”, nàng nói.

“Không”, tôi đáp.

“Anh muốn đi với họ mà...”

“Đâu có...”, tôi nói, bụng nghĩ quả thế thật. “Đi em...”

Chúng tôi đi men theo nghĩa địa, người vẫn hơi lão đảo vì gió và chuyến xe. “Anh Robby”. Pat nói, “em muốn về nhà hơn”.

“Sao vậy em?”

“Em không muốn vì em mà anh bỏ rơi bất kỳ cái gì”.

“Em nghĩ gì lạ vậy”, tôi hỏi, “anh bỏ rơi cái gì nào?”

“Những người bạn của anh...”

“Anh chẳng hề bỏ rơi họ... chả sớm mai thôi anh đã gặp lại họ rồi”.

“Anh hiểu ý em muốn nói rồi đây”, nàng nói. “Trước đây anh gắn bó với họ thường xuyên hơn”.

“Vì chưa có em chứ sao”, tôi đáp, mở khóa cửa. Nàng lắc đầu.

“Đó là chuyện hoàn toàn khác”.

“Dĩ nhiên là khác rồi. Ồn Chúa!”

Tôi nâng bổng nàng lên, bế nàng dọc theo hành lang về buồng tôi.

“Anh cần những người bạn”, nàng nói kề ngay bên mặt tôi.

“Em, anh cũng cần”, tôi đáp.

“Nhưng không cần đến thế...”

“Cái đó để con xem...”

Tôi đẩy toang cửa và buông nàng xuống. Nàng ghi chặt lấy tôi. “Em chỉ là một người bạn chẳng ra gì, anh Robby ạ”.

“Anh cũng hy vọng thế”, tôi nói. “Anh không ưa một người đàn bà làm bạn. Anh ưa một người yêu”.

“Em cũng không là thế nốt”, nàng lẩm bẩm.

“Vậy em là cái gì?”

“Chẳng là cái gì cho ra hồn. Một phác thảo...”

“Thế thì còn gì bằng”, tôi nói. “Cái đó kích thích trí tưởng tượng. Những người đàn bà như vậy được yêu mãi mãi. Đàn bà hoàn chỉnh người ta chóng chán. Đàn bà cao quý cũng vậy. Nhưng chán những phác thảo thì không bao giờ”.

Bốn giờ sáng. Tôi vừa đưa Pat về nhà, đang trên đường quay trở lại. Trời đã hưng hửng. Phảng phất hương bình minh.

Tôi đi men nghĩa trang, ngang qua tiệm cà phê Quốc Tế, về nhà. Cửa quán rượu dành cho cánh tài xế nằm cạnh nhà công đoàn xích mở, một cô gái bước ra. Chiếc mũ nôi nhỏ, chiếc áo măng-tô xinh tòi tàn, đôi bốt véc ni cao cổ... gần đi ngang qua cô gái thì tôi nhận ra...

“Kìa Lisa...”

“Không ngờ lại gặp được anh đây!” cô gái nói.

“Em ở đâu đến vậy?” tôi hỏi.

Cô gái nhún vai. “Em đã chờ tại đây. Em nghĩ biết đâu anh sẽ đi ngang. Cứ khoảng này là anh về nhà mà”.

“Ồ, đúng thế...”

“Đi với em chứ?” cô hỏi.

Tôi ngần ngừ. “Không được đâu...”

“Anh không cần trả tiền”, cô vội nói.

“Đâu phải vì thế”, tôi đáp không suy nghĩ, “anh có tiền”.

“Ra vậy...” cô nói chua chát và lùi lại một bước.

Tôi cầm tay cô. “Đừng thế, Lisa...”

Cô đứng đó, gầy gò, xanh xao trên đường phố xám xịt, trông vắng. Trước đây ít năm tôi đã gặp cô như vậy, khi tôi thần thơ và đơn độc sống cho qua ngày đoạn tháng, không suy nghĩ, không hy vọng. Thoạt đầu cô có vẻ dè chừng như mọi cô gái đồng cảnh với cô, nhưng rồi, sau vài lần trò chuyện cùng tôi, cô tỏ ra tin cậy và quyến luyến tôi. Mọi quan hệ giữa hai đứa tôi có

phần kỳ quặc... thỉnh thoảng có đến hàng tuần tôi không gặp cô, rồi đột nhiên cô đứng ở đâu đó và chờ đợi tôi. Thời gian ấy, cả hai đưa hoàn toàn chẳng có gì, chẳng có ai... vì vậy một chút hơi ấm, một chút gần gũi mà chúng tôi có thể trao nhau hẳn có ý nghĩa hơn lúc bình thường. Đã lâu tôi không gặp Lisa nữa... không gặp từ ngày tôi biết Pat.

“Lâu nay em biến dạng nào vậy. Lisa?”

Cô nhún vai, “Hỏi mà làm gì, anh. Em chỉ muốn gặp lại anh. Vậy đây, giờ thì em đi được rồi”.

“Em khỏe chứ?”

“Thôi mà...”, cô nói. “Anh đừng khách sáo thế”.

Môi cô run run. Trông cô có vẻ đói. “Để anh cùng đi với em một quãng”, tôi nói.

Gương mặt giang hồ hờ hững, tội nghiệp của Lisa linh hoạt hẳn lên và trở nên ngây thơ. Dọc đường, tôi ghé vào một trong những quán dành cho tài xế mở cửa suốt đêm mua dăm món vặt để cô có cái ăn. Thoạt đầu cô từ chối, cô chỉ chấp thuận khi nghe tôi bảo bản thân tôi cũng đói. Nhưng cô chú ý sao cho tôi không bị bịp, không bị ấn cho những món hàng chẳng ra gì. Cô cũng không muốn mua tới nửa cân dăm bông; theo cô, chỉ hai lạng rưỡi là đủ, nếu chúng tôi còn mua thêm xúc xích Frankfurt. Nhưng tôi khẳng khái lấy nửa cân dăm bông và hai hộp xúc xích.

Lisa sống trong một căn xép áp mái mà cô có để tâm xếp đặt chút ít. Một chiếc đèn dầu đặt trên bàn, bên giường có một ngọn nến cắm vào miệng chai. Trên tường thấy những tranh ảnh cắt ra từ các tờ tạp chí, găm bằng đinh ghim. Trên tủ ngăn lẩn lóc mấy cuốn tiểu thuyết trinh thám, cạnh đó là một tập ảnh khiêu dâm. Một số khách chơi, đặc biệt mấy bố đã có vợ, khoái xem thứ đó lắm. Lisa gạt chúng vào ngăn kéo, rồi lôi ra một chiếc khăn trải bàn đã tã nhưng sạch sẽ.

Tôi mở các gói. Trong khi đó Lisa thay quần áo. Trước hết cô cởi bỏ váy ngoài, mặc dù tôi biết đôi chân mới khiến cô đau và mỏi nhứt. Cô phải đi bách bộ nhiều quá. Cô đứng đó; đôi bốt vécni cao đến đầu gối, trên mình chỉ còn bộ đồ lót đen.

“Anh thấy cặp đùi em thế nào?” cô hỏi.

“Hết sảy, như mọi lúc”.

Cô hài lòng, nhẹ nhõm ngồi xuống giường để cởi bốt. “Đôi này giá hai trăm mác kia đây”, cô nói, tay giơ đôi bốt cho tôi xem.

“Chờ tới khi kiểm lại được ngân áy tiền thì chúng cũng vừa rách”.

Cô lấy trong tủ ra một chiếc kimônô và đôi hài gấm đã bạc màu, sót lại từ những ngày khá giả hơn. Cô mỉm cười gần như biết lỗi. Cô muốn vừa mắt tôi. Thốt nhiên tôi thấy nao lòng khi ngồi đây, trên căn buồng nhỏ bé này, tuồng như một người thân của tôi vừa mất.

Chúng tôi cùng ngồi và tôi nói chuyện ân cần với Lisa. Dầu vậy, cô vẫn nhận thấy có cái gì đó đã đổi khác. Ánh mắt cô trở nên rụt rè. Giữa chúng tôi hoàn toàn chẳng có gì ngoài cái mà sự tình cờ đem lại. Nhưng có lẽ chính nó lại ràng buộc và gắn bó hai đứa hơn nhiều thứ khác. “Anh đi sao?” cô hỏi khi thấy tôi đứng dậy... tuồng như cô hằng sợ hãi điều này.

“Anh còn có hẹn...”

Cô nhìn tôi. “Muộn thế cơ à?”

“Chuyện làm ăn. Rất quan trọng với anh, Lisa ạ. Anh còn phải tìm gặp một người. Vào giờ này ông ta thường có mặt ở khách sạn Astoria”.

Không người đàn bà nào tỏ ra biết điều trước những sự việc đại loại hơn những cô gái như Lisa. Nhưng người ta cũng khó lừa dối họ hơn bất kỳ ai. Gương mặt Lisa thoắt trông rộng. “Anh có một người đàn bà khác...”

“Kìa Lisa... chúng mình ít có dịp gặp nhau thế kia mà... có đến gần một năm nay... em thử nghĩ mà xem...”

“Không, không, ý em không phải như vậy. Anh đã có người đàn bà mà anh yêu! Anh đã thay đổi. Em cảm thấy điều đó”.

“Ồ, Lisa em”.

“Đúng, đúng. Anh hãy nhận đi!”

“Chính anh cũng chẳng biết nữa. Có lẽ...”

Lisa đứng lặng một lát. Đoạn cô gật gật đầu. “Vâng, vâng... đương nhiên rồi... em rõ ngu ngốc... chúng mình chẳng hề hứa hẹn gì với nhau mà...” Cô xoa hai bên thái dương. “Em không hiểu tại sao em lại như vậy...” Thân hình mảnh dẻ của cô đứng trước tôi sao gầy gò, yếu đuối. Đôi hài gấm... chiếc áo kimônô... những đêm dài trông rộng, hồi ức... “Tạm biệt em, Lisa...”

“Anh đi ư... anh không nán lại chút nữa sao? Anh đi... ngay...?”

Tôi hiểu ý cô. Song tôi không thể. Kể cũng kỳ quặc, song tôi không thể, tôi cảm thấy điều đó rất rõ. Trước kia có bao giờ tôi như vậy đâu. Tôi không có những ý tương thái quá về tánh chung thủy. Nhưng giờ thì không được,

thế thôi. Tôi đột nhiên cảm thấy mình đã tách xa khỏi mọi cái cũ biết chừng nào.

Lisa đứng trong khung cửa. “Anh đi...” Cô chạy vào buồng. “Đây, em biết anh đã để tiền cho em... dưới tờ báo... em không muốn nhận nó... Đây... đây... phải, anh đi đi...”

“Anh phải đi, Lisa ạ”.

“Anh sẽ không trở lại...”

“Có chứ, Lisa...”

“Không, không, anh sẽ không trở lại... em biết thế! Anh cũng đừng trở lại làm gì! Đi đi, đi đi chứ...” Cô khóc. Tôi xuống gác, không ngoái nhìn lại.

Tôi còn lang thang hồi lâu qua các phố. Một đêm lạ lùng. Tôi rất tỉnh táo và không sao ngủ được. Tôi đi ngang tiệm Quốc Tế, nghĩ tới Lisa, tới những năm trước kia, tới nhiều thứ mà tôi đã quên từ lâu, nhưng chúng đã xa xôi lắm, và dường như đã hết thuộc về tôi. Rồi tôi thơ thẩn, qua phố của Pat. Gió mạnh lên, thấy các cửa sổ tòa nhà nằng ở đều tối om, bình minh xám nhờ nhón gót dọc các cánh cổng, rốt cuộc tôi đi về nhà. Lạy Chúa, tôi thậm nhủ, tôi tin là mình hạnh phúc.

# CHƯƠNG 13

“Cái cô gái mà anh lúc nào cũng che che giấu giấu ấy”, bà Zalewski nói, “anh không cần phải che giấu làm gì. Cô ta cứ việc công khai đến với anh. Tôi ưa cô ta...”

“Bà đã trông thấy cô ấy bao giờ đâu”, tôi đáp.

“Anh cứ yên tâm, tôi đã thấy cô ta rồi”, bà Zalewski nói có ý nhấn mạnh. “Tôi đã thấy cô ta và tôi ưa cô ta... rất ưa đằng khác..., nhưng đó không phải là người phụ nữ thích hợp với anh đâu”.

“Không à?”

“Không. Tôi lấy làm lạ, không hiểu bằng cách nào mà anh lại mò ra được người như cô ta trong những quán rượu bê tha của anh. Nhưng tất nhiên thôi, những kẻ ăn không ngồi rồi nhất...”

“Ta nói chuyện khác đi”, tôi cắt lời bà.

“Cô ta”, bà nói, hai tay chống nạnh, “là người phụ nữ dành cho một người đàn ông có những quan hệ xã hội chắc chắn, tốt đẹp. Nói ngắn gọn, cho một quý ông giàu có!”

Những chai rum, mình đã bỏ qua điều đó! Đó chính là thứ mình thiếu. “Bà có thể khẳng định như vậy về mọi người đàn bà”, tôi bực tức nói.

Bà lắc những búp tóc hoa râm. “Anh cứ chờ đây! Tương lai sẽ chứng minh là tôi có lý”.

“Dào ơi, tương lai!” Tôi cúi kính quăng những chiếc khuy măng sét xuống mặt bàn. “Thời buổi nay ai còn tính tới tương lai! Chưa gì đã lo nghĩ trước làm gì cho mệt!”.

Bà Zelepski lo lắng lúc lắc mái đầu uy nghi của bà.

“Bọn trẻ các người là một lũ kỳ quặc với nhau cả. Quá khứ bị các người căm ghét, hiện tại bị các người khinh bỉ, còn với tương lai thì các người lại dửng dưng. Thế thì hòng gì có một kết cục tốt đẹp”.

“Nhưng bà cho thế nào là một kết cục tốt đẹp mới được chứ?” tôi vặn. “Một kết cục chỉ có thể tốt đẹp khi mọi sự trước đó đều tồi tệ thôi. Thà một kết cục tồi còn hay hơn nhiều”.

“Rõ là miệng lưỡi tráo trở của giống Do Thái”, bà Zalewski nói vẻ cao



ngạo và cương quyết quay ra cửa. Nhưng tay vừa cầm nắm nắm cửa, bà đã đứng sững lại như trời trồng.

“Smoking?<sup>[12]</sup>” bà sừng sốt ào ào, “Anh?”

Bà trợn tròn mắt ngắm nghía bộ complê của Otto Koster treo bên cửa tủ. Tôi mượn cậu ta vì tối nay tôi định cùng Pat đi xem hát. “Chính thế, tôi đây!” tôi nói độc địa. “Khiếu liên tưởng của bà thật không gì bì kịp, thưa quý bà...”

Bà nhìn tôi. Một mớ ý nghĩ hỗn độn lướt qua gương mặt béo phì của bà. Nó kết thúc bằng một nụ cười toét miệng, ra ý hiểu. “A ha!”, bà nói. Rồi một lần nữa: “A ha!” Và khi đã ra tới ngoài bà còn ngoái lại, hiếu kỳ và láu lỉnh hết sức rạng rỡ trước niềm vui muôn thưở của đàn bà khi phát hiện những chuyện như vậy. “Đến mức ấy rồi cơ đấy!”.

“Phải, đến mức ấy rồi đấy, con mụ đỡ chết tiệt” tôi gằm theo bà, khi đã biết chắc bà chẳng còn nghe thấy mình. Rồi tôi giận dữ quăng đôi giày vécnì mới cùng hộp bìa các tông xuống nền nhà. “Quý ông giàu có... cứ làm như tôi đây không biết!”

Tôi tới đón Pat. Nàng đứng trong phòng mình, ăn mặc tề chỉnh và đã đang đợi tôi. Tôi muốn ghen thử khi nhìn thấy nàng. Kể từ ngày tôi biết nàng, đây là lần đầu tiên nàng mặc áo dài dạ hội.

Đó là một chiếc áo dài may bằng thứ gấm óng ánh bạc, từ đôi bờ vai thẳng thớm, nó chảy xuống thanh thoát, mềm mại. Chiếc áo trông có vẻ chặt, nhưng lại đủ rộng để không cản trở những dải chân dài duyên dáng của Pat. Phía trước ngực đóng kín lên trên, nhưng phần lưng lại mở sâu hình góc nhọn. Trong ánh hoàng hôn tím mờ, trông Pat tựa một ngọn đuốc bạc, hiện lên đột ngột, thay đổi đến sững sờ, trang trọng và rất đổi xa vời. Phía sau nàng, hình hài bà Zelepski xuất hiện như một cái bóng với một ngón tay trở lên trên.

“May mà anh đã không làm quen với em trong chiếc áo dài này”, tôi nói. “Nếu thế có lẽ anh đã chẳng đời nào dám bén mảng lại gần em”.

“Em không dễ dàng tin anh thế đâu, anh Robby”. Nàng mỉm cười. “Anh ưng chứ?”

“Quả đáng ngại quá! Mặc nó, trông em như một người đàn bà hoàn toàn khác”.

“Có gì đáng ngại đâu nhì. Áo dài sinh ra chỉ cốt làm thế mà”.

“Có thể. Nhưng nó khiến anh hơi điếng người. Để xứng với nó, có lẽ em

phải đi với một người đàn ông khác. Một người đàn ông lắm tiền”.

Nàng cười “Một người đàn ông lắm tiền phần lớn đáng tởm, anh Robby ạ”.

“Nhưng tiền thì không đáng tởm, hả?”

“Không”, nàng nói “Tiền thì không”.

“Biết ngay mà”.

“Thế anh không cho như vậy sao?”

“Có chứ”, tôi nói. “Tiền thậm chí không đem lại hạnh phúc... nhưng nó khiến ta cực kỳ vững tâm”.

“Nó giúp ta độc lập, anh yêu ạ, cái đó đáng kể hơn. Nhưng nếu anh muốn, em cũng có thể thay áo dài khác”.

“Không đời nào. Chiếc áo lụa lẫy lẫm. Kể từ hôm nay anh đặt đám thợ may lên trên các bậc triết gia! Bọn họ đưa cái đẹp vào cuộc sống. Điều đó trăm lần đáng giá hơn những tư tưởng sâu xa! Coi chừng, anh sẽ còn si mê em nữa kia!”

Nàng cười. Tôi thận trọng đảo mắt xuống chân mình. Koster nhỉnh hơn tôi một chút, và tôi đã phải dùng ghim băng xéch bớt cặp quần lên cho tạm vừa. Ôn Chúa, nó vừa vặn.

Chúng tôi đi taxi đến nhà hát. Dọc đường tôi ngồi khá im lìm mà không biết rõ tại sao. Khi hai đứa xuống xe và tôi trả tiền, tôi như bị buộc phải nhìn người tài xế. Bác ta có cặp mắt thiếu ngủ đỏ kè, râu ria không cạo, và trông hết sức mệt mỏi. Bác ta hồ hững nhận tiền. “Hôm nay kiếm khá chứ?” tôi khẽ hỏi.

Bác tài ngược nhìn. “Tạm tạm...” bác nói giọng khước từ. Bác cho tôi là một thằng khỏe tởm.

Trong khoảnh khắc, tôi cảm giác lẽ ra tôi phải lên xe ngồi bên bác mà phóng đi... rồi tôi quay đi. Pat đứng đó, thon thả, mềm mại, bên ngoài chiếc áo dài lấp lánh bạc là chiếc áo vét kim tuyến ngắn, tay thụng, trông nàng xinh đẹp bòn chòn. “Nhanh chân lên, anh Robby, sắp bắt đầu rồi!”

Trước cửa vào dồn ứ những người. Đây là buổi công diễn đầu tiên, nhà hát được rọi sáng bởi nhiều đèn pha, xe hơi nối đuôi nhau xích đến, các bà xuống xe trong những chiếc áo dài dạ hội, lóng lánh đồ trang sức, các ông mặc lễ phục, mặt phốp pháp hồng hào, tươi cười, hồ hởi, cao ngạo, vô tư lự... trong khi đó, những cỗ xe, kéo kẹt, ịch ạch, rầm rầm lui khỏi đó với

những anh tài mệt mỏi.

“Lại đây nào, anh Robby!” Pat gọi, mắt nàng nhìn tôi rạng rỡ, xúc động. “Anh quên cái gì à?”

Tôi nhìn đám đông vây quanh với ánh mắt thù địch. “Không...”, tôi nói, “anh có quên gì đâu”.

Rồi tôi lại bên quầy đổi vé. Tôi lấy hai chỗ ngồi trong lô mặc dù giá đắt ghê gớm. Tôi không muốn để Pat ngồi giữa những con người tự phụ kia, những kẻ luôn được cuộc đời ưu đãi. Tôi không muốn nàng thuộc về họ. Tôi muốn được ngồi riêng với nàng.

Đã lâu rồi tôi không vào nhà hát. Giá Pat không thích thì tôi đã chẳng tới đó. Sân khấu, hòa nhạc, sách vở... tôi hầu như đã đánh mất mọi thói quen trưởng giả ấy. Không phải lúc. Chính trị đã bày đủ tấn trò... tiếng súng nổ mỗi tối đủ kết thành bản hòa tấu... và pho sách khổng lồ của cơ cực còn thấm thía hơn hết thấy các thư viện gộp lại.

Các bao lon và các dây ghế trước sân khấu dày kín người. Chúng tôi vừa tìm đến chỗ thì đèn phụt tắt. Chỉ còn ánh phản chiếu chum đèn sân khấu loang khắp rạp. Âm nhạc nổi lên, nâng bổng hết thấy, khiến tất thấy như chao liêng.

Tôi xịch lui ghế của mình vào góc lô. Như vậy tôi khỏi phải trông thấy cả sân khấu lẫn đám đầu lố nhố của khán giả. Tôi chỉ nghe tiếng nhạc và ngắm nhìn gương mặt Pat.

Âm nhạc khiến cả rạp mê mẩn. Nó tựa một ngọn gió nam, một đêm âm áp, một cánh buồm căng gió dưới các vì sao, hoàn toàn hư ảo, cái bản nhạc phổ theo “những câu chuyện của Hollmann” ấy. Dưới tác động của nó, tất cả như trải rộng ra, muôn màu sắc, dòng đời trầm đục như đang rì rầm trong nó, không còn trọng lượng, không còn giới hạn, chỉ có ánh hào quang, giai điệu và tình yêu; người ta dễ dàng không hiểu nổi khi những tiết tấu mê ly ấy rung lên cũng là lúc ngoài đời đang đầy rẫy cảnh cơ cực, đọa đày, tuyệt vọng.

Gương mặt Pat trở nên huyền bí trong ánh sáng hắt ra từ đèn sân khấu. Nàng đắm hồn mê say, và tôi yêu nàng bởi nàng không tựa mình vào tôi, không tìm nắm tay tôi, phải, không những chẳng hề nhìn tôi lấy một lần, mà còn có vẻ không mấy may nghĩ tới tôi, có vẻ đã hoàn toàn quên tôi. Tôi ghét những thái độ, cử chỉ không đúng chỗ, đúng lúc, ghét thói chỉ biết say đắm nhau như giống bò khi mà cái đẹp và dáng hình của một tác phẩm vĩ đại đang ủa đến với ta, tôi ghét những ánh mắt đắm đuối của các cặp tình nhân,

ghét trò cứ xoắn lấy nhau đến là đàn độn, cái thứ hạnh phúc thô lậu của loài cừu không bao giờ biết xúc cảm trước cái gì khác ngoài bản thân mình, tôi ghét toàn bộ cái luận điệu tình yêu hòa hai người làm một, bởi tôi thiết nghĩ một thôi hoàn toàn không đủ thay cho hai, và đã là một thì làm sao còn có thể xa nhau để gặp nhau được nữa. Chỉ kẻ nào phải đơn độc luôn mới thấm thía niềm hạnh phúc được gần người yêu dấu. Thấy những thứ khác đều làm tiêu ma chất bí ẩn của sự hội họp. Và thử hỏi cái gì có sức bứt ta khỏi phạm vi huyền diệu của nỗi cô đơn hơn là sự nổi loạn của cảm xúc, sự rung động đến quên mình, mãnh lực của các nhân tố, giông bão, đêm tối, âm nhạc? Và tình yêu...?

Đèn bật sáng. Tôi nhắm mắt trong một giây. Tôi vừa mới nghĩ tới cái gì vậy? Pat quay người lại. Tôi thấy thiên hạ đang chen chúc ra các cửa. Nghỉ giải lao giữa buổi diễn.

“Em không muốn ra ngoài sao?” tôi hỏi.

Pat lắc đầu.

“Ôn Chúa! Anh chúa ghét cái trò cứ đứng giương mắt ra mà nhìn nhau ở ngoài kia”. Tôi đứng dậy đi lấy cho nàng một cốc nước cam. Căngtín đông nghịt. Âm nhạc khiến nhiều người đói mềm. Những chiếc xúc xích nhỏ nóng hôi biến nhanh như thể vừa nổ ra nạn đói.

Tôi cầm cốc nước cam về tới lô thì thấy có một kẻ đứng sau ghế Pat. Nàng quay đầu ra sau, chuyện trò sôi nổi với gã. “Đây là ông Breuer, anh Robert”, nàng nói. Ông cái con tườu, tôi nghĩ bụng, và khó chịu nhìn gã. Robert, nàng gọi tôi vậy đấy, chứ không gọi Robby. Tôi đặt cốc nước lên lan can, ý chờ gã đi. Gã diện một bộ smoking cắt khéo tuyệt vời. Nhưng gã cứ tán hươu tán vượn về việc đạo diễn, việc phân vai và đứng lì ra. Pat quay sang tôi. “Ông Breuer hỏi sau buổi diễn chúng mình có định tới tiệm

Thác Nước không”.

“Nếu em tha thiết”, tôi nói.

Breuer gợi ý rằng ở đây chúng tôi có thể khiêu vũ chút ít chẳng. Gã rất nhã nhặn và thật ra tôi ưng gã lắm. Có điều tôi hơi khó chịu trước vẻ hào hoa, vẻ nhẹ nhõm của gã, thứ mà tôi ngại rằng thế nào cũng tác động tới Pat, và bản thân tôi lại không có được. Bỗng nhiên - tôi không tin vào tai mình nữa - tôi nghe gã gọi Pat bằng em. Mặc dù có đến cả trăm lý lẽ để lý giải điều đó, tôi những muốn lảng ngay thẳng cha vào giữa dàn nhạc.

Chuông reo. Các nhạc công so lại dây đàn. Những cây vĩ cầm hòa theo

tiếng sáo réo rất. “Vậy thỏa thuận rồi nhé, ta sẽ gặp nhau ở lối ra”. Breuer nói, rớt cuộc cũng cuốn xéo.

“Tên du đăng nào vậy?” tôi hỏi.

“Đó không phải tên du đăng, mà là một người đáng mến. Một người quen cũ”.

“Anh vốn ác cảm với loại người quen cũ”, tôi nói.

“Kìa anh yêu”, Pat đáp. “Hãy nghe em thì hơn”.

Thác Nước, tôi vừa nghĩ vừa ước lượng túi tiền của mình, cái quán ăn cướp chết tiệt!

Tôi bước đi trong tâm trạng tò mò u ám. Sau những tiên đoán điềm gở của bà Zalewski lại còn mọc thêm cái gã Breuer này nữa. Gã đã chực sẵn chúng tôi bên lối ra vào.

Tôi gọi một chiếc tácxì. “Anh khỏi gọi”, Breuer nói, “xe tôi đủ chỗ mà”.

“Được thôi”, tôi nói. Khước từ điều đó thì thật lố bịch. Nhưng dẫu vậy tôi vẫn cúi.

Pat biết xe của Breuer. Đó là một chiếc Packard đồ sộ. Nó đậu chênh chênh trên bãi đỗ xe trước mặt, Nàng đi thẳng đến chiếc xe.

“Nó đã được sơn lại nhĩ”, nàng nói và dừng lại trước chiếc xe.

“Phải, màu xám”, Breuer đáp. “Em thấy đẹp hơn chứ?”

“Hơn nhiều”.

Breuer quay sang tôi. “Còn anh? Anh có ưng màu này không?”

“Nhưng tôi đâu biết trước kia nó màu gì”, tôi nói.

“Đen”.

“Màu đen rất đẹp”.

“Hửn rồi. Nhưng cũng phải thay đổi tí chút vả lại, sang thu lại có chiếc mới”.

Chúng tôi đến tiệm Thác Nước. Đây là một tiệm nhảy hết sức lịch sự với một ban nhạc tuyệt vời. “Trông có vẻ hết chỗ lắm”, tôi thích chí nói khi chúng tôi vừa đến cửa.

“Đáng tiếc”, Pat bảo.

“Ồ, ta sẽ liệu được,” Breuer nói, “rồi ta thương lượng với người quản lý tiệm”. Hình như gã quen thuộc với chôn này lắm, vì quả nhiên người ta đưa

tới cho chúng tôi một cái bàn, thêm vài chiếc ghế, và chỉ vài phút sau chúng tôi đã ngự ở chỗ tốt nhất trong cả tiệm, từ đây có thể bao quát toàn bộ sàn nhảy. Ban nhạc chơi một bản tango. Pat tựa mình vào lan can.

“Ồ, đã lâu lắm tôi không nhảy”.

Breuer đứng lên. “Em cho phép?”

Nàng nhìn tôi, nét mặt rạng rỡ. “Anh sẽ ngồi đây đặt thức uống”, tôi nói.

“Vâng được”.

Bản tango kéo dài. Khi nhảy thỉnh thoảng Pat lại đưa mắt tìm tôi và mỉm cười với tôi. Tôi gật đầu đáp lại, nhưng trong lòng chẳng mấy thú vị. Trông nàng tuyệt đẹp và nàng nhảy mới cừ làm sao. Tiếc nỗi Breuer cũng chẳng kém tài, thành ra hai người kết nên một cặp xuất sắc. Trông hai người khiêu vũ, tưởng như họ vẫn thường xuyên nhảy cùng nhau. Tôi gọi cho mình một ly to rum. Hai người trở lại bàn. Breuer quay ra chào hỏi vài người quen, và tôi được ngồi riêng với Pat một lát.

“Em quen biết ông lão ấy từ hồi nào vậy?” tôi hỏi.

“Lâu rồi. Nhưng sao?”

“Hỏi thế thôi. Em có hay cùng hắn lại đây không?”

Nàng nhìn tôi, “Em không biết nữa, anh Robby”.

“Biết quá đi chứ”, tôi buống bình nói, mặc dù tôi hiểu ý nàng.

Nàng lắc đầu, mỉm cười. Giây phút này, tôi yêu nàng xiết bao. Nàng muốn tôi hiểu rằng nàng đã quên hết thấy những gì thuộc về quá khứ. Nhưng có cái gì đó cứ cắn rứt trong tôi, bản thân tôi biết là nó lố bịch đấy, song vẫn không sao vứt bỏ được. Tôi đặt ly rượu lên bàn.

“Thì em cứ nói thẳng. Cái đó chẳng can hệ gì”.

Nàng lại nhìn tôi. “Anh cho rằng tụi em vẫn thường lui tới đây chứ gì?”

“Đâu có”, tôi xấu hổ đáp.

Ban nhạc lại bắt đầu chơi. Breuer đến gần. “Một bài Blues”, gã bảo tôi. “Hay tuyệt. Anh không định nhảy bài này sao?”

“Không”, tôi đáp.

“Đáng tiếc”.

“Thử một lần xem, anh Robby”, Pat nói.

“Tốt hơn là không thử”.

“Nhưng tại sao lại không?” Breuer hỏi.

“Tôi không thích”, tôi cộc cằn đáp. “Tôi cũng chưa học nhảy bao giờ. Không có thời gian. Nhưng mời hai người cứ khiêu vũ tự nhiên, tôi ngồi thế này cũng thú vị chán”.

Pat ngáp ngừng. “Kìa Pat...”, tôi nói. “em thích nhảy lắm kìa mà”.

“Đã dành... nhưng anh cũng vui thật chứ?”

“Còn phải nói!” Tôi trở vào ly rượu của mình. “Đây cũng là một lỗi nhảy”.

Hai người đi. Tôi vẫy bồi bàn và nốc cạn ly rượu. Đoạn tôi ngồi rồi bên bàn và đếm hạnh nhân muối. Kề kề bên tôi là cái bóng của bà Zalewski.

Breuer đưa lại bàn vài người nữa. Hai ả đàn bà xinh đẹp và một gã trai tuổi còn khá trẻ có cái đầu nhỏ nhắn thín. Sau đó thêm một người thứ tư. Ai cũng nhẹ lằng lằng, linh hoạt và tự tin. Pat quen cả bốn người.

Tôi cảm thấy mình nặng nề như súc gỗ. Cho tới nay bao giờ tôi cũng chỉ gặp gỡ riêng Pat. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với đám người quen trước kia của nàng. Tôi không biết bắt đầu với họ ra sao. Cử chỉ của họ nhẹ nhàng, thoải mái, họ đến từ một cuộc đời mà trong đó mọi sự đều trôi chảy, nơi người ta không phải thấy những gì không muốn thấy, họ đến từ một thế giới khác. Giá tôi ngồi một mình với họ, hoặc có cả Lenz hay Koster thì tôi chẳng hơi đầu mà lo nghĩ, thấy kệ sự đời. Nhưng Pat lại quen biết họ, và chính vì thế mọi sự đâm hồng cả, nó đặt tôi vào tình trạng tê liệt, buộc tôi phải so sánh.

Breuer đề nghị đến một tiệm khác. “Anh Robby”, Pat nói khi chúng tôi đi ra, “có lẽ ta nên về nhà thì hơn chẳng?”

“Không”, tôi đáp, “về làm gì?”

“Anh có vẻ chán mà”.

“Không hề. Sao lại chán chứ? Ngược lại thì có! Vả lại em vui thích thế kia mà”.

Nàng nhìn tôi, nhưng không nói gì.

Tôi bắt đầu uống. Không uống như lúc nãy, mà uống ra uống. Gã hỏi bắt đầu để ý. Gã hỏi tôi uống gì vậy. “Rum”, tôi đáp. “Grog à?” gã hỏi. “Không, rum”, tôi nói. Gã bèn thử một ngụm và bị sặc. “Trời đất”, gã nói về thần phục, “đúng là phải uống quen”. Cả hai ả đàn bà cũng bắt đầu chú ý tới tôi. Pat cùng Breuer khiêu vũ. Nàng thường xuyên đưa mắt về phía tôi. Nhưng

tôi không buồn nhìn nàng nữa. Tôi biết xử sự như vậy là bất công, nhưng đột nhiên tôi muốn thế. Tôi cũng điên tiết vì những kẻ kia cứ để mắt đến việc uống rượu của tôi. Tôi chẳng thiết đem chuyện đó ra gây sự với họ như một cậu học trò. Tôi đứng lên, đi lại quày. Pat dường như hoàn toàn xa lạ với tôi. Quý tha ma bắt cô ta cùng lũ người của cô ta đi! Cô ta cùng giuộc với họ. Không, cô ta đâu cùng giuộc với họ. Có đấy!

Gã hỏi đi theo tôi. Chúng tôi cùng anh bồi rượu cạn một ly vodka. Bồi rượu luôn luôn là nguồn an ủi. Khắp thế gian, đâu đâu ta cũng có thể tìm thấy ở họ mối đồng cảm mà chẳng cần tốn nhiều lời. Anh bồi này cũng vậy. Chỉ gã hơi là yếu đuối. Gã muốn thổ lộ nỗi lòng. Chẳng là một ả Fifi nào đó đang đè nặng trên tâm hồn gã. Nhưng gã cũng sắp nguôi đến nơi rồi. Gã mách tôi Breuer phải lòng Pat từ vài năm nay. “Vậy ư?” tôi nói. Gã cười khùng khục. Tôi buộc gã cầm họng bằng một miếng lườn gà gô. Nhưng điều gã nói cứ găm trong đầu tôi. Tôi bực vì trót đưa chân vào tình cảnh này, bực vì chẳng thể đứng đưng, và bực sao mình không dám tay xuống bàn. Nhưng đâu đó trong tôi trỗi dậy cơn thèm khát tàn phá lạnh lùng, nó không chĩa vào những kẻ khác. Chỉ chĩa vào tôi.

Gã hỏi bắt đầu lấp bắp được và lúi măt. Tôi ngồi lại, bỗng nhiên tôi cảm giác một cặp vú rắn chắc tì vào cánh tay mình. Đó là một trong hai ả đàn bà mà Breuer đưa đến. ả ngồi sát bên tôi. Cặp mắt xéch xám xanh của ả từ tốn vuốt ve tôi. Đó là một cái nhìn mà sau nó quả thật không còn gì để nói... chỉ có hành động. “Uống được như vậy thật tuyệt diệu”, lát sau ả nói... Tôi nín thình. ả đưa tay với cái ly của tôi. Bàn tay như một con thằn lằn lóng lánh những nhẵn, khô, và toàn gân là gân. Nó cử động rất chậm rãi, tựa như đang trườn. Tôi hiểu ả muốn gì. Với mi, ta sẽ dứt điểm nhanh chóng, tôi nghĩ. Mi coi nhẹ ta bởi mi thấy ta tức giận. Nhưng mi nhầm. Ta đã dứt điểm với đàn bà... nhưng với tình yêu thì ta lại không thể. Ta buồn vì lẽ đó.

ả đàn bà bắt đầu nói. Giọng ả yếu ớt, hơi thanh thanh. Tôi nhận thấy Pat nhìn sang. Tôi chẳng bận tâm đến điều đó. Mà tôi cũng không bận tâm đến ả đàn bà ngồi bên tôi. Tôi có cảm giác mình đang trượt xuống một giếng mở trơn tuột, không đáy. Ở đây vấn đề chẳng liên quan gì tới Pat. Cái giếng ấy là điều bí mật tăm tối, rằng thực tại khơi dậy những ước mơ nhưng lại không thỏa mãn nỗi chúng: rằng tình yêu khởi đầu trong một con người nhưng chẳng bao giờ kết thúc trong anh ta; và rằng tất cả khả dĩ có đó: một con người; tình yêu, hạnh phúc, sự sống... rằng khi nào chúng cũng ít một cách đáng sợ, càng tưởng nhiều, càng ít hơn. Tôi lén đưa mắt nhìn Pat. Trẻ trung và xinh đẹp, nàng đang bước đi trong chiếc áo dài óng ánh bạc, một ngọn lửa sống sáng rực, tôi yêu nàng, và nếu tôi bảo nàng: lại đây em, nàng sẽ tới



ngay, chẳng có gì ngăn giữa chúng tôi, chúng tôi có thể gần gũi nhau như chỉ những con người mới có thể gần gũi... ấy vậy mà thỉnh thoảng tất cả vẫn u ám, dày vò tôi một cách khó hiểu, tôi không sao gỡ nòng ra khỏi cái vòng xoắn của các sự vật, không sao rút nòng ra khỏi cái vòng tròn của sự sống vốn tồn tại trên chúng tôi, trong chúng tôi và áp đặt cho chúng tôi những luật lệ của nó, áp đặt hơi thở và tội lỗi, vẻ hào nhoáng đáng ngờ của thực tại không ngừng chìm đắm vào cõi hư không, cái ảo ảnh chói lọi của tình cảm mà lúc chiêm được cũng là lúc bị buột mất. Không bao giờ hòng chặn nó lại, không bao giờ. Không bao giờ tháo gỡ được nó, cái dây xích xúng xoảng của thời gian, không bao giờ vận động liên tục hóa ra ngừng nghỉ, kiếm tìm hóa ra yên tĩnh, đang rơi hóa chững. Càng chẳng thể giải thoát nòng khỏi sự ngẫu nhiên, khỏi những gì diễn ra trước kia, thưở tôi còn chưa biết nòng, khỏi hàng ngàn ý nghĩ, hàng ngàn kỷ niệm, khỏi những gì đã hình thành nên con người nòng trước khi tôi xuất hiện; riêng việc giải thoát nòng khỏi đám người này đây kia đã là điều không tưởng rồi...

Cạnh tôi, ả đàn bà vẫn nói với cái giọng yếu ớt của ả. ả tìm một thằng bạn qua đêm, một mảnh đời xa lạ để tự kích thích mình, nhằm quên đi bản thân, quên đi sự tỉnh trí quá ư đau đớn, rằng chẳng bao giờ có chút gì đọng lại: không Tôi, không Anh, Chúng Ta lại càng không. Phải chẳng về cơ bản, ả tìm kiếm chính thứ tôi đang khao khát? Một người bạn để quên đi nỗi cô đơn của cuộc đời, một chiến hữu để vượt qua sự vô nghĩa của kiếp sống?

“Đi nào cô”, tôi nói, “ta quay lại bàn thôi. Thật vô vọng... thứ mà cô muốn... và cả thứ mà tôi muốn nữa”.

ả nhìn tôi giây lát. Đoạn ả ngật đầu ra sau, phá lên cười.

Chúng tôi còn la cà sang một vài tiệm nữa. Breuer bốc lên, nói luôn mồm và đầy hứng khởi. Pat trầm lặng hẳn. Nàng không hỏi tôi, không trách móc, cũng chẳng tìm cách phân bua, nàng ở đó, vậy thôi; đôi khi nàng khiêu vũ, những lúc ấy nàng tựa một con thuyền mảnh mai, xinh đẹp, lặng lẽ, lướt qua một bầy con rối và tranh biếm họa; thỉnh thoảng nàng mỉm cười với tôi.

Cơn buồn ngủ của các hộp đêm lướt những bàn tay vàng xỉn của nó trên những bức tường và những gương mặt. Âm nhạc như vọng lên từ dưới một ngôi nhà táng bằng kính. Gã hói uống cà phê. ả đàn bà có đôi tay thần lẫn nhìn trân trân về phía trước. Breuer mua của một cô nàng bán hoa mệ một bó hồng đem chia cho Pat và hai ả đàn bà. Trên những nụ hoa hé nở, lóng lánh những giọt nước nhỏ trong veo. “Chúng mình cùng nhảy với nhau một bài đi anh”, Pat bảo tôi.

“Không”, tôi nói, chạnh nghĩ tới những bàn tay đã động tới nàng hôm nay, “không”, và tôi cảm thấy mình khá là lố bịch, khốn khổ.

“Kìa anh”, nàng nói, mắt tôi sầm lại.

“Không”, tôi đáp, “không đâu, Pat”.

Rồi rốt cuộc chúng tôi ra về. “Tôi chờ anh về nhà”, Breuer bảo tôi.

“Được thôi”.

Gã có một tấm chăn trong xe, bèn phủ lên đầu gối Pat. Trông nàng bỗng hết sức xanh xao, mệt mỏi. Khi chia tay, ả đàn bà trong tiệm dúi vào tay tôi một mảnh giấy. Tôi bơ đi như không, và lên xe. Suốt dọc đường, tôi ngó ra cửa sổ xe. Pat ngồi nép trong góc, không nhúc nhích. Tôi không nghe cả tiếng nàng thở. Breuer đưa xe về nhà nàng trước tiên. Gã biết nhà nàng, chẳng cần hỏi. Nàng xuống xe. Breuer hôn tay nàng, “Tạm biệt”, tôi nói, mắt không nhìn nàng.

“Tôi có thể để anh xuống đâu đây?” Breuer hỏi tôi.

“Ở ngã tư sau”, tôi nói.

“Tôi rất muốn đưa anh về tận nhà”, gã trả lời có phần quá hấp tấp và quá lịch sự.

Gã muốn ngăn tôi trở lại với nàng. Tôi tự hỏi có nên cho gã một cú lăn quay không. Nhưng thôi kệ xác gã. “Hay lắm, vậy anh cho tôi tới tiệm Freddy”, tôi nói.

“Giờ này mà anh còn vào đó sao?” gã hỏi.

“Anh lo cho như thế thật quý hóa”, tôi nói, “nhưng xin cứ yên trí rằng tôi còn lọt vào khắp mọi chốn ấy chứ”.

Nói xong, tôi thấy thương gã. Suốt tối vừa rồi hẳn gã tự cho là mình xử sự rất tuyệt và lấu cá.

Tôi chia tay gã, ân cần hơn khi chia tay Pat.

Trong tiệm vẫn còn khá đông. Lenz và Ferdinand Grau đang chơi bài (poker) với chủ xưởng may Bollwies và vài tay nữa. “Ngồi vào bàn đi”, Grottfried nói, “hôm nay gặp vận poker đấy”.

“Xin kiếu”, tôi đáp.

“Nhìn đây này”, cậu ta nói, tay trở một tệp tiền. “Không gian lận nhé. Những bộ đồng chất cứ là rơi xuống từ trời thôi”.

“Được”, tôi nói, “đưa bài đây”.

Tôi tráo vào hai con K, tuần bốn con J ra cửa sổ.

“Thế đây!” tôi nói. “Xem ra gian lận cũng gặp vận”.

“Bao giờ chả thế”, Ferdinand tán đồng, gầy sang cho tôi một điều thuốc.

Tôi không định ngồi lại lâu. Vậy mà giờ đây tôi cảm thấy vững tin hơn. Tôi cũng chẳng vui vẻ gì lắm, nhưng đây là tổ ấm cũ chân thật của tôi. “Mang lại cho tôi nửa chai rum nhé”, tôi gọi Fred.

“Pha thêm vang Bồ Đào Nha vào”, Lenz nói.

“Không”, tôi nói. “Đây không có thời gian cho những thí nghiệm. Đang muốn nốc say đây”.

“Thế thì hãy dùng những thứ rượu ngọt ấy. Vừa cãi cọ nhau hả?”

“Vớ vẩn”.

“Khỏi nhiều lời, bé yêu. Chớ có búa bổ già Lenz này, kẻ thông tỏ mọi góc ngách của trái tim. Hãy nhận rằng phải và uống đi”.

“Người ta không thể cãi cọ với một phụ nữ. Nhiều lắm chỉ có thể tức giận về cô ta thôi”.

“Vào lúc ba giờ đêm này, những sự khác biệt ấy e rằng quá tinh tế. Mình từng cãi nhau tuốt, không trừ cô nào. Đã tới nước không buồn cãi nhau nữa, thì xem như cắt đứt đến nơi”.

“Hay lắm”, tôi nói, “ai khao đây?”

“Cậu khao”, Ferdinand Grau nói. “Mình đoán cậu đang chán đời, Robby ạ. Cậu chớ để nỗi buồn ấy gặm nhấm cậu. Cuộc đời rục rở, nhưng không hoàn thiện hoàn mỹ. Và lại, thay vì chán đời, cậu thâu cây bài cực nghệ. Hai con K một lúc thì thật táo tợn”.

“Tôi đã chứng kiến một canh bạc, họ đặt bảy ngàn đồng frăng cho hai con K đây”. Fred đứng bên quầy chỗ sang góp chuyện.

“Frăng Thụy Sĩ hay frăng Pháp?” Lenz hỏi.

“Thụy Sĩ”.

“Phúc đời nhà cậu”. Gottfried bảo. “Giá là frăng Pháp thì cậu đừng hòng giải tán được cuộc đỏ đen ấy”.

Chúng tôi chơi một giờ đồng hồ nữa. Tôi được kha khá tiền. Bollwies thua liên tục. Tôi uống, nhưng chỉ tổ chuốc lấy đau đầu. Vẫn chưa thấy đâu con say men mơ màng. Tất cả chỉ càng rõ nét hơn. Dạ dày tôi nóng ran.

“Nào, thôi ngừng ở đây, chén cái gì đã”. Lenz nói. “Fred dọn cho cậu ta một chiếc bánh xăngduych và vài can cá xacdin! Cát tiền đi, Robby”.

“Một ván nữa”.

“Được. Ván cuối cùng. Đặt tiền gấp đôi chứ?”

“Gấp đôi”, những người khác nói.

Tôi rút một cách khá vô nghĩa ba lá bài sau khi đã có trên tay con mười nhép và con K. Đó là ba cây J, Q và Át. Thế là tôi được Bollwies, kẻ cầm trên tay bốn cây 8 và đang xướng vồng số tiền cao tận trời. Gã vừa chửi rửa vừa xia trả tôi cả đồng tiền. “Thấy chưa”, Lenz nói, “đã bảo vận hôm nay đỏ mà”.

Chúng tôi lại ngồi bên quây rượu. Bollwies hỏi về chiếc Karl. Gã không sao quên được chuyện Koster đã cho chiếc xe thể thao của gã đo ván. Gã vẫn tha thiết mua lại chiếc Karl. “Đi mà hỏi Otto ấy”, Lenz nói. “Nhưng tôi tin rằng cậu ta thà bán phéng cho anh một bàn tay”.

“Đề xem, đề xem”. Bonvis đáp.

“Anh thì hiểu quái gì” Lenz nói. “Anh, cái đồ con buôn của thế kỷ hai mươi”. Ferdinand Grau phá lên cười. Fred phụ họa theo. Rốt cuộc cả lũ cùng cười. Nếu không cười cái thế kỷ hai mươi này thì chỉ còn nước tự bắn vào đầu. Nhưng cũng chẳng thể cười lâu, bởi tình cảnh thực ra đáng để khóc. “Cậu biết khiêu vũ chứ. Gottfried?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên. Mình từng là vũ sư kia mà. Cậu quên rồi à?”

“Quên... hãy mặc cho cậu ta quên”. Ferdinand Grau nói. “Quên chính là bí quyết của tuổi trẻ vĩnh viễn. Nhớ lắm chỉ tổ chóng già. Con người ta quên quá ít”.

“Đâu phải”, Lenz nói, “mà bao giờ cũng chỉ quên cái sai lầm”.

“Cậu bày cho mình được chứ?” tôi hỏi.

“Khiêu vũ ấy à? Để cho tối nào đó, bé yêu ạ. Tất cả nỗi phiền muộn của cậu là ở đó, hả?”

“Phiền muộn gì đâu”, tôi nói. “Mình đau đầu”.

“Căn bệnh của thời đại chúng ta đây, Robby”. Ferdinand triết lý. “Tốt nhất là chúng ta sinh ra không có đầu”.

Tôi còn ghé vào tiệm cà phê Quốc Tế. Alois vừa toan dọn hàng. “Còn ai ở đây không?” tôi hỏi.

“Rosa”.

“Lại đây, cả ba ta làm một ly nữa”.

“Xong ngay”.

Rosa ngồi bên quầy, đang đan những chiếc tất len nhỏ cho con gái ả. ả khoe tôi các mẫu đan. ả cũng vừa đan xong một chiếc áo khoác xinh xinh. “Làm ăn ra sao?” tôi hỏi.

“Mèng. Chả ma nào còn tiền”.

“Cô cầm tạm ít tiền của tôi chẳng? Đây... đánh poker được đấy”.

“Tiền được bạc hóa ra tiền đặt cọc”, Rosa nói, nhổ vào đồng tiền, và nhét vào túi.

Alois đem ra ba cái ly, rồi khi Fritzi đến, lại một ly nữa.

“Nghỉ thôi”, sau đó gã nói. “Mệt muốn chết rồi”.

Gã tắt đèn. Chúng tôi ra về. Rosa chia tay bên cửa. Fritzi đeo lấy Alois. ả đi bên gã, tươi tỉnh, nhẹ nhàng. Đôi chân bệt của Alois kéo lê giày trên con đường lát đá. Tôi đứng lại, nhìn theo họ. Tôi thấy Fritzi cúi xuống gã bồi rượu gù lưng, bần thiu và hôn gã. Gã hờ hững gạt ả ra. Và đột nhiên, tôi không biết sự thể diễn ra thế nào, đúng lúc tôi quay gót và đưa mắt nhìn lướt con phố vắng, những ngôi nhà cửa sổ tối om và bầu trời đêm lạnh lẽo, thì một nỗi nhớ Pat điên cuồng ập đến tôi như một cú đấm khiến tôi ngỡ mình loạng choạng. Tôi không hiểu tí gì nữa - không hiểu tôi, hành vi của tôi, và toàn bộ buổi tối hôm nay, không hiểu tí gì nữa cả.

Tôi tựa mình vào một bức tường nhà, nhìn trân trân về phía trước. Tôi không hiểu vì sao mình đã xử sự như vậy. Tôi đã sa chân vào một cái gì đó, để nó xâu xé tôi, biến tôi thành gàn dở và bất công, quăng quật tôi và phá hủy thấy những gì tôi đã nhọc công gây dựng. Tôi đứng đấy, khá là bất lực, chẳng biết nên làm gì. Về nhà thì tôi không muốn... về bây giờ cực hết chịu nổi. Cuối cùng, tôi sực nhớ hẳn Alphonse vẫn còn mở quán. Tôi lại đấy. Tôi định ở lỳ đằng ấy cho tới sáng.

Alphonse chẳng nói gì nhiều khi tôi đến. Bác thoáng nhìn tôi rồi lại tiếp tục đọc báo. Tôi ngồi xuống một chiếc bàn và thiu thiu ngủ. Ngoài hai chúng tôi, đây chẳng còn ai. Tôi nghĩ tới Pat. Lúc nào cũng lại tới Pat. Tôi nhớ lại hành vi cử chỉ của mình. Mọi chi tiết chợt tái hiện trong đầu tôi. Tất cả đều chống lại tôi. Chỉ mình tôi có lỗi. Tôi đã điên rồi. Tôi chăm chăm nhìn mặt bàn. Máu sôi lên trong đầu tôi. Tôi nổi giận, tức mình, và hoàn toàn bất lực. Chính tôi, chỉ tôi thôi, đã làm hỏng tất cả.

Đột nhiên có tiếng thủy tinh vỡ cái choang. Tôi đã dùng hết sức dần vỡ cái ly. “Cũng là một cách giải trí” Alphonse nói, đoạn đứng lên.

Bác khều những mảnh vỡ khỏi bàn tay tôi. “Bác thứ lỗi”, tôi nói. “Giây lát đó tôi đã không suy nghĩ”.

Bác đi lấy bông và băng dính. “Tìm đến nhà thổ ấy”, bác nói, “như thế lại hơn”.

“Vâng”, tôi đáp. “Qua rồi mà. Chẳng qua chỉ là cơn giận”.

“Phải lấy tiêu khiển mà xua cơn giận, chứ lại đi chuốc thêm bực tức vào người”.

“Bác nói đúng”, tôi nói, “nhưng làm được thế đâu phải dễ”.

“Tất cả là do luyện tập. Các cậu thì ai cũng chỉ hăng húc đầu xuyên tường. Nhưng với năm tháng sẽ xị dần thôi”.

Bác đặt chiếc đĩa “Nỗi khôn khổ” trích từ vở “Người hát rong” lên máy quay đĩa. Trời mau hừng sáng.

Tôi đi về nhà. Trước đó Alphonse con ân cho tôi uống một ly tương Feinet-Branca. Giờ đây, tôi cảm thấy đầu đau như búa bổ. Đường phố không còn bằng phẳng. Hai vai trĩu nặng như đổ chì. Tôi quá mệt mỏi và chán ngán.

Tôi chậm chạp lần lên các bậc thang tay thọc vào túi tìm chìa khóa. Bỗng tôi nghe trong bóng tối mờ mờ tiếng ai thở. Một cái gì trắng trắng, không rõ ràng, co ro ở bậc thang trên cùng. Tôi nhảy hai bậc liền. “Pat...”, tôi kêu lên sừng sốt - “Pat... em làm gì ở đây thế?”

Nàng cự mình. “Em nghĩ là mình vừa chộp mất đi một lát...”

“Phải, nhưng cách nào mà em lại tới đây cơ chứ?”

“Em có chìa khóa khu nhà của anh đấy thôi...”

“Anh không hỏi chuyện ấy. Ý anh là...” Con say tan biến, tôi nhìn những bậc thang mòn vẹt, nhìn bức tường lở lói và chiếc áo dài ngân tuyến; đôi giày thanh tú sang trọng... “ý anh là nói chung sao em lại ở đây...”

“Em cũng tự hỏi mình điều ấy suốt từ nãy đến giờ...”

Nàng đứng dậy và vươn vai, làm như thể việc nàng ngồi ở đây, trên bậc thang, giữa đêm hôm khuya khoắt thế này, là điều hiển nhiên nhất trần đời. Đoạn nàng hít hít mũi. “Giá Lenz đang ở đây anh ta sẽ nói... cognac, rum, rượu anh đào và rượu apxin...”

“Thậm chí Fernet-Branca hẳn hoi”, tôi thú nhận, mãi tận bây giờ mới định thần, hiểu được tất cả. “Trời đất, Pat, em là một thiếu nữ tuyệt diệu biết bao, trong khi anh chỉ là một thằng ngốc đáng phỉ nhổ!” Tôi nâng bổng nàng lên, mở khóa cửa, và bế nàng đi dọc hành lang. Nàng nép ngang ngực tôi, con diệp óng ánh bạc, con chim mỗi cánh, tôi ngoảnh mặt đi để nàng khỏi nghĩ thấy hơi rượu, tôi cảm thấy nàng run rẩy dù nàng đang mỉm cười.

Tôi đặt nàng xuống một chiếc ghế bành, bật đèn và lấy cho nàng tấm chăn.

“Phải chi anh linh cảm được, Pat... thay vì lang thang đây đó và ngồi lý vô tích sự, có phải anh đã... ồ, anh là cái ngữ đầu bò thảm hại... anh đã gọi điện cho em từ quán bác Alphonse, đã huýt sáo trước nhà em... và bởi không thấy em đáp lại, anh đã ngỡ rằng em không muốn...”

“Sau khi đưa em về nhà, sao anh không trở lại?”

“Thì thế, chính anh cũng không hiểu...”

“Tốt hơn là rời đây anh cho em cả chìa khóa buồng anh”, nàng nói, “như vậy em đỡ phải chờ anh ở ngoài”.

Nàng mỉm cười, nhưng đôi môi nàng run rẩy, thốt nhiên tôi hiểu việc nàng quay trở lại, chờ đợi, và cái giọng can đảm, vui vẻ giờ đây nàng nói với tôi đã bắt nàng gắng sức ghê gớm...

“Pat em”, tôi vội vã nói, hoàn toàn rối trí, “Pat, chắc chắn em đang lạnh run, em phải uống chút gì mới được, ban nãy ở ngoài đường anh thấy nhà Orlov còn sáng đèn, để anh chạy nhanh sang đây, những người Nga lúc nào cũng sẵn trà, anh trở lại ngay...”, tôi thấy người nóng bừng... “suốt đời anh sẽ không tha thứ cho mình chuyện này!”, tôi nói vọng từ cửa vào, rồi vội vã chạy dọc hành lang.

Orlov vẫn thức. Ông ngồi trong góc buồng, trước tấm hình Đức mẹ, một ngọn đèn nhỏ le lói, cặp mắt ông đỏ hoe, chiếc ấm samôva nhỏ đang bốc hơi trên bàn.

“Bác thứ lỗi”, tôi nói, “một sự tình cờ không định trước... bác làm ơn cho tôi xin chút trà nóng được không ạ?”

Người Nga vốn quen với mọi sự tình cờ. Ông đưa tôi hai tách trà, đường và xếp đầy một đĩa những chiếc bánh ngọt xinh xinh. “Tôi rất vui được giúp anh”, ông nói, “chẳng biết tôi có nên... tôi thường lâm vào tình cảnh của anh bây giờ... chẳng biết tôi có nên đưa anh ít hạt cà phê... để nhá chơi...”

“Cám ơn bác”, tôi nói, “thật tình cảm ơn bác. Tôi rất thích hạt cà phê...”

“Nếu anh còn cần gì”, ông nói, giây phút này phong thái của ông cực kỳ đáng mến, “tôi còn thức lâu; tôi sẽ rất sung sướng được giúp anh...”

Ra ngoài hành lang, tôi nhai vụn nhúm hạt cà phê trong mồm. Chúng sẽ đánh át mùi rượu. Ngồi bên ngọn đèn, Pat đang thoa phấn. Tôi dừng lại giây lát bên ngưỡng cửa. Cảnh tượng nàng ngồi đó, mắt chăm chú vào chiếc gương nhỏ, tay cầm búp bông thoa phấn lên hai thái dương khiến tôi vô cùng xao xuyến.

“Uống chút trà đi em” tôi nói, “hãy còn nóng nguyên”.

Nàng cầm lấy cái tách. Tôi nhìn nàng uống. “Có quý biết đêm nay đã xảy ra chuyện gì, Pat ạ”.

“Thế mà em biết đấy”, nàng đáp.

“VẬY Ờ? Anh thì không”.

“Mà biết cũng ích gì đâu, anh Robby. Chẳng gì anh cũng đã biết hơi quá nhiều, khó có thể thực sự hạnh phúc”.

“Có lẽ đúng thế”, tôi nói. “Nhưng không thể để anh ngày một hóa con nít kể từ khi biết em”.

“Sao lại không! Còn hơn là giả sử anh càng ngày càng lý trí hơn”.

“Cũng là một lý lẽ đấy”, tôi nói. “Em có tài gỡ bí cho kẻ khác. Nhưng anh tin rằng rồi đâu sẽ vào đó cả”. Nàng đặt cái tách lên bàn. Tôi ngả lưng xuống giường. Tôi cảm giác dường như mình vừa về tới nhà sau một cuộc hành trình gian khổ.

Chim chóc bắt đầu hót líu lo. Bên ngoài nghe tiếng sập cửa. Đó là bà giữ trẻ Bender. Tôi nhìn đồng hồ. Nửa giờ nữa Frida sẽ có mặt trong bếp, và chúng tôi sẽ không thể đi ra ngoài mà không bị ả trông thấy. Pat vẫn ngủ. Nàng thở sâu, đều đều. Đánh thức nàng dậy lúc này thật đốn mạt quá. Nhưng tới đành buộc lòng. “Pat...”

Nàng lằm bằm gì đó trong giấc ngủ. “Pat em...” tôi nguyên rửa tuốt tuột những căn buồng trọ trên thế gian... “Pat, tới giờ rồi. Em phải dậy mặc quần áo thôi”.

Nàng mở choàng mắt và mỉm cười, vẫn ấm nóng bởi giấc ngủ, hết một đứa trẻ. Tôi cứ luôn ngạc nhiên về vẻ tươi tắn khi thức giấc này và rất yêu điếm đó ở nàng. Tôi chẳng khi nào tươi tỉnh được khi ngủ dậy. “Pat... bà Zalewski đang đánh răng rồi đấy”.

“Hôm nay em ở lại với anh...”.



“Ở đây ư?”

“Vâng...”

Tôi nhòm dậy. “Sáng kiến tuyệt vời... nhưng đồ của em... là giày và áo dài dành cho buổi tối mà...”

“Thì em sẽ ở lại đến tối chứ sao...”

“Thế còn đăng nhà em?”

“Ta sẽ gọi điện, nói rằng em nghỉ đêm ở đâu đó”.

“Phải, ta sẽ gọi sau. Em đói rồi chứ?”

“Chưa”.

“Dẫu sao anh sẽ ra thó nhanh vài chiếc bánh mì con mới ra lò. Họ treo chúng ngoài kia, bên cửa vào hành lang. Còn vừa kịp thời gian”.

Khi tôi trở lại, Pat đang đứng bên cửa sổ. Nàng chỉ mang trên người mỗi đôi giày kim tuyến. Ánh sáng yếu ớt buổi sớm phủ lên vai nàng như một tấm khăn voan “Chúng mình đã quên chuyện xảy ra hôm qua, phải không Pat?” tôi hỏi.

Nàng gật đầu, không quay người lại.

“Đơn giản là chúng mình sẽ không nhập cuộc với đám đông nữa. Tình yêu chân chính không chịu được đám đông. Như thế chúng mình cũng tránh được cãi vã, ghen tuông. Quý tha ma bắt cái gã Breuer và toàn xã hội đi cho rồi, phải không em?”

“Vâng”, nàng nói, “cả ả Markowitz nữa”.

“Markowitz à? Ai vậy?”

“Cái cô ả mà anh cùng ngồi bên quầy rượu trong tiệm Thác Nước ấy”.

“A ha”, tôi nói, đột nhiên khá là vui thích, “a ha, thì ra cô ả”.

Tôi moi các túi của mình ra. “Em trông này. Ít ra câu chuyện ấy cũng mang lại chút ích lợi. Anh đánh poker được cả đồng tiền đầy. Vì thế tối nay chúng mình lại đi chơi một cú, em nhé? Nhưng một cú đi chơi ra trò, không có những kẻ khác. Coi như chúng mình đã quên họ, thế nào em?”

Nàng gật.

Mặt trời nhô lên từ sau đám mái nhà của Nhà Công đoàn. Các ô kính cửa sổ bắt đầu lấp lóe. Mái tóc Pat đẫm ánh sáng và đôi vai nàng óng ánh vàng. “Em đã nói thế nào ấy nhỉ, tay Breuer ấy làm gì? Ý anh hỏi hẳn nghề gì?”

“Kiến trúc sư”.

“Kiến trúc sư à”, tôi nói có phần cụt hứng, tôi những mong nàng đáp rằng hẳn chẳng là cái quái gì cả, “Hừ, kiến trúc sư, điều đó nghĩa lý gì đâu, phải không, Pat?”

“Phải, anh yêu ạ”.

“Không có gì đặc biệt cả, hả?”

“Hoàn toàn không”. Pat tin tưởng đáp, quay người lại cười, “Cái đó hoàn toàn chẳng có nghĩa lý gì, chẳng là gì. Một thứ rác rưởi!”

“Còn căn buồng này, nó không quá thảm hại sao, Pat? Những người khác dĩ nhiên sống khá hơn...”

“Căn buồng này tuyệt vời”, Pat cướp lời tôi, “một căn buồng mê hồn, quả thật em chưa thấy căn buồng nào xinh đẹp hơn, anh yêu của em ạ”.

“Còn anh, Pat, anh có những nhược điểm của anh và chỉ là tay lái tắcxi quèn, nhưng...”

“Anh là người em yêu dấu, một anh chàng chuyên thó bánh mì con, một hũ rượu chìm, người tình đích thực chính là anh!”

Nàng nhảy lại, ôm choàng lấy cổ tôi. “Ồ, chàng ngọc của em, được sống thật tuyệt biết bao”.

“Chỉ khi với em thôi, Pat ạ. Thật đấy!”

Mặt trời nhô lên, tuyệt đẹp và rạng rỡ. Làn sương mỏng giăng trên đám bia mộ dưới kia trôi lững lờ. Các ngọn cây đã ngập trong ánh sáng. Khói cuộn cuộn bốc lên từ ống khói những ngôi nhà. Những tờ báo đầu tiên được rao bán. Chúng tôi nằm xuống tận hưởng giấc ngủ sớm mai, ngủ mà thức, giấc ngủ mơ màng đến tận đỉnh, trong sự bay bổng tuyệt diệu, hơi thở quện hơi thở. Sau đó, lúc chín giờ, tôi mạo danh ngài cố vấn cơ mật Burkhard nói chuyện điện thoại với đích thân ông trung tá Egbert von Hake trước, rồi mới gọi cho Lenz, để cậu ta thay tôi chạy tắcxi buổi sáng.

Cậu ta lập tức ngắt lời tôi. “Thôi nhiều lời làm gì, nhóc con, Gottfried này hiểu thấu mọi biến đổi trong trái tim con người đâu phải vô ích. Biết ngay mà. Chúc vui vẻ hả, ông bạn vàng!”

“Câm mồm”, tôi sung sướng nói. Tôi báo với bếp ăn là mình ốm, sẽ nằm đến trưa. Ba lần tôi phải chặn đứng cuộc tấn công sốt sắng của bà Zalewski mời mọc tôi nào trà mẫu thảo, nào aspirin, những dải băng. Rồi tôi lén đưa được Pat vào buồng tắm, thế là yên.



# CHƯƠNG 14

Một tuần sau, lão thợ bánh đột ngột xuất hiện trong sân xưởng chúng tôi cùng chiếc Ford của lão. “Ra xem thử, Robby”, Lenz nói mắt hần học nhìn ra cửa sổ, “cái thùng bánh mết gái ấy toan khiêu nại gì hần thôi”.

Lão thợ bánh trông đến là cau có. “Xe trục trặc gì chẳng?” tôi hỏi.

Lão lắc đầu. “Trái lại. Nó chạy cừ lắm. Phải, bây giờ nó lại chạy tốt như mới”.

“Chính thế”, tôi xác nhận và nhìn lão niềm nở hơn.

“Số là...”, lão nói, “số là... tôi muốn mua một chiếc xe khác. Lớn hơn...” Lão ngó quanh. “Dạo trước các anh có một chiếc Cadillac cơ mà?”

Trong nháy mắt, tôi hiểu rõ sự tình. Cái cô nàng tóc đen mà hiện lão đang chung sống đã làm lão mềm lòng. “Phải, chiếc Cadillac ấy”, tôi nói, về tán thưởng, “giá như ngày đó ông thấy hết giá trị của nó! Một báu vật! Chúng tôi đã ‘đẩy’ nó lấy bảy ngàn mác. Nửa như biếu không!”

“Chà, biếu không...”

“Biếu không!” tôi nhấn giọng nhắc lại, bụng thăm tính nên làm gì. “Tôi có thể hỏi thử”, đoạn tôi nói, “biết đâu cái nhà ông mua chiếc xe dạo ấy giờ lại đang cần tiền. Thời buổi này chuyện đó xảy ra chóng vánh lắm. Ông chờ cho một lát”.

Tôi vào xưởng, thuật nhanh lại câu chuyện. Gottfried nhảy cẫng lên. “Các nhóc ơi, moi đâu ra thật nhanh một chiếc Cadillac cũ bây giờ đây?”

“Đề mình lo”, tôi nói, “cậu liệu sao đề lão thợ bánh đừng tót nửa chừng thì hơn”.

“Xong ngay!” Gottfried biến mất.

Tôi gọi điện thoại cho Blumenthal. Cũng chẳng hy vọng mấy nổi, song cứ thử xem sao. Lão già có mặt ở phòng giấy. “Ngài có muốn nhượng chiếc Cadillac của ngài không?” Tôi hỏi thẳng.

Blumenthal cười.

“Tôi có khách cho ngài”, tôi tiếp, “xỉa ngay tiền mặt lên bàn”.

“Tiền mặt...”, Blumenthal lên tiếng sau một lát suy nghĩ, “vào thời buổi này, từ đó nghe mới thuận tụy thi ca làm sao”.

“Tôi cũng nghĩ thế”, tôi đáp, và đột nhiên hoạt bát hẳn lên.

“VẬY ngài tính sao, ta bàn với nhau chuyện này được chứ?”

“Bàn thì lúc nào mà chẳng được”. Blumenthal nói.

“Hay lắm. Bao giờ tôi có thể gặp ngài?”

“Trưa nay, sau bữa ăn tôi rảnh. Ta hẹn hai giờ ở đây, trong văn phòng tôi”.

“Đồng ý”.

Tôi gác máy. “Otto”, tôi kêu kêu với Koster, khá là bồn chồn, “mình đâu dám hy vọng được thế này, nhưng giờ thì mình tin thế nào Cadillac của tụi mình cũng sẽ trở về!”

Koster rời đồng giấy má của mình. “Thật không? Lão ta định bán chiếc xe?” Tôi gật, mắt nhìn ra cửa sổ, nơi Lenz đang sôi nổi chuyện trò với lão thợ bánh. “Cậu ta làm hỏng hết cả”, tôi lo lắng nói, “luyện thuyên nhiều quá. Lão thợ bánh là một tay chúa đa nghi; chỉ thuyết phục được lão bằng cách im lặng. Mình phải mau mau ra thế chân cái thằng Gottfried mới xong”.

Koster cười. “May mắn nhé, Robby!”

Tôi nháy mắt đáp lại, rồi đi ra. Nhưng tôi nghe thấy gì thế này - Gottfried đâu vội tán dương chiếc Cadillac - cậu ta chỉ đang hăng hái mô tả cho lão thợ bánh cái cách thức nướng bánh bột ngô của dân Ấn Độ bên Nam Mỹ. Tôi đưa mắt tán thưởng cậu ta, đoạn quay sang lão thợ bánh. “Tiếc rằng ông ta không muốn nhượng...”

“Biết mà”, Lenz nói ngay, như thể hai thằng đã thông đồng trước.

Tôi nhún vai. “Đáng tiếc... nhưng cũng dễ hiểu thôi...” Lão thợ bánh đứng đó tần ngần. Tôi nhìn Lenz.

“Sao cậu không cố thử lần nữa à?” Lenz lập tức hỏi.

“Cố nhiên mình sẽ hỏi lại”, tôi đáp. “Chẳng gì mình cũng đã hẹn được với lão cuộc gặp vào trưa này. Thế tôi biết tìm gặp ông ở đâu nhỉ?” tôi hỏi lão thợ bánh.

“Bốn giờ chiều tôi có việc ở gần đây. Tôi sẽ ghé lại lần nữa...”

“Được... lúc đó chắc chắn tôi đã biết kết quả. Tôi hy vọng vụ này rồi sẽ thành”.

Lão thợ bánh gật đầu. Đoạn lão lên chiếc xe Ford, rồ máy phóng đi.

“Cậu hoàn toàn mất trí rồi”, Lenz nổi xung sau khi chiếc xe quặt vào góc

phố. “Thoạt đầu, thằng này phải ra sức mà giữ chân lão, để rồi thằng kia thân nhiên mặc cho lão cút!”

“Lôgich và tâm lý học đê đâu, hờ Gottfried” tôi đáp, tay vỗ vai cậu ta. “Cậu thì hiểu cóc gì những cái đó...”

Gottfried hẩy tay tôi ra. “Tâm với chả lý...”, cậu ta nói vẻ khinh miệt. “Tâm lý học hữu hiệu nhất là một sự tình cờ may mắn! Mà nó vừa ở đây chứ đâu! Lão già sẽ chẳng đời nào quay lại...”

“Lão sẽ quay lại lúc bốn giờ...”

Gottfried nhìn tôi thương hại. “Cuộc chứ?” Cậu ta hỏi.

“Sẵn sàng”, tôi đáp, “nhưng cậu sẽ mất trắng thôi. Mình biểu rõ lão hơn cậu! Cần phải hâm nóng lão nhiều lần. Thêm nữa mình đâu thể bán cho lão thứ mà tụi mình chưa có trong tay...”

“Ôi trời đất ơi, nếu chỉ vì thế”, Gottfried bắt đầu nói, “nếu chỉ vì thế, thì suốt đời mày sẽ chẳng làm nên cơm cháo gì đâu, con ơi! Thì đấy mới chính là những mẻ làm ăn đích thực! Lại đây, mình sẽ lên lớp không công cho cậu một bài về đời sống kinh tế hiện đại...”

Trưa, tôi đi gặp Blumenthal. Dọc đường, tôi có cảm giác của một chú dê non buộc phải đến thăm một lão sói già. Mặt trời thiêu đốt mặt đường nhựa, và cứ mỗi bước chân tôi lại cảm thấy mát dần cái hứng dần thân làm mỗi nướng trên kẹp chả của Blumenthal. Tốt hơn hết là giải quyết cho nhanh gọn. “Ngày Blumenthal”, vừa đặt chân đến cửa tôi đã vội vào đề, không để lão kịp mở miệng, “một đề nghị có lợi ngay trên ngưỡng cửa của ngài! Ngài mua chiếc Cadillac với giá năm ngàn rưỡi mác, tôi xin trả ngài sáu ngàn với điều kiện tôi lại bán được nó thật. Điều này sẽ được quyết định trong tối nay...”

Blumenthal ngửa sau bàn giấy của mình và đang chén một trái táo. Lão ngừng nhai, nhìn tôi giây lát.

“Được”, lão thở phì phì và tiếp tục chén.

Tôi đợi cho đến lúc lão ném lõi táo vào bỏ giấy.

“Vậy là ngài đồng ý?” đoạn tôi hỏi.

“Hượm đã!” Lão lấy từ ngăn kéo bàn ra một trái táo khác.

“Anh cũng làm một quả chứ?”

“Cám ơn ngài, xin cho lúc khác...”

Lão ngoạm cái ráu. “Chén đầy táo vào, anh Lohkamp ạ! Táo giúp ta kéo dài tuổi thọ! Mỗi ngày làm dăm trái táo... và thế là suốt đời anh chẳng cần tới bác sĩ!”

“Chẳng cần, kể cả khi tôi gãy tay chẳng?”

Lão ngoác miệng cười, quăng lõi táo thứ hai đi, và đứng dậy.

“VẬY anh đừng để bị gãy tay!”

“Nghe thì dễ đấy”, tôi nói, lòng thấp thỏm không hiểu điều gì sẽ xảy ra bây giờ đây. Tôi thấy câu chuyện táo tiếc này đáng ngờ quá.

Blumenthal lấy từ chiếc tủ con ra hộp xì gà, mời tôi. Đó là loại thuốc Coronas tôi từng được hút. “Thứ này cũng kéo dài tuổi thọ chứ?”, tôi hỏi.

“Không, rút ngắn tuổi thọ. Bù lại, đã có những trái táo”.

Lão phả khói thuốc, và như một con chim tư lự, lão ngھnh đầu nhìn tôi từ dưới lên trên. “Bù trừ, anh Lohkamp ạ, bao giờ cũng bù trừ... đó là toàn bộ bí quyết trong cuộc sống...”

“Giá như người ta làm được...”

Lão nháy mắt. “Đúng, làm được bí quyết là ở đó. Chúng ta biết quá nhiều và làm được quá ít. Bởi chúng ta biết quá nhiều”.

Lão cười. “Anh bỏ quá cho... sau bữa ăn bao giờ tôi cũng đâm ra hơi triết lý...”

“Đó cũng là thời điểm dễ chịu hơn cả”, tôi nói. “VẬY thế nào, chúng ta cũng sẽ bù trừ nhau trong vụ chiếc Cadillac chứ, phải thế không, thưa ngài?”

Lão giơ tay lên. “Chờ cho một giây...”

Tôi nhả nhục cúi đầu. Blumenthal nhận thấy, lão bật cười. “Không phải như anh nghĩ đâu! Tôi chỉ định khen ngợi anh đó thôi. Đánh phủ đầu ngay từ ngưỡng cửa, với những lá bài bật ngựa! Tính toán với lão già Blumenthal như thế kể cũng khéo. Anh biết tôi đã chờ đợi gì không?”

“Chờ đợi tôi bắt đầu gạ gẫm với cái giá bốn ngàn rưởi...”

“Đích thị! Nhưng nếu anh làm thế, thì đã xôi hỏng bỏng không rồi. Anh định bán chiếc xe lấy bảy ngàn mác chứ gì?”

Tôi thận trọng nhún vai. “Tại sao lại đúng bảy ngàn?”

“VÌ đó là cái giá đầu tiên anh đòi tôi hỏi ấy...”

“Ngài có một trí nhớ tuyệt vời”, tôi nói.

“Trí nhớ cho những con số. Chỉ cho những con số mà thôi. Đáng tiếc. Vậy đây, để đi đến kết thúc: anh có thể lấy lại chiếc xe với cái giá anh nêu”.

Lão chìa tay cho tôi, tôi vội bắt lấy. “Ồn Chúa”, tôi thở phào, “vụ làm ăn đầu tiên kể từ bấy lâu nay. Chiếc Cadillac có vẻ mang may mắn lại cho chúng tôi”.

“Cho cả tôi nữa”. Blumenthal nói. “Tôi cũng lời được năm trăm mác mà”.

“Đã dành. Nhưng có sao ngài đã vội bán nó đi? Ngài không thích nó à?”

“Thuần túy mê tín thôi”. Blumenthal giải thích “Cứ có lợi là tôi làm...”

“Thứ mê tín mới tuyệt làm sao chứ”, tôi nói.

Lão lắc lư cái sọ bóng loáng. “Anh không tin... nhưng đúng thế đây. Như vậy sẽ tránh được thua lỗ... trong những vụ khác. Ngày nay bỏ qua bất kỳ một cú ‘vào cầu’ nào cũng là thách thức số phận. Và thử hỏi còn có kẻ nào cả gan làm điều đó”.

Bốn rưỡi chiều, với vẻ mặt đầy ngụ ý, Gottfried Lenz đặt một chai gin không lên bàn, ngay trước mặt tôi. “Rót đầy chai này đi, con nhé; Và tự bỏ tiền ra! Cậu còn nhớ hai thằng mình đã cuộc gì không?”

“Nhớ chứ”, tôi nói, “nhưng cậu hí hửng khá sớm đấy”.

Gottfried chẳng nói chẳng rằng lôi chiếc đồng hồ của mình ra, gí sát mũi tôi.

“Bốn rưỡi”, tôi nói, “thậm chí có lẽ còn khộp giờ thiên văn. Ai chả có lần chậm trễ. Đã thế mình đặt cược lên gấp đôi, hai chấp một...”

“Nhất trí”, Gottfried hoan hỉ tuyên bố. “Vị chi những bốn chai gin tặng không cho thằng này. Người ta gọi đó là cà cuống chết đến đít còn cay. Về vang đấy, con ạ, nhưng sai lầm...”

“Chờ xem...” suốt từ nãy tôi không còn mấy tin tưởng như tôi làm ra vẻ. Ngược lại tôi đã khá tin chắc rằng lão thợ bánh sẽ không thò mặt đến nữa. Lẽ ra ban sáng tôi phải giữ rịt lấy lão. Lão hay thay đổi ý kiến quá lắm.

Còi của nhà máy sản xuất đệm giường bên kia đường vừa hú tan tằm, Gottfried đã lặng lẽ đặt lên bàn, trước mặt tôi, ba chai gin không nữa. Đoạn cậu ta tựa lưng vào bậu cửa sổ, nhìn tôi chăm chăm.

“Đây khát khô họng rồi”, lát sau cậu ta nói, cô nhấn giọng.

Đúng vào giây phút ấy, tôi nghe từ ngoài đường tiếng rừ rừ không thể



nhầm lẫn được của một động cơ xe Ford, liền sau đó, chiếc Ford của lão thợ bánh quật vào sân xưởng chúng tôi. “Cậu khát hử, Gottfried thân mến”, tôi đáp vẻ cao ngạo, “vậy hãy ba chân bốn cẳng chạy đi mua về đây cả hai chai rum mà mình đã được cuộc. Cho phép cậu làm một ngụm không mất tiền. Mở mắt ra mà nhìn lão thợ bánh ngoài sân kia! Tâm lý học là thế đó, con trai ta ạ! Còn bây giờ hãy dọn cho khuất mắt những chai gin không này đi! Sau đó cậu có thể đi chạy tắcxi là vừa. Đối với một vụ làm ăn tế nhị thế này, con hãy còn non lắm con ạ. Thôi chào con!”

Tôi đi ra và cho lão thợ bánh biết rằng có vẻ như chiếc xe sẽ về tay lão. Cố nhiên người bán đòi tận bảy ngàn rưỡi mác, nhưng nếu thấy tiền mặt, ông ta sẽ hạ xuống bảy ngàn.

Lão thợ bánh nghe lơ đãng tới mức tôi phải sừng sốt. “Sáu giờ tôi sẽ gọi điện cho ông ấy lần nữa”, cuối cùng tôi nói. “Sáu giờ à?” Lão thợ bánh choàng tỉnh khỏi cơn lơ đãng. “Sáu giờ tôi phải...” Lão đột ngột quay sang tôi. “Anh cùng đi với tôi chứ?”

“Đi đâu kia?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Đến chỗ bạn anh, ông họa sĩ ấy. Bức tranh vẽ xong rồi”.

“À, đến Ferdinand Grau...”

Lão gật. “Anh đi với tôi đi. Sau này chúng ta có thể bàn về chiếc xe”.

Có vẻ như lão hơi quan tâm tới việc sao cho khỏi phải đi một mình. Ngược lại, tôi rất quan tâm tới việc không để xong lão lần nữa. “Được thôi”, vì vậy tôi nói, “đến đó khá xa đấy... tốt nhất là ta khởi hành ngay”.

Ferdinand Grau trông ốm yếu. Mặt anh xám ngoét, u ám và bung bung. Anh đón chúng tôi bên cửa vào xưởng vẽ. Lão thợ bánh hầu như chẳng nhìn anh. Lão có vẻ bồn chồn, hoang mang khác thường.

“Nó đâu?” lão hỏi ngay.

Ferdinand trở tay về phía cửa sổ. Bức tranh ở đó, đặt trên một chiếc giá vẽ. Lão thợ bánh hấp tấp đi vào, đoạn dừng lại ngay trước bức tranh, đứng yên bất động. Lát sau lão bỏ mũ xuống. Vì quá vội vã lão quên khuấy mất nghi lễ ấy.

Ferdinand và tôi đứng lại bên cửa. “Sức khỏe anh ra sao, Ferdinand?” tôi hỏi.

Anh khoát tay mơ hồ.

“Có chuyện gì không?”

“Sao lại có chuyện gì được?”

“Trông anh không được khỏe...”

“Thế thôi à?”

“Ừ”, tôi nói, “thế thôi”.

Anh đặt bàn tay hộ pháp lên vai tôi và mỉm cười với gương mặt của lão thánh Bernard.

Chúng tôi đợi thêm lát nữa, đoạn lại gần lão thợ bánh. Thấy bức tranh, tôi ngạc nhiên. Mái đầu được vẽ rất đẹp. Dựa trên tám ảnh cưới và tám thứ hai chụp vội, rất mờ, Ferdinand vẽ nên một thiếu phụ hãy còn trẻ, với cặp mắt nghiêm nghị, hơi tuyệt vọng nhìn thẳng về phía trước.

“Phải”, lão thợ bánh nói, không hề quay người lại, “đúng là bà ấy” lão tự nói với mình hơn là với chúng tôi, tôi có cảm giác lão chẳng hề biết là lão vừa nói.

“Có đủ sáng không ạ?” Ferdinand hỏi.

Lão thợ bánh không đáp.

Ferdinand tiến đến, xoay ghế giá vẽ đi một chút. Đoạn anh lùi lại, gạt đầu ra hiệu bảo tôi cùng vào căn buồng nhỏ cạnh xưởng vẽ. “Tôi thật không ngờ”, anh ngạc nhiên nói, “cái máy cò kè bót một thêm hai này cũng biết đau đớn! Lão khóc...”

“Ai chẳng có lúc đau đớn”, tôi đáp. “Nhưng với lão đã quá muộn...”

“Quá muộn”, Ferdinand nói, “bao giờ cũng quá muộn. Đòi là thế đấy, Robby ạ”.

Anh chậm rãi đi đi lại lại. “Để lão yên một lát. Trong khi đó ta có thể đánh một ván cờ”.

“Anh quả có một tấm lòng vàng”, tôi nói.

Anh dừng bước. “Sao kia? Rồi lão lại như không ngay ấy mà. Nếu lúc nào con người ta cũng nghĩ tới những việc đại loại thì không kẻ nào trên thế gian còn cười nổi lấy một lần, Robby ạ...”

“Anh lại có lý”, tôi nói, “vậy ta làm nhanh một ván cờ đi”.

Chúng tôi dàn quân và bắt đầu đánh. Ferdinand thắng khá dễ dàng. Chỉ với quân tháp và quân giám mục, anh đã dồn tôi vào nước bí, chẳng cần viện tới nữ hoàng. “Chúa sừng thật”, tôi nói, “trông anh như vừa thức trắng ba đêm, ấy thế mà đánh vẫn mả như cướp biển”.

“Bao giờ cũng thế, hễ buồn là tôi chơi hay”, Ferdinand đáp.

“Vì sao anh buồn?”

“Ồ, buồn vậy thôi. Vì trời đang sập tối. Người đứng đắn bao giờ cũng buồn khi tối đến. Chẳng vì nguyên cớ nào cả. Hoàn toàn vu vơ thế thôi...”

“Nhưng chỉ khi trơ trọi một mình”, tôi nói.

“Cố nhiên. Giờ của bóng tối. Giờ của cô đơn. Giờ nồng đượm nhất của cognac”.

Anh lấy ra một chai rượu và hai cái ly. “Chúng mình không trở vào với lão thợ bánh sao?” tôi hỏi.

“Ngay bây giờ đây”. Anh rót rượu. “Xin chúc mừng, Robby! Bởi bọn mình rồi ai cũng đến lúc phải nghèo!”

“Xin chúc mừng, Ferdinand! Bởi tạm thời cánh ta vẫn sống!”

“Chà”, anh nói, “tới lúc đó đôi khi cũng chẳng còn lâu la gì đâu. Ta hãy cạn một ly nữa mừng cái lễ ấy!”

“Nào thì cạn”.

Chúng tôi trở vào xưởng vẽ. Trời đã tối hơn. Lão thợ bánh vẫn đứng so vai trước bức tranh. Trong gian phòng lớn trống trênh trông lão cô đơn đến tội nghiệp, tôi cảm thấy dường như người lão nhỏ thó đi. “Tôi nên đóng gói bức tranh cho ông chẳng?” Ferdinand hỏi.

Lão giật mình. “Không...”

“Vậy mai tôi sẽ gửi nó lại đằng nhà”.

“Không để nó ở đây được ư ông?” lão thợ bánh hỏi ngập ngừng.

“Tại sao cơ?” Ferdinand ngạc nhiên đáp và bước lại gần lão. “Ông không ưng bức tranh à?”

“Có chứ... nhưng tôi rất muốn để nó lại đây ít bữa nữa...”

“Tôi không hiểu...”

Lão thợ bánh nhìn tôi cầu cứu. Tôi hiểu rồi... lão sợ phải treo bức tranh ở nhà, trước mắt cô ả tóc đen. Hay lão hãi hình ảnh người vợ khuất núi bởi lẽ đã trót tha cô ả kia về nhà chưa chừng. “Kìa Ferdinand”, tôi nói, “thì cứ để bức tranh treo ở đây đã sao, miễn là ông ấy trả tiền...”

“Dĩ nhiên rồi...”

Lão thợ bánh nhẹ người, rút trong cặp ra cuốn séc. Hai người đến bên

bàn. “Tôi còn thiếu ông cả thấy bốn trăm mác phải không?” Lão hỏi.

“Bốn trăm hai”, Ferdinand nói, “đã khấu phần giảm giá. Ông muốn có hóa đơn chứ?”

“Vâng”, lão thợ bánh đáp, “cho nó có quy củ”.

Hai người lặng lẽ đi vào tờ séc và hóa đơn. Tôi đứng lại bên cửa sổ, ngắm nhìn xung quanh. Trong ánh chiều chạng vạng, từ bốn bức tường lấp lánh những gương một trên những bức chân dung đóng trong khung thiếp vàng không được ai đến nhận và trả tiền. Trông chúng chẳng khác gì một bày ma tụ họp về từ cõi âm, và dường như mọi cặp mắt bất động kia đều đổ dồn vào bức tranh bên cửa sổ, các thành viên giờ đây sẽ nhập bày với chúng mà trên đầu nó ráng chiều đang trải cái bóng sáng cuối cùng của sự sống. Một cảnh sắc kỳ dị - hai dáng người khom xuống viết trên bàn, bóng tối và dãy chân dung lặng lẽ.

Lão thợ bánh quay lại bên cửa sổ. Đôi mắt đỏ ngầu của lão nom như hai hòn bi ve, miệng lão hơi há, môi dưới trễ xuống, để lộ những chiếc răng xám xỉn... trông lão đứng đó vừa ủ ê vừa nực cười. Ở tầng trên, thẳng xuống vẽ lên, ai đó bắt đầu chơi dương cầm, một bài luyện tay nào đó, cứ lập mãi một giai điệu. Tiếng đàn thánh thót, nghe phiến lỗ tai. Ferdinand Grau nán lại bên bàn. Anh châm một điếu xì gà. Ánh lửa diêm rọi sáng gương mặt anh. Căn phòng lờ mờ tối như rộng thênh thang và xanh ngắt qua ánh lửa đỏ nhỏ nhoi ấy.

“Có thể sửa bức tranh đi một chút không ông?” Lão thợ bánh hỏi.

“Sửa gì kia?”

Ferdinand đến gần. Lão thợ bánh trở vào món trang sức. “Có thể xóa cái này đi không?”

Đó là chiếc trâm cài cổ áo bằng vàng to tướng mà bữa đặt hàng lão đòi thêm cho kỳ được. “Được là chắc”. Ferdinand nói, “thậm chí nó còn làm hỏng gương mặt. Bức tranh sẽ thành công nếu xóa nó đi”.

“Tôi cũng nghĩ vậy”. Lão cúi gằm mặt một lát. “Ông lấy công bao nhiêu?”

Ferdinand và tôi đưa mắt cho nhau. “Không xu công nào cả”, Ferdinand hiền hậu nói, “trái lại, lẽ ra ông còn được nhận lại chút ít. Vì trên bức tranh sẽ bớt đi một chi tiết mà”.

Lão thợ bánh ngạc nhiên ngẩng đầu lên. Trong khoảnh khắc, dường như lão chực phụ họa. Nhưng rồi lão cương quyết bảo: “Ồ không, ông đừng làm

thế... chẳng gì ông cũng đã phải vẽ nó...”

“Cũng đúng nốt...”

Chúng tôi ra về. Trên cầu thang, nhìn tấm lưng khom khom của lão thợ bánh trước mặt, tôi hơi xúc động về lão và về việc lương tâm lão đã cắn rứt trong chuyện lừa dối liên quan đến cái trâm. Tôi thật không muốn đề cập với lão chuyện chiếc Cadillac vào lúc này. Nhưng rồi tôi lại nghĩ: một phần nỗi thương tiếc hẳn là thực lòng của lão trước người vợ quá cố chắc chắn nảy sinh từ chỗ cô ả tóc đen ở nhà nhõng nhẽo quá lắm, thế là tôi lại hăng hái như cũ.

“Ta có thể bàn chuyện ấy ở nhà tôi”, ra đến ngoài đường, lão thợ bánh nói.

Tôi gật. Còn gì hay bằng. Lão thợ bánh ngỡ đâu giữa bốn bức tường nhà lão, lão sẽ mạnh hơn... trong khi tôi tính đến ả tóc đen như một sự hỗ trợ.

Cô ả đã chực sẵn bên cửa đón chúng tôi. “Thành tâm chúc mừng”, tôi nói trước khi lão thợ bánh kịp mở miệng.

“Về cái gì?” ả vội hỏi, cặp mắt nhìn linh lợi.

“Về chiếc Cadillac của ông bà...” tôi đáp trơ tráo.

“Anh yêu!” ả reo lên, thoát đu mình trên cổ lão thợ bánh.

“Nhưng nào đã ngã ngũ gì đâu...” Lão tìm cách gỡ mình ra khỏi vòng tay ả, phân trần với ả. Nhưng ả cứ ôm rịt lấy lão, nháy nhót kéo lão xoa tít, cốt để lão không sao nói được. Tôi thấy trên đôi vai lão cái bộ mặt sâu bốt đầy trách cứ, phản kháng một cách bất lực.

Cuối cùng lão cũng thoát được. “Chúng ta hoàn toàn chưa đi đến thỏa thuận gì”, lão thở hển hển.

“Có đấy”, tôi nói, vẻ hết sức nhiệt thành, “ta đã thỏa thuận! Tôi xin giờ đầu ra hứng trách nhiệm, bớt cho ông năm trăm mác cuối cùng. Ông trả chiếc Cadillac đúng bảy ngàn mác, không thêm một xu! Đồng ý chứ?”

“Tất nhiên!” ả tóc đen nhanh nhẩu nói. “Cái giá quả thực rẻ thế kia mà, anh yêu...”

“Gượm nào!” Lão thợ bánh giơ tay lên.

“Nhưng mình lại giở chứng gì vậy?” ả dồn lão, “đầu tiên bảo sẽ mua chiếc xe, giờ lại đứng đực ra đấy và không muốn mua nữa”.

“Muốn chứ”, tôi xen vào, “chúng tôi bàn bạc mọi nhẽ...”

“Chà, thế ư... anh yêu... còn chờ gì nữa...” Ắ áp sát mình vào lão. Lão tìm cách né đi, nhưng ắ đã tì cặp vú tròn thay lấy của ắ vào cánh tay lão. Lão làm mặt giận dữ, song sức phản kháng của lão yếu hẳn.

“Chiếc Ford...” lão nói.

“Đương nhiên sẽ được mua lại”.

“Bốn ngàn mác”.

“Ông đã mua nó với cái giá ấy hay sao?” tôi vui vẻ hỏi.

“Nó phải được mua lại với giá bốn ngàn”, lão thợ bánh tuyên bố dứt khoát. Giờ đây lão đã tìm được điểm phản công sau khi bị đánh phủ đầu. “Chiếc xe quả tốt như mới...”

“Mới...” tôi nói, “sau cuộc đại tu...”

“Sáng nay chính anh đã thừa nhận như vậy...”

“Sáng nay khác. Nguyên trong từ ‘mới’ đã chứa cả một sự khác biệt, tùy theo người ta mua hay rao bán. Để được bốn ngàn mác, dĩ thường chiếc Ford của ông có bộ badôsock bằng vàng!”

“Bốn ngàn mác, không thì thôi”, lão thợ bánh bướng bỉnh nói. Giờ đây lão đã hoàn toàn trở lại là con người cũ, và hình như muốn sửa chữa mọi sự mềm yếu ban này.

“Vậy thì xin chào!” tôi nói và quay sang ắ tóc đen. “Tôi lấy làm tiếc, thưa quý bà... nhưng tôi không thể cứ làm ăn thua lỗ. Chúng tôi đã chẳng ăn lời xu nào với chiếc Cadillac thì chớ... làm sao chúng tôi còn có thể công thêm chiếc Ford cũ rích với một giá cắt cổ. Xin tạm biệt bà..”

Ắ níu tôi lại. Mặt ắ sáng lóe, và bây giờ ắ nói té tát lão thợ bánh khiến lão ù tai hoa mắt. “Chính ông từng kêu tới hàng trăm lần rằng chiếc Ford chẳng còn giá trị quái gì cả”, cuối cùng ắ rít lên, mắt đăm lẹ.

“Hai ngàn mác”, tôi nói, “hai ngàn, cho dù chấp nhận cái giá ấy cũng đã quá bằng tị sát”.

Lão thợ bánh nín thình.

“Nào, nói đi, nói gì đi chứ! Sao ông cứ đứng đực ra đấy và chẳng buồn há mồm ra thế?” ắ tóc đen chu chéo.

“Thưa ông bà”, tôi nói, “bây giờ tôi xin phép đi lấy chiếc Cadillac về. Có lẽ trong khi đó ông bà bàn tính thêm với nhau”.

Tôi cảm thấy mình không thể làm gì hay hơn là biến khỏi nơi đây. Đã có

ả tóc đen lo hộ nốt công việc.

Một giờ sau, tôi lại có mặt cùng chiếc Cadillac. Tôi lập tức nhận thấy cuộc tranh cãi đã được ngã ngũ theo cách giản dị nhất. Quần áo lão thợ bánh trông nhàu nhĩ, một chiếc lông đệm giường còn vương trên người... ả tóc đen, trái lại, mắt sáng long lanh, ả lắc lư cặp vú, nở một nụ cười thỏa mãn và phản trắc. ả đã thay quần áo, đang mặc trên mình một chiếc váy lụa mỏng, bó sát người. Thừa lúc lão không để ý, ả nháy một mắt với tôi và gật đầu, ra hiệu ỏn cả. Chúng tôi chạy thử một vòng. ả tóc đen ngồi ngả ngón trên chiếc ghế rộng và nói huyên thuyên không dứt. Tôi chỉ ước được ném ả qua cửa sổ xe, nhưng tôi còn cần đến ả. Lão thợ bánh ngồi bên tôi, khá là buồn rầu. Lão khóc thương trước cho tiền của lão... và đây mới chính là nỗi tiếc thương chân thành nhất có ở trên đời.

Chúng tôi về tới trước nhà lão và lại vào nhà. Lão thợ bánh rời phòng đi lấy tiền. Giờ đây trông lão chẳng khác gì một ông cụ, và tôi nhận thấy lão nhuộm tóc. ả tóc đen vuốt nếp váy.

“Cánh mình phối hợp hết ý, hả?”

“Ừ”, tôi miễn cưỡng đáp.

“Phải chi cho đây một trăm mác đấy...”

“Ra thế...” tôi nói.

“Lão dê già kiệt xỉ”, ả tin cậy thì thầm và ghé lại gần tôi, “tiền nhiều như rác! Nhưng đừng hòng moi của lão một xu! Chúc thư lão còn chẳng muốn viết. Sau nay cố nhiên tất cả đều về tay lũ con lão, còn ngữ như chúng mình cứ là tro mồm! Sung sướng nỗi gì đâu với cái lão keo bần ấy...”. ả xán lại gần nữa, lắc lư cặp vú. “Vậy mai tôi sẽ sang để lấy một trăm mác. Lúc nào thì anh có ở đấy? Hay anh muốn tạt lại đây?” ả cười khúc khích. “Chiều mai tôi chỉ có một mình...”

“Tôi sẽ gọi đến cho cô...”, tôi nói.

ả vẫn khúc khích cười. “Anh hãy đích thân mang lại. Hay anh sợ?” Hình như ả cho rằng tôi nhút nhát và toan nói trắng ra cho tôi hiểu ả muốn gì. “Không sợ”, tôi nói, “nhưng không có thời gian. Đúng ngày mai tôi phải tới bác sĩ. Bệnh giang mai cũ tái phát, cô biết đấy! Mắc vào thật khổ một đời...”

ả lùì nhanh một bước, vội tới mức suýt nhào vào chiếc ghế bành bọc nhung. Đúng lúc ấy lão thợ bánh trở lại. Lão ngờ vực liếc nhìn ả tóc đen. Đoạn lão đếm tiền lên bàn trả tôi. Lão đếm thông thả, ngập ngừng. Bóng lão đung đưa trên nền giấy bồi tường in đầy hoa hồng và như cùng đếm. Trong

khi viết hóa đơn, tôi sực nhớ hôm nay đã diễn ra một sự kiện giống hệt thế này... có điều Ferdinand Grau ở vào vị trí của tôi. Mặc dù điều đó chẳng có nghĩa lý gì, tôi vẫn thấy lạ lùng.

Tôi hoan hỉ khi ra tới ngoài đường. Khí trời êm dịu và ấm áp. Chiếc Cadillac bóng lộn bên vệ đường. “Nào, xin đa tạ bố già”, tôi nói, tay gõ lên mũi xe. “Chúng trở lại đánh những quả mới, nghe bố!”



# CHƯƠNG 15

Mặt trời sáng chói, rực rỡ trên những trắng cỏ. Pat và tôi ngồi bên rìa một khoảng rừng thưa ăn điếm tâm. Tôi đã thu xếp nghỉ hai tuần và đang trên cuộc hành trình cùng Pat. Chúng tôi định ra biển.

Trên đường, trước mặt chúng tôi, là một chiếc Citroen nhỏ cũ kỹ. Chúng tôi đã mua lại nó bằng cách bán đi chiếc Ford của lão thợ bánh và Koster cho tôi quyền sử dụng nó trong thời gian đi nghỉ. Chiếc xe trông chẳng khác gì một chú lừa thồ nhẵn nạy, trên lưng chất đầy va-li.

“Hy vọng rằng nó không sụm ở giữa đường”, tôi nói.

“Nó sẽ không sụm”, Pat đáp.

“Sao em biết được?”

“Biết chứ. Vì đang là kỳ nghỉ của chúng mình, anh Robby”.

“Có thể”, tôi nói. “Nhưng anh còn biết trục sau của nó nữa. Trông mà phát buồn. Nhất là khi chở nặng”.

“Nó là anh em với chiếc Karl. Nó sẽ trụ được”.

“Một người anh em mắc chúng còi xương nặng”.

“Thôi đừng phỉ báng nữa đi, anh Robby. Hiện thời nó là chiếc xe đẹp nhất mà em được biết”.

Chúng tôi nằm bên nhau trên thảm cỏ hồi lâu. Gió thổi ra từ rừng, ấm áp và êm dịu. Phảng phất mùi cỏ hoa và nhựa thông. “Nói xem, anh Robby”. Lát sau, Pat hỏi. “Những bông hoa ven suối đằng kia là hoa gì vậy?”

“Cỏ chân ngỗng”, tôi chẳng nhìn, đáp.

“Kìa anh! Đó đâu phải là cỏ chân ngỗng, loài ấy nhỏ hơn nhiều; thêm nữa chúng chỉ rộ hoa vào mùa xuân”.

“Ừ nhỉ”, tôi nói. “Hoa thủy thập đấy”.

Nàng lắc đầu. “Hoa thủy thập em biết. Trông khác hẳn”.

“Thế thì độc cần”.

“Kìa anh Robby! Hoa độc cần trắng, chứ không đỏ”.

“Vậy anh xin chịu. Xưa nay, hễ bị hỏi, anh toàn viện ra ba cái tên hoa ấy. Lúc nào người ta cũng tin một trong ba loài đó”.

Nàng cười. “Tiếc quá. Giá biết trước có phải em đã bằng lòng với cỗ chân ngỗng không”.

“Vớ hoa độc cần chứ”, tôi nói, “bao giờ anh cũng thành công nhất với hoa độc cần”.

Nàng nhòm dậy. “Vui thật đấy! Anh thường xuyên bị hỏi như vậy à?”

“Không thường xuyên lắm. Và trong những hoàn cảnh hoàn toàn khác”.

Nàng chống hai tay xuống đất. “Thực quả đáng hổ thẹn khi ta lang thang trên trái đất mà gần như không biết chút gì về nó. Đến vài cái tên cũng không”.

“Em chớ buồn phiền”, tôi nói, “đáng hổ thẹn hơn nhiều là ta hầu như không biết vì lẽ gì ta lang thang trên trái đất. Cho nên thêm hay bớt vài cái tên cũng có nghĩa gì đâu”.

“Anh mà nói thế à! Nhưng em tin anh nói vậy chỉ vì lười”.

Tôi quay người lại. “Dĩ nhiên rồi. Nhưng còn lâu con người ta mới suy ngẫm đủ về sự lười. Lười là khởi nguồn của mọi hạnh phúc và kết thúc của mọi triết học. Nào, lại nằm xuống đây, đi em. Con người nằm quá ít. Cứ đứng và ngồi suốt thôi. Cái đó không có lợi cho sự thoải mái về thể xác. Chỉ khi nằm, người ta mới hoàn toàn thư giãn”.

Một chiếc xe hơi vù vù lao tới và vọt qua. “Mercedes cỡ nhỏ”, tôi nói, không hề nhòm dậy. “Loại bốn xi lanh”.

“Một chiếc nữa đang đến”, Pat nói.

“Ừ, anh nghe thấy rồi. Xe Renault. Có phải mũi nó giống hệt mõm lợn không?”

“Vâng”.

“Thế thì đúng Renault rồi. Nhưng nghe kìa, giờ mới là loại búa bổ đấy! Một chiếc Lancia! Nó sẽ rượt kịp hai chiếc xe kia như con sói săn hai chú cừ non! Hãy nghe tiếng động cơ của nó thôi! Thật như tiếng đàn oóc”.

Chiếc xe lướt vèo qua. “Về khoản này hẳn anh không chỉ biết ba cái tên, chứ gì?” Pat hỏi.

“Cố nhiên. Thậm chí còn đúng pháp”.

Nàng cười. “Vậy hỏi có đáng buồn hay không?”

“Chả có gì đáng buồn cả. Tự nhiên thôi. Đôi khi với anh, một chiếc xe hơi tốt còn thú vị hơn hai chục bãi cỏ đầy hoa”.

“Đồ con ngoan cố của thế kỷ hai mươi! Dễ thường anh chẳng chút rung cảm...”

“Có chứ, anh vừa nói đây, với xe hơi”.

Nàng nhìn tôi. “Em cũng vậy”, nàng nói.

Một con chim cu cất tiếng gáy trong rừng thông. Pat bắt đầu đếm.

“Em làm thế làm gì?” tôi hỏi.

“Anh không biết à? Nó kêu bao nhiêu tiếng, ta sẽ còn sống bấy nhiêu năm”.

“À ừ, phải. Nhưng còn điều này nữa. Khi nghe cu gáy, phải xóc túi tiền lên. Tiền sẽ sinh sôi”. Tôi moi số tiền lẻ trong túi ra và xóc thật lực giữa hai bàn tay.

“Anh thế đây”, Pat nói và cười. “Em muốn sống, còn anh muốn tiền”.

“Để mà sống”, tôi đáp. “Một kẻ duy tâm thực thụ cũng khát khao đồng tiền. Tiền là tự do được đúc thành tiền. Và tự do là cuộc sống”.

“Mười bốn”, Pat đếm. “Anh đã từng nói khác về điều này”.

“Đó là trong thời kỳ đen tối của anh. Chẳng nên mở miệng miệt thị đồng tiền. Tiền thậm chí khiến khối ả đàn bà si tình. Và ngược lại, tình khiến khối gã đàn ông si tiền. Như vậy tiền khuyến khích các lý tưởng, - và tình, trái lại, khuyến khích chủ nghĩa duy vật”.

“Hôm nay anh hùng biện gớm”, Pat đáp. “Ba mươi”.

“Người đàn ông”, tôi tiếp tục giải thích, “chỉ đam ham tiền vì những ham muốn của đàn bà. Giả sử không có đàn bà, cũng sẽ chẳng có tiền, và đàn ông sẽ là một giống anh hùng. Trong các chiến hào không có đàn bà - bởi vậy ở đây tài sản của mỗi người cũng chẳng đóng vai trò gì, duy một điều đáng kể: ông ta là người thế nào. Nói thế không có nghĩa ủng hộ chiến hào... mà chỉ để làm sáng tỏ tình yêu. Nó đánh thức những bản năng xấu xa trong người đàn ông... sự thèm khát của cải, quyền thế, lợi lộc, an nhàn. Chẳng phải vô cơ mà những kẻ độc tài ưa thấy các cộng sự của mình đã thành gia thất... như thế họ sẽ bớt đáng gờm. Và chẳng phải vô cơ mà các thầy tu Thiên Chúa giáo không lấy vợ... nếu lấy, họ đã chẳng bao giờ trở thành những nhà truyền đạo dững cảm nhường ấy”.

“Hôm nay anh ăn nói thậm chí hay tuyệt”, Pat công nhận. “Năm mươi hai”.

Tôi nhét lại tiền vào túi và châm một điếu thuốc lá. “Em vẫn cứ chưa

muốn ngừng đếm hay sao?” tôi hỏi. “Em đã vượt quá cái tuổi bảy chục khi xa rồi đấy”.

“Một trăm cơ, anh Robby! Một trăm là con số đẹp. Em muốn đạt tới đó”.

“Phục em, can đảm ghê! Nhưng em định làm gì với ngàn ấy năm?”

Mắt nàng lướt nhanh trên người tôi. “Rồi sẽ hay. Về vấn đề này em có những cách nhìn nhận khác anh”.

“Chắc chắn thế. Hơn nữa chỉ bảy chục năm đầu là chông gai nhất. Còn từ đó về sau sẽ bằng phẳng hơn”.

“Một trăm!” Pat công bố, và chúng tôi tiếp tục lên đường.

Biển tiến dần lại chúng tôi như một cánh buồm bạc khổng lồ. Suốt từ nãy chúng tôi đã cảm thấy hơi thở mẫn mẫn của biển - chân trời mỗi lúc một bao la hơn, sáng sủa hơn, và đột ngột trải ra trước chúng tôi, sôi động, mãnh liệt và vô tận.

Con đường lượn vòng đến sát biển. Rồi một cánh rừng xuất hiện, sau nó là một ngôi làng. Chúng tôi hỏi đường tới ngôi nhà mà mình sẽ trọ. Nó nằm cách làng một quãng, Koster đã cho chúng tôi địa chỉ ấy. Sau chiến tranh, cậu ta từng ở đó một năm.

Đó là một biệt thự xinh xắn đứng biệt lập. Sau khi cho chiếc Citroen lượn một vòng tao nhã, tôi bấm còi. Một gương mặt to bè lộ ra từ ô cửa sổ, trở mắt ngậy ra một lát rồi biến mất. “Hy vọng đó không phải là cô Muller”, tôi nói.

“Cô ta xấu hay đẹp thì can hệ gì”, Pat đáp.

Cánh cửa mở. Ông Chúa, đó chẳng phải cô Muller, mà là người ở gái. Cô Muller, nữ chủ nhân của tòa nhà, xuất hiện sau đó một phút. Một bà gái già duyên dáng tóc đã hoa râm. Bà mặc áo dài đen kín ngực, trâm cài áo là cây thập tự bằng vàng.

“Pat, để dè chừng, hãy kéo cao lại tất đi em”, tôi thì thầm sau khi nhìn cái trâm và xuống xe.

“Tôi nghĩ chắc ông Koster đã báo trước cho bà”, tôi nói.

“Vâng, ông ấy có đánh điện cho tôi rằng ông bà sẽ tới”. Bà nhìn tôi xét nét. “Ông Koster độ này thế nào?”

“Ồ, hoàn toàn tốt... nếu có thể nói như vậy trong thời buổi này”.

Bà gật đầu, tiếp tục quan sát tôi. “Ông quen ông ấy lâu chưa?” Sẽ là một

bài sát hạch đây, tôi bụng bảo dạ và khai với bà tôi quen biết Otto từ thuở nào. Bà có vẻ hài lòng. Pat lại gằn. Nàng đã kéo cao bít tất lên. Ánh mắt cô Muller dịu hẳn. Hình như Pat được lòng bà hơn tôi. “Bà còn phòng nào trống cho chúng tôi không ạ?”, tôi hỏi.

“Một khi ông Koster đã đánh điện, nhất định ông bà nhận được một phòng”, bà Muller nói và nhìn tôi có phần coi thường. “Thậm chí tôi dành cho ông bà căn phòng đẹp nhất”, bà bảo Pat.

Pat mỉm cười. Bà Muller cũng mỉm cười. “Đề tôi chỉ nó cho ông bà”, bà nói.

Hai người sóng vai nhau đi theo con đường hẹp chạy qua một mảnh vườn nhỏ. Tôi lẻo đẻo theo sau và cảm thấy mình là người khá thừa, bởi bà Muller chỉ chuyện trò với Pat.

Căn phòng bà chỉ cho chúng tôi nằm ở tầng dưới. Có một lối hẹp chạy từ vườn vào. Tôi rất lấy làm thích. Căn phòng khá rộng, sáng sủa và vui mắt. Ở một bên, tựa như trong hốc tường, đặt hai cái giường.

“Thế nào?” bà Muller hỏi.

“Đẹp lắm”, Pat nói. “Lộng lẫy là đằng khác”, tôi nói, cố làm vẻ dễ mến. “Thế căn phòng khác ở đâu ạ?”

Bà Muller từ tốn quay lại nhìn tôi. “Căn phòng khác? Phòng khác nào? Ông muốn một phòng khác sao? Ông không thích phòng này à?”

“Đá banh là tuyệt rồi”, tôi đáp, “nhưng...”

“Nhưng sao?” bà Mynler nói có phần mỉa mai - “tiếc rằng tôi không có căn nào khác hơn”.

Tôi toan giải thích cho bà rằng chúng tôi cần hai buồng riêng, thì bà đã nói thêm: “Bà nhà chẳng rất hài lòng đấy thôi”.

Bà nhà - tôi cảm giác như mình vừa giật lùi một bước. Nhưng tôi đâu nhúc nhích khỏi chỗ. Tôi thận trọng lén nhìn Pat, nàng tựa lưng vào cửa sổ và cố nén cười khi thấy tôi đứng đực ra đây. “Vợ tôi, hẳn rồi...”, tôi nói, mắt dán chặt vào cây thập tự bằng vàng dính trên cổ áo bà Muller. Chịu thôi, tôi không được phép thú thực với bà. Bà sẽ rú lên và ngã vật ra bất tỉnh mắt. “Có điều chúng tôi quen ngủ trong hai phòng”, tôi nói. “Ý tôi là mỗi người một phòng”.

Bà Muller lắc đầu ra vẻ không tán thành. “Hai phòng ngủ khi đã là vợ chồng... những cái một thời thượng...”

“Đâu phải”, tôi nói trước khi bà kịp nghi ngờ. “Vợ tôi vốn rất tinh ngủ. Và tôi, đáng tiếc, lại ngáy khá to”.

“À, ra ông ngáy!” bà Muller đáp, cứ như đáng lẽ bà đã có thể nghĩ ra điều ấy từ lâu.

Tôi sợ giờ đây bà sẽ tìm cho tôi một phòng trên tầng hai, nhưng hình như bà coi hôn nhân là cái gì thật thiêng liêng. Bà mở một cánh cửa thông sang căn buồng nhỏ bên cạnh, trong đặt độc một cái giường.

“Tuyệt vời”, tôi nói “hoàn toàn đủ. Nhưng tôi sẽ không làm phiền ai khác chứ?” Tôi muốn biết liệu chúng tôi có được hoàn toàn làm chủ dưới này không.

“Ông bà chẳng làm phiền ai cả”, bà Muller đáp, và vẻ cao ngạo nơi bà đột nhiên biến mất. “Ngoài ông bà ra ở đây không có ai. Mọi phòng khác đều trống” Bà đứng thừ giây lát, đoạn sửa soạn đi ra. “Ông bà muốn dùng bữa tại phòng hay trong buồng ăn đây?”

“Tại phòng ạ”.

Bà gật đầu, bỏ đi.

“Thế nào, bà Lohkamp”, tôi bảo Pat. “Giờ thì hai ta bị giam trong này rồi nhé. Nhưng anh không ngờ cái con quỷ già ấy lại sùng đạo đến thế cơ đấy. Hình như anh cũng chẳng được lòng gì mụ. Kỳ cục, bình thường anh luôn gặp may với các bà già mà”.

“Đó không phải là bà già, anh Robby, mà là một cô gái già rất dễ thương”.

“Dễ thương ấy à”, tôi nhún vai “Nhưng đâu sao bà ta cũng cư xử phải phép gớm. Trong nhà chẳng có ma nào mà cứ làm bộ kiêu kỳ!”

“Bà ấy không kiêu kỳ chút nào”.

“Với em thì không”.

Pat cười. “Em thấy ưa bà ấy. Nhưng bây giờ chúng mình hãy đi lấy va-li và dỡ quần áo bơi ra đã”.

Sau khi bơi một giờ. Tôi nằm phơi nắng trên bãi cát. Pat vẫn ở dưới biển. Cái mũ bơi trắng của nàng lúc ẩn lúc hiện giữa những cơn sóng xanh nhấp nhô. Vài con hải âu chao liệng. Xa tít chân trời một con tàu lướt qua, kéo theo một vệt khói trắng phấp phới tựa đuôi cò.

Mặt trời cháy rực, nung mọi sự kháng cự tan chảy thành sự buông thả không suy tư tới mức buồn ngủ. Tôi nhắm mắt, duỗi dài chân tay. Cát bỏng

kêu lách tách. Không khí bị hun nóng dội vào tai tôi o o. Nó gọi tôi nhớ lại một kỷ niệm, nhớ lại cái ngày tôi cũng nằm hết như thế...

Chuyện xảy ra vào mùa hè năm 1917. Hồi đó đại đội chúng tôi đang đóng tại Flandern, và chúng tôi bất ngờ được hưởng vài ngày phép vì miền đông, cả tụi có: Meyer, Holthoff, Bryer, Lutgens, tôi và vài cậu nữa. Phần đông bọn tôi chưa hề ra biển lần nào, và số ngày ít ỏi ấy - quãng ngừng nghỉ hầu như không tin nổi giữa chết chóc và chết chóc - đã biến thành một cuộc dâng hiến điên cuồng cho mặt trời, cát trắng và biển cả. Chúng tôi ở lì suốt ngày ngoài bãi, duỗi dài tấm thân trần của mình dưới nắng - bởi nguyên sự trần truồng, không bị bó thân trong quân phục và súng ống đã có nghĩa ngang với hòa bình - chúng tôi nô đùa huyên náo khắp bãi, rồi lại ào xuống biển, chúng tôi cảm nhận chân tay của mình, hơi thở của mình, cử động của mình với toàn bộ sức lực, sự sống lúc này tiềm ẩn trong chúng, và những giờ phút ấy chúng tôi quên hết thấy, và chẳng chúng tôi cũng muốn quên đi hết thấy. Nhưng chiều về, trong ánh hoàng hôn, khi vàng dương đã lặn và những cái bóng xám xịt từ chân trời giăng qua mặt biển dần tái nhợt, thì trong tiếng vo vo của khí nóng từ từ xen vào một âm thanh lạ, âm thanh ấy to dần và cuối cùng lấn át như một lời hăm dọa trầm đục: tiếng đại bác gầm ngoài mặt trận. Kế đó là sự câm lặng trống rỗng cắt ngang câu chuyện, những cái đầu nghên lên nghe ngóng, từ những gương mặt hoan hỉ của các chú bé vừa đùa nghịch đến mệt lử thoát lại hiện lên bộ mặt của người lính, gọi bao xúc động, trên đó, trong khoảnh khắc, còn thoáng lướt một sự ngạc nhiên, một nỗi buồn chứa đựng tất cả những gì không bao giờ được nói ra: lòng can đảm, nỗi đáng cay và lòng ham sống, ý thức nghĩa vụ, nỗi tuyệt vọng, niềm hy vọng và nỗi phiền muộn khó hiểu của những anh lính sớm được khen thưởng. Ít ngày sau bắt đầu cuộc tấn công lớn, và đến ngày mùng 3 tháng Bảy đại đội chỉ còn sót lại ba mươi hai mống, Meyer, Holthoff và Lutgens đều đã chết.

“Anh Robby!” Pat gọi.

Tôi mở mắt. Tôi phải suy nghĩ một lúc xem mình đang ở đâu. Bao giờ cũng vậy, hễ những hồi ức chiến tranh kéo về, hồn tôi lập tức phiêu diêu tận đâu xa lắm. Những kẻ khác không thế.

Tôi nhòm dậy. Pat lên khỏi mặt nước. Nàng đi ngay trước luồng nắng rọi xuống biển, một vàng sáng rộng loang chảy trên vai nàng, ánh sáng bao bọc quanh nàng khiến thân hình nàng như thắm lại. Càng lên gần bãi cát, nàng càng nhô cao hơn trong ánh nắng chói lọi, cho tới khi vàng dương xé chiều lơ lửng sau đầu nàng như một vàng hào quang.

Tôi nhảy phắt dậy, chính vào lúc này hiển hiện trước mắt tôi cái quang cảnh tưởng như không có thực, tưởng như từ một thế giới khác - bầu trời xanh mênh mông, những lớp bọt biển trắng xóa, và nổi bật phía trước là cái thân hình mảnh mai, kiêu diễm của Pat tưởng như chỉ mình tôi tồn tại trên thế gian này, và đó, từ dưới nước đang đi lên người đàn bà đầu tiên. Trong một khoảnh khắc, tôi cảm nhận mãnh lực thâm lặng, vĩ đại của cái đẹp, tôi cảm giác nó mạnh hơn, mọi dĩ vãng đầm máu, rằng nó phải mạnh hơn, rằng nếu không thế giới sẽ sụp đổ, sẽ chết nghẹt trong sự hỗn độn khủng khiếp của chính nó. Mạnh hơn thế nữa, tôi còn cảm giác rằng tôi đang tồn tại, đơn giản là đang tồn tại, và rằng Pat đang tồn tại, rằng tôi sống, tôi đã thoát khỏi cảnh tàn khốc, rằng tôi có cặp mắt, đôi bàn tay và những suy nghĩ, có dòng máu nóng hồi cuộn cuộn trong huyết quản, và rằng tất thảy những cái đó là một điều kỳ diệu không sao hiểu nổi.

“Anh Robby!”, Pat lại gọi và vẫy tôi.

Tôi nhặt chiếc áo khoác tắm của nàng ở bãi cát lên và đi nhanh lại phía nàng. “Em tắm nước quá lâu đấy”, tôi nói.

“Em hoàn toàn ấm mà”, nàng đáp, thở không ra hơi.

Tôi hôn hai bờ vai trơn ướt của nàng. “Buổi đầu em cần đúng mực hơn một chút mới phải”.

Nàng lắc đầu, nhìn tôi rạng rỡ. “Em giữ đúng mực như thế đủ lâu rồi”.

“Thế à?”

“Chứ sao. Quá lâu! Rốt cuộc em muốn xả láng lấy một lần”. Nàng cười, áp má vào mặt tôi. “Chúng mình muốn xả láng thử, anh Robby! Không nghĩ tới gì hết, hầu như không nghĩ tới gì hết, chỉ nghĩ đến hai đứa mình, đến mặt trời, kỳ nghỉ và biển cả!”

“Đồng ý”, tôi nói và nhặt chiếc khăn bông “Trước hết anh muốn lau khô cho em đã. Nhờ đâu mà em có sẵn nước da rám nắng thế này?”

Nàng mặc áo khoác tắm vào. “Nó còn lại từ cái năm sống điều độ của em đấy. Hồi đó, ngày nào em cũng phải phơi nắng một giờ trên ban công. Và đúng tám giờ tối lên giường. Tối nay thì tám giờ em lại đi bơi lần nữa”.

“Đề còn xem”, tôi nói. “Con người bao giờ cũng vĩ đại trong dự định. Nhưng trong thực hiện thì không. Vì thế mà con người đầy sức quyến rũ”.

Cuộc tắm biển tối không thành. Sau khi hai đứa đi tản bộ vào làng và đang lượn chiếc Citroen trong buổi hoàng hôn thì Pat đột nhiên mệt xiu, đòi về nhà. Đã nhiều lần tôi chứng kiến nàng đang linh hoạt rạng rỡ thoát sụm



xuống, mệt mỏi. Nàng chẳng khỏe khoản gì, lại không dư thừa sức lực... nhưng vẻ ngoài của nàng không bộc lộ điều đó. Bao giờ nàng cũng tiêu thụ bằng hết sức sống trong mình, nhìn vào cứ ngỡ nàng không khi nào có thể kiệt sức với tuổi trẻ dẻo dai của nàng... nhưng rồi cái khoảnh khắc ấy chợt đến: mặt nàng tái nhợt đi, cặp mắt u tối... và thế là hết. Nàng không mệt từ từ mà xiu trong nháy mắt.

“Về nhà thôi, anh Robby”, nàng giục. Giọng nói vốn đã trầm của nàng giờ còn trầm đục hơn.

“Về nhà? Về với mẹ gái Enírdor Muller đeo thánh giá vàng trên ngực ấy à? Có trời biết này giờ con quý ấy đã lại nghĩ ra những cái của khi gì nữa”.

“Về nhà đi, anh Robby”. Pat mệt mỏi ngả vào vai tôi. “Nơi ấy là nhà của chúng mình mà”.

Tôi buông một tay khỏi vô lăng, ôm lấy vai nàng. Cứ thế chúng tôi chậm chậm xuyên qua hoàng hôn tím biếc đầy sương mù: khi rút cuộc nhìn thấy những ô cửa sổ sáng đèn của ngôi nhà nhỏ tựa một con thú sẫm màu, nép mình trong hõm thung lũng bằng phẳng, chúng tôi thực sự cảm thấy như về tới nhà mình.

Bà Muller chờ sẵn chúng tôi. Bà đã thay xong áo và giờ đây thay cho chiếc váy len đen, bà mặc một chiếc áo dài đen bằng lụa, cũng vẫn kiểu cắt khổ hạnh ấy. Thêm vào đó, thế chỗ cây thánh giá, là một biểu tượng mang hình trái tim, mỏ neo và cây thánh giá - tượng trưng của nhà thờ cho đức tin, hy vọng và tình yêu.

Bà niềm nở hơn hẳn hồi chiều, hỏi chúng tôi có ưng bữa ăn chiều mà bà đã chuẩn bị với trứng, thịt nguội và cá hun khói hay chàng.

“Được thôi”, tôi nói.

“Ông không thích sao? Toàn là cá thồn bơn vừa mới hun mà”.

“Đã hẳn”, tôi đáp lạnh nhạt.

“Cá thồn bơn mới hun chắc ngon phải biết”, Pat nói và đưa mắt nhìn tôi đầy trách móc. “Một bữa ăn tối ra trò mà người ta chỉ có thể mơ ước vào ngày đầu tiên nghỉ bên biển, thưa cô Muller. Giá được thêm trà nóng nữa thì...”

“Có, có đây! Trà nóng nguyên! Rất sẵn lòng! Tôi gọi mang tất cả lên ngay đây”. Bà Muller nhẹ cả người, vội vã sột soạt đi ra trong chiếc áo dài lụa.

“Anh không thích ăn cá thật à?” Pat hỏi.

“Còn phải nói! Thờn bơn chứ đùa đâu! Anh mơ tới món ấy từ bao ngày nay”.

“Thế mà anh cứ làm bộ mãi? Anh thật quá đáng!”

“Anh phải trả đũa bà ta về cuộc tiếp đón chiều nay chứ”.

“Ôi trời đất ơi!” Pat cười. “Anh chẳng bỏ qua bất cứ điều gì. Em đã quên chuyện đó từ lâu rồi”.

“Anh thì không”, tôi nói. “Anh không dễ quên đến thế đâu”.

“Nhưng anh nên quên”.

Chị ở gái bung khay vào. Những con cá thờn bơn da như hoàng ngọc, thơm nức mùi biển và khói. Bên cạnh còn có những chú tôm tươi.

“Anh bắt đầu quên đây”. Tôi hân hoan nói. “Ngoài ra anh nhận thấy anh đói kinh khủng”.

“Em cũng vậy. Nhưng rót nhanh cho em chút trà nóng đã đi. Kỳ quặc thật, nhưng quả là em đang run. Trong khi ngoài trời ấm thế cơ mà”.

Tôi nhìn nàng. Trông nàng tái xanh, mặc dù nàng mỉm cười. “Giờ không nói về việc bơi quá lâu nữa”, tôi nói, đoạn hỏi chị ở gái: “Chị có tí rum nào không?”

“Cái gì cơ?”

“Rum. Một thứ đồ uống đóng chai ấy”.

“Rum à?”

“Phải”.

“Không có đâu”.

Chị ta giương mắt nhìn không chút biểu cảm, với bộ mặt tròn như cái đĩa nặn từ bột bánh. “Không có”.

“Được”. tôi đáp. “Cũng không hề gì. Chào chị. Chúa phù hộ cho chị!”

Chị ta biến mất. “Pat ơi, may phúc bảy mươi đời là chúng mình có những người bạn biết lo xa”, tôi nói. “Ban sáng, khi xe sắp chuyển bánh, Lenz còn ấn nhanh vào thùng xe cho anh một bọc khá nặng. Ta xem thử có cái gì trong ấy”.

Tôi lôi cái bọc ra khỏi xe. Đó là một thùng nhỏ trong đựng hai chai rum, một chai cognac và một chai vang Bồ Đào Nha. Tôi giờ cao chúng lên.

“Rum Thánh James hẳn hoi! Có thể tin tưởng ở lũ con trai ấy!”

Tôi bật nút chai và rót kha khá vào trà cho Pat.

Khi rót tôi nhận thấy bàn tay nàng hơi run. “Em lạnh đến thế cơ à?” tôi hỏi.

“Chỉ một lát thôi. Giờ khá hơn rồi. Rum ngon đấy. Nhưng em sửa soạn đi nằm đây”.

“Em nằm ngay đi, Pat”, tôi nói. “chúng mình sẽ đẩy bàn lại sát giường và ăn ở đây”.

Nàng ưng thuận. Tôi lấy thêm cho nàng một cái chăn từ bên giường tôi và kê lại bàn. “Hay em có muốn một ly Grog chính cống không, Pat? Cái đó còn tác dụng hơn. Anh có thể pha một ly”.

Nàng lắc đầu. Trông nàng quả đã khá hơn. Mắt nàng lại tỏa sáng, đôi môi đỏ thắm, và làn da hơi anh ánh. “Tuyệt vời, sao chóng vánh thế”, tôi nói. “Hẳn là nhờ rượu rum”.

Nàng mỉm cười. “Nhờ cả chiếc giường nữa chứ, anh Robby. Giường là chỗ nghỉ ngơi tốt nhất cho em. Nơi trú ẩn của em đấy”.

“Kỳ quặc. Nếu phải lên giường sớm thế khéo anh phát điên lên mất. Ý anh là nếu phải lên giường một mình ấy”.

Nàng cười. “Đối với một người đàn bà, điều đó lại khác”.

“Chớ có nói dối với một người đàn bà. Em không phải là đàn bà”.

“Vậy em là cái gì?”

“Anh không biết. Nhưng không phải đàn bà. Giả sử em là một người đàn bà bình thường, chính cống, anh đã chẳng thể nào yêu em”.

Nàng nhìn tôi. “Nói chung anh có thể yêu chẳng?”

“Thôi nào”, tôi nói, “một câu hỏi chưa từng thấy trong bữa ăn chiều. Em còn nhiều câu hỏi tương tự nữa không?”

“Có lẽ còn. Nhưng anh trả lời câu này thế nào đã?”

Tôi rót cho mình một ly rum. “Chúc mừng em, Pat!

Có thể em có lý. Có thể tất cả chúng mình đều không biết yêu. Như trước kia, anh nghĩ thế. Nhưng không phải vì vậy mà chúng mình yêu tôi tệ hơn. Chỉ khác thôi. Người ta có nhìn nhận như vậy cho đâu”.

Có tiếng gõ cửa. Bà Muller bước vào. Bà cầm trên tay một chiếc bình

thủy tình xinh xinh, trong đó sóng sánh một ít chất lỏng. “Tôi mang rum lại cho ông bà đây”.

“Cám ơn”, tôi nói và cảm động ngắm nghía cái bình nhỏ xíu như cái đê khâu ấy.

“Bà lo cho thế này thật quý hóa quá, nhưng chúng tôi đã tự xoay xử được rồi”.

“Chúa ơi!” Bà kinh hãi nhìn bốn cái chai trên bàn. “Ông bà uống nhiều đến thế ư?”

“Như là thuốc thôi mà”, tôi dịu dàng đáp và tránh không nhìn Pat. “Theo đơn của bác sĩ đấy. Tôi có lá gan quá khô, thừa cô Muller. Nhưng bà không muốn cho chúng tôi cái vinh dự được cùng bà cạn một ly sao?”

Tôi mở chai vang Bồ Đào Nha. “Chúc sức khỏe bà! Chúc cho nhà bà sắp tới đây khách trọ”.

“Xin đa tạ!” Bà thở dài, khẽ cúi mình và nhấp nhấp như một con chim. “Chúc ông bà kỳ nghỉ tốt đẹp!” Đoạn bà ranh mãnh mỉm cười với tôi. “Nhưng thứ này mạnh đấy. Và ngon”.

Sự thay đổi ấy khiến tôi kinh ngạc suýt buông rơi cái ly trong tay. Má bà Muller bắt đầu ửng đỏ, hai mắt long lanh, và bà bắt đầu huyên huyên đủ thứ chuyện chẳng liên quan gì tới chúng tôi. Pat chịu đựng bà với một sự kiên nhẫn thiên thần. Cuối cùng bà quay sang tôi. “Ông Koster bình an chứ?”

Tôi gật đầu.

“Hồi trước ông ấy lúc nào cũng lặng lẽ”, bà nói. “Lắm khi mấy ngày liền ông ấy không nói lấy một lời. Bây giờ ông ấy vẫn thế sao?”

“Chà, bây giờ thi thoảng ông ấy cũng đã mở miệng”.

“Ông ấy ở đây gần một năm. Lúc nào cũng một mình...”

“Vâng”, tôi nói. “Vì vậy người ta càng ít nói đi”.

Bà nghiêm trang gật đầu và nhìn sang Pat. “Hẳn ông bà đã mệt”.

“Hơi hơi ạ”.

“Rất mệt”, tôi bổ sung.

“Vậy tôi xin đi đây”, bà hoảng sợ nói. “Chúc ông bà một đêm tốt đẹp! Ông bà ngủ ngon nhé!”

Bà đi ra về tận ngần.

“Anh tin rằng bà ta còn muốn nán lại nữa”, tôi nói. “Nực cười, bỗng chốc thay đổi hẳn, hả?”

“Con người đáng thương”, Pat đáp “Hẳn tối nào bà ấy cũng ngồi thui thủi một mình trong buồng riêng và có nhiều lo nghĩ”.

“À, ừ, có thể...” tôi nói. “Nhưng anh thiết tưởng dấu sao này giờ anh cũng đã cư xử với bà ta hết sức niềm nở đấy chứ”.

“Anh xử sự đúng”. Nàng vuốt ve bàn tay tôi. “Mở cửa ra một chút đi, anh Robby”.

Tôi đi ra mở cửa. Bên ngoài, trời sáng hơn, một vệt ánh trăng đỏ dài trên đường len vào tận trong phòng. Dường như cả khu vườn chỉ chừa có cánh cửa mở... hương đêm của các loài hoa lập tức ùa vào. Căn phòng tràn ngập hương thơm ngọt ngào của hoa quế trúc, hoa mộc tê và hoa hồng.

“Nhìn kìa, em”, tôi nói, tay chỉ ra ngoài.

Trong ánh trăng mỗi lúc một vàng vạc, có thể nhìn rõ suốt con đường trong vườn. Những nhành hoa uốn mình bên lề đường, lá cây mang màu bạc gỉ, và những bông hoa ban ngày rực rỡ khoe sắc giờ đây ánh ánh trong những tông phần màu phơn phớt, trông huyền ảo và êm dịu. Ánh trăng và đêm tối đã tước đi sức mạnh màu sắc của chúng... nhưng bù vào đó, hương thơm lại nồng nàn hơn, ngọt ngào hơn bất cứ lúc nào trong ngày.

Tôi quay nhìn Pat. Dịu dàng, thon thả và mỏng mảnh, nàng nằm đó mái tóc sẫm xõa trên gối trắng. Nàng không có mấy sức lực... nhưng ngay cả nàng nữa cũng chứa trong mình cái bí ẩn của sự mỏng mảnh, cái bí ẩn của những đóa hoa trong bóng hoàng hôn và trong ánh trăng hư ảo.

Nàng hơi nhồm dậy. “Quả tình em rất mệt, anh Robby ạ. Có sao không anh?”

Tôi ngồi xuống bên giường với nàng. “Không hề gì. Em sẽ ngủ ngon giấc”.

“Nhưng anh lại chưa muốn ngủ”.

“Thì anh sẽ đi dạo một lát trên bãi biển”.

Nàng gật đầu, nằm xuống. Tôi nán ngồi chút nữa. “Cứ để ngỏ cửa cả đêm, anh nhé”, nàng nói giọng buồn ngủ. “Như thế sẽ tưởng như mình được ngủ ngoài vườn...”

Nàng bắt đầu thở sâu, tôi nhẹ nhàng đứng dậy và đi ra vườn. Đến bên hàng rào gỗ, tôi dừng lại hút một điếu thuốc. Từ đây tôi có thể nhìn vào căn

phòng. Chiếc áo khoác tắm của Pat vắt trên ghế, váy áo và vài thứ đồ lót quăng chồng lên trên, và dưới sàn nhà, ngay trước ghế, là đôi giày của nàng. Một chiếc nằm chổng gót lên. Nhìn cảnh ấy, trong tôi chỗi dậy một cảm giác kỳ lạ về tổ ấm, tôi thầm nghĩ có một người ở đó và sẽ còn ở đó, chỉ cần ta bước vài bước là nhìn thấy người ấy, kề bên người ấy, hôm nay, ngày mai và có lẽ lâu dài...

Có lẽ, tôi nghĩ, có lẽ, bao giờ cũng vẫn cái tù ấy, không sao thoát ra được! Đó là sự chắc chắn mà tôi thiếu... đó là sự chắc chắn mà thầy mọi người đều thiếu.

Tôi đi ra bãi cát, ra với biển và với gió, với tiếng sóng ì ầm như tiếng đại bác từ xa dội về.

# CHƯƠNG 16

Tôi ngồi trên bãi biển ngắm mặt trời lặn. Pat không đi cùng, cả ngày hôm nay nàng thấy khó ở. Trời xẩm tối, tôi đứng dậy về nhà, bỗng tôi thấy từ sau rừng chị ở gái tất tưởi chạy lại. Chị ta vừa vẫy vẫy vừa kêu cái gì đó. Tôi không nghe ra: tiếng gió và sóng biển quá âm. Tôi vẫy tay ra hiệu cho chị ta đứng lại, tôi đến ngay đây. Nhưng chị ta vẫn cứ chạy, hai tay bắc loa trên miệng. “Bà nhà...” tôi nghe loáng thoáng “... mau Lên...”

Tôi cảm cổ chạy. “Chuyện gì thế?”

Chị ta hôn hên. “Mau lên... bà nhà... tai họa...”

Tôi chạy theo con đường cát xuyên rừng về nhà. Cánh cổng vườn bằng gỗ bị kẹt, tôi nhảy phắt qua, đâm bổ vào phòng. Pat nằm trên giường với ngực áo đầy máu và hai bàn tay nắm chặt, máu xối từ miệng nàng. Bà Muller đứng bên cạnh nàng tay cầm mớ khăn lau và một bát nước.

“Sao thế này?” tôi kêu lên, gạt bà ta ra.

Bà ta nói cái gì đó. “Mang bông băng lại đây!” tôi hét. “Vết thương ở đâu?”

Bà nhìn tôi, môi run rẩy. “Đâu phải vết thương...”

Tôi đứng lên. “Thở huyết”, bà nói.

Tôi như bị giáng một búa vào đầu. “Thở huyết ư?” Tôi nhảy lên giăng bát nước từ tay bà. “Mang nước đá lại đây, hãy mang mau chút nước đá lại đây”.

Tôi nhúng chiếc khăn tay vào bát nước, đắp lên ngực Pat. “Trong nhà không có nước đá”, bà Muller nói. Tôi quay phắt lại. Bà ta giật lùi. “Lấy nước đá về đây, vì Chúa, hãy sai người tới quán rượu gần nhất, còn bà gọi điện thoại ngay cho bác sĩ đi!”

“Chúng tôi làm gì có máy điện thoại...”

“Đồ quạ mỏ! Thế trạm điện thoại gần nhất ở đâu?”

“Ở nhà Massmann”.

“Chạy sang đây! Mau lên! Gọi ngay cho bác sĩ gần nhất. Ông ta tên gì? Ở đâu?”

Bà ta chưa kịp nói tên tôi đã đẩy bà ta ra. “Mau, mau, chạy nhanh lên!”

Có xa không?”

“Mất ba phút”, bà ta nói, đoạn hấp tấp bỏ ra.

“Nhớ lấy cả nước đá!” tôi gọi với theo.

Bà ta gật đầu chạy biến.

Tôi lấy thêm nước và lại nhúng ướt chiếc khăn tay. Tôi không dám động vào Pat. Tôi không rõ nạng nằm như vậy đã đúng tư thế chưa và tuyệt vọng bởi không biết nổi điều duy nhất mình phải biết: liệu tôi nên luồn chiếc gối vào dưới đầu nạng hay cứ để nạng nằm thẳng như vậy.

Nạng thở khò khè, đoạn nhòem mình dậy, và một dòng máu trào khỏi miệng nạng. Nạng thở mạnh, rên rĩ, ánh mắt kinh hoàng như không còn là người, nạng cố nuốt, ho, và máu lại phọt ra. Tôi giữ chặt nạng, lựa đỡ nạng, bàn tay nâng sau vai nạng, tôi cảm thấy tấm lưng tội nghiệp của nạng quần quai đau đớn... tưởng chừng không dứt, rồi nạng rũ lả trên giường.

Bà Muller bước vào. Bà nhìn tôi như một bóng ma.

“Ta phải làm gì bây giờ?” tôi kêu lên.

“Bác sĩ sẽ đến ngay”, bà thì thào, “nước đá... chườm ngực, và nếu bà ấy chịu được, cho ngậm một ít...”

“Đặt nằm đầu thấp hay cao, nói ngay đi, trời đất ơi, mau!”

“Cứ để vậy... ông ấy đến bây giờ...”

Tôi tãi những mẩu đá lên ngực Pat, thấy nhẹ nhõm vì có thể làm một cái gì, tôi ghè nhỏ đá ra, đùm vào những chiếc khăn chườm cho nạng và lúc nào cũng chỉ nhìn thấy cái miệng méo xệch, thân thương, ngọt ngào ấy, cái miệng duy nhất, đang ứa máu ấy...

Có tiếng xe đạp lạch cạch. Tôi nhảy phắt dậy. Bác sĩ đến. “Tôi có thể giúp gì không?” tôi hỏi. Ông ta lắc đầu và giở đồ nghề ra. Tôi đứng sát ông bên giường, tay nắm chặt thành giường. Ông ngược nhìn. Tôi lùi một bước, mắt không rời ông. Ông khám sườn Pat. Nạng rên rĩ.

“Có nguy kịch không ạ?” tôi hỏi.

“Vợ anh vốn điều trị ở đâu?” ông ta hỏi lại.

“Cái gì? Điều trị gì?” tôi lắp bắp.

“Bác sĩ nào điều trị?” ông sốt ruột hỏi.

“Tôi không biết...” tôi đáp, “không, tôi không biết gì cả... tôi không cho rằng...”



Ông nhìn tôi. “Lẽ ra anh phải biết...”

“Nhưng tôi không biết. Cô ấy chưa bao giờ nói với tôi chuyện đó”. Ông cúi xuống Pat và hỏi nàng. Nàng toan trả lời. Nhưng lại nổi lên một cơn ho ngẫu máu. Bác sĩ đỡ lấy nàng. Nàng hớp hớp không khí và thở rít. “Jaffé”, nàng thốt ra trong cổ họng.

“Felix Jaffé? Giáo sư Felix Jaffé phải không?” bác sĩ hỏi. Nàng ra hiệu gật bằng mắt. Ông quay sang tôi. “Anh gọi điện cho ông ấy được không? Tốt hơn là nên hỏi ông ấy”.

“Được, được ạ”, tôi đáp, “tôi gọi tức thì. Tôi xin đón ngài sau. Jaffé phải không?”

“Felix Jaffé”, bác sĩ nói, “hãy hỏi tổng đài số điện thoại của ông ấy”.

“Cô ấy sẽ qua khỏi chứ?” tôi hỏi.

“Phải cầm máu cái đã”, bác sĩ nói.

Tôi túm lấy chị ở và cứ thẳng đường mà chạy. Chị ta trở cho tôi ngôi nhà có máy điện thoại. Tôi bấm chuông. Một nhóm người đang ngồi uống bia và cà phê. Tôi đảo mắt nhìn họ suốt lượt, không sao hiểu nổi còn có những kẻ khề khà bên vại bia trong khi Pat thổ ra máu. Trong khi lắng tai vào khoảng tối kêu o o, qua hai cánh màn cửa, tôi thấy một phần căn phòng bên cạnh, u ám và rất rõ nét. Tôi thấy một cái đầu hơi lắc lư phản chiếu ánh sáng điện vàng vọt, thấy một cái trâm cài trên thứ lụa trơn màu đen của một chiếc áo dài viền đấng ten và một cái cằm chầy xệ với kính kẹp mũi và mái đầu uốn cao ngất ngưỡng... một bàn tay già nua, xương xẩu, nổi đầy gân gỗ gỗ trên mặt bàn... tôi không muốn nhìn cảnh ấy, song tuồng như vô phương tự vệ: nó đập vào mắt tôi chẳng khác gì thứ ánh sáng quá gắt.

Rốt cuộc số máy tôi gọi cũng lên tiếng. Tôi xin gặp ông giáo sư.

“Đáng tiếc”, cô y tá nói, “giáo sư Jaffé vừa đi khỏi”.

Tim tôi ngừng đập, đoạn gỗ loạn như búa rèn. “Ông ta ở đâu? Tôi cần nói chuyện gấp với ông ta”.

“Tôi không biết. Có thể ông lại đến bệnh viện rồi”.

“Xin cô gọi hộ tới bệnh viện. Tôi chờ. Cô còn một máy điện thoại nữa mà”.

“Ông chờ cho một lát”. Tiếng o o lại tiếp tục. Cái khoảng tối không đày mà trên nó chỉ giăng độc sợi dây kim loại mỏng manh. Tôi giật mình. Cạnh tôi, trong chiếc lồng phủ kín, một con bạch yến cất tiếng hót. Giọng cô y tá

lại vang lên. “Giáo sư Jaffé đã rời bệnh viện”.

“Đi đâu?”

“Tôi thật tình không biết, thưa ông”.

Thế là hết. Tôi tựa mình vào tường. “A lô!” cô y tá nói, “Ông còn đó đấy chứ?”

“Vâng... tôi xin cô, cô y tá, cô không biết khi nào ông ta trở về sao?”

“Hoàn toàn thất thường”.

“Ông ta không nhắn lại? Ông ta phải nhắn chứ. Phòng khi có chuyện bất trắc còn biết đường mà tìm”.

“Có một bác sĩ trực ở bệnh viện”.

“Vậy cô vui lòng gọi cho ông...” - không, không ích gì, vị bác sĩ này có biết gì đâu “thôi được, thưa cô”, tôi nói, mệt muốn đứt hơi, “khi nào giáo sư Jaffé về, cô xin ông ta gọi điện ngay cho tôi”. Tôi cho cô số điện thoại. “Nhưng cô làm ơn gấp lên cho, việc khẩn lắm”.

“Ông có thể tin ở tôi, thưa ông”. Cô nhắc lại số điện và đóng máy. Tôi đứng đó, đơn độc. Những mái đầu lắc lư, cái sọ hói nhẵn, chiếc trâm và căn phòng bên giờ sao xa lắc, như một miếng cao su bóng nhoáng đung đưa. Tôi nhìn ra xung quanh. Tôi chẳng còn việc gì ở đây, ngoài việc nhờ mọi người lại tìm tôi nếu có ai gọi. Nhưng tôi không sao quyết định rời chiếc máy điện thoại cho được. Dường như làm thế là buông luôn sợi chèo dòng xuống để cứu mình. Và đột nhiên tôi hiểu phải làm gì. Tôi lại nhắc ông nghe lên, xin số máy của Koster. Cậu ta phải có mặt ở đây. Không thể khác được.

Và đây, đến từ mù mịt của đêm tối, là giọng nói bình thản của Koster. Bản thân tôi cũng lập tức trấn tĩnh, kể lại đầu đuôi cho cậu ta nghe. Tôi cảm thấy cậu ta đã ghi lại ngay những điều cần thiết.

“Được”, cậu ta nói, “mình phóng đi tìm ông ta ngay đây. Sẽ gọi cho cậu sau. Yên chí. Thế nào cũng tìm được”.

Thế là thoát. Thoát ư? Thế gian yên ả. Ma quỷ đã biến mất. Tôi chạy về.

“Sao?” bác sĩ hỏi, “Anh tìm được ông ấy rồi chứ?”

“Chưa”, tôi nói, “nhưng đã tìm được Koster”.

“Koster à? Tôi không biết ông ta. Ông ta nói gì? Ông ta đã điều trị bà nhà theo cách nào?”

“Điều trị gì kia. Có điều trị gì đâu. Koster đang đi tìm”.

“Tìm ai?”

“Jaffé”.

“Lạy Chúa, thế ông Koster ấy là ai vậy?”

“À phải... xin lỗi ông. Koster là bạn tôi. Cậu ta đi tìm giáo sư Jaffé. Tôi không sao gọi được cho ông ấy”.

“Đáng tiếc” bác sĩ nói, đoạn lại quay sang Pat.

“Cậu ta sẽ tìm được ông ấy”, tôi nói. “Chùng nào chưa chết, cậu ta nhất định tìm được ông ấy”.

Bác sĩ nhìn tôi, tuồng như tôi đã hóa điên. Đoạn ông nhún vai.

Ngọn đèn tỏa sáng trong phòng. Tôi hỏi xem liệu mình có thể giúp được việc gì chẳng. Bác sĩ lắc đầu. Tôi nhìn đăm đăm ra cửa sổ. Pat thở khò khè. Tôi đóng cửa sổ lại và ra ngưỡng cửa đứng. Tôi ngóng con đường.

Đột nhiên tôi nghe tiếng gọi, “Điện thoại nhé!”

Tôi quay lại. “Có điện thoại. Tôi chạy lại đằng đó chẳng?”

Bác sĩ nhòm phắt dậy. “Không, để tôi. Tôi biết phải hỏi gì hơn anh. Anh cứ ở đây. Chớ làm gì khác. Tôi quay lại ngay”.

Tôi ngồi xuống bên giường với Pat. “Pat”, tôi khẽ nói. “Bọn anh đều có mặt ở đây. Bọn anh trông nom em. Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cho em đâu. Không thể có chuyện gì được. Giáo sư đã gọi điện đến. Ông sẽ chỉ bảo tất cả. Mai thế nào ông cũng đích thân tới đây. Ông sẽ chữa cho em. Em sẽ khỏe. Mà sao em chẳng hề nói cho anh biết rằng em còn đang ốm? Mất chút máu chẳng can hệ gì đâu, Pat. Bọn anh sẽ bù lại nó cho em. Koster đã đón được ông giáo sư. Giờ mọi sự đều êm đẹp, Pat ạ”.

Bác sĩ trả lại. “Không phải ông giáo sư...”.

Tôi đứng dậy.

“Một người bạn của anh gọi, ông Lenz”.

“Koster không tìm được giáo sư sao?”

“Tìm được chứ. Ông ta có cho một số chỉ dẫn. Ông bạn Lenz của anh đã truyền đạt lại với tôi. Thậm chí hoàn toàn rõ ràng và chính xác. Ông bạn Lenz của anh cũng là bác sĩ chẳng?”

“Không. Cậu ta từng mơ ước làm bác sĩ. Còn Koster?”

Bác sĩ nhìn tôi. “Lenz nói Koster vừa khởi hành trước đó vài phút. Cùng

với ông giáo sư”.

Tôi phải tìm chỗ tựa lưng. “Otto”, tôi thốt lên.

“Phải”, bác sĩ bổ sung, “có một điều duy nhất anh ta nói sai. Anh ta cho rằng trong vòng hai giờ nữa họ sẽ có mặt ở đây. Tôi biết quãng đường này. Nếu phóng hết tốc lực cũng phải mất trên ba giờ. Xét cho cùng”...

“Thưa bác sĩ”, tôi đáp, “xin ông cứ tin cho. Anh ta đã nói hai giờ, anh ta sẽ có mặt ở đây trong vòng hai giờ”.

“Không thể được. Đường đầy chỗ ngoặt, lại đang đêm”.

“Rồi ông sẽ thấy”, tôi nói.

“Xét cho cùng... nếu như ông ta đến... ông ta có mặt ở đây vẫn hơn”.

Sốt ruột không chịu nổi, tôi ra ngoài trời. Bên ngoài sương đã giăng đầy. Biển rì rầm phía xa. Những giọt nước rỏ xuống từ các tán cây. Tôi nhìn xung quanh. Tôi không còn đơn độc nữa. Từ chân trời phía nam giờ đây đang vọng lại tiếng gầm rú của một động cơ xe hơi. Từ sau sương mù, sự cứu giúp đang lao tới trên những con đường tái xám, đèn pha lia ánh sáng, bánh xe rít lên, và đôi tay thép cầm lái, cặp mắt khoan vào đêm tối: lạnh lùng, tự chủ - cặp mắt của bạn tôi.

Sau này tôi được nghe Jaffé thuật lại sự việc đã diễn ra. Sau cú điện thoại của tôi, Koster lập tức gọi cho Lenz, nói phải chuẩn bị sẵn sàng. Rồi cậu ta đánh chiếc Karl lại, cùng Lenz phóng tới bệnh viện của Jaffé. Cô y tá trực cho rằng ông giáo sư đã đi dùng cơm tối. Cô mách cho Koster một lô tên quán, nơi có thể tìm được ông. Koster đi ngay. Cậu ta lao phứa qua mọi tín hiệu giao thông... chẳng thèm đếm xỉa đến đám cảnh sát toét còi lao tới. Chiếc xe tựa một con ngựa phi nước đại xuyên rừng xe cộ. Đến quán thứ tư thì tìm thấy giáo sư. Jaffé lập tức nhớ ra ca bệnh. Ông bỏ dở bữa, theo họ luôn. Họ chở ông ghé qua nhà lấy các đồ nghề cần thiết nhất. Đó là quãng đường duy nhất mà Koster tuy có phóng nhanh nhưng không lao điên cuồng. Cậu ta không muốn làm ông bác sĩ hoảng sợ quá sớm. Dọc đường, Jaffé hỏi hiện Pat nằm đâu. Koster nói tên một địa điểm cách thành phố bốn mươi cây số. Cậu ta muốn trước hết phải giữ được giáo sư trên xe đã. Mọi thứ tiếp theo sẽ tự bộc lộ. Trong khi sắp xếp túi đồ nghề. Jaffé nói cho Lenz những chỉ dẫn cần được gọi đi ngay. Đoạn ông lên xe với Koster.

“Có trầm trọng lắm không?” Koster hỏi.

“Có”, Jaffé nói.

Đúng vào khoảnh khắc ấy chiếc Karl hóa thân thành một bóng ma màu

trắng. Thoắt chồm khỏi điểm xuất phát, nó bay vọt lên phía trước. Nó luôn lách, ghéch cả hai bánh lên hè đường, phóng ngược các con đường một chiều, tìm con đường ngắn nhất ra khỏi thành phố.

“Anh điên à?” giáo sư kêu lên. Koster vọt xéo ngay dưới chiếc ba-đơ-sóc cao lênh khênh của một chiếc xe buýt, giảm ga một chút, rồi lại cho động cơ rú.

“Đi chậm lại”, ông bác sĩ hét, “anh được gì, nếu chúng ta gặp tai nạn chứ!”

“Sẽ không gặp tai nạn đâu”.

“Nếu anh cứ tiếp tục phóng thế này, chỉ hai phút nữa thôi”.

Koster ngoặt xe sang trái, vượt ngang một tàu điện.

“Sẽ không gặp tai nạn”. Giờ đây cậu ta giông xe thẳng một con phố dài. Cậu ta nhìn ông bác sĩ. “Tôi tự biết phải đưa ông đến nơi nguyên vẹn. Ông cứ yên tâm để tôi lái”.

“Nhưng lao như điên thế này phỏng ích gì! Chỉ rút ngắn được vài ba phút”.

“Không”, Koster vừa nói vừa tránh một chiếc xe tải chở đá, “chúng ta còn phải chạy hai trăm bốn mươi cây số nữa kia”.

“Sao?”

“Phải...” Karl luôn giữa một chiếc xe thư và một chiếc xe buýt, lách lên. “Tôi không muốn nói ông biết trước”.

“Mà nói trước đã sao”, Jaffé càu nhàu, “tôi chữa bệnh không căn cứ vào cây số. Anh hãy đánh xe ra ga. Ta sẽ đến đó nhanh hơn bằng xe lửa”.

“Không”, Koster đã ra tới ngoại thành. Gió thổi bạt lời nói từ miệng cậu ta. “Hỏi rồi... tàu khởi hành muộn...”. Cậu ta lại nhìn bác sĩ lần nữa, và hẳn bác sĩ đã đọc được điều gì đó trên nét mặt người thanh niên. “Thôi cũng đành”, ông càu nhàu. “Cô ấy là người yêu anh chẳng?”

Koster lắc đầu. Cậu ta không đáp lại nữa. Cậu ta đã vượt qua những khoảng vườn, ra tới đường quốc lộ. Lúc này xe chạy hết tốc lực. Ông bác sĩ thu mình, náu sau tấm kính chắn gió hẹp. Koster đưa ông cái mũ tía của mình. Còi xe rú liên tục. Tiếng rú ấy dội trở lại từ những cánh rừng. Khi xuyên qua làng mạc, bắt đắc dĩ lắmm Koster mới giảm tốc độ. Sau tiếng rền như sấm của những tiếng nổ thả sức phát ra từ ống xả, các dãy nhà rúm lại với nhau như bóng một dãy khăn phơi, chiếc xe rẽ chúng ra, xé toạc chúng

bằng ánh sáng trắng lóa của hai ngọn đèn pha và tiếp tục khoan vào đêm tối với luồng sáng xoáy phía trước.

Các bánh xe bắt đầu kêu rầm rầm... rít... huýt... hú lên... động cơ nhà hết tốc lực. Koster cúi rạp người về phía trước, thân thể cậu ta là một cái tai khổng lồ duy nhất, một cái sàng lọc tiếng rền và tiếng hú huýt, rình rập từng tiếng động lạ nhỏ, từng tiếng xèn xẹt, cọt sạt khả nghi khả dĩ giấu trong mình sự hồng hóc hay cái chết.

Đường trở nên ẩm ướt. Chiếc xe chao đảo và trượt bánh trên con đường đất sét. Koster buộc phải giảm tốc độ. Để bù lại sau đó cậu ta phóng nhanh hơn tại các khúc ngoặt. Cậu ta không lái xe bằng trí óc, mà chỉ bằng bản năng. Đèn pha chỉ rọi sáng được nửa khúc ngoặt. Vào đúng lúc xe quành, khúc ngoặt tối bùng như hũ nút. Koster phải viện đến chiếc đèn rọi: nhưng tia sáng quá mảnh. Ông bác sĩ nín lặng. Bỗng không khí lung linh trước đèn pha, nhuộm màu bàng bạc như một dải mây. Đó là khoảnh khắc độc nhất Jaffé nghe Koster chửi thề. Một phút sau họ đã bị lút giữa sương mù dày đặc.

Koster tắt đèn pha. Họ bơi giữa đám đông, những cái bóng lướt qua, cây cối, những hình thù lơ mờ trong biển sữa, không còn đường xá, chỉ còn may rủi và ánh chùng, những cái bóng nhô lên và biến mất trong tiếng gầm của động cơ.

Mười phút sau đó, khi họ thoát khỏi, mặt Koster nom phờ phạc. Cậu ta nhìn Jaffé, lăm bắm gì đó, đoạn tiếp tục phóng hết tốc lực, người gò về phía trước, lạnh lùng và lại tự chủ...

Cái nóng nhớp nháp khiến căn phòng bức bối, nặng nề. “Vẫn chưa cầm ư?” tôi hỏi.

“Chưa”, bác sĩ đáp.

Pat nhìn tôi. Tôi mỉm cười với nàng. Nhưng lại hóa ra nhăn nhó. “Còn nửa giờ nữa”, tôi nói.

Bác sĩ ngược nhìn. “Còn một tiếng rưỡi, nếu không phải là hai. Trời đang mưa”.

Những giọt mưa khê rì rào ngân nga trên các tán lá và bụi cây trong vườn. Tôi nhìn ra ngoài với cặp mắt sững sờ. Đã bao lâu rồi, kể từ bữa chúng tôi thức dậy trong đêm, ra ngồi giữa những bụi tử đinh hương, mộc tê thảo, và Pat khe khê hát những bài ca ngắn của tuổi thơ. Đã bao lâu rồi, kể từ bữa con đường trắng lóa dưới ánh trăng, và Pat len lỏi giữa các bụi cây như một con thú mảnh mai...

Tôi đi ra cửa ngóng có tới trăm lần. Ra lắm cũng vô ích thôi, tôi biết vậy, nhưng như thế sẽ rút ngắn sự chờ đợi. Không khí ẩm ướt. Tôi nguyên rửa; tôi hiểu nó sẽ gây trở ngại cho Koster. Một chú chim kêu lên trong sương mù. “Ngậm mỏ lại!” tôi gầm, và chợt nhớ tới những câu chuyện về lũ chim báo điềm gở. “Vớ vẩn”, tôi nói to và vẫn cứ rùng mình. Một con bọ cánh cứng vù vù đâu đây... nhưng nó không lại gần... nó không lại gần. Nó vù vù khe khẽ, đều đặn; giờ nó ngưng bật... giờ nó lại vỗ cánh vù vù rồi lại lần nữa... tôi thốt nhiên run rẩy... không phải tiếng côn trùng mà là một chiếc xe còn ở rất xa đang quành vào khúc ngoặt với tốc độ cao. Tôi đứng ngay đơ, nín thở để có thể nghe rõ hơn: Nó đấy... nó đấy... tiếng vù vù khe khẽ, thanh thanh như tiếng một con ong bắp cày giận dữ. Lúc này nghe mạnh hơn, tôi nhận rõ cả tiếng máy nén: chân trời căng thẳng tới mức chực vỡ toang giờ sụm xuống hòa trong cái vô tận êm ái chôn vùi đêm tối, sợ hãi, kinh hoàng... Tôi nhảy lùi lại, búi lấy cánh cửa, kêu lên: “Họ đến! Bác sĩ, Pat, họ đến. Tôi đã nghe thấy họ”.

Suốt buổi tối bác sĩ đã cho tôi là khá điên. Ông đứng dậy và cũng nghe ngóng. “Sẽ là một chiếc xe khác”, cuối cùng ông nói.

“Không, tôi thuộc tiếng động cơ mà”.

Ông nhìn tôi bực tức. Có vẻ như ông tự coi mình là chuyên gia về xe hơi. Ông cư xử với Pat kiên nhẫn và thận trọng chẳng khác gì người mẹ; nhưng nghe tôi ăn nói như vậy về xe hơi, ông long mắt nhìn tôi qua cặp kính và đòi hiểu biết hơn tôi. “Vô lý”, ông nói gọn lỏn rồi trở vào.

Tôi đứng lại bên ngoài, người run lên vì hồi hộp “Karl! Karl!” tôi kêu lên. Lúc này tiếng rì rì và tiếng rú xen lẫn nhau... chiếc xe hấn đã vào làng, nó lao giữa các ngôi nhà với tốc độ điên cuồng. Giờ đây tiếng rú lắng dần: nó đã ở sau rừng... và giờ nó trỗi dậy, dữ tợn, hân hoan, một vệt sáng xuyên qua màn sương, hai ngọn đèn pha, một tiếng sấm rền, ông bác sĩ đứng bàng hoàng bên tôi, ánh sáng vụt lao đến thỉnh linh làm lóa mắt chúng tôi, và, giật đánh két, chiếc xe dừng trước cửa vườn. Tôi lao bỏ đến. Ông giáo sư xuống xe ngay, ông không nhìn tôi, mà đi thẳng lại bác sĩ. Sau ông là Koster. “Cô ấy thế nào?” cậu ta hỏi.

“Vẫn thổ ra máu”.

“Chuyện thường thấy”, cậu ta nói, “chưa có gì đáng phải lo”. Tôi im lặng và nhìn cậu ta.

“Cậu có điều thuốc nào không?” cậu ta hỏi.

Tôi đưa thuốc cho Koster. “May mà cậu đã đến, Otto ạ”.

Cậu ta rít mấy hơi dài. “Mình nghĩ như vậy sẽ hơn”.

“Cậu phóng nhanh khiếp”.

“Cũng tạm. Chỉ gặp phải một quăng sương mù”.

Chúng tôi ngồi bên nhau trên chiếc ghế băng và chờ đợi. “Cậu cho rằng nàng sẽ qua khỏi chứ?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên. Thổ huyết chẳng nguy hiểm gì”.

“Nàng chưa hề nói với mình chuyện này”.

Koster gật. “Nàng phải qua khỏi, Otto ạ”, tôi nói.

Cậu ta không nhìn lên. “Cho mình điều nữa đi” cậu ta nói, “mình quên không mang thuốc theo”.

“Nàng phải qua khỏi”, tôi nhắc lại, “nếu không tất cả chỉ là cứt”.

Ông giáo sư đi ra. Tôi đứng lên. “Trời tru đất diệt tôi, nếu tôi còn lên xe đi với anh lần nữa”, ông bảo Koster.

“Xin ông thứ lỗi”, Koster nói, “đó là vợ của bạn tôi”.

“Thế à”, Jaffé nói và nhìn tôi.

“Cô ấy sẽ qua chứ?” tôi hỏi.

Ông chăm chú quan sát tôi. Tôi quay nhìn chỗ khác. “Thế anh tưởng tôi nữ đứng đây với anh lâu như vậy khi mà cô ấy không qua khỏi sao?” ông hỏi.

Tôi nghiêng chặt hàm răng. Tôi nắm hai bàn tay vào nhau. Tôi khóc. “Xin lỗi ông”, tôi nói, “việc cầm máu diễn ra nhanh quá”.

“Việc như vậy không bao giờ đủ nhanh cả”, Jaffé nói và mỉm cười.

“Đừng bực. Otto nhé”, tôi nói, “về chuyện mình đã khóc”.

Cậu ta ôm vai xoay người tôi đi, đẩy tôi về phía cửa.

“Vào đi. Nếu ông giáo sư cho phép”.

“Tôi đã sẵn sàng”, tôi nói, “tôi vào được chứ ạ?”

“Được, nhưng chớ có nói”, Jaffé đáp, “và chỉ một lát thôi. Cô ấy không được phép xúc động”.

Tôi không thấy gì ngoài một ánh sáng lung linh trong làn nước. Tôi chớp chớp mắt. Ánh sáng ấy đung đưa, lấp lánh. Tôi không dám quệt nước mắt, sợ Pat tưởng rằng tôi đã khóc bởi bệnh tình nàng trầm trọng. Tôi chỉ cố gượng



cười khi bước vào phòng.

Rồi tôi vội vã quay đi.

“Ông đến thế này là đúng chứ?” Koster hỏi.

“Phải”, Jaffé nói, “như vậy tốt hơn”.

“Sáng sớm mai tôi có thể lại đưa ông về”.

“Chịu thôi”, Jaffé nói.

“Tôi sẽ lái nghiêm túc”.

“Tôi muốn nán lại một ngày nữa để theo dõi. Tôi ngủ giường anh được chứ?” ông hỏi tôi. Tôi gật.

“Tốt, vậy tôi sẽ ngủ tại đây. Anh có thể nghỉ tạm trong làng được chứ?”

“Vâng. Để tôi kiếm cho ông một bàn chải đánh răng và một bộ pijama nhé?”

“Không cần thiết. Tôi có đủ cả. Bao giờ tôi cũng sẵn sàng cho những vụ như thế này. Cho dù không hẳn cho cuộc đua xe”.

“Xin ông thứ lỗi!”, Koster nói, “tôi nghĩ ông giận là phải lắm”.

“Tôi không giận”.

“Vậy tôi ân hận là đã không nói ngay cho ông biết sự thật”.

Jaffé cười. “Anh có ý nghĩ không hay về đám bác sĩ. Bây giờ anh cứ yên lòng mà đi. Tôi ở lại đây”.

Tôi nhặt nhanh nhanh vài vật dụng cần thiết cho Koster và tôi. Chúng tôi vào làng. “Cậu mệt không?” tôi hỏi.

“Không”, cậu ta nói, “chúng mình kiếm chỗ nào ngồi tí đã”.

Một giờ sau, tôi đâm lo lắng, “ông ta mà ở lại, chắc hẳn là nguy kịch, Otto ạ”, tôi nói. “Nếu không, ông ta ở lại làm gì...”.

“Mình nghĩ ông ta ở lại vì thận trọng. Ông ta rất mến Pat. Ông ta kể với mình khi tụi mình rẽ vào đây. Ông ta đã chữa cho mẹ cô ấy...”.

“Bà ta cũng...”.

“Mình không biết”, Koster vội nói, “cũng có thể một bệnh gì khác. Ta đi ngủ chứ?”

“Cứ đi đi, Otto. Mình muốn nói lại lần nữa... từ xa thôi...”.

“Được. Mình đi cùng”.

“Nghe mình này, Otto. Mình rất thích ngủ ngoài trời vào tiết ẩm áp. Cứ để mặc mình. Gần đây mình ngủ thế luôn”.

“Nhưng trời ẩm ướt mà”.

“Không hề gì. Mình sẽ nâng mui chiếc Karl lên và sẽ chui vào đó chút xíu”.

“Được. Mình cũng rất thích ngủ ngoài trời thử xem”.

Tôi nhận thấy sẽ không thoát nổi cậu ta. Chúng tôi ôm một ít chăn gối, trở lại chiếc Karl. Hai thằng tháo các dây bảo hiểm, ngả lưng dẫy ghé trước ra sau. Như thế nằm tha hồ thoải mái. “Còn hơn khối lần ngoài mặt trận”.

Koster nhận xét. Cái mảng sáng cửa sổ rọi qua lớp không khí lạnh lũng. Vài lần, tôi thấy bóng của Jaffé hằn lên.

Chúng tôi hút rỗng một bao thuốc. Rồi đèn tắt, chỉ còn le lói một ngọn đèn bàn đêm nhỏ nhoi.

“Ôn Chúa”, tôi nói.

Có tiếng rơi sẽ sàng trên mui xe. Một làn gió nhẹ thoảng tới. Trời trở lạnh. “Lấy cả chăn của mình mà đắp, Otto ạ”, tôi nói.

“Không, kệ mình, mình đủ ấm mà”.

“Một tay hết chê, ông Jaffé ấy, hả?”

“Hết chê. Rất mất cán, mình nghĩ vậy”.

“Hẳn rồi”.

Tôi choàng tỉnh khỏi giấc ngủ chập chờn thắm thòm. Ngoài trời xám và lạnh. Koster đã dậy. “Cậu không ngủ sao, Otto?”

“Có đấy chứ”.

Tôi xuống xe, nhẹ bước trên con đường vườn đến bên cửa sổ. Ngọn đèn bàn đêm nhỏ xíu vẫn sáng. Tôi nhìn Pat nằm thiêm thiếp trên giường. Trong giây lát tôi sợ nhớ đâu nàng đã chết. Nhưng rồi tôi nhận thấy, bàn tay phải của nàng động đậy. Trông nàng rất xanh. Nhưng nàng đã thôi thở huyết. Giờ đây nàng lại khẽ cựa. Cùng lúc ấy, nằm trên giường bên cạnh, Jaffé mở choàng mắt. Tôi vội lùi. Tôi yên dạ: ông ta vẫn trông chừng nàng.

“Mình nghĩ ta nên chuẩn khỏi đây”, tôi bảo Koster, “để ông ta khỏi thấy bị kiểm tra”.

“Trong ấy ổn cả chứ?” Otto hỏi.

“Ừ, cứ như mình thấy thì ổn. Ngủ ra ngủ, cái ông giáo sư ấy. Súng liên thanh có nổ bên tai vẫn ngủ, nhưng tỉnh liền hễ một con chuột nhấm đến túi bánh của mình”.

“Ta đi tắm cái chăng”, Koster nói. “Không khí nơi đây tuyệt diệu”. Cậu ta vươn vai.

“Cậu đi đi”.

“Đi với mình”, cậu ta bảo.

Bầu trời xám xịt rách toang. Những sọc đỏ da cam tràn ra. Màn mây vén lên đàng chân trời, để hiện lên phía sau một màu xanh táo hết sức trong trẻo.

Chúng tôi nhảy ào xuống nước bơi. Nước sáng lóng lánh trong sắc xám và đỏ.

Rồi chúng tôi trở về. Bà Muller đã dậy. Bà đang cắt rau mùi trong vườn. Bà giật mình khi tôi bắt chuyện với bà. Sượng sùng, tôi cố thanh minh chuyện hôm qua tôi chửi thề hơi nhiều. Bà bắt đầu khóc. “Quý bà tội nghiệp. Bà ấy đẹp thế, và còn trẻ thế”.

“Nhà tôi sẽ sống trăm tuổi”, tôi giận dữ nói, vì bà ta khóc như thể Pat sắp chết đến nơi, Pat sẽ không chết. Bình minh mát lạnh, ngọn gió, cuộc sống sáng sủa, sôi động của biển trong tôi: Pat không thể chết! Nàng chỉ có thể chết một khi tôi để mất can đảm. Đây, Koster, bạn của tôi... đây tôi, bạn của Pat... chúng tôi phải chết trước đã. Chừng nào chúng tôi còn sống, chúng tôi sẽ cứu được nàng. Bao giờ cũng vậy đấy. Chừng nào Koster còn sống, tôi không thể chết. Và chừng nào cả hai chúng tôi còn sống, Pat không thể chết.

“Con người ta phải biết quy phục định mệnh”, cô gái già nói và nhìn tôi có phần trách móc với bộ mặt táo héo nhăn nheo, nâu xỉn của mình. Hình như cô muốn ám chỉ những lời tôi chửi rủa.

“Quy phục ấy à?” tôi nói. “Đề làm gì? Chẳng ích gì cả. Ở đời, người ta phải trả giá hết thảy mọi thứ, gấp đôi, gấp ba. Vậy còn phải quy phục làm gì nữa?”

“Phải chứ, phải chứ... như thế tốt hơn”.

Quy phục, tôi nghĩ. Làm thế thay đổi được gì nào? Đấu tranh, đấu tranh, đó là cách duy nhất trong cuộc vật lộn mà rốt cuộc rồi mình cũng thua này. Đấu tranh vì cái chút ít ta yêu. Bảy mươi tuổi hãy quy phục cũng chưa muộn.

Koster nói vài lời với bà Muller. Bà lại mau chóng mỉm cười và hỏi cậu ta muốn ăn gì vào buổi trưa.

“Cậu xem”, Otto nói, “đó là quà tặng của tuổi già. Nước mắt và nụ cười... cứ là thay đổi xoành xoạch. Chẳng chút vương vẩn. Có lẽ rồi ta cũng thế thôi!”, cậu ta nói về trầm ngâm.

Chúng tôi đi vòng quanh ngôi nhà. “Nàng ngủ được thêm phút nào, tốt phút ấy”. Chúng tôi lại vào vườn. Bà Muller đã dọn xong bữa điểm tâm. Chúng tôi uống cà phê đen nóng. Mặt trời lên. Trời lập tức âm áp. Lá cây lóng lánh bởi ánh sáng và nước đọng. Từ biển vọng vào tiếng kêu của bầy hải âu. Bà Muller đặt một bó hồng lên bàn. “Đề lát nữa chúng ta tặng bà”, bà nói. Hương thơm những đóa hồng gợi nhớ các dãy tường vườn và tuổi ấu thơ. “Otto, cậu biết không”, tôi nói, “mình có cảm giác như chính mình vừa ốm dậy. Mình không như trước kia nữa. Lẽ ra mình phải bình tĩnh hơn. Chấn chấn hơn. Càng bình tĩnh, càng giúp ích nhiều hơn”.

“Không phải bao giờ cũng giữ được như thế đâu, Robby ạ. Chính mình cũng đã trải qua những lúc tương tự. Càng sống lâu bao nhiêu, người ta càng dễ nóng nảy bấy nhiêu. Giống như một ông chủ nhà băng cứ phải chứng kiến hết vụ thua lỗ này đến vụ thua lỗ khác”.

Cửa mở. Jaffé bước ra trong bộ pijama. “Tốt đẹp, tốt đẹp cả”, ông đưa tay ngăn khi thấy tôi suýt xô đổ bàn cà phê, “không thể mong gì hơn thế”.

“Tôi vào được không?”

“Chưa được. Chị hầu phòng đang ở trong ấy. Rửa ráy, thu dọn gì đó”.

Tôi rót cà phê mời ông. Ông nheo mắt nhìn mặt trời, đoạn quay sang Koster. “Thực ra tôi phải cảm ơn anh. Ít nhất tôi cũng được hưởng một ngày thoáng khỏe”.

“Ông thừa sức thực hiện thường xuyên hơn những cuộc đi như thế này”, Koster nói. “Tối trước đi, tối sau trở về”.

“Thừa sức, thừa sức”, Jaffé đáp. “Anh đã nhận thấy chúng ta đang sống trong một thời đại con người tự cắn xé mình hay chưa? Rằng người ta vẫn có không làm rất nhiều cái mà người ta thừa sức làm, tuy không hiểu tại sao. Ngày nay, công việc đã trở thành một cái gì phi thường, bởi rất nhiều người không có việc làm, tới mức nó đè bẹp mọi thứ khác. Nơi đây đẹp biết bao! Đã hàng năm nay tôi không được thấy. Tôi có hai xe hơi, một căn hộ mười phòng và dư dật tiền... nhưng tôi được gì ở chúng! Chúng là cái gì so với buổi sáng hè ngoài trời này! Công việc - một điều ám ảnh tâm tôi, bao giờ cũng với ảo tưởng rồi đây mọi sự sẽ khác. Sẽ chẳng khi nào khác cả đâu. Ta biến cuộc đời ta thành một cái gì nực cười”.

“Tôi cho rằng người thầy thuốc là một trong số ít người biết được mình sống để làm gì”, tôi nói. “Nếu đã vậy, một anh chàng kế toán biết nói sao đây?”

“Anh bạn thân mến”, Jaffé đáp, “thật là nhầm nếu tưởng rằng thiên hạ ai cũng có khả năng cảm xúc như nhau”.

“Đồng ý”, Koster nói, “nhưng con người ta đâu được quyền chọn nghề nghiệp theo khả năng cảm xúc của mình”.

“Đúng”, Jaffé đáp. “Những vấn đề nan giải”. Ông gật đầu với tôi. “Giờ anh vào đi... nhưng phải bình tĩnh... chớ động vào cô ấy, chớ để cô ấy nói”.

Nàng nằm lút trong đám gôi, kiệt lực, như bị đánh gục. Mặt nàng tái xanh, mắt thâm quầng, môi nhợt nhạt. Chỉ có đôi mắt là to và sáng.

Quá to và quá sáng.

Tôi cầm tay nàng lên. Bàn tay nàng lạnh và khô héo. “Pat, bạn can trường của anh”, tôi nói lúng túng và toan ngồi xuống với nàng. Chợt tôi phát hiện bên cửa sổ bộ mặt bánh bao tròn vo của chị ở gái đang giương mắt tò mò nhìn tôi. “Chị ra đi”, tôi cúi kính nói.

“Nhưng tôi phải kéo rèm cửa”, chị ta đáp.

“Được, kéo mau rồi ra đi”.

Chị ta kéo mấy tấm rèm màu vàng che cửa sổ, nhưng đã chịu đi cho đâu. Chậm chạp, chị ta bắt đầu lấy ghim găm rèm lại.

“Chị kia”, tôi nói “đây không phải rạp hát. Chị biến cho mau”.

Chị ta phớt tỉnh quay người lại. “Lúc đầu bảo găm, giờ lại bảo thôi”.

“Em nhờ chị ta à?” tôi hỏi Pat.

Nàng gật.

“Ánh sáng trời làm em khó chịu sao?” tôi hỏi.

Nàng lắc đầu. “Hôm nay anh đừng nhìn em quá rõ thì hơn...”.

“Kia Pat!” tôi hoảng sợ bảo, “em chưa được phép nói! Nhưng nếu đó là toàn bộ lý do”...

Tôi mở cửa, và thế là chị ở cuộn xéo. Tôi trở vào. Lúc này đã hết lúng túng. Thậm chí tôi còn lấy làm mừng vì đã chạm trán với chị ở. Vô tình chị ta giúp tôi vượt qua cái khoảnh khắc đầu tiên. Thật không gì khổ tâm hơn là phải nhìn Pat nằm như thế.

Tôi ngồi xuống bên giường. “Pat”, tôi nói, “chẳng mấy chốc em sẽ bình phục...”.

Nàng mấp máy môi. “Mai thôi...”

“Mai thì chưa, nhưng vài ngày nữa. Rồi em sẽ dậy được và chúng mình sẽ về nhà. Lẽ ra chúng mình chẳng nên đến đây, không khí ở đây không hợp với sức em...”.

“Sao lại không”, nàng thì thào, “em có ốm đâu, anh Robby. Đó chẳng qua chỉ là một tai nạn...”.

Tôi nhìn nàng. Nàng thật sự không biết nàng ốm chẳng? Hay nàng không muốn biết? Cặp mắt nàng đưa đi đưa lại vẻ lo lắng. “Anh đừng sợ...” nàng thì thào. Tôi không hiểu ngay ý nàng, không hiểu tại sao nàng lại quan tâm tới chuyện chính tôi không nên sợ. Tôi chỉ thấy nàng thắc thỏm bồn chồn, ánh mắt lộ vẻ khẩn thiết, khắc khoải kỳ lạ. Thốt nhiên một ý nghĩ đến trong tôi. Tôi đã hiểu tâm trạng nàng. Nàng tưởng tôi e sợ nàng vì bệnh tật của nàng. “Lạy Chúa. Pat”, tôi nói, “có lẽ vì thế mà em không hề hé chút sự thật với anh?”

Nàng không đáp, nhưng nhìn nàng thì biết là đúng như vậy.

“Khốn nạn”, tôi nói, “thế em cho anh là người thế nào?”

Tôi cúi xuống nàng. “Em nằm yên một lát, đừng động đậy”. Tôi hôn nàng. Đôi môi nàng khô và nóng bỏng. Khi ngẩng lên, tôi thấy nàng khóc. Nàng khóc lặng lẽ với cặp mắt mở to, gương mặt bất động. Nước mắt cứ thế trào ra.

“Hãy vì Chúa, Pat...”.

“Em sung sướng quá”, nàng nói.

Tôi đứng sững nhìn nàng. Đó chỉ là một lời nói nhưng là một lời nói mà tôi chưa hề được nghe như thế. Tôi đã biết nhiều đàn bà, nhưng chỉ toàn là những cuộc gặp gỡ thoáng qua, những chuyện phiêu lưu, đôi khi một giờ hoan lạc, một chiều lẻ loi, sự trốn tránh trước chính mình, trước nỗi tuyệt vọng và trống rỗng. Mà tôi cũng chẳng mong muốn gì hơn, bởi tôi đã học được rằng con người ta không thể tin vào thứ gì khác ngoài tin vào bản thân mình, cùng lắm vào một người bạn nữa. Giờ đột nhiên tôi nhận thấy mình có ý nghĩa trước một con người, đơn giản vì mình có mặt, và con người ấy sung sướng có mình ở bên. Nói ra nghe hết sức giản dị, nhưng nếu suy nghĩ kỹ, đó lại là một cái gì phi thường, hầu như vô bờ bến. Đó là thứ có thể xé tan và biến đổi một con người. Đó là tình yêu, nhưng còn là một cái gì khác nữa,

cái mà vì nó ta có thể sống. Một người đàn ông không thể sống vì tình yêu. Nhưng vì một con người thì hẳn được.

Tôi muốn nói điều gì đó mà không nổi. Khi thật sự có điều cần nói, sao khó tìm ra lời đến thế. Và nếu có tìm được đúng lời, cũng ngượng ngùng chẳng dám nói ra. Tất cả những từ khuôn sáo này vẫn thuộc về các thế kỷ trước. Thời đại của chúng mình chưa biết cách diễn đạt thành lời tình cảm của nó. Nó chỉ có thể lột tả tình bạn... còn mọi thứ khác đều không thật.

“Pat”, tôi nói, “bạn can trường, quả cảm của anh...”.

Vừa lúc ấy Jaffé bước vào. Ông lập tức thâu tóm được tình cảnh. “Thành tích tuyệt vời nhỉ”, ông càu nhàu, “tôi đã biết ngay mà”.

Tôi toan đáp lời ông, nhưng đã bị ông tổng gợn khỏi cửa.

# CHƯƠNG 17

Đã qua hai tuần, Pat đủ hồi phục để chúng tôi có thể trở về. Chúng tôi sửa soạn xong xuôi hành lý, đang chờ Gottfried Lenz. Cậu ta phải đến đánh xe về. Pat và tôi sẽ đón xe lửa.

Đó là một ngày âm áp, ngà màu sữa. Trên trời, mây đứng lặng như những cụm bông, hơi nóng run rẩy trên các đụn cát, và biển lặng như chì trong màn hơi sáng sáng, lung linh.

Gottfried đến sau bữa ăn trưa. Từ xa, tôi đã thấy mái tóc hoe vàng của cậu ta sáng rực trên bờ dậu. Phải tới lúc Gottfried rẽ vào con đường dẫn đến biệt thự của bà Muller, tôi mới nhận thấy cậu ta không chỉ đến một mình... xuất hiện cạnh cậu là một tay đua rơm nhỏ thó... Chiếc mũ carô to tương đối ngược phù hiệu ra sau, đôi mắt kính ngăn bụi choán gần hết mặt, bộ áo liền quần trắng lớp, và cặp tai voi đỏ rực như hồng ngọc.

“Ôi trời, té ra thằng Jupp!”, tôi sửng sốt nói.

“Chính nó, thưa cậu Lohkamp!”, Jupp toét miệng cười.

“Lại còn diêm dúa chưa kia! Mà làm trò gì thế hả?”

“Thì cậu thấy đấy”, Lenz nói vẻ khoái trá và bắt tay tôi. “Cu cậu đang được đào tạo thành tay lái xe đua. Đã tám ngày nay mình kèm cặp nó. Hôm nay nó cứ van lạy mình cho đi theo. Một cơ hội tốt để cu cậu chạy chuyên đường trường đầu tiên”.

“Tôi sẽ thành tài, thưa cậu Lohkamp!”, Jupp hăng hái quả quyết.

“Và thành tài như thế nào chứ!”, Gottfried tùm tùm cười. “Mình chưa từng thấy thằng khùng nào rượt xe điên cuồng như nó. Ngay ngày đầu to toe cầm lái, với chiếc tácxì cà khổ của tụi mình, nó đã dám tìm cách vượt một chiếc Mercedes có máy nén khí. Thằng quỷ con đáng nguyên rủa!”.

Jupp tan ra trong hạnh phúc, nhìn Lenz bằng ánh mắt tôn thờ.

“Tôi ngỡ đâu có thể nuốt chửng cái con chim huênh hoang ấy, thưa cậu Lenz! Tôi những muốn chộp nó ở khúc quanh, giống cậu Koster”.

Tôi phì cười. “Mày mở đầu khá đấy, Jupp ạ”.

Gottfried nhìn xuống cậu học trò với vẻ hãnh diện của ông bố.

“Bây giờ trước hết mày hãy chộp lấy đồng va-li và mang ra ga”.



“Một mình ạ?”. Jupp chực nổ tung vì hồi hộp. “Tôi được phép lái hoàn toàn một mình quãng đường từ đây ra ga chứ cậu Lenz?”

Gottfried gật, và Jupp phóng thẳng vào nhà.

Chúng tôi gửi hành lý. Đoạn quay lại đón Pat ra ga. Chúng tôi có mặt sớm mười lăm phút. Ngoài ke vắng tanh. Chỉ có vài bình sữa đứng vắt vường.

“Các cậu đi đi thôi”, tôi nói, “kéo về tới nhà quá muộn”.

Ngồi bên tay lái, Jupp nhìn tôi vẻ bất mãn.

“Mày không thích nghe nói vậy, hả?”, Lenz hỏi nó.

Jupp ưỡn thẳng người. “Cậu Lohkamp”, nó nói giọng trách móc, “Tôi đã tính toán chính xác. Đúng tám giờ chúng tôi sẽ có mặt đằng hoàng ở xưởng”.

“Rất chuẩn!”. Lenz vỗ vai nó. “Thách cậu ấy cuộc đi, Jupp. Để lấy một chai nước suối”.

“Nước suối thì không”, Jupp đáp, “nhưng một bao thuốc lá thì tôi dám cược ngay”.

Nó nhìn tôi khiêu khích.

“Mày đã biết là đường khá tòi đáy chứ?”, tôi hỏi.

“Tính rả rồi, thưa cậu Lohkamp!”

“Và mày cũng nghĩ tới các khúc ngoặt rồi chăng?”

“Khúc ngoặt chằng nghĩa lý gì đối với tôi. Tôi không biết sợ là gì”.

“Được, Jupp”, tôi nghiêm trang nói. “Vậy tao sẽ giữ lời cuộc. Nhưng dọc đường ông Lenz không được phép cầm lái đâu đấy”.

Jupp đặt bàn tay lên ngực. “Thề danh dự!”

“Được rồi, được rồi. Nhưng nói nghe thử, mày nắm khur khur trong tay cái gì vậy?”

“Đồng hồ bấm giờ của tôi. Tôi sẽ theo dõi thời gian dọc đường. Tôi muốn biết cái xe này sức chạy đến đâu”.

Lenz tùm tùm cười. “Thấy chưa, các bạn, Jupp được trang bị hết nhẽ nhé. Mình tin là thoát thấy nó, chiếc Citroen già nua, dững mãnh đã run bắn mọi pistông lên rồi”.

Jupp không nghe thấy lời giễu cợt. Nó nóng nảy vạy vò cái mũ của mình.

“Vậy ta đi chứ, cậu Lenz? Cuộc là cuộc mà!”.

“Cô nhiên! Đồ máy nén tí hon! Tạm biệt nhé, Pat! Chào, Robby!”. Gottfried leo lên ghế. “Nào, Jupp, giờ hãy cho quý cô đây thấy con người hào hoa phong nhã, nhà quán quân tương lai của thế giới, xuất phát ra sao”.

Jupp kéo sụp kính đưa xuống mắt, vẫy tay như một tay đua kỳ cựu và mau lẹ vào số một, băng con đường lát đá lao ra đường cái lớn.

Pat và tôi còn ngồi một lát trên chiếc ghế dài trước nhà ga. Mặt trời nóng rực, sáng chói, trải ánh nắng trên tấm vách gỗ ngăn trước ke. Mùi nhựa thông và vị muối mặn thoang thoảng. Pat ngả đầu ra sau, nhắm mắt lại. Nàng ngồi im không nhúc nhích, mặt hướng ra đón nắng.

“Em mệt không?”, tôi hỏi.

Nàng lắc đầu. “Không đâu, anh Robby”.

“Tàu đến kia rồi”, tôi nói.

Đầu máy ị ạch chạy tới, đen chũi, nhỏ thỏ và lạc lõng trước không gian mênh mông, lung linh nắng. Chúng tôi lên tàu. Tàu vắng khách. Nó phì phò khởi hành. Khói phả ra từ đầu máy đọng lại dày đặc, đen kịt trên nền trời. Phong cảnh lần lượt diễu qua: làng mạc với những mái nhà tranh nâu xỉn, những đồng cỏ đầy bò ngựa, cánh rừng, và rồi, yên ả và say ngủ trong cái thung lũng nằm sau những đụn cát là ngôi nhà của bà Muller.

Pat đứng cạnh tôi bên cửa sổ tàu nhìn ra. Con đường cua gập lại, có thể nhìn rõ cửa sổ phòng chúng tôi. Cửa mở toang, tấm nệm trắng được phơi một nửa ra nắng.

“Bà Muller kia”, Pat nói.

“Ừ nhỉ”.

Ba đứng trước cửa nhà vẫy vẫy. Pat rút khăn tay của nàng ra, giờ nó bay phấp phật trước cửa tàu.

“Bà ấy chẳng thấy được đâu”, tôi nói, “khăn nhỏ và mỏng quá. Đây, lấy khăn anh này”.

Nàng cầm lấy, vẫy. Ba Muller vẫy lại rồi rít.

Con tàu dần dần ra giữa cánh đồng thoáng đãng. Ngôi nhà chìm đi, các đụn cát cũng biến mất. Phía sau cái vạch đen của rừng, hồi lâu nữa, thỉnh thoảng biển vẫn lóng lánh hiện ra. Lóng lánh như một con mắt uể oải, rình mò. Rồi cái màu xanh lá mạ dịu dịu của đồng ruộng, rồi sóng lúa trải tận chân trời, gợn lên trong gió nhẹ.

Pat đưa lại khăn tay cho tôi và ngồi vào một góc. Tôi kéo cửa sổ lên. Thế

là qua! Tôi nghĩ, ơn Chúa, qua rồi! Chẳng là gì ngoài một giấc mộng! Con ác mộng đáng nguyên rủa!

Chúng tôi về tới thành phố trước sáu giờ. Tôi gọi một chiếc taxi, chất va-li lên. Đoạn chúng tôi về nhà Pat.

“Anh cùng lên chứ?”, nàng hỏi.

“Tất nhiên”.

Tôi đưa nàng lên, rồi trở xuống cùng tay tài xế chuyển hành lý. Khi quay lại, vẫn thấy Pat đứng ở tiền phòng. Nàng đang nói chuyện với ông trung tá von Hake và bà vợ ông ta.

Chúng tôi vào phòng nàng. Bên ngoài, màn chiều sáng sủa vừa buông. Trên bàn, cắm trong bình thủy tinh, là những đóa hồng phơn phớt đỏ. Pat đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Đoạn nàng quay người lại. “Chúng mình đã vắng mặt bao lâu, anh Robby nhỉ?”

“Đứng mười tám ngày”.

“Mười tám ngày. Em cảm thấy lâu hơn thế nhiều”.

“Anh cũng vậy. Bao giờ đi xa mà chẳng tưởng thế”.

Nàng lắc đầu. “Em nghĩ khác...”

Nàng mở cửa bước ra ban công. Ngoài ấy có một chiếc ghế xếp dài màu trắng tựa bên tường. Nàng kéo nó lại gần, lặng lẽ nhìn.

Khi quay vào, nét mặt nàng biến đổi, cặp mắt u tối.

“Em hãy trông những đóa hồng”, tôi nói. “Koster tặng đấy. Cậu ta để lại danh thiếp đây này”.

Nàng cầm tấm danh thiếp lên, rồi lại đặt xuống mặt bàn. Nàng nhìn bó hồng, nhưng tôi thấy nàng hầu như không nhận ra chúng. Tâm trí nàng còn lẩn quẩn bên chiếc ghế dài. Nàng đã tưởng thoát được nó, thế mà giờ này không khéo nó lại bám theo nàng suốt đời.

Tôi để nàng yên, không nói gì nữa. Lái ý nghĩ của nàng sang hướng khác cũng vô ích thôi. Nàng phải làm quen với hiện trạng mới, và tốt hơn là nàng ý thức được nó ngay từ bây giờ, khi có tôi bên nàng. Dù nói hay nói giỏi đến đâu cũng chỉ trì hoãn được ít lâu, nhưng rồi điều đó vẫn sẽ xảy ra, và không chừng khi ấy còn khó chịu hơn nhiều.

Nàng đứng thế hồi lâu, mặt cúi xuống, tay chống lên bàn. Đoạn nàng ngẩng đầu nhìn tôi. Tôi không nói gì. Nàng thong thả đi vòng quanh bàn, đặt

tay lên vai tôi.

“Bạn can trường của anh”, tôi nói.

Nàng nép mình vào tôi. Tôi ôm ghì lấy nàng. “Từ giờ chúng mình sẽ nhìn thẳng vào sự việc, nghe em?”

Nàng gật. Đoạn nàng vuốt tóc ra sau. “Phút yếu đuối thoảng qua thôi, anh Robby ạ”.

“Tất nhiên”.

Có tiếng gõ cửa. Cô hầu phòng đẩy bàn trà vào. “Hay lắm”, Pat nói.

“Em uống trà nhé?”, tôi hỏi.

“Không, cho em cà phê, cà phê ngon, pha đặc”.

Tôi ở lại thêm nửa giờ. Rồi nàng cảm thấy mệt. Nhìn mặt nàng thì biết. “Em nên ngủ một chút đi”, tôi khuyên nàng.

“Còn anh?”

“Anh cũng về nhà chớp mắt một lát. Hai giờ nữa, anh sẽ đến đưa em đi ăn”.

“Anh mệt ư?”, nàng ngờ vực hỏi.

“Ừ, hơi mệt. Trong tàu quá nóng. Anh còn phải rẽ qua xưởng một cái”.

Nàng không hỏi gì thêm. Nàng mệt rũ và cứ thế thiêu đi. Tôi bế nàng vào giường, đắp chăn cho nàng. Nàng lập tức thiếp ngủ. Tôi đem bình hoa đặt bên nàng, cài cả danh thiếp của Koster vào đó, để khi tỉnh giấc, nàng có ngay chút gì giải khuây. Rồi tôi ra về.

Đọc đường, tôi dừng lại trước một trạm điện thoại tự động. Tôi quyết định gọi ngay bây giờ cho giáo sư Jaffé. Gọi từ nhà sẽ gặp trở ngại. Vì phải tính sao cho cả nhà trọ khỏi nghe lỏm chuyện.

Tôi nhắc ông nghe, xin số máy của bệnh viện. Lát sau, ông Jaffé cầm máy. “Lohkamp đây ạ”, tôi vừa nói vừa háng giọng. “Chúng tôi vừa về hôm nay. Có mặt cách đây một giờ”.

“Anh chị về bằng xe hơi ư?”, Jaffé hỏi hỏi.

“Không, bằng xe lửa”.

“Vây à, tình hình thế nào?”

“Tốt ạ”. Tôi đáp.

Ông suy nghĩ một giây. “Mai tôi sẽ đến thăm bệnh cho cô Hollmann.

Mười một giờ trưa mai. Anh báo cho cô ấy được chứ?”

“Không”, tôi nói. “Tôi không muốn để cô ấy biết tôi đã gọi cho ông. Thế nào mai cô ấy cũng tự điện thoại đến ông. Có gì, ông bảo cô ấy luôn”.

“Được. Ta thỏa thuận như vậy. Tôi sẽ nói với cô ấy”.

Tôi máy móc gạt cuốn danh bạ điện thoại dày cộp, cái bản sang bên. Trên chiếc bục gỗ nhỏ cuốn danh bạ dày đặc những số điện thoại ghi nguệch ngoạc bằng bút chì. “Chiều mai tôi ghé ông được không ạ?”

Jaffé không đáp. “Tôi nóng lòng muốn biết tình trạng sức khỏe của cô ấy”.

“Mai tôi chưa thể nói gì với anh đâu”, Jaffé đáp. “Tôi phải theo dõi cô ấy ít nhất một tuần. Nhưng rồi tôi sẽ cho anh biết”.

“Cám ơn ông”. Tôi vẫn nhìn trân trân vào cái bục gỗ trước mặt. Có kẻ nào đã vẽ lên đó một cô ả béo hù đội mũ rơm rộng vành, dưới ghi “Ella, đồ dê cái!”

“Trong khi điều trị, cô ấy có phải làm gì đặc biệt nữa không ạ?” tôi hỏi.

“Để mai tôi còn xem. Nhưng tôi cho rằng ở đằng nhà, cô ấy được chăm sóc hết sức chu đáo”.

“Tôi không tệ. Nghe đâu tuần sau gia đình ông Hake sẽ đi du lịch. Như vậy chỉ còn mình cô ấy ở nhà với chị hầu phòng”.

“Vậy à? Được, mai tôi cũng sẽ bàn với cô ấy chuyện này”.

Tôi lại kéo cuốn danh bạ đề lên hình vẽ.

“Ông có cho rằng cô ấy... rằng một con như thế có thể tái phát không?”

Jaffé đắn đo một giây. “Tất nhiên là có thể”, đoạn ông nói. “Nhưng cũng không hẳn. Tôi chỉ có thể trả lời anh sau khi đã khám nghiệm kỹ càng cô ấy. Tôi sẽ điện thoại cho anh sau”.

“Vâng, cám ơn ông”.

Tôi móc ống nghe lên. Ra ngoài, tôi còn đứng thẩn một lúc trên đường phố. Không khí bụi bặm, oi bức. Rồi tôi đi về nhà.

\*\*\*

Tôi chạm trán bà Zalewski ở cửa. Từ phòng bà Bender, bà vọt ra như một viên đạn đại bác. Thấy tôi, bà dừng lại. “Sao, đã về đấy à?”

“Thì bà thấy đây. Có gì lạ không?”

“Vớ nhà, chẳng có gì cả. Thư từ cũng không. Nhưng bà Bender đã dọn đi”.

“Thế à? Sao vậy?”

Bà Zalewski hai tay chống nạnh. “Vi đâu đâu cũng đầy rẫy những quân đê tiện. Bà ấy vào viện tế bần Thiên Chúa giáo rồi. Vớ con mèo và vòn vện hai mươi sáu mác giắt lưng”.

Bà kể rằng trại trẻ nơi bà Bender nuôi giữ trẻ đã bị phá sản. Lão giám đốc, một mục sư, thua lỗ trong vụ đầu cơ chứng khoán. Bà Bender bị sa thải, đã thế còn mất trắng hai tháng lương chưa kịp lĩnh.

“Bà ấy đã tìm được việc mới chưa?”, tôi hỏi không suy nghĩ.

Bà Zalewski chỉ nhìn tôi.

“Ừ, mà tất nhiên chưa”, tôi nói.

“Tôi đã bảo bà ấy yên tâm ở lại đây. Việc trả tiền nhà hẵng cứ thư thả, không vội gì. Nhưng bà ấy không nghe”.

“Hầu hết người nghèo đều khải tính”, tôi nói. “Giờ ai sẽ thuê phòng đó?”

“Vợ chồng Hasse. Phòng này rẻ hơn phòng họ hiện ở”.

“Thế còn phòng Hasse cũ?”

Bà ta nhún vai. “Đề còn xem. Tôi cũng chẳng hy vọng gì có người đến thuê nó”.

“Bao giờ phòng ấy trống?”

“Mai. Vợ chồng Hasse đã đang rậm rịch dọn rồi”.

“Giá thuê căn phòng bao nhiêu?”, tôi hỏi, chợt nảy ra một ý.

“Bảy chục mác”.

“Đắt quá”, tôi nói, giờ đã hoàn toàn tỉnh táo.

“Kể cả cà phê sáng, hai bánh mì con vớ khá nhiều bơ cơ mà?”

“Được đây. Nhưng bà phải cắt bớt suất cà phê sáng ả Frida pha đi. Năm chục mác, không thêm một xu”.

“Anh định thuê chắc?”, bà Zalewski hỏi.

“Có lẽ thế”.

Tôi vào buồng mình, trầm ngâm quan sát cánh cửa thông sang phòng

Hasse, Pat sống trong nhà trọ Zalewski! Không, ý định này chẳng hay ho chút nào! Tuy vậy, lát sau tôi vẫn sang gõ cửa phòng họ.

Bà Hasse có nhà. Giữa gian phòng đã dọn quang một nửa, bà ngồi trước gương, đầu đội mũ, đang thoa phấn.

Tôi chào bà, mắt nhìn kỹ căn phòng. Phòng rộng hơn tôi tưởng. Giờ đây, khi một phần đồ gỗ đã được dọn đi rồi, mới có thể nhận rõ điều ấy. Giấy bồi tường một màu, sáng sủa và còn khá mới, cửa ra vào, cửa sổ vừa sơn lại, ban công rộng rãi, đẹp đẽ.

“Hử anh đã nghe nói giờ lão đòi tôi làm gì”, bà Hasse nói. “Tôi phải dọn vào ở trong căn buồng của con mụ ấy! Rõ nhục!”

“Nhục ư?”

“Phải, nhục!”, bà giận dữ tuôn ra. “Mụ ấy và tôi không chịu nổi nhau, anh còn lạ gì, ấy vậy mà giờ lão Hasse ép tôi phải dọn sang buồng mụ, không ban công, lại có độc một cửa sổ. Chỉ vì rẻ hơn! Anh thử nghĩ, ở trong viện tế bần, con mụ ấy nó sẽ đặc ý đến đâu!”

“Có gì mà đặc ý”.

“Có đấy, mụ đặc ý phải biết, cái con mụ coi trẻ giả nhân giả nghĩa, miệng nam mô bụng một bồ dao găm ấy! Đã thế lại thêm cái con điếm Erna Bonig ở sát vách! Sặc mùi mèo!”

Tôi sững sốt ngược nhìn bà. Miệng nam mô bụng một bồ dao găm ư? Kể cũng lạ: khi chửi rửa, con người ta tìm những lối nói đến là giàu hình ảnh và mới mẻ. Cách bày tỏ của tình yêu sao lặp lại muôn thưở... trong khi những lời nguyên rửa cứ biến hóa trăm vẻ ngàn hình.

“Mèo là giống vật xinh đẹp và rất sạch sẽ”, tôi nói. “Thêm nữa, tôi vừa ở phòng ấy về. Có thấy mùi mèo miếc gì đâu”.

“Thế hả?”, bà Hasse đáp giọng thù địch và sửa lại mũ cho ngay ngắn, “có lẽ còn tùy mũi từng người. Nhưng tôi thì đừng hòng mong tôi mó tay vào dọn! Mặc xác lão tự vẫn giường tủ sang đây. Tôi đi chơi! Ít nhất tôi cũng muốn chơi bời một tí giữa cuộc sống chó má này!”

Bà đứng dậy. Gương mặt búng run lên vì giận dữ, tới mức long cả phấn. Tôi thấy môi bà son đỏ chót, và nhìn chung bà diện rất chói. Khi bà sột soạt đi ra, người bà thơm sực nức như cả một tiệm nước hoa.

Tôi sững sờ nhìn theo bà. Đoạn tôi ngắm kỹ căn phòng lần nữa. Tôi suy tính xem nên sắp đặt giường tủ của Pat vào chỗ nào. Nhưng rồi tôi nhanh

chóng nghĩ sang chuyện khác. Pat ở đây, luôn luôn ở đây, bên tôi... tôi không sao hình dung nổi! Giá thử nàng mạnh khỏe, có lẽ tôi đã chẳng bao giờ dám có ý nghĩ ấy. Nhưng như hiện giờ... tôi mở cửa, ước lượng bề rộng của ban công. Nhưng rồi tôi lắc đầu và bỏ về buồng mình.

\*\*\*

Khi tôi bước vào phòng nàng, nàng vẫn ngủ. Tôi se sẽ ngồi xuống chiếc ghế bành đặt cạnh giường, nhưng nàng lập tức thức giấc.

“Tiếc là anh làm em tỉnh giấc”, tôi nói.

“Anh vẫn ngồi đây suốt đây à?”, nàng hỏi.

“Không. Anh vừa quay lại xong”.

Nàng vươn vai, áp mặt vào tay tôi. “Thế thì hay. Em không thích có người nhìn em ngủ”.

“Anh hiểu. Anh cũng như em, không thích thế. Nhưng anh đâu chủ tâm nhìn em ngủ. Anh chỉ không muốn đánh thức em. Em không chớp mắt lấy một lát nữa sao?”

“Không, em ngủ đây giấc rồi. Em dậy ngay đây”.

Tôi đi sang phòng bên trong khi nàng mặc quần áo. Bên ngoài trời tối dần. Từ cửa sổ mở toang của nhà đối diện, một chiếc máy hát mở oang oang khúc quân hành Hohenfriedberg. Một gã hói đầu, bụng phệ phải mang dây đeo quần, đang vặn máy. Gã đi đi lại lại trong phòng và làm những động tác thể dục theo nhịp nhạc. Cái đầu hói bóng nhoáng của gã nổi lên giữa bóng tối chạng vạng như một vàng trắng hiếu động. Tôi hững hờ nhìn cảnh ấy. Tôi cảm thấy thần thờ và rầu rĩ.

Pat bước vào. Trông nàng xinh tuyệt, hết sức tươi tắn, chẳng còn chút mệt mỏi. “Em đẹp quá”, tôi ngạc nhiên nói.

“Em cảm thấy khỏe nữa, anh Robby ạ. Như thể vừa được ngủ suốt đêm ấy. Con người em đổi khác nhanh lắm”.

“Phải, có Chúa chứng giám! Đôi khi nhanh tới mức người khác theo không kịp”.

Nàng tựa vào vai tôi, nhìn tôi. “Nhanh quá hả, anh Robby?”

“Không. Cùng lắm vì anh quá chậm. Anh thường hơi chậm chạp, Pat ạ”.

Nàng mỉm cười. “Chậm thì vững chãi. Mà vững chãi lại tốt”.



“Anh vững chãi như một cái nút bấc trên mặt nước vậy”, tôi nói.

Nàng lắc đầu. “Anh vững chãi hơn anh tưởng nhiều. Nói chung anh khác hẳn hình dung của anh về mình. Em hiếm thấy ai tự đánh giá bản thân lầm lẫn như anh”.

Tôi buông vai nàng.

“Phải, anh yêu”, nàng gật đầu nói, “quả đúng như vậy. Còn bây giờ ta đi ăn thôi”.

“Ta đi đâu bây giờ nhỉ?”, tôi hỏi.

“Đến quán bác Alphonse. Em phải thấy lại tất cả. Em có cảm tưởng mình đã vắng mặt hàng thế kỷ”.

“Hay lắm!”, tôi nói. “Nhưng em có thật đói không đã? Người ta chỉ có thể đến quán Alphonse với cái dạ dày lép. Nếu không, bác ta sẽ tống khứ”.

Nàng cười. “Em đói ngấu là đằng khác”.

“Vậy thì đi!”. Tôi bỗng hơn hở vô cùng.

Cuộc đón tiếp ở quán Alphonse thật nồng hậu. Bác mắt hút ngay sau khi chào chúng tôi và trở lại với cổ cồn trắng bóc, thắt cà vạt chấm xanh lá cây. Giá hoàng đế Đức có đến bác cũng không trịnh trọng thế. Chính bác cũng hơi ngượng ngùng về cái dấu hiệu suy đồi chưa từng thấy này.

“Sao, bác Alphonse, có gì ngon nào?”, Pat hỏi, hai tay chống lên bàn.

Alphonse cười tủm tỉm, chúm môi, nheo mắt lại. “Cô may lắm nhé! Hôm nay có tôm!”

Bác lùi một bước để quan sát hiệu quả lời mình nói. Hiệu quả hết chê. “Lại thêm một ly vang Moselle mới”, bác say sưa thì thào và lùi thêm bước nữa. Bác nhận được tràng vỗ tay như vũ bão, mà lạ là cả từ cửa vọng vào. Ở đó, cùng với mớ tóc hoe vàng rối bù và cái mũi cháy nắng hiện ngay ra cái mặt nhăn nhó cười của kẻ lãng mạn cuối cùng.

“Gottfried ư?”, Alphonse reo lên, “Cậu hả? Chính cậu? Bớ khi, ngày hôm nay mới thật là ngày chứ! Hãy ngả đầu vào ngực ta đây!”

“Bây giờ em sẽ được chứng kiến”, tôi bảo Pat.

Hai người lao bỏ lại ôm chầm lấy nhau. Alphonse vỗ vỗ vào lưng Lenz, nghe cứ ngỡ như bên cạnh có kẻ đang quai búa rền. “Hans”, đoạn bác gào lên với người bồi bàn, “mang rượu Napoleon ra đây!”.

Bác lôi Gottfried tới bên quầy rượu. Người bồi bàn cầm lại một chai lớn

phủ đầy bụi. Alphonse rót đầy hai ly.

“Chúc cậu. Gottfried, đồ lợn quay khôn kiếp!”

“Chúc bác, Alphonse, kẻ tù tội già tốt bụng!”

Cả hai uống một hơi cạn ly.

“Tuyệt hảo!”, Gottfried nói. “Đúng là cognac cho các Đức Mẹ!”.

“Rượu này mà nốc ừng ực quả đáng xấu hổ”. Alphonse xác nhận.

“Nhưng làm sao uống chậm được khi người ta hoan hỉ. Nào, ta cạn thêm ly sữa!”

Bác rót rượu và nâng ly. “Đồ cà chua thối bạc béo!”

Lenz cười khi, “Bác Alphonse già yêu quý của tôi!”

Mắt bác Alphonse rung rung lệ. “Làm ly nữa Gottfried”, bác xúc động nói.

“Cứ việc rót!”, Lenz chìa ly ra. “Tôi chỉ từ chối loại cognac này một khi không còn góc nổi đầu khỏi mặt đất”.

“Nói thế mới là nói chứ!”, Alphonse rót ly thứ ba.

Lenz hơi hỏn hển trở lại bàn chúng tôi. Cậu ta rút đồng hồ ra.

“Đúng tám giờ kém mười tụi này về tới xưởng với chiếc Citroen. Các cậu thấy thế nào?”

“Một kỷ lục”, Pat đáp. “Jupp muôn năm! Tôi cũng xin trao tặng cậu ấy một bao thuốc lá”.

“Còn cậu sẽ được thưởng riêng một xuất tôm!” Alphonse, bấy giờ theo sát gót Gottfried, tuyên bố Đoạn bác đưa chúng tôi một thứ khăn na ná như khăn trải bàn. “Hãy cởi áo khoác ra mà quàng cái này vào! Cô đây cũng cho phép chứ ạ?”

“Tôi thấy cần là đằng khác”. Pat nói.

Alphonse sung sướng gật đầu. “Cô là một người phụ nữ biết điều, tôi biết thế. Ăn tôm là phải ăn thoải mái. Không sợ dây bẩn”. Bác tùm tùm cười. “Bản thân cô dĩ nhiên sẽ nhận được thứ lịch sự hơn”.

Anh bồi bàn Hans mang đến một chiếc tạp dề trắng tinh. Alphonse giở ra và giúp nàng mặc vào. “Cô mặc hợp lắm”, bác khen.

“Cứng cựa thật, cứng cựa thật!”, nàng đáp và cười.

“Tôi mừng rằng cô đã nhớ cả lời ăn tiếng nói của tôi”, Alphonse khoan

khoái nói: “Thật âm cả ruột”.

“Bác Alphonse!”. Gottfried buộc hai mép khăn của cậu ta ở sau gáy, khiến chúng vênh ngược lên. “Hiện thời tôi chỉ thấy như ngồi trong tiệm cắt tóc ấy”.

“Sẽ khác ngay đây. Nhưng thưởng thức chút nghệ thuật cái đã”.

Alphonse lại bên chiếc máy hát. Lập tức vang lên bài đồng ca trảy hội trích trong vở Những ngôi nhà gỗ thông . Chúng tôi im lặng lắng nghe.

Âm thanh cuối cùng vừa lắng, cửa bếp đã mở, anh bồi Hans xuất hiện với một cái liễn to bằng cái chậu tắm trẻ con. Liễn bốc hơi nghi ngút và đầy hụ tôm. Anh bồi thở hên hên đặt liễn xuống bàn. “Mang khăn ăn cho tao nữa”, Alphonse nói.

“Bác định ăn cùng chúng tôi sao, ông bạn vàng của tôi?”. Lenz kêu lên “Thật hân hạnh quá!”

“Nếu như cô đây không phản đối?”

“Trái lại, thưa bác Alphonse!”

Pat xích ghế sang bên, và bác ngồi xuống cạnh nàng.

“Tôi ngồi gần cô mà lại hay”, bác hơi lúng túng nói. “Chả là tôi khá thành thạo trong việc bóc tôm. Đối với một phụ nữ thì việc này lại chẳng thú vị gì”.

Bác thò tay vào liễn và bắt đầu gỡ một con tôm cho nàng, nhanh nhaoay. Hai bàn tay không lồ của bác gỡ khéo và đẹp mắt tới mức Pat chẳng có việc gì làm ngoài chén những miếng tôm thơm ngon đã găm sẵn ở nữa.

“Ngon chứ cô?”

“Tuyệt vời!”. Nàng nâng ly. “Chúc sức khỏe bác, bác Alphonse!”

Alphonse trịnh trọng cụng ly với nàng và chậm rãi cạn ly. Tôi nhìn nàng. Tôi muốn giá nàng uống thứ gì không có hơi men thì hơn. Nàng cảm thấy ánh mắt tôi.

“Chúc anh, Robby!”, nàng nói.

Trông nàng tuyệt đẹp, hoàn toàn rạng rỡ và hớn hờ. “Chúc em, Pat”, tôi nói và cạn ly của mình.

“Ồ đây thú tuyệt, phải không?”, nàng hỏi, mắt vẫn nhìn tôi.

“Tuyệt vời!”, tôi lại rót rượu cho mình. “Chúc sức khỏe em, Pat!”

Một tia sáng thoáng hiện trên mặt nàng. “Chúc anh, Robby! Chúc anh, Gottfried!”. Chúng tôi uống. “Vang ngon đấy.”, Lenz nói.

“Loại Graacher Abtsberg cất từ năm ngoái” Alphonse bảo. “Tôi mừng thấy cậu biết thưởng thức”.

Bác lấy ở liền con tôm thứ hai và chìa cho Pat cái càng đã lột vỏ.

Nàng từ chối. “Bác phải ăn con ấy đi, bác Alphonse. Nếu không, bác chẳng được gì vào bụng cả”.

“Để lát nữa. Gì chứ, khoản này tôi nhanh hơn mọi người nhiều”.

“Thế thì được”. Nắng cầm lấy cái càng tôm. Alphonse tươi rói vì hài lòng và tiếp tục chăm bẵm nàng. Trông bác chẳng khác gì một con cú già đồ sộ đang móm mòi cho một chú chim non trắng nhỏ xinh.

Cuối cùng, cả bọn cùng cạn một ly Napoleon nữa, rồi chia tay với bác Alphonse. Pat tỏ vẻ sung sướng. “Tuyệt vời!”, nàng nói. “Cám ơn bác nhiều lắm, bác Alphonse. Quả thật là tuyệt vời!”. Nàng chìa tay cho bác Alphonse lắm bẵm gì đó và hôn tay nàng. Lenz kinh ngạc đến mức mắt chực rơi khỏi tròng. “Đến luôn nhé”, Alphonse nói. “Cả cậu nữa. Gottfried!”

Bên ngoài, chiếc Citroen đứng nhỏ thó và lạch lạch dưới ngọn đèn đường.

“Ồ”, Pat nói và đứng sững lại. Mặt nàng khẽ giật giật.

“Tôi đã đặt tên cho chiếc xe là Hercules sau thành tích hôm nay của cu cậu!”. Gottfried mở cửa xe. “Tôi đưa hai người về nhà nhé?”

“Không”, Pat nói.

“Tôi cũng nghĩ thế. Ta đi đâu bây giờ?”

“Tới tiệm rượu. Hay là thôi, anh Robby?”. Nàng quay lại tới.

“Tất nhiên”, tôi nói, “tất nhiên ta còn ghé tiệm rượu”.

Chúng tôi cho xe chạy rất chậm qua các phố. Trời âm và trong. Trước các quán cà phê đầy người ngồi. Tiếng nhạc vẳng tái. Pat ngồi bên tôi. Bỗng tôi không thể tin rằng nàng thực sự đang ôm, cả người tôi nóng ran, nhưng trong giây lát tôi vẫn không sao nhìn nhận nổi điều đó.

Vào tiệm, chúng tôi gặp Ferdinand và Valentin. Ferdinand đang rất hớn hờ. Anh đứng dậy chạy ra đón Pat.

“Nữ thần Diana”, anh nói, “từ những cánh rừng trở về...”

Nàng mỉm cười. Anh đưa tay quàng vai nàng. “Hỡi nữ thần săn bắn rám nâu và can đảm với cây cung bạc... ta uống gì đây?”

Gottfried hất tay Ferdinand ra. “Những kẻ vô thần không biết tế nhị là gì”, cậu ta nói. “Cô đây có hai người đàn ông thắp tùng rồi, anh không nhận thấy sao, hờ đồ bò rừng ưng ngành?”

“Những kẻ lãng mạn chỉ lẻo đẹo theo sau... chứ có bao giờ được thắp tùng”. Grau không nao núng vặc lại.

Lenz toét miệng cười, rồi quay sang Pat. “Bây giờ tôi sẽ pha cho chị một thứ đồ uống đặc biệt. Cocktail Kolibri. Đặc sản của Brasil”.

Cậu ta đến quầy rượu, pha trộn đủ thứ linh tinh, rồi bung loại cocktail ấy lại.

“Thế nào?”. Cậu ta hỏi.

“Hơi nhẹ, mặc dù là của Brasil”, Pat đáp. Gottfried cười. “Thế mà nặng lắm đấy. Pha từ vodka và rum, chứ chơi đâu”.

Thoáng nhìn tôi cũng biết là trong ấy chẳng có cả vodka lẫn rum... - Đó là nước quả ép, nước chanh, cà chua và có lẽ thêm một giọt men rượu. Một thứ cocktail không rượu. Nhưng đội ơn Chúa. Pat chẳng nhận ra.

Nàng uống liền ba ly lớn Kolibri, và tôi thấy nàng khoan khoái vì không bị cư xử như một người ốm. Nửa giờ sau, cả bọn ra về, trừ Valentin ngồi lại. Lenz đã sắp đặt như vậy. Cậu ta ấn Ferdinand vào chiếc Citroen rồi rồ máy chạy. Như thế sẽ tạo cảm tưởng Pat và tôi không về sớm hơn những kẻ khác. Tất cả thật đáng xúc động, nhưng dẫu sao, trong giây lát, tôi cảm thấy sao mà khôn khổ.

Pat khoác tay tôi. Nàng bước đi duyên dáng, uyển chuyển bên tôi, tôi cảm nhận hơi ấm của bàn tay nàng, thấy ánh đèn đường lướt trên gương mặt linh hoạt của nàng... Không, tôi không sao hiểu được là nàng ốm, tôi có thể hiểu điều đó suốt ngày dài, nhưng tới đến thì không, khi cuộc sống êm dịu hơn, ấm áp hơn và chứa chan hứa hẹn...

“Ta ghé lại nhà anh chơi chút nhé?”, tôi hỏi.

Nàng gật đầu.

Hành lang nhà trọ để đèn. “Quái quỷ”, tôi nói. “chuyện gì thế không biết? Đợi anh một lát”.

Tôi mở cửa ngó vào. Hành lang trở trời được chiếu sáng như một con đường nhỏ ven đó. Cửa buồng bà Bender mở toang, trong đó cũng sáng đèn. Như một con kiến đen nhỏ, ông Hasse dò dẫm ở cuối hành lang, ông gò lưng vác một cây đèn đứng có chụp bằng lụa hồng, ông đang dọn phòng.

“Chào bác”, tôi nói. “Bác dọn muộn thế?”

Ông ngẩng bộ mặt xanh xao có hàng ria mép mềm thẫm màu. “Tôi vừa ở sở về cách đây một giờ. Mà chỉ tới đến tôi mới có thời gian rảnh để dọn”.

“Thế bác gái không có nhà sao?”

Ông lắc đầu. “Ba ấy đi thăm một bà bạn. Thật may phúc mà giờ bà ấy có một bà bạn để quán quýt”.

Ông mỉm một nụ cười chật phác, hài lòng và tiếp tục lê bước.

Tôi đón Pat vào. “Theo anh, tốt hơn là chúng mình đừng bật đèn, ý em thế nào?” vào buồng rồi, tôi hỏi.

“Bật chứ, anh yêu. Một tẹo thôi, rồi anh lại tắt cũng được”.

“Em là một kẻ tham lam vô độ”, tôi nói, đành để bộ ghế nhưng đở lòe loẹt hiện nhanh dưới ánh đèn sáng trung, rồi vội tắt ngay.

Cửa sổ mở, từ đám cây cối ngoài kia không khí tươi mát ban đêm phả vào như lùa về từ rừng.

“Thích ghê”, Pat nói và ngồi lên góc bậu cửa sổ.

“Em thích nơi đây thật à?”

“Vâng, anh Robby. Như ở giữa một công viên mênh mông trong mùa hạ. Đẹp tuyệt”.

“Ban nãy đi ngang em có nhìn thử gian phòng bên không?”

“Không, sao cơ?”.

“Đấy, bên trái, cái ban công rộng, tráng lệ kia thuộc phòng ấy đấy. Nó hoàn toàn thoáng đãng, không có vật chắn trước mặt. Nếu giờ em ở đây, em sẽ chẳng bao giờ cần đến bộ áo tắm để tắm nắng”.

“Vâng, nếu em ở đây...”

“Em có thể ở đây”, tôi nói nhẹ nhàng. “Em đã thấy là vài ngày tới gian phòng ấy sẽ trống”.

Nàng nhìn tôi, mỉm cười. “Anh cho rằng như vậy sẽ hay cho hai ta sao? Lúc nào cũng kè kè bên nhau?”

“Chúng mình sẽ chẳng kè kè bên nhau chút nào”, tôi đáp. “Cả ngày anh hầu như không có nhà. Buổi tối cũng thường vắng mặt. Nhưng nếu chúng mình đã ở bên nhau, chúng mình không cần phải ngồi la cà ở các tiệm hay lúc nào cũng vội vội vàng vàng chia tay, cứ như chỉ đến để thăm nhau vậy”.

Nàng hơi cựa mình trong góc cửa. “Nghe thì tưởng như anh đã cân nhắc kỹ lưỡng lắm, anh yêu ạ”.

“Mà đúng thế”, tôi nói. “Anh đã nghĩ suốt buổi tối”.

Nàng đứng thẳng dậy. “Anh nói thật sự nghiêm chỉnh đấy chứ, anh Robby?”

“Trời đất ơi, thật mà”, tôi nói, “em vẫn cứ chưa nhận ra sao?”

Nàng nín lặng một lát. “Robby”, đoạn nàng lên tiếng, giọng nàng còn trầm hơn trước, “sao anh lại nảy ý nghĩ đó vào chính lúc này?”

“Anh nảy ý đó”, tôi đáp, hăng hái hơn là tôi muốn, vì tôi bỗng cảm thấy đây là giây phút quyết định nhiều thứ lắm chứ không chỉ chuyện gian phòng, “anh nảy ý đó, vì mấy tuần qua anh đã thấy: được hoàn toàn bên nhau tuyệt diệu biết bao! Anh không chịu đựng nổi những cuộc gặp gỡ chớp nhoáng nữa! Anh muốn ở em nhiều hơn thế! Anh muốn lúc nào em cũng bên anh, anh đã mất hứng chơi cái trò hú tim tinh khôn của tình yêu, anh chán ghét nó, anh cần gì nó, anh chỉ muốn có em thôi, lúc nào cũng em, em không bao giờ là đủ với anh, và anh không muốn để mất một phút nào bên em”.

Tôi nghe tiếng nàng thở. Nàng ngồi trong góc cửa sổ, hai tay bó gối, và lặng im. Ánh sáng đỏ từ những tấm biển đèn quảng cáo đằng sau đám cây phía đối diện dần lập lòe lên cao, hắt ánh phản chiếu mờ mờ lên đôi giày sáng màu của nàng. Đoạn nó lướt trên váy và đôi tay nàng. “Em cứ việc cười nhạo anh”, tôi nói.

“Cười nhạo gì?”, nàng đáp.

“Thế đấy, vì lúc nào anh cũng nói: anh muốn suy cho cùng, em phải có ý muốn của em chứ”.

Nàng ngược nhìn. “Anh có biết là anh đã thay đổi rồi không, anh Robby?”

“Không”.

“Có đấy. Tự anh chả nói ra là gì. Anh muốn. Anh không hỏi làm gì nữa. Anh muốn, có vậy thôi”.

“Đó chưa phải sự thay đổi gì ghê gớm. Em vẫn có thể bảo rằng không, dù anh có muốn đến đâu”.

Nàng bỗng cúi mình về phía tôi. “Tại sao em lại phải bảo rằng không, hờ Robby”, nàng nói giọng hết sức dịu dàng, ấm áp, “em cũng muốn mà...”

Tôi ngạc nhiên ôm lấy vai nàng. Tóc nàng mơn trớn trên mặt tôi. “Thật

không, Pat?”

“Thật chứ, anh yêu”.

“Trời đất”, tôi nói, “thế mà anh cứ hình dung phải khó hơn nhiều”.

Nàng lắc đầu “Cái đó chỉ tùy ở anh, anh Robby...”

“Anh cũng gần tin như vậy”, tôi sùng sốt nói.

Nàng choàng tay lên gáy tôi. “Đôi khi không phải suy nghĩ gì mà lại hay. Không cần làm lầy mọi việc. Có thể dựa dẫm. Ôi, anh yêu, thực ra tất cả đều hết sức dễ dàng; chỉ có điều ta đừng tự làm khổ mình”.

Tôi phải nghiêng răng một lát. Chính nàng lại nói với tôi điều đó! “Đúng vậy”, đoạn tôi bảo, “đúng vậy, Pat à”. Điều nàng nói chẳng đúng tí nào.

Chúng tôi còn đứng hồi lâu bên cửa sổ. “Ta sẽ chuyển toàn bộ đồ đạc của em về đây”, tôi nói “Ở đây em sẽ không thiếu thứ gì. Thậm chí chúng mình sẽ sắm một bàn trà có bánh xe. Frida sẽ làm quen với nó”.

“Chúng mình có rồi thôi, anh yêu. Bàn đó là của em”.

“Thế càng hay. Ngay ngày mai anh sẽ tập cho Frida đẩy”.

Nàng tựa đầu vào vai tôi. Tôi nhận thấy nàng mệt. “Anh nên đưa em về nhà bây giờ chẵng?”, tôi hỏi.

“Vâng, ngay bây giờ. Em chỉ ngả lưng thêm lát nữa”.

Nàng nằm yên trên giường, không nói, tuồng như đã ngủ. Nhưng nàng mở mắt, trong đó thỉnh thoảng in ánh phản chiếu của đèn quảng cáo, tỏa những quang sáng phương bắc sắc sỡ lạng lẽ lướt trên tường, trên trần nhà. Bên ngoài đã im ắng. Chốc chốc vẳng sang tiếng Hasse hì hụi với những gì còn sót lại từ bao niềm hy vọng, từ cuộc sống gia đình, và có lẽ từ cả cuộc đời của ông.

“Em nên ở lại luôn”, tôi nói.

Nàng nhòm dậy. “Hôm nay thì không, anh yêu...”

“Anh ước gì em ở lại...”

“Mai...”

Nàng đứng dậy và khe khẽ bước qua căn buồng tôi. Tôi nhớ lại cái ngày nàng ở lại với tôi lần đầu, trong cảnh tờ mờ sáng, nàng cũng lạng lẽ đi qua căn buồng như thế, để mặc quần áo. Tôi không biết đó là cái gì, nhưng bước đi ấy chứa đựng một chút gì đương nhiên tới mức cảm động, một chút gì gần khiến ta bàng hoàng, nó như dáng điệu của những thời đã bị chôn vùi, hết



sức xa xưa, như sự tuân theo một lời răn không ai còn biết tới. Từ trong bóng tối, nàng trở lại với tôi, đưa tay ôm lấy mặt tôi. “Vừa rồi ở bên anh em sung sướng lắm. Rất sung sướng. Em hạnh phúc vì có anh”.

Tôi không đáp. Tôi không sao đáp lời nàng được.

\*\*\*

Tôi đưa nàng về nhà rồi trở lại tiệm rượu. Koster có đây. “Ngồi xuống đây”, cậu ta bảo. “cậu khỏe chứ?”

“Cũng thường thường, Otto ạ”.

“Cậu uống chút gì nhé?”

“Mình đã uống thì phải uống rất nhiều. Mà mình không muốn thế. Cũng phải có lúc biết nhịn. Nhưng mình nghĩ ra việc khác để làm rồi. Gottfried đang chạy tắcxi đây a?”

“Không”

“Hay. Nếu thế mình sẽ chạy vài giờ”.

“Mình xuống nhà xe với cậu”, Koster nói.

Tôi đánh xe ra và từ biệt Koster. Đoạn tôi chạy đến bến. Trước mặt tôi, hai xe đã đậu sẵn. Sau đó thêm Gustave và Tommy, anh chàng diễn viên. Rồi cả hai xe kia rời bến, và chỉ lát sau tôi cũng có khách. Một thiếu nữ trẻ muốn đến tiệm Vineta.

Vineta là một tiệm nhảy bình dân với máy điện thoại đặt trên bàn, với trạm chuyển bưu phẩm chạy bằng khí và những thứ đại loại thu hút dân tỉnh lẻ. Tiệm nằm hơi cách biệt với các tiệm khác, trong một đường phố tối tăm.

Chúng tôi dừng xe. Cô thiếu nữ lục lọi trong cái sắc nhỏ của mình và chìa cho tôi một tờ năm chục mác. Tôi nhún vai: “Tiếc là tôi không đổi ra tiền lẻ được”.

Tay gác cổng đến gần. “Bao nhiêu cả thầy?” thiếu nữ hỏi.

“Một mác bảy”.

Cô ta quay sang tay gác cổng. “Anh trả giùm tôi được không? Đi nào, tôi sẽ đưa tiền cho anh ở quầy”.

Tay gác cổng mở cổng, rồi theo cô thiếu nữ vào quầy. Lát sau hẳn quay ra “Đây...”

Tôi đếm lại “Sao chỉ có mác rưỡi...”

“Đừng có nói nhảm, hay đằng ấy còn quá hơn hả? Hai chục xu thuê cho gác cổng. Thôi dứt!”

Có những nơi người ta cho tiền gác cổng. Nhưng chỉ cho trong trường hợp hẳn ta kiếm khách hộ, đằng này mình chờ khách đến. “Đây không non đến thế đâu”, tôi nói, “đây phải nhận đủ một mác bảy mươi”.

“Tao thì thôi cho vỡ mồm bây giờ”, hẳn gầm lên “Của nợ, khôn hồn cuộn xéo mau, ở chôn này tao dày mặt hơn mày nhiều”.

Tôi không tiếc gì hai chục xu. Có điều tôi không thích để mình bị mắc lõm. “Đừng già mồm, đưa nốt tiền đây”, tôi nói.

Tên gác cổng ra đôn nhanh tới mức tôi không kịp đỡ. Mà tránh cũng không thể được vì tôi đang ngồi trong xe. Đầu tôi va vào tay lái. Choáng váng, tôi gượng ngồi dậy. Tai ù như khua trống, máu mũi giở ra. Tên gác cổng đứng án trước tôi.

“Thêm cú nữa chứ, đồ xác ướp?”

Trong tích tắc, tôi cân nhắc thời cơ của mình. Không thể làm gì được. Thằng cha khỏe hơn tôi: Muốn hạ hẳn, phải chơi đòn bất ngờ. Từ trong xe đánh ra thì không ăn thua, làm gì có đá. Còn chờ tới lúc tôi bò được khỏi xe thì hẳn đủ cho tôi đo ván ba lần. Tôi nhìn hẳn. Hẳn phà hơi bia vào mặt tôi. “Tao chỉ trở tay lần nữa, vợ mày thành gái góa”.

Tôi nhìn hẳn. Tôi không nhúc nhích. Tôi ngó trân trân vào bộ mặt khỏe mạnh, to bè ấy. Tôi nhìn như muốn nuốt tươi nó. Tôi biết phải đánh vào đâu, tôi tức đến bầm gan tím ruột. Nhưng tôi vẫn ngồi im. Tôi thấy bộ mặt ấy quá gần, quá rõ, như qua một lớp kính phóng đại, to tướng, rõ từng sợi râu rể tre, lớp da thô giãn chân lông, đỏ tía...

Một chiếc mũ cảnh sát lóe sáng. “Chuyện gì thế này?”

Tên gác cổng làm bộ mặt khúm núm. “Chuyện gì đâu, thưa ngài hạ sĩ”.

Viên cảnh sát nhìn tôi. “Không có chuyện gì” tôi nói.

Ông ta đưa mắt từ tên gác cổng sang tôi. “Anh chảy máu mà”.

“Tôi bị va đầu”.

Tên gác cổng lùi lại một bước. Một nụ cười khoái trá ánh lên trong mắt hẳn. Hẳn ngỡ tôi không tố cáo hẳn vì sợ.

“Thôi, cho xe đi đi”, viên cảnh sát bảo.

Tôi nhún ga, trở lại bến.

“Quý ả, trông cậu sao lạ thế?”, Gustave nói.

“Chả là tại cái mũ”, tôi đáp, đoạn thuật lại câu chuyện.

“Theo tớ vào quán”. Gustave bảo. “Tớ từng là cai quân y viện chứ đùa đâu. Quân chó má, ai lại đánh người đang ngồi”.

Anh lôi tôi vào bếp nha quán, hỏi xin nước đá và loay hoay với tôi suốt nửa tiếng “Cậu sẽ không bị một vết bầm nào”, anh tuyên bố.

Mãi rồi anh cũng xong. “Sao, còn cái đầu thế nào? Không hề gì, hả? Giờ tụi ta sẽ không bỏ phí thời gian”.

Tommy vào “Thằng gác cổng hộ pháp của tiệm vineta chứ gì? Thằng ấy hay đánh người có tiếng. Tiếc rằng nó chưa từng bị xoi cú ù tai, hoa mắt nào”.

“Giờ nó sẽ được nếm mùi”, Gustave nói.

“Đúng, nhưng bởi tay tôi”, tôi đáp.

Gustave nhìn tôi vẻ không hài lòng. “Chờ tới lúc cậu chui ra khỏi xe thì...”

“Tôi đã nghĩ được một kế. Nếu không thành, anh vẫn có thể xáp vô cơ mà”.

Tôi chụp mũ của Gustave lên đầu, chúng tôi lấy cả xe của anh, để tên gác cổng không đánh hơi ngay thấy con mồi. Đẳng nào hấn cùng chẳng thể trông rõ, phở ấy tôi lắm.

Chúng tôi tới nơi. Phở vắng không một bóng người Gustave nhảy xuống xe, tay cầm tờ hai chục mác.

“Mẹ kiếp, không có tiền lẻ! Này gác cổng, anh đổi được không? Một mác bảy à? Anh trả giùm cho bác tài nhé”.

Gustave làm như đang đi về phía quầy. Tên gác cổng vừa ho, vừa lại gần, dúm cho tôi một mác rưỡi. Tôi vẫn cứ chìa tay ra.

“Xéo đi...” hấn gầm.

“Nôn ngay tiền thừa ra, đồ chó ghê!” tôi hét.

Một tích tắc, hấn đứng như hóa đá “Thằng khôn”, đoạn hấn nói khẽ và thè lưỡi liếm môi, “mày sẽ còn hối hàng tháng ròn!” Hấn lấy đà. Cú ấy mà trúng, khéo tôi lăn quay bất tỉnh. Nhưng tôi đã thủ thế, tôi xoay người, chúi xuống, quả đấm cực mạnh giáng trúng cái vuốt thép sắc nhọn của cái tay quay mà tay trái tôi ngấm giờ ra đón sẵn. Tên gác cổng rú lên, nhảy lùi lại,

vẩy tay lia lịa. Hấn đau đón xuýt xoa như một cái máy phì hơi và đứng trơ ra đó, không chút thủ thế.

Tôi vọt khỏi xe. “Mày nhận ra tao chứ?”, tôi thét, thoi cho hấn một cú vào dạ dày.

Hấn ngã lăn chiêng. “Một”, Gustave từ quây vé quay ra, bắt đầu đếm. “Hai... ba...”

Đến năm, tên gác cổng dờ dẩn gượng đứng dậy. Tôi lại thấy trước mắt bộ mặt của hấn, y hệt lần trước, hoàn toàn rõ ràng, cái bộ mặt khỏe mạnh, to bè, đàn độn, đê tiện này, cái thằng cha lành lặn, lực lưỡng, vai u thịt bắp này, cái con lợn chắc chẳng bao giờ mắc chúng lao phổi này, và đột nhiên tôi thấy máu bốc lên đầu, lên mắt, tôi lao tới, nện như bằm như bô, trút tất cả những gì tích tụ trong tôi suốt những ngày qua, suốt những tuần qua, lên cái bộ mặt sung sức, to bè, kêu be be ấy, cho tới lúc tôi bị lôi ra...

“Khỉ ạ, khéo cậu đành chết hấn...”, Gustave kêu.

Tôi nhìn xung quanh. Tên gác cổng tựa lưng vào tường, máu me đầm đìa. Hấn quy người, đã sụm xuống, và bắt đầu chậm chạp bò về phía cửa như một con sâu khổng lồ, lấp lánh trong bộ đồng phục.

“Hấn sẽ chừa thói hay gây gỗ”, Gustave nói. “Nhưng phải chuẩn cho mau trước khi có người tới! Tội đánh người trọng thương chứ đùa đâu”.

Chúng tôi quăng tiền xuống vệ đường, lên xe phóng đi.

“Tôi cũng chảy máu à?”, tôi hỏi, “hay là máu tên gác cổng?”

“Lại cái mũi của cậu đấy”, Gustave đáp. “Hấn đã giáng xuống đó một cú trái rất đẹp mắt”.

“Tôi không hề nhận thấy”.

Gustave cười.

“Anh biết không”, tôi nói, “giờ tôi cảm thấy nhẹ hấn người”.

# CHƯƠNG 18

Chiếc tắc xi của chúng tôi đậu trước tiệm rượu. Tôi vào tiệm đổi phiên cho Lenz, lấy chìa khóa xe và giấy tờ. Lenz theo ra ngoài. “Cậu kiếm khá tiền chứ?”, tôi hỏi.

“Tạm tạm”, cậu ta đáp. “Vì quá nhiều tắcxi chạy, hoặc quá ít người đi tắc xi. Còn cậu?”

“Chả ra gì. Châu chực suốt đêm ngoài đường mà không kiếm nổi hai chục mác”.

“Thời buổi đôn mạt!”, Gottfried rướn lông mày lên. “Chà, thế thì hôm nay chắc cậu chẳng đến nổi vội lắm, hả?”

“Không, nhưng sao?”

“Cậu cho mình đi ghé một quăng”.

“Được” Chúng tôi lên xe. “Cậu đi đâu nào?” tôi hỏi.

“Đến nhà thờ”.

“Cái gì?”, tôi hỏi. “Cậu có tin mình mà lại nghe nhầm không? Mình nghe thành nhà thờ”.

“Không đâu, con trai của ta, con chẳng nghe nhầm tẹo nào. Đúng là nhà thờ đấy!”

Tôi kinh ngạc nhìn cậu ta. “Chớ ngạc nhiên, mà đi đi!”, Gottfried nói. “Thì đi” Tôi cho xe chạy.

Nhà thờ nằm trong khu vực cổ của thành phố, trên một quảng trường quang đấng bao bọc bởi các dãy nhà chung. Tôi dừng xe trước cổng chính “Đi nữa”, Gottfried bảo, “vòng hẳn vào trong”.

Cậu ta bảo tôi đỗ lại trước một lối vào hẹp phía sau nhà thờ rồi xuống xe “Vui vẻ nhé”, tôi nói. “Để thường cậu định xung tội”.

“Đi với mình”, cậu ta đáp.

Tôi cười. “Hôm nay thì thôi. Sáng ra mình đã cầu nguyện rồi. Với mình thế là đủ cho cả ngày...”

“Đừng nói vớ vẩn nữa, bé yêu. Đi với mình. Mình muốn tỏ ra hào hiệp và cho cậu xem cái này”.

Tò mò, tôi theo cậu ta. Qua cánh cửa nhỏ, chúng tôi đã lọt vào các nhà tu. Chúng quay thành một hình tứ giác lớn với những vòm dài hình cung dựng trên mặt trong của những cột đá hoa cương xám bao quanh một khu vườn. Chính giữa nổi lên một cây thánh giá lớn dải dầu mưa nắng, với hình Chúa Jesus. Bốn bên là các dãy phù điêu trên đá, khắc họa những cảnh đoạn trong bài kinh rôze buồn thảm. Trước mỗi bức phù điêu đặt một chiếc ghế dài cầu nguyện cũ kỹ. Khu vườn bị bỏ hoang, hoa nở đầy.

Gottfried trở vào mây bụi hồng thắm và hồng bạch to tướng. “Đó, cái mà mình định cho cậu xem! Cậu nhận ra không?”

Tôi đứng sững ngạc nhiên “Cố nhiên mình nhận ra”, tôi nói. “Té ra cậu đã ngắt hoa ở đây, quân trộm cướp nhà thờ lỗi đời kia!”

Cách đây một tuần, Pat dọn đến nhà trọ Zalewski, tối đầu, Lenz sai Jupp mang tặng nàng một bó hồng khổng lồ. Nhiều tới mức Jupp phải chạy lên chạy xuống hai lần, lần nào cũng ôm một ôm tướng. Tôi đã nghĩ nát cả óc vì biết nguyên tắc của Lenz là không bao giờ mua hoa. Tôi chưa từng thấy những bông hoa như thế trong các vườn hoa công cộng.

“Sáng kiến tuyệt vời!”, tôi thán phục nói. “Thế mới xứng làm người!”

Gottfried cười tủm tỉm. “Khu vườn này là một mỏ vàng chính công!”. Cậu ta trịnh trọng đặt tay lên vai tôi. “Mình nhận cho cậu là người cùng sở hữu! Nên nhớ thời điểm này chính là lúc cậu có thể tận dụng nó!”

“Sao lại thời điểm này?”, tôi hỏi.

“Vì hiện nay các vườn hoa công cộng khá trơ trụi. Và hẳn từ trước tới giờ chúng là nguồn tài nguyên duy nhất của cậu, chứ gì?”

Tôi gật đầu.

“Vả lại”, Gottfried tiếp tục giảng giải, “lúc này cậu đang bước vào cái giai đoạn mà trong đó sự khác biệt giữa một kẻ trưởng giả và một con người hào hoa được bộc lộ. Quan hệ với một người đàn bà càng lâu, kẻ trưởng giả càng lơ là nàng, Trong khi con người hào hoa mỗi lúc một quan tâm tới nàng”. Lenz vung rộng hai tay. “Với rừng hoa này, cậu có thể trở thành kẻ hào hoa phong nhã đến độ làm sững sốt thiên hạ!”

Tôi bật cười. “Hay lắm, Gottfried”, tôi nói. “Nhưng ngộ bị bắt thì sao? Từ đây khó tẩu thoát lắm, và những kẻ sùng đạo dễ dàng quy ngay cho tội xúc phạm nơi thánh địa”.

“Anh bạn trẻ thân mến ơi”, Lenz đáp, “cậu có thấy ma nào ở đây không đã? Từ sau chiến tranh, thiên hạ mãi kéo nhau tới các cuộc hội họp chính trị,

chứ không tới nhà thờ”.

Có thể thật. “Nhưng còn các tu sĩ?”

“Tu sĩ thì quan tâm gì đến hoa, nếu quan tâm đã chẳng bỏ vườn hoang. Còn Chúa cùng lắm chỉ vui lây khi thấy cậu đem vui sướng lại cho kẻ khác. Chúa đâu có khắc nghiệt”.

“Cậu nói đúng!”. Tôi nhìn những bụi hồng già to tướng. “Thế là mình có đủ hoa cho mấy tuần tới rồi, Gottfried ạ”.

“Lâu hơn chứ. Cậu may đấy. Loại hồng này nở rất dài ngày, lại lâu tàn. Đủ cho cậu ít nhất là tới tháng Chín. Từ đó trở đi đã có các loài cúc. Lại đây mình chỉ luôn cho”.

Chúng tôi đi xuyên khu vườn. Hoa hồng thơm ngát. Bầy ong như một dải mây kêu vù vù bay từ đóa hoa này sang đóa hoa khác.

“Nhìn kìa”, tôi nói và dừng lại. “Chúng đến từ đâu được nhỉ? Xuất hiện giữa thành phố ư? Quanh đây làm gì có tổ ong nào. Hay cậu nghĩ các tu sĩ đặt tổ ong trên các mái nhà?”

“Không đâu, người anh em”, Lenz đáp. “Mình đem đầu ra bảo đảm là chúng đến từ một trang ấp nào đó. Chúng biết rõ con đường cần đi”. Cậu ta nháy mắt. “Chúng mình thì không biết, hả?”

Tôi nhún vai. “Có lẽ có. Ít nhất cũng biết một quãng ngắn. Được đến đâu hay đến đó. Cậu thì không ư?”

“Không. Mà cũng chẳng muốn biết làm gì. Mục đích biến cuộc sống thành trường giả”.

Tôi ngược nhìn tháp nhà thờ xanh ánh như xa tanh trên nền trời màu lơ, cái tháp lạng lẽ, vô cùng cổ kính, với bầy én chao lượn xung quanh.

“Ở đây yên tĩnh biết bao”, tôi nói.

Lenz gật đầu. “Phải, bố trẻ ơi, ngồi đây mới nhận thấy: để trở nên lương thiện, thực ra chỉ thiếu có thời gian, hả?”

“Thời gian và sự yên tĩnh” tôi đáp, “cả sự yên tĩnh nữa”.

Cậu ta cười. “Muộn quá mất rồi! Đã tới lúc con người ta không còn chịu đựng nổi sự yên tĩnh. Vậy hãy đi thôi! Trở lại với cuộc sống huyền nào!”

Gottfried xuống xe rồi, tôi quay lại bên. Tôi đi ngang nghĩa trang. Biết giờ này Pat đang nằm trên chiếc ghế dài đặt ngoài ban công, tôi bấm mấy hồi còi liên. Nhưng không thấy động tĩnh gì, tôi cho xe chạy tiếp. Bù lại, cách đó

một quãng, tôi thấy bà Hasse đang bươn bả đi trong chiếc áo choàng bằng lụa mỏng, rồi biến sau góc phố. Tôi rượt theo bà, toan ngỏ ý mời bà lên xe đưa đi giúp. Nhưng tới ngã tư, tôi thấy bà chui vào một chiếc xe hơi đỗ khuất sau góc phố. Đó là một chiếc Mercedes đã hơi tã, đời 1923, nó phanh phạch chạy ngay. Một gã đàn ông mũi chằng khác gì mỏ vịt, diện bộ comple kẻ ô vuông rõ chóa, cầm lái. Tôi nhìn theo chiếc xe khá lâu. Đàn bà mà cứ phải thui thủi ngồi nhà suốt ắt sinh ra thế. Trầm ngâm, tôi lái xe về bến, xếp vào cuối hàng tắcxi chờ khách.

Mặt trời hun nóng mui xe. Xe nhích lên chậm rì rì. Tôi ngủ gà gật, toan đánh một giấc. Nhưng hình ảnh bà Hasse cứ ám ảnh trong óc tôi. Đã đành hoàn cảnh mỗi người mỗi khác, nhưng suy cho cùng Pat cũng suốt ngày một mình lẻ bóng.

Tôi xuống xe, mò lên trên tìm xe Gustave. “Này, làm một ngụm”, anh mời, và chìa cho tôi cái phích con.

“Mát tỉnh người! Phát minh riêng đây! Cà phê bỏ đá. Trời nực thế mà vẫn lạnh hàng giờ. Gustave này thạo đời một cây!”

Tôi cầm cốc, uống cạn. “Nếu quả anh thạo đời”, tôi nói, “hãy bảo tôi cách giải khuây cho một người đàn bà hay phải ở nhà một mình”.

“Dễ đến thế là cùng!” Gustave nhìn tôi kẻ cả. “Quý ạ, Robert! Cho nàng một nhóc hay một con chó là xong! Hãy hỏi mình điều gì học búa hơn kia!”

“Một con chó à?”, tôi ngạc nhiên, “Mẹ kiếp, ờ nhỉ, một con chó! Anh nói đúng! Có con chó bên cạnh, sẽ chẳng bao giờ cô đơn cả”.

Tôi mời anh một điếu thuốc. “Này, anh có tình cờ am hiểu đôi chút cái khoản này không? Hiện giờ một con chó làng chắc cũng rẻ thôi nhỉ”.

Gustave lắc đầu đầy trách móc. “Kìa Robert, thật quả cậu hoàn toàn chưa biết cậu có thể mong chờ gì ở mình! Ông nhạc tương lai của mình là kế toán thứ hai trong nghiệp đoàn giống chó sục Dobermann hử hoi! Cố nhiên cậu có thể được nhận một con cún đực, thậm chí biểu không, giống tốt nhất. Tụi mình đang có một ổ, bốn cặp, bà nội chúng là nữ vô địch Hertha thuộc lâu đài Toggen”.

Gustave là một kẻ tốt phước. Bố vợ tương lai của anh không chỉ là nhà nuôi chó Dobermann, mà còn là chủ quán, chủ tiệm Nơi ản dật mới. Ngoài ra, vợ chưa cưới của anh cũng sở hữu một hiệu giặt là. Nhờ vậy Gustave sống rất đàng hoàng. Ở nhà ông nhạc, anh ăn uống thả cửa không mất tiền, còn áo sơ-mi thay ra đã có vị hôn thê giặt là thơm tho. Anh cố tránh né



chuyện cưới xin. Cưới rồi, anh sẽ là người phải lo toan.

Tôi giải thích với Gustave rằng một con chó nòi Dobermann e không phù hợp. Tôi thấy giống ấy to quá, tính tình lại đáng gờm. Gustave chỉ suy nghĩ một thoáng. “Đi với mình”, anh nói, “tụi mình sẽ tính kế. Mình nghĩ ra rồi. Nhưng cậu chó có xen lời vào đây”.

“Được”.

Anh dẫn tôi đến một cửa hiệu nhỏ. Trong tủ hàng là những bể nuôi cá đầy rong. Vài chú chuột bạch nép mình buồn bã trong một cái thùng. Hai bên treo những lồng hoàng yến, sẻ ức đỏ, bạch yến, chúng nhảy nhót loạn xạ.

Một người đàn ông nhỏ bé, chân vòng kiềng, mặc áo gi-lê len nâu ra tiếp chúng tôi. Mắt ướt nhèm, da xám ngoét, cái mũi cam sành đỏ tía: đích thị một tay bợm bia rượu.

“Thế nào Antoine, con Asta thi thố ra sao?”. Gustave hỏi.

“Đoạt giải nhì và giải danh dự ở Cologne”, Antoine đáp.

“Vét đĩa thế!”. Gusap nói. “Sao không chiêm giải nhất?”

“Họ trao giải nhất cho Udo Blankenfels”. Antoine làu bàu.

Phía trong tiệm vẳng ra tiếng sữa ăng ăng, tiếng rền rĩ. Gustave đi vào. Anh xách cổ ra hai con chó sục nhỏ, bên trái con đen trắng, bên phải con nâu hung. Tay xách con nâu hung lên giật giật. Tôi nhìn anh: đồng ý.

Đó là một con cún nghịch ngợm và xinh tuyệt, căng thẳng, mình chữ nhật, đầu vuông, tinh khôn nhâng nháo. Gustave thả cho cả hai con chạy.

“Con chó lai đến kỳ cục”, anh nói, tay chỉ con nâu hung. “Cậu moi nó ở đâu ra vậy?”

Antoine khoe rằng gã mua lại nó từ một quý bà đã đi sang Nam Mỹ. Gustave phá lên cười nghi hoặc. Tự ái, Antoine đưa xem cả một bản gia phả, trong đó ghi từ đời cụ tổ con chó. Gustave phẩy tay và tỏ vẻ khoái con đen trắng. Antoine đòi giá con hung nâu một trăm mác. Gustave trả có năm. Anh không ưa cụ nội nó. Anh chê bai cả cái đuôi con chó. Mà tai tiếc nó cũng chẳng chuẩn gì cả. Con đen trắng mới chúa sùng chứ.

Tôi đứng trong góc cửa hiệu lắng nghe. Chợt có cái gì chạm vào mũi tôi. Sừng sốt, tôi quay người lại. Một con khỉ con ngồi vắt vẻo trên một cái sào trong góc hiệu, hơi còng lưng xuống, bộ lông vàng khè, mặt buồn thiu. Nó có cặp mắt đen tròn xoe, và đôi môi đầy phiền muộn của một bà lão. Ngang bụng con khỉ thắt một cái đai da buộc chặt vào một cái xích. Đôi bàn tay bé

xíu, đen sì, giống tay người kinh khủng.

Tôi vẫn đứng, cứ lặng yên xem sao. Con khỉ từ từ mon men lại gần trên chiếc sào. Nó vừa mon men, vừa nhìn tôi không rời, một cái nhìn không chút ngờ vực, mà rụt rè, lạ lùng làm sao. Cuối cùng, nó thận trọng thò tay ra. Tôi chìa cho nó ngón tay trở. Nó giật mình, đoạn nắm lấy ngón tay tôi. Một cảm giác kỳ lạ khi cảm nhận cái bàn tay trẻ con lạnh lạnh nắm chặt ngón tay mình. Tuồng như một con người khốn khổ, câm lặng, bị phù phép trong cái hình hài còng gập này đang muốn được cứu thoát ra ngoài. Tôi không dám nhìn lâu vào cặp mắt buồn thối thiết ấy.

Gustave hỏn hển nhô ra khỏi rùng cây cảnh. “Vậy là thỏa thuận rồi nhé. Antoine, mình sẽ bù cho cậu một con cún đực Doberman nơi Hertha. Cậu trúng quả này là quả đậm nhất đời còn gì!”. Đoạn quay sang tôi. “Cậu muốn đem nó về luôn chứ?”

“Giá bao nhiêu?”

“Không một xu. Đổi lấy con Doberman mà mình vừa tặng cậu ấy. Phải, cứ để Gustave này xoay sở cho là nhất! Phi Gustave không xong!”

Chúng tôi thỏa thuận rằng chạy tácxì xong tôi sẽ quay lại bắt con chó sau.

“Cậu có biết cậu vừa vớ bở gì không?”, Gustave hỏi tôi khi đã ra ngoài đường. “Một cửa cực hiếm. Một chú chó sục Ailen. Búa bở. Không chê vào đâu được. Lại còn cuốn gia phả nữa, lạ Chúa, cậu chó có ngó ngang vào đó, kéo bao giờ cậu cũng phải cung kính cúi mình trước khi cậu bắt chuyện với con vật đây”.

“Gustave”, tôi bảo, “anh vừa giúp tôi một việc rất lớn. Đi, giờ ta cùng đi uống thứ cognac lâu đời nhất mà ta có thể tìm được”.

“Hôm nay không được!”, Gustave nói. “Hôm nay mình phải giữ cho bàn tay khéo léo. Tối mình sẽ chơi ky trong nghiệp đoàn. Hứa với mình là cậu sẽ cùng đến đi. Toàn những người đứng đắn rất mực, thậm chí có cả một ngài tổng giám đốc bưu điện”.

“Tôi sẽ đến”, tôi nói. “Cho dù ngài tổng giám đốc bưu điện không có mặt chẳng nữa”.

Gần sáu giờ, tôi lái xe trở lại xưởng. Koster đang mong tôi. “Jaffé gọi điện tới chiều nay. Dặn cậu gọi lại chỗ ông ta”.

Tôi ghen thờ trong một giây. “Ông ta có nói gì không, Otto?”

“Không, không nói gì đặc biệt, Chỉ dặn rằng ông ta ở phòng khám đến năm giờ. Sau đó sẽ tới nhà thương Dorothée. Vậy cậu phải gọi điện lại đằng ấy”.

“Được”.

Tôi đi vào phòng giấy. Trong phòng nóng và ngột ngạt, vậy mà tôi run rẩy, chiếc ống nghe lấy bẫy trong tay tôi “Vớ vẩn”, tôi tự át mình và chống tay thật vững lên mặt bàn. Phải đợi khá lâu mới gọi được Jaffé. “Anh rảnh không?”, ông hỏi.

“Rảnh ạ”.

“Vậy anh lại đằng này ngay nhé. Tôi còn ở đây một giờ nữa”.

Tôi muốn hỏi ông xem Pat có việc gì không. Nhưng tôi không dám. “Vâng”, tôi nói, “mười phút sau tôi sẽ có mặt ở chỗ ông”.

Tôi đặt ống nghe xuống và lập tức gọi về nhà. À hầu gái cầm máy. Tôi hỏi gắp Pat. “Không biết cô ấy có đây không”, Frida cầu nhàu. “Để tôi xem xem đã”.

Tôi đợi. Đầu óc tôi mù mịt, nóng bỏng. Sao lâu thế. Rồi tôi nghe tiếng máy lạo xạo và giọng Pat. “Anh Robby đây à?”

Tôi nhắm mắt lại một lát. “Em thế nào, Pat?”

“Em khỏe. Em ngồi trên ban công đọc sách cho đến bây giờ. Một cuốn sách xúc động lắm”.

“Thế à, một cuốn sách xúc động à?”, tôi nói. “Vậy thì hay lắm. Anh chỉ định báo với em rằng hôm nay anh về nhà hơi muộn một tí. Em đã đọc hết cuốn sách của em chưa?”

“Chưa, em đang đọc dở. Còn đủ đọc trong vài giờ nữa”.

“Tới lúc đó anh đã có mặt ở nhà lâu rồi. Thôi em đọc nốt nhanh lên nhé!”

Tôi ngồi lặng một lát. Đoạn đứng dậy. “Otto”, tôi nói, “mình lấy chiếc Karl đi được không?”

“Cố nhiên. Nếu cậu muốn thì mình đi cùng. Mình chẳng có việc gì làm ở đây cả”.

“Không cần đâu. Chẳng có chuyện gì quan trọng. Mình đã điện thoại báo cho nhà rồi”.

Ánh sáng đẹp làm sao, tôi nghĩ khi chiếc Karl đã vọt ra ngoài đường, ánh chiều trên các mái nhà mới tuyệt vời làm sao! Cuộc sống tròn đầy, ngọt ngào

quá đổi!

Tôi phải đợi Jaffé ít phút. Một nữ y tá đưa tôi vào một căn phòng nhỏ, trong đó ngổn ngang những tờ tạp chí cũ. Trên bậu cửa sổ đặt mấy chậu cây leo. Bao giờ cũng vẫn những tờ tạp chí đóng trong bì nâu ấy, bao giờ cũng vẫn những đám dây leo buồn thảm mà người ta chỉ bắt gặp trong các phòng chờ của các thầy thuốc và trong nhà thương.

Jaffé bước vào. Ông mặc một chiếc blu trắng tinh còn nguyên nếp là. Nhưng khi ông ngồi xuống bên tôi, tôi thấy ở mặt trong ống tay áo phải có một vết máu tia đỏ tươi nhỏ xíu. Đờn tôi, tôi từng thấy nhiều máu... nhưng cái vết máu bé tí ti này bỗng chốc đè nặng lên tôi còn hơn cả đống băng băng đẫm máu. Sự vững tâm trong tôi tắt ngấm.

“Tôi đã hứa sẽ cho anh biết tình trạng sức khỏe của cô Hollmann”, Jaffé nói.

Tôi gật đầu, mắt nhìn tấm khăn trải bàn có những hình nổi bằng nhung sặc sỡ. Tôi nhìn, chăm chăm vào đám hình lục giác chằng chịt, và có linh cảm điên rồ rằng mọi sự ắt sẽ tốt đẹp, chỉ cần tôi giữ được bình tĩnh và không chớp mắt trước khi ông Jaffé tiếp lời.

“Cách đây hai năm cô ấy nằm sáu tháng ở nhà an dưỡng. Anh biết chứ?”.

“Không”, tôi đáp, mắt vẫn không rời tấm khăn trải bàn.

“Sau đó bệnh tình có thuyên giảm. Tôi vừa khám kỹ lưỡng cho cô ấy. Mùa đông này, nhất thiết cô ấy phải trở lại đó. Cô ấy không thể ở lại thành phố”.

Tôi vẫn nhìn chăm chăm vào những hình lục giác. Chúng nhòa đi và bắt đầu nhảy nhót. “Bao giờ cô ấy phải đi?”, tôi hỏi.

“Trong mùa thu. Muộn nhất là cuối tháng Mười”.

“Vậy đó không phải là chứng thổ huyết chỉ một lần rồi lành sao?”

“Không”.

Tôi ngược mắt nhìn. “Có lẽ tôi không cần phải nói anh cũng biết”, Jaffé tiếp, “rằng bệnh này thật hết sức khó lường. Một năm trước đây nó có vẻ đã dứt, các vết tổn thương đã thành sẹo, và có thể xem như bệnh đã bị đẩy lùi. Cũng như vậy, từ tình trạng vừa tái phát hiện giờ, các vết tổn thương có thể lại đi tới chỗ lành lặn một cách đáng kinh ngạc. Không phải tôi nói cốt để an ủi... mà sự thực là thế. Bản thân tôi từng chứng kiến nhiều ca bình phục lạ lùng”.

“Và cả những ca chuyển biến xấu nữa chứ?”

Ông nhìn tôi. “Cả những ca ấy nữa, tất nhiên”.

Ông bắt đầu giảng giải tỉ mỉ cho tôi. Cả hai lá phổi đều bị nhiễm lao, lá phải nhẹ hơn, lá trái nặng hơn. Đoạn ông dừng lời và bấm chuông gọi y tá.

“Cô lấy giúp cái cặp giấy của tôi”.

Cô y tá mang cặp vào, Jaffé lôi ra hai phong bì lớn. Ông rút phong bì đánh xoạt và giơ phim lên trước cửa sổ. “Thế này anh nhìn rõ hơn. Đây là những bức hình chụp quang tuyến”.

Trên tấm phim trong màu xám, tôi thấy những đốt sống lưng, hai xương bả vai, xương đòn, khớp vai và những rẻo xương sườn hơi cong cong. Nhưng tôi còn thấy nhiều hơn thế - tôi thấy một bộ xương người. Nó nổi lên, tối thẫm và ma quái từ những cái bóng nhờ nhờ chồng chéo lên nhau trên tấm phim. Tôi thấy bộ xương của Pat. Bộ xương của Pat.

Jaffé vừa cầm panh chỉ từng đường nét, từng chỗ đậm nhạt khác nhau trên tấm phim, vừa giảng giải. Ông không nhận thấy tôi hoàn toàn chẳng nhìn vào đó nữa. Tính tỉ mỉ của nhà khoa học xâm chiếm ông. Cuối cùng ông quay sang tôi. “Anh hiểu rồi chứ?”

“Vâng”, tôi nói.

“Anh làm sao vậy?”

“Chẳng sao cả”, tôi đáp. “Tôi chỉ không thích nhìn vào đó”.

“À ra vậy”. Ông sửa lại mục kính. Đoạn ông dứt trả hai tấm hình vào phong bì và nhìn tôi dò xét. “Anh đừng nghĩ ngợi vẩn vơ làm gì”.

“Tôi không nghĩ ngợi vẩn vơ. Nhưng khôn khổ khôn nạn quá lắm! Hàng triệu người mạnh khỏe. Cớ sao riêng nàng lại không?”

Jaffé im lặng một lát.

“Không ai có thể trả lời câu hỏi của anh”, đoạn ông nói.

“Phải”, tôi đáp, đột nhiên cảm giận khủng khiếp, máu nóng bốc lên ù đầu, “không ai có thể trả lời! Tất nhiên là không! Không ai có thể trả lời nỗi đau khổ và cái chết! Mẹ kiếp! Người ta không biết làm gì để chống lại chúng!”

Jaffé nhìn tôi rõ lâu. “Xin ông thứ lỗi”, tôi nói. “Nhưng tôi không thể tự dối lừa mình. Đáng nguyên rửa là ở chỗ đó”.

Ông vẫn nhìn tôi. “Anh còn rảnh không?” Ông hỏi.

“Còn”, tôi nói. “Còn đủ thời gian”.

Ông đứng dậy. “Bây giờ tôi phải đi thăm bệnh phiên chiều. Tôi muốn anh đi cùng. Cô y tá sẽ đưa anh một chiếc blu trắng. Đối với các bệnh nhân, xem như anh là trợ lý của tôi”. Tôi không rõ chủ định của ông, nhưng vẫn cầm chiếc blu cô y tá chìa cho mình.

Chúng tôi đi dọc một hành lang dài. Ráng chiều đỏ rực xuyên qua các ô cửa sổ lớn. Một thứ ánh sáng êm ái, dịu dịu và chập chờn đến hư ảo. Vài cửa sổ bỏ ngỏ. Hương hoa bồ đề đương rộ từ ngoài thoáng bay vào.

Jaffé mở một cánh cửa. Mùi ngọt ngào, hơi hám xộc vào mũi chúng tôi. Một người đàn bà với mái tóc tuyệt đẹp vàng óng như vàng mười, trên đó ánh sáng phản chiếu lấp lánh, uể oải giơ tay lên. Vàng trán cao quý với hai thái dương thanh tú. Nhưng băng quấn từ dưới mắt xuống tận cằm. Jaffé thận trọng tháo băng. Tôi thấy người đàn bà chẳng còn mũi nữa. Thay vào đó là một vết thương đỏ lôm bôm thủ đã đóng vảy với hai hốc mũi. Jaffé lại đặt băng lên đó.

“Tốt rồi”, ông ân cần nói và quay ra.

Ông khép cửa lại sau lưng. Tôi đứng một lát ngoài hành lang, mắt dõi vào ánh chiều êm dịu.

“Anh vào đây!”. Jaffé bảo và dẫn tôi vào phòng cạnh đó. Tiếng thở hển hển, khò khè nóng bỏng của một bệnh nhân đang lên cơn sốt nặng dội vào tai chúng tôi. Đó là một người đàn ông có bộ mặt xám ngoét với những vết đỏ tía dị thường. Cằm ông ta há hốc, mắt lồi lên, hai bàn tay quờ quạng liên hồi trên tấm chăn. Ông ta đang hôn mê. Biểu đồ nhiệt độ luôn chỉ bốn mươi độ. Một nữ hộ lý đang ngồi đọc bên giường bệnh nhân. Cô ta bỏ sách xuống, đứng dậy khi Jaffé bước vào. Ông nhìn vào tấm biểu đồ, lắc đầu. “Viêm cả hai phổi và viêm màng phổi. Từ một tuần nay cầm cự như một con bò mộng. Bệnh tái phát. Trước đã gần như bình phục. Ham công tiếc việc quá sớm. Có vợ và bốn con. Vô phương cứu chữa”. Ông nghe ngực bệnh nhân và bắt mạch. Cô hộ lý giúp ông. Cuốn sách của cô ta rơi xuống đất. Tôi nhặt lên và thấy đó là một cuốn sách dạy nấu ăn. Người đàn ông nằm trên giường cứ cào mãi những ngón tay ghèu ngoào như chân nhện lên tấm chăn. Đó là tiếng động duy nhất trong phòng. “Cô hãy trực ở đây đêm nay”, Jaffé nói. Chúng tôi đi ra. Bên ngoài, ánh hoàng hôn đỏ càng thắm rực. Lúc này nó tràn ngập hành lang như một dải mây.

“Ánh sáng khôn kiếp”, tôi nói.

“Tại sao?” Jaffé hỏi.

“Nó chẳng hòa nhập gì với cảnh. Mỗi thứ mỗi nẻo”.

“Sao không!” Jaffé nói. “Nó hòa nhập đây chứ”.

Trong phòng tiếp theo là một thiếu phụ nằm thở khò khè. Bà ta được đưa vào chiều nay vì bị nhiễm độc thuốc ngủ nặng. Chồng bà gặp tai nạn hôm qua. Ông bị gãy xương sống và được đưa về nhà cho vợ trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo, miệng gào thét. Đến đêm thì ông tắt thở.

“Bà ta sẽ qua khỏi chứ?”, tôi hỏi.

“Có lẽ”.

“Để mà làm gì?”

“Trong những năm vừa rồi tôi đã cứu chữa năm trường hợp tương tự”, Jaffé nói. “Chỉ có một bà thử tự sát lần thứ hai. Bằng khí đốt. Bà ta chết. Hai trong số các bà còn lại thì đã tái giá”.

Ở phòng tiếp nữa là một người đàn ông mắc chứng bại liệt từ mười hai năm nay. Anh ta có nước da như sáp nến, hàm râu đen thưa thớt và cặp mắt rất to, lặng lẽ. “Sức khỏe anh ra sao?”, Jaffé hỏi.

Người đàn ông phác một cử chỉ mơ hồ. Đoạn anh ta trở ra cửa sổ. “Ông nhìn trời kia! Thế nào cũng mưa, tôi cảm thấy điều đó”. Anh ta mỉm cười. “Trời mưa, ngủ sẽ ngon hơn”. Trước mặt anh ta, trên tấm ga trải giường, là một bàn cờ bằng da với những quân cờ có thể gắn chắc lên đó. Bên cạnh, lù lù một đồng báo và vài cuốn sách vứt lăn lóc.

Chúng tôi tiếp tục đi. Tôi nhìn thấy một thiếu phụ trẻ với cặp mắt kinh hoàng, đôi môi tím tái, hoàn toàn suy sụp sau một ca đẻ khó... một quái thai với cặp giò mềm oặt quặt ra sau và cái đầu là một bong nước - một người đàn ông đã cắt bỏ dạ dày - một bà lão như con cú già khóc lóc vì nỗi lũ người thân không thềm ngó ngang gì tới bà, họ mong bà chết quách cho rảnh nợ - một người đàn bà mù tin rằng một ngày kia mình sẽ sáng mắt trở lại - một đứa trẻ mắc bệnh giang mai với những nốt loét ứa máu và người cha ngồi bên giường - một thiếu phụ ban sáng vừa bị cắt bỏ bầu vú thứ hai - một thiếu phụ khác co gập người lại vì chứng thấp khớp - thiếu phụ thứ ba bị cắt cả hai buồng trứng - một người thợ bị nát thận - hết phòng này sang phòng khác, phòng nào cũng như phòng nào - những tấm thân co quắp, rên rỉ, những hình hài bất động đã gần như tắt ngấm sự sống, một mớ bong bong, một chuỗi vô tận thở than, sợ hãi, cam chịu, đón đau, tuyệt vọng, hy vọng, khổ ải...; và lần nào cũng vậy, hễ một cánh cửa vừa đóng, trong hành lang lại xuất hiện cái ráng đỏ của buổi chiều hư ảo ấy, sau sự ghê tởm trong

những căn phòng hẹp bao giờ cũng có đó ráng chiều dịu dàng toát lên vẻ rực rỡ êm ái óng vàng, mà ta không sao biết đó là một sự nhạo báng khủng khiếp hay một nguồn an ủi siêu phàm. Jaffé dừng lại trước lối vào phòng mổ. Hai nữ hộ lý đẩy vào một chiếc xe phẳng lý có một thiếu phụ nằm trên. Tôi bắt gặp ánh mắt của chị. Chị không nhìn tôi. Chị nhìn đi đâu đó, vào một chốn xa xăm vô định. Nhưng tôi đã giật mình trước cặp mắt chứa đựng biết bao can đảm, tự chủ và bình thản ấy.

Gương mặt ông Jaffé thốt nhiên lộ vẻ mệt mỏi. “Tôi không biết có đúng không”, ông nói, “nhưng tôi cho rằng dùng lời lẽ làm yên lòng anh hẳn vô ích. Hẳn anh đã chẳng tin tôi. Bây giờ anh đã thấy tận mắt nhiều người trong bọn họ bệnh còn nặng hơn cô Pat Hollmann. Một vài người chẳng còn biết làm gì hơn là hy vọng. Ấy vậy mà phần đông sẽ qua khỏi. Sẽ lại bình phục. Đó là điều tôi muốn cho anh thấy”.

Tôi gật đầu. “Ông làm thế là phải”.

“Vợ tôi mất cách đây chín năm. Cô ấy mới hai mươi lăm tuổi. Chưa hề ốm đau. Chỉ do cúm”. Ông im lặng một lát. “Anh hiểu vì sao tôi kể với anh điều này chứ?”

Tôi lại gật đầu.

“Người ta không sao biết trước được. Kẻ mắc chứng nan y có khi lại sống lâu hơn người khỏe mạnh. Cuộc sống vốn lạ lùng”. Lúc này mặt ông đầy nếp nhăn. Một nữ y tá lại gần rỉ tai ông điều gì đó. Jaffé đứng thẳng dậy, hát đầu về phía phòng mổ.

“Giờ tôi phải vào trong ấy. Nếu có lo lắng, anh cũng chớ để lộ với Pat. Đó là điều quan trọng nhất. Anh gắng được chứ?”

“Được ạ”, tôi nói.

Ông bắt tay tôi, rồi vội vã cùng cô y tá đi qua cánh cửa bằng kính, vào gian phòng sáng trắng ánh đèn.

Tôi thông thả bước xuống những bậc thang sâu hun hút. Càng xuống dưới càng tối, và ở tầng một đã lên đèn. Khi tôi ra tới ngoài phố”, đằng chân trời còn ửng lên lần nữa ráng chiều hồng hồng, dài như một hơi thở sâu. Liên đó nó tắt ngấm, chuyển sang xám xịt.

Tôi ngồi trong xe hồi lâu, mắt đăm đăm nhìn ra phía trước, đoạn thu hết can đảm lái xe về xưởng. Koster chờ tôi ở cổng. Tôi đưa xe vào sân, xuống xe. “Cậu biết rồi à?”, tôi hỏi.

“Ừ” cậu ta đáp. “Nhưng Jaffé muốn đích thân nói chuyện với cậu”.



Tôi gật đầu.

Koster nhìn tôi.

“Otto”, tôi nói, “mình không phải là trẻ con và biết rằng vẫn chưa có gì mất mát cả. Nhưng dẫu sao tối nay có lẽ mình khó lòng che giấu nỗi tâm trạng của mình, nếu mình ngồi riêng với Pat. Đến mai thì được. Mai mình sẽ bình tâm lại. Hôm nay cả bọn cùng đi đâu đó được không?”

“Được chứ, Robby. Mình đã nghĩ đến điều đó và đã bảo Gottfried rồi”.

“Vậy cho mình mượn chiếc Karl lần nữa. Mình về nhà đón Pat trước, và nửa giờ nữa sẽ đón các cậu”.

“Đồng ý”.

Tôi phóng xe đi. Đến phố Nicholai, tôi chợt nhớ đã quên phắt con chó. Tôi quay xe trở lại bắt chó.

Hiệu không sáng đèn, nhưng cửa vẫn mở. Antoine ngồi trên chiếc giường xếp phía trong cửa hiệu, tay cầm một cái chai. “Gustave đã chửi bới tôi thậm tệ”, gã nói, phả ra hơi rượu nồng nặc như cả một lò cất rượu.

Con chó sục nhảy lên mừng tôi, nó hít hít tôi, liếm bàn tay tôi. Trong luồng sáng xiên xiên từ ngoài đường hắt vào, đôi mắt con chó lóng lánh màu xanh lá cây. Antoine đứng dậy. Gã lão đảo, và chợt bật khóc. “Cún con của tao, giờ mày lại bỏ đi nốt... chúng bỏ đi cả... con Thilde chết rồi... con Minna đã ra đi... ngữ người như bọn ta sống mà làm gì, hả ông?”

Lại còn thế nữa! Cái bóng điện buồn tẻ bé tẹo mà giờ gã bật lên, tiếng sột soạt khe khẽ của con rùa và bầy chim, cùng gã đàn ông húp húp, nhỏ thó trong cửa hiệu này. “Bọn giàu có, đã đành chúng biết... nhưng ông nói thử, ngữ bọn ta sống để làm gì chứ. Lũ khốn khổ bọn ta sống làm gì, hở ông?” Con khỉ rên lên một tiếng và nhảy tới nhảy lui trên chiếc sào như một thằng điên. Cái bóng to tướng của nó cùng nhảy trên tường. “Coco”, gã đàn ông nhỏ thó khi này vừa ngồi đơn độc trong bóng tối nốc rượu thồn thức, “bạn duy nhất của tao, lại đây!” Gã chìa cái chai cho con khỉ. Nó vớ tay đón lấy.

“Ông sẽ giết chết con vật nếu ông cho nó uống rượu”, tôi nói.

“Thì đã sao”, gã riu lưỡii đáp. “Kéo thêm vài năm trong xiềng ách hay không... cũng thế thôi... thế cả... thưa ông...”

Tôi ôm con chó đang nép mình vào tôi âm âm, rồi đi ra. Mềm mại, với những sợi chân dài êm ái, nó chạy bên tôi ra xe.

Về tới nhà, tôi thận trọng lên cầu thang, tay dắt con chó. Tôi dừng lại ở

hành lang, ngắm mình trong gương. Nét mặt tôi không có gì khác lạ. Tôi gõ cửa phòng Pat, mở hé cửa và hích con chó chạy vào.

Đứng lại bên ngoài, tôi nắm chặt dây buộc chó và chờ đợi. Nhưng thay vì giọng Pat, tôi bất ngờ nghe thấy cái giọng trầm trầm của bà Zalewski. “Lạy Cha ở trên trời!”

Tôi thở phào ngó vào. Tôi chỉ sợ cái phút đầu tiên một mình đối diện với Pat. Giờ thì mọi sự dễ dàng. Bà Zalewski là một vật đệm đáng tin cậy. Bà ngự oai vệ bên bàn với một tách cà phê, trước mặt là bộ bài giàn ra theo một trật tự huyền bí. Mắt sáng long lanh. Pat ngồi cạnh nghe bà tiên đoán tương lai.

“Xin chào”, tôi nói, đột nhiên hết sức hồ hởi.

“Anh ta đây rồi”, bà Zalewski trịnh trọng nói. “Băng qua một quãng đường ngắn trong ánh chiều tà, bên cạnh là một quý ông tóc đen thuộc tầng lớp đại quý tộc”.

Con chó giật dây, vừa sủa vừa vọt qua giữa hai chân tôi, xông vào phòng.

“Lạy Chúa tôi!”. Pat kêu lên. “Một con chó sục Ailen!”

“Phục em sát đất!”, tôi nói. “Trước đây vài giờ anh vẫn còn chưa biết nó là giống gì”.

Nàng cúi xuống, con chó nhảy bổ lên với nàng.

“Nó tên gì, anh Robby?”

“Anh không biết. Hình như Cognac, Whiskey hay một tên gì đại loại thế, căn cứ vào chủ cũ của nó”.

“Của chúng mình à?”

“Ừ, nếu một sinh vật có thể thuộc về một sinh vật khác”. Nàng vui sướng đến nghẹn thở.

“Chúng mình sẽ gọi nó là Billy, anh Robby nhé! Thờì còn con gái, mẹ em có một con chó. Mẹ thường kể em nghe về nó. Nó cũng tên là Billy!”

“Hóa ra anh làm thế mà lại trùng ghê”, tôi nói.

“Nó không ỉa đái bậy ra nhà đấy chứ?”, bà Zalewski hỏi.

“Nó có gia phả như một ông hoàng”, tôi đáp. “Mà các ông hoàng thì đời nào phóng uế bừa bãi”.

“Khi bé thì các ông hoàng cũng bần. Nó mấy tuổi rồi?”

“Tám tháng. Ngang với một thanh niên mười sáu cơ đây”.

“Trông nó chẳng lấy gì làm sạch sẽ”, bà Zalewski nhận xét.

“Chỉ cần tắm cho nó là ổn cả”.

Pat đứng lên, quàng tay ôm vai bà Zalewski. Tôi đứng chết lặng nhìn nàng.

“Tôi hằng mơ ước có một con chó”, nàng nói. “Chúng tôi được phép nuôi nó, phải thế không ạ? Bà không hề phản đối chứ ạ?”

Từ ngày tôi biết bà, lần đầu tiên mẹ Zalewski trở nên bối rối.

“Ừ thì... tôi có bảo sao”, bà đáp. “Mà những lá bài đã chẳng nói đây là gì. Một sự bất ngờ theo một người đàn ông vào nhà”.

“Thế chúng có nói tối nay chúng tôi sẽ đi chơi không?”

Pat cười. “Chúng em chưa xem tới đó, anh Robby. Chúng em đang nói về anh”.

Bà Zalewski đứng lên, vợ những lá bài của mình về. “Người ta có thể tin, có thể không tin, hoặc tin ngược lại, như ông Zalewski nhà tôi. Xem số cho ông ấy, bao giờ con chín pích báo hiệu điềm gở cũng đứng trên chất lỏng. Vì vậy ông ấy cứ nghĩ phải dè chừng với sông nước. Nhưng không, chất lỏng ở đây là rượu và bia Pilsen kia”.

“Pat”, bà Zalewski vừa ra khỏi, tôi liền ôm ghì Pat trong vòng tay, “về nhà được thấy em thật sung sướng xiết bao. Anh cứ luôn luôn ngạc nhiên về điều đó. Khi lên nốt bậc thang cuối cùng và vặn khóa cửa, tim anh bao giờ cũng đập thành thịch, chỉ sợ nhờ may đây không phải là sự thật”.

Nàng mỉm cười nhìn tôi, hễ tôi nói với nàng những điều tương tự, hầu như không bao giờ nàng trả lời. Mà có lẽ tôi cũng không hình dung nổi và hết sức bối rối nếu giả sử nàng đáp lại tôi cũng những lời giống như thế... tôi thiết nghĩ một người đàn bà không nên nói với một người đàn ông rằng nàng yêu chàng. Chỉ cặp mắt sung sướng, rạng ngời của nàng đã đủ nói lên nhiều điều hơn biết bao lời lẽ.

Tôi ôm ghì nàng hồi lâu, tôi cảm thấy hơi ấm của làn da nàng, hương thơm thoang thoảng của mái tóc nàng... tôi ôm ghì lấy nàng, ngoài nàng ra không còn gì tồn tại nữa, bóng tối bị đẩy lùi, nàng bên tôi đây, nàng sống, nàng thở, và chẳng có gì mất mát cả.

“Chúng mình đi chơi thật sao, anh Robby?”, nàng hỏi kề ngay mặt tôi.

“Thậm chí cả bọn”, tôi đáp, “cả Koster và Lenz. Chiếc Karl đã chực sẵn

ngoài cửa”.

“Thế còn Billy?”

“Dĩ nhiên Billy cũng đi cùng. Nếu không tại mình biết làm gì với thức ăn thừa! Hay là em đã ăn tối rồi?”

“Không, em chưa ăn. Em chờ anh mà”.

“Nhưng em đừng chờ anh làm gì. Đừng bao giờ cả. Phải chờ đợi thật là khủng khiếp”.

Nàng lắc đầu. “Anh không hiểu điều đó đâu, anh Robby. Không có gì để mà chờ đợi, cái đó mới khủng khiếp”.

Nàng bật ngọn đèn trước gương. “Nhưng giờ em phải bắt tay vào thay áo xống đây, kéo không kịp. Anh cũng thay chứ?”

Tôi gọi con chó lại với mình và ngồi vào chiếc ghế bành bên cửa sổ. Tôi thích được ngồi yên như thế này ngắm Pat khi nàng thay xống áo. Không bao giờ tôi cảm nhận được sự bí ẩn trong cái xa lạ vĩnh cửu của người đàn bà hơn là trong cái dáng lượn lờ nhẹ nhàng trước gương soi, cái vẻ xét nét trầm ngâm, cái trạng thái hoàn toàn chìm đắm vào bản thân, sự trôi trở lại với giác quan thính nhạy bản năng của giới tính. Tôi khó lòng hình dung nổi một người đàn bà lại nói xoen xoét hoặc cười cợt trong khi trang điểm... nếu có cô nào như thế, hẳn ở cô ta thiếu đứt nét bí ẩn và nét mê hoặc vô hình của một cái gì luôn luôn khó nắm bắt. Tôi yêu những cử động nhẹ nhàng mà mềm mại của Pat trước gương soi; thật sung sướng được ngắm nàng đưa tay lên sửa mái tóc hoặc cầm bút kẻ lông mày, cẩn thận và thận trọng tô theo hình cánh cung ở hai bên thái dương. Khi đó, nơi nàng có nét gì của một con hoẵng, một con báo mảnh mai, và cả dáng vẻ của một nữ tướng trước giờ xung trận. Mặt nghiêm trang, đầy tập trung, nàng quên hết tất cả thứ xung quanh; nàng chăm chú và bình thản đối mặt với bóng mình trong gương, và khi nàng ghé sát vào nó, dường như đó chẳng phải là hình bóng trong gương nữa, dường như ở đó, từ trong bóng tới lò mờ của thực tại và của muôn đời, hai người đàn bà đang soi vào mắt nhau, lạnh lùng và xét nét, với cái nhìn cổ điển sành sỏi.

Từ ngoài nghĩa trang, hơi thở tươi mát của buổi tối tràn qua cửa sổ vào buồng. Tôi ngồi lặng lẽ, tôi chưa hề quên câu chuyện hồi chiều, tôi còn nhớ rõ tất cả... nhưng hề nhìn Pat, tôi cảm giác nỗi buồn nặng nề như một tảng đá đè trĩu trong mình lại bị đánh át bởi niềm hy vọng mãnh liệt, thấy nỗi buồn biến hóa và hòa lẫn với niềm hy vọng đến là kỳ lạ, thấy cái này thoát đổi thành cái kia: nỗi buồn, niềm hy vọng, ngọn gió, chiều tà, cô thiếu nữ

xinh đẹp giữa những tấm gương sáng lấp lánh và những cây đèn nến, phải, suốt một khoảnh khắc, thốt nhiên tôi có cảm giác lạ lùng, như thể trong thực tế và trong cái nghĩa sâu sắc nhất, cuộc đời, thậm chí có lẽ cả hạnh phúc, chính là tình yêu với bấy nhiêu sầu muộn, lo sợ và những điều chỉ mình âm thầm biết với mình.

# CHƯƠNG 19

Tôi đứng trên bãi đỗ xe và chờ đợi. Gustave lái xe tới, xếp hàng sau xe tôi. “Con cún cà tàng ấy ra sao, hử Robert?”, anh hỏi.

“Nó khỏe cực”, tôi nói.

“Còn cậu?”

Tôi chán ngán phẩy tay. “Tôi cũng khỏe cực nếu kiếm được khá tiền hơn. Anh hình dung xem, suốt hôm nay được độ hai chuyến khách năm chục xu”.

Anh gật đầu. “Càng ngày càng tệ. Cái gì cũng chỉ tệ đi. Chẳng biết rồi sẽ đến nước nào nữa!”

“Trong khi lẽ ra tôi nhất thiết phải kiếm ra tiền!”, tôi nói “Chính lúc này! Thật nhiều tiền”.

Gustave gãi gãi cằm. “Nhiều tiền!”. Đoạn anh nhìn tôi. “Cứ đứng đấy thì chẳng hót đâu ra lắm chút màu, Robert ạ. Chỉ bằng cách đầu cơ. Hay ta thử góp vốn đánh cá xem sao? Hôm nay có cuộc đua. Mình biết một hộp đánh cá thượng hạng. Mới đầu mình vừa được cá cho con Aida, một ăn hai mươi tám”.

“Làm gì cũng được. Cơ bản là phải gặp may”.

“Cậu đã cá cược bao giờ chưa?”

“Chưa”.

“Thế thì tay cậu thiêng lắm. Có thể xoay xở được”. Anh xem đồng hồ. “Ta đi thôi chứ? Còn vừa kịp”.

“Thì đi!”. Kể từ vụ con chó, tôi đặc biệt tin tưởng Gustave.

Hộp cá cược là một gian phòng khá rộng. Bên phải ngăn một quầy bán xì gà, bên trái đặt chiếc máy cộng. Trong ô kính treo đầy các tờ báo thể thao xanh xanh đỏ đỏ và những tờ đánh máy thông báo tin tức các cuộc đua. Mé tường kê một quầy gỗ chạy dài với vài cái giá để viết. Sau quầy, ba người đàn ông đang tất bật. Một người mải gào vào ống nói điện thoại, một người khác lảng xãng hết dầu nọ sang đầu kia với những xấp phiếu trong tay, người thứ ba - chiếc mũ ống hất ra sau gáy, điều xì gà Brasil to, đen, nát như lăn đi lăn lại giữa hai hàm răng, không áo khoác ngoài tay áo xắn ngược - đứng sau quầy ghi các khoản đặt cược. Chiếc áo sơ-mi của gã màu tím gât.

Sự tập nập quá độ nơi đây khiến tôi sửng sốt. Phần đông thuộc giới bình dân, thợ thủ công, thợ thuyền, công chức nhỏ, vài ả điếm, mấy thằng ma cô. Một lão đi đôi ghệt xám bản thiu, đội mũ ống xám, áo đuôi tôm rách tươm, giữ chúng tôi lại ngay từ cửa. “Von Bieling, cá chứ, các ông? Ăn chắc trăm phần trăm!”

“Lên trắng mà cá với cuội”, Gustave đáp, thoát bước vào đây nét mặt anh đã đột nhiên hoàn toàn đổi khác.

“Năm mươi xu thôi mà”, Bieling nài nỉ. “Tôi quen thân với đám huấn luyện. Từ trước”, gã vội thêm khi bắt gặp ánh mắt tôi.

Gustave đã đang nghiên cứu danh sách ngựa đua. “Bao giờ con Auteuil ra trường đua?”, anh gọi với vào quầy.

“Năm giờ”, gã phụ việc càu nhàu.

“Philomene, cái con thô tả trứ danh này”. Gustave lẩm bẩm. “Con ngựa cỡ quốc gia trên đường đua trũng” Anh xúc động đến vã mồ hôi. “Thế con tới là con nào?”

“Ruộng Hoa Bia”, ai đó nói bên cạnh anh.

Gustave lại nghiên cứu. “Mở đầu, mỗi đứa mình đặt hai xèng, cá con Tristan thắng”, anh bảo tôi.

“Anh biết đôi chút về khoản này chứ?”, tôi hỏi.

“Biết thôi à? Mình thuộc mộng từng con ngựa một ấy chứ”.

“Thế mà lại đi cá cho con Tristan?”, ai đó nói bên tai chúng tôi. “Bé Liz Chăm Chỉ sẽ là vận may duy nhất đó, ông ơi! Tôi quen Johnny Burns mà”.

“Còn tôi”, Gustave độp lại, “tôi chính là ông chủ chuồng của con Liz Chăm Chỉ. Tôi còn biết rõ hơn ông”.

Anh réo số tiền đặt cược của chúng tôi với gã đàn ông bên quầy. Chúng tôi nhận một tấm phiếu và lên trước ngòi trong một khoảnh có kê dăm bộ bàn ghế. Bên tai chúng tôi vang lên đủ mọi thứ tên. Vài anh thợ bàn tán về bày ngựa đua ở Nice, hai chú đưa thư nghiên cứu tin dự báo thời tiết Paris, và một bác xà ích khoe khoang cái thời bác ta đánh xe đua nước kiệu. Duy một gã đàn ông to béo, tóc dựng chân hương, là ngòi thần nhiên bên bàn, chén hết chiếc bánh mì con này sang chiếc bánh mì con khác. Hai người khác đứng dựa tường hau háu nhìn vào. Cả hai đều cầm phiếu trong tay, nhưng mặt mũi tiêu tụy như thể đã phải nhịn đói mấy ngày ròng.

Chuông điện thoại réo. Ai nấy đều dỏng tai lên. Gã phụ việc xướng tên

các chú ngựa đoạt giải. Chẳng thấy nhắc nhỡm gì đến con Tristan cả. “Mẹ kiếp”, Gustave đỏ mặt nói. “Con Solomon thắng. Ai mà ngờ được? Ông chắc?”, anh giận dữ hỏi cái gã đã cá cho con Liz Chăm Chỉ.

“Ông cũng ở cuối danh sách: mãi tít đằng sau...”

Von Bieling xuất hiện giữa chúng tôi. “Thưa các ông, giá các ông chịu nghe tôi... hẳn tôi đã khuyên các ông cá cho con Solomon! Chỉ con Solomon thôi! Các ông muốn cá cuộc sau không?”

Gustave chẳng thèm để tai nghe lão. Anh đã trở lại bình tĩnh và đang mài mê bàn chuyện ngựa với gã Liz Chăm Chỉ.

“Ông có hiểu gì về ngựa không?”, Bieling hỏi tới.

“Hoàn toàn mù tịt”, tôi nói.

“VẬY ông hãy cá đi! Cá đi ông! Nhưng chỉ hôm nay thôi”, lão thì thào thêm, “và không bao giờ nữa. Ông cứ nghe tôi. Ông hãy cá... con nào cũng được... con Vua Lia, hay con Mối Bạc... có lẽ cả con L’Heure Bleue<sup>[13]</sup> nữa. Tôi không định kiếm chác gì. Nếu ông thắng, chỉ xin ông một chút gọi là”. Cái máu cá cược khiến cằm lão run lên. Chơi poker nhiều, tôi biết: những kẻ mới nhập cuộc thường thắng. “Được”, tôi nói, “con nào đây?”

“Xin tùy ông... tùy ông chọn...”

“L’Heure Bleue nghe chẳng đến nỗi dở”, tôi nói, “nào thì đặt mười mác cho con L’heure bleue”.

“Cậu điên đấy à?”, Gustave hỏi.

“Không”, tôi nói.

“Mười xèng cho cái con ngựa khỏ mà lẽ ra phải mổ thịt làm xúc xích từ đời nào ấy ư?”

Gã Liz Chăm Chỉ vừa nãy còn bị Gustave chửi là quân lột da thú, giờ phồng má vào hùa với anh. “Lại thế nữa! Ai đời đi cá cho con Laura Blaue<sup>[14]</sup>! Đó là một con bò cái chứ đâu phải ngựa, thưa ông! Hể muốn, con Giấc Mơng Tháng Năm chỉ cần chạy hai chân cũng đủ xoi tái nó! Cược thắng ư?”

Bieling nhìn tôi cầu khẩn và ra hiệu cho tôi.

“Thắng”, tôi nói.

“Chết mẹ anh đi”. Gã Liz Chăm Chỉ lẩm bầm vẻ khinh miệt.

“Quý ạ!”. Cả Gustave cũng nhìn tôi như thể tôi đã hóa thành một thằ



mọi. “Cá cho Gypsy II, đến đưa hài nhi còn nằm trong bụng mẹ cũng biết thế”.

“Tôi nhất quyết trung thành với con L’heure bleue”, tôi tuyên bố. Bây giờ mà còn thay đổi thì thật là đi ngược lại mọi luật lệ huyền bí của những kẻ phiêu lưu mạo hiểm.

Người đàn ông mặc sơ-mi tím đưa phiếu cho tôi, Gustave và gã Liz Chăm Chỉ nhìn tôi như thể tôi mắc bệnh dịch hạch. Họ xa lánh tôi ra mặt, cùng xô lại quây, để vừa bật ra những tràng cười mai mỉa, trong đó vẫn ẩn giấu sự lánh phục lẫn nhau giữa các nhà chuyên gia, vừa đặt cược cho con Gypsy II và con Giác Mộng Tháng Năm.

Đúng lúc ấy có người té xỉu. Đó là một trong hai con người hom hem đứng bên bàn khi nãy. Anh ta truội dần dọc xuống tường và ngã cái huych. Hai chú đưa thư xốc anh ta dậy, đặt ngời lên một chiếc ghế. Mặt anh ta xám xanh. Miệng há hốc.

“Ôi trời!”, một ả điếm kêu lên, ả người đẩy đà, tóc đen mượt, trán thấp, “Ai đi lấy hộ một cốc nước nào”.

Tôi lấy làm lạ vì chẳng mấy người quan tâm đến kẻ đang bất tỉnh ấy. Phần đông chỉ đưa mắt liếc qua, rồi lại chú ý vào cá cược. “Chuyện ấy lúc nào chẳng có”, Gustave nói. “Những kẻ thật nghiệp. Đánh cá đến đồng xu cuối cùng. Bao giờ cũng rình rập một món tiền rõ to, mười ăn cả ngàn”.

Bác xà ích từ quây xì gà đi ra với một cốc nước. ả điếm tóc đen nhúng chiếc khăn tay của ả vào đó rồi lau trán, lau thái dương cho người đàn ông. Anh ta thở dài, và đột nhiên mở mắt. Có một cái gì hết sức ghê sợ khi đôi mắt bỗng lạng lẽ hiện về trên bộ mặt đã tắt ngấm sự sống... tuồng như một kẻ xa lạ nào khác đang tò mò và lạnh lùng nhìn ra hai kẽ nứt của một cái mặt nạ xám xanh, bất động.

ả con gái cầm cốc nước cho người đàn ông uống. ả nâng anh trong cánh tay như nâng một đứa trẻ. Đoạn ả với lấy một chiếc bánh mì con trên bàn của cái gã tóc rẽ tre lúc này vẫn đang thản nhiên nhai nhồm nhoàm. “Nào ăn đi... nhưng từ từ thôi, từ từ thôi... khéo không, ngoạm đứt ngón tay tôi...; thế, bây giờ làm ngậm nước nữa...”

Gã đàn ông ngồi ở bàn liếc theo cái bánh của mình, nhưng không nói gì. Kẻ đói lả dần lấy lại thần sắc. Anh ta ăn thêm vài miếng rồi loạng choạng đứng lên. ả điếm diu anh ta ra tận cửa. Đoạn ả lén nhìn nhanh ra sau và mở ví. “Đây... giờ thì biến đi, kiếm cái mà chén thay vì cá cược...”.

Một trong những thằng ma cô này giờ xây lưng lại ả, quay người lại. Hắn có bộ mặt của loài ác quỷ, tai vênh, diện giấy da sơn, mũ vải thể thao.

“Mày cho nó cái gì hả?”, hắn hỏi.

“Vài xu ranh”.

Hắn thúc cùi tay vào ngực ả. “Hắn nhiều hơn thế! Lần sau phải hỏi tao!”

“Thôi đừng sinh sự nữa, Ede”, một tay khác ngăn. ả điếm lôi hộp phấn ra, ả tô lại môi. “Tao nói không sai”, Ede đáp.

ả điếm chẳng nói chẳng rằng.

Điện thoại réo chuông. Mải quan sát Ede, tôi không để ý. “Thế mới gọi là vớ bở lợn béo chứ!” bỗng tôi nghe Gustave nói oang oang. “Thưa quý vị, còn hơn lợn béo nữa, hắn ta vớ được một ổ lợn khổng lồ với hai chục chú ếch con!”. Anh vỗ vai tôi. “Cậu đã xoáy được một trăm tám chục xèng, mẹ kiếp! Con nghèo có cái tên nực cười của cậu đã lập nên công trạng!”

“Sao, thật không?”, tôi hỏi.

Cái tay ngậm xì gà diện chiếc sơ-mi sắc sỡ gật đầu cay cú, rồi cầm lấy tấm phiếu của tôi. “Ai gà cho ông vậy?”

“Tôi ạ”, Bieling vội nói với một nụ cười đầy trông đợi, khúm núm đến dễ sợ, đoạn lão len vào cúi mình chào. “Chính tôi, nếu ông cho phép... do chỗ tôi giao du...”

“Thôi đi, đồ khỉ...”. Tay chủ sòng không buồn nhìn lão, đếm tiền trả tôi. Cả gian phòng bỗng lặng lẽ trong giây lát. Ai nấy đều nhìn. Thậm chí cái kẻ nhá bánh điềm nhiên kia cũng ngẩng đầu lên.

Tôi nhét những tờ giấy bạc vào túi. “Gượm đã!”, Bieling ào ào. “Gượm đã nào!”. Mặt lão nổi lên những vết đỏ. Tôi dúi vào tay lão mười mác. Gustave cười điệu, thụi sườn tôi, “Thấy chưa, đã bảo mà! Chỉ cần chịu nghe Gustave này là hái ra tiền!”

Tôi tránh không nhắc chàng binh nhất quân y thưở nào về con Gypsy II. Hắn liền đó tự anh chột nhớ. “Ta đi thôi”, anh nói, “hôm nay chẳng phải ngày lành cho các bậc sành sỏi”.

Có kẻ chộp lấy tay áo tôi bên ngưỡng cửa. Thì ra là gã Liz Chăm Chỉ. “Ông sẽ cá cho con nào trong cuộc đua tưởng nhớ Maslowski sắp tới?”, gã hỏi về kính cần, thềm thường.

“Cho con trời ơi đất hời”, tôi đáp và cùng Gustave sang quán rượu gần đó để mừng một ly mừng sức khỏe con L’Heure Bleue.

Một giờ sau, tôi đã lại thua ngóm mắt ba chục mét. Không sao dừng được. Nhưng rồi tôi cũng thôi cá cược. Khi tôi đi ra, Bieling dúi cho tôi một mảnh giấy. “Phòng khi ông cần gì! Hoặc người quen của ông cần gì. Chả là tôi đại diện cho họ”. Đó là một tờ quảng cáo máy chiếu phim cỡ nhỏ dùng trong gia đình. “Tôi làm trung gian cho một hãng buôn quần áo cũ nữa đấy”, lão còn cố gọi với theo. “Trả tiền mặt!”

Bảy giờ, tôi quay xe về xưởng. Karl đứng trên sân, xả khói phành phạch. “Hay quá cậu đây rồi”, Koster reo, “tụi mình vừa định xuất hành, luyện thử chiếc Karl! Lên xe thôi”.

Cả hội đã tư thế sẵn sàng, khắp kha khắp khởi. Otto vừa tu sửa và thay đổi vài chi tiết cho chiếc Karl, chả là hai tuần nữa cậu ta sẽ cùng nó tham dự một cuộc đua đường núi. Đây sẽ là chuyến chạy thử đầu tiên.

Chúng tôi lên xe. Jupp ngồi chình chện cạnh Koster, cặp kính đua to bự choán gần hết mặt. Không được đi theo chuyến này, khéo chú chàng vỡ tim mất. Lenz và tôi ngồi vào ghế sau.

Karl vọt đi, tung bụi mù mịt. Chúng tôi ra tới con đường ngoại ô dài, và chạy với tốc độ một trăm bốn mươi cây số giờ. Lenz và tôi rạp sát người xuống lưng hai ghế trước; gió mạnh tới mức tưởng như thổi bay cả đầu. Bạch dương hai bên đường lướt qua vun vút, bánh xe rít lên và tiếng động cơ tuyệt vời tựa tiếng thét mãnh liệt của tự do truyền vào khắp xương tủy chúng tôi. Mười lăm phút sau, trước mặt chúng tôi xuất hiện một chấm đen to lên rất nhanh. Đó là một chiếc xe hơi khá ỉ ạch, chạy với tốc độ khoảng từ tám chục đến một trăm cây số giờ. Nó chạy không lấy gì làm nghiêm, cứ lạng hết sang phải lại sang trái. Con đường thì hẹp. Vì thế Koster phải giảm tốc độ. Khi tốc độ xuống một trăm cây số giờ và chúng tôi toan bấm coi xin đường, trên con đường nhánh bên phải chợt xuất hiện một tay đi mô-tô đang tiến lại gần, và liền đó biến vào sau một hàng rào cây con trước ngã tư. “Thỏ tả! Có chuyện rồi!”, Lenz kêu.

Đúng khoảnh khắc đó, chúng tôi lại thấy tay đi mô-tô xuất hiện trên đường, trước chiếc xe kia hai chục mét. Hình như anh ta coi nhẹ tốc độ của chiếc xe hơi, nên cổ cua vòng vượt trước mũi nó. Chiếc xe hơi giạt mạnh sang trái để tránh, nhưng chiếc mô-tô cũng trượt vút sang trái. Chiếc xe hơi lại nhอảng sang phải, chấn bùn quệt vào chiếc mô-tô, hất nhào nó. Tay lái mô-tô văng xuống mặt đường phía trước. Chiếc xe hơi trật ngang, không làm chủ được nữa, nó lao đổ mũi tên chỉ đường, húc gãy cột đèn và đâm sầm vào một gốc cây.

Tất cả diễn ra trong tích tắc. Khoảnh khắc tiếp đó, chúng tôi đã lao tới gần với tốc độ còn khá cao, bánh xe kêu ken két. Koster phi chiếc Karl như một con ngựa vọt lên giữa người lái mô-tô, chiếc mô-tô và chiếc xe hơi mù khói nằm ngang đường, bánh xe bên trái suýt chệch lên tay kẻ ngã mô-tô bên phải lướt sạt đuôi chiếc xe hơi, đoạn động cơ xe rú lên, Karl lại chạy theo đường thẳng, tiếng phanh rít, tất cả trở nên im ắng. “Giỏi lắm, Otto”, Lenz nói.

Chúng tôi chạy trở lại, giật cửa xe ra. Động cơ vẫn nổ. Koster thò tay vào bảng đồng hồ, rút chìa khóa. Tiếng máy đang khò khè tắt lịm, tiếng người rên rỉ nổi lên.

Toàn bộ cửa kính của chiếc Limousine nặng nề đã vỡ vụn. Trong khoang xe tối lờ mờ, chúng tôi thấy một gương mặt đàn bà máu me lênh láng. Cạnh bà ta, một người đàn ông nằm kẹt giữa tay lái và ghế ngồi. Trước hết, chúng tôi xóc người đàn bà ra, đặt nằm trên mặt đường. Mặt bà ta đầy vết toạc, vài mảnh thủy tinh còn găm nguyên trên đó, nhưng máu vẫn tuôn ra đều đều. Tệ hơn nữa là cánh tay phải. Ống tay áo khoác trắng của bà ta giờ đỏ thẫm, máu giũ xuống thành giọt. Lenz cắt phanh ống tay áo. Một dòng máu trào ra, rồi lại giũ đều đều. Mạch máu bị cứa đứt. Lenz xoắn chiếc khăn tay của mình thành một cái gạc. “Lôi người đàn ông ra đi, mặc mình xoay xử ở đây”, cậu ta nói. “Tụi mình phải nhanh chóng đến nhà thương gần nhất”.

Để lôi được người đàn ông ra, chúng tôi phải vặn rời lưng ghế xe. May mà chúng tôi mang theo đủ dụng cụ và tháo khá chóng vánh. Ông này cũng bị chảy máu, hình như còn bị gãy vài cái xương sườn. Khi chúng tới dìu ông ta ra, ông ta rú lên một tiếng và đổ gục xuống. Đầu gối ông ta cũng bị chấn thương sao đó. Nhưng lúc này chúng tôi không thể làm gì hơn được.

Koster cho Karl lùi lại sát nơi xảy ra tai nạn. Người đàn bà rú lên khiếp đảm khi thấy chiếc xe đến gần, mặc dù nó lùi rất từ từ. Chúng tôi ngả lưng một chiếc ghế trước ra để có thể đặt người đàn ông nằm. Còn người đàn bà đặt ngồi ở ghế sau. Tôi ngồi cạnh bà ta, trên bậc lên ô-tô; phía bên kia, Lenz cũng ngồi như vậy giữ chặt người đàn ông. “Mày ở lại đây trông chiếc xe, nghe không Jupp”, Lenz nói.

“Quái, tay lái mô-tô biến đâu ấy nhỉ?”, tôi hỏi.

“Chuồn rồi, trong lúc tụi ta còn mải bận bịu”, Jupp giải thích.

Chúng tôi cho xe chạy chậm chậm, ở gần làng kế đó có một viện điều dưỡng nhỏ mà chúng tôi thường thấy khi đi ngang. Tòa nhà trắng trắng, thâm thắp trên một quả đồi. Theo chúng tôi biết, đó là một dạng viện điều

đường người điên của tư nhân dành cho đám bệnh nhân chớm bệnh, giàu có... nhưng thế nào ở đó chẳng sẵn một bác sĩ và một phòng băng bó cấp cứu.

Chúng tôi trườn xe lên đồi và bấm chuông. Một cô y tá rất xinh đẹp đi ra. Trông thấy máu, cô ta tái mét mặt, ù té chạy vào. Liên đó, một cô khác, cứng tuổi hơn hẳn, ra tiếp. “Tôi rất tiếc”, cô này nói ngay, “chúng tôi không có các thiết bị cứu chữa những trường hợp tai nạn. Các ông phải đến nhà thương Virchow. Không xa đây lắm đâu”.

“Đến đó dễ phải mất gần một giờ đồng hồ”, Koster đáp.

Cô y tá nhìn cậu ta vẻ khước từ. “Chúng tôi hoàn toàn không có phương tiện. Mà cũng chẳng có bác sĩ nào ở đây...” “Như vậy là các chị vi phạm pháp luật”, Lenz nói. “Viện điều dưỡng tư kiều của các chị đây phải có một bác sĩ trực thường xuyên. Chị vui lòng cho phép tôi sử dụng cuốn danh bạ điện thoại của chị chứ? Tôi muốn gọi điện tới ban giám đốc ty cảnh sát và ban biên tập tờ báo hàng ngày”.

Cô y tá dậm phân vân. “Tôi nghĩ chị có thể yên tâm”, Koster lạnh lùng nói. “Các chị sẽ được trả công rất hậu. Chúng tôi cần trước hết một cái cáng. Còn bác sĩ thì thế nào chị cũng tìm ra”. Cô ta vẫn cứ do dự. “Một cái cáng”, Lenz nói, “cũng được quy định trong luật, giống như một lượng bông băng đủ dùng...”

“Vâng được”, cô ta vội vã đáp, hình như đã bị đê bẹp bởi bấy nhiêu kiến thức của Lenz, “có ngay đây, để tôi phái người...”

Cô ta biến mất. “Rách việc”, tôi nói.

“Ngay trong bệnh viện thành phố cũng vậy thôi”.

Gottfried thản nhiên đáp. “Tiền trước nhất, rồi tệ quan liêu, sau nữa mới đến chạy chữa”.

Chúng tôi trở lại xe diu người đàn bà ra. Bà ta không nói một lời, chỉ chăm chăm nhìn vào hai bàn tay mình. Chúng tôi đưa bà ta vào một phòng kê đơn nhỏ ở tầng dưới cùng. Rồi chiếc cáng được đưa tới để khiêng người đàn ông. Chúng tôi nâng cáng lên. Ông ta cất tiếng rên. “Gượng đã...”

Chúng tôi nhìn ông ta. Ông ta nhắm mắt lại. “Tôi muốn không ai biết chút gì về việc này...”, ông ta khó nhọc nói.

“Ông hoàn toàn không có lỗi”, Koster đáp. “Chúng tôi trông thấy rất rõ diễn biến tai nạn và sẵn sàng làm chứng cho ông”.

“Không phải chuyện ấy”, người đàn ông nói. “Vì lý do, tôi muốn việc này không bị lộ ra. Các anh hiểu cho...” Ông ta nhìn về phía cửa mà người đàn bà vừa đi vào.

“Nếu vậy đây chính là nơi ông cần”, Lenz giải thích. “Bệnh viện tư mà. Việc duy nhất còn vướng là chiếc xe của ông phải biến trước khi cảnh sát trông thấy nó”.

Người đàn ông chống tay gượng nhồm dậy. “Các anh vui lòng giúp nốt tôi việc đó được không? Gọi điện cho một xưởng chữa xe chẳng hạn? Và xin cho tôi địa chỉ của các anh! Tôi muốn... tôi chịu ơn các anh...”

Koster khoát tay khước từ. “Xin cứ cho tôi địa chỉ”, người đàn ông nói, “tôi rất muốn biết...”

“Hoàn toàn đơn giản”, Lenz đáp. “Chính chúng tôi cũng có một xưởng sửa chữa và chuyên sửa loại xe như xe của ông. Chúng tôi sẽ lập tức móc theo chiếc xe về xưởng, nếu ông đồng ý, và tu sửa nó nguyên vẹn. Như thế sẽ được việc cho ông, mà chúng tôi hẳn cũng có lợi”.

“Còn gì bằng”, người đàn ông nói. “Các anh hãy cầm địa chỉ của tôi... tôi sẽ đích thân tới lấy xe về. Hoặc phái người đến”.

Koster dứt tấm danh thiếp vào túi, rồi chúng tôi khiêng ông ta vào. Bác sĩ, một người đàn ông trẻ, đã tới từ lúc nào. Ông ta rửa máu trên mặt người đàn bà, lúc này có thể thấy các vết rạch sâu hoắm. Người đàn bà chống cánh tay lạnh lặn nhồm dậy, nhìn trân trân vào lớp kền sáng loáng của một cái chậu trên bàn bông băng. “Ôi trời”, bà ta khẽ kêu lên và nằm phịch xuống với cặp mắt thất đảm.

Chúng tôi phóng xe vào làng hỏi tìm một xưởng thợ. Ở đó, chúng tôi thuê của một bác phó rèn các móc sắt và sợi dây cáp, hứa sẽ trả hai chục mác. Thế nhưng bác ta vẫn ngờ vực, muốn thấy tận mắt chiếc xe hỏng. Chúng tôi đành đưa bác ta đi xem rồi sẽ quay trở lại.

Jupp đứng giữa đường vẫy tay rồi rít. Nhưng không có chú, chúng tôi cũng đã biết chuyện gì xảy ra. Một chiếc Mercedes cũ, cao thành, đỗ ở vệ đường, bốn người đang kéo chiếc xe hỏng.

“Chúng mình đến vừa kịp”, Koster nói.

“Anh em Vogt đây”, bác phó rèn bảo. “Lũ ấy khiếp lắm. Sống ở mạn kia kia. Chúng đã vớ được gì thì đừng hòng chịu nhả ra nữa”.

“Đề rồi xem”.

“Tôi đã trình bày hết nhẽ với họ, thưa cậu Koster”, Jupp thì thào. “Tranh chấp rõ đôn đật. Họ định xí chiếc xe cho xưởng riêng của họ mà cậu”.

“Được rồi, Jupp. Mà cứ ở lại đây đã”.

Koster đến gặp tên to con nhất trong bốn đứa và nói chuyện với hắn. Cậu ta giải thích cho hắn xe này là của chúng tôi. “Cậu có cái gì cứng cứng trong người không?” tôi hỏi Lenz.

“Có mỗi chùm chìa khóa, nhưng chính mình sẽ cần đến nó. Lấy một cái mở lết nhỏ ấy”.

“Chịu thôi”, tôi nói, “sẽ gây trọng thương mắt. Tiếc là đôi giày mình đang đi khí nhẹ. Nếu không, đá và đập bao giờ cũng lợi hại hơn cả”.

“Bác cũng tham chiến chứ?”, Lenz hỏi bác phó rèn. “Cánh ta sẽ bốn chọi bốn”.

“Tôi phải lo cho thân tôi! Để mai chúng ghè nát xương của tôi ra à. Tôi giữ trung lập triệt để”.

“Cũng phải thôi”, Gottfried nói.

“Tôi góp một tay”, Jupp tuyên bố.

“Mày liều đấy!”, tôi bảo. “Mày canh chừng ngộ có ai đến, chỉ có vậy thôi”.

Bác phó rèn lảng xa chúng tôi một quãng nhằm tỏ thái độ triệt để trung lập của mình.

“Thôi đừng lảm nhảm nữa!”, liền đó tôi nghe tên to con nhất trong đám anh em nhà Vogt gầm lên với Koster. “Ai đến trước, xơi trước! Xong! Giờ thì xéo đi!”

Koster giải thích lần nữa rằng chiếc xe đó thuộc về bọn tôi. Cậu ta mời hắn cùng về viện điều dưỡng để hắn có thể hỏi rõ chuyện. Tên này cười gằn khinh bỉ. Lenz và tôi lại gằn. “Chúng mày hẳn cũng muốn vào nhà thương, hả?”, Vogt hỏi. Koster không đáp, lẳng lặng đến gần chiếc xe. Ba thằng Vogt kia đứng thẳng dậy. Giờ đây chúng đứng sát bên nhau. “Đưa cáp kéo xe đây”, Koster bảo chúng tôi. “Ê lỏi”, thằng Vogt cả đe nẹt. Hắn cao hơn Koster một đầu, “Tôi lấy làm tiếc”, Koster nói, “nhưng chúng tôi phải kéo chiếc xe về”. Hai tay thọc túi quần, Lenz và tôi tức tặc tiến lại gần hơn nữa. Koster khom mình cúi xuống chiếc xe. Đúng lúc đó, Vogt vung chân toan đạp cậu ta sang bên. Koster đã lường trước, trong nháy mắt, cậu ta tóm lấy cẳng tên này, giật hắn ngã lăn cu chiêng. Đoạn cậu ta chồm lên quai vào dạ

dày thẳng anh em tiếp theo giữa lúc thẳng này vớ lấy cái đòn bẩy xe, khiến hẳn loạng choạng rồi cũng đổ phịch xuống đất. Liên sau đó, Lenz và tôi nhảy xổ vào hai thẳng còn lại. Tôi nhận ngay một cú trúng mắt. Cú đấm không mạnh lắm, nhưng máu mũi tôi bắt đầu đổ ra, tôi quai hực quả tiếp theo, tay trượt qua cái cầm nhảy mỡ của thẳng kia, và nhận một cú nữa giữa mắt, té nhào một cách đến là bất hạnh, vồ ngay phải cái thẳng Vogt vừa nãy bị Koeste cho đo ván bằng cú móc vào dạ dày đang nằm sóng soài dưới đất. Thẳng này bèn đè nghiêng tôi xuống mặt đường nhựa, tay bóp cổ tôi. Tôi lên hết cơ bắp để hẳn khỏi bóp chết mình, đồng thời cố co mình lật người lại đập hẳn ra hoặc thúc chân vào bụng hẳn. Nhưng Lenz và thẳng Vogt địch thủ của cậu ta đang đè lên cả hai cẳng tôi mà vật lộn, thành thử tôi không thoát ra nổi. Tôi thở khó nhọc mặc dù đã căng hết cơ cổ, bởi mũi tôi đang đổ máu không hít hơi được. Dần dần, mọi vật xung quanh tôi nhòa đi, bộ mặt thẳng Vogt chập chờn trước mắt như một tảng thịt nấu đông, và tôi cảm giác sau đầu mình xuất hiện những bóng đen. Cảnh cuối cùng tôi nhìn thấy là Jupp đột nhiên ở bên tôi... chú quỳ dưới cái rãnh ven đường, lặng lẽ chăm chú theo dõi tôi quằn quại, và đứng vào giây phút yên ắng mà chú thấy thuận lợi nhất, chú vung búa nện vào cổ tay Vogt. Bị cú búa nữa, Vogt buông tôi ra, giật dữ nhoai từ dưới đất lên định tóm Jupp, nhưng chú chàng đã nhảy lùi lại nửa mét, hết sức bình tĩnh giáng cú búa đã đời thứ ba lên các ngón tay đối thủ, rồi một cú nữa vào đầu. Tôi nhồm phất dậy, nằm đè lên Vogt và bắt đầu xiết cổ hẳn. Đúng lúc đó vang lên một tiếng rống như của loài thú, rồi tiếng rên rĩ: “Buông ra, buông ra!”

Đó là thẳng Vogt cả. Koster vặn một cánh tay hẳn ra sau, giật ngược theo sóng lưng. Thẳng cha ngã chúi đầu xuống đất, giò đây Koster, cuỡi trên lưng hẳn, tiếp tục vặn cánh tay hẳn, đồng thời dùng đầu gối thúc cánh tay ngược dần lên gáy thẳng cha. Vogt rống lên, nhưng Koster hiểu rằng phải trị hẳn đến nơi đến chốn thì chúng tôi mới hòng yên được. Cậu ta giật mạnh cho trật khớp tay Vogt trước khi buông tha hẳn. Vogt nằm chờ hồi lâu dưới đất. Tôi nhìn lên. Một trong mấy thẳng em vẫn đang đứng, nhưng tiếng rống của thẳng anh hình như đã làm hẳn tê liệt.

“Thôi xéo đi, kéo lại được xoi trận nữa”, Koster bảo.

Để tạm biệt, tôi rập đầu thẳng Vogt của mình xuống mặt đường lần nữa rồi buông hẳn. Lenz đã đứng cạnh Koster. Áo khoác cậu ta rách toạc. Mép chảy máu. Cuộc vật lộn hình như bắt phân thắng bại, bởi tuy thẳng Vogt của cậu ta cũng chảy máu, hẳn đứng vững chẳng kém gì cậu ta. Thất bại của thẳng anh cả quyết định hết thảy. Không thẳng nào dám hó hé. Chúng đỡ thẳng anh dậy và mò về xe của chúng. Thẳng lành lặn còn quay lại lần nữa



nhặt đòn bẫy xe. Hắn lăm lét nhìn Koster cứ như cậu ta là quỷ sứ không bằng. Rồi chiếc Mercedes rừ rì lăn bánh.

Bác thợ rèn bỗng chốc thò mặt đến. “Đáng đời chúng”, bác ta nói. “Lâu lắm chúng chưa được ném mùi. Thằng cả từng ngồi tù vì tội đá chết người đấy”.

Không ai đáp lời bác ta. Koster chột rùng mình “Thật kinh tởm”, cậu ta nói, đoạn quay người đi. “Bắt đầu thôi!”

“Có tôi”, Jupp vừa nói vừa lôi cuộn dây cáp đến.

“Lại đây”, tôi bảo. “Kể từ hôm nay chú mày là hạ sĩ quan và được quyền phi pheo thuốc lá”.

Chúng tôi công chiếc xe lên, buộc chặt vào sau chiếc Karl bằng sợi cáp thép. “Cậu tin sẽ không hại gì chiếc Karl chứ?” tôi hỏi Koster, “Suy cho cùng Karl là một ngựa đua chứ đâu phải một con lừa thồ”.

Koster lắc đầu. “Có xa xôi gì, Đường lại êm”. Lenz chui lên chiếc xe hồng, xe chúng tôi từ từ lăn bánh. Áp khăn tay vào mũi, tôi ngắm nhìn những cánh đồng về chiều và mặt trời đang lặn. Sự thanh bình đến phi thường không khuấy đảo nổi ở đây cho ta cảm giác thiên nhiên hoàn toàn đứng đưng trước những gì mà bày kiến hung nhúc ác độc được gọi là loài người này xô đẩy trên thế gian. Điều quan trọng là giờ đây những đám mây đang dần chuyển thành những núi vàng nhấp nhô, những cái bóng tím biếc của hoàng hôn từ chân trời lặn lẽ tràn về, những chú chim sơn ca từ trong ngút ngàn trời mây trở lại các luống cày, và màn đêm dần buông xuống.

Chúng tôi cho xe chạy vào sân xưởng. Lenz chui khỏi chiếc xe hồng, trịnh trọng ngã mũ trước nó. “Xin chào mi, hồi kẻ được chúc phúc! Một chuyện đáng buồn đã run rủi mi tới chốn này, nhưng con mắt chan chứa yêu thương của ta chỉ thoáng nhìn cũng đoán biết mi mang theo về đây từ ba đến ba ngàn rưỡi mác. Giờ hãy cho mình một cốc vại rượu anh đào và một bánh xà phòng... mình cần gột rửa sạch khỏi người cái lò nhà Vogt ấy!”

Cả bọn ai cũng cạn một ly, đoạn bắt tay ngay vào việc dỡ tung chiếc xe, càng rời càng tốt. Là vì không phải bao giờ một mình chủ xe đặt sửa đã đủ... thường thì sau đó công ty bảo hiểm còn đến để điều chiếc xe hồng cho một trong những xưởng sửa chữa có quan hệ hợp đồng với công ty. Bởi vậy, tháo rời được nhiều chi tiết bao nhiêu, hay bấy nhiêu.

Tiền công lắp ráp sẽ cao tới mức thà cứ để chúng tôi sửa lại hóa rẻ hơn. Khi cả bọn ngừng tay, trời đã tối. “Tối nay cậu chạy tắcxi chứ?”. Tôi hỏi

Lenz.

“Đời nào”, Gottfried đáp. “Chớ bao giờ ham kiếm tiền thái quá. Với mình, đồng sắt vụn kia đủ rồi”.

“Mình thì chưa”, tôi nói, “Cậu không đi thì để mình sẵn chờ hết đám khách quanh các hộp đêm từ mười một giờ tới hai giờ sáng cho”.

“Thôi xin cậu”, Gottfried cười tùm. “Hãy thử ngó vào gương tí đã. Gần đây cậu đến là rui ro với cái mũi của cậu đấy. Thấy cái củ cái ấy thì ma nào thèm lên xe cậu! Liệu về nhà mà chườm đi cho được việc”.

Gottfried nói phải. Mũi miếc thế này thì làm ăn quái gì. Bởi thế tôi sớm chia tay ra về. Dọc đường gặp Hasse, tôi cùng đi nốt quãng đường cuối. Trông ông bụi bặm và thiếu não. “Bác gầy đi đấy”, tôi bảo.

Ông gật và than phiền rằng tối tối ông chẳng còn được ăn cho ra bữa. Hầu như ngày nào bà vợ cũng la cà với đám người bà mới quen và thường xuyên về nhà muộn. Ông mừng thấy vợ tìm được thú giải trí, nhưng chiều về ông không còn thiết nấu nướng cho mình mình ăn. Ông cũng chẳng đói lắm; ông quá mệt mỏi.

Tôi liếc nhìn ông sóng vai đi bên tôi. Có thể ông thực bụng tin những điều ông vừa nói, nhưng nghe mà đau lòng. Chỉ vì thiếu một chút bảo đảm, một ít tiền, mà cuộc hôn nhân này, đời người khiêm nhường, hiền khô này tan vỡ. Tôi nghĩ đến hàng triệu người cùng thân phận như họ, luôn luôn chỉ vì thiếu một chút bảo đảm, một ít tiền. Cuộc sống đã bị co lại một cách khủng khiếp, trở thành cuộc vật lộn tầm thường cho sự tồn tại trần trụi. Tôi nghĩ đến cuộc ẩu đả hồi chiều, nghĩ đến những gì mình đã chứng kiến trong các tuần qua, nghĩ đến tất cả những gì mình đã làm, rồi tôi nghĩ đến Pat và thốt nhiên có cảm giác như các sự kiện không sao hòa nhập nổi với nhau. Khoảng cách quá lớn, cuộc sống đã trở nên quá bản thủ đối với hạnh phúc, hạnh phúc không thể kéo dài, người ta đã hết tin vào hạnh phúc - cái quãng thời gian hoãn án tử hình, không nơi ẩn náu.

Chúng tôi cùng lên cầu thang, mở khóa cửa. Hasse dừng chân nơi tiền phòng. “Thôi, chào anh...”

“Hôm nay bác gắng ăn chút gì đi”, tôi nói.

Ông lắc đầu với nụ cười yếu ớt như thể xin lỗi, rồi đi vào căn buồng tối om trống rỗng của mình. Tôi nhìn theo ông đoạn tiếp tục bước trong ống hành lang. Bỗng tôi nghe tiếng hát khe khẽ. Tôi dừng lại, lắng tai. Không phải chiếc máy hát của Erna Bonig phát ra như thoát đầu tôi lầm tưởng, đó là

giọng Pat. Nàng ở một mình trong phòng và đang hát. Tôi đưa mắt về phía cánh cửa nơi Hasse vừa khuất dạng, rồi lại nghiêng mình nghe ngóng, thốt nhiên tôi xiết chặt hai nắm tay... Mẹ kiếp, cả ngàn lần, đó cứ việc là khoảnh khắc hoãn án tử hình không nơi ẩn náu, cả ngàn lần mọi sự cứ việc tách rời nhau xa tới mức không sao tin nổi... chính vì ta không sao tin nổi, chính vì thế, mà hạnh phúc bao giờ và bao giờ cũng đầy sức chinh phục, mới mẻ đến ngỡ ngàng.

Pat không nghe bước chân tôi. Ngồi dưới sàn nhà, trước tấm gương, nàng đang úm thử chiếc mũ vải đen xinh xinh. Chiếc đèn bàn đặt bên nàng, trên thảm. Cả căn phòng ngập trong bóng tối mờ ảo màu nâu vàng ấm áp, duy gương mặt nàng được ánh đèn rọi sáng. Nàng lôi một chiếc ghế lại gần mình, từ thành ghế thông xuống vài dải lụa, một cái kéo nằm lấp lóa trên mặt ghế.

Tôi đứng bên ngưỡng cửa lặng lẽ ngắm nàng cặm cụi với chiếc mũ. Nàng thích ngồi dưới sàn; thỉnh thoảng, tối về tôi vẫn bắt gặp nàng ngủ thiếp dưới sàn, trong một góc phòng, bên cạnh là một cuốn sách và con chó.

Lúc này con chó cũng đang phủ phục cạnh nàng, nó cất tiếng sủa, Pat ngược lên, thấy bóng tôi trong gương. Nàng mỉm cười, với tôi, mọi vật trên thế gian như bừng sáng qua nụ cười của nàng. Tôi đi vào phòng, quỳ xuống sau lưng nàng, và, sau tất cả những chuyện rác rưởi trong ngày, tôi đặt môi lên làn da mềm mại, ấm áp trên gáy nàng.

Nàng giơ cao chiếc mũ vải đen. “Em vừa sửa lại đây nay, anh yêu. Anh thấy có đẹp không?”

“Một chiếc mũ xinh tuyệt”, tôi nói.

“Nào anh có chịu nhìn đâu cơ chứ! Em đã tháo vành sau ra khâu lên trước đây”.

“Anh nhìn rất kỹ đằng khác”, tôi dụi mặt vào tóc nàng nói. “nó là một cái mũ mà giá trông thấy, đám thợ may Paris đến tái người vì ghen”.

“Thôi đi, Robby!” Nàng cười đẩy tôi ra. “Anh mù tịt chuyện này mà. Có bao giờ anh để ý em mặc đồ gì không nhỉ?”

“Không sót một chi tiết”, tôi tuyên bố, và ngồi xổm sát bên nàng trên sàn nhà, hơi lui vào bóng tối để giấu cái mũ.

“Vậy ư? Thế tôi qua em mặc gì nào?”

“Tôi qua á?”. Tôi ngẫm nghĩ. Tôi không biết thật.

“Em đoán ngay mà, anh yêu. Hầu như anh chẳng biết tí gì về em cả”.

“Đúng”, tôi nói, “nhưng cái hay là ở đó. Biết nhiều về nhau chỉ tỏ khỏe hiểu lầm. Hiểu nhau càng kỹ, càng đâm xa lạ. Xem vợ chồng Hasse đây... họ nhìn thấu ruột gan nhau và ghét nhau hơn cả những người xa lạ nhất”.

Nàng đội chiếc mũ vải đen xinh xắn lên đầu, ngắm nghía trước gương. “Điều anh vừa nói chỉ đúng một nửa, Robby ạ”.

“Mọi chân lý đều vậy cả”, tôi đáp. “Không bao giờ chúng ta mong đạt được hơn. Thì thế chúng ta mới là những con người. Chúng ta đã làm quá đủ trò ngu ngốc với những chân lý nửa vời của mình. Với những chân lý tuyệt đối, chúng ta làm sao sống nổi”.

Nàng bỏ mũ xuống, đặt sang bên. Đoạn nàng quay người lại, đúng lúc đó nàng nhìn thấy mũ tôi. “Anh làm sao thế này?” nàng hoảng sợ hỏi.

“Chẳng có gì nghiêm trọng. Trông thế thôi. Anh đang sửa chữa dưới gầm xe thì bị một vật rơi trúng mũ”.

Nàng nhìn tôi ngờ vực. “Ai biết được anh đã ở những đâu. Không bao giờ anh chịu kể em nghe chuyện gì. Em biết về anh cũng ít như anh biết về em”.

“Thế càng hay chứ sao”, tôi nói.

Nàng đi lấy một chậu nước và một cái khăn, đoạn gập khăn nhúng ướt chườm cho tôi. Nàng quan sát tôi lần nữa. “Trông anh cứ như bị đánh ấy. Cổ cũng xây xước đây này. Chắc anh vừa trải qua một cuộc phiêu lưu gì đó chứ gì, anh yêu”.

“Cuộc phiêu lưu thú vị nhất của anh sẽ còn diễn ra nội nhật hôm nay”, tôi nói.

Nàng ngạc nhiên ngược nhìn. “Vào lúc muộn thế này ư, anh Robby? Anh còn định làm gì nữa thế?”

“Anh ở lại đây!”, tôi đáp, quăng búng chiếc khăn chườm đi và ôm lấy nàng. “Anh ở lại đây cùng em suốt tối nay”.

# CHƯƠNG 20

Tháng Tám âm áp và sáng sủa, sang tháng Chín tiết trời vẫn gần như mùa hè... nhưng rồi tới cuối tháng Chín trời bắt đầu đổ mưa, ngày này qua ngày khác giăng nặng trĩu trên thành phố, các mái nhà ướt dầm, giông tố nổi lên. Một tinh mơ Chủ nhật nọ, khi thức dậy ra đứng bên cửa sổ, tôi nhìn thấy những vết loang lổ màu vàng lục trên các tán lá trong khu nghĩa trang, thấy những cành cây trơ trụi đầu tiên.

Tôi đứng hồi lâu bên cửa sổ. Những tháng qua, kể từ dạo hai đứa đi biển về, có cái gì thật lạ lùng... Không bao giờ, không giờ khắc nào, tôi quên rằng sang thu Pat phải ra đi, nhưng tôi biết điều đó cũng như người ta biết nhiều điều: rằng năm tháng cuốn trôi, rằng ai cũng sẽ già, rằng chẳng ai có thể sống mãi. Hiện tại đã mạnh hơn, nó thường xuyên gạt mọi ý nghĩ vớ vẩn sang bên, và chừng nào Pat còn đó, chừng nào cây cối còn phủ đầy lá xanh, thì những từ ngữ như “thu”, “ra đi”, “ly biệt” chẳng là gì khác ngoài những bóng sáng mờ nhạt nơi chân trời khiến tôi càng cảm nhận sâu sắc hơn cái hạnh phúc được ở gần nàng, quán quýt bên nàng.

Tôi nhìn xuống khu nghĩa trang bị gió mưa quần cho tơi tả, ướt sũng, nhìn những bia mộ phủ đầy lá cây nâu bần. Sương mù như một con thú trắng nhợt suốt đêm qua đã hút kiệt nhựa xanh của đám lá cây giờ đây héo úa, ủ rũ treo mình trên các cành, mỗi cơn gió thốc qua lại giật lìa một loạt lá mới, thổi chúng bạt về phía trước... và như một cơn đau dữ dội, cào xé, lần đầu tiên tôi đột nhiên cảm thấy cuộc chia ly đã tới gần, rằng nó sẽ trở thành hiện thực, cũng hiện thực như mùa thu vừa trườn vào qua các ngọn cây ngoài kia, để lại những vết hoen vàng.

Tôi lắng tai nghe ngóng phòng bên cạnh. Pat vẫn ngủ. Tôi đi ra cửa, đứng đó một lát. Nàng ngủ yên, không ho hắng gì. Một niềm hy vọng bất chợt xâm chiếm tôi trong khoảnh khắc... tôi tưởng tượng hôm nay hoặc ngày mai Jaffé sẽ gọi điện bảo tôi rằng nàng chẳng cần đi nữa... nhưng rồi tôi nhớ lại tiếng khò khè khe khẽ trong hơi thở của nàng đêm đêm, cái tiếng ran đùng đục đều đặn ấy, nó nổi lên, lắng xuống như tiếng một lưỡi cưa mỏng từ rất xa vọng lại... và niềm hy vọng vụt tắt ngấm, cũng nhanh như khi bùng lên.

Tôi quay lại cửa sổ, dăm dăm nhìn ra trời mưa; đoạn ngồi vào bàn viết, bắt đầu đếm tiền. Tôi ước tính xem số tiền đó có thể đủ cho Pat trong bao

lâu, nhưng chỉ thêm khổ não, tôi bèn khóa biên chúng lại.

Tôi nhìn đồng hồ. Bảy giờ kém. Cho tới lúc Pat dậy, tôi còn ít nhất hai tiếng. Tôi hối hả mặc quần áo để tranh thủ lượn một vòng xe hơi. Còn hơn là cứ một mình luẩn quẩn trong buồng với những ý nghĩ vờ vẩn ấy.

Tôi đến xưởng lấy xe, rồi lái xe chạy chậm chậm qua các phố. Ngoài đường loáng thoáng bóng người. Trong các xóm thợ, những dãy nhà cho thuê dài dặc đứng trơ trụi, buồn tẻ trong mưa như những ả điếm già rầu rĩ. Mặt tiền các nhà lở lói, bản thủ, các ô cửa sổ ử dột nhấp nháy chán chường trong buổi sớm mai, và lớp vữa rụng lả tả phơi ra các mảng tường chi chít những lỗ nâu vàng sâu hoắm, như thể bị sâu đục.

Tôi cho xe xuyên qua khu phố cổ, chạy lại nhà thờ. Tới trước cửa ngạch, tôi đỗ lại, xuống xe. Từ sau cánh cửa gỗ sồi nặng nề vẳng ra tiếng đàn oóc ngân nga. Lúc này đúng là giờ hành lễ misa buổi sáng, nghe tiếng đàn thì biết cuộc lễ vừa mới bắt đầu... ít nhất phải hai mươi phút nữa nó mới kết thúc, và mọi người mới đi ra ngoài.

Tôi đi vào khu vườn có cây thánh giá. Cả khu vườn chìm trong ánh sáng xám nhờ. Những bụi hồng ướt đầm nước mưa, nhưng phần lớn vẫn đậm hoa. Áo mưa của tôi khá rộng thành thử có thể giấu kín những cành hồng vừa cắt. Mặc dù đang là sáng Chủ nhật, không một bóng người qua lại. Tôi ôm những cành hồng đầu tiên ra xe không gặp chút trở ngại nào, đoạn trở lại lấy ô thứ hai. Tôi vừa kịp giấu nó vào vạt áo mưa thì nghe tiếng bước chân ai trên con đường vườn. Kẹp chặt ô hồng trong tay, tôi đứng sững trước một trong những bức phù điêu họa bài kinh rôze, như thể đang cầu nguyện.

Tiếng bước chân đến gần, nhưng không đi qua mà dừng lại. Tôi cảm thấy bức bối. Tôi đâm mình vào bức phù điêu, làm dấu thánh, rồi thông thả đi sang bức khác xa con đường hơn. Bước chân theo tôi vẫ lại dừng lại. Tôi không biết nên làm gì. Đi tiếp ngay thì không thể được, tôi phải đứng im ít nhất đủ để đọc mười lần bài kinh Kính mừng Đức Mẹ và một lần bài kinh Lạy Cha. Nếu không, tôi sẽ lập tức bị lộ tẩy. Cứ đứng thế, tôi ngoái nhìn để xác định cái gì đang diễn ra, thật trọng, với một vẻ mặt làm ra vẻ khó chịu, như thể bị quấy rầy trong khi đang mê mải trong đức tin.

Nhìn vào gương mặt tròn trịa, niềm nở của người mục sư, tôi thở phào. Tôi tin rằng mình đã thoát, bởi tôi biết ông sẽ không phá rối mình trong lúc cầu nguyện... vừa hay tôi nhận ra mình đã rủi ro bước tới đứng bức phù điêu cuối cùng. Dù có cầu kinh dềnh dàng đến đâu, vài phút nữa tôi cũng phải xong, và đó hình như chính là điều ông mục sư đang đợi. Cứ tiếp tục vờ vịt

thể này chẳng ích gì, tôi bèn thân nhiên thông thả đi về phía lối ra.

“Chào con”, vị linh mục nói. “Sáng danh Jesus Krist!”

“Đời đời, amen!”, tôi đáp. Đó là lời chào nơi đất thánh của những người Thiên Chúa giáo.

“Giờ này đã có người tới đây quả hiếm thấy”, ông niềm nở nói và nhìn tôi với cặp mắt xanh trong sáng như mắt trẻ thơ.

Tôi lúng búng không ra câu trong mồm.

“Tiếc rằng điều này càng ngày càng hiếm”, ông tiếp tục vẻ phiến muộn. “Đặc biệt hầu như không còn thấy đàn ông đến cầu nguyện nơi đây. Vì vậy Cha sung sướng về con, chuyện trò cùng con. Hẳn con có điều gì khẩn cầu bức thiết nên mới tới đây từ lúc tinh mơ, giữa tiết mưa gió này...”

Chính thế, cầu cho ông đi đi, tôi nghĩ và gật đầu nhẹ nhõm. Tới lúc này hình như ông vẫn chưa may mắn phát hiện ra bó hoa. Điều cốt tử là phải nhanh chóng thoát khỏi ông trước khi ông kịp để ý.

Ông lại mỉm cười với tôi:

“Cha sắp đọc bài kinh misa. Cha sẽ gắn điều con khẩn cầu vào lời cầu nguyện của Cha”.

“Con muốn sự cứu rỗi linh hồn cho một kẻ quá cố chẳng?”

“Cám ơn Cha”, tôi đáp, ngạc nhiên xen lẫn bối rối.

Một khoảnh khắc, tôi ngó ông dăm dăm, những cành hoa trong làn áo mưa bắt đầu tụt dần. “Không phải thế, thưa cha”, tôi vội vã nói, cánh tay khép chặt vạt áo mưa.

Cặp mắt trong sáng của ông nhìn thẳng vào mặt tôi với vẻ dò hỏi hồn nhiên. Hình như ông chờ tôi bộc bạch nỗi niềm riêng. Nhưng tôi không nghĩ ra chuyện gì, vả lại cũng chẳng muốn lừa dối ông hơn mức cần thiết. Vì thế tôi im lặng.

“Vậy Cha sẽ cầu Chúa cứu vớt một con người vô danh đang trong cảnh khốn khó”, cuối cùng ông bảo.

“Xin vâng”, tôi đáp, “nếu ý Cha muốn thế. Xin vô cùng đội ơn Cha”.

Ông mỉm cười xua tay, “Con không phải cảm ơn Cha. Thấy chúng ta đều ở trong tay Chúa”. Ông nhìn tôi thêm lát nữa, đầu hơi cúi nghiêng về phía trước, tôi cảm giác như có cái gì đó thoáng lướt trên nét mặt ông. “Con hãy tin”, ông nói. “Cha ở trên trời luôn ra tay cứu vớt. Bao giờ Người cũng cứu

vớt, cho dù đôi khi chúng ta không hiểu điều đó”. Đoạn ông gật đầu chào tôi và quay gót.

Tôi nhìn theo vị linh mục cho tới khi nghe tiếng cánh cửa sập lại sau lưng ông. Phải, tôi nghĩ, giá cứ đơn giản được như thế! Người cứu vớt, luôn luôn cứu vớt! Nhưng phải chăng Người đã cứu vớt Bernard Wiese khi cậu ấy nằm gào thét trong rừng Houthoult với một viên đạn xuyên thủng bụng, phải chăng Người đã cứu vớt Kaczinsky khi anh ấy ngã xuống ở Handzaeme, bỏ lại chị vợ ốm yếu và đứa con chưa một lần thấy mặt. Người đã cứu vớt Muller, Leer và Kemmerich chàng, đã cứu vớt cậu Friedmann bé nhỏ và Jurgens và Berger và hàng triệu triệu người chẳng? Mẹ kiếp, đã có quá nhiều máu chảy trên thế gian này vì cái dạng đức tin như tin vào Cha ở trên trời này!

Tôi đưa hoa về nhà, đoạn đánh xe trở lại xưởng rồi đi bộ về. Từ bếp đưa ra mùi cà phê mới pha thơm phức và tiếng ả Frida khua nồi xoong xúng xoảng. Kê cũng lạ, nhưng mùi cà phê khiến tôi vui hẳn lên. Tôi đã nghiệm thấy điều này từ thời chiến tranh... không khi nào cái an ủi lại là những thứ lớn lao... bao giờ cũng là những thứ nhỏ nhặt, không đáng kể.

Tôi vừa khóa xong cửa hành lang thì Hasse từ buồng chạy xộc ra. Mặt ông vàng bủng, sung húp, cặp mắt thao láo đỏ ngầu, trông ông cứ như đã mặc nguyên quần áo như thế mà ngủ. Thấy tôi, nét mặt ông để lộ nỗi thất vọng khôn tả.

“À, thì ra anh”, ông lẩm bẩm.

Tôi sừng sốt nhìn ông. “Mới sớm thế mà bác đã chờ ai à?”

“Phải”, ông khẽ nói, “bà nhà tôi, bà ấy vẫn chưa về. Anh có thấy bà ấy đâu không?”

Tôi lắc đầu. “Tôi ra ngoài có một tiếng thôi mà”.

Ông gật. “Ấy là tôi nghĩ thế... biết đâu anh lại chẳng trông thấy bà ấy”.

Tôi nhún vai. “Có thể lát nữa bác gái sẽ về. Bác không thử gọi điện hỏi à?”

Ông nhìn tôi vẻ hơi sợ sệt. “Tôi qua bà ấy đến chỗ người quen. Tôi không biết đích xác họ ở đâu”.

“Vậy bác biết tên họ chứ? Ta vẫn có thể hỏi số điện ở tổng đài”.

“Tôi đã thử hỏi rồi. Tổng đài không biết cái tên ấy”.

Ánh mắt ông như ánh mắt một con chó bị đòn. “Bao giờ bà ấy cũng kín



tiếng về đám người ấy, động hỏi đến là bà ấy lập tức cúi kính. Đành thôi vậy. Tôi mừng vì bà ấy có chỗ giao du. Bà ấy luôn mồm kêu ca rằng để thường tôi không cho phép bà ấy đến cả việc kết bạn kết bè”.

“Có lẽ bác gái sắp về”, tôi nói. “Thậm chí tôi chắc bác ấy về bây giờ. Để đề phòng, bác đã gọi điện đến các trạm cấp cứu tai nạn và cảnh sát rồi chứ?”

Ông gật. “Đã gọi đủ. Họ chẳng biết gì cả”.

“Bác thấy chưa”, tôi nói, “vậy thì việc gì bác đã cuống lên. Biết đâu tôi qua bác gái chẳng mệt mỏi sao đó nên ngủ lại. Chuyện ấy là thường. Có lẽ độ một hai tiếng nữa là bác ấy về tới nhà”.

“Anh nghĩ vậy à?”

Cánh cửa bếp mở. Frida xuất hiện với một cái khay.

“Mang cho ai thế cô?” tôi hỏi.

“Cho cô Hollmann”, ả đáp, hơi cúi với cái cách tôi nhìn ả.

“Cô ấy dậy rồi à?”

“Chứ sao nữa”. Frida ứng đối ngay, “nếu chưa, cô ấy đã chẳng bấm chuông gọi bữa điếm tâm”.

“Chúa phù hộ cho cô, Frida”, tôi nói. “Sáng ra đôi lúc cô thật là mát tính đấy. Cô vui lòng chịu khó pha cà phê cho tôi cả thế được không?”

Ả càu nhàu gì đấy và đi tiếp, bộ mông đung đưa ra chiều khinh bỉ. Đó là biệt tài của ả. ả là con người duy nhất tôi thấy có cái kiêu tở thái độ độc đáo đầy sức biểu cảm ấy.

Hasse vẫn đang đợi. Đột nhiên tôi xấu hổ vì đã quay lưng đi để giờ đây lại thấy ông đứng cạnh mình, cam chịu và câm lặng. “Chắc chắn chỉ một, hai tiếng nữa là bác hết lo thôi”, tôi nói, rồi chìa tay cho ông.

Ông không bắt tay tôi, mà nhìn tôi rất lạ. “Ta không thể đi tìm bà ấy được sao?” ông khẽ hỏi.

“Nhưng bác có biết bác gái đi đâu đâu”.

“Có lẽ vẫn có thể tìm được bà ấy”, ông nhắc lại. “Nếu như ta dùng chiếc xe của anh... cô nhiên tôi xin thanh toán sòng phẳng”, ông vội vã tiếp.

“Vấn đề không phải là ở chỗ đó”, tôi đáp. “Có điều làm thế chẳng giải quyết được gì. Chúng ta biết đi đâu cơ chứ? Vào giờ này bác gái làm gì đã ra phố mà tìm”.

“Tôi cũng chẳng biết tính sao”, ông nói, vẫn khẽ như ban nãy. “Tôi chỉ

nghĩ ta có thể đi tìm bà ấy”.

Frida quay lại với cái khay không. “Giờ tôi phải đi”, tôi nói, “nhưng tôi cho rằng bác chỉ hay lo lắng không đâu. Tuy vậy, tôi sẵn lòng chiều ý bác nếu cô Hollmann không sắp sửa phải đi xa, hôm nay tôi muốn ngồi nhà cùng cô ấy. Có lẽ cô ấy chỉ còn ở đây được nốt Chủ nhật này. Chắc bác thông cảm cho tôi chứ?”

Ông gật.

Trông ông đứng đó mà thương, nhưng tôi nóng lòng muốn đến với Pat quá. “Nếu bác vẫn cứ muốn đi ngay, bác có thể xuống đường gọi taxi”, tôi tiếp, “nhưng tôi khuyên bác không nên. Bác chịu khó đợi một lát thì hơn... để tôi gọi điện cho anh bạn Lenz của tôi, anh ta sẽ cùng đi tìm với bác”.

Tôi có cảm giác ông không hề để tai nghe tôi. “Sáng nay anh không trông thấy bà ấy sao?”, bất chợt ông hỏi.

“Không”, tôi ngạc nhiên đáp. “Nếu thấy tôi đã nói ngay với bác”.

Ông lại gật đầu, và lơ đãng, chẳng nói chẳng rằng, ông trở vào phòng.

Pat đã sang phòng tôi và thấy đám hoa hồng. Nàng cười khi tôi bước vào. “Robby”, nàng nói, “em khá là ngây thơ đấy chứ. Mãi vừa rồi Frida mới vạch cho em thấy hoa hồng tươi vào quăng tinh mơ Chủ nhật thể này dứt khoát dính dáng tới chuyện trộm cắp. Cô ấy còn giải thích rằng loại hồng này không hề có bán ở những hàng hoa quanh đây”.

“Em muốn nghĩ thế nào cũng được”, tôi đáp. “Miễn em vui vì có hoa là tốt rồi”.

“Còn vui hơn là bình thường kia, anh yêu ạ. Anh đã bất chấp hiểm nguy để đoạt lấy chúng mà lại!”

“Chà, nguy hiểm thì còn phải nói!”, tôi nghĩ đến vị linh mục. “Nhưng sao em dậy sớm thế?”

“Em không ngủ được nữa. Vả lại, em còn nằm mộng. Chẳng hay ho gì”.

Tôi chăm chú nhìn nàng, vẻ mặt nàng mệt mỏi, mắt thâm quầng. “Em bắt đầu mộng mị nhảm nhí từ bao giờ vậy?”, tôi nói. “Anh vẫn nghĩ cho đến nay chỉ riêng anh mới thế!”

Nàng lắc đầu. “Anh không thấy ngoài kia trời đã sang thu rồi sao?”

“Bọn anh gọi đó là tiết cuối hè”, tôi đáp. “Hoa hồng vẫn nở kia mà. Cái duy nhất anh thấy là trời mưa”.

“Trời mưa”, nàng lặp lại. “Mưa dầm dề đã quá lâu, anh yêu ạ. Tỉnh hoảng tỉnh giấc giữa đêm, em ngỡ như mình bị chôn vùi dưới bấy nhiêu mưa”.

“Vậy ban đêm hãy sang với anh”, tôi nói. “Những ý nghĩ vớ vẩn ấy sẽ bay sạch khỏi đầu em ngay. Ngược lại, được kề bên nhau trong đêm tối khi trời đang mưa thú vị biết mấy”.

“Có lẽ thế”, nàng đáp, ngả người vào tôi.

“Anh thích những cơn mưa Chủ nhật vô cùng”, tôi nói. “Ta sẽ cảm thấy rõ rệt hơn ta sung sướng đến thế nào. Chúng mình ở bên nhau, chúng mình có một căn phòng đẹp đẽ, ấm cúng và một ngày rảnh rỗi trước mặt... theo anh thế đã là nhiều lắm rồi”.

Gương mặt nàng rạng rỡ lên. “Vâng, chúng mình thật sung sướng, phải không anh?”

“Tuyệt vời là đằng khác. Hễ nhớ lại trước kia... Lạy Chúa! Anh không bao giờ dám nghĩ mình được hưởng hạnh phúc nhường này thêm lần nữa”.

“Nghe anh nói mà em âm lòng. Em tin ngay từng lời. Anh hãy nói điều đó thường xuyên hơn”.

“Anh nói thế vẫn chưa đủ thường xuyên sao?”

“Chưa”

“Có thể”, tôi nói, “Anh nghĩ mình không được dịu dàng lắm. Chẳng rõ tại sao, nhưng đơn giản là anh không thể. Mặc dù rất muốn”.

“Không cần thiết, anh yêu, anh thế này em cũng đã hiểu anh rồi. Dẫu vậy, thỉnh thoảng em vẫn muốn nghe những lời như anh vừa nói”.

“Từ giờ trở đi, anh sẽ luôn miệng lặp lại những lời ấy với em. Cho dù đôi khi anh cảm thấy nó ngớ ngẩn thế nào ấy”.

“Kìa, sao lại ngớ ngẩn”, nàng đáp. “Trong tình yêu không có gì là ngớ ngẩn cả”.

“Ồn Chúa mà lại như thế”, tôi đáp, “nếu không, con người ta đâm ra kỳ cục hết chỗ nói”.

Chúng tôi cùng ăn điếm tâm, rồi Pat lên giường nằm. Jaffé đã dặn như vậy. “Anh ở lại đây chứ?”, nàng nằm trong chăn hỏi ra.

“Nếu em muốn”, tôi nói.

“Đã đành em muốn, nhưng anh không nhất thiết...”

Tôi ngồi xuống giường với nàng. “Ý anh không phải vậy. Có điều anh nhớ trước kia em không thích bị ai nhìn trong khi ngủ”.

“Trước kia, có thể thật... nhưng giờ đây đôi khi em thấy sợ phải một mình...”

“Có dạo anh cũng như em bây giờ”, tôi nói. “Đó là thời kỳ hậu phẫu trong quân y viện. Hồi ấy anh rất sợ ngủ vào ban đêm. Anh luôn thức chong chong, đọc sách, hoặc nghĩ ngợi miên man, mãi tới lúc trời hửng mới ngủ thiếp đi. Nhưng tình trạng đó rồi qua ngay ấy mà”.

Nàng úp mặt vào lòng bàn tay tôi. “Người ta sợ rằng mình sẽ thôi quay trở lại, anh Robby...”

“Phải”, tôi nói, “nhưng người ta trở lại, và chuyện ấy qua đi. Thì em cứ trông anh đấy. Bao giờ người ta cũng trở lại... cho dù không đúng vào chỗ cũ”.

“Thì đó”, nàng đáp, giọng đã ra chiều ngái ngủ, hai mắt lim dim. “Em sợ cả điều ấy nữa. Nhưng anh sẽ trông chừng, phải không anh?”

“Anh sẽ trông chừng”, tôi nói, đoạn vuốt ve vầng trán và mái tóc dường như cũng mệt mỏi của nàng.

Nàng thở sâu hơn, hơi trở mình sang bên. Một phút sau, nàng đã ngủ say.

Tôi lại đến ngồi bên cửa sổ, nhìn ra trời mưa. Giờ đây dưới màn mưa xám xịt run rẩy bay ngang cửa sổ, ngôi nhà như một hòn đảo nhỏ bồng bênh giữa vô tận mịt mù. Tôi cảm thấy lo lo vì hiếm khi Pat tỏ ra yếu đuối và buồn bã vào buổi sáng. Nhưng rồi tôi lại nghĩ vài ngày trước đây nàng vẫn linh hoạt, tươi vui là thế, có thể lát nữa thức giấc nàng lại thay đổi hẳn. Tôi biết nàng nghĩ ngợi nhiều về bệnh tình của nàng, và tôi cũng được Jaffé cho hay bệnh tình nàng chưa hề thuyên giảm, nhưng đời tôi đã chứng kiến nhiều chết chóc đến nỗi bất kỳ bệnh nào dưới con mắt tôi vẫn cứ là sự sống và hy vọng. Tôi biết người ta có thể chết vì một vết thương, về điểm này tôi có quá nhiều kinh nghiệm... nhưng cũng chính vì thế mà tôi thường khó tin nỗi một căn bệnh, mà khi mắc nó rồi về ngoài con người ta vẫn khỏe mạnh như thường, lại có thể nguy hiểm đến tính mạng. Nhờ cách nghĩ ấy mà bao giờ tôi cũng nhanh chóng rũ bỏ được những cơn buồn nản như vừa rồi.

Có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở Hasse đứng bên ngoài. Tôi đặt ngón tay trở lên miệng ra hiệu giữ yên lặng và bước ra hành lang.

“Anh bỏ quá cho”, ông lắp bắp.

“Mời bác vào trong này”, tôi nói và mở cửa phòng mình.

Hasse dừng lại trên ngưỡng cửa. Mặt bác như tộp hẳn đi, trắng bệch, “Tôi chỉ định nói với anh là ta khỏi cần đi nữa”, ông nói, môi hầu như không mấp máy.

“Thì bác cứ vào đây đã”, tôi đáp, “cô Hollmann đang ngủ, tôi rồi mà”.

Ông cầm trên tay một lá thư, trông ông như kẻ vừa bị một phát đạn nhưng vẫn muốn tin đó chỉ là một cú huých nhẹ. “Tốt nhất là anh tự đọc”, ông nói và đưa tới lá thư.

“Bác đã dùng cà phê chưa?”, tôi hỏi.

Ông lắc đầu. “Xin anh đọc lá thư...”

“Vâng, nhưng khi tôi đọc, bác phải uống chút gì chứ...”

Tôi ra bảo ả Frida pha cà phê. Đoạn tôi đọc lá thư. Đó là thư của bà Hasse, vồn vện vài dòng. Bà báo với ông rằng bà còn muốn tận hưởng đời mình ít nhiều. Bởi vậy bà không quay về với ông nữa. Bà đã tìm được một người hiểu bà hơn Hasse. Ông chớ tìm bà phí công vô ích; bà đã nhất quyết dứt áo ra đi. Mà đó hẳn cũng là điều tốt nhất cho ông. Ông sẽ khỏi phải lo lắng phần thu nhập đủ hay thiếu. Bà đã đem theo một phần tư trang của mình, số còn lại dịp nào đó bà sẽ nhờ người đến lấy đi nốt.

Lá thư viết rõ ràng, cụ thể. Tôi gấp nó lại trao trả cho Hasse. Ông nhìn tôi như thể trăm sự tùy thuộc cả ở tôi. “Làm gì bây giờ anh?”, ông hỏi.

“Bác hãy uống nốt tách cà phê và ăn tạm chút gì đi đã”, tôi nói. “Bây giờ mà chạy cuống lên và tự hủy hoại mình chẳng ích lợi gì đâu. Để rồi ta thử cân nhắc xem. Bác phải gắng sao cho thật bình tâm đã, khi ấy bác sẽ có quyết định đúng đắn nhất”.

Ông ngoan ngoãn uống cạn tách cà phê. Tay ông run lẩy bẩy và ông không sao ăn nổi một miếng bánh. “Làm gì bây giờ?”, ông lặp lại.

“Chẳng làm gì cả”, tôi nói. “Hãy chờ đợi”.

Ông phác một cử chỉ không bằng lòng. “Chứ bác định làm gì nào?”, tôi hỏi.

“Tôi không biết. Tôi không sao hiểu được”.

Tôi im lặng. Biết nói gì với ông đây. Tôi chỉ có thể an ủi ông, còn thấy những việc khác phải do chính ông quyết định, ông đã hết yêu vợ, có thể coi như vậy... nhưng ông quen có bà, và đối với một người kế toán, thói quen có khi còn mạnh hơn cả tình yêu.

Lát sau ông bắt đầu nói, những lời lẽ rối rắm chỉ chứng tỏ ông đang dao

động dữ dội. Rồi ông bắt đầu tự xỉ vả mình. Ông không buộc tội bà lấy một câu. Ông gắng tự lý giải rằng lỗi là ở ông.

“Bác Hasse”, tôi nói, “bác nói vợ vẫn gì vậy. Trong những chuyện như thế này làm gì có tội hay vô tội. Bác gái đã bỏ bác mà đi chứ đâu phải bác ruồng rẫy vợ. Việc gì bác phải tự trách móc mình như thế!”

“Có đấy”, ông đáp, mắt nhìn đăm đăm vào hai bàn tay. “Tôi đã không cáng đáng được”.

“Bác bảo gì?”

“Tôi đã không cáng đáng được. Không đủ sức cáng đáng cũng là một cái tội”.

Tôi sững sốt nhìn vào cái thân hình bé nhỏ tội nghiệp lúi trong chiếc ghế bành bọc nhung đỏ. “Bác Hasse”, lát sau tôi bình tĩnh nói, “đó cũng lắm chỉ là một cái cơ, nhưng không phải tội. Và lại cho đến nay bác vẫn cáng đáng được gia đình đẩy thôi”.

Ông lắc đầu lia lịa. “Không, không, tôi đã làm bà ấy phát điên với nỗi sợ mất việc triển miên của tôi. Mà tôi cũng có cáng đáng nỗi đâu! Tôi đã chiều chuộng bà ấy được cái gì nào! Chẳng gì cả...”

Ông chìm đắm trong sự ủ ê câm lặng. Tôi đứng dậy đi lấy chai cognac. “Ta uống một chút”, tôi nói. “Vẫn chưa có gì mát mát cả”.

Ông ngẩng đầu lên.

“Chưa có gì mát mát”, tôi nhắc lại. “Người ta chỉ mất đi một con người khi người đó chết mà thôi”.

Ông vội vã gạt đầu và cầm lấy ly rượu. Nhưng rồi ông lại đặt ly xuống mà không hề nhấp môi. “Hôm qua tôi đã được lên trưởng phòng”, ông khẽ nói. “Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng. Ông Chánh văn phòng bảo tôi tôi qua. Tôi được cất nhắc là vì những tháng vừa rồi tôi luôn làm thêm giờ. Người ta đã sát nhập hai phòng làm một. Ông trưởng phòng kia bị sa thải. Tôi được ăn thêm năm chục đồng lương”. Ông bắt giác nhìn tôi tuyệt vọng. “Anh nghĩ liệu bà ấy có ở lại nếu được biết sớm điều này không?”

“Không”, tôi đáp.

“Thêm được năm chục mác. Lẽ ra tôi có thể trao số tiền này cho bà ấy. Thế là bà ấy có thể sắm sửa chút đỉnh. Lại còn một ngàn hai trăm mác tôi gửi ở quỹ tiết kiệm nữa! Tôi đã dành dụm chúng làm gì chứ? Tôi muốn để một khoản cho bà ấy phòng khi chúng tôi lâm vào cảnh túng thiếu. Thế mà giờ bà

ấy bỏ đi chỉ vì tôi đã ki cóp cho bà ấy”.

Ông lại thần thờ nhìn ra phía trước. “Bác Hasse”, tôi nói, “tôi thiết tưởng mọi việc ít liên quan đến nhau hơn bác nghĩ nhiều. Bác chớ nên dằn vặt mình làm gì. Với bác, điều cần nhất là vượt qua được mấy ngày tới đây. Rồi bác sẽ biết rõ hơn là nên làm gì. Biết đâu tối nay hoặc sáng mai bác gái lại chẳng trở về. Cũng như bác, thế nào bác gái chẳng nghĩ lại”.

“Bà ấy không về đâu”, ông đáp.

“Bác làm sao biết được”.

“Giá như ai có thể bảo với bà ấy rằng bây giờ lương tôi đã khá hơn, rằng chúng tôi sẽ đi nghỉ mát và làm một chuyến du lịch bằng số tiền tiết kiệm được...”

“Rồi bác sẽ tự nói với bác gái tất cả những chuyện đó. Người ta đâu chia tay nhau chóng vánh như thế”.

Tôi lấy làm lạ vì ông hầu như không nghĩ trong chuyện này còn có một người đàn ông nữa. Nhưng có lẽ ông chưa nghĩ được đến đó, ông chỉ mới biết rằng vợ mình bỏ đi, còn thấy những chuyện khác vẫn như một màn sương mù mờ mịt phía sau. Tôi rất muốn bảo ông rằng chưa chừng vài tuần nữa ông lại thấy mừng vì bà đã cuốn gói... nhưng nhìn vẻ ngây dại của ông, tôi hiểu nói thế là thô bạo không cần thiết. Trước một tình cảm bị tổn thương, sự thật bao giờ cũng thô bạo và hầu như quá sức chịu đựng.

Tôi còn chuyện trò với ông hồi lâu... cốt để ông trút vơi nỗi lòng. Nhưng chẳng kết quả gì... ông cứ xoay người vò đầu bứt tai, tuy vậy tôi có cảm giác ông đã bình tĩnh hơn ít nhiều. Ông còn uống một ly cognac. Rồi tôi nghe Pat gọi ở phòng bên.

“Bác chờ cho một lát!”, tôi nói, đoạn đứng dậy.

“Vâng”, ông đáp như một chú bé ngoan ngoãn và cũng vội nhồm lên.

“Bác cứ ở đây, tôi quay lại ngay thôi”.

“Anh bỏ lỗi cho...”

“Tôi trở lại tức thì mà”, tôi nói, rồi sang phòng Pat.

Nàng ngồi thẳng trên giường, trông tươi tắn và khỏe khoắn. “Em ngủ một giấc ngon tuyệt, Robby ạ! Chắc phải trưa rồi”.

“Em ngủ vừa đúng một tiếng”, tôi nói và chìa đồng hồ cho nàng thấy.

Nàng nhìn kim chỉ giờ. “Thế càng hay, chúng mình càng tha hồ có thời

gian bên nhau. Em dậy ngay đây”.

“Tốt lắm. Mười phút nữa anh trở vào”.

“Anh có khách à?”

“Bác Hasse”, tôi nói. “Nhưng không lâu đâu”.

Tôi quay về buồng, nhưng Hasse đã đi khỏi. Tôi mở cửa ngó ra hành lang, lối đi vắng ngắt. Tôi theo hành lang lại gõ cửa buồng ông. Ông không lên tiếng. Tôi mở cửa, thấy ông đứng trước tủ. Vài ngăn kéo rút ra nằm chổng bên cạnh.

“Bác Hasse”, tôi nói, “bác hãy uống một viên thuốc ngủ, rồi lên giường làm một giấc cho khuây đi đã. Lúc này bác đang quá xúc động đấy”.

Ông chậm chạp quay sang tôi. “Luôn luôn thui thủi, tôi nào cũng vậy! Luôn luôn ngồi trơ trọi như hôm qua, anh thử nghĩ...”

Tôi bảo ông rằng hoàn cảnh rồi sẽ thay đổi, rằng thiên hạ thiếu gì những người tối tối vẫn ở nhà một mình. Ông trả lời chẳng đâu vào đâu. Tôi bèn nhắc lại là ông nên đi ngủ, sự việc chưa chừng lại xoay ra ổn, có khi tối nay bà vợ đã thò mặt về cũng nên. Ông gật đầu và chìa tay cho tôi.

“Tối tôi sẽ lại ghé bác”, tôi nói rồi quay ra. Nhẹ cả người.

\*\*\*

Pat mở báo la liệt trước mặt. “Sáng nay chúng mình đi bảo tàng được đấy, anh Robby nhỉ”, nàng đề nghị.

“Đi bảo tàng ấy à?”, tôi hỏi.

“Vâng. Đang có triển lãm thảm Ba Tư. Chắc anh ít vào bảo tàng lắm?”

“Chưa hề!”, tôi đáp. “Anh biết làm gì ở đó?”

“Anh nói phải”, nàng cười.

“Không sao”. Tôi đứng dậy. “Mưa gió thế này bồi bổ kiến thức một chút cũng được”.

Chúng tôi mặc quần áo rồi đi. Không khí ngoài trời thật tươi mát, đượm mùi lá cây và nước mưa. Khi đi ngang tiệm Quốc Tế, qua cánh cửa mở, tôi thấy Rosa ngồi bên quầy rượu. Trước mặt ả là tách sô-cô-la. Hôm nay Chủ nhật mà. Trên bàn có một cái gói nhỏ. Hình như sau đó ả sẽ đi thăm con như thường lệ. Lâu lắm tôi không lại tiệm Quốc Tế, tôi lấy làm lạ khi thấy Rosa vẫn thản nhiên ngồi như ngày nào. Con người tôi đã thay đổi nhiều đến nỗi



tôi cứ ngỡ như đâu đâu cũng phải khác trước.

Chúng tôi tới bảo tàng. Tôi cứ đinh ninh ở đây hai đứa sẽ khá yên ổn với nhau, nhưng cái đám đông chen chúc trước bảo tàng khiến tôi sững sốt. Tôi hỏi người trông coi bảo tàng xem chuyện gì xảy ra.

“Chuyện gì đâu”, ông đáp, “những ngày mở cửa vào tự do bao giờ chả vậy”.

“Anh thấy chưa”, Pat bảo. “Còn có vô khối người quan tâm đến nghệ thuật đấy chứ”.

Người trông coi bảo tàng đẩy chiếc mũ vải ra sau gáy. “Đâu phải vậy, thưa bà. Hầu hết bọn họ là những kẻ thất nghiệp. Họ đến đây đâu vì yêu nghệ thuật, mà vì vô công rồi nghề. Ở đây ít ra họ cũng có cái để ngó”.

“Giải thích như vậy nghe lọt tai hơn”, tôi nói.

“Giờ đã thấm vào đâu”, người trông coi bảo tàng đáp. “Mùa đông mời ông bà đến xem thử! Mọi góc ngách cứ là chật cứng. Có sưởi mà lại”.

Chúng tôi vào gian trưng bày thảm. Đó là một gian phòng tĩnh mịch, hơi khuất nẻo. Qua các ô cửa sổ cao vòm có thể trông ra vườn, nơi sừng sững một cây ngô đồng. Cây ngô đồng vàng ruộm, đến ánh sáng trong phòng cũng vẫn ánh vàng.

Thảm đâu đẹp lạ đẹp lung. Có hai tấm dệt hình muông thú từ thế kỷ mười sáu, một số tấm Ispahan, vài tấm thảm tơ Ba Lan màu hồng riềm xanh lục. Thời gian và mặt trời đã phủ lên các tông màu của chúng cái màu xanh phơn phớt, khiến chúng chẳng khác gì những bức tranh phân màu không lồ đượm vẻ thần tiên. Những tấm thảm cho gian phòng cái không khí phi thời gian và sự hài hòa mà các phòng tranh chẳng đời nào có nổi. Cửa sổ với đám lá vàng mùa thu của cây ngô đồng và bầu trời xám ngọc trông cũng tựa một tấm thảm cổ.

Chúng tôi ngắm nghía hồi lâu, đoạn đi xem các phòng khác trong bảo tàng. Nãy giờ thiên hạ kéo đến mỗi lúc một đông. Lúc này có thể thấy rõ nơi đây quả thật không phải là chỗ dành cho họ. Mặt mũi nhợt nhạt, áo quần sờn rách, hai tay chấp đít, họ dè dặt lang thang khắp các phòng, mắt để tận đâu đâu chứ chẳng ngó ngang gì đến các tác phẩm hội họa thời Phục Hưng hay các bức tượng cổ âm thầm bằng cẩm thạch. Nhiều người ngồi trên những chiếc ghế đệm dài màu đỏ kê men các bức tường. Họ ngồi đó mệt mỏi, trong tư thế sợ sệt, sẵn sàng nhồm phất dậy khi có kẻ đến xua mình đi. Có thể thấy họ coi những chiếc ghế đệm là cái gì ghê gớm lắm và không sao quan niệm

được rằng mình có quyền ngồi lên đó mà không phải trả tiền. Họ đã quen chẳng được nhận không cái gì bao giờ.

Tất cả các phòng đều lặng lẽ; khách xem nườm nượp, thế mà nơi đây hầu như không nghe tiếng người, dầu vậy tôi vẫn có cảm giác mình đang chứng kiến một cuộc vật lộn phi thường - cuộc vật lộn âm thầm của những con người đã bị đánh gục nhưng vẫn chưa chịu khuất phục. Bị đẩy ra khỏi các lĩnh vực công việc, ước vọng, nghề nghiệp... giờ đây họ tìm đến lĩnh vực lặng lẽ của nghệ thuật để khởi rơi vào trạng thái cứng đờ, tuyệt vọng tại nhà mình. Họ nghĩ đến bánh mì, lúc nào cũng thèm muốn bánh mì và việc làm; nhưng họ tới đây hòng lẩn tránh vài giờ những ý nghĩ của mình... Giữa những mái đầu La Mã sáng rực và vẻ kiêu diễm bất hủ của các pho tượng mỹ nhân Hy Lạp trắng muốt, họ nặng nề lê bước, với cặp vai xo chúi về phía trước của những con người không còn mục đích sống... một sự tương phản gây chấn động, một bức tranh tuyệt vọng của những cái mà loài người đã có khả năng đạt được và không sao đạt được suốt hàng ngàn năm: đỉnh cao của các tác phẩm nghệ thuật vĩnh cửu, nhưng không một lần đủ bánh mì cho mỗi anh em đồng loại của mình.

Buổi chiều chúng tôi đi xem phim. Khi hai đứa ra khỏi rạp, trời đã quang mây. Bầu trời trong veo, xanh màu trái táo. Phố phường và các cửa hiệu đã lên đèn. Chúng tôi thung thảng về nhà, vừa đi vừa ngắm những ô kính bày hàng.

Tôi dừng chân trước những tấm kính sáng choang của một nhà hàng lớn chuyên bán đồ lông. Chiều về se se lạnh, trong gian hàng mẫu bày những túm lông cáo bạc to sù và những chiếc măng-tô đông ấm áp. Tôi nhìn Pat, nàng vẫn khoác chiếc áo lông ngắn và ăn vận quá thực quá phong phanh.

“Giá đang là người hùng trong phim, anh sẽ vào chọn ngay cho em một chiếc măng-tô”, tôi nói.

Nàng mỉm cười. “Chiếc nào cơ?”

“Chiếc này”, tôi chỉ vào chiếc dày dặn nhất.

Nàng cười. “Anh chọn sành đấy, Robby. Đó là thứ lông chồn vizôn Canada tuyệt đẹp”.

“Em muốn cái áo ấy chứ?”

Nàng nhìn tôi. “Anh có biết một chiếc măng-tô như vậy giá bao nhiêu không, anh yêu?”

“Không”, tôi nói, “mà anh cũng chẳng muốn biết làm gì. Thà cứ để anh

tưởng rằng anh có thể tặng em bất cứ thứ gì anh muốn. Tại sao chỉ những kẻ khác mới làm được điều ấy?”

Nàng nhìn tôi chăm chú. “Nhưng em hoàn toàn không muốn có một chiếc măng-tô loại ấy, Robby ạ”.

“Sao lại không”, tôi đáp, “nó sẽ thuộc về em! Không nói lời thôi gì nữa. Mai ta sẽ cho người lại lấy”.

Nàng mỉm cười. “Cám ơn, anh yêu”, nàng nói và hôn tôi ngay giữa phố. “Còn bây giờ đến lượt anh”. Nàng dừng lại trước một cửa hàng y phục nam giới. “Chiếc áo đuôi én này! Anh cần nó để sóng đôi với chiếc măng-tô lông chồn vizôn. Và chiếc mũ ống kia cũng sẽ về tay anh. Đội mũ ống vào không hiểu trông anh sẽ thế nào nhỉ?”

“Như một thằng cha nạo ống khói”. Tôi ngắm nghía chiếc áo đuôi én. Nó được bày trong ô trưng hàng căng nền nhung xám. Tôi nhìn kỹ hơn lần nữa. Đây chính là cửa hàng mà dạo mùa xuân tôi đã ghé mua chiếc cà vạt sau bữa tôi đi chơi riêng với Pat lần đầu và say rượu bết nhè. Thốt nhiên tôi thấy có cái gì nghẹn trong cổ, không rõ tại sao. Dạo mùa xuân... khi ấy tôi chưa hề hay biết những gì sẽ diễn ra.

Tôi cầm bàn tay thon mảnh của Pat áp lên má mình giấy lát. “Em cần được sửa chữa thêm vài thứ nữa”, đoạn tôi nói, “một chiếc măng-tô lông không thôi, khác nào một chiếc xe hơi thiếu động cơ. Hai ba chiếc áo dài dạ hội...”

“Áo dài dạ hội”, nàng lặp lại và dùng chân trước những ô kính đồ sộ, “phải đấy, áo dài dạ hội... em bắt đầu cảm thấy khó lòng từ chối hơn...”

Chúng tôi chọn ba chiếc áo dài tuyệt đẹp. Tôi thấy trò chơi này khiến Pat linh hoạt hẳn. Nàng hoàn toàn để tâm vào việc lựa chọn, bởi nàng rất mê áo dài dạ hội. Chúng tôi cũng chọn luôn những thứ đồng bộ với áo dài, và Pat càng thêm hăng say. Mắt nàng ngời sáng. Đứng bên nàng, nghe nàng ríu rít, tôi tự nhủ: thật khốn nạn là khi ta yêu một người đàn bà mà ta lại nghèo. “Đi em”, cuối cùng tôi nói, vẻ chán chường, tuyệt vọng, “đã trót thì phải trét!” Tôi kéo nàng tới trước một cửa hiệu bán đồ trang sức. “Kìa cái vòng đeo tay bằng ngọc lục bảo! Đi kèm với nó là hai chiếc nhẫn và đôi hoa tai! Không bàn luận lời thôi gì nữa. Ngọc lục bảo là thứ đá quý thích hợp với em nhất”.

“Nếu thế anh phải nhận chiếc đồng hồ platin này, và cả những chiếc măngsét sơ-mi bằng ngọc kia”.

“Cả cửa hiệu này là của em! Anh không lấy gì nữa đâu đấy...”

Nàng cười, nép người vào tôi thở dài. “Đủ rồi, anh yêu, đủ rồi! Giờ ta chỉ cần sắm thêm vài chiếc va-li rồi đi tới hãng du lịch, sau đó ta sắp đồ và khởi hành, rồi bỏ thành phố này, mùa thu này, tiết mưa này”.

Phải, tôi nghĩ, lạ Chúa, phải, và em sẽ mau lành! “Đi đâu nào?”, tôi hỏi. “Ai Cập nhé? Hay xa nữa? Tận Ấn Độ và Trung Hoa?”

“Đến với mặt trời, anh yêu, đi đâu cũng được miễn là đến với mặt trời, đến với phương Nam và nắng ấm. Đến với những con đường trồng cọ, những tảng đá, những ngôi nhà trắng ven biển và những bụi dừa rừng. Nhưng khéo mà ở đó cũng mưa. Có lẽ mưa giăng khắp nơi khắp chốn”.

“Nếu thế ta lại tiếp tục cuộc hành trình”, tôi nói, “kỳ đến chỗ nào hết gặp mưa mới thôi. Đi sâu vào miền nhiệt đới và biển Thái Bình Dương”.

Chúng tôi đứng trước ô kính sáng trưng của hãng du lịch tuyến đường Hamburg - América. Chính giữa là mô hình một con tàu đang bập bênh trên những làn sóng bằng bìa xanh, nổi lên sừng sững phía sau là ảnh những tòa nhà chọc trời ở Manhattan phóng cỡ lớn. Để quảng cáo, người ta còn treo những tấm bản đồ to tướng, sặc sỡ với những tuyến đường của hãng tô màu đỏ.

“Chúng mình sẽ sang cả Mỹ”, Pat nói. “Sẽ đi Kentucky, Texas, New York, San Francisco và Hawaii. Rồi tiếp tục vượt Nam Mỹ. Qua Mexico và kênh đào Panama đến Buenos Aires. Cuối cùng ghé Rio de Janeiro rồi trở về”.

“Ừ...”

Nàng nhìn tôi rạng rỡ.

“Anh chưa hề đặt chân đến đó”, tôi nói. “Hồi trước anh trót ba hoa với em”.

“Em biết”, nàng đáp.

“Em biết à?”

“Ô kia, anh Robby! Cố nhiên là em biết. Em hiểu ngay”.

“Dạo đó anh khá là rồ dại. Hoang mang, ngu ngốc và rồ dại. Vì thế mà anh bịa chuyện”.

“Bây giờ thì sao?”

“Bây giờ còn tệ hơn”, tôi nói. “Em thấy rồi còn gì”. Tôi trở vào con tàu trong ô kính. “Không đi được mới chó má chứ”.

Nàng mỉm cười khoác tay tôi. “Chà, anh yêu, sao chúng mình lại không giàu nhỉ? Chúng mình biết cách xài tiền ra trò đây chứ! Trong khi vô khối kẻ giàu không biết làm gì hay ho hơn ngoài việc chúi mãi đầu vào văn phòng hay nhà băng của họ”.

“Thế họ mới giàu”, tôi nói. “Giá mình có giàu, chắc chẳng giàu được lâu”.

“Em cũng nghĩ vậy. Chắc chắn mình sẽ để tiền bay đằng nào hết”.

“Biết đâu vì lo mất tiền mà mình chẳng dám hưởng chút gì. Thời buổi này, giàu có cũng là một cái nghề. Và là một cái nghề chẳng dễ dàng tí nào”.

“Bọn nhà giàu đáng thương!”, Pat nói. “Vậy có lẽ tốt hơn là mình cứ tưởng tượng rằng mình đã từng giàu có nhưng vừa bị trắng tay. Đơn giản là anh mới bị phá sản trước đây một tuần và phải bán xối tất tật... nhà cửa, đồng nữ trang của em, đoàn xe hơi của anh. Anh nghĩ sao?”

“Họp thời hết chỗ nói”, tôi đáp.

Nàng cười. “Vậy ta đi thôi! Hai kẻ thất cơ lỡ vận chúng mình giờ đành lê bước về căn buồng trọ chật hẹp, để cùng nhau ôn lại những câu chuyện thời dĩ vãng vàng son”.

“Ý hay đấy”.

Chúng tôi thông thả đi qua các đường phố ngập trong ánh chiều. Đèn bật lên mỗi lúc một dày; khi đến bên nghĩa trang, nhìn xuyên bầu trời xanh đậm, chúng tôi thấy một chiếc máy bay ngang với những ô cửa sáng nhấp nháy. Trên bầu trời trong trẻo, cao vợi vợi và cô độc, nó bay đơn chiếc và duyên dáng như một cánh chim thần thương nhớ đến từ một câu chuyện cổ xa xưa. Chúng tôi đứng lại trông theo cho tới khi chiếc máy bay mất hút.

Về nhà chưa đầy nửa giờ thì có tiếng gõ cửa buồng tôi. Bụng nghĩ chắc lại Hasse, tôi ra mở cửa.

Nhưng té ra là bà Zalewski, nét mặt hốt hoảng.

“Anh lại đăng này nhanh lên”, bà thì thào.

“Có chuyện gì vậy?”

“Hasse”.

Tôi nhìn bà không hiểu. Bà nhún vai. “Ông ta khóa trái cửa và không chịu lên tiếng”.

“Bà chờ cho một lát”.

Tôi trở vào bảo Pat hãy cứ nghỉ ngơi, tôi có chút việc cần bàn với Hasse.

“Được rồi, anh Robby. Và lại em cũng đã thấm mệt”.

Tôi theo bà Zalewski về đầu kia hành lang. Trước cửa buồng Hasse tụ tập hầu hết khách trọ trong nanh hùng - Erna Bonig trong chiếc kimônô thêu rồng sắc sỡ, mái tóc đỏ hoe; mới cách đây hai tuần tóc cô ta còn óng ánh vàng xen bạch kim... lão cố vấn kiểm kê mê chơi tem trong chiếc áo khoác mặc nhà cắt theo kiểu nhà binh... Orlov, xanh xao và bình thản, mới từ phòng trà về... Georgie, vừa nôn nóng đập cửa vừa ra sức gọi Hasse bằng cái giọng trầm trầm... và cuối cùng là Frida, mắt lác xệch vì hồi hộp, sợ hãi và tò mò.

“Chú đập cửa bao lâu rồi, Georgie?”

“Đã quá mười lăm phút”. Frida mặt đỏ phừng phừng lập tức chỗ mồm vào, “mà ông ấy ở trong buồng chứ đâu, suốt từ trưa hầu như ông ấy chẳng ló mặt ra ngoài, cứ thấy tiếng chân bách bộ liên tục, hết đầu này sang đầu kia buồng, thế rồi im ro...”

“Chìa khóa cắm ở mặt trong”. Georgie nói. “Cửa khóa trái”.

Tôi nhìn bà Zalewski. “Ta phải thúc được chìa rơi ra. Tôi mở khóa cửa. Bà còn chìa khác chứ?”

“Để tôi đi lấy chùm chìa khóa”, Frida bỗng tỏ ra miễn cưỡng khác thường. “Có chìa vừa cũng nên”.

Tôi hỏi xin một đoạn dây thép, thò vào lựa xoay chiếc chìa khóa về vị trí ban đầu, đoạn thúc nó ra khỏi ổ. Nó rơi đánh cạch xuống sàn nhà, bên trong cánh cửa. Frida rú lên, hai tay ôm mặt.

“Cô xéo ra kia, càng xa càng tốt” tôi bảo ả, đoạn thử chùm chìa khóa. Một chìa khớp. Tôi xoay chìa và mở cửa. Căn buồng tối lờ mờ, thoạt nhìn vào chẳng thấy ai. Hai chiếc nệm giường anh ánh màu xám trắng, những chiếc ghế đứng trơ, cửa tủ đóng.

“Ồi ông ấy kìa!” À Frida bây giờ đã lại len vào, nhòm qua vai tôi rú lên. Cái hơi thở sặc mùi hành từ miệng ả phả ra rát cả mặt tôi. “Trên cửa sổ ấy”.

“Không”, Orlov vừa bước nhanh mấy bước vào buồng vội giật lùi. Ông đẩy tôi ra, nắm nắm đấm kéo sập cửa lại. Đoạn ông quay sang những người kia. “Các vị nên lui đi thì hơn. Cảnh tượng này nhìn vào có lẽ không lợi”.

Ông nói từ tốn, bằng cái thứ tiếng Đức hơi nặng lơ lơ giọng Nga, và đứng án trước cửa.

“Ôi lạy Chúa!” bà Zalewski lấp bắp lùi lại. Ngay Erna Bonig cũng giật lùi mấy bước. Mỗi Frida là vẫn tìm cách len qua để xoay nắm đấm cửa. Orlov xô ả ra. “Quả thực tốt hơn là...”, ông nhắc lại.

“Này ông!”, lão cố vấn kiểm kê đột nhiên ưỡn ngực gằm lên. “Ai cho ông cái quyền ấy! Một khi ông là người ngoại quốc!”

Orlov thần nhiên nhìn lão. “Ngoại quốc...”, ông nói. “Ngoại quốc... thì đã sao. Chẳng liên quan gì tới đây...”

“Chết rồi, hở?” Frida xuýt xoa.

“Bà Zalewski”, tôi nói, “tôi cũng cho rằng tốt hơn chỉ mình bà ở lại, và nếu cần, thêm bác Orlov và tôi”.

“Hãy điện thoại gọi ngay một bác sĩ”, Orlov bảo.

Georgie đã cầm sẵn ống nghe từ bao giờ. Tất cả diễn ra chưa đầy năm giây. “Tôi ở lại!” Lão cố vấn kiểm kê tuyên bố, mặt đỏ gay. “Là người Đức, tôi có quyền...”

Orlov nhún vai và mở cửa. Đoạn ông bật công tắc điện. Các bà rú lên dạt ra đằng sau. Mặt tím ngắt, lưỡi đen bầm thè le giữa hai hàm răng, Hasse treo lủng lẳng trên cửa sổ.

“Cắt dây!”, tôi kêu.

“Vô ích”, Orlov nói từ tốn, cứng cỏi và buồn bã. “Tôi biết... nhìn mặt thì rõ... chết phải vài tiếng rồi”.

“Ít nhất ta cũng thử cứu...”

“Tốt hơn là đừng... hãy mời cảnh sát tới đã”.

Đúng lúc đó chuông reo. Tay bác sĩ sống ở nhà bên sang. Anh ta chỉ đảo mắt ngó qua cái thân hình gầy còm đầu rũ gục ấy. “Vô phương cứu chữa”, anh ta nói. “Dẫu vậy, vẫn phải làm hô hấp nhân tạo. Hãy gọi điện báo cảnh sát ngay và cho tôi xin một con dao”.

Hasse treo cổ bằng một chiếc dây lụa hồng bện khá dày. Đó là dây đai áo choàng mặc nhà của vợ ông, ông đã rất khéo léo cột chặt nó vào một cái móc phía trên cửa sổ. Sợi dây được miết thêm một lớp xà phòng. Hẳn ông đã treo lên bậu cửa sổ rồi từ đó buông mình xuống. Hai tay ông nắm chặt, bộ mặt trông hết sức ghê sợ. Lúc này mà để ý điều này kể cũng kỳ, nhưng tôi chợt nhận thấy bộ quần áo ông đang mặc trên người không phải bộ ban sáng. Đó là một bộ complê bằng sợi len se màu xanh lơ, bộ diện nhất của ông mà tôi biết. Ông cũng đã cạo râu và thay quần áo lót. Trên bàn, xếp cạnh nhau -

ngăn nắp tới mức tỉ mỉ - là tấm hộ chiếu của ông, một cuốn sổ tiết kiệm, bốn tờ một chục mác và ít xu lẻ. Cạnh nữa là hai bức thư, một gửi cho vợ, một gửi cảnh sát. Bên cạnh thư gửi vợ con có một hộp thuốc lá bằng bạc và chiếc nhẫn cưới của ông.

Hắn ông phải suy nghĩ rất lung và sắp đặt mọi chuyện từ trước; bởi khắp căn buồng được dọn dẹp sạch sẽ tinh tươm; khi xem xét kỹ hơn, chúng tôi còn tìm thấy trên nóc tủ ngăn một ít tiền và một mảnh giấy đề: Khoản tiền nhà còn thiếu cho tháng này. Để riêng món tiền này ra, dường như ông muốn tỏ rõ cái chết của mình không ảnh hưởng gì đến việc trả tiền nhà.

Chuông gọi cửa, hai vị nhân viên nhà nước mặc thường phục đến. Anh bác sĩ, lúc này đã hạ người chết xuống, đứng dậy. “Chết rồi”, anh ta nói, “tự sát, không nghi ngờ gì nữa”.

Hai vị nhân viên nhà nước chẳng nói chẳng rằng. Sau khi khép cửa lại, họ chăm chú quan sát khắp căn buồng. Họ lôi từ ngăn kéo tủ ra vài lá thư rồi so nét chữ với những bức thư đặt trên bàn... Người trẻ hơn trong hai vị gật đầu.

“Có ai biết nguyên nhân không?”

Tôi bèn thuật lại những gì mình biết. Anh ta lại gật đầu và ghi địa chỉ của tôi. “Cho đưa xác ông ấy đi được rồi chứ ạ?”, anh bác sĩ hỏi.

“Tôi đã gọi xe cứu thương của hội Từ Thiện rồi”, anh nhân viên trẻ hơn đáp. “Xe đến bây giờ đây”.

Chúng tôi chờ đợi. Trong phòng lặng lẽ. Anh bác sĩ quỳ xuống bên Hasse. Anh ta đã cởi tung quần áo của kẻ xấu số và dùng một chiếc khăn tay xát đi xát lại ngực ông, cố làm những động tác cấp cứu hồi sức. Người ta chỉ nghe tiếng không khí khọt khẹt vào ra hai lá phổi đã chết.

“Người thứ mười hai tự sát trong tuần”, vị nhân viên trẻ nói.

“Cũng cùng nguyên nhân này chẳng?”, tôi hỏi.

“Không. Hầu hết vì thất nghiệp. Hai gia đình tự sát liền, trong đó một gia đình có ba đứa trẻ. Tất nhiên bằng khí đốt. Tự tử cả gia đình hầu như toàn dùng khí đốt”.

Những người tải thương mang cáng đến. Frida theo bèn gót họ, lên vào. Ả nhìn chăm chặp vào cái thân hình khốn khổ của Hasse, cứ như thèm lấm. Mặt ả nổi những mảng đỏ, mồ hôi nhễ nhại. “Cô muốn gì ở đây?”, vị nhân viên đứng tuổi hỏi độp.



Ả lúi lùi. “Tôi cũng phải khai với chứ”, ả ấp úng.

“Đi ra!”, ông ta ra lệnh.

Những người tải thương phủ lên Hasse một tấm vải, khiêng ông đi. Rồi hai vị nhân viên nhà nước cũng ra về. Họ mang theo các thứ giấy má. “Ông ấy có dành riêng một khoản tiền cho việc mai táng”, vị trẻ hơn nói. “Chúng tôi sẽ chuyển đến cơ quan có trách nhiệm. Nếu bà vợ về, nhờ các vị nói hộ bà ấy đến gặp cảnh sát hình sự khu vực. Người chết đã di chúc lại cho vợ toàn bộ số tiền của mình. Còn những đồ đạc khác, tạm thời để lại đây được chứ?”

Bà Zalewski gật đầu. “Đằng nào buồng này cũng cho thuê làm sao được nữa”.

“Tốt lắm”.

Anh ta chào tạm biệt rồi đi. Chúng tôi cũng đi ra. Orlov khóa cửa buồng, trao chìa khóa cho bà Zalewski. “Tốt nhất ta hạn chế xì xào chuyện này, ít bao nhiêu hay bấy nhiêu”.

“Tôi cũng nghĩ vậy”, bà Zalewski đồng tình.

“Nhất là cô ấy, Frida ạ”, tôi thêm.

Frida choàng tỉnh khỏi cơn mơ màng. Mắt ả sáng lên. Ả không đáp.

“Cô mà hé một câu cho cô Hollmann”, tôi nói, “thì cứ giữ hồn!”

“Đây tự hiểu”, ả cắn câu. “Quý cô tội nghiệp ôm yêu quá nghe không lợi”.

Mắt ả lóe tia đắc thắng. Tôi phải gắng kiềm chế để không cho ả vài cái bạt tai.

“Ông Hasse đáng thương!”, bà Zalewski than.

Hành lang tối om. “Ông xử sự khá là thô lỗ với ông bá tước Orlov đấy”, tôi bảo lão cố vấn kiểm kê. “Ông không định có vài lời xin lỗi ông ta sao?”

Lão già trợn mắt nhìn tôi. Đoạn lão hét văng lên: “Một người Đức không biết xin lỗi! Lại càng không đời nào xin lỗi một thằng mọi Á!”, rồi lão rập cánh cửa sau lưng đánh rầm.

“Cái con sâu tem này làm sao vậy?”, tôi ngạc nhiên hỏi. “Lão vốn lúc nào cũng lành như cừ non kia mà”.

“Từ vài tháng nay, không cuộc họp tuyên cử nào mà lão không lui tới”, Georgie đứng trong bóng tối đáp ra.

“À ra thế!”

Orlov và Erna Bonig đã bỏ đi. Bà Zatepski đột nhiên thút thít khóc. “Xin bà chớ đau buồn quá như thế”, tôi nói. “Đằng nào thì sự cùng đã rồi”.

“Khủng khiếp quá”, bà thỏn thức. “Tôi đến phải dọn đi mất, tôi không sao quên nổi”.

“Bà sẽ quên thôi”, tôi nói. “Tôi từng chứng kiến hàng trăm xác chết như vậy. Đó là những người Anh bị sát hại bằng hơi ngạt. Rồi tôi cũng quên”.

Tôi bắt tay Georgie, trở về buồng mình. Buồng tối bùng. Bất giác tôi nhìn về phía cửa sổ trước khi bật đèn. Đoạn tôi lắng tai nghe ngóng phòng Pat. Nàng ngủ. Tôi lại tú lấy chai cognac rót ra một ly. Thứ cognac này ngon, may mà có nó lúc này. Tôi đặt chai lên bàn. Mới đây, Hasse còn uống ly rượu rót ra từ chính chai này. Tôi lại nghĩ giá đừng để ông một mình có phải hơn không. Tôi cảm thấy áy náy, nhưng không sao quở trách mình được. Tôi đã nhúng tay vào lắm việc tới mức tôi biết rằng: hoặc thấy những việc ta làm đều đáng trách, hoặc không nên tự trách một việc nào cả. Không may cho Hasse, sự việc lại xảy ra đúng vào Chủ nhật. Giá vào ngày thường, có phải ông vẫn đến sở làm, và biết đâu đã vượt qua được.

Tôi uống thêm một ly cognac. Nghĩ ngợi nhiều chẳng ích gì. Ai biết được đủ mọi chuyện sắp xảy ra với chính mình. Không người nào lường được biết đâu sẽ có lúc anh ta lại cho cái kẻ mà giờ đây anh ta thương hại vẫn còn hạnh phúc chán.

Tôi nghe tiếng Pat trở mình, bèn sang buồng nàng. Nàng đưa mắt đón tôi.

“Em tệ quá đi mất, Robby ạ”, nàng nói. “Chưa chi em đã lại ngủ say như chết”.

“Tốt chứ sao”, tôi đáp.

“Không”. Nàng nằm sấp, khuỷu tay chống xuống giường. “Em không muốn ngủ nhiều đến thế”.

“Sao lại không? Đôi khi anh muốn đánh một giấc dài năm chục năm”.

“Nhưng anh lại không muốn già đi năm chục tuổi!”

“Anh chẳng biết nữa. Bao giờ cũng phải chờ đến sau này mới nói chắc được”.

“Anh có vẻ buồn?”, nàng hỏi.

“Đâu nào”, tôi nói. “Ngược lại. Anh vừa quyết định là bọn mình sẽ diện

bộ vào và đi làm một bữa chén ra trò. Toàn những món em mê nhé. Ngoài ra, chúng mình sẽ say sưa chút đỉnh”.

“Hay lắm”, nàng đáp. “Cái này vẫn liên quan đến cuộc phá sản gớm ghê của chúng mình đấy chứ?”

“Ừ”, tôi nói, “vẫn là phần tiếp diễn câu chuyện ấy”.

# CHƯƠNG 21

Giữa tháng Mười Jaffé cho mời tôi đến. Đã mười giờ sáng, nhưng tiết trời âm u đến nỗi trong bệnh viện vẫn để đèn. Ánh sáng điện hòa với sương mù mờ tối bên ngoài, tạo thành một thứ ánh sáng vàng vọt, bệnh hoạn.

Jaffé ngồi một mình trong phòng khám rộng thênh thang của ông. Khi tôi bước vào, ông ngẩng cái đầu hói bóng lên. Ông càu nhàu trở ra các tấm kính cửa sổ lớn đang bị mưa quất. “Anh nghĩ thế nào về cái thời tiết chết tiệt này?”

Tôi nhún vai. “Hy vọng nó sắp chấm dứt”.

“Nó sẽ không chấm dứt”.

Ông nhìn tôi im lặng. Đoạn ông nhặt một cái bút chì trên bàn, ngắm nghía, gõ gõ xuống mặt bàn, rồi lại đặt xuống bên cạnh.

“Tôi có thể đoán ra lý do ông cho gọi tôi”, tôi nói.

Jaffé làm bầm gì đó. Tôi chờ một lát. Đoạn tôi hỏi: “Chắc Pat sắp phải đi?”

“Đúng...”

Jaffé bực tức nhìn đăm đăm về phía trước. “Tôi đã dự tính vào cuối tháng Mười. Nhưng với cái thời tiết chó má này...” Ông lại với tay tính nhặt chiếc bút chì anh ánh bạc.

Gió tạt những giọt mưa quất lạnh canh vào kính cửa sổ. Nghe như tiếng súng liên thanh từ xa vọng về. “Theo ý ông, bao giờ cô ấy phải đi?”, tôi hỏi.

Ông chột ngược nhìn tôi đầy cảm thông. “Mai”, ông nói.

Trong một giây, mặt đất như sụt dưới chân tôi. Không khí tưởng chừng cô lại, trắng xóa như bông, đóng keo trong lồng ngực tôi. Rồi cơn sốc qua đi, tôi gắng lấy hết bình tĩnh để hỏi, nhưng giọng tôi vẫn như của một người khác vọng từ xa lại: “Bệnh tình cô ấy tự dưng nặng lên nhanh đến thế sao?”

Jaffé lắc đầu quây quây và đứng lên. “Nếu bệnh tăng nhanh như anh nghĩ, thì cô ấy đi làm sao được”, ông lạnh lùng giải thích. “Đi chỉ có lợi cho cô ấy. Thời tiết này, ở thêm ngày nào nguy hiểm ngày ấy. Nhỡ cảm lạnh hoặc làm sao...”

Ông cầm mấy bức thư trên mặt bàn. “Tôi đã chuẩn bị chu đáo mọi thứ.

Anh chỉ còn có việc đưa cô ấy đi. Bác sĩ trưởng của khu điều dưỡng là bạn học với tôi từ nhỏ. Ông hết sức miễn cưỡng. Tôi đã thông báo tỉ mỉ với ông”.

Ông trao xấp thư cho tôi. Tôi cầm, nhưng không cất chúng vào túi. Ông nhìn tôi, đoạn dừng bước trước mặt tôi, đặt tay lên cánh tay tôi. Bàn tay ông nhẹ như một cánh chim, khiến tôi hầu như không cảm thấy. “Khó đấy”, ông khẽ nói bằng giọng khác hẳn, “tôi biết. Chính vì vậy tôi đã cố nấn ná, thêm ngày nào hay ngày ấy”.

“Khó gì đâu...”, tôi đáp.

Ông giơ tay cản: “Thôi anh đừng...”

“Không”, tôi nói, “tôi cũng không có ý định biện bạch. Tôi chỉ muốn biết: cô ấy có trở lại hay không?”

Jaffé nín lặng một lát. Cặp mắt nhỏ sẫm màu của ông ánh lên trong ánh điện vàng đục. “Sao anh lại hỏi điều đó từ bây giờ?”

“Bởi nếu không, thà cô ấy đừng đi”, tôi nói.

Ông vội ngược mắt nhìn. “Anh nói cái gì?”

“Nếu không, chi bằng cô ấy cứ ở lại”.

Ông nhìn tôi chằm chằm. “Và anh cũng biết điều đó có nghĩa gì cho sự an toàn của cô ấy chứ?”, lát sau ông hỏi, giọng khẽ và gay gắt.

“Biết”, tôi đáp. “Có nghĩa cô ấy sẽ không phải chết cô độc. Và thế nào là chết cô độc, tôi cũng biết”.

Jaffé so vai như thể bị ớn lạnh. Đoạn ông chậm rãi đi lại cửa sổ và nhìn ra trời mưa. Khi quay lại, mặt ông như biến thành mặt nạ. Ông đứng sát trước mặt tôi. “Anh bao nhiêu tuổi rồi?”, ông hỏi.

“Ba mươi”, tôi đáp. Tôi không hiểu ông muốn gì.

“Ba mươi”, ông nhắc lại với một âm sắc kỳ lạ như thể ông tự nói với mình và không hề hiểu tôi nói gì. “Ba mươi, lạ Chúa!”. Ông đi lại bàn giấy của mình và dừng ở đó, bé nhỏ, như mất hồn, bên cạnh chiếc bàn gỗ đồ sộ bóng lộn. “Tôi đã gần sáu chục tuổi đầu”, ông nói, không nhìn tôi, “nhưng tôi không thể như anh. Tôi sẽ luôn luôn gắng thử mọi cách, lúc nào cũng gắng thử, dẫu tôi biết rõ việc ấy là vô ích chẳng nữa”.

Tôi im lặng. Jaffé đứng đó, như quên hết mọi vật xung quanh. Đoạn ông khoát tay, nét mặt thay đổi. Ông mỉm cười. “Tôi tin chắc lên trên đó cô ấy sẽ qua mùa đông mạnh khỏe”.

“Chỉ mùa đông thôi à?”, tôi hỏi.

“Tôi hy vọng sang xuân cô ấy có thể trở lại”.

“Hy vọng”, tôi nói, “hy vọng là cái gì chứ?”

“Là tất cả”, Jaffé đáp. “Bao giờ cũng là tất cả. Lúc này tôi không thể nói gì hơn với anh. Còn có nhiều khả năng xảy ra. Còn phải xem xem ở đó thế nào. Nhưng tôi tin chắc cô ấy có thể trở lại vào mùa xuân”.

“Chắc chắn ư?”

“Phải” Ông đi quanh bàn giấy và đưa chân đập mạnh một ngăn kéo để mở, đến nỗi những cái ly rung lan canh. “Mẹ kiếp, quý ạ, chính tôi cũng đau lòng vì cô ấy phải đi!”, ông lầm bầm.

Một bà y tá vào, Jaffé hất tay bảo đi ra. Nhưng bà ta vẫn đứng ì ra đấy, to béo phịch phịch, dưới mái tóc hoa râm là bộ mặt lì lợm của loài chó bull.

“Đẻ sau!” Jaffé gắt. “Lát nữa bà hãy trở lại!”

Bà y tá hàm hàm quay lưng. Khi đi ra, bà ta tắt phéng công tắc điện. Ánh sáng ngày màu xám ngà bỗng tràn ngập căn phòng rộng. Gương mặt Jaffé chợt trở nên vàng bủng. “Đồ phù thủy già!”, ông nói. “Từ hai chục năm nay tôi vẫn muốn tống cổ mẹ đi. Chỉ được mỗi điểm hết sức tận tụy”. Đoạn ông quay sang tôi. “Thế nào?”

“Tối nay chúng tôi khởi hành”, tôi nói.

“Hôm nay ư?”

“Phải. Nếu đã bắt buộc như vậy, thì đi hôm nay vẫn tốt hơn để ngày mai. Tôi sẽ đưa cô ấy đi. Tôi có thể vắng mặt ở đây vài ngày”.

Ông gật đầu, chìa tay cho tôi.

Tôi đi. Từ đó ra tới cửa sao mà xa.

Ra tới ngoài, tôi dừng lại. Tôi nhận thấy mình vẫn cầm xấp thư ở tay. Mưa rơi lộp bộp vào các phong bì. Tôi lau khô chúng, rồi nhét vào túi ngực. Đoạn tôi nhìn ra xung quanh. Một chiếc xe buýt dừng ngay trước tòa nhà. Xe chật cứng, một dòng người chen chúc đổ ra. Mấy cô gái mặc áo mưa đen loang ướt toét miệng cười với tay soát vé. Anh chàng rất trẻ, hàm răng cười trắng lóa trên gương mặt râm nâu. Không có lẽ, tôi tự nhủ, không có lẽ thấy những thứ này là có thực! Lẽ nào giữa bấy nhiêu sự sống, mà Pat lại phải ra đi!

Chiếc xe buýt bóp còi inh ỏi, chuyển bánh, làm nước bắn tung tóe lên via

hè. Tôi tiếp tục rảo bước để báo tin cho Koster và mua vé xe lửa.

Trưa tôi về nhà. Tôi đã lo xong mọi việc, kể cả việc đánh điện cho viện điều dưỡng. “Pat này”, vừa tới cửa, tôi nói, “Từ giờ đến tối, em sửa soạn xong tất cả hành lý chứ?”

“Em phải đi à?”

“Ừ” tôi nói. “Ừ, Pat ạ”.

“Một mình sao?”

“Không. Chúng mình cùng đi. Anh đưa em đến tận nơi mà”.

Mặt nàng hồng trở lại. “Bao giờ em phải xong?”

“Tàu khởi hành mười giờ tối nay”.

“Thế bây giờ anh lại đi đâu à?”

“Không. Anh ở nhà cho tới lúc chúng mình đi”.

Nàng thở phào. “Thế thì đơn giản lắm, Robby ạ”, nàng nói. “Chúng mình bắt tay vào sửa soạn ngay chứ?”

“Còn khối thời gian mà”.

“Em muốn làm ngay. Cho xong đi”.

“Cũng được”.

Tôi nhét vội mấy thứ định mang theo vào túi xách, nửa giờ sau đã đầu vào đây. Rồi tôi sang phòng bà Zalewski báo để bà biết tối nay chúng tôi đi. Tôi thỏa thuận với bà là căn phòng sẽ bỏ trống từ nay đến mồng một tháng Mười một, nếu như tới lúc đó bà vẫn chưa tìm được khách trọ mới. Bà toan mở đầu một cuộc trò chuyện dài lê thê, nhưng tôi đã vội cáo lui.

Pat quỳ trước cái rương của nàng, xung quanh treo đầy váy áo, trên giường ngổn ngang đồ lót, nàng đang gói ghém đôi giày của mình. Tôi nhớ lại ngày dọn đến phòng này, nàng cũng quỳ như thế để dỡ đồ ra, và tôi cảm giác như ngày ấy đã lùi xa lắm, đồng thời lại vừa là hôm qua đây thôi. Nàng ngược mắt lên. “Em mang theo chiếc áo dài ngân tuyến nữa chứ?”, tôi hỏi.

Nàng gật. “Còn thấy những đồ đạc khác ta tính sao đây, anh Robby? Nhất là đồ gỗ?”

“Anh đã nói chuyện với bà Zalewski. Anh sẽ chuyển bớt đồ sang buồng anh, được chừng nào hay chừng ấy. Số còn lại, ta gửi một hãng vận chuyển đồ gỗ bảo quản. Khi nào em trở về, sẽ lấy lại”.

“Khi em trở về”, nàng nói.

“Phải”, tôi đáp, “đến mùa xuân, khi em trở về với nước da rám nắng”.

Tôi giúp nàng sắp đồ; buổi chiều, lúc trời xầm xẩm tối cũng là lúc chúng tôi xong. Thật kỳ quặc: mọi đồ đạc vẫn ở nguyên chỗ cũ, chỉ trong tủ và các ngăn kéo là trống, thế mà căn phòng bỗng nhiên tro bụi, u buồn hẳn. Pat ngồi xuống giường, vẻ mệt mỏi. “Anh bật đèn nhé?”, tôi hỏi.

Nàng lắc đầu. “Để lát nữa”.

Tôi ngồi xuống cạnh nàng. “Em hút điếu thuốc?”

“Thôi, Robby ạ. Em chỉ muốn được ngồi thế này một chút”.

Tôi đứng dậy, ra đứng bên cửa sổ. Bên ngoài, những ngọn đèn đường sáng lấp lóa bồn chồn trong mưa. Gió lồng lộn giữa các tàn cây. Ả Rosa đang thong thả đi ngang dưới kia. Đôi bốt cao cổ bóng lộn, một cái gói kẹp nách, ả đi về phía tiệm Quốc Tế. Có lẽ ả tha len theo để đan đồ ấm cho con nhóc của ả. Theo sau ả là Fritzzi và Marion, cả hai đều diện áo mưa mới trắng lớp bó sát người; và lát sau thấy Mimi, xơ xác, phờ phạc, lê bước theo họ.

Tôi quay lại. Lúc này trời tối mịt khiến tôi chẳng nhìn thấy Pat. Chỉ nghe tiếng nàng thở. Phía sau đám cây cối nghĩa trang, những bóng mờ của các biển đèn quảng cáo bắt đầu chậm rãi trườn lên cao. Hàng chữ đỏ rực quảng cáo thuốc lá kéo một vệt dài như dải băng huân chương trên các mái nhà, những vòng tròn xanh lam, xanh ngọc thạch của các hãng rượu vang bắt đầu nhấp nháy, và những hình vẽ rực rỡ quảng cáo đồ lót phụ nữ sáng bừng lên. Qua cửa sổ, đám đèn màu hắt vào tường và trần nhà một tia sáng mờ, nhạt nhòa. Tia sáng đó di động, và bỗng chốc căn phòng như một chiếc thùng thợ lặn nhỏ bị bỏ lại dưới đáy biển: xung quanh nó, cơn mưa rì rào vỗ sóng, và từ mênh mông xa lắc đang rơi tới nó cái ánh phản quang yếu ớt của thế gian rực rỡ muôn màu.

Tám giờ tối. Ngoài đường vang lên tiếng còi của một chiếc Klaxon. “Gottfried đưa tắcxi đến”, tôi nói, “cậu ta đón chúng mình đi ăn”.

Tôi đứng dậy ra cửa sổ ới xuống là chúng tôi xuống ngay. Đoạn tôi bật ngọn đèn con trên bàn, đi về buồng mình. Căn buồng xa lạ đến gớm guốc. Tôi lấy ra chai rum, top vội một ly. Rồi tôi ngồi phịch xuống ghế bành, nhìn trân trân vào lớp giấy bồi tường. Được một lát, tôi lại đứng dậy đến bồn rửa mặt để chải tóc. Nhưng tôi quên biến ý định chải đầu vì bất chợt thấy mặt mình trong gương. Tôi tò mò, lạnh lùng ngắm nó. Tôi vén môi, xòe răng cười với nó. Căng thẳng, nhột nhạt, nó nhăn nhó đáp lại. “Mày”, tôi thầm



rửa. Đoạn quay sang phòng Pat.

“Ta đi chứ, bạn can trường của anh?”, tôi hỏi.

“Vâng”, nàng đáp, “nhưng em muốn sang buồng anh một cái”.

“Để làm gì?”, tôi hỏi. “Cái buồng khô...”

“Anh cứ ở đây”, nàng nói. “Em trở lại ngay”.

Tôi chờ hồi lâu, rồi theo sang. Đang đứng giữa buồng, nàng giật mình khi nhìn thấy tôi. Tôi chưa từng thấy nàng như vậy. Nàng chết lặng đi. Trạng thái ấy chỉ kéo dài một giây, rồi nàng lại mỉm cười.

“Nào”, nàng nói. “Giờ ta đi thôi anh”.

Bà Zalewski chờ chúng tôi ở cạnh bếp. Những búp tóc hoa râm nhỏ xíu của bà rung rung, bà diện áo dài lụa đen, trên ngực cài cái trâm có hình ông Zalewski đã quá cố.

“Coi chừng!”, tôi thì thầm vào tai Pat, “bà ấy sẽ ôm chầm lấy em”.

Thoắt cái, Pat đã bị lút giữa bộ ngực đồ sộ. Bộ mặt to phè mếu máo trên đầu nàng, cảnh này chỉ kéo dài thêm vài giây nữa, Pat sẽ có cơ bị nhấn chìm một cách không sao lường trước được; mẹ Zalewski mà đã khóc thì nước mắt cứ là phun ra như vòi rồng.

“Xin lỗi bà”, tôi nói, “chúng tôi phải đi ngay. Sát giờ rồi!”

“Sát giờ à?”, bà Zalewski dò xét tôi với cái nhìn đầy khinh bỉ. “Còn hai tiếng nữa tàu mới chạy! Từ giờ đến lúc ấy, dễ thường anh định đổ rượu cho cô bé tội nghiệp này bằng say thì thôi, hở?”

Pat bật cười. “Không đâu, bà Zalewski. Chúng tôi còn phải chia tay với những người khác mà”.

Mẹ Zalewski lắc đầu ngờ vực. “Trong mắt cô, gã trai trẻ này là một cái xoong vàng, cô Hollmann ạ. Kỳ thực, giỏi lắm, hẳn ta chỉ là một chai rượu đế”.

“Hình ảnh mới đẹp chứ”, tôi nói.

“Con của ta...”, bà Zalewski lại nổi cơn xúc động. “Chóng trở lại con nhé! Căn phòng ấy bao giờ cũng dành cho con! Dầu Hoàng đế có đang ngự trong ấy đi nữa, ngài vẫn phải cuốn gói khi con trở về!”

“Cám ơn bà lắm, thưa bà Zalewski”. Pat nói. “Xin đa tạ bà về tất cả. Kể cả việc bà đã bói bài cho tôi. Tôi sẽ ghi nhớ không sót điều gì”.

“Được rồi. Gắng nghỉ ngơi cho tốt và chóng bình phục hoàn toàn, nghe

cô Hollmann”.

“Vâng ạ”, Pat đáp, “tôi sẽ cố gắng. Xin tạm biệt bà, bà Zalewski. Chào cô nhé, Frida”.

Chúng tôi đi. Cửa hành lang sập lại sau lưng chúng tôi. Cầu thang tối lù mù, mấy cái bóng điện đã cháy sạch. Pat im lặng uể oải nhón bước xuống thang. Tôi có cảm tưởng như vừa hết một kỳ phép và giờ đây, trong buổi ban mai u ám, chúng tôi ra ga trở lại trận tuyến.

Lenz mở cửa taxi. “Cẩn thận nhé!”, cậu ta nói.

Trong xe đầy hoa hồng. Hai ôm tương hồng bạch và hồng thắm chất ở ghế sau. Tôi biết ngay chúng từ đâu mà ra... từ vườn nhà thờ. “Những bông cuối cùng”. Lenz tuyên bố về đặc ý. “Tôn công ra phết đấy. Phải tranh luận rõ lâu với một lão cha cố”.

“Cái ông có cặp mắt xanh trong như con nít chứ gì?”

“Ái chà chà, thì ra là cậu, người anh em!”, Gottfried đáp. “Ông ta đã than phiền về cậu. Ông ta cực kỳ vỡ mộng khi vỡ lẽ động cơ gì đẩy cậu đến cầu nguyện trong vườn Nhà chung. Ông ta cứ khấp khởi tưởng đâu lòng ngoan đạo trong giới đàn ông lại bắt đầu được nhen nhúm”.

“Thế ông ta để cậu cứ thế mang hoa đi à?”, tôi hỏi.

“Ông ta để mình thuyết phục ông ta. Cuối cùng, thậm chí Đức Cha còn giúp mình bẻ hoa”.

Pat cười. “Thật thế ư?”

Gottfried tùm tùm. “Chứ sao nữa. Vô cùng ngoạn mục là cái cảnh một vị tu sĩ nhảy lên ngắt những cành hoa cao nhất trong bóng tối nhập nhoạng. Tinh thần thể dục lên cao đến thế là cùng. Ông ta kể thời học trò ông ta từng đá bóng nghệ lắm. Là trung phong cánh phải hay sao ấy”.

“Cậu đã lôi kéo một tu sĩ vào con đường trộm cắp”, tôi nói. “Tội ấy đáng đem đày địa ngục vài trăm năm. Nhưng Otto đâu?”

“Đang ở quán Alphonse rồi. Bọn ta lại quán Alphonse chén chứ?”

“Vâng, tất nhiên”, Pat nói.

“Thế thì đi!”

Alphonse thết cả bọn món thịt thỏ nhồi mỡ lợn rán, với bắp cải đỏ và táo hầm. Sau đó, để kết thúc, bác mở đĩa hát đồng ca của những người Cossack sông Đông. Đó là một bài hát êm dịu vô cùng, dàn đồng ca chỉ khế ngân nga

như tiếng đàn oóc từ xa vọng lại, trong khi một giọng đơn trong trẻo vút lên. Tôi có cảm giác như cánh cửa vừa mở ra không tiếng động, và một người đàn ông mệt mỏi, già nua bước vào, lặng lẽ ngồi xuống cạnh bạn, lắng nghe bài hát thời trai trẻ của mình.

“Các con”, Alphonse nói khi dàn đồng ca cứ nhỏ dần, nhỏ dần, rồi cuộc lịm đi như một tiếng thở dài, “các con có biết hề nghe bài này, ta không khỏi nhớ đến cái gì không? Đến Ypres năm 1917, Gottfried, cậu nhớ chứ, hồi ấy đang tháng Ba, cái buổi tối cùng Bertelsmann...”

“Phải”, Lenz nói, “tôi vẫn nhớ, bác Alphonse ạ. Cái buổi tối bên đám cây anh đào...”

Alphonse gật đầu.

Koster đứng lên. “Tôi chắc đến giờ rồi”. Cậu ta xem đồng hồ.

“Ừ nhỉ, ta phải đi thôi”.

“Làm ly cognac nữa”, Alphonse nói. “Cognac Napoleon chính cống! Tôi đem ra đãi riêng các cậu mà”.

Chúng tôi uống cognac, rồi đứng lên.

“Tạm biệt bác Alphonse”, Pat nói. “Lần nào đến đây tôi cũng rất thích”. Nàng chìa tay cho bác.

Alphonse đỏ mặt. Hai bàn tay to bè của bác giữ chặt bàn tay nàng. “VẬY, nếu cần gì... xin cứ cho biết”. Bác nhìn nàng về bối rối hết sức. “Giờ cô đã là người của chúng tôi. Chưa khi nào tôi nghĩ có thể có một người đàn bà nhập bọn với chúng tôi”.

“Cám ơn bác”. Pat nói. “Cám ơn bác Alphonse. Không lời lẽ nào có thể khiến tôi sung sướng hơn thế. Xin tạm biệt và chúc bác mọi sự tốt lành!”

“Tạm biệt! Mong chóng gặp lại nhau!”

Koster và Lenz đưa chúng tôi ra ga. Xe ghé qua nhà một chốc để tôi chạy lên bắt con cún. Jupp đã chuyển hành lý ra tàu từ trước.

Chúng tôi đến vừa kịp giờ. Vừa leo lên thì tàu khởi hành. Lúc tàu xinh xịch chuyển bánh, Gottfried thọc tay vào túi, nhaoi theo đưa cho tôi một cái chai bọc kín. “Cầm lấy, Robby. Dọc đường, lúc nào cậu cũng có thể dùng đến nó”.

“Cám ơn”, tôi nói, “các cậu giữ mà uống tối nay. Mình có đem theo đây rồi”.

“Cầm lấy”, Lenz đáp, “biết thế nào là đủ!” Cậu ta chạy theo tàu, ném cái chai lên cho tôi. “Tạm biệt, Pat!”, cậu ta kêu lên. “Nếu chúng tôi sập tiệm ở đây, cả bọn sẽ kéo nhau lên đó với cô. Otto sẽ là vận động viên trượt tuyết, tôi là vũ sư và Robby là nhà biểu diễn dương cầm. Chúng mình sẽ lập thành một hội kéo quân từ khách sạn này sang khách sạn kia!”

Tàu bắt đầu chạy nhanh hơn, Gottfried dừng lại. Pat nhoai người ra cửa sổ vẫy vẫy cho đến khi nhà ga khuất hẳn sau khúc quanh. Đoạn nàng quay lại. Mặt nàng tái mét, mắt long lanh lệ. Tôi ôm lấy nàng. “Đi em”, tôi nói, “giờ ta uống chút gì nào. Em đã xử sự rất cừ”.

“Nhưng em lại cảm thấy yếu đuối”, nàng đáp và gượng mỉm cười.

“Anh cũng vậy”, tôi nói. “Bởi thế ta phải uống”.

Tôi mở nút chai và đưa nàng một cốc cognac. “Ngon chứ em?”, tôi hỏi.

Nàng gật đầu, ngả vào vai tôi. “Ôi, anh yêu, mọi sự rồi sẽ ra sao đây?”

“Đừng khóc, em”, tôi nói. “Anh rất tự hào vì cả ngày hôm nay em đã không khóc”.

“Em có khóc đâu”, nàng đáp và lắc đầu, nước mắt ràn rụa trên gương mặt thanh tú của nàng.

“Nào, uống thêm chút nữa đi em”, tôi ôm ghì lấy nàng. “Lúc đầu bao giờ chả thế, rồi sẽ qua”.

Nàng gật đầu. “Đúng thế, Robby ạ. Anh cũng đừng bận tâm làm gì. Sẽ qua ngay ấy mà. Tốt hơn là anh đừng nhìn em. Hãy để em ngồi đây một mình vài phút thôi, em sẽ bình tâm trở lại”.

“Việc gì phải thế? Em đã can đảm suốt từ sáng tới giờ, lúc này em có quyền khóc bằng thỏa thì thôi”.

“Em chẳng can đảm chút nào. Anh không nhận thấy thì có”.

“Có thể”, tôi nói, “nhưng đó chính là vì em can đảm”.

Nàng gượng mỉm cười. “Sao lại thế, anh Robby?”

“Vì em không đầu hàng”. Tôi vuốt tóc nàng. “Chừng nào không đầu hàng, con người ta còn mạnh hơn định mệnh”.

“Em làm thế không phải vì can đảm, anh yêu ạ”, nàng lầm bầm, “mà đơn giản chỉ vì sợ. Nỗi sợ hãi thảm hại trước nỗi sợ hãi lớn lao cuối cùng”.

“Tất cả vẫn là can đảm, Pat ạ”.

Nàng ngả người vào tôi. “Ôi, Robby, anh không biết thế nào là sợ cả”.

“Biết chứ”, tôi nói.

Cửa mở. Người soát vé hỏi xem vé. Tôi đưa cho ông ta. “Vé toa nằm là của cô đây phải không”, ông ta hỏi.

Tôi gật.

“Vậy cô phải sang toa nằm”, ông ta bảo Pat. “Vé này không có giá trị cho các toa khác”.

“Vâng”.

“Còn con chó phải đưa sang toa hàng”, ông ta giải thích. “Khoang dành cho chó nằm trong toa hàng”.

“Được”, tôi nói. “Vậy toa nằm ở đâu?”

“Toa thứ ba bên phải. Toa hàng tít phía trên”.

Ông ta đi. Một chiếc đèn bấm nhỏ lủng lẳng trước ngực. Nhìn mà ngỡ như ông ta đang đi xuyên các con đường hầm dưới mỏ.

“Vậy ta chuyển chỗ thôi, Fat”, tôi nói. “Anh sẽ đưa lậu con Billy vào khoang của em. Nó chẳng tội gì phải ở toa hàng”.

Tôi không lấy vé toa nằm cho mình. Đối với tôi, ngủ vật vờ một đêm trong góc khoang ngồi là chuyện bình thường. Lại đỡ tốn tiền.

Jupp đã đưa hành lý của Pat vào toa nằm. Khoang của nàng là một căn buồng nhỏ xinh xắn ốp gỗ dái ngựa. Pat nằm giường dưới. Tôi hỏi người soát vé giường trên có người không.

“Có”, ông ta đáp, “kê từ ga Frankfurt”.

“Mấy giờ tàu đến Frankfurt?”

“Hai rưỡi sáng”.

Tôi cho ông ta tiền puôcboa, rồi ông ta quay về chỗ của mình ở góc toa.

“Nửa giờ nữa anh sẽ trở lại cùng con cún”, tôi bảo Pat.

“Nhưng không được đâu, ông soát vé ở lại trong toa đây”.

“Được mà. Chỉ cần em đừng khóa cửa”.

Quay về toa mình, tôi đi qua ông soát vé, ông ta nhìn tôi. Tới ga sau, tôi ôm con cún xuống tàu, theo ke đi dọc toa nằm, đến toa tiếp theo. Tôi đứng đó chờ ông soát vé nhảy xuống chuyện trò hàn huyên với tay sắp ga. Bây giờ tôi mới lại leo lên, xuyên hành lang, đến tận toa nằm của Pat mà chẳng bị ai trông thấy. Pat cực kỳ xinh đẹp trong chiếc áo choàng mềm màu trắng. Mắt

nàng long lanh sáng. “Bây giờ em đã hoàn toàn thư thái, anh Robby ạ”, nàng nói.

“Hay lắm. Nhưng em không muốn ngả lưng sao? ở đây chật hẹp quá. Anh sẽ ngồi xuống cạnh em”.

“Vâng, nhưng...”, nàng ngần ngại trở lên giường trên. “Nhỡ Bà Nhất đột ngột xuất hiện ở ngưỡng cửa...”

“Còn lâu mới đến Frankfurt”, tôi nói. “Anh sẽ dè chừng. Anh không ngủ thiếp đi đâu mà sợ”.

Sắp tới Frankfurt, tôi trở lại khoang của mình. Tôi ngồi lui vào góc ghế cạnh cửa sổ định cố làm một giấc. Nhưng tại ga Frankfurt, một gã có bộ ria chó biễn lên khoang tôi, gã lập tức giở va-li ra và bắt đầu chén. Gã nhai nhồm nhoàm đến mức tôi không sao ngủ được. Bữa ăn kéo dài gần một giờ. Rồi con chó biễn ấy quệt ria, nằm dài ra và bắt đầu một tiết mục hòa nhạc mà tôi chưa từng được nghe. Đó đâu phải tiếng ngáy bình thường, mà là tiếng thở dài nức nở bị ngắt quãng bởi những tiếng rên giật cục và những tiếng rên rĩ. Nó giàu tiết tấu và giai điệu đến độ tôi không sao nắm bắt được quy luật. May phúc mà gã xuống tàu lúc năm rưỡi.

Khi tôi thức giấc, bên ngoài mọi vật trắng xóa. Tuyết rơi những bông to tướng, và khoang tàu chìm trong cảnh tranh tối tranh sáng hư ảo hiếm thấy. Chúng tôi đã xuyên qua núi. Sắp chín giờ. Tôi vươn vai, đi rửa mặt, cạo râu. Khi trở lại tôi thấy Pat đứng trong khoang. Trông nàng tươi tắn.

“Em ngủ ngon chứ?”, tôi hỏi. Nàng gật.

“Thế mục già theo chủ nghĩa duy linh ở khoang em ra sao?”

“Trẻ và đẹp. Cô ấy tên là Helga Guttman, cũng đến cùng viện điều dưỡng của em”.

“Thật à?”

“Thật, Robby ạ. Nhưng anh thiếu ngủ, nhìn cũng biết. Anh phải ăn sáng cho tử tế vào”.

“Cà phê”, tôi nói. “Uống cà phê và chút rượu anh đào”.

Chúng tôi sang toa ăn. Tự nhiên tôi cảm thấy phấn chấn. Mọi sự không đến nỗi tồi tệ như tôi hôm qua nữa.

Helga Guttman đã ngồi ở đây. Cô là một thiếu nữ mảnh dẻ, sôi nổi, mẫu người phương Nam. “Kỳ lạ thật”, tôi nói, “ngẫu nhiên mà các cô lại cùng đến một viện điều dưỡng”.

“Có gì là kỳ lạ đâu”, cô đáp.

Tôi nhìn cô. Cô cười. “Vào thời gian này các đàn chim lại lũ lượt trở về. Kia kia...”, cô trở vào góc toa ăn, “cả hội ngồi ở bàn kia cũng đến đó”.

“Sao cô biết?”, tôi hỏi.

“Tôi quen tất cả bọn họ hồi năm ngoái. Trên ấy ai mà chả biết nhau”.

Người bồi bàn bung cà phê lại. “Cho tôi xin thêm một ly lớn rượu anh đào”, tôi nói. Tôi muốn uống một chút. Mọi sự bỗng chốc trở nên giản dị. Những con người ngồi đó đang trên đường đến viện điều dưỡng, thậm chí đến lần thứ hai, và xem ra họ coi đây chẳng khác gì một cuộc dạo chơi. Thật ngu ngốc lại đi sợ hãi đến thế. Pat sẽ trở lại, như tất cả những con người này từng trở lại. Tôi không nghĩ đến chuyện thấy bọn họ giờ đây cũng lại phải đi tới đó - chỉ cần biết nàng sẽ trở lại và có cả một năm trước mặt. Trong một năm, biết bao điều có thể xảy ra. Quá khứ đã dạy chúng tôi chỉ nghĩ đến trước mắt.

Chiều muộn, chúng tôi đến nơi. Không khí trở nên hết sức trong trẻo, mặt trời trải ánh vàng rực rỡ lên những cánh đồng tuyết phủ, hàng tuần nay chúng tôi mới lại được thấy bầu trời xanh đến thế. Trên sân ga ló nhỏ người ra đón. Họ chào, vẫy rồi rít; những người mới đến ló ra cửa tàu vẫy lại. Helga Guttmann được một phụ nữ tóc vàng tươi cười và hai người đàn ông mặc quần chần gối màu sáng ra đón. Cô hết sức xúc động, rồi ra rồi rít như thể lâu lắm mới trở về nhà. “Tạm biệt, hẹn gặp lại, trên kia!”, cô kêu lên với chúng tôi, rồi cùng đám bạn ngồi lên cỗ xe trượt.

Đám người tản đi nhanh chóng, vài phút sau chỉ còn mình hai đứa tôi đứng trên ke. Một người phu khuân vác lại gần.

“Khách sạn nào đây?”, bác ta hỏi.

“Viện điều dưỡng Waldfrieden”, tôi đáp.

Bác ta gạt đầu, vẫy một tay xà ích. Hai người chắt các va-li lên một cỗ xe trượt màu lơ sáng trắng hai con ngựa bạch. Trên đầu hai con ngựa ngất ngưỡng nhưng túm lông sắc sỡ, hơi thở của chúng quyện quanh mồm như những đám mây màu ngọc trai.

Chúng tôi lên xe. “Ông bà muốn lên đó bằng đường cáp hay xe trượt đây?”, người xà ích hỏi.

“Đi xe trượt mất bao lâu?”

“Nửa giờ”.

“Thế thì bằng xe trượt”.

Người xà ích tắc lười, chúng tôi đi. Xe ra khỏi làng, rồi theo đường vòng leo dần lên. Viện điều dưỡng nằm trên một ngọn đồi phía trên làng. Đó là một tòa nhà trắng, chạy dài với những dãy cửa sổ kéo suốt mặt tiền. Trước mỗi cửa sổ là một ban công. Trên mái nhà, một lá cờ khế bay trong làn gió nhẹ. Tôi cứ hình dung nó được xây dựng na ná một bệnh viện; ấy thế mà, ít nhất là ở tầng trệt, nó giống một khách sạn hơn. Trong gian đại sảnh có đốt lò sưởi, xung quanh kê nhiều bàn trà nhỏ bày biện tinh tươm.

Chúng tôi trình diện trong văn phòng. Một người phục vụ khuôn hành lý của chúng tôi vào. Một bà đứng tuổi cho biết Pat sẽ ở phòng số 79. Tôi hỏi liệu bà có thể dành cho tôi cả một phòng trong vài ngày không. Bà lắc đầu. “Trong viện không được. Nhưng bên nhà phụ thì dĩ nhiên”.

“Nhà phụ ở đâu?”

“Ngay bên cạnh”.

“Được”, tôi nói, “vậy bà cho tôi một phòng bên ấy và cho đưa hành lý của tôi sang đó luôn thế”.

Chúng tôi lên tầng hai trong một thang máy chạy êm ru, không tiếng động, cố nhiên ở trên trông giống bệnh viện hơn. Thậm chí giống một bệnh viện hết sức tiện nghi, nhưng đâu sao vẫn là bệnh viện. Hành lang trắng, cửa trắng, đâu đâu cũng thấy sáng loáng kính; kèn; mọi vật được lau chùi bóng lộn. Một bà y tá trưởng tiếp đón chúng tôi.

“Cô là cô Hollmann?”

“Vâng”, Pat nói, “phòng 79 phải không ạ?”

Bà y tá trưởng gật đầu, đi lên trước, và mở một cánh cửa.

“Phòng của cô đây”.

Đó là một gian phòng sáng sủa, rộng vừa phải, mặt trời buổi chiều rọi vào qua ô cửa sổ lớn. Trên bàn đặt một bó cúc vàng xen đỏ. Ngoài kia, những cánh đồng tuyết phủ lấp lóa, ngôi làng như một tấm chăn mềm vĩ đại lượn ôm lấy chúng.

“Em thích chứ?”

Nàng nhìn tôi giây lát. “Vâng”, đoạn nàng đáp.

Người hầu khuôn va-li lên. “Bao giờ tôi phải đi khám bệnh?”. Pat hỏi bà y tá.



“Sáng mai. Tốt nhất tôi nay cô nên đi ngủ sớm để lấy lại sức”.

Pat cởi áo măng-tô đặt lên chiếc giường trắng tinh, trên đầu giường đã thấy treo một bản theo dõi nhiệt độ mới. “Trong phòng không có máy điện thoại sao?”, tôi hỏi.

“Có ổ cắm đây”, bà y tá nói. “Có thể đặt một máy vào phòng”.

“Tôi còn phải làm gì nữa không?”, Pat hỏi.

Bà y tá lắc đầu. “Hôm nay thì không. Phải đợi sau buổi khám sáng mai tất cả mới được lập thành lịch sinh hoạt. Khám lúc mười giờ. Tôi sẽ đưa cô đi”.

“Cám ơn bà”, Pat nói.

Bà y tá đi. Người hầu vẫn đợi bên cửa. Tôi cho anh ta tiền puôcboa, anh ta cũng biến luôn. Thốt nhiên căn phòng trở nên vô cùng lặng lẽ. Pat đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Mái đầu nàng đen thẫm trên cái nền sáng chói ngoài kia.

“Em mệt à?”, tôi hỏi.

Nàng quay lại. “Không”.

“Trông em có vẻ mệt”, tôi nói.

“Em mệt vì lẽ khác, Robby ạ. Nhưng em còn khối thời gian để mệt như thế”.

“Em muốn thay quần áo chưa?”, tôi hỏi. “Hay chúng mình xuống dưới kia dạo chơi độ một tiếng nữa? Anh nghĩ tốt hơn nên xuống”.

“Phải”, nàng nói. “Nên xuống thì hơn”.

Chúng tôi theo thang máy êm ru xuống nhà, và ngồi vào một trong những chiếc bàn nhỏ trong gian đại sảnh. Lát sau, Helga Guttmann và đám bạn cô kéo đến. Họ ngồi vào hội với chúng tôi. Helga Guttmann nhắng nha nhắng nhít, có phần vui đùa quá trớn, nhưng tôi mừng vì có cô ở đây, vì Pat đã bắt quen được với vài người. Ngày đầu tiên bao giờ cũng khó vượt qua.

# CHƯƠNG 22

Một tuần sau tôi quay về. Tôi đi thẳng từ ga lại xưởng. Khi tôi về tới, trời đổ tối, mưa vẫn rả rích, tưởng như một năm đã trôi qua kể từ ngày tôi cùng Pat ra đi.

Koster và Lenz ngồi trong phòng giấy. “Cậu về vừa đúng lúc”, Goffried bảo. - “Có chuyện gì vậy?”, tôi hỏi.

“Đề cậu ta vào đã nào”, Koster nói.

Tôi ngồi xuống cạnh hai người. “Pat ra sao?”, Otto hỏi.

“Khỏe. Trong tình trạng hiện thời của nàng. Nhưng nói mình biết có chuyện gì đi”.

Chuyện xoay quanh chiếc xe hỏng. Chúng tôi đã sửa xong và trả chiếc xe cách đây hai tuần. Hôm qua Koster đi lấy tiền. Nhưng khôn nổi, người chủ xe lại vừa bị vỡ nợ, và chiếc xe cũng bị bán nợ luôn.

“Chả có gì nghiêm trọng”, tôi nói. “Cứ nhờ hãng bảo hiểm mà đòi thôi”.

“Bọn này cũng tính thế”, Lenz tỉnh khô. “Nhưng xe không có bảo hiểm”.

“Khôn nạn! Thật không, Otto?”

Koster gật. “Mãi hôm nay mình mới biết”.

“Thế mà cả bọn đã chăm sóc người anh em ấy khác nào mấy bà phước giàu lòng nhân từ, lại còn choảng nhau giành cho được cái cục sắt vụn ấy nữa”, Lenz làu nhàu. “Đề bây giờ mất trắng bốn ngàn mác”.

“Ai biết đâu mà lường!”, tôi nói.

Lenz bật cười. “Ngu thậm ngu tệt!”

“Làm gì bây giờ, Otto?”, tôi hỏi.

“Mình đã đưa yêu sách đòi nợ lên cơ quan quản lý tài sản của kẻ vỡ nợ. Nhưng e kết quả chẳng bao nhiêu”.

“Đóng cửa xưởng, đây, kết quả sẽ là như thế”, Gottfried nói. “Sở Tài chính đang sôi tiết lên vì chậm thuế rồi kia”.

“Có thể lắm”, Koster thừa nhận.

Lenz đứng lên. “Tính bình thản và phong thái đàng hoàng trong các tình huống khó khăn luôn tôn vẻ đẹp của người lính”. Cậu ta lại túm lấy chai

cognac.

“Uống cognac vào, thậm chí ta còn tỏ được phong thái anh hùng”, tôi nói. “Nếu mình không nhầm thì đây là chai rượu ngon cuối cùng của cả bọn”.

“Chú em ơi”. Lenz đáp giọng quở trách, “phong thái anh hùng chỉ thích hợp với những thời gian khô. Nhưng bọn ta đây lại đang sống vào cái thời buổi tuyệt vọng, nơi hài hước là thái độ duy nhất đúng đắn”. Cậu ta ục một hớp cạn ly. “Rồi giờ thì mình đánh chiếc xe cà khồ đi chờ thuê kiếm ít xu đây”.

Cậu ta đi qua cái sân tối hù, rồi lái taxi đi. Koster và tôi còn ngồi lại một lát. “Đen quá, Otto”, tôi nói. “Gần đây tụi mình đen khổ đen sở”.

“Mình đã tập được thói quen không nghĩ ngợi vớ vẩn không cần thiết”, Koster đáp. “Chưa chết đói ngay đâu mà lo. Trên ấy thế nào?”

“Nếu không có căn bệnh ấy thì quả là một thiên đường. Đây tuyệt và mặt trời”.

Cậu ta ngẩng lên. “Tuyệt và mặt trời. Nghe có vẻ hơi khó tin, hả?”

“Phải. Khó tin kinh khủng. Trên ấy cái gì cũng khó tin”.

Cậu ta nhìn tôi. “Tối nay cậu định làm gì?”

Tôi nhún vai. “Trước hết, mang va-li về nhà cái đã”.

“Mình có việc phải đi đăng này độ một giờ. Rồi cậu sẽ lại tiệm rượu chứ?”

“Cố nhiên”, tôi nói. “Còn biết làm gì nữa?”

Tôi ra ga lấy va-li về nhà. Vì không muốn chuyện trò với bất kỳ ai, tôi gắng mở cửa thật khế. Tôi lên được vào buồng mà không chạm trán bà Zalewski. Tôi nán ngồi trong buồng một lát. Trên bàn là báo chí và thư từ. Mà thư từ gì đâu, toàn những thông tin in sẵn. Tôi chẳng có ai viết cho mình. May ra từ bây giờ sẽ có một người chăng, tôi tự nhủ.

Lát sau tôi đứng lên, đi rửa ráy thay quần áo. Tôi chưa vội dỡ va-li; tôi muốn chốc nữa một mình trở về còn có việc để làm. Tôi cũng không sang phòng Pat, mặc dù biết không có ai ở bên ấy. Rón rén, tôi luồn qua hành lang và thở phào khi lọt ra ngoài.

Tôi đến tiệm cà phê Quốc Tế kiếm chút gì ăn. Anh bồi Alois chào tôi ở ngưỡng cửa. “Lại đến đây à?”

“Ừ”, tôi nói. “Rốt cuộc con người ta thế nào cũng có lúc trở lại”.

Rosa cùng mấy ả khác ngồi quanh một chiếc bàn to. Họ hầu như đủ mặt; đây là quãng nghỉ giữa hai lần đi làm khách. “Lạy Chúa, anh Robert!” Rosa reo. “Một vị khách hiếm”.

“Chớ hỏi han gì lời thôi”, tôi nói. “Cái chính là tôi lại có mặt”.

“Tại sao? Từ nay anh lui tới thường xuyên chứ?”

“Có lẽ”.

“Anh đừng buồn”, ả nói, mắt nhìn tôi. “Cái gì rồi cũng sẽ qua đi”.

“Đúng thế”, tôi nói. “Đó là chân lý vững chắc nhất trên thế gian”.

“Rõ quá”, Rosa đáp. “Lilly còn có thể hát một bài về điều đó kia”.

“Lilly ư?” Mỗi lúc này tôi mới thấy ả ngồi cạnh Rosa. “Cô làm gì ở đây hở? Cô đã lập gia đình, và đáng ra nên ngồi nhà mà lo cái tiệm bắc đường ống của chồng cô mới phải”.

Lilly không đáp. “Tiệm mới chả tiếc”, Rosa đáp lại, giọng mai mỉa. “Khi chị ấy còn tiền thì ôi chao, cứ là ngọt như mía lùi. Lilly thế này, Lilly thế nọ, và cho qua tất thảy những gì xảy ra trước kia. Cái ảnh hưởng đượm lửa nồng ấy diễn được đúng nửa năm! Lúc đồng xu cuối cùng lăn khỏi túi chị ấy, cũng là lúc đức ông thanh cao - nhờ tiền của chị ấy mà mở mày mở mặt được như thế - đột nhiên không muốn lấy dĩ làm vợ”. ả thở phì phì. “Dĩ nhiên hẳn chột vớ lẽ, té ra mình chẳng hay biết tí gì! Hẳn cực kỳ sùng sốt về dĩ vãng của vợ! Sùng sốt đến độ cứ nặng nạch đòi ly hôn. Nhưng tiền thì cố nhiên đã không cánh mà bay”.

“Bao nhiêu tất cả?”, tôi hỏi.

“Bốn ngàn mác chứ ít đâu! Anh thử nghĩ, để được ngàn ấy tiền, chị ấy đã phải ngủ với bao nhiêu đồ chó lợn”.

“Bốn ngàn mác”, tôi nói. “Lại bốn ngàn mác đi tong trong ngày hôm nay”.

Rosa nhìn tôi không hiểu. “Anh chơi đàn đi thì hơn”, ả yêu cầu, “cho không khí tươi lên một tẹo”.

“Được... nhân dịp cả bọn lại tụ họp đông đủ”.

Tôi ngồi vào đàn dương cầm dạo vài ca khúc ngắn. Vừa dạo đàn, tôi vừa nghĩ đến khoản tiền chỉ còn đủ trả cho viện điều dưỡng đến cuối tháng Giêng, nghĩ đến chuyện phải làm sao kiếm được nhiều hơn. Tôi máy móc gõ

ngón tay xuống các phím đàn thấy bên cạnh mình, trên chiếc sofa, Rosa đang mê mải lắng nghe; cạnh ả, gương mặt nhợt nhạt, đã hóa đá vì nỗi thất vọng khủng khiếp của Lilly giờ lạnh lẽo và không sức sống hơn cả bộ mặt người chết.

Đang mải tư lự, tôi chợt tỉnh bởi một tiếng kêu. Rosa giật mình choàng dậy khỏi cơn mơ màng. Giờ đây, ả đứng sau bàn, mũ tụt trễ, hai mắt trợn tròn, và từ chiếc tách ả làm lật nghiêng, cà phê từ từ trườn trên mặt bàn, chảy xuống cái xác tay để mở của ả mà ả chẳng hề hay biết.

“Arthur!”, ả lắp bắp, “Arthur, có thật là anh đấy không?”

Tôi ngừng đàn. Một gã đàn ông vừa bước vào, gã gầy gò, dáng điệu léo khẻo, chiếc mũ ông hất tít sau gáy. Da mặt gã vang bủng, bệnh hoạn, cái mũi to bự, còn đầu lại nhỏ thó, tròn như quả trứng.

“Arthur” Rosa vẫn lắp bắp. “Anh đây ư?”

“Chứ còn ai nữa?”. Arthur làu nhàu.

“Lạy Chúa, anh từ đâu về vậy?”

“Lại còn hỏi từ đâu? Từ ngoài đường, qua cửa vào chứ đâu”.

Đi biệt biệt bao lâu mới về mà Arthur chẳng cư xử cho đáng yêu một chút. Tôi tò mò quan sát gã. Thì ra đây là thần tượng mang tính giai thoại của Rosa, thằng bố của đứa con ả. Trông gã cứ như vừa ra tù. Tôi không sao phát hiện nổi ở gã một điểm nào khả dĩ biện minh cho tình yêu mù quáng của Rosa. Nhưng biết đâu chính vì vậy mà ả say gã. Quái lạ thay khi biết cái gì là thứ khiến cái giống đàn bà trở như đá sành sỏi đàn ông kia mê mết.

Chẳng thèm hỏi ai, Arthur vớ lấy ly bia đầy để cạnh Rosa trên bàn và nốc cạn. Cục yết hầu trên cái cổ ngẩng rặt những gân là gân của gã lên lên xuống xuống tựa thang máy. Rosa rạng rỡ nhìn gã.

“Anh uống thêm ly nữa nhé?”, ả hỏi.

“Tất nhiên”, Arthur lầm bầm. “Nhưng ly to hơn kia”.

“Alois ơi!” Rosa sung sướng vẫy anh bồi. “Anh ấy muốn một ly bia nữa!”

“Thấy rồi”, Alois thản nhiên nói và rót bia ra.

“Còn đứa bé! Arthur, anh chưa hề biết mặt bé Elvira mà!”

“Thôi đi!” Lần đầu tiên Arthur tỏ ra linh hoạt hơn. Gã giơ tay ngang ngực ra ý gạt đi. “Đừng đem chuyện đó ra mà cản nhằn với tôi! Liên quan

đếch gì đến tôi! Tôi đã toan bảo cô nạo quách cái của nợ ấy. Nó đã đi đòi, nếu tôi không...”. Gã chìm trong suy tư u ám. “Bây giờ thì dĩ nhiên ông lỗi ấy tổn kém rồi, tổn kém phải biết”.

“Cũng chẳng đến nỗi nào đâu, anh Arthur. Vả lại, nó là con gái”.

“Vẫn cứ tổn”, Arthur nói và dốc tuốt ly bia thứ hai vào cuống họng. “Biết đâu lại chẳng tìm được một con mụ giàu có, điên khùng nào đó muốn nhận nó làm con nuôi. Cố nhiên mụ phải trả cho hậu. Có lẽ đó là cách duy nhất”.

Gã bưng tỉnh khỏi những suy tính. “Cô có xèng đấy không?”

Rosa sốt sắng cầm cái xác tay vấy đầy cà phê của ả lên.

“Chỉ có năm mác thôi, Arthur ạ, làm sao em biết được là anh sẽ đến, nhưng ở nhà vẫn còn”.

Như một ông hoàng, Arthur thả những đồng bạc rơi tọt vào túi áo gilê.

“Cứ dính chặt đít vào ghế sofa ở đây thì tiền đâu ra!”, gã cúi kính cầu nhàu.

“Em đi ngay đây, Arthur. Nhưng giờ này làm gì mong vợ khách sộp. Giờ cơm chiều mà”.

“Kiến tha lâu cũng đầy tổ”, Arthur tuyên bố.

“Em đi ngay mà”.

“Có thể chứ...”, Arthur gõ gõ vào chiếc mũ ông. “Quãng nửa đêm đây sẽ ghé lại”.

Gã ngật ngưỡng bỏ đi, dáng điệu lẻo khẻo. Rosa nhìn theo sung sướng. Gã chẳng buồn ngoái lại, cứ mặc cửa mở toang thế mà đi. “Đồ lạc đà”, Alois vừa rửa vừa đóng cửa lại.

Rosa hãnh diện nhìn, chúng tôi. “Anh ấy tuyệt đấy chứ? Người như anh ấy không bao giờ mềm yếu trước bất kỳ cái gì. Chẳng hiểu bấy lâu anh ấy ẩn náu ở đâu?”

“Nhìn nước da thì biết”, Wally đáp. “Trong nhà đá chứ đâu. Một kẻ ghé tởm cổ quàng cho mình vòng lá sồi và các bà phước!”

“Cậu không biết anh ấy...”

“Đây còn lạ”, Wally nói.

“Cậu đâu hiểu được”, Rosa đứng dậy. “Đó mới đích thực đàn ông. Chứ không phải cái loại sụt mướt hổ mặt nam nhi. Nào, giờ thì tôi đi đây. Chào

nhé, các bồ!”

Trẻ hẳn, nhẹ lâng lâng, ả ông ẹo đi ra. Giờ lại có một kẻ mà ả được phép cung phụng tiền nong, gã sẽ nốc rượu say bí tỉ để rồi sau đó nện ả như tử. ả lấy làm sung sướng.

Nửa giờ sau, các ả khác cũng lục tục kéo đi. Chỉ có Lilly ngồi lại với bộ mặt như hóa đá. Tôi gõ đàn thêm một lát, đoạn chén một khoanh bánh mì phết bơ, rồi cũng chìm luôn. Không thể ngồi một mình với Lilly lâu hơn nữa.

Tôi tha thân với các đường phố tối tăm, ẩm ướt. Một tốp Quân Cứu Rồi cắm trại bên nghĩa trang. Họ hát về Jerusalem hạnh phúc thần tiên trong tiếng đệm của kèn trombone và trumpet. Tôi đứng sững lại. Bỗng tôi cảm giác như không sao chịu đựng nổi cuộc sống cô độc không có Pat. Tôi nhìn chăm chăm vào những tấm bia mộ ánh trắng trong nghĩa trang, tự như một năm trước đây tôi còn cô đơn hơn nhiều, rằng hồi đó tôi còn chưa hề biết Pat, và giờ đây đâu sao tôi đã có Pat, cho dù nàng không ở bên tôi, nhưng tất cả đều chẳng giúp ích gì... đột nhiên lòng tôi rối như tơ vò, cực kỳ tuyệt vọng. Cuối cùng, tôi đi lên buồng mình để xem xem đã có thư của nàng hay chưa. Thật vô nghĩa hết sức, bởi làm sao thư nàng đã tới được, và quả nhiên chẳng có gì... ầu vậy tôi vẫn cứ lên.

Khi trở ra, tôi gặp Orlov ở cửa. Dưới làn măng-tô mở phanh ông mặc smoking, sắp sửa lại đàng khách sạn hành nghề vũ công. Tôi hỏi ông có nghe tin gì về bà Hasse không.

“Không”, ông nói. “Chưa thấy bà ta trở về. Bà ta cũng chẳng trình diện ở Sở Cảnh sát. Không trở về mà lại hơn”.

Chúng tôi cùng đi xuôi lối phố. Ở góc đường có một chiếc xe tải chất đầy các bao than. Bác tài chống mui xe lên, hí hoáy sửa động cơ. Đoạn bác ta leo lên cabin. Đúng lúc chúng tôi đi ngang, bác ta rồ máy và, không gài số, nhấn mạnh ga. Orlov giật nảy mình. “Bác ốm sao?” tôi hỏi. Ông mỉm cười, đôi môi nhợt nhạt, và lắc đầu. “Không... nhưng đôi khi tôi hoảng sợ khi bất chợt nghe tiếng xe rồ máy. Bữa cha tôi bị xử bắn ở Nga, người ta cũng cho một chiếc xe tải nổ máy bên ngoài nhằm át tiếng súng. - ầu vậy chúng tôi vẫn nghe thấy”.

Ông lại mỉm cười, tuồng như ông có bốn phận phải xin lỗi. “Với mẹ tôi, người ta không bày đặt lắm trò như vậy. Người ta bắn bà vào lúc tỉnh mơ dưới một hầm rượu. Đêm đến, anh tôi và tôi tẩu thoát. Chúng tôi có kim cương. Nhưng dọc đường anh tôi chết rét”.

“Tại sao các cụ nhà bác lại bị bắn?”

“Trước chiến tranh, cha tôi chỉ huy một trung đoàn lính Cossack hỗ trợ đàn áp một cuộc khởi nghĩa. Ông biết cái gì chờ đợi ông. Như người ta nói, ông cho điều đó là hoàn toàn hợp lý. Mẹ tôi không nghĩ thế”.

“Còn bác?”

Ông phác một cử chỉ gạt bỏ, mệt mỏi. “Từ bấy đến nay biết bao chuyện đã xảy ra”.

“Phải”, tôi nói, “đúng vậy. Vượt quá sức tiêu hóa của con người”.

Chúng tôi đến trước khách sạn là nơi hành nghề của Orlow. Một bà vừa từ một chiếc Buick bước xuống đã đâm bổ đến ông với tiếng reo vui hơn hờ. Bà ta khá đầy đà, ăn vận lịch sự, có gương mặt tàn phai của một thiếu phụ tóc vàng đã vào độ tứ tuần chưa bao giờ biết đến lo nghĩ. “Anh thứ lỗi”, Orlow lén đưa mắt cho tôi, “chuyện làm ăn...”

Ông nghiêng mình trước người đàn bà tóc vàng và hôn tay bà ta.

Valentin, Koster và Ferdinand Grau đã ngồi sẵn trong tiệm, Lenz đến muộn hơn một lát. Tôi ngồi xuống cạnh họ và gọi cho mình nửa chai rum. Tôi vẫn cảm thấy chán chường kinh khủng.

Kênh càng, hộ pháp, Ferdinand ngồi trong một góc tiệm với bộ mặt héo úa và cặp mắt xanh trong veo. Anh đã nốc không biết bao nhiêu là rượu. “Sao, Robby bé bỏng”, anh nói, tay vỗ tay tôi, “chuyện gì xảy ra với cậu vậy?”

“Chẳng có gì cả, Ferdinand ạ”, tôi đáp, “thế mới tệ”.

Anh nhìn tôi một lát. “Chẳng có gì”, đoạn anh nói, “chẳng có gì ư? Nhiều đấy! Con số không chính là tấm gương để ta nhìn nhận thế giới”.

“Tuyệt!”, Lenz kêu lên. “Độc đáo chưa từng thấy, Ferdinand ạ!”.

“Thôi im đi, Gottfried!”. Ferdman quay cái đầu đồ sộ của anh sang Lenz. “Một kẻ lẳng mạn như cậu chỉ là một thằng nháy lò cò đáng thương bên lề cuộc đời. Hắn luôn hiểu sai cuộc đời và từ đó tự gây cho mình những cảm xúc thái quá. Cậu thì hiểu gì về hư vô, hờ đồ nhẹ cân?”

“Đủ để muốn cứ là kẻ nhẹ cân”, Lenz tuyên bố.

“Những người đứng đắn biết trân trọng hư vô, Ferdinand ạ. Họ không dũi mõm rúc vào đó như lũ chuột chũi”.

Grau chăm chăm nhìn Lenz. “Chúc sức khỏe anh!” Lenz nói.

“Chúc cậu!” Ferdinand đáp. “Chúc cậu, đồ nút bác!”



Họ cạn ly. “Ước gì tôi được là một cái nút bấc”, tôi nói và cũng cạn ly. “Được là một kẻ làm gì cũng đúng, cũng thành công. Chỉ ít trong một thời gian”.

“Quân bội giáo!” Ferdinand ngả nghịch người ra sau khiến chiếc ghế bành kêu răng rắc. “Ra cậu ráp tâm đào ngũ, phản bội giáo phái?”

“Không”, tôi nói, “tôi chẳng định phản cái gì cả. Nhưng tôi không muốn lúc nào chúng ta cũng bị đổ vỡ hết thủy”.

Ferdinand gò mình ra phía trước. Bộ mặt to bè, dữ tợn của anh giật giật. “Trong khi cậu lại thuộc về một giáo phái, người anh em ạ... giáo phái của những kẻ công liệt danh bại, bất tài vô tướng với những nguyện vọng không mục đích, ham muốn vô bổ, tình yêu không tương lai, tuyệt vọng không lý trí”. Anh mỉm cười. “Cái giáo phái thần bí: thà lụn bại hơn là xây đắp công danh, thà xài phí, nghiền nát, để mất cuộc đời hơn là chủ động bóp méo hoặc quên đi cái hình ảnh không sao đạt được - cái hình ảnh, thừa đạo hữu, mà giáo phái mang trong tim, không sao dập tắt được, ăn sâu vào những giờ, những ngày, những đêm, trong đó không chứa đựng gì khác ngoài một thứ duy nhất: cuộc sống trần trụi và cái chết trần trụi”.

Anh cầm ly của mình lên, vẫy Fred bấy giờ đứng bên quầy rượu. “Rót rum đây”.

Fred mang chai lại, “Tôi nên mở đĩa hát nghe chơi chút chẳng?”, gã hỏi.

“Không”, Lenz nói. “Quảng mẹ cái máy hát của cậu ra kia, mang vài ly thật lớn lại đây. Tắt bớt một nửa đèn đi, đặt dĩa chai rượu lên bàn đây, rồi xéo vào phòng giấy bên cạnh cho khuất mắt!”

Fred gật đầu, ấn công tắc đèn trần. Chỉ những ngọn đèn nhỏ có chụp bằng bản đồ cũ in trên giấy da thuộc là còn thấp sáng. Lenz rót rượu ra ly. “Xin chúc mừng, các bò! Vì bọn ta hít thở! Vì bọn ta cảm nhận cuộc đời mãnh liệt tới mức không còn biết bắt đầu ra sao với nó”.

“Chính thế”, Ferdinand nói. “Ai bất hạnh mới biết hạnh phúc. Kẻ may mắn chỉ là một mannequin<sup>[15]</sup> của tình cảm cuộc đời. Anh ta chỉ từng diễn nó, chứ không làm chủ nó. Ánh sáng đâu tỏa sáng trong ánh sáng; nó tỏa sáng trong bóng tối. Xin uống mừng bóng tối! Ai đã từng trải qua giông tố sẽ không còn biết bắt đầu ra sao với một cái máy phát điện. Đáng nguyên rửa thay là giông tố! Đáng ban phước thay chút cuộc đời này của chúng ta! Và bởi chúng ta yêu quý nó, chúng ta không nỡ đưa nó ra để kiếm lời! Chúng ta muốn hủy hoại nó! Uống đi, các chú em! Có những vì sao đêm đêm vẫn sáng lấp lánh, mặc dù chúng đã tan từng mảnh cả chục nghìn năm ánh sáng

trước đây! Uống đi, chừng nào ta còn thời gian để uống! Bất hạnh muôn năm! Bóng tối muôn năm!”.

Anh rót đầy cognac vào một cái cốc uống nước và nốc liền một hơi.

Rượu rum bốc lên, giật giật sau trán tôi. Khẽ khàng, tôi đứng dậy sang phòng giấy tìm Fred. Gã ngủ. Tôi đánh thức gã, nhờ xin số điện tới viện điều dưỡng.

“Đợi được đây”, gã nói. “Giờ này nhanh lắm”.

Năm phút sau chuông điện thoại réo. Viện điều dưỡng lên tiếng. “Tôi muốn nói chuyện với cô Hollmann”, tôi nói.

“Xin chờ cho một lát, tôi nối máy sang khu ấy”.

Bà y tá trường cầm ống nghe. “Cô Hollmann ngủ rồi”.

“Cô ấy không có điện thoại trong phòng sao?”

“Không”.

“Bà đánh thức hộ cô ấy chứ ạ?”

Giọng đáp lưỡng lự. “Không được. Đẳng nào hôm nay cô ấy cũng không được phép trở dậy”.

“Có chuyện gì à?”

“Không. Cô ấy chỉ phải nằm nghỉ trên giường vài ngày nữa”.

“Chắc chắn không có chuyện gì chứ?”

“Không, không mà, lúc đầu bao giờ chẳng thế. Cô ấy phải nằm nghỉ ngơi và làm quen dần”.

Tôi móc ống nghe. “Muộn quá rồi, hả?”, Fred hỏi.

“Cậu muốn nói gì?”

Gã trở tôi xem đồng hồ của gã. “Nửa đêm đến nơi rồi”.

“Ừ”, tôi nói. “Lẽ ra không nên gọi thì hơn”.

Tôi trở lại bàn, tiếp tục uống.

Hai giờ sáng cả bọn mới nhỏ rỗi. Lenz lấy tắcxi đưa Valentin và Ferdinand về nhà. “Đi với mình”, Koster bảo tôi và rẽ máy chiếc Karl.

“Có vài bước chân, mình đi bộ được mà, Otto”.

Cậu ta nhìn tôi. “Ta lượn thêm vài vòng”.

“Thì đi”. Tôi lên xe.

“Cậu cầm lái”, Koster nói.

“Vớ vẩn, Otto. Minh lái thế nào được, mình say”.

“Cứ lái đi! Minh chịu trách nhiệm”.

“Rồi cậu đừng trách”, tôi nói và ngồi vào tay lái.

Động cơ nổ. Vô-lăng rung bần bật trong tay tôi. Phố xá chao đảo lướt qua tôi, nhà cửa nghiêng ngả, những ngọn đèn đường đứng chéch trong mưa. “Không được đâu, Otto”, tôi nói. “Khéo mình đâm vào cái gì bây giờ”.

“Cứ việc đâm”, cậu ta đáp.

Tôi nhìn Koster. Nét mặt cậu ta tỉnh táo, căng thẳng và bình tĩnh. Cậu ta nhìn con đường trước mặt chúng tôi. Tôi tựa mình vào lưng ghế, nắm chắc tay lái hơn. Tôi nghiêng răng, neho mắt lại. Dần dần con đường đã hiện lên rõ hơn.

“Đi đâu, Otto?”, tôi hỏi.

“Cứ tiếp tục. Ra ngoại ô”.

Chúng tôi tới trục đường chính dẫn ra ngoại ô, rồi chạy trên xa lộ. “Bật đèn pha lớn lên”, Koster bảo.

Mặt đường bê-tông sáng lên màu xám nhạt trước chúng tôi. Mưa chỉ còn hơi lất phất, nhưng những giọt mưa quất vào mặt tôi như những hạt mưa đá. Gió thổi ù ù, mây sà xuống nặng trĩu, tới sát đỉnh rừng thì mây bị chọc thủng, tia sáng bàng bạc xuyên qua. Lớp sương mù sau mắt tôi đã bay biến. Tiếng rền của động cơ truyền qua hai cánh tay thấm vào cơ thể tôi. Tôi cảm giác được bộ máy và sức mạnh của nó. Tiếng xilanh nổ đều xua tan trạng thái tê dại mù mẫm trong đầu óc tôi. Những chiếc pittông tựa những cái bơm thúc vào mạch máu tôi. Tôi nhún ga. Xe vọt như tên bắn trên đường.

“Nhanh nữa”, Koster bảo.

Bánh xe bắt đầu huýt gió. Cây cối và các cột dây điện tín vù vù bay qua. Một cái làng âm âm lướt ngang. Giờ đây tôi hoàn toàn minh mẫn.

“Tăng ga”, Koster nói.

“Liệu mình có cầm cự nổi không? Đường ướt”.

“Rồi cậu sẽ biết. Trước mỗi khúc quanh xuống số ba, rồi tăng ga cua đường”.

Động cơ gầm rú. Không khí tấp mạnh vào mặt tôi. Tôi gò người xuống

núp sau tấm kính chắn gió. Và đột nhiên tôi trượt vào tiếng sấm rền của động cơ, chiếc xe và tôi hòa làm một, một căng thẳng duy nhất, một rung chuyển cao độ, tôi cảm thấy bánh xe ngay dưới chân mình, cảm thấy mặt đất, con đường, tốc độ, thoát cái có chút gì đã trở lại nguyên vẹn, đêm tối nức nở, gào thét, xua thổi những gì còn lại ra khỏi con người tôi, môi mím chặt, hai tay siết lại, tôi chỉ còn biết phóng vun vút như điên như cuồng, vô thức đây, nhưng lại tập trung đến tột độ.

Đến một khúc quanh, dít xe trượt ngang. Tôi quay tay lái chống chọi, một lần, hai lần, rồi nhấn ga. Trong khoảnh khắc, tất cả chơi vơi như một khinh khí cầu, rồi chiếc xe lấy lại được thăng bằng.

“Được đây”, Koster nói.

“Đường đây lá ướt”, tôi đáp và cảm giác làn da mình nóng bừng, giãn ra, như thường thấy sau mỗi cú thoát nạn.

Koster gật đầu. “Đó là thứ khốn nạn nhất trên các khúc quanh trong rừng vào mùa thu. Cậu muốn làm một điều thuốc không?”

“Có”, tôi nói.

Chúng tôi dừng xe hút thuốc. “Giờ quay về được rồi”, sau đó Koster bảo.

Tôi lái về thành phố và xuống xe. “Chúng mình đi dạo thế mà hay. Otto ạ. Giờ mình đã cảm thấy nhẹ nhõm”.

“Lần sau mình sẽ bày cho cậu một kỹ thuật quanh xe khác”, cậu ta nói. “Ngoặt bằng cách phanh. Nhưng chỉ áp dụng được khi đường sá khô ráo hơn”.

“Hay lắm, Otto. Ngủ ngon nhé”.

“Ngủ ngon nhé, Robby”.

Karl vọt đi. Tôi vào nhà. Mệt rã rời, nhưng tôi hoàn toàn bình thản và đã hết buồn.

# CHƯƠNG 23

Đầu tháng Mười một, chúng tôi bán chiếc Citroen. Số tiền đủ để duy trì xưởng trong ít lâu, nhưng tình cảnh của chúng tôi mỗi tuần một khôn đốn hơn. Mùa đông thiên hạ gác xe lại để tiết kiệm xăng và tiền thuế, xe đưa đến sửa càng ngày càng thừa thớt. Đã đành chúng tôi xoay xở thêm bằng chiếc tácxì, nhưng số tiền kiếm được quá eo hẹp cho ba miệng ăn, vì thế tôi lấy làm hớn hờ khi được ông chủ tiệm Quốc tế mời trở lại chơi đàn tối tối cho tiệm ông kể từ tháng Chạp. Thời gian gần đây ông phát tợn; nghiệp đoàn lái gia súc chọn một phòng sau tiệm làm địa điểm hội họp hàng tuần, rồi nghiệp đoàn lái ngựa cũng theo gương, và sau rốt là hội những người khuyến khích việc hỏa táng vì lợi ích chung. Bằng cách ấy, tôi có thể dành chiếc tácxì cho Lenz và Koster lái, hơn nữa công việc mới cũng rất hợp ý tôi... Chẳng gì tôi vẫn thường không biết xài sao cho hết những buổi tối.

Pat viết thư đều đặn cho tôi. Tôi mong đợi những lá thư của nàng, nhưng tôi không hình dung nổi nàng sống ra sao, và thỉnh thoảng, trong những tuần đầu tháng Chạp nhộp nhúa, u ám, ngay đến giữa trưa cũng không sáng sủa lên được, tôi ngỡ như nàng đã tuột khỏi tay tôi từ lâu và mọi sự đã chấm dứt. Tôi tưởng chừng ngày nàng ra đi đã xa xưa lắm lắm và không sao hình dung nổi nàng sẽ trở về. Rồi đến những buổi tối đầy nhớ nhung da diết, mãnh liệt, khi tôi không biết tìm khuây khỏa ở đâu ngoài việc ngồi nốc rượu thâu đêm suốt sáng với lũ điếm và bọn lái bò.

Ông chủ tiệm được phép mở tiệm Quốc Tế suốt đêm Nôen. Sẽ có một bữa tiệc lớn cho các chàng trai chưa vợ của tất cả các nghiệp đoàn. Chủ tịch nghiệp đoàn lái gia súc, bác lái lợn Stefan Grigoleit, hiến hai chú lợn sữa và một đóng chân giò. Góa vợ từ hai năm nay, bản tính lại đa cảm, bác muốn vui Nôen cùng với mọi người.

Ông chủ tiệm rước về một cây thông bạc cao bốn thước dựng ngay bên quày rượu. Vốn thừa uy tín trong thầy những việc tạo nên không khí ấm cúng, tiện nghi, Rosa cảm nhận trang điểm cây Nôen. Marion và gã đồng cô Kiki - kẻ do xu hướng tự nhiên mà khá có óc thẩm mỹ - giúp ả. Đến trưa, cả ba bắt tay vào việc. Họ sử dụng không biết cơ man nào là hình cầu sặc sỡ, rồi nến, dây kim tuyến, nhưng bù lại, rốt cuộc trông cái cây cũng đẹp đáo đẽ. Để tỏ ra đặc biệt quan tâm tới Grigoleit, người ta còn treo lên đó một lô những chú lợn xinh xinh bằng kẹo hạnh nhân bọc giấy hồng.

Buổi chiều, tôi lên giường nằm tranh thủ ngủ vài giờ. Khi tôi tỉnh giấc, trời đã tối. Tôi phải thò người ra nghĩ một lát xem đang là tối hay sáng. Tôi nằm mơ hửn hoi, nhưng chẳng nhớ mơ gì nữa. Tôi phiêu dạt ở đâu xa lắm, và ngỡ như còn nghe tiếng một cánh cửa đen sì sập lại sau lưng mình. Thế rồi tôi nhận thấy có ai gõ cửa.

“Ai đấy?”, tôi hỏi to.

“Tôi đây mà, anh Lohkamp”.

Tôi nhận ra giọng bà Zalewski xuất hiện giữa khung cửa, trên nền sáng vàng vọt trong hành lang. “Bà Hasse đã về”, bà thì thào. “Anh lại mau. Tôi không dám thuật lại với bà ta”.

Tôi không nhúc nhích. Tôi phải tự trấn tĩnh cái đã.

“Bà bảo bà ta đến cảnh sát”, đoạn tôi nói.

“Kìa, anh Lohkamp!”, bà Zalewski giơ hai tay lên van vãn. “Nhà chẳng còn ai ngoài anh. Anh phải giúp tôi. Anh là người có đạo kia mà”.

Bà đứng đó như một bóng đen múa may trong khung cửa hình chữ nhật. “Bà thôi đi cho”, tôi cúi kính nói. “Tôi ra đây”.

Tôi mặc quần áo rồi đi ra. Bà Zalewski chờ tôi ngoài hành lang. “Bà ta đã hay biết tí gì chưa?”, tôi hỏi.

Bà lắc đầu, áp chặt chiếc khăn tay vào mồm.

“Thế bà ta đâu rồi?”

“Trong phòng cũ ấy”.

Frida đã chực trước cửa bếp, mồ hôi túa ra vì hồi hộp. “Bà ta đội một chiếc mũ tuyên lông diệc nhá, lại cài trâm nạm kim cương trên áo nữa”, ả thì thào.

“Bà canh chừng đừng để cái con ngóc rúc bếp chết dẫm này nó nghe lỏm”, tôi bảo bà Zalewski rồi vào phòng Hasse.

Bà Hasse đứng bên cửa sổ. Bà ta vội quay lại khi tôi bước vào. Rõ ràng bà ta chờ đợi ai khác. Thật ngu ngốc, nhưng tôi đã để mắt đến cái mũ và chiếc trâm trước tiên, mặc dù lòng không muốn thế. Frida nói đúng; cái mũ trông xa hoa lắm. Chiếc trâm khiêm nhường hơn. Cả người bà ta trang điểm khá lộng lẫy, như một kẻ muốn tỏ cho người khác thấy mình khá giả lắm đây. Nhìn tổng thể, bà ta chẳng đến nỗi nào; chẳng gì cũng hơn đứt cái năm bà ta còn ở đây.

“Để thường ông Hasse làm việc cả đêm Giáng Sinh, hả?”, bà ta hỏi giọng chầm chọc.

“Không”, tôi nói.

“Vậy ông ta đâu? Đi nghỉ chắc?”

Bà ta đi lại tôi, hông đung đưa. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa sực nức. “Bà còn muốn gì ở ông ấy?”, tôi hỏi.

“Thu xếp chuyện tôi. Thanh toán, chia chác. Rốt cuộc tôi phải có phần của tôi chứ”.

“Bà khỏi cần”, tôi nói. “Giờ đây tất cả là của bà”.

Bà ta nhìn tôi trân trời.

“Ông ấy chết rồi”, tôi nói.

Tôi rất muốn nói với bà ta cách khác. Cân nhắc hơn và từ từ hơn. Nhưng tôi không biết nên bắt đầu ra sao. Và lại, đầu óc tôi vẫn con mụ mị sau giấc ngủ ban chiều; cái giấc ngủ những muốn xúi người ta tự sát khi tỉnh dậy.

Bà Hasse đứng giữa phòng; và thật kỳ quái, đúng lúc nói điều đó với bà ta, tôi nhìn thấy rất rõ là bà ta sẽ chẳng va vào đâu nếu bà ta té xiu. Ngẫm ra mà lạ lùng, nhưng thật tình lúc ấy tôi không trông thấy gì khác, cũng chẳng nghĩ đến gì khác.

Nhưng bà ta không té xiu. Bà ta vẫn đứng và nhìn tôi. “Ra thế”, bà ta nói, “ra thế...”. Chỉ những chiếc lông diệc trên mũ bà ta là run rẩy. Và thốt nhiên, không kịp hiểu cái gì diễn ra, tôi trông thấy người đàn bà chải chuốt xúc nước hoa ấy già xòm đi trước mắt mình. Tưởng chừng thời gian vừa xối xuống bà ta một trận mưa giông, mỗi tích tắc là một năm qua đi... sự căng thẳng tan biến, vẻ đắc thắng tắt lịm, bộ mặt úa tàn. Những nếp nhăn như những con giun trườn vào mặt bà ta, và khi bà ta quơ tay sờ soạng tìm một lưng ghế vịn để ngồi xuống, tuồng như sợ làm đổ vỡ một cái gì, tưởng chừng đó là con người khác hẳn - trông bà ta phờ phạc, đờ đẫn, già nua.

“Ông ấy mắc bệnh gì?”, bà ta hỏi, môi không hề mấp máy.

“Ông ấy mất đột ngột”, tôi nói.

Bà ta không nghe, mà nhìn chăm chăm vào hai bàn tay mình. “Tôi làm gì bây giờ?”, bà ta lẩm bẩm. “Tôi biết làm gì đây?”

Tôi nên đợi hồi lâu. Tôi cảm thấy ghê tởm. “Bà có người để tìm đến kia mà”, cuối cùng tôi nói. “Tốt nhất bà đừng ở lại đây. Bà từng không muốn ở lại đây là gì...”.

“Nhưng bây giờ mọi sự đã khác trước”, bà ta đáp, mắt không nhìn lên. “Tôi biết làm gì đây?”

“Thì bà hẳn có người đang chờ mình. Hãy đến với hắn và bàn bạc mọi nhẽ với hắn. Rồi sau lễ Nôen hãy lại tìm cảnh sát khu vực. Cửa nả gửi ở đó, cả những cuốn sổ tiết kiệm. Bà phải trình diện thì họ mới trao tiền cho bà”.

“Tiền, tiền”, bà ta thần thờ lắm bằm. “Tiền gì?”

“Khá nhiều, Khoảng ngàn hai mác”.

Bà ta ngẩng đầu. Cặp mắt bỗng lộ vẻ điên loạn. “Không!”, bà ta kêu thét lên, “điều đó không đúng!”

Tôi nín lặng không đáp. “Xin anh hãy nói là điều đó không đúng”, bà ta thì thào.

“Có thể không đúng. Nhưng cũng có thể ông ấy đã lén dành dụm phòng khi bất trắc”.

Bà ta đứng phất dậy. Bỗng bà ta thay đổi hẳn. Cử động của bà ta có phần máy móc, giật cục. Bà ta ghé sát mặt vào mặt tôi. “Phải, đúng rồi”, bà ta rít lên, “tôi cảm thấy là đúng! Quân đều! Ôi, quân đều giả! Hắn đẩy tôi đến nông nỗi này, và rồi té ra thế! Nhưng tôi sẽ nhận món tiền ấy, và sẽ tung hê hết tằn tặt trong một tối, sẽ tung hê ra đường để không còn sót lại dù chỉ một xu! Không một xu nào!”

Tôi lặng thinh. Chán lắm rồi. Bà ta đã vượt qua bước đầu tiên, bà ta biết Hasse đã chết, giờ bà ta phải tự liệu lấy với lão kia. Rất có thể bà ta sẽ gục một lần nữa nếu được biết chồng mình thất cố tự tử, nhưng đó là việc riêng của bà ta. Người ta không thể vì bà ta mà dựng Hasse sống lại được.

Lúc này bà ta khóc. Nước mắt tuôn ra ràn rụa. Bà ta khóc to, tí tê như một đứa trẻ. Bà ta thốn thức hồi lâu. Giá được, tôi sẵn lòng đánh đổi nhiều thứ để hút một điếu thuốc. Tôi không chịu nổi cảnh khóc lóc.

Mãi rồi bà ta cũng nín. Bà ta lau khô mặt, máy móc lôi hộp phấn ra và thoa phấn, mắt chẳng nhìn vào gương. Đoạn bà ta lại nhét cái hộp anh ánh bạc ấy vào xác tay, nhưng quên không cài xác lại. “Tôi không biết tí gì nữa”, bà ta nói giọng thốn thức, “tôi không biết tí gì nữa. Hẳn ông ấy là người chồng tốt”.

“Đúng thế”.

Tôi còn cho bà ta địa chỉ đồn cảnh sát khu vực, bảo bà ta rằng chắc hôm nay đồn đã đóng cửa. Tôi thiết nghĩ bà ta chưa vội đến đó ngay thì hơn. Bà ta



chịu đựng như thế kể cũng đã đủ cho hôm nay.

Khi bà ta đi rồi, ba Zalewski ló ra khỏi phòng khách. “Ngoài tôi ra, dễ thường không còn ai ở đây?”, tôi hỏi, điên tiết với chính mình.

“Chỉ có cậu Georgie. Thế bà ta bảo sao?”

“Chẳng bảo sao cả”.

“Càng hay”.

“Còn tùy. Đôi khi chẳng càng hay tí nào”.

“Tôi không thương hại bà ta”, bà Zalewski tuyên bố cương quyết. “Không một mảy may”.

“Thương hại là món hàng vô dụng nhất có trên thế gian”, tôi giận dữ nói. “Đó là mặt sau của sự khoái trá hiểm độc, bà nên biết cho như vậy. Bây giờ mấy giờ rồi?”

“Bảy giờ kém mười lăm”.

“Tôi muốn gọi điện cho cô Hollmann và lúc bảy giờ. Nhưng tôi không muốn ai nghe thấy cả. Liệu có được không?”

“Làm gì có ai ở đây, ngoài cậu Georgie. Frida thì tôi đã sai đi có việc rồi. Nếu muốn, anh vào bếp mà điện thoại cũng được. Dây vừa đủ dài đến đấy”.

“Được”.

Tôi gõ cửa phòng Georgie. Đã lâu tôi không sang chú.

Chú ngồi bên bàn viết, trông ốm yếu dễ sợ. Xung quanh chú là một đống giấy xé vụn. “Chào chú, Georgie”, tôi nói, “chú làm gì thế?”

“Kiểm kê”, chú đáp với nụ cười héo hắt. “Một việc làm hay ho vào dịp lễ Giáng Sinh”.

Tôi cúi xuống một trong những mảnh giấy rách vụn. Đó là những trang vở ghi các công thức hóa học. “Sao lại thế này?”, tôi hỏi.

“Tích sự gì nữa đâu, anh Robby”.

Nước da chú xanh trong. Hai tai như làm bằng sáp. “Hôm nay chú ăn gì rồi?”, tôi hỏi.

Chú khoát tay gạt đi, “Ăn gì mà chẳng được. Vấn đề không phải ở đó. Không phải chuyện ăn. Nhưng đơn giản là tôi không thể tiếp tục. Tôi đành bỏ dở”.

“Đến mức ấy sao?”

“Vâng”, chú nói.

“Này Georgie”, tôi bình thản nói. “Chú hãy nhìn vào tôi đây. Chú không nghĩ rằng tôi cũng từng có lúc mơ ước làm một nghề gì khác hơn là ngồi gõ đàn thuê trong tiệm Quốc Tế, trong cái ổ điếm ấy sao?”

Chú vắn vẹo hai bàn tay. “Tôi biết, anh Robby. Nhưng điều đó chẳng giúp gì cho tôi. Tôi đã từng coi học hành là tất cả. Giờ đây tôi hiểu ra rằng có học cũng vô nghĩa. Rằng chẳng một cái gì có nghĩa cả. Người ta sống để làm gì chứ?”

Tôi phì cười, mặc dù trông chú ngồi đó thật thảm hại và với chú, chuyện này rất mực nghiêm trang. “Đồ lừa con”, tôi nói, “cứ làm như phát hiện ra cái gì ghê gớm lắm! Để chú tưởng chỉ mình chú biết cái triết minh vĩ đại ấy đấy? Dĩ nhiên là vô nghĩa rồi. Người ta cũng chẳng sống chỉ vì có được một mục đích. Đâu có chuyện đơn giản thế. Thôi, diện bộ vào. Chú theo tôi tới tiệm Quốc Tế. Tụi ta sẽ uống mừng chú trở thành người đàn ông. Lâu nay chú chỉ là một cậu học trò. Nửa giờ nữa tôi qua gọi chú”.

“Không”, chú nói.

Chú quá chán chường. “Có”, tôi nói. “Chú sẽ làm vui lòng tôi. Hôm nay tôi không muốn cô độc”.

Chú nhìn tôi ngờ vực. “Thôi đành”, đoạn chú chán ngán đáp. “Suy cho cùng, thế nào chẳng được”.

“Chú thấy chưa”, tôi nói. “Mở đầu mà chú đã đưa ra được một câu châm ngôn hay tuyệt”.

Đúng bảy giờ tôi xin số máy của Pat. Từ giờ này trở đi gọi điện được giảm nửa giá, thành thử tôi có thể nói chuyện với nàng lâu gấp đôi. Tôi ngồi lên chiếc bàn ngoài tiền phòng và chờ. Tôi không muốn vào bếp. Trong đó sặc mùi đậu xanh, mà tôi lại không muốn gắm Pat với cái mùi ấy trong khi gọi điện cho nàng tí nào. Mười lăm phút sau tôi được nối máy. Pat lên tiếng ngay. Khi cái giọng âm áp, trầm đục, hơi ngập ngừng của nàng vang sát bên tai tôi, tôi cảm động gần không thốt nên lời. Toàn thân tôi dường như rung lên, run rẩy từ trong máu, cổ đến mấy cũng chịu, không sao kiềm chế được.

“Lạy Chúa, Pat”, tôi nói, “có thật em đó không?”

Nàng cười. “Anh đang ở đâu đấy, Robby? Trong phòng giấy của xưởng à?”

“Không, anh đang vắt vẻo trên bàn ở nhà bà Zalewski. Em khỏe chú?”

“Khỏe, anh yêu ạ”.

“Em được dậy rồi đây à?”

“Vâng. Em ngồi trên bậu cửa sổ phòng em, mình bận áo khoác tấm màu trắng. Ngoài trời tuyết đang rơi”.

Đột nhiên nàng hiện lên rõ mồn một trước mắt tôi. Tôi thấy những bông tuyết quay cuồng, thấy mái đầu tóc sẫm xanh xanh, đôi bờ vai phẳng hơi nhô về phía trước, nước da ửng màu đồng.

“Trời ơi, Pat”, tôi nói, “đồng tiền chó chết! Giá có tiền, anh sẽ lên máy bay tức thì và đến với em chỉ nội tối nay”.

“Ôi, anh yêu...”.

Nàng im. Tôi lắng nghe tiếng lạo xạo, rì rì khe khẽ của đường dây. “Pat, em vẫn nghe đấy chứ?”

“Vâng, anh Robby. Nhưng anh đừng nói với em những chuyện như thế nữa cơ. Em nghe mà choáng váng qua”.

“Anh cũng đang chóng hết cả mặt mày lên đây”, tôi nói. “Kể anh nghe em làm gì trên ấy đi”.

Nàng bắt đầu kể, nhưng chả mấy chốc tôi không để ý nàng nói gì nữa. Tôi chỉ còn nghe giọng của nàng, và giữa lúc ngồi trong gian tiền phòng tối om ấy, bên này cái đầu lợn lòi, bên kia là căn bếp chỉ rặt đậu xanh, tôi tưởng như cánh cửa mở ra, và một làn sóng ấm áp, lấp lóa tràn vào, mơn trớn, rục rờ, đầy mộng mơ, khát vọng, tuổi trẻ. Tôi co chân lên bàn, tựa đầu vào lòng bàn tay, tôi nhìn cái đầu lợn lòi, cánh cửa bếp cũ mục, nhưng không sao thoát khỏi cơn mơ màng... mùa hè bỗng hiện về, làn gió, chiều buông trên những đồng lúa và ánh sáng xanh biếc trên những con đường rừng. Giọng nói im bật. Tôi hít một hơi thật sâu. “Nói chuyện với em, anh rất sung sướng. Pat ạ. Thế tối nay em làm gì?”

“Tối nay có một cuộc liên hoan nhỏ. Tám giờ bắt đầu. Em đi thay quần áo bây giờ đây”.

“Em sẽ mặc cái gì nào? Chiếc áo dài ngân tuyến chẳng?”

“Đúng đấy, Robby. Chiếc áo ngân tuyến em mặc hôm anh bế em lên vào hành lang ấy”.

“Thế em đi với ai?”

“Chẳng với ai cả. Đây là viện điều dưỡng mà anh. Ngay dưới đại sảnh thôi. Biết nhau hết còn gì”.

“Chắc em khó lòng chung thủy với anh”, tôi nói. “Một khi em diện chiếc áo dài ngân tuyến ấy”.

Nàng cười. “Mặc nó, em càng không đời nào lừa dối anh. Nó nhắc em biết bao kỷ niệm”.

“Anh cũng vậy. Anh đã thấy em quyến rũ nhường nào trong chiếc áo ấy. Nhưng anh cũng chẳng muốn biết rõ làm gì. Em có thể lừa dối anh, miễn là anh không biết. Sau này, khi trở về, em sẽ coi mọi chuyện như một giấc mơ, quên đi, và thế là xong”.

“Ôi, anh Robby”, nàng nói chậm, giọng trầm hẳn. “Em không thể lừa dối anh được. Em nghĩ đến anh quá nhiều. Anh không hiểu ở đây như thế nào đâu. Một nhà tù sáng sủa, đẹp đẽ. Người ta cố giải khuây càng nhiều càng hay, tất cả chỉ có vậy. Nhớ đến căn buồng của anh, đôi khi em không biết nên làm gì, thế rồi em đến bên nhà ga và nhìn những đoàn tàu ngược từ dưới ấy lên, em tưởng như sẽ được gần anh hơn nếu em trèo vào một toa tàu hoặc làm ra vẻ chờ đón ai”.

Tôi mím chặt môi. Tôi chưa hề nghe nàng nói như vậy. Bao giờ nàng cũng e lệ, và nàng thường thể hiện niềm mến yêu của mình trong cử chỉ và trong khóe mắt nhiều hơn trong lời nói.

“Anh sẽ liệu sao để lên thăm em một lần, Pat ạ”, tôi nói.

“Thật không, Robby?”

“Thật, có lẽ cuối tháng Giêng”.

Tôi biết điều ấy khó lòng thực hiện nổi, vì từ tháng Hai trở đi chúng tôi còn phải lo xoay tiền trả viện điều dưỡng. Nhưng tôi nói thế cốt để nàng có niềm vui mà nghĩ tới. Sau này cứ trì hoãn dần cho đến ngày nàng quay về cũng chẳng khó khăn gì.

“Tạm biệt, Pat”, tôi nói. “Gắng giữ gìn sức khỏe, nghe em. Hãy vui lên thì anh cũng vui. Tối nay vui nhé!”

“Vâng, Robby, hôm nay em sung sướng lắm”.

Tôi sang rủ Georgie, cùng chú đến tiệm cà phê Quốc Tế. Không sao nhận ra cái hang cũ kỹ ám khói ấy nữa. Cây Nôen được thấp sáng, ánh sáng ấm áp của nó lấp lánh trên khắp các chai, các ly và lớp kèn, đồng ộp trên quây rượu. Các ả điếm, diện áo dài dạ hội và đeo đồ trang sức giả, ngồi quanh bàn vẻ háo hức.

Đúng tám giờ, hội ca xướng của Liên hiệp các đại lý kinh doanh gia súc

rầm rập tiến vào. Họ giàn hàng theo chất giọng, bên phải là giọng cao thứ nhất, bên trái giọng trầm thứ hai. Stefan Grigoleit, bác lái lợn góa vợ, lôi ra một chiếc thanh mẫu, chia cung bậc, rồi bốn giọng ca cất lên:

“Đêm thánh ôi xin Người hãy rót  
Vào trái tim con chút thanh bình  
Ban cho kẻ hành hương khôn khổ  
Sự nghỉ ngơi, xoa dịu điều linh  
Nhưng vì sao rặng ngời lấp lánh.  
Từ mênh mông xanh thắm ân tình  
Sao muốn vẫy con về với Người  
hương về trời...”

“Cảm động quá”, Rosa vừa nói vừa chùi mắt.

Đoạn hai lắng xuống. Tiếng vỗ tay vang như sấm dậy. Các ca sĩ cúi mình tạ ơn. Stefan Grigoleit lau mồ hôi trán. “Beethoven mãi mãi vẫn là Beethoven”, ông tuyên bố.

Không ai cãi lại. Stefan nhét khăn muxoa vào túi, “Nào bây giờ chiến đấu đi thôi!”.

Bàn tiệc được bày biện trong phòng họp lớn. Giữa bàn, trên hai chiếc khay bạc đặt trên hai bếp còn nhỏ là hai chú lợn sữa vàng ươm, quay giòn. Mồm mỗi chú ngậm một quả chanh, lưng đội cây thông nhỏ thắp sáng, chẳng còn gì khả dĩ khiến chúng ngạc nhiên được nữa.

Alois xuất hiện trong chiếc áo đuôi én vừa nhuộm lại, quà tặng của ông chủ tiệm. Gã khuôn ra sáu bình đá đựng rượu gin Steinhager, bắt đầu rót. Vào cùng với gã là Potter, thành viên hội hỏa táng, vừa đi chỉ đạo một lễ hỏa táng về.

“Hòa bình cho trái đất!”, lão trịnh trọng nói, chìa tay cho Rosa, rồi ngồi xuống cạnh ả. Stefan Gregoleit, vừa nãy đã lập tức mời Georgie vào bàn, đứng lên phát biểu vài lời ngắn nhất và hay nhất trong đời ông. Nâng cao ly rượu gin lỏng lánh, ông rạng rỡ nhìn ra xung quanh và kêu to: “Xin chúc mừng!”.

Đoạn ông ngồi xuống, và Alois lễ mễ bung ra nào chân giò, nào bắp cải muối, khoai tây luộc. Ông chủ tiệm ra với những ly thủy tinh cao sáng sánh bia Pilsener óng vàng.

“Chén từ từ chứ, Georgie”, tôi nói. “Dạ dày của chú cần làm quen dần với các món ăn béo bở”.

“Chính tôi cũng phải làm quen dần”, chú đáp và nhìn tôi.

“Nhanh thôi”, tôi nói. “Cái chính là đừng có so sánh. Thế là lúc nào cũng xuôi”.

Chú gạt đầu và lại cúi xuống đĩa của mình. Potter nói the thé. Lão muốn cụng ly với bác bán xì gà Busch, một khách mời, nhưng Busch khước từ với lý do không uống để ăn được nhiều hơn.

“Rõ ngớ ngẩn chữa”, Potter chửi. “Đã ăn thì phải uống chứ! Thậm chí uống vào càng chén đấy”.

“Câm đi!”, Busch gắt. Đó là một con người gầy gò, mũi tẹt, đeo kính gọng sừng.

Potter nhảy dựng lên “Câm? Mà ăn nói với tao thế đấy hở, đồ cú thuốc lào?”

“Trật tự nào!”, Stefan Gregoleit hét to. “Câm cãi vãi vào đêm Giáng Sinh!” Ông hỏi đầu đuôi câu chuyện, đoạn phán quyết như thần Solomon. Cuộc cãi vãi phải được thử nghiệm hẳn hoi. Người ta đặt trước mỗi đối thủ nhiều đĩa lớn đều nhau bày đủ thịt, khoai tây và bắp cải muối. Những xuất ăn khổng lồ. Potter được phép uống thoải mái, Busch chỉ ăn không uống. Để cuộc thách đấu thêm phần hấp dẫn, người ta cá tiền xem bên nào thắng. Grigoleit đứng ra làm chủ cá.

Potter quây các ly bia quanh lão, xen vào đó là những ly gin Steinhager nhỏ lóng lánh như kim cương. Người ta cá cho lão, ba ăn một. Đoạn Gregoleit phát lệnh khởi sự.

Busch nhai nhồm nhoàm, đầu cúi xuống đĩa. Potter thi đấu với một thái độ thành thật, cởi mở. Cứ uống một hớp, lão lại một lần hoan hỉ chúc tụng Busch trong khi bác này đáp lại bằng những cái nhìn hẳn hoi.

“Tôi thấy khó ở”, Georgie bảo tôi.

“Theo tôi”.

Tôi dẫn chú vào buồng rửa mặt, đoạn ra phòng ngoài ngồi chờ.

Mùi thơm ngọt ngào của nền hòa trong tiếng lách tách và mùi lá thông cháy. Đột nhiên tôi tưởng nghe như tiếng bước chân nhẹ nhàng, yêu dấu, như cảm giác hơi thở ấm nóng và như trông thấy hai con mắt kẻ sát mặt mình...

“Mẹ kiếp!”, tôi chửi thề và đứng lên. “Minh làm sao thế này?”

Đúng lúc đó tôi nghe tiếng rú lộng óc “Potter! Hoan hô, Aloysius!”. Phe hỏa táng đã thắng.

Ở phòng trong mù mịt khói xì gà, rượu cognac được rót ra liên tục. Tôi vẫn ngồi bên quầy rượu. Các ả điếm chạy lên trước và thì thầm ra chiều sôi nổi tợn.

“Chúng tôi cũng có quà tặng Nôen của mình chứ tưởng”, Marion nói.

“Té ra vậy”. Tôi tựa đầu vào quầy, tự hỏi Pat đang làm gì lúc này. Tôi hình dung gian đại sảnh của viện điều dưỡng, lò sưởi cháy rùng rục, còn Pat ngồi bên một trong những chiếc bàn kê cạnh cửa sổ với Helga Guttmann và vài người nữa. Tất cả đã lùi xa kinh khủng. Đôi khi, tôi nghĩ buổi sáng nào đó có thể ta choàng tỉnh dậy, và tất cả những gì trước đây đều đã qua hẵn, bị lãng quên, chìm đắm, mãi mãi nằm yên dưới đáy nước. Không có cái gì vững chắc hết... Kỷ niệm lại càng không.

Chuông kêu leng keng. Các ả xô nhau ù té sang buồng chơi bi-a chẳng khác gì bầy gà mái hốt hoảng. Rosa đứng bên đó, tay rung chuông. ả vậy tôi cùng sang. Trên bàn bi-a, dưới một cây thông nhỏ là cả lô đĩa phủ giấy lụa. Trên mỗi đĩa có một mảnh giấy đề tên người nhận, dưới lớp giấy lụa là những gói quà xinh xinh mà các ả tặng lẫn nhau. Rosa bày đặt mọi chuyện. Người nào cũng nộp cho ả món quà gói sẵn của mình, rồi ả sắp lên các đĩa.

Hân hoan, các ả vừa liến thoắng vừa chạy loạn xạ, tíu tít như trẻ con để biết cho nhanh mình nhận được gì. “Anh không muốn nhận đĩa của anh chắc?” Rosa hỏi.

“Đĩa nào?”

“Đĩa của anh. Anh cũng được tặng quà cơ mà”.

Có thể thật, tên tôi kia, viết bằng hai màu đỏ và đen, kiểu chữ in hẵn hoi. Nào táo, nào hạt dẻ, nào cam... tôi nhận quà tặng của Rosa một chiếc áo len chui đan lấy, của bà chủ tiệm một chiếc ca vạt xanh lá mạ, của gã đồng cô Kiki đôi bút tất hồng bằng lụa nilông chính hiệu, của Wally - Người Đẹp một chiếc thắt lưng da, của anh bồi Alois nửa chai rum, của Marion. Lina và Mimi một nửa tá muxoa và của ông chủ tiệm hai chai cognac.

“Chà các bạn”, tôi nói, “các bạn ơi, tôi hoàn toàn bị bất ngờ”.

“Ngạc nhiên hả?”. Rosa reo lên.

“Cực!”

Tôi đứng đó mắc cỡ, và mẹ khi, tôi xúc động run tận xương tủy. “Các bạn”, tôi nói, “các bạn có biết lần cuối cùng tôi được tặng quà Nően là hồi nào không? Tôi hoàn toàn không nhớ nữa. Hẳn phải từ trước chiến tranh kia. Nhưng bây giờ tôi chẳng có gì tặng lại các bạn cả”.

Mọi người ồ lên vui sướng vì thấy tôi bị đánh úp một cú đẹp quá. “Bởi anh luôn chơi đàn cho chúng tôi nghe”, Lina đỏ mặt nói.

“Phải đấy, anh chơi bài gì đi, đó là quà tặng của anh”, Rosa tuyên bố.

“Bài nào các bạn muốn”, tôi nói. “Tất cả những bài các bạn muốn”.

“Bài Tuổi Hoa đi”, Marion reo.

“Thôi, bài nào vui nhộn ấy”, Kiki phản đối.

Gã bị át đi. Là kẻ luyên ái đồng tính, dẫu sao gã cũng chẳng được coi là người hoàn toàn minh mẫn. Tôi ngồi vào đàn và bắt đầu chơi. Tất cả cùng hát.

“Đã qua rồi tuổi hoa.

Bài ca còn vẳng lại

Ôi sao mãi lìa xa

Cái từng là của ta...”

Bà chủ tắt hết đèn điện đi. Chỉ còn ánh sáng dịu của những ngọn nến. Tiếng vòi bia chảy róc rách như tiếng một nguồn nước xa tít trong rừng, và gã Alois chân bệt cứ lảng vảng phía sau như một bóng ma. Tôi chơi sang đoạn hai. Mắt long lanh, nét mặt hiền dịu như những thiếu nữ con nhà gia giáo, các ả điểm vây quanh chiếc đàn dương cầm... nhưng kìa, ai khóc sụt sịt thế kia? Kiki, thằng Kiki sinh ra ở vùng Luckenwalde.

Cửa phòng lớn khẽ mở. Miệng ư ử du dương, hội ca xướng nối đuôi nhau vào và đứng lại sau lưng các ả. Grigoleit dẫn đầu, miệng ngâm điệu xì gà Brasil màu đen.

“Buổi cát bước ra đi

Đời sầm uất là thế

Khi đặt gót trở về

Thế gian, ôi quạnh quẽ...”

Giàn hợp xướng từ từ lắng giọng. “Hay”, Lina trầm trồ.

Rosa châm pháo dây. Chúng cháy xoèn xoẹt, tóe ra những tia lửa nhỏ.



“Thế, giờ làm một bài vui nhộn nào!”, ả kêu lên. “Cho Kiki tươi lên chứ”.

“Cả tôi nữa”, Stefan Grigoleit nói.

Mười một giờ thì Koster và Lenz đến. Chúng tôi cùng chú chàng Georgie xanh xao ngồi vào một bàn cạnh quầy rượu. Người ta cho chú vài khoanh bánh mì sậy ăn cho hồi lại. Chả mấy chốc Lenz đã biến vào giữa đám dân buôn gia súc huyên náo. Mười lăm phút sau chúng tôi thấy cậu ta cùng Grigoleit xuất hiện bên quầy rượu. Hai người ngoặc tay vào nhau uống mừng tình huynh đệ.

“Stefan!”, Grigoleit nói.

“Gottfried!” Lenz đáp lại, cả hai dốc cạn ly cognac.

“Mai tôi gửi cho chú một gói dôi và xúc xích gan nghe, Gottfried. Được không?”

“Được quá chứ lại!”, Lenz vỗ vai ông. “Ôi, Stefan, bạn già tốt bụng”.

Stefan mặt mày sáng rỡ. “Chú cười mới sáng khoái làm sao”, ông hân hoan nói. “Tôi thích kẻ nào biết cười vô tư. Tôi rất dễ buồn, đó là nhược điểm của tôi”.

“Của tôi nữa”. Lenz đáp. “chính vì thế mà tôi cười. Lại đây, Robby, cùng bọn này cạn một ly chúc cho chuỗi cười vô tận của nhân gian!”

Tôi lại bên họ. “Thằng nhỏ kia làm sao vậy?”, Stefan chỉ Georgie hỏi, “trông nó cũng buồn góm lên được”.

“Làm nó vui lên dễ thôi”, tôi nói. “Nó chỉ cần chút việc làm”.

“Khó đấy”, Stefan đáp. “Thời buổi này!”

“Nó làm gì cũng được”.

“Thời buổi này ai chả sẵn sàng thế”, Stefan đã tỉnh táo hơn.

“Chú ấy chỉ cần bảy mươi lăm mác mỗi tháng”.

“Nói khoác. Ngàn ấy thì sống sao nổi”.

“Thế mà nó sống nổi đấy”, Lenz nói.

“Này Gottfried”. Grigoleit đáp, “tôi là thằng già bợm rượu. Đúng vậy. Nhưng việc làm là thứ hết sức nghiêm chỉnh. Không thể hôm nay cho người ta việc làm, mai lại cướp đi. Như thế còn khôn nạn hơn là cưới vợ cho một người để rồi đến mai cuỗm lại cô dâu. Nhưng nếu thằng nhỏ ấy trung thực và chỉ cần bảy mươi lăm mác thì nó gặp may đấy. Bảo nó tám giờ sáng thứ Ba lại đằng tôi. Tôi đang cần một chân loong toong để giao dịch với nghiệp

đoàn và sai vặt này khác. Thỉnh thoảng cho thêm một gói thịt. Xem ra cu cậu cần được vỗ béo đôi chút”.

“Nói nghiêm chỉnh đấy chứ?”, Lenz hỏi.

“Đó là lời nói của Stefan Grigoleit”.

“Georgie”, tôi gọi, “lại đây”.

Chú run lên khi biết chuyện. Tôi trở lại với Koster. “Otto này”, tôi nói, “nếu như cậu có thể sống lại từ đầu cuộc đời cậu, cậu muốn hay không?”

“Hệt như cũ ấy à?”

“Ừ”.

“Không”, Koster đáp.

“Mình cũng vậy”, tôi nói.

# CHƯƠNG 24

Chuyện xảy ra ba tuần sau đó, vào một tối tháng Giêng lạnh lẽo. Tôi ngồi chơi bài Mười bảy và bốn với ông chủ trong tiệm Quốc Tế. Tiệm vắng tanh, ngay các ả điếm cũng chẳng thấy bén mảng đến. Thành phố đang náo động. Ngoài đường lúc nào cũng rầm rập những đoàn người đi ngang, có đoàn vang lên khúc quân hành, có đoàn lại hát Quốc Tế Ca, rồi lại đến những dòng người câm lặng dài dằng đặc giương cao những tấm biểu ngữ đòi việc làm và bánh mì. Tiếng ngàn vạn bước chân nện trên mặt đường giống như tiếng một chiếc đồng hồ khổng lồ không biết đến khoan nhượng. Hồi chiều đã xảy ra một cuộc đụng độ giữa những người đình công và cảnh sát, làm mười hai người bị thương, và vài giờ trở lại đây, toàn bộ lực lượng cảnh sát ở trong tình trạng báo động. Những chiếc xe đi đàn áp bóp còi inh ỏi trên các nẻo đường.

“Không sao yên được”, ông chủ nói và chĩa con mười sáu ra. “Từ dạo chiến tranh đến giờ không còn được yên nữa. Mà ngay thưở đó cũng có ai mong gì hơn là được yên thân đâu. Trái đất điên rồ!”

Tôi chia con mười bảy và vợ tiền. “Trái đất không điên”, tôi nói. “Chỉ lũ người rồ”.

Alois, nãy giờ đứng sau ghé ông chủ xem đánh bài, liền phản đối. “Họ chẳng rồ. Chỉ tham lam. Không kẻ nào chịu nhường kẻ nào. Và vì có lắm của quá mà hóa ra phần đông lại trắng tay. Chẳng qua là chuyện phân phối”.

“Thì rồ”, tôi nói và bỏ hai lần liền không rút bài. “Nhưng chuyện ấy vốn có từ cả ngàn năm nay”.

Ông chủ rút bài. Ông được con mười lăm và nhìn tôi nghi ngại. Ông bèn bỏ, rút tiếp lá khác, con mười hai, phải chi cứ để mười lăm thì ông đã thắng. “Bố khỉ, thôi quái chơi nữa”, ông chửi thề. “Lừa gạt đều giả đến thế là cùng! Tôi cứ nghĩ anh phải có mười tám là ít”.

Alois lầu bầu gì đó. Tôi vợ tiền. Ông chủ vừa ngáp vừa nhìn đồng hồ. “Mười một giờ đến nơi rồi. Đóng cửa thôi. Chả ma nào đến nữa đâu”.

“Có ai đến kia kìa”, Alois bảo.

Cửa mở. Koster vào, “Ngoài ấy có gì lạ không, Otto?”

Cậu ta gật. “Một cuộc ẩu đả lớn trong các hội trường Borussia<sup>[16]</sup>. Hai người bị thương nặng, vài chục người bị thương nhẹ, khoảng một trăm bị

bắt. Hai trận đọ súng ở bắc thành phố. Một cảnh sát chết. Mình không rõ số người bị thương. Thế đấy, hẳn bây giờ, sau khi kết thúc các cuộc họp đông đảo, mới thực sự bắt đầu cuộc tắm máu. Cậu xong việc ở đây rồi chứ?”

“Ừ”, tôi nói. “Tụi này vừa toan đóng cửa”.

“Thế thì theo mình”.

Tôi nhìn ông chủ. Ông gật đầu. “VẬY, chào ông”, tôi nói.

“Chào”, ông chủ đáp uể oải. “Cẩn thận đây”.

Chúng tôi đi ra. Bên ngoài thoang thoảng mùi tuyết, truyền đơn rải khắp đường như những con bướm trắng không lồ rã cánh.

“Gottfried không có đây”, Koster nói. “Cậu ta lại chúi vào một cuộc họp nào hẳn thôi. Mình nghe nói cảnh sát sẽ đàn áp và tin chắc còn xảy ra lắm chuyện lôi thôi. Nếu tụi mình túm được cậu ta về trước khi cuộc họp kết thúc thì hay quá. Cậu ta có chín chắn gì cho cam”.

“Cậu biết cậu ta ở đâu không?”, tôi hỏi.

“Không chắc lắm. Nhưng thế nào chẳng ở một trong ba cuộc họp chính. Tụi mình phải lượn qua cả ba. Tóc vàng chóc như Gottfried thì dễ nhận ra thôi mà”.

“Được”. Chúng tôi lên xe và Karl phóng đến địa điểm tụ họp thứ nhất.

Ngoài đường lù lù một chiếc xe cam-nhông chở đầy cảnh sát. Lố nhố mũ sắt buông giáp che kín cổ. Những nòng súng cácbin ánh lên mờ mờ dưới đèn đường. Các cửa sổ treo cờ sặc sỡ. Trước lối vào chen chúc một đám đông mặc đồng phục. Hầu hết đều trẻ măng.

Chúng tôi mua hai vé vào cửa. Khước từ những cuốn sách nhỏ, những hộp quyên góp, những đơn tình nguyện được đưa ra chào mời, chúng tôi đi thẳng vào phòng họp. Phòng chật cứng người, sáng choang để có thể nhận ra ngay người muốn phát biểu. Chúng tôi đứng lại bên cửa, và Koster, vốn tinh mắt, dôi tìm khắp lượt.

Trên diễn đàn, một người đàn ông thấp béo, vạm vỡ đang diễn thuyết. Cái giọng ngực ồm ồm của ông ta dễ dàng vang đến tận góc xa nhất. Đó là một giọng nói đầy sức thuyết phục, dấu người ta không để ý lắm đến nội dung của nó. Và chẳng những điều được nói ra cũng thật dễ hiểu. Người đàn ông đi đi lại lại trên diễn đàn, thoải mái, tay khẽ vung vẩy, thỉnh thoảng lại nhấp một ngụm nước và buông lời bông đùa. Nhưng rồi bỗng ông ta đứng sững, hướng thẳng vào cử tọa, và với giọng khác hẳn, gay gắt, ném ra hết

câu này đến câu khác, mạnh như roi quất, vạch những sự thật mà ai cũng biết về làm than, đói khát, thất nghiệp... ông ta nói mỗi lúc mỗi hăng, lời cuốn thính giả, cho tới khi thét lên dữ dội: “Không thể để tình trạng này tiếp diễn! Phải thay đổi!”

Dân chúng hoan hô vang dậy, vừa vỗ tay vừa la hét, làm như mọi sự đã thay đổi qua bài hùng biện. Trên kia, kẻ diễn thuyết chờ đợi tiếng cổ vũ lắng xuống. Mặt mũi ông ta sáng rỡ, hả hê. Và rồi những lời hứa hẹn hào phóng, đầy sức thuyết phục, hấp dẫn khôn cưỡng, nối nhau phun ra như mưa, chỉ thấy toàn hứa hẹn là hứa hẹn: trên bấy nhiêu cái đầu, một thiên đường trải ra rực rỡ mê hồn, đó là một cuộc xổ số mà ai cũng trúng giải độc đắc, ai cũng tìm được hạnh phúc riêng, quyền lợi riêng và báo được thù riêng.

Tôi nhìn đám thính giả. Đó là những con người thuộc đủ mọi ngành nghề: kế toán, tiểu thương, công chức, vô số thợ thuyền và nhiều phụ nữ. Giờ đây họ ngồi đó trong gian phòng nóng sực, hoặc cúi về trước, hoặc ngả ra sau. Hàng sát hàng, mặt kề mặt, dòng thác hùng biện cuộn cuộn chảy trên đầu họ, và kỳ lạ chưa: đâu họ là muôn người khác nhau, gương mặt họ có cùng một vẻ lơ đãng, cùng một ánh mắt ngái ngủ dõng vào cái cõi xa xăm của một ảo ảnh mờ sương về bà tiên Morgana, cái nhìn ấy vừa trống rỗng, lại vừa chứa đựng niềm hy vọng mãnh liệt xua tan tất cả: phê phán, ngờ vực, những mâu thuẫn, thắc mắc, đời sống hàng ngày, hiện tại, thực tế. Cái ông đứng trên kia cái gì cũng biết... ông ta giải đáp mọi câu hỏi, tìm ra lối thoát cho mọi cảnh khốn cùng. Kẻ cũng thích khi được tin cậy ông ta. Kẻ cũng thích khi có người nghĩ hộ mình. Tin tưởng thích lắm chứ.

Koster huých tôi. Không có Lenz ở đây. Cậu ta hát đầu về phía lối ra. Tôi gật, rồi hai thằng bỏ đi. Mấy tay giữ trật tự cau có, ngờ vực nhìn theo chúng tôi. Ở phòng ngoài, một ban nhạc tư thể sẵn sàng tiến vào phòng họp. Sau họ là một rừng cờ và phù hiệu.

“Tài tổ chúc đấy chứ, hả?”, ra ngoài đường, Koster hỏi.

“Cực tài. Mình có thể đánh giá như vậy, với danh nghĩa cựu phụ trách tuyên truyền”.

Chúng tôi đi tiếp vài phố nữa. Ở đó đang diễn ra cuộc họp chính trị thứ hai. Cờ quạt khác, đồng phục khác, phòng khác, còn thì giống hệt cuộc họp kia. Trên các gương mặt vẫn cùng một vẻ: niềm hy vọng mơ hồ và sự trống rỗng mê muội. Bàn chủ tịch phủ khăn trắng chạy ngang trước các dãy ghế. Ngồi sau bàn là các bí thư Đảng, ông chủ tịch, và vài cô gái già giàu nhiệt huyết. Diễn giả, thoát trông đã biết là công chức, kém hùng biện hơn tay

trước. Anh ta nói tiếng Đức chính thống, đưa ra những con số, những bằng chứng, tất cả đều chính xác, dẫu vậy bài nói của anh ta vẫn ít sức thuyết phục hơn tay kia, kẻ hầu như không hề chứng minh mà chỉ khẳng định. Một mối, các bí thư Đảng gà gât trên bàn chủ tịch; họ đã qua hàng trăm cuộc họp như vậy.

“Đi thôi”, được một lát Koster bảo. “Cậu ta cũng chẳng ở đây nốt. Và lại mình cũng đoán cậu ta không đến đây”.

Chúng tôi đi tiếp. Sau cái hơi mù ngọt ngọt trong những gian phòng đông nghịt người, không khí bên ngoài thật mát mẻ, trong lành. Xe phóng vèo vèo qua các phố. Chúng tôi chạy dọc một con kênh. Đèn đường hắt ánh sáng vàng vọt xuống mặt nước tối om đang khe khẽ vỗ vào đôi bờ bê-tông. Một chiếc xà lan đen sì chậm chạp trôi qua. Chiếc tàu kéo xà lan nháy đèn hiệu xanh, đỏ. Một con chó chó vào bờ sủa, rồi một người đàn ông đi ra, tạt ngang trước đèn và biến vào một cửa quầy tàu lấp lóe ánh sáng vàng trong giầy lát. Bên kia kênh, những dãy nhà phía tây sáng trưng. Một nhịp cầu cong nối từ bên đó sang bên này. Xe hơi, xe buýt và tàu điện qua lại liên tục. Chiếc cầu như một con rắn rục rỡ, lấp lánh vắt mình trên vùng nước đen lơ lờ.

“Theo mình nên để xe lại đây đi bộ nốt quãng cuối cùng”. Koster nói sau một lát suy nghĩ. “Cho đỡ bị để ý”.

Chúng tôi dừng chiếc Karl dưới ngọn đèn đường trước một quán rượu. Một chú mèo trắng lủi nhanh khi chúng tôi xuống xe. Mấy ả điếm khoác tạp dề đứng dưới cái cổng vòm cách đó một chút im bật khi chúng tôi đi ngang. Một bác quay đàn oóc tựa lưng vào xó tường ngủ. Một bà lão bới rác ở vệ đường.

Chúng tôi đi tới một khu nhà cho thuê đồ sộ, bản thủ có nhiều nhà phía trong, nhiều sân và lối vào. Ở tầng dưới cùng là vài cửa hiệu nhỏ, một tiệm bánh và một điểm thu mua giẻ rách, sắt vụn. Ngoài đường, trước lối vào đầu tiên, đỗ hai xe cam-nhông chở cảnh sát.

Ở góc sân ngoài cũng dựng một cái bệ bằng gỗ ván, trên đó treo mấy tấm bản đồ chiêm tinh to tướng. Trước một cái bàn chất đầy giấy má, một lão đàn ông chít khăn đứng trên cái bục nhỏ. Trên đầu lão treo một tấm biển: Chiêm tinh. Xem tướng tay. Đoán tương lai... Năm mươi xu một lá số tử vi. Một đám người vây quanh lão. Ánh sáng gắt của ngọn đèn cacbon rơi vào bộ mặt vàng khè, nhăn nheo của lão. Lão nói với đám thánh giả đang im lặng ngược nhìn lão... vẫn là cái ánh mắt trống rỗng, lơ đãng, trông chờ phép

màu ban nãy ở các thính giả của hai cuộc họp có đủ cờ quạt, kèn trống kia.

“Otto”, tôi bảo Koster, “hiện giờ thì mình biết thiên hạ muốn gì. Họ hoàn toàn chẳng muốn chính trị. Họ cần thứ thay thế tôn giáo”.

Cậu ta quay lại. “Chứ sao. Họ muốn lại được tin vào cái gì đó. Cái gì cũng được. Cho nên họ mới cuồng tín đến thế”.

Chúng tôi vào sân thứ hai kế phòng họp. Mọi cửa sổ đều sáng đèn. Chợt chúng tôi nghe ồn ã bên trong. Đúng lúc đó, như theo một tín hiệu hẹn trước, từ cửa ngách tôi om, một tốp thanh niên mặc áo vinilông lao qua sân, rồi men sát dưới các cửa sổ xông tới cửa phòng họp. Tên đi đầu đập tung cửa, cả bọn ào vào. “Một toán đột kích”. Koster nói. “Lại đây mau, nép vào tường, sau các thùng bia”.

Tiếng gào rú, la hét nổi lên trong phòng. Một giây sau, kính cửa sổ vỡ toang, có người nhào ra. Liền đó cửa lớn bật tung, người ùn ùn đổ ra, đám trước bỏ nhào, đám sau ngã chổng lên trên. Một thiếu phụ vừa thất thanh kêu cứu vừa ù té thoát qua cổng vòm. Đợt thứ hai xô ra, người nằm chấn ghế kẻ cầm vại bia giận dữ lẫn xả vào nhau. Một bác thợ mộc to lừng lững nhảy khỏi đám và thủ thế cách đó một chút, hề thấy đầu một địch thủ trước mắt là bác vung tít cánh tay dài ngoẵng tổng hấn bật trở lại cái vòng người đâm đá túi bụi ấy. Bác xuất “chưởng” hết sức bình thản, như thể đang bóp củi.

Một đám nữa nhao ra; chúng tôi chợt thấy, cách chừng ba mét, mớ tóc vàng hoe của Gottfried trong tay một thằng cha cuồng bạo để ria mép.

Koster khom mình xuống, biến vào đám ầu ẩu. Vài giây sau, tên để ria buông Gottfried, hai tay giơ lên trời với nét mặt bàng hoàng tột độ, rồi đổ huych vào đám đông như một cái cây bị đốn hết rễ. Liền đó tôi phát hiện ra Koster đang túm cổ áo Lenz lôi theo mình.

Lenz cưỡng lại. “Để mình trở lại tí nữa thôi, Otto”, cậu ta hỗn hển.

“Điên vừa chứ”, Koster kêu, “cảnh sát đến bây giờ đây này! Chạy đi, vòng phía sau lên tầng trên!”

Chúng tôi băng qua sân về phía cửa ngách tối mò. Thật hú vía. Ngay lúc ấy, tiếng còi đột ngột huýt vang sân, những chiếc mũ sắt đen lấp lánh, và cảnh sát vây kín các ngã. Chúng tôi chạy lên cầu thang để tránh bị điệu về bót. Từ một cửa sổ trên hành lang, chúng tôi quan sát diễn biến cuộc vây ráp. Cảnh sát hành động không chệ vào đâu được. Thoạt đầu quây đám người, chốt lại đây, tách từng tốp, rồi xé lẻ từng người và lập tức tổng lên xe chở đi. Người sa lưới đầu tiên là bác thợ mộc sừng sốt chưa hiểu mô tê gì cứ tìm

cách phân bua vô ích. Một cánh cửa mở xoạch sau lưng chúng tôi. Một thiếu phụ mặc áo ngủ, cặp giò gầy guộc để trần, tay cầm nến, thò đầu ra. “Mình đây à?”, chị ta càu nhàu.

“Không”, Lenz nói, lúc này đã trấn tĩnh. Thiếu phụ đóng sập cửa lại. Lenz lấy đèn pin soi cánh cửa. Trong nhà này, người ta đang đợi cửa bác phó nê Gerhard Peschke.

Bên dưới yên ắng trở lại. Cảnh sát đã rút, sân vắng ngắt. Chúng tôi đợi thêm lát nữa, rồi xuống thang.

Một đứa bé khóc sau một cánh cửa. Nó khóc khe khẽ, nỉ non trong bóng tối.

Chúng tôi đi qua sân ngoài. Lão thầy tướng số đứng trơ thân cụ trước những tấm bản đồ chiêm tinh. “Một lá số tử vi chứ, thưa các vị?”, lão gọi. “Hay xem tay đoán số vậy?”

“Này, thử xem đi”, Gottfried nói và chìa tay cho lão.

Lão già ngậm ngμία hồi lâu. “Ông có khuyết tật ở tim”, đoạn lão nói dứt khoát, “ông dồi dào tình cảm, đường trí tuệ khí ngắn, bù lại, ông có khiếu âm nhạc. Ông khỏe mơ mộng, nhưng lại là người chồng vô tích sự. Tuy thế, tôi thấy ba đứa con. Bản chất ông giỏi giao thiệp, thiên về trầm tư, và ông sẽ thọ tám mươi”.

“Chí lý”, Gottfried nói. “Bà cụ tôi vẫn luôn bảo kẻ ác thường sống lâu. Đạo đức là một phát minh của con người chứ không phải thứ thích hợp với cuộc sống”.

Cậu ta trả tiền lão già, chúng tôi đi tiếp. Phố vắng tanh. Một con mèo đen vụt qua trước mặt chúng tôi. Lenz chỉ nó “Tội mình nên quay lại mới phải”.

“Chà kệ”, tôi nói, “vừa nãy bọn này thấy một con trắng, thế là hòa”.

Chúng tôi đi xuôi dãy phố. Phía bên kia đường, một tốp người đi ngược lại chúng tôi. Đó là bốn thằng trai trẻ. Một thằng đi đôi ghệt da mới màu vàng nhạt, những thằng khác dận thứ ủng như ủng lính. Chúng dừng lại, nhìn sang chúng tôi. “Nó đây!”, bỗng thằng đi ghệt thét lên và chạy xéo qua đường lao về phía chúng tôi. Sau nháy mắt, hai tiếng súng nổ, thằng ấy nhảy phắt sang bên kia đường và cả bốn thằng cầm đầu cầm cổ bỏ chạy. Tôi thấy Koster toan phi theo, nhưng bỗng quay ngoắt lại một cách kỳ dị, hai tay dang ra, kêu lên một tiếng điên dại, đau đớn, và cố vực Lenz vừa đổ huych xuống mặt đường.

Trong tích tắc, tôi tưởng cậu ta chỉ ngã thế thôi, rồi tôi thấy máu. Koster



giật tung chiếc áo vét của Lenz, xé toạc áo sơ-mi... máu trào ra như suối. Tôi lấy khăn tay rịt vào. “Ồ đây, mình đi lấy xe”, Koster kêu lên và chạy đi.

“Gottfried”, tôi nói, “nghe mình gọi không?”

Mặt cậu ta xám lại. Mắt khép hờ. Mi mắt không động đậy. Một tay tôi nâng đầu cậu ta, tay kia ấn chặt chiếc khăn vào chỗ máu chảy. Tôi quỳ bên Lenz, tôi lắng tai cố tìm tiếng khò khè của cậu ta, hơi thở của cậu ta, nhưng không nghe thấy gì, tất cả đều im phắc: con đường vô tận, dãy nhà vô tận, đêm tối vô tận... tôi chỉ nghe tiếng máu khẽ nhỏ xuống mặt đường và biết rằng cảnh này hẳn đã từng xảy ra giống hệt và rằng nó không thể có thật.

Koster lao xe đến. Cậu ta ngả lưng ghé trái ra. Chúng tôi gượng nhẹ nâng Gottfried đặt nằm trên cả hai ghế. Tôi nhảy lên và Koster vọt xe đi. Chúng tôi đến trạm cấp cứu gần nhất. Koster thận trọng phanh xe. “Vào xem có bác sĩ không. Nếu không, phải tìm nơi khác”.

Tôi chạy vào. Một y tá ra đón. “Có bác sĩ đây không?”

“Có. Các anh mang ai lại à?”

“Phải. Đi với tôi! Dem cáng ra”.

Chúng tôi đặt Gottfried lên cáng khiêng vào. Bác sĩ đã sẵn sàng tay áo xắn cao. “Đặt lên đây!” Ông chỉ vào một cái bàn phẳng. Chúng tôi nâng cáng đặt lên. Bác sĩ kéo một ngọn đèn xuống sát người Lenz.

“Gì thế này?”

“Đạn súng lục”.

Ông lấy một nắm bông chùi máu, xem mạch Gottfried, nghe tim cậu ta, rồi thẳng người dậy. “Hết cách rồi!”.

Koster ngó ông đăm đăm. “Vết đạn chệch hẳn sang bên kia mà. Không thể nặng tới mức ấy được!”

“Những hai phút!”, bác sĩ nói.

Ông lại chùi máu. Chúng tôi cúi xem. Và chúng tôi thấy chệch dưới vết thương tuôn máu xối xả còn một vết nữa... một lỗ nhỏ sâu hoắm ngay ở vùng tim.

“Hẳn ông ấy đã chết ngay lúc đó”, bác sĩ nói. Koster đứng thẳng dậy. Cậu ta nhìn Gottfried. Bác sĩ đặt gạc lên các vết thương và dùng băng dính dán lại. “Các ông muốn rửa ráy không?”, ông hỏi tôi.

“Không”, tôi đáp.

Giờ đây mặt Gottfried vàng xỉn, hốc hác. Miệng hơi méo, mắt khép hờ, mắt này khép ít hơn mắt kia một chút. Cậu ấy nhìn chúng tôi. Cậu ấy không ngừng nhìn chúng tôi.

“Chuyện xảy ra thế nào?”, bác sĩ hỏi.

Không ai trả lời. Gottfried nhìn chúng tôi. Cậu ấy nhìn chúng tôi không rời.

“Cứ để ông ấy ở đây”, bác sĩ nói.

Koster choàng tỉnh. “Không”, cậu ta đáp, “chúng tôi đưa về”.

“Đâu được”, bác sĩ nói. “Chúng ta phải gọi điện báo cảnh sát. Cả cảnh sát hình sự. Phải lập tức tiến hành mọi biện pháp để tìm ra hung thủ”.

“Hung thủ ư?”, Koster nhìn bác sĩ tuồng như không hiểu ông nói gì.

“Được”, đoạn cậu ta bảo, “tôi sẽ đưa xe đi đón cảnh sát”.

“Ông có thể gọi điện. Họ sẽ có mặt nhanh hơn”.

Koster chậm rãi lắc đầu. “Không. Tôi sẽ đón họ”.

Cậu ta đi ra, rồi tôi nghe tiếng Karl rò máy.

Bác sĩ đẩy đến trước tôi một cái ghế. “Ông định đứng mãi thế sao?”

“Cám ơn”, tôi nói và vẫn đứng. Ánh đèn sáng trắng vẫn rọi trên bộ ngực đầm máu của Gottfried. Bác sĩ đẩy đèn cao lên một chút.

“Chuyện xảy ra thế nào?”, ông lại hỏi.

“Tôi không rõ. Hẳn phải có sự nhận lầm với ai đó”.

“Ông ấy từng tham dự chiến tranh phải không?”, bác sĩ hỏi.

Tôi gật.

“Nhìn các vết sẹo thì biết”, ông nói. “Cả cánh tay đầy vết đạn nữa. Ông ấy đã nhiều lần bị thương”.

“Phải. Bốn lần”.

“Thật khôn nạn”, viên y tá nói. “Thườ đó thì cả cái lũ chấy rận đê tiện kia đều đang còn quần tã”.

Tôi không đáp. Gottfried nhìn tôi. Nhìn tôi không rời.

Khá lâu sau Koster mới trở lại. Cậu ta về một mình. Bác sĩ đặt tờ báo đang đọc dở xuống. “Các nhà chức trách đến rồi chứ?”, ông hỏi.

Koster vẫn đứng, Cậu ta không nghe bác sĩ nói gì.

“Cảnh sát đến rồi chứ?”, bác sĩ hỏi lại.

“Phải”, Koster đáp. “Cảnh sát ấy à? Ta phải điện thoại gọi họ đến”.

Bác sĩ nhìn cậu ta, nhưng không nói gì, đoạn lại bên máy điện thoại. Vài phút sau hai nhân viên cảnh sát đến. Họ ngồi vào bàn, và một người bắt đầu ghi lý lịch của Gottfried. Không hiểu sao tôi thấy thật điên rồ khi phải khai cậu ấy tên gì, sinh năm nào, sống ở đâu... khai lúc này, khi cậu ấy đã chết. Tôi nhìn trân trân vào ngọn bút chì đen mà thỉnh thoảng viên cảnh sát lại đưa lên môi nhấm, và trả lời như máy.

Viên cảnh sát kia bắt tay vào lập biên bản. Koster cung cấp những điều cần thiết, “Ông có thể tả sơ sơ cho tôi hình dáng hung thủ không?”, viên cảnh sát hỏi.

“Không”, Koster đáp. “Tôi đã không để ý”.

Tôi nhìn sang cậu ta. Tôi nhớ đến đôi ghệt vàng và những bộ đồng phục.

“Ông không biết hẳn ta thuộc đảng phái chính trị nào à? Ông không trông thấy các phù hiệu hay đồng phục gì sao?”

“Không”, Koster nói, “Tôi chẳng trông thấy gì trước khi có tiếng súng nổ. Còn sau đó tôi chỉ lo cứu...”, cậu ta ngắc lại một giây... “cứu người đồng đội của tôi”.

“Ông tham gia một đảng phái chính trị nào chẳng?”

“Không”.

“Tôi hỏi thế là vì ông vừa nói ông ấy là đồng đội của ông...”.

“Đồng đội từ thời chiến tranh”, Koster nói.

Viên cảnh sát quay sang tôi. “Ông mô tả lại thủ phạm được chứ?”

Mắt Koster nhìn như dán vào tôi. “Không”, tôi nói. “Tôi cũng chẳng trông thấy gì cả”.

“Lạ nhỉ”, viên cảnh sát nói.

“Chúng tôi mãi nói chuyện nên không để ý gì cả. Và lại sự việc diễn ra quá nhanh”.

Viên cảnh sát thở dài. “Thế này thì thật ít hy vọng tóm được lũ ấy”.

Anh ta hoàn chỉnh biên bản. “Chúng tôi đưa xác ông ấy về được không?”, Koster hỏi.

“Thật ra thì...”, viên cảnh sát nhìn bác sĩ. “Nguyên nhân cái chết được

xác định hoàn toàn minh bạch chứ ông?”

Bác sĩ gật đầu. “Tôi đã viết giấy chứng tử”.

“Viên đạn đâu? Tôi phải đưa viên đạn về sở”.

“Có hai viên đạn găm sâu. Nếu thế tôi phải...”, bác sĩ do dự.

“Tôi cần cả hai viên”, viên cảnh sát nói. “Tôi phải kiểm tra xem có phải chúng bắn ra từ một súng không”.

“Vâng được”, Koster đáp khi nhận thấy cái nhìn của bác sĩ.

Viên y tá đẩy cái cang lại cho ngay ngắn và kéo thấp ngọn đèn xuống. Bác sĩ lấy dụng cụ, rồi dùng một chiếc panh thọc vào vết thương. Viên đạn đầu được lôi ra nhanh vì nằm không sâu lắm. Đến viên thứ hai, ông phải xẻ rộng vết thương. Ông kéo cao hết cỡ đôi găng cao su, rồi lấy kẹp và dao mổ. Koster vội đến bên cang vuốt cặp mắt vẫn còn hé mở của Gottfried. Tôi quay đi khi nghe tiếng lưỡi dao khẽ lách vào thịt. Trong một giây, tôi chực đâm bổ vào xô bác sĩ ra, vì trong tôi chợt nhói lên, biết đâu Gottfried chỉ mới ngất đi và bây giờ bác sĩ mới thật sự giết cậu ấy... nhưng rồi tôi hiểu lại là Lenz đã chết. Chúng tôi từng chứng kiến quá nhiều cái chết, đủ để hiểu điều ấy.

“Nó đây”, bác sĩ vừa nói vừa đứng thẳng người lên. Ông chùi sạch viên đạn rồi trao cho viên cảnh sát.

“Cùng một loại. Từ một súng bắn ra, phải không?”

Koster cúi nhìn kỹ hai viên đạn nhỏ sáng mờ lặn đi lặn lại trên bàn tay viên cảnh sát.

“Phải”, cậu ta đáp.

Viên cảnh sát lấy giấy gói chúng lại, nhét vào túi.

“Thật ra thì không được phép”, đoạn anh ta nói, “nhưng nếu các ông đã muốn đưa ông ấy về nhà... sự việc đã rõ ràng, phải không, ông bác sĩ?”. Bác sĩ gật đầu. “Ông còn là bác sĩ pháp y mà”, viên cảnh sát tiếp, “thôi thì... xin tùy các ông... có điều các ông phải... rất có thể ngày mai một tổ điều tra sẽ đến nữa...”

“Tôi biết”, Koster nói. “Chúng tôi sẽ để nguyên si như thế”. Hai viên cảnh sát đi.

Bác sĩ đã băng lại các vết thương của Gottfried. “Các ông định chuyển sao đây?”, ông hỏi. “Các ông cứ đưa cang về cũng được. Chỉ cần các ông gửi trả nội nhật ngày mai”.

“Vâng, cảm ơn ông”, Koster nói. “Đi thôi, Robby”.

“Đề tôi giúp một tay”, viên y tá bảo.

Tôi lắc đầu. “Thế này được rồi”.

Chúng tôi khiêng cáng ra xe, đặt lên hai chiếc ghế bên trái vốn tạo thành một mặt phẳng dài nhờ lưng ghế trước ngả ra sau. Viên y tá và ông bác sĩ theo ra đứng nhìn. Chúng tôi lấy măng-tô của Gottfried phủ cho cậu ấy, rồi cho xe chạy. Được một lát, Koster quay lại tôi. “Tội mình lượn ra phố ấy lần nữa. Ban nãy mình đã đi thăm chúng. Nhưng khi đó hẵng sớm quá. Có thể bây giờ chúng lại thò mặt ra đường”.

Tuyết bắt đầu rơi nhẹ. Koster cho xe chạy gần như không tiếng động. Cậu ta nhả tay côn, và chốc chốc lại tắt bộ đánh lửa. Cậu ta không muốn bị nghe thấy, mặc dù bốn thằng khốn chúng tôi đang sẵn lòng không hề biết chúng tôi có xe. Chúng tôi cứ lặng lẽ bước đi như một bóng ma màu trắng trong màn tuyết mỗi lúc một thêm dày đặc. Tôi lấy trong hộp dụng cụ một cái búa để ngay cạnh mình sẵn sàng vọt khỏi xe là giáng liền. Chúng tôi dọc theo lối phố đã xảy ra câu chuyện. Dưới ngọn đèn đường vẫn còn vũng máu đen kịt, Koster tắt đèn xe. Chúng tôi chạy sát hè đường, mắt quan sát kỹ xung quanh. Không một bóng người. Chỉ nghe những giọng nói vẳng ra từ một quán rượu sáng đèn.

Koster dừng xe ở góc phố. “Cậu ngồi đây”, cậu ta nói, “mình vào ngó thử trong quán”.

“Mình vào với cậu”, tôi đáp.

Cậu ta nhìn tôi với ánh mắt tôi vốn quen thuộc từ thời chiến tranh mỗi khi cậu ta đi tuần một mình. “Mình sẽ không thanh toán với nó trong quán đâu”, cậu ta nói. “Biết đâu nó thọt nốt cả mình. Chỉ ngó xem có nó trong ấy không. Rồi hai thằng sẽ đón đường nó. Cậu ở lại đây với Gottfried”.

Tôi gật đầu, cậu ta liền biến sau màn tuyết dày đặc. Những bông tuyết bay vào mặt tôi, tan ra trên làn da, bỗng tôi không sao chịu nổi cảnh Gottfried bị trùm kín mít, cứ như cậu ấy không còn thuộc bọn chúng tôi, tôi bèn lật chiếc măng-tô khỏi đầu cậu ấy. Giờ đây tuyết đậu lên mặt Gottfried, lên mắt, lên miệng cậu ấy, nhưng tuyết không tan. Tôi móc khăn tay phủi tuyết đi và trùm áo lại.

Koster quay ra. “Không thấy gì à?”

“Không”.

Cậu ta lên xe. “Giờ tui mình lượn tiếp các phố khác. Mình có linh cảm sẽ

chạm trán chúng bất kỳ lúc nào”.

Chiếc xe rú lên rồi lập tức ăng xuống. Chúng tôi lướt nhẹ xuyên màn đêm quay cuồng tuyết trắng, hết phố này sang phố khác, đến mỗi khúc quanh tôi phải ôm chặt Gottfried để cậu ta khỏi tuột xuống, thỉnh thoảng chúng tôi lại dừng xe quá một quán rượu quãng trăm thước, và Koster lại sải chân chạy ngược về quán ngó thử. Cậu ta đang trong cơn ám ảnh lạnh lùng, u ám, không hề nghĩ tới chuyện phải đưa Gottfried về nhà cái đã; hai lần cậu ta toan quay về, nhưng rồi lại quanh xe lại, vì cậu ta sợ biết đâu chính lúc ấy bốn thằng kia lại thò mặt ra đường.

Chợt chúng tôi thấy xa xa trước mặt, trên con đường dài trống vắng, một tốp người đen sẫm. Koster lập tức tắt bộ đánh lửa, và êm ru, không đèn, chúng tôi tiến lại gần. Bọn người này không nghe chúng tôi đến, chúng đang tán chuyện. “Bốn thằng”, tôi rỉ tai Koster. Đúng lúc ấy xe rú lên, vọt nốt hai trăm mét cuối cùng, chồm hai bánh lên hè đường và phanh kết, xoay ngang, khựng lại cách bọn người đang kêu thét lên kia đúng một mét. Nửa người Koster thò khỏi xe, vòng lên tựa một cây cung thép, sẵn sàng lao bổ xuống với bộ mặt không khoan nhượng của tử thần.

Đó là bốn người vô tội đã luống tuổi. Một người trong bọn bị say rượu. Họ chửi rủa âm ỉ. Koster chẳng nói chẳng rằng. Chúng tôi đi tiếp. “Otto này”, tôi nói, “hôm nay chắc chẳng tóm được nó đâu. Mình không tin nó đã dám ló mặt ra đường”.

“Ừ, có thể”, lát sau cậu ta đáp và quay xe. Chúng tôi về nhà Koster. Phòng cậu ta có lối vào riêng, chẳng sợ làm ai thức giấc. “Sao cậu không muốn thả nó cho cảnh sát? Có phải họ đã giúp mình lòng nó rồi không. Trong khi tụi mình trông thấy nó khá rõ”.

Koster nhìn tôi.

“Vì tụi mình sẽ tự tay thanh toán món nợ này, không cần đến cảnh sát. Cậu tưởng rằng” - giọng cậu ta hạ xuống hết sức khẽ, ghìm lại, nghe rợn người - “cậu tưởng rằng mình sẽ trao nó cho cảnh sát à? Để nó ngồi tù vài năm sao? Cậu thừa biết thầy các vụ như thế sẽ kết thúc thế nào! Những thằng khốn ấy biết chúng sẽ tìm được những vị chánh án yếu lòng! Đừng hòng nhé! Nói để cậu biết, cảnh sát có tóm được nó đi nữa, mình cũng sẽ khai là không phải nó, nó phải rơi vào tay mình mới xong! Gottfried chết mà nó lại sống! Đừng hòng”. Chúng tôi nhấc cáng khỏi ghế xe và khiêng Gottfried xuyên tuyết, xuyên gió vào nhà, tưởng chừng như hai thằng đang ở ngoài mặt trận Flanders khiêng một đồng đội tử trận từ chiến hào về hậu tuyến.

Chúng tôi mua một cỗ quan tài và một miếng đất trong nghĩa trang thành phố. Gottfried được mai táng vào một ngày quang đấng, ngập nắng. Chúng tôi tự tay đóng nắp quan tài và khiêng linh cữu xuống cầu thang. Người đi đưa lác đác. Ferdinand, Valentin Alphonse, gã bồi rượu Fred, Georgie, Jupp, mụ Stoss, Gustave, Stefan Grigoleit và Rosa. Đến trước cổng nghĩa trang, chúng tôi phải chờ hồi lâu. Trước chúng tôi còn có hai đám chửa vào được. Một đám đi xe tang màu đen, đám kia gồm những chú ngựa phủ khăn đen và ngân tuyến, rông rảnh đằng sau là một đoàn dài dằng dặc những kẻ chịu tang đang trò chuyện sôi nổi.

Chúng tôi nhắc quan tài khỏi xe và tự tay hạ huyết bằng dây thừng. Người phụ huyết lấy làm hài lòng vì bác ta đã có khối việc ở những năm mồ khác. Chúng tôi cũng mời một cha cố đến. Chẳng hiểu Lenz mà biết sẽ nói gì, nhưng Valentin bảo nên mời. Đương nhiên chúng tôi yêu cầu vị cha cố đừng đọc điều văn mà chỉ chọn một đoạn trong Kinh thánh. Đó là một ông già cận thị. Khi bước lại gần huyết, ông vấp phải một đụn đất, suýt ngã nhào xuống nếu Koster và Valentin không đỡ kịp. Nhưng cuốn Kinh thánh và cái kính mà ông vừa định đeo tuột khỏi tay ông, rơi xuống huyết. Bàng hoàng, vị cha cố tròn mắt nhìn theo.

“Không sao đâu, thưa Cha”, Valentin nói, “chúng tôi xin bù cho Cha đầy đủ”.

“Cuốn sách thì đành rồi”, vị cha cố đáp khẽ, “nhưng tôi cần cái kính”.

Valentin bẻ một nhánh cây ở bờ giậu nghĩa trang, đoạn quỳ xuống bên huyết. Móc được một bên gọng, anh kéo cái kính lên khỏi những vòng hoa. Kính gọng vàng. Có lẽ vì thế mà Cha muốn lấy lại. Cuốn Kinh thánh tụt xuống bên mép quan tài; muốn tìm thấy nó, phải lôi quan tài lên và nhảy xuống huyết. Mà Cha cũng chẳng muốn vậy. Ông đứng đó bối rối. “Tôi phải nói thay vào đó đôi lời chẳng?”, ông hỏi.

“Thôi, khỏi phiền Cha”, Ferdinand nói. “Giờ anh ấy đã có đủ cả Kinh Cựu ước lẫn Tân ước dưới ấy rồi”.

Mùi đất mới nồng nồng. Từ một trong những cục đất, một con ấu trùng bọ da màu trắng trườn lên. Rồi đây khi đất đã lấp xuống huyết, nó vẫn tiếp tục sống dưới ấy, sẽ lột xác, và sang năm lại đục đất chui lên với đời. Nhưng Gottfried thì đã chết. Gottfried đã vĩnh viễn lìa đời. Đứng bên huyết, chúng tôi biết thân thể cậu ấy, mái tóc, cặp mắt cậu ấy vẫn còn đó, dù đã biến dạng, nhưng vẫn còn đó, thế mà cậu ấy đã ra đi không bao giờ trở lại. Thật không sao hiểu nổi. Da chúng tôi ẩm, não chúng tôi làm việc, tim chúng tôi bơm

máu vào huyết quản, chúng tôi vẫn y nguyên như trước, vẫn giống hôm qua, chúng tôi không đột nhiên mất đi một cánh tay, chúng tôi không hóa mù hoặc điếc, tất cả vẫn như mọi lúc, chúng tôi sắp rời chân khỏi đây, còn Gottfried Lenz sẽ cứ nằm lại, chẳng bao giờ bước theo chúng tôi nữa. Thật không sao hiểu nổi.

Những cục đất rơi rào rào xuống quan tài. Người phu huyết đưa xéng cho chúng tôi, và chúng tôi chôn cậu ấy Valentin, Koster, Alphonse, tôi, như cả bọn đã từng chôn một số đồng đội. Trong đầu tôi chợt vang lên một bài hát cũ của lính, cái bài hát xa xưa, u buồn mà Lenz thường hát:

“Rừng Argonner, rừng Argonner

Mi sắp thành nghĩa địa lặng re...”

Alphonse mang theo một cây thập tự gỗ giản dị màu đen, một cây thập tự như trăm ngàn cây thập tự trên những hàng mộ dài vô tận bên đất Pháp. Chúng tôi dựng nó ở đầu mộ.

“Về thôi”, cuối cùng Valentin cất giọng khàn khàn, “Ừ”, Koster nói. Nhưng cậu ta vẫn đứng chôn chân tại chỗ. Cả bọn không ai nhúc nhích. Valentin nhìn chúng tôi suốt lượt. “Để làm gì?” anh chậm rãi nói. “Để làm gì chứ? Mẹ kiếp!”

Không ai đáp lại.

Valentin phác một cử chỉ mệt mỏi. “Đi nào!”

Chúng tôi theo những con đường đá dăm ra công nơi Fred, Georgie và những người khác chờ chúng tôi. “Cậu ấy cười tuyệt thế cơ chứ” Stefan Grigoleit nói, nước mắt chảy tràn trên gương mặt giận dữ, bất lực của ông.

Tôi ngoái lại sau. Không ai đi sau chúng tôi.



# CHƯƠNG 25

Tháng Hai, tôi ngồi với Koster lần cuối trong xưởng của chúng tôi. Chúng tôi đã buộc lòng bán xưởng, giờ đây hai thằng ngồi chờ viên phát mại đến bán đấu giá những trang thiết bị và chiếc taxi. Koster hy vọng sang xuân sẽ xin được chân lái xe đua cho một hãng xe hơi cỡ nhỏ. Tôi ở lại tiệm cà phê Quốc Tế, định cố gắng tìm một việc gì nữa làm ban ngày ngõ hầu kiếm thêm tiền.

Ngoài sân, một đám người dân tụ tập. Viên phát mại đến. “Cậu ra chứ, Otto?” tôi hỏi.

“Để làm gì? Mọi thứ ở ngoài đó cả rồi, và ông ta đã biết rồi”.

Koster có vẻ mệt mỏi. Điều đó không dễ nhận thấy, nhưng ai hiểu rõ cậu ta sẽ biết ngay. Nét mặt Koster căng thẳng, nghiêm khắc hơn thường lệ. Hết tối này sang tối khác, cậu ta lang thang trên đường, lúc nào cũng đảo quanh một khu vực. Đã từ lâu cậu ta biết tên cái thằng bán Gottfried, mỗi tội chưa tìm ra nó. Vì sợ cảnh sát, thằng ấy đã đổi chỗ ở và đang ẩn náu đâu đó. Alphonse đã dò ra tất cả. Bác cũng chờ cơ hội. Đương nhiên có thể tên giết người đã rời khỏi thành phố. Mà nó cũng chẳng biết Koster và Alphonse đang lùng mình. Hai người chờ thằng ấy trở lại một khi nó cảm thấy đã thoát nạn.

“Mình ra xem cái đây, Otto”, tôi bảo.

“Ừ”.

Tôi ra sân. Các bàn máy và những dụng cụ khác chất đống giữa sân. Chiếc taxi đậu bên phải, sát tường. Chúng tôi tắm rửa kỹ cho nó. Tôi ngắm nghía những chiếc ghế đệm và bốn bánh. “Con bò sữa can trường của tụi ta”, Gottfried luôn gọi nó như vậy. Phải chia tay với nó thật không đơn giản chút nào.

Có ai vỗ vào vai tôi. Ngạc nhiên, tôi quay lại. Một gã trai trẻ vẻ nông nghênh đến khó chịu mặc măng-tô thất đai đứng trước tôi. Gã nháy mắt, quay tít cây can trúc. “Xin chào! Biết nhau rồi mà!”.

Tôi chột nhớ lại: “Guido Thiess hãng Augeka!”

“Thấy chưa!” cái thằng khi đột thất đai ấy đặc ý nói. “Dạo ấy tụi ta gặp nhau cũng bên chiếc xe tàng này. Mà anh đi với một gã tính tình đến tởm. Thiếu tí nữa thì tôi cho hắn vài cái bạt tai”.

Tôi bất giác nhăn mặt khi nghĩ hẳn suýt bật tai Koster. Thiess tưởng đâu tôi mỉm cười nên cũng phô hàm răng nham nhở. “Thôi, cho qua, Guido này không biết để bụng! Anh đã trả cho lão khom ấy một cái giá phi thường. Vậy có kiếm chác được gì với cái xe không?”

“Có chứ”, tôi nói. “Xe nghiêm lắm”.

Thiess cần nhăn. “Giá nghe tôi, còn ăn đậm nữa. Mà tôi cũng có miếng. Thôi, cho qua! Quên đi, chẳng chấp làm gì! Nhưng hôm nay ta có thể gỡ lại. Bọn ta sẽ chỉ trả chiếc xe khổ ấy đến cái giá năm trăm mác. Có ma nào tranh trả với mình đâu. Xong không?”

Tôi vỡ lẽ. Thằng cha định ninh rằng chúng tôi đã đẩy chiếc xe lấy lãi ngay từ dạo ấy và không biết xưởng này là của chúng tôi. Trái lại, hẳn yên chí chúng tôi rắp tâm ôm chiếc xe vào lần nữa.

“Chiếc xe bây giờ vẫn đáng giá ngàn rưỡi”, tôi nói. “Ấy là chưa tính giấy phép chạy tắcxi”.

“Thì thế”, Guido hăng hái nói. “Ta sẽ trả đến cái giá năm trăm là kịch, có nghĩa tôi trả. Hễ được xe, tôi sẽ đếm ngay vào tay anh ba trăm rưỡi tiền mặt”.

“Chịu thôi”, tôi nói. “Tôi đã có mối đẩy chiếc xe này”.

“Ít ra thì...” Hẳn toan gạ cách khác.

“Vô ích...”. Tôi đi vào giữa sân. Hẳn sẵn sàng trả đến ngàn hai, tôi biết.

Viên phát mãi bắt đầu chào mời các món hàng. Trước hết là các trang thiết bị. Chẳng được là bao. Đổng đồ nghề cũng không hơn gì. Rồi đến chiếc tắcxi. Giá được trả đầu tiên là ba trăm mác.

“Bốn trăm”, Guido nói.

“Bốn trăm rưỡi”, một người đàn ông mặc áo thợ trả sau hồi lâu lưỡng lự.

Guido trả lên năm trăm. Viên phát mãi hỏi xung quanh. Người mặc áo thợ im. Guido nháy mắt với tôi, giơ bốn ngón tay. “Sáu trăm”, tôi nói.

Guido lắc đầu, trả bảy trăm. Tôi tiếp tục nâng lên. Guido tuyệt vọng trả theo. Đến một ngàn, hẳn ra hiệu cho tôi, gằn như van lơn, và xòe các ngón tay ý bảo sẽ thêm cho tôi trăm mác nữa; Hẳn trả một ngàn lẻ mười. Thấy tôi trả ngàn một, mặt hẳn đỏ gay, hẳn học, dẫu vậy vẫn thét lên ngàn một một chục. Tôi trả ngàn một chín chục và chờ hẳn thét ngàn hai. Tối đó, tôi sẽ bỏ cuộc.

Nhưng lúc này Guido điên tiết. Tức giận vì cho rằng tôi kèn cựa với hẳn,

hắn trả phắt lên ngàn ba. Tôi vội suy tính. Nếu vẫn thật sự muốn mua, dứt khoát hắn đã dừng ở ngàn hai. Bây giờ hắn muốn đưa vớng giá lên chẳng qua để trả thù tôi. Sau câu chuyện với tôi, hắn yên trí tôi dám trả đến ngàn rưỡi, nên hắn việc gì phải sợ.

“Một ngàn ba trăm mười”, tôi nói.

“Một ngàn tư”, Guido vội trả.

“Một ngàn tư một chục”, tôi do dự đáp. Tôi sợ hắn bỏ lửng thì khốn.

“Một ngàn tư chín chục”. Guido ném sang tôi cái nhìn đắc thắng, mỉa mai. Hắn hí hửng tưởng đã chơi được cả bát muối vào xoong súp cao lương của tôi.

Tôi chịu đựng cái nhìn của hắn và im lặng. Viên phát mãi hỏi một lần, hai lần, đoạn giờ búa lên. Ngay lúc ông ta gõ búa quyết định chiếc xe về tay Guido, vẻ mặt của hắn đang ngạo nghễ chuyển sang sững sờ, tuyệt vọng. Đờ đẫn, hắn đến bên tôi. “Tôi cứ tưởng anh muốn...”

“Không”, tôi nói.

Hắn ngẩng lên, gãi gãi đầu. “Chết cha không! Biết ăn nói làm sao cho hăng của tôi nó thuận mua chứ. Tưởng anh sẽ trả đến ngàn rưỡi. Chẳng gì... lần này tôi đã nâng tay trên của anh!”

“Tôi cũng chỉ mong có thế”, tôi nói.

Guido ngó người không hiểu. Mãi lúc thấy Koster lại gằn, hắn mới ngã ngựa, giờ tay vò đầu bứt tai. “Ôi trời, thì ra là xe của anh? Sao tôi ngu thế, ngu thậm ngu tệ! Mắc lờm rồi! Sa ngay vào bẫy! Mẹ kiếp, Guido, đáng đời mày lắm! Đi đâm đầu vào cái mọo cũ nhảm ơi là nhảm! Thôi, cho qua! Những chàng trai tinh khôn nhất bao giờ cũng vương ngay vào những mưu mô xoàng xĩnh nhất! Lần sau sẽ biết tay nhau”.

Hắn ngồi vào tay lái, phóng đi. Chúng tôi nhìn theo chiếc xe, chẳng vui vẻ gì cho lắm.

Buổi chiều mẹ Mathilda Stoss mò đến. Chúng tôi còn phải thanh toán với mẹ tiền công tháng trước. Koster đưa tiền cho mẹ, hứa sẽ gắng xin ông chủ xưởng mới để mẹ tiếp tục cái chân lao công. Chúng tôi cũng đã gửi gắm Jupp cho ông ta. Nhưng Matilda lắc đầu. “Thôi, cậu Koster, tôi nghỉ thôi. Xương cốt cứng quá mất rồi”.

“Vậy bà định làm gì sống?” tôi hỏi.

“Đến ở với con gái. Nó lấy chồng đầu tận Bunzlau. Cậu biết Bunzlau chứ

cậu?”

“Không, Mathilda ạ”.

“Nhưng cậu Koster thì biết, hở?”

“Tôi cũng không biết, bà Stoss ạ”.

“Quái”, Matilda nói, “chả ai biết Bunzlau cả. Đã hỏi vô khối người ra rồi, ấy thế mà con bé nhà tôi lấy chồng ở đó đã mười hai năm nay cơ đấy. Lấy một ông lục sự”.

“Thế thì cũng sẽ có Bunzlau. Bà cứ tin chắc như vậy. Một khi ông lục sự đã ở đây”.

“Đành là thế. Nhưng lạ một nỗi chẳng ai biết đây là đâu chứ ỉ”.

Chúng tôi cũng thấy kỳ. “Sao từ bấy đến nay bà không tới đó thăm họ?”

Matilda tủm tỉm cười. “Có phải dễ mà đi được đâu. Nhưng giờ phải đến với lũ cháu thôi. Bón đũa rồi. Thằng Edward cũng cùng đi”.

“Tôi chắc quanh vùng Bunzlau rượu ngon phải biết”, tôi nói. “Rượu mạn chẳng hạn...”

Matilda phẩy tay. “Ấy, chính vì thế mà trước tôi có dám đến à. Chả con rẻ tôi nó bài rượu. Có những kẻ cả đời không nhấp lấy một giọt rượu”.

Koster lấy chai rượu cuối cùng trên cái giá rỗng xuống. “Nào, bà Stoss, ta phải làm một ly chia tay chứ”.

“Còn gì bằng”, mụ Matilda nói.

Koster bày ly lên bàn và rót rượu. Matilda dốc một ly rum vào mồm, nhanh như thể rum lọt xuống sàn. Mồi trên mụ giật lia lịa, ria mép rung rung.

“Làm ly nữa chứ?” tôi hỏi.

“Tôi không từ chối”.

Mụ cạn một ly đầy nữa, rồi cáo từ.

“Chúc mọi may mắn ở Bunzlau!”, tôi nói.

“Vâng, cảm ơn cậu lắm lắm. Nhưng lạ một nỗi chẳng ai biết đây là đâu cả nhỉ?”

Mụ lắc lư đi ra. Chúng tôi còn đứng quanh quẩn một lúc trong cái xưởng trống rỗng. “Ta cũng đi được rồi đấy”, Koster bảo.

— “Ừ”, tôi đáp. “Chả còn việc gì làm ở đây”.

Chúng tôi khóa cửa, đi ra. Rồi chúng tôi đi lấy chiếc Karl hiện gửi ở một gara gần đây, nó đã không bị đem bán. Chúng tôi đến nhà băng, rồi lại nhà bưu điện. Koster vào trả tiền cho Sở quản lý tài sản vỡ nợ. “Mình về ngủ đây”, cậu ta nói khi quay ra. “Lát nữa cậu rảnh chứ?”

“Mình đã xin nghỉ cả tối nay”.

“Được, khoảng tám giờ mình lại cậu”.

Chúng tôi ăn tối trong một quán nhỏ ngoại ô, rồi trở vào thành phố. Xe vừa vào dãy phố đầu tiên thì nó nổ một lớp trước. Chúng tôi thay lớp. Đã lâu Kari chẳng được cọ rửa gì cả, nên thay lớp xong tôi khá lấm lem. “Mình phải rửa qua cái tay, Otto ạ”, tôi nói.

Gần đó có một tiệm cà phê khá lớn. Chúng tôi vào ngồi một bàn gần cửa. Hai thằng ngạc nhiên thấy tiệm gần kín chỗ. Một ban nhạc nữ đang chơi, không khí náo nhiệt. Ban nhạc đội mũ giấy sặc sỡ, rất đông khách mặc đồ giả trang, những băng giấy màu nhòang từ bàn này sang bàn kia, bóng bay bay lên lơ lửng mấy anh bồi lẳng xăng khắp ngả với những khay chất đầy tú hụ, cả gian phòng nhôn nháo, vang tiếng cười nói.

“Họ bày trò gì ở đây thế nhỉ?” Koster hỏi.

Một ả tóc vàng ngồi cạnh tung vào chúng tôi một đám mây confetti. “Các anh chui từ đâu ra vậy?” ả cười. “Không biết hôm nay là ngày mở đầu hội hóa trang hay sao?”

“Ừ nhỉ”, tôi nói. “Chà, thế thì phải đi rửa tay cái đã”.

Tôi phải len qua cả gian phòng nhôn nháo ấy mới tới được phòng rửa mặt. Tôi bị cản lại một lát bởi mấy anh chàng say rượu cứ cố bế một cô ả lên bàn bắt cô ta hát. Cô ả vừa giãy giụa vừa la hét khiến cái bàn đồ kèn lồi theo cả bọn. Tôi chờ họ dẹp ra để đi... nhưng bỗng tôi như bị điện giật. Tôi đứng ngậy như hóa đá, gian phòng chìm đi, cả tiếng ồn, cả âm nhạc, thấy đều tan biến, chỉ còn những cái bóng mờ ảo lướt qua, nhưng rõ rệt, sáng sủa và sắc nét đến khủng khiếp là một cái bàn, cái bàn duy nhất, nơi một gã trai trẻ với chiếc mũ hề đội lệch đang quàng tay ôm một cô ả ngủ say, cặp mắt hấn ngu muội, đờ đẫn, môi mỏng quệt, dưới bàn thò ra đôi ghệt da bảnh chọe màu vàng nhạt, đánh si bóng lộn...

Một anh bồi xô tôi. Như người say, tôi chệnh choáng bước lên vài bước rồi đứng lại. Người tôi nóng hừng hực, nhưng lại run rẩy toàn thân. Hai bàn tay ướt đẫm. Giờ tôi thấy cả những kẻ khác bên bàn. Tôi nghe chúng đồng thanh hát bài gì đó, vẻ mặt thách thức, tay gõ nhịp ly bia xuống bàn. Ai đó

lại đẩy tôi. “Đừng đứng chắn giữa đường thế đi”, ông ta càu nhàu. Tôi bước như máy, tìm thấy phòng rửa và cứ thế rửa tay; tôi chỉ sực tỉnh khi nước đã bắn tóe gần khắp người. Rồi tôi trở lại bàn.

“Cậu sao thế?”, Koster hỏi.

Tôi không sao đáp nổi. “Cậu ốm à?”

Tôi lắc đầu, đưa mắt sang bàn bên, nơi ả tóc vàng đang ngồi liếc chúng tôi. Koster bỗng tái mặt. Mắt nhúu lại, cậu ta cúi về phía tôi.

“Nó?”, cậu ta hỏi rất khẽ.

“Ừ”, tôi đáp.

“Đâu?”

Tôi đưa mắt chỉ hướng.

Koster từ từ đứng dậy. Chẳng khác gì một con rắn đang ngồng cổ lên. “Cẩn thận”, tôi thì thào. “Đừng ở đây, Otto”

Cậu ta khoát tay gạt đi và thông thả bước về phía ấy. Tôi sẵn sàng tư thế theo Koster vào trận. Một cô ả chụp chiếc mũ giấy xanh đỏ lên đầu Koster và đeo lấy cậu ta. ả ngã xuống, mặc dù Koster chẳng động một ngón tay út vào ả, và trở mắt nhìn theo Koster. Cậu ta lượn một vòng quanh phòng rồi trở lại.

“Biến rồi”, cậu ta nói.

Tôi đứng dậy, nhìn khắp phòng. Koster nói đúng.

“Cậu bảo nó có nhận ra mình không?”

Koster nhún vai. Mãi bây giờ cậu ra mới nhận thấy chiếc mũ giấy trên đầu, bèn hảy đi. “Mình không hiểu nổi đấy”, tôi nói. “Mình ở trong phòng rửa mặt nhiều lắm chỉ độ một, hai phút”.

“Cậu vắng mặt hơn mười lăm phút”.

“Hả?”. Tôi nhìn lại chiếc bàn lần nữa. “Những đứa khác cũng đã biến. Trong bọn còn có một ả, ả cũng mất tăm. Nếu nhận ra mình, nhất định nó chỉ chìm một mình thôi chứ”.

Koster vẫy anh bồi. “Ở đây còn lối ra nào không?”

“Có, đằng kia, phía đối diện, thông qua phố Hardenberg”.

Koster móc túi lấy một đồng tiền cho anh bồi. “Đi thôi”, cậu ta nói.

“Đáng tiếc”, ả tóc vàng bàn bên mỉm cười. “Những chàng công tử quá ư

nghiêm nghị”.

Ra đường, gió tạt vào mặt chúng tôi. Gió có vẻ lạnh tợn so với hơi khói thuốc nóng sục trong tiệm cà phê. “Cậu về nhà đi”, Koster bảo.

“Chúng có cả bọn”, tôi đáp và lên xe với cậu ta.

Xe lao đi. Chúng tôi sục sạo khắp các phố quanh tiệm cà phê, sục sạo mãi, nhưng chẳng thấy gì. Cuối cùng Koster bảo dừng xe. “Xông mất rồi”, cậu ta nói. “Nhưng không sao. Giờ sẽ có lúc ta chộp được nó”.

“Otto”, tôi bảo, “nên thôi đi thì hơn”.

Cậu ta nhìn tôi. “Gottfried chết rồi”. Tôi nói, ngạc nhiên trước chính điều mình nói ra. “Cậu ấy không nhờ thế mà sống lại được”.

Koster vẫn nhìn tôi. “Robby ạ”, cậu ta từ tốn đáp, “mình không còn nhớ mình đã giết bao nhiêu mạng người. Nhưng mình nhớ mình đã bắn một thằng người Anh trẻ tuổi ra sao. Súng bị hóc đạn nên nó đành bó tay. Mình cầm liên thanh đứng sau nó vài thước, thấy rõ mồn một bộ mặt non choẹt kinh hoàng, ánh mắt hãi hùng của nó, đây là lần đầu nó xung trận, sau này tụi mình mới biết, nó vừa tròn mười tám, và mình đã nã đạn vào bộ mặt măng tơ xinh xắn, tuyệt vọng, khiếp đảm ấy, khiến sọ nó vỡ toang như một quả trứng gà. Mình không biết thằng nhãi, nó cũng chẳng làm gì mình. Khác mọi lần, lần này mãi mình vẫn chưa khuây được, cho tới khi mình bắt lương tâm ngậm miệng bằng cái luận điệu khôn nạn: “Chiến tranh là chiến tranh”. Nhưng nói để cậu biết, nếu mình không giết cả cái thằng đã giết Gottfried, đã vô cớ bắn gục cậu ấy như một con chó, thì cái việc mình hạ thằng người Anh ấy là một tội ác ghê tởm, cậu hiểu chứ?”

“Hiểu”, tôi nói.

“Bây giờ thì về nhà đi. Mình phải lo dứt điểm vụ này. Nó như một bức tường. Mình không thể đi tiếp nếu chưa đập đổ nó”.

“Mình không về đâu, Otto. Đã thế ta cùng ở lại”.

“Dớ dẩn”, cậu ta nóng nảy nói. “Mình không cần đến cậu”. Cậu ta giơ tay cản khi thấy tôi chực mở miệng, “mình sẽ dè chừng! Sẽ đương đầu với một mình nó không có bọn kia, chỉ một mình nó thôi! Đừng sợ!”

Koster sốt ruột đẩy tôi xuống và lập tức vọt lên xe đi. Tôi biết cậu ta không thể chịu đựng lâu hơn. Tôi cũng biết tại sao cậu ta không cho tôi theo. Vì nghĩ đến Pat. Giá tôi là Gottfried, cậu ta đã cho theo.

Tôi tìm đến Alphonse. Bác là người duy nhất tôi có thể tâm sự. Tôi định

bàn với bác xem có cách nào chẳng. Nhưng Alphonse không có nhà. Một chị ở ngái ngủ bảo tôi bác đã đi họp cách đây một tiếng. Tôi ngồi vào bàn đợi bác.

Quán vắng tanh. Mỗi một bóng đèn nhỏ bật sáng trên quầy. Chị ở đã lại ngồi xuống và ngủ tiếp. Tôi nghĩ đến Otto, nghĩ đến Gottfried, tôi nhìn qua cửa sổ ra lối phố được chiếu sáng bởi trăng rằm lúc này đang từ từ nhô lên khỏi các mái nhà, tôi nghĩ đến năm mộ có cây thập tự gỗ màu đen trên chụp chiếc mũ sắt, và đột nhiên tôi nhận thấy mình khóc. Tôi chùi nước mắt. Lát sau, tôi nghe tiếng bước chân khe khẽ, vội vã trong nhà. Cửa ra sân bỗng mở, Alphonse bước vào. Mặt bóng nhẫy mồ hôi.

“Tôi đây mà, bác Alphonse”, tôi nói.

“Lại đây, mau!”

Tôi theo bác vào buồng bên phải sau quầy rượu. Alphonse đến tủ lấy ra hai cuộn băng cứu thương cũ từ thời chiến tranh. “Cậu băng cho tôi”, bác nói và cởi quần, không gây tiếng động.

Bác bị một đường toạc ở đùi. “Trông như vết đạn sượt qua”, tôi bảo.

“Thì đúng thế”, Alphonse lầu bàu. “Thôi, băng đi!”

“Bác Alphonse”, tôi thẳng người lên nói. “Otto đâu?”

“Tôi làm sao biết Otto ở đâu”, bác càu nhàu, tay nặn máu ở vết thương ra.

“Các người không cùng đi sao?”

“Không”.

“Bác không gặp cậu ấy?”

“Không hề. Tháo cuộn băng thứ hai ra và đặt lên đây. Xước qua loa ấy mà”.

Bác vừa lằm bằm vừa lúi húi với vết thương của mình.

“Bác Alphonse”, tôi nói, “bọn tôi thấy thằng ấy... bác biết rồi, vụ Gottfried... bọn tôi thấy nó tối nay, và Otto đang săn nó”.

“Gi? Otto à?” Bác lập tức chú ý. “Cậu ấy đâu rồi? Săn làm gì nữa cho nhọc công! Bảo cậu ấy tránh xa ra!”

“Otto không chịu tránh xa”.

Alphonse quăng chiếc kéo sang bên. “Đến đó ngay! Cậu biết cậu ấy ở đâu không? Cậu ấy phải biến đi! Bảo cậu ấy vụ Gottfried xong rồi. Đây còn



biết trước các cậu. Cậu thấy đấy! Nó bắn, nhưng tôi đã chặt tay nó. Rồi bôm luôn. Otto đâu?”

“Quanh quần đâu đó ở phố Monker”.

“Ồn Chúa! Nó thôi ở đấy từ lâu rồi. Nhưng cứ gọi Otto về đi”.

Tôi đến máy điện thoại gọi ra bên tắcxi nơi Gustave thường chờ khách. Anh có đấy. “Gustave”, tôi bảo, “anh đến góc phố Wiesen và quảng trường Bellevue được không? Thật nhanh? Tôi chờ ở đó”.

“Xong. Mười phút nữa mình có mặt”.

Tôi móc ống nghe, quay lại chỗ Alphonse. Bác xỏ một cái quần khác. “Tôi đâu ngờ các cậu lại lang thang ngoài đường”, bác nói. Mặt bác vẫn ướt mồ hôi.

“Giá ban nãy các cậu ngồi đâu đó có phải hay hơn không. Để có bằng chứng ngoại tại. Không chừng họ sẽ tra hỏi các cậu. Biết đâu đấy...”

“Hãy lo thân bác đi thì hơn”, tôi bảo.

“Ôi dào!” Bác liền thoáng hẳn so với bình thường. “Mình tôi với nó. Tôi đợi nó trong buồng. Trong một nhà vườn. Xung quanh không hàng xóm láng giềng. Âu tôi cũng tự vệ nữa. Vừa bước vào, nó bắn ngay. Đây chẳng cần bằng chứng ngoại tại. Nếu muốn, có ngay cả tá”. Bác nhìn tôi. Bác ngồi trên ghế, bộ mặt to bè nhợt nhợt quay về tôi, tóc bết mồ hôi, cái miệng rộng méu xệch, và tôi gần như không chịu nổi đôi mắt bác, trong đó bỗng hiện lên, tràn trụi và tuyệt vọng, biết bao dày vò, đau đớn, yêu thương. “Bây giờ Gottfried sẽ ngủ yên”, bác nói khẽ giọng khàn đặc. “Tôi có cảm giác trước đây cậu ấy không sao yên giấc”.

Tôi đứng câm lặng trước mặt bác. “Thôi đi đi”, bác bảo.

Tôi đi qua gian quán ra ngoài. Chị ở vẫn ngủ khò khò. Bên ngoài trăng đã lên cao, sáng vàng vạc. Tôi ra quảng trường Bellevue. Các ô kính cửa sổ lấp loáng dưới ánh trăng tựa những tấm gương bạc. Gió đã lặng. Cảnh vật hết sức im ắng.

Gustave đến sau đó vài phút. “Chuyện gì thế? Robert?”, anh ta hỏi.

“Xe của bọn tôi bị đánh cắp lúc chập tối. Tôi vừa nghe nói có người trông thấy nó đâu quanh phố Monker. Ta tới đó được không?”

“Được quá đi chứ!”. Gustave sốt sắng hẳn lên. “Thời buổi này có gì là chúng tha không xoáy. Ngày nào cũng bốc hơi dăm bảy chiếc xe. Nhưng phần nhiều chúng chỉ xài tới lúc cạn xăng là quăng”.

“Ừ, xe của bọn tôi chắc cũng rơi vào trường hợp ấy”.

Gustave kể anh định sắp tới sẽ cưới vợ. Chẳng là người ta chót đèn bong với anh, không cưới không được. Chúng tôi đi hết phố Monker, rồi chạy theo các phố nằm ngang. “Kia rồi!”, chợt Gustave reo lên. Chiếc xe đỗ trong một con hẻm tối tăm, khuất nẻo. Tôi xuống xe, lấy chìa khóa mở khóa điện. “Ồn cả, Gustave ạ”, tôi nói. “Rất cảm ơn anh đã đưa tôi đến đây”.

“Ta không ghé đâu làm ly rượu đã à?” anh hỏi.

“Thôi, hôm nay không được. Để mai. Tôi có việc vội đi ngay”.

Tôi thò tay vào túi lấy tiền trả chuyến tắcxi. “Cậu điên à?”, anh hỏi.

“Vâng cảm ơn anh, Gustave”. Tôi không dám giữ anh lâu. “Tạm biệt”.

“Cậu có muốn ta rình bắt sống cái thằng trộm xe không?”

“Không, thôi, chắc nó tẩu từ đời nào rồi”. Bỗng tôi sốt ruột điên lên được. “Tạm biệt, Gustave”.

“Cậu cũng còn đủ xăng đấy chứ?”

“Ừ, đủ. Xem lại rồi. Thôi, ngủ ngon nhé!”

Anh phóng đi, Tôi nghe ngóng một lát, đoạn cũng cho xe chạy theo: đến phố Monker, tôi cài số ba đi chậm chậm dọc phố. Khi ngược xe trở lại, đã thấy Koster đứng ở góc phố. “Thế này là nghĩa làm sao?”

“Lên xe đi”, tôi nói nhanh. “Cậu đứng đây làm gì nữa vô ích. Alphonse cũng đã biết. Bác ta... bác ta chạm trán hẳn rồi”.

“Và đã?”

“Phải”, tôi nói.

Koster lặng lẽ lên xe. Cậu ta không ngồi vào tay lái. Cậu ta ngồi bên tôi, hơi thu mình lại, tôi lái xe đi.

“Ta về nhà mình nhé?” tôi hỏi.

Cậu ta gật. Tôi tăng ga, cho xe chạy dọc con kênh. Mặt nước như một dải bạc duy nhất trải rộng. Bờ bên kia, dãy nhà kho đen ngòm chìm trong bóng tối, nhưng những con đường lại loang loáng một màu lơ nhợt nhạt, trên đó các bánh xe lướt đi như trên mặt tuyết vô hình. Những ngọn tháp nhà thờ đồ sộ xây theo lối Baroque vươn lên sau các dãy mái lô xô. Chúng tỏa màu xanh, ánh bạc trên nền trời lân tinh đang lùi tít về xa, trên đó vàng trắng lơ lửng như một viên bi khổng lồ rực sáng.

“Mình mừng vì sự việc xoay ra thế, Otto ạ”, tôi nói.

“Mình lại không”, cậu ta đáp.

Phòng bà Zalewski vẫn sáng đèn. Khi tôi mở khóa cửa, bà chạy từ phòng khách ra. “Có bức điện cho anh đây”, bà nói.

“Điện ư?”, tôi sững sốt hỏi. Ý nghĩ của tôi vẫn quanh quẩn bên sự cố ban tối. Rồi, tôi chợt hiểu, lao về buồng. Bức điện nằm giữa bàn, trắng lóa dưới ánh đèn sáng trưng. Tôi xé phong bì, ngực thắt lại, những chữ cái nhòa đi, biến mất, lại hiện lên, tôi thở phào, tất cả như ngừng lại, đoạn tôi trao bức điện cho Koster. “Đội ơn Chúa! Mình đã tưởng...”

Bức điện vồn vện ba chữ: “Robby, đến ngay...”

Tôi cầm lấy tờ giấy. Sự nhẹ nhõm biến mất. Nỗi sợ hãi trở lại. “Liệu có chuyện gì được, Otto? Chúa ơi, sao nàng không gọi điện thoại nữa? Nhất định có chuyện gì rồi?”

Koster đặt bức điện lên bàn. “Cậu nghe tin cô ấy lần cuối cùng vào hồi nào?”

“Cách đây một tuần. Không, trước nữa”.

“Xin nói chuyện điện thoại đi. Nếu có chuyện gì, ta sẽ khởi hành ngay. Đi bằng xe. Cậu có cuốn giờ tàu không?”

Tôi xin số máy của Viện điều dưỡng, đoạn sang phòng khách của bà Zalewski lấy cuốn giờ tàu. Trong khi chúng tôi chờ điện, Koster giở giờ tàu ra tra. “Chuyến tàu thích hợp sớm nhất cũng phải trưa mai mới khởi hành”, cậu ta nói. “Tốt hơn là ta đi xe hơi, được đến đâu hay đến đó. Nếu trục trặc gì vẫn có thể nhảy tàu cơ mà. Chắc chắn sẽ tiết kiệm được vài giờ. Cậu nghĩ sao?”

“Đồng ý, tất nhiên”. Tôi không hình dung nổi làm sao mình có thể chịu đựng được những giờ ngồi không trên tàu.

Chuông điện thoại réo. Koster cầm cuốn giờ tàu đi vào buồng tôi. Viện điều dưỡng trả lời điện thoại. Tôi xin nói chuyện với Pat. Một phút sau, nữ y tá trực bảo tôi rằng Pat không nên gọi điện thoại thì hơn. “Cô ấy bị làm sao?”, tôi gào lên.

“Thở ít huyết cách đây vài ngày. Hôm nay hơi sốt”.

“Bà nói với cô ấy tôi đến ngay! Với Koster và Karl. Chúng tôi khởi hành bây giờ. Bà nghe rõ chứ?”

“Với Koster và Karl”, cái giọng đầu dây bên kia nhắc lại.

“Phải. Nhưng xin bà nói luôn cho. Chúng tôi đi đây”.

“Tôi sẽ nói ngay”.

Tôi quay vào buồng. Hai chân nhẹ bồng. Koster ngồi bên bàn ghi giờ các chuyến tàu.

“Sửa soạn va-li đi”, cậu ta bảo. “Mình cũng về nhà lấy va-li của mình. Nửa giờ nữa mình quay lại”.

Tôi lấy va-li trên nóc tủ xuống. Chiếc va-li Lenz cho, dán chỉ chít đủ loại nhãn khách sạn sặc sỡ. Tôi sắp xếp thật nhanh, đoạn báo cho bà Zalewski và ông chủ hiệu Quốc tế biết. Sau đó tôi về buồng mình, ngồi xuống cạnh cửa sổ. Im lặng như tờ. Nghĩ đến chuyện tối mai được ở gần Pat, đột nhiên một niềm hy vọng mãnh liệt, nóng bỏng, xâm chiếm tôi, làm lu mờ hết thảy: sợ hãi, lo âu, đau thương, tuyệt vọng. Tối mai tôi sẽ được ở bên nàng. Niềm hạnh phúc không sao tưởng tượng nổi mà tôi hầu như chẳng dám mơ. Đã bao nhiêu thứ mất đi từ thưở ấy.

Tôi xách va-li xuống nhà. Mọi vật bỗng trở nên thân thương và ấm áp: cầu thang, mùi cũ mốc trong hành lang, màu xám cao su lạnh lẽo bóng loáng của mặt đường nhựa mà trên đó Karl vừa lướt tới.

“Mình có mang theo vài tấm chăn”. Koster nói. “Sẽ lạnh đấy. Cậu quấn chăn cho kín vào”.

“Ta sẽ thay nhau lái chứ, hả?”, tôi hỏi.

“Ừ. Nhưng tạm thời để mình lái. Ngủ suốt chiều rồi”.

Nửa giờ sau, chúng tôi ra khỏi thành phố, sự im lặng mênh mông của đêm trăng vắng vặc đón chúng tôi vào lòng. Con đường trắng lóa trước mặt trải dài mãi tận chân trời. Trăng sáng tới mức xe đi không cần bật đèn pha. Tiếng động cơ tựa tiếng đàn oóc trầm trầm; nó không phá vỡ sự yên lặng, mà còn khiến ta cảm thấy rõ hơn sự yên lặng.

“Cậu chợp mắt tí đi”, Koster bảo.

Tôi lắc đầu. “Mình không thể, Otto ạ”.

“Thế thì chí ít cũng ngả lưng một chút để sớm mai cho tươi tỉnh. Phải chạy xuyên suốt nước Đức cơ đấy”.

“Ngồi thế này cũng là nghỉ rồi”.

Tôi cứ ngồi bên Koster. Vàng trắng từ từ lên cao. Những cánh đồng sáng óng ánh như xà cừ. Chốc chốc, những ngôi làng lại lướt qua; đôi khi một thành phố say ngủ, vắng tanh; các hẻm phố xen giữa các dãy nhà tràn ngập ánh trăng ma quái, phi vật chất, cái ánh trăng đã biến đêm tối thành một cuốn

phim hư ảo.

Gần sáng, trời trở lạnh. Những thảm cỏ bỗng anh ánh màu sương muối, cây cối đứng trơ như đúc bằng thép trước nền trời dần hửng, trong rừng bắt đầu nổi gió, khói lác đác bay lên từ các ống khói nhà dân. Tôi thay Koster, lái đến mười giờ. Đoạn hai thẳng điếm tâm qua loa trong một quán ăn ven đường, rồi tôi lái tiếp đến mười hai giờ. Từ đó trở đi Koster cầm lái. Để cậu ta lái nhanh hơn.

Chiều, chúng tôi đến chân núi khi hoàng hôn bắt đầu buông. Chúng tôi có đem theo lưới xích xe chạy đường tuyết và xẻng. Chúng tôi hỏi thăm liệu có thể đi tiếp đến đâu.

“Các anh cứ thử chạy bằng lưới xích”, tay thư ký câu lạc bộ xe hơi nói. “Năm nay tuyết rơi rất ít. Có điều tôi không thật rõ những cây số cuối ra sao. Các anh sẽ bị nghẽn đường ở đó cũng nên”.

Chúng tôi đã vượt xa tàu hỏa và quyết định cố lên tận nơi bằng xe hơi. Trời lạnh, và lại sương mù chẳng đến nỗi đáng sợ. Chiếc xe nhích dần trên các cua đường ngoằn ngoèo, chậm tựa kim đồng hồ. Đến lưng chừng núi, chúng tôi chằng lưới xích vào lớp. Đường đã được cạo tuyết đi, nhưng nhiều chỗ đóng băng thành thử xe cứ bị đảo và trượt bánh. Thỉnh thoảng hai thẳng lại phải xuống đây. Hai lần xe bị lún trong tuyết, phải dùng xẻng xúc tuyết lôi lên. Đến làng cuối cùng, chúng tôi xin một xô cát, vì lúc này chúng tôi đã lên rất cao, e rằng khi xuống dốc sẽ gặp những cua đường đóng băng. Trời đã tối mịt, những gờ núi dựng đứng, trơ trụi trên đầu chúng tôi chạy hun hút xuống vực, hẻm núi thu nhỏ lại, động cơ xe rú lên ở số một, và các khúc quanh nối nhau xuống dần. Chợt ánh đèn pha trượt khỏi những con dốc, rơi vào khoảng không, hẻm núi mở ra, và trước mặt chúng tôi hiện ra cái lưới đen nhấp nháy của một ngôi làng.

Chiếc xe rầm rầm lao qua những hiệu sặc sỡ nằm hai bên phố chính. Người đi bộ nhảy bắn vào lề đường, hét hồn trước cảnh tượng kỳ quái, bày ngựa hoảng sợ, một cỗ xe trượt đổ kèn, chiếc xe ngón nốt những quãng đường cuối dẫn đến Viện điều dưỡng và đỗ lại trước cổng Viện.

Tôi nhảy khỏi xe; như qua một tấm voan, tôi thấy những gương mặt tò mò, đám người, văn phòng, cầu thang máy, rồi tôi chạy xuyên qua dãy hành lang trắng tinh, giựt tung cửa và nhìn thấy Pat như tôi đã hàng trăm lần thấy nàng trong mơ và trong thương nhớ, nàng chạy lại tôi, tôi ôm lấy nàng như ôm cả cuộc sống, và còn hơn cuộc sống nữa.

“Ồn Chúa!”, tôi nói khi đã trấn tĩnh lại. “Anh cứ tưởng em đang phải

nằm liệt giường”.

Nàng lắc đầu trên vai tôi. Đoạn nàng đứng thẳng dậy, đưa hai tay ôm mặt tôi và nhìn tôi. “Anh đã đến”, nàng lầm bầm. “Ôi, anh đã đến!”

Nàng hôn tôi, thận trọng, nghiêm trang và nương nhẹ, như một cái gì mà người ta không muốn đánh vỡ. Tôi run lên khi cảm thấy làn môi nàng. Mọi sự diễn ra quá nhanh chóng, đến bây giờ tôi vẫn chưa hoàn toàn hiểu nổi. Hôn tôi vẫn chưa thật sự ở đây, tôi vẫn còn bị xâm chiếm bởi chuyển đi, bởi tiếng động cơ gầm rú và con đường. Tôi có cảm giác như một kẻ vừa từ băng giá và đêm tối bước vào gian phòng ấm... anh ta vẫn chưa ấm người lên. “Bọn anh phóng nhanh ghê gớm”, tôi nói.

Nàng không đáp. Nàng vẫn lặng lẽ nhìn tôi. Gương mặt nghiêm trang của nàng toát lên cái vẻ khiến ta xúc động, mắt nàng kề ngay trước mặt tôi, dường như nàng muốn tìm kiếm, muốn thấy lại một cái gì hết sức quan trọng. Tôi đâm bối rối. Tôi đặt tay lên vai nàng, mắt nhìn xuống.

“Giờ anh ở lại đây chứ?”, nàng hỏi.

Tôi gật.

“Nói luôn với em đi. Hãy nói liệu anh có bỏ đi nữa không, để em còn biết ngay”.

Tôi muốn trả lời nàng rằng tôi còn chưa biết, có lẽ vài ngày nữa tôi phải ra về vì tôi không có tiền để ở lại đây. Nhưng tôi không sao nói được. Tôi không thể nói trong khi nàng nhìn tôi như thế. “Ừ”, tôi đáp. “Anh ở lại. Cho tới ngay chúng mình cùng về”.

Gương mặt nàng không động đậy, nhưng thốt nhiên sáng rỡ, như tỏa sáng từ bên trong. “Ồ”, nàng lầm bầm, “nếu không em cũng không sao chịu đựng nổi”.

Qua vai nàng, tôi thử nhìn tấm biểu đồ nhiệt độ treo ở đầu giường. Nàng nhận thấy, vội giật tờ giấy khỏi giá đỡ, vo viên ném vào gầm giường.

“Giờ nó chẳng là gì nữa cả”, nàng nói.

Tôi đưa mắt xem cục giấy nằm ở đâu, quyết định lát nữa thừa lúc nàng không để ý sẽ thủ nó vào túi. “Em ôm phải không?”, tôi hỏi.

“Sơ sơ. Nhưng giờ thì qua rồi”.

“Thế bác sĩ bảo sao?”

Nàng cười. “Giờ anh đừng hỏi đến bác sĩ. Không hỏi gì nữa hết. Anh ở đây, thế là đủ!”

Bỗng nhiên nàng đôi khác. Tôi không biết phải chăng vì đã lâu tôi không thấy nàng nhưng rõ ràng tôi có cảm giác nàng khác trước. Các cử động của nàng uyển chuyển hơn, làn da ấm áp hơn, cái cách nàng đến với tôi cũng khác, nàng không chỉ là một cô thiếu nữ trẻ đẹp cần được che chở không thôi, mà còn là một cái gì đó hơn thế, và nếu trước kia tôi thường xuyên tự hỏi không hiểu nàng có yêu mình không thì bây giờ tôi cảm giác được tình yêu của nàng, nàng không che giấu gì nữa, nàng say đắm và gần gũi tôi hơn bất kỳ lúc nào, say đắm hơn, gần gũi hơn, đẹp hơn, khiến tôi ngây ngất hơn, nhưng kỳ lạ là cũng làm tôi băn khoăn, lo lắng hơn.

“Pat”, tôi nói. “Anh phải xuống nhanh dưới kia. Koster đợi. Bọn anh phải tìm chỗ trọ đã”.

“Koster à? Thế Lenz đâu?”

“Lenz ư?”, tôi nói, “Lenz ở nhà”.

Nàng không nhận thấy gì. “Em có được phép xuống không, chốc nữa ấy?”, tôi hỏi. “Hay để bọn anh lên đây?”

“Em được phép tất. Giờ em muốn làm gì chả được. Chúng mình xuống nhà, uống chút ít. Em sẽ xem các anh uống rượu ra sao”.

“Được. Vậy bọn anh sẽ chờ em dưới gian đại sảnh”.

Nàng lại tú lấy áo dài. Tôi lợi dụng cơ hội nhặt tám biểu đồ nhiệt độ vừa bị vo viên, nhét vào túi.

“Tí nữa gặp lại nhé, Pat!”

“Anh Robby!”

Nàng chạy theo tôi, quàng tay ôm cổ tôi. “Thật ra em còn muốn nói với anh nhiều điều lắm”.

“Anh cũng thế, Pat ạ. Nhưng từ nay hai chúng mình còn khối thời gian mà. Chúng mình sẽ tâm sự với nhau suốt ngày. Để mai. Mới gặp nhau làm sao đã nói hết ngay được, em”.

Nàng gật. “Vâng, chúng mình sẽ kể với nhau bằng hết. Lúc đó, toàn bộ thời gian chúng mình phải sống cô đơn sẽ không còn là thời gian nữa, cái thời gian đã phân cách chúng mình. Chúng mình sẽ biết hết về nhau, và sẽ tưởng như hai đứa vẫn luôn ở bên nhau”.

“Thì chúng mình chẳng luôn ở bên nhau đấy ư”, tôi nói.

Nàng mỉm cười. “Em khác. Em không giàu nghị lực như anh. Với em, tưởng tượng như thế còn khôn khổ hơn. Khi cô đơn, em không thể đem các ý

nghĩ ra an ủi mình. Em chỉ biết mỗi một điều, rằng mình cô đơn. Không có tình yêu, sống cô đơn dễ dàng hơn”. Nàng vẫn mỉm cười. Một nụ cười trong suốt, dù nàng cố giữ nó, người ta vẫn nhìn thấu.

“Pat”, tôi nói. “Bạn can trường, quả cảm của anh”.

“Đã lâu em không được nghe câu ấy”, nàng nói, và mắt nàng đắm lệ.

Tôi xuống với Koster. Va-li đã dỡ khỏi xe. Người ta cho chúng tôi thuê hai buồng kề nhau ở dãy nhà phụ.

“Cậu xem này”, tôi nói và chìa cho Koster xem tám biểu đồ nhiệt độ của Pat. “Nhiệt độ lên xuống thất thường quá”.

Chúng tôi đắm trên tuyết lạo xạo, lên gác. “Mai thử hỏi bác sĩ”, Koster nói. “Xem nhiệt độ không thôi làm sao thấy gì được”.

“Mình thấy hết”, tôi đáp, vo tờ giấy và lại nhét vào túi.

Chúng tôi đi rửa ráy. Rồi Koster sang buồng tôi. Trông cậu ta cứ như vừa ngủ dậy. “Đánh bộ vào thôi chứ. Robby”, cậu ta nói.

“Ừ”. Tôi choàng tỉnh khỏi những suy nghĩ tản mạn, dỡ va-li ra. Hai thằng trở lại Viện điều dưỡng Karl vẫn đứng ngoài trời. Koster phủ lên mũi nó một tấm bạt.

“Bao giờ mình quay về, Otto?”, tôi hỏi.

Cậu ta dừng lại. “Mình định tới mai hoặc sớm ngày kia về. Còn cậu ở lại đây...”

“Mình ở lại sao được”, tôi tuyệt vọng đáp. “Tiền của mình giỏi lắm chỉ đủ cho mười ngày nữa. Mà tiền trả Viện điều dưỡng cho Pat cũng chỉ mới đến ngày mười lăm. Mình phải về, phải kiếm tiền. Hình như ở đây họ không cần một kẻ chơi dương cầm dở như mình”.

Koster cúi xuống bộ tản nhiệt của Karl, nhấc tấm bạt phủ lên. “Mình sẽ lo tiền cho cậu”, cậu ta nói và đứng thẳng người dậy. “Vì vậy cậu cứ yên tâm ở lại”.

“Otto”, tôi nói, “mình biết cậu còn cả thấy bao nhiêu sau cuộc bán đấu giá lắm chứ. Chưa đầy ba trăm mác”.

“Mình không nói số tiền ấy. Sẽ kiếm được khoản khác. Cậu chớ lo lắng chỉ vì thế. Tám ngày nữa cậu sẽ nhận đủ”.

“Cậu thừa hưởng gia tài chẳng?”, tôi buồn rầu mai mỉa.

“Gần như vậy. Cứ tin ở mình mà. Đằng nào bây giờ cậu cũng chẳng thể



bỏ đi”.

“Đúng vậy”, tôi nói. “Minh sẽ không biết ăn nói với nàng thế nào”.

Koster lại phủ tấm bạt lên mũi chiếc Karl. Cậu ta khẽ vuốt ve nó. Đoạn hai thằng đi vào gian đại sảnh, ngồi cạnh lò sưởi.

“Máy giờ rồi cậu?”, tôi hỏi.

Koster xem đồng hồ. “Sáu rưỡi”.

“Lạ nhỉ”, tôi nói. “Minh cứ tưởng muộn hơn nhiều”.

Pat xuống cầu thang. Nàng mặc chiếc áo vét lông rảo bước qua gian đại sảnh để chào Koster. Mãi bây giờ tôi mới nhận thấy nước da nàng rám nắng ghê gớm, như đồng đỏ; trông nàng tựa một thiếu nữ Ấn Độ có màu da sáng. Nhưng mặt nàng tộp đi, cặp mắt lại quá long lanh.

“Em sốt đây à?”, tôi hỏi.

“Hơi hơi”, nàng trả lời nhanh, lảng tránh. “Buổi chiều, ở đây ai mà chẳng sốt. Các anh đến, em mừng quá hóa ra thế. Các anh có mệt không?”

“Làm gì đâu mà mệt?”

“Vậy chúng mình đến tiệm rượu, nhé? Lần đầu tiên em được đón khách lên đây thăm mà”.

“Trên này cũng có một tiệm rượu cơ à?”

“Vâng, tiệm nhỏ. Hay chí ít cũng một cái góc na ná tiệm rượu. Nó là một trong những phương pháp điều trị. Người ta tránh tất cả những gì mang dáng dấp nhà thương. Nhưng nếu không được phép, vẫn chẳng được uống lấy một giọt rượu”.

Tiệm rượu chật cứng. Pat chào một vài người. Tôi nhận thấy có một anh chàng người Ý. Chúng tôi ngồi vào cái bàn vừa trống chỗ.

“Em muốn uống gì nào?”, tôi hỏi.

“Một cocktail pha từ rum. Giống như bọn mình từng hay uống ở tiệm ấy. Anh biết công thức pha không?”

“Đơn giản thôi”, tôi bảo cô gái hầu bàn. “Cho vang Bồ Đào Nha pha lẫn rum Jamaica nhé”.

“Hai ly loại ấy!”, Pat gọi. “Và một ly đặc biệt!”

Cô hầu bàn mang đến hai ly Porto - Roncos và một ly đựng thứ nước màu hồng hồng.

“Dành cho em đây”, Pat nói. Nàng đẩy hai ly rum về phía bọn tôi. “Xin chúc mừng!”

Nàng đặt ly của mình xuống mà chưa hề nhấp môi, nhìn quanh, đoạn cầm vội ly của tôi uống cạn. “Ồ”, nàng nói, “ngon tuyệt trần!”

“Em gọi cái của gì thế nay?”, tôi hỏi và ném thử thứ nước hồng hồng khả nghi nọ. Nó có vị dâu pha chanh. Chẳng một giọt rượu nào trong đó. “Được đây chứ”, tôi nói.

Pat nhìn tôi. “Để giải khát”, tôi thêm.

Nàng cười. “Anh gọi thêm một ly Porto - Roncos đi. Nhưng gọi cho anh. Em không được uống đâu”.

Tôi vẫy cô hầu bàn. “Một Porto - Roncos và một ly đặc biệt”, tôi nói. Tôi thấy ở các bàn khác có khá nhiều người uống loại nước đặc biệt nay.

“Anh Robby, hôm nay em được phép uống, phải không anh?”. Pat nói, “chỉ hôm nay thôi! Giống như trước kia. Được không, anh Koster?”

“Thứ đặc biệt này ngon ra phết”, tôi đáp và cạn luôn ly thứ hai.

“Em căm ghét nó! Robby tội nghiệp, đáng ra anh phải uống thứ gì cho ngon vào!”

“Nếu chúng mình gọi kịp thì anh còn được hưởng quyền lợi của mình”, tôi nói.

Pat cười. “Lát nữa dùng bữa, em sẽ được phép uống tí chút. Vang đỏ”.

Chúng tôi gọi thêm vài ly Porto - Roncos, đoạn đi vào phòng ăn. Trông Pat tuyệt vời xinh đẹp. Gương mặt nàng rạng rỡ. Chúng tôi ngồi xuống một trong những chiếc bàn nhỏ phủ khăn trắng kê cạnh các cửa sổ. Trời ấm; dưới kia, ngôi làng nằm trong tuyết với những phố xá sáng ánh đèn.

“Cô Helga Guttmann đâu ấy nhỉ?”, tôi hỏi.

“Đi rồi”, Pat nói sau một lát im lặng.

“Đi rồi? Sớm thế ư?”

“Vâng”, Pat đáp, và tôi chột hiệu nàng nói gì.

Cô hầu bàn mang đến một chai vang màu đỏ sẫm Koster rót đầy các ly. Lúc này các bàn đều đã kín người. Đâu đâu cũng thấy người ngồi gẫu chuyện. Tôi cảm giác bàn tay Pat trên tay mình. “Anh yêu”, nàng nói rất khẽ và dịu dàng. “Em không chịu đựng hơn được nữa”.



# CHƯƠNG 26

Tôi rời khỏi phòng bác sĩ trưởng, Koster đợi tôi ở gian đại sảnh. Thấy tôi, cậu ta đứng dậy. Chúng tôi ra ngoài, ngồi xuống một chiếc ghế băng đặt trước Viện điều dưỡng. “Trầm trọng lắm, Otto ạ”, tôi nói. “Còn trầm trọng hơn là mình e sợ”.

Một lớp tuyết tuyệt âm ã kéo qua sát trước mặt chúng tôi. Trong đám ấy có vài ả đàn bà thoa dầu phoi nắng, gương mặt râm nâu, khỏe khoắn, miệng rộng phô hàm răng trắng đều. Họ gào lên rằng họ đang đói ngấu tựa bầy sói. Chúng tôi chờ họ đi qua. “Ngữ ấy đương nhiên cứ sống nhẩn”, tôi nói. “Sống và khỏe từ tủy khỏe ra. Thật đáng lộn mửa!”

“Cậu đã nói chuyện với đích thân bác sĩ trưởng chứ?”, Koster hỏi tôi.

“Ừ. Ông ta đã giải thích cho mình tất cả một cách hết sức quanh co, dè dặt. Nhưng nói tóm lại bệnh nàng nặng lên. Tuy ông ta khẳng định như thế đã là tốt hơn rồi”.

“Mình chẳng hiểu gì cả”.

“Ông ta khẳng định rằng giả sử nàng cứ ở dưới xuôi thì mọi hy vọng đã tiêu tan từ lâu. Trên này căn bệnh tiến triển chậm hơn. Đây, ông ta gọi thế là tốt hơn đây”.

Koster đi gót giày trên tuyết cứng. Đoạn cậu ta ngẩng đầu lên. “Có nghĩa ông ta còn hy vọng?”

“Bác sĩ thì bao giờ chẳng hy vọng, cái nghề nó buộc như vậy. Nhưng mẹ kiếp, mình không còn tin tưởng mấy nổi. Mình hỏi ông ta đã cho bơm khí vào phổi nàng chưa. Ông ta nói không làm thế được nữa. Cách đây ít năm nàng đã được bơm một lần. Bây giờ cả hai lá phổi đều mang bệnh. Khốn nạn quá. Otto ơi”.

Một mục già dận đôi giày cao su mòn vẹt dừng lại trước ghế băng chúng tôi ngồi. Mặt mục hốc hác, xanh lét, cặp mắt xám đen đục lờ nom như đã lòa. Cổ mục quấn một chiếc khăn quàng lông cổ lỗ sĩ. Mục chậm chạp giơ cái kính cầm tay lên nhòm chúng tôi. Đoạn mục tiếp tục lê bước.

“Con ma ghê tởm!”

“Ông ta còn nói gì nữa?”, Koster hỏi.

“Ông ta giải thích cho mình nguyên nhân khả dĩ của căn bệnh. Ông ta

từng có nhiều bệnh nhân cùng lứa tuổi Pat. Đó là những hậu quả của chiến tranh. Thiếu dinh dưỡng trong những năm đang trưởng thành. Nhưng thấy những điều đó thì liên quan gì tới mình chứ? Nàng phải lành bệnh”. Tôi nhìn Koster. “Cố nhiên ông ta còn bảo rằng ông ta từng chứng kiến khối điều kỳ diệu. Ngay căn bệnh này cũng có lúc đột nhiên ngưng lại, liền sẹo và khỏi hẳn, thậm chí trong những trường hợp tuyệt vọng. Jaffé cũng đã nói hết thế. Nhưng mình thì mình không tin vào phép lạ”.

Koster không đáp. Hai thằng câm lặng ngồi bên nhau. Biết nói gì được? Chúng tôi đã cùng đồng cam cộng khổ nhiều đến nỗi không còn có thể an ủi nhau.

“Không được lộ cho cô ấy biết, Robby”, cuối cùng Koster bảo.

“Tất nhiên là không”, tôi đáp.

Chúng tôi ngồi cho đến lúc Pat ra. Tôi chẳng suy nghĩ gì; tôi chẳng hề tuyệt vọng, mà hoàn toàn đờ đẫn, u ám, như chết rồi.

“Cô ấy kia” Koster nói.

“Ừ” tôi đáp và đứng dậy.

“Chào!” Pat vừa đi lại vừa vẫy tay. Nàng hơi lão đảo và cười.

“Em hơi say một tẹo. Say nắng. Bao giờ cũng vậy, hễ phơi nắng xong là em đi đứng chệnh choạng như một lão phù thủy già”.

Tôi nhìn nàng, và thốt nhiên tất cả biến đổi hẳn. Tôi không còn tin ông bác sĩ; tôi tin vào điều kỳ diệu. Nàng đây kia; nàng sống; nàng đứng đó tươi cười... thấy những thứ khác đều tan biến trước sự hiện diện của nàng.

“Mặt mũi các anh sao trông lạ thế?”, nàng hỏi.

“Chả là những bộ mặt thành thị không thích hợp với chốn này”, Koster đáp.

“Bọn anh chưa quen được với ánh nắng”.

Nàng cười. “Hôm nay em gặp may. Không sốt. Em được phép đi chơi. Chúng mình vào làng uống một ly Aperitif chứ?”

“Còn phải hỏi”.

“Vậy thì đi thôi!”

“Ta gọi một cỗ xe trượt chẳng hơn à?”, Koster gọi ý.

“Em chán xe trượt lắm rồi”.

“Tôi biết”, Koster nói. “Nhưng tôi chưa hề được đi thứ ấy. Muốn thử một lần xem sao”.

Chúng tôi vẫy một bác xà ích và ngồi trên xe trượt đi xuống làng. Đến trước một quán cà phê có cái sân hiên nhỏ ngập nắng, chúng tôi dừng lại xuống xe. Ở đây đông người ngồi, tôi nhận ra một số bệnh nhân của Viện điều dưỡng. Anh chàng người Ý hôm trước thấy ngồi tiệm rượu cũng có mặt. Người ta gọi anh là Antoineio. Antoineio lại bàn chào Pat. Anh kể rằng đêm qua mấy ông tướng hay đùa đã đẩy giường của một bệnh nhân đang ngủ say từ phòng anh ta sang phòng một bà giáo già khú đế.

“Sao họ đùa lạ thế?”, tôi hỏi.

“Chả là anh ta đã khỏi bệnh, vài ngày nữa xuất viện rồi”, Antoineio đáp. “Những trò nghịch tinh ấy ở đây không thiếu”.

“Đó là cái lối hài hước nhẫn tâm rất quen thuộc của những kẻ ở lại, anh yêu ạ”, Pat nói.

“Ở trên này người ta đâm hóa trẻ con”, Antoineio giải thích về lượng thứ.

Khỏi bệnh, tôi nghĩ, có người khỏi bệnh và ra về đây thôi.

“Em muốn uống gì, Pat?”, tôi hỏi.

“Một ly Martini. Martini chua”.

Một chiếc radiô bắt đầu phát nhạc. Điệu Valse thành Vienne. Những âm thanh rung ngân trong không trung ấm áp ngập nắng, tựa những lá cờ tươi màu, nhẹ bay phấp phới. Người bồi bàn mang Martini lại. Những ly rượu lạnh buốt, vẫn còn sủi tăm dưới ánh nắng.

“Ngồi thế này thích chứ, anh nhỉ?”, Pat hỏi.

“Tuyệt!”, tôi đáp.

“Ấy vậy mà đôi lúc chịu không nổi”, nàng nói.

Chúng tôi ở lại làng dùng bữa. Pat chỉ mơ có thể. Thời gian qua nàng bị giam hãm suốt trong Viện điều dưỡng, đây là chuyến đi chơi đầu tiên của nàng; nàng bảo rằng chỉ cần được ăn trong làng một lần, nàng sẽ cảm thấy khỏe lên gấp đôi, Antoineio cùng ăn với bọn tôi. Sau đó cả bọn trở lên Viện điều dưỡng và Pat về phòng, vì nàng phải nằm nghỉ hai tiếng, Koster và tôi đánh chiếc Karl ra khỏi gara xem xét lại. Phải thay hai lưỡi nhíp bị gãy. Chủ gara có sẵn dụng cụ, thế là hai thằng xắn tay lên sửa luôn. Rồi chúng tôi tra thêm dầu và bôi mỡ lại khung gầm xe. Xong xuôi đâu đấy, chúng tôi đẩy

Karl ra sân. Nó đứng giữa tuyết, tai cup, mình bám đầy bùn đất.

“Rửa xe chứ?”, tôi hỏi.

“Thôi, không rửa lúc đi đường đâu”, Koster nói. “Karl nó sẽ cầu”.

Pat ra. Trông nàng âm áp, tươi tỉnh sau giấc ngủ đầy. Con cún nhảy nhót quanh chân nàng. “Billy!”. Tôi gọi. Nó sững lại, nhưng chẳng tỏ vẻ vồ vập gì lắm. Nó không nhận ra tôi, bởi rồi ra trò khi Pat nhắc nó nhớ đến tôi. “Thế đấy”, tôi nói. “Nhờ trời, con người có một trí nhớ tốt hơn. Hôm qua nó ở đâu vậy?”

Pat cười. “Suốt thời gian có mặt anh, nó làm lì dưới gầm giường. Hễ em có khách là nó ghen, rồi cầu kính lủi đi”.

“Trông em tươi lắm”, tôi nói.

Nàng nhìn tôi sung sướng. Đoạn nàng lại gần chiếc Karl. “Em muốn lại được ngồi vào xe đi một quãng ngắn”.

“Xong ngay”, tôi nói, “thế nào, Otto?”

“Đương nhiên được. Cô đang mặc sẵn chiếc măng-tô dày dặn, trong xe lại đủ khăn quàng và chăn”.

Pat ngồi ghé trước, sau tấm kính chắn gió, cạnh Koster. Karl rú máy. Ống xả phụt khói trắng xanh vào không trung lạnh lẽo. Động cơ vẫn chưa nóng lên. Dần dần, những lớp xe bọc xích nghiền trên tuyết những đường ngoằn ngoèo. Karl trườn xuống làng trong tiếng máy rít, nổ bình bịch, gầm gừ, nó chạy xuôi phố chính như một con sói rúm mình giữa đám vó ngựa phi nước kiệu và tiếng chuông leng keng của các cỗ xe trượt.

Chúng tôi ra khỏi làng. Chiều muộn, những cánh đồng tuyết lóng lánh sắc đỏ, bốc hơi mờ dưới vầng mặt trời đang lặn. Vài đồng rơm bên dốc gần như vùi mình trong tuyết trắng. Những người trượt tuyết cuối cùng đang chao liệng xuống thung lũng, trông xa tựa những dấu phẩy thanh thanh. Họ lướt qua vầng dương đỏ rực nhô lên lần nữa phía sau dốc: to tướng, tựa một trái bóng lửa âm đạm.

“Hôm qua các anh có qua đây không?”, Pat hỏi.

“Có”.

Xe lên đến đỉnh đèo thứ nhất, Koster dừng lại. Từ trên này nhìn xuống, phong cảnh thật hùng vĩ. Hôm trước, cùng chiếc Karl dò dẫm xuyên qua màn chiều tím trong suốt, chúng tôi không hề nhận thấy điều này. Hai thằng chỉ chăm chú vào con đường.

Những triền dốc trập trùng mở ra một thung lũng muôn hình vẻ. Những viên núi xa xa hần lên sắc nét, sáng rõ trên nền trời xanh lá mạ, tỏa ánh vàng chói. Trên các cánh đồng tuyết bên triền núi cũng trải muôn vệt sáng vàng chói như bụi vàng tãi khắp. Từng giây một, các triền dốc mỗi lúc một đắm mình vào ráng chiều rực rỡ phơn phớt đỏ, và những bóng núi mỗi lúc một tím ngắt. Mặt trời lọt vào kẽ hở giữa hai đỉnh núi óng ánh; và với trập trùng đỉnh núi, triền dốc của mình, thung lũng mênh mông trông tựa một cuộc điều binh hùng hậu, lạng lẽ, sáng ngời trước một vị bá chủ đang chìm dần. Con đường màu violet uốn quanh đỉnh đèo, mất hút, lại hiện lên, thẳm lại ở các khúc ngoặt, chạy qua các ngôi làng, đoạn tiến thẳng đến con đèo xen giữa hai đỉnh núi phía chân trời.

“Em chưa bao giờ được rời khỏi làng xa thế này”, Pat nói. “Đây là đường về nhà bọn mình phải không?”

“Phải”.

Nàng im lặng, nhìn xuống. Đoạn nàng ra khỏi xe, đưa tay che mắt nhìn. Cứ thế, nàng dăm dăm dõi về phương bắc, tuồng như nàng có thể nhìn thấy những đỉnh tháp của thành phố.

“Từ đây về đó bao xa?”, nàng hỏi.

“Quãng ngàn cây số. Tháng Năm chúng mình sẽ xuôi. Otto lên đón”.

“Tháng Năm”, nàng lặp lại. “Lạy Chúa, tháng Năm”.

Mặt trời dần lặn. Thung lũng sống động hẳn lên; những cái bóng này giờ vẫn nằm lỳ trong các nếp đất bắt đầu lạng lẽ nhóm dậy, trườn lên cao như những con nhện khổng lồ màu tím. “Ta phải quay về thôi, Pat”, tôi nói.

Nàng ngược nhìn, thốt nhiên gương mặt nàng như tiêu tụy vì đau đớn. Tôi chợt hiểu nàng biết tất cả. Nàng biết mình sẽ chẳng bao giờ còn vượt qua dãy núi không chút khoan dung đặng chân trời kia, nàng biết và nàng muốn giấu, cũng như chúng tôi muốn giấu nàng, nhưng trong một giây nàng để mắt tự chủ và thấy nổi bi đát trên thế gian này hiện lên trong khóe mắt nàng. “Ta đi xuống một đoạn nữa đi”, nàng nói. “Chỉ thêm một đoạn rất ngắn nữa thôi”.

“Đi nào”, tôi đáp sau khi đã đưa mắt cho Koster. Pat lên ghé sau ngồi cạnh tôi, tôi choàng tay ôm nàng, kéo chần phủ cho cả hai. Xe từ từ lăn bánh xuống dốc, xuống thung lũng, đi vào những bóng núi.

“Robby, anh yêu”, Pat thì thầm trên vai tôi, “giờ em có cảm tưởng như chúng mình đang trên đường về nhà, trở lại với cuộc sống của chúng



mình...”

“Ừ”, tôi nói, kéo chần lên sát tóc nàng.

Chúng tôi xuống càng thấp, trời sập tối càng nhanh. Pat nằm thu mình dưới tấm chần. Nàng luồn tay vào ngực tôi, dưới lần áo sơ-mi: tôi cảm thấy bàn tay nàng trên da thịt mình, rồi hơi thở của nàng, làn môi nàng, và cuối cùng là những giọt nước mắt.

Đến quảng trường chợ làng kế đó, Koster thận trọng cua một vòng rộng để Pat không nhận thấy xe quay lại, rồi cho xe chạy chậm chậm về Viện điều dưỡng.

Khi chúng tôi lên đến đỉnh đèo, mặt trời lặn hẳn, phía đông, vàng trắng sáng nhợt nhạt đã lơ lửng giữa các đám mây đang dần lên cao. Chúng tôi trở về, lưới xích xe miết xuống đường những tiếng lạo xạo buồn tẻ, xung quanh sao mà im ắng, tôi ngồi yên không động đậy, cảm thấy những giọt nước mắt của Pat trên trái tim mình, dường như nơi đó một vết thương đang ứa máu.

Một giờ sau tôi ngồi trong đại sảnh. Pat đã về phòng nàng, còn Koster đến Nha Khí tượng hỏi xem liệu tuyết có rơi không. Bên ngoài, không gian trở nên hư ảo, giờ đây vàng trắng đã loang một quãng rộng, màn chiều buông trước các ô cửa sổ như một tấm rèm nhung xám mềm mại. Lát sau Antoineio vào, ngồi xuống cạnh tôi. Cách đó vài bàn, một lão mập tròn như viên đạn đại bác ngồi thù lù, lão vận bộ complê vải thô dệt bằng sợi se ở nhà, cái quần chèn gối ngắn cũn cỡn. Một gương mặt trẻ sơ sinh với đôi môi dày trề ra và cặp mắt lạnh lẽo, cái sọ tròn đỏ tía không tóc, bóng loáng như một viên bi-a. Cạnh lão, một thiếu phụ gầy gò mắt thâm quầng, vẻ mặt đầy phiền muộn, van lơn. Viên đạn đại bác đang phờn chí tề, cái đầu lúc lắc liên tục, hai bàn tay hộ pháp đỏ đẫm cứ hoa lên.

“Tuyệt vời, ở trên này sướng hết chỗ nói! Quang cảnh này, không khí này, sự chăm sóc này! Quả là thuận lợi cho mình...”

“Kia Bernard”, thiếu phụ khẽ nói.

“Thật đấy, tôi những muốn được như mình, được chăm bẵm, nâng niu!”. Cười ngọt xót. “Cha, tôi ghen với mình...”

“Ồ Bernard”, thiếu phụ buồn rầu nói.

“Sao nào, sao nào”, viên đạn đại bác hí hờn nói ồ ồ như lệnh vỡ, “không đâu hơn đây được nữa! Mình ở đây có khác nào sống trong thiên đường! Dễ mình tưởng dưới xuôi sướng lắm đấy hẳn! Mai tôi lại phải dán thân vào cái cuộc sống hỗn tạp ấy. Hãy mừng là mình không phải biết tí gì về nó. Chà,

được thấy mình yên ấm ở đây mà tôi mát ruột”.

“Bernard, tôi nào sung sướng nổi gì”, thiếu phụ nói.

“Kìa mình”, Bernard quát tháo, “không eo sèo gì nữa! Những người đồng cảnh với bọn ta đây sẽ nói thế nào hả! Lúc nào cũng đầu tắt mặt tối, đầu đầu cũng thấy vỡ nợ, rồi thuế má... hừ, người ta thích thế lắm đấy”.

Thiếu phụ nín lặng.

“Cái thằng khỏe như trâu”, tôi bảo Antoineio.

“Còn phải nói!”, anh đáp. “Lão đến từ hôm kia và lúc nào cũng tìm cách át vợ bằng cái câu: “Mình ở đây sướng quá còn gì?” Lão không muốn thấy gì cả, anh biết chứ... không muốn thấy nỗi lo sợ của bà ấy bệnh tình của bà ấy, sự cô đơn của bà ấy. Hình như lâu nay lão đã sống với một viên đạn đại bác khác ở Berlin, và cứ nửa năm một lần lão lại lên đây thăm vợ cho phải đạo, hai tay xoa vào nhau, vui vẻ hồ hởi, mãi nghĩ đến sự sung sướng của bản thân. Mỗi tội không thèm để tai tới điều gì! Chuyện đó ở đây diễn ra xoành xoạch”.

“Bà ấy tới đây bao lâu rồi?”

“Quãng hai năm”.

Một tốp thanh niên vừa đi qua gian đại sảnh, vừa cười khúc khích. Antoineio cười.

“Từ trạm bưu điện về đây. Họ vừa đánh cho Roth một bức điện”.

“Roth là ai?”

“Cái anh chàng sắp xuất viện ấy mà. Họ đánh điện cho anh ta rằng vì dưới quê đang có dịch cúm, anh ta chưa được về vội, hãy cứ ở lại Viện đã. Những trò đùa thông thường. Chả là bản thân họ phải ở lại đây, anh hiểu chứ?”

Qua cửa sổ, tôi nhìn dãy núi nhấp nhô mịn như nhung xám. Tất cả đều không có thực, tôi tự nhủ, phải, tất thấy đều không phải là thực tại, không thể được. Đây chỉ là một sân khấu, trên đó được diễn một chút chết chóc. Nếu người ta chết thật, thì đó phải là một cái gì nghiêm trang kinh khủng. Giá như tôi có thể chạy theo đám thanh niên đó, vỗ vai họ và nói rằng: “Có phải đây chỉ là một cái chết nơi buồng trò, và các người chỉ là những tài tử hấp hối vui nhộn? Có phải rồi đây các người sẽ lại đứng dậy cúi chào? Với con số nhẹ và tiếng thờ thộ, người ta đâu đã chết được, chỉ những phát đạn và những vết thương mới gây nổi cái chết, tôi biết lắm chứ...”

“Anh cũng ốm à?”, tôi hỏi Antoinio.

“Tất nhiên”, anh mỉm cười đáp.

“Cà phê quả thực tuyệt vời”, viên đạn đại bác nói bô bô bên cạnh, “ở dưới xuôi làm gì ra có thứ này. Thật là chốn địa tiên chính cống!”

Koster từ Nha Khí tượng trở về. “Mình phải đi thôi, Robby”, cậu ta nói. “Phong vũ biểu tụt xuống, hình như đêm nay tuyết đổ. Nếu thế mai mình bị nghẽn đường mất. Đi tối nay còn kịp”.

“Được. Nhưng ta cùng ăn tối đã chứ?”

“Ừ. Giờ mình đi sửa soạn hành lý thật nhanh”.

Hai thằng đóng gói đồ của Koster, xách xuống gara. Rồi chúng tôi quay lại đón Pat.

“Có chuyện gì cứ điện thoại cho mình, Robby” Otto nói.

Tôi gật.

“Vài ngày nữa cậu sẽ nhận được tiền. Đủ cho ít lâu. Hãy làm tất cả những gì cần thiết”.

“Ừ, Otto”. Tôi lưỡng lự. “Chúng mình còn vài ồng moocphin ở nhà. Cậu gửi cho mình được không?”

Cậu ta nhìn tôi. “Cậu cần làm gì?”

“Mình không biết sự thể ở đây sẽ diễn ra thế nào. Có khi cũng chẳng cần dùng đến chúng. Bất chấp tất cả, mình vẫn cứ nuôi một chút hy vọng. Hễ nhìn thấy nàg là lại hy vọng. Khi có một mình, thì không. Nhưng mình không muốn nàg phải chịu đựng. Otto ạ. Mình không muốn nàg nằm đó, không còn gì khác ngoài những đau đớn dày vò. Có thể y tế ở đây cũng sẽ cho nàg thứ ấy. Nhưng mình cảm thấy yên tâm khi biết có thể giúp được nàg”.

“Chỉ thế thôi à, Robby?”, Koster hỏi.

“Thế thôi, Otto. Chắc chắn đây. Nếu không mình đã chẳng nói với cậu”.

Cậu ta gật đầu. “Chúng mình chỉ còn hai đũa”, cậu ta chậm rãi nói.

“Phải”.

“Được rồi, Robby”.

Chúng tôi đi vào gian đại sảnh, tôi lên đón Pat xuống. Rồi chúng tôi ăn thật nhanh, vì trời mỗi lúc một mù mịt Koster lái chiếc Karl từ gara ra cổng.

“May mắn nhé, Robby”, cậu ta nói.

“Cậu nữa, Otto”.

“Tạm biệt, Pat”. Cậu ta chìa tay cho Pat và nhìn nàng. “Sang xuân tôi sẽ lên đón chị”.

“Tạm biệt anh, Koster”. Pat nắm chặt tay cậu ta. “Tôi sung sướng vì còn được gặp anh. Anh chào cả Gottfried, Lenz giùm tôi”.

“Vâng”, Koster nói.

Nàng vẫn nắm tay Koster. Môi nàng run run. Đột nhiên nàng tiến lên một bước và hôn cậu ta. “Tạm biệt anh”, nàng nghẹn ngào lắm lắm.

Mặt Koster thoáng đỏ bừng lên. Cậu ta còn muốn nói điều gì đó, nhưng đã vội quay đi, lên xe, rờ máy, lượn xuống những khúc đường ngoằn ngoèo mà chẳng hề ngoái lại. Chúng tôi nhìn theo Koster. Chiếc xe rầm rầm lao dọc phố chính, rồi leo lên những cua dốc như một con đom đóm đơn độc, phía trước là quãng sáng đèn pha nhọn nhọn rọi trên nền tuyết xám. Đến đỉnh đèo, Karl dừng lại, và Koster vẫy chào. Bóng cậu ta đen thẫm trước ánh đèn pha. Rồi cậu ta biến mất. Chúng tôi còn nghe tiếng rì rì nhỏ dần của động cơ xe thêm hồi lâu nữa.

Pat đứng, khom mình về phía trước, lắng nghe, chùng nào tiếng Karl vẫn còn vẳng đến. Đoạn nàng quay lại tôi. “Giờ thì con tàu cuối cùng đã nhổ neo, anh Robby ạ”.

“Gần cuối thôi”, tôi đáp. “Con tàu cuối cùng là anh. Này, em biết anh dự định gì không? Anh muốn tìm cho mình một chỗ thả neo khác. Anh chán căn buồng bên nhà phụ rồi. Anh không hiểu tại sao chúng mình lại không thể ở bên nhau. Anh thử kiếm một phòng cạnh phòng em mới được”.

Nàng mỉm cười. “Đời nào! Ai cho anh! Anh định xoay xử cách gì chứ?”

“Nếu anh xin được, em có vui không?”

“Anh hỏi gì mà lạ! Còn gì tuyệt bằng, anh yêu. Gần như hồi ở nhà mẹ Zalewski!”

“Được, vậy hãy để anh đi công cán nửa giờ”.

“Hay lắm, trong lúc chờ đợi, em chơi cờ với Antoineio. Em đã học chơi ở đây đây”.

Tôi vào văn phòng, trình bày rằng mình còn ở lại đây lâu và muốn thuê một phòng cùng tầng với Pat. Một bà đứng tuổi ngực phẳng lỳ nhìn tôi về phần nộ và viện nội quy nhà điều dưỡng ra bác thẳng thừng nguyện vọng của

tôi.

“Ai đề ra nội quy ấy?”, tôi hỏi.

“Ban giám đốc”, bà ta đáp, tay vuốt phẳng các nếp váy.

Cuối cùng, khá là miễn cưỡng, bà ta cho tôi biết bác sĩ trưởng có quyền quyết định những trường hợp ngoại lệ.

“Nhưng ông ta không còn ở đây”, bà ta thêm. “Mà buổi tối chỉ được quấy rầy ông ta ở nhà riêng khi công việc bắt buộc”.

“Tốt”, tôi nói, “vậy tôi sẽ quấy rầy ông ta vì lý do công việc. Vấn đề nội quy của Viện”.

Bác sĩ trưởng sống trong một ngôi nhà nhỏ cạnh Viện điều dưỡng. Ông ra tiếp tôi ngay, và lập tức cho phép tôi.

“Sau cú mở đầu, tôi không ngờ lại dễ dàng đến thế”, tôi nói.

Ông cười. “A ha, mục già Rexroth hẳn đã gây khó dễ cho anh? Thôi được, tôi sẽ điện thoại ngay cho họ”.

Tôi trở lại văn phòng. Mục Rexroth già lụi mất một cách đáng kính khi trông thấy vẻ mặt khiêu khích của tôi. Tôi làm mọi thủ tục với cô thư ký, đoạn sai người phục vụ mang hành lý của tôi sang đây và kiếm cho tôi mấy chai rượu uống chơi. Xong đâu đấy, tôi vào gian đại sảnh tìm Pat.

“Được rồi chứ anh?”, nàng hỏi.

“Chưa, nhưng vài ngày nữa anh sẽ lo xong”.

“Chán thế!” Nàng gạt đồ những quân cờ và đứng dậy.

“Ta làm gì bây giờ?”, tôi hỏi. “Lại tiệm rượu chẳng?”

“Buổi tối chúng tôi thường chơi bài”, Antoineio nói. “Đang có gió nồm đây, tôi cảm thấy thế. Vậy chơi bài dễ chịu hơn cả”.

“Chơi bài? Pat ấy à?”, tôi ngạc nhiên hỏi. “Em biết chơi bài gì nào? Peter đen và Patience chứ gì?”

“Pôker, anh yêu ạ”, Pat giải thích.

Tôi cười. “Thật đấy, cô ấy chơi được”, Antoineio nói. “Mỗi tội cô ấy liều lĩnh đến là đại dột, và tháu cáy giỏi kinh khủng”.

“Tôi cũng vậy”, tôi đáp. “Ta phải thử vài ván xem sao”. Chúng tôi ngồi vào một góc và bắt đầu chơi. Pat đánh poker mả ra phết. Nàng lừa thật sự, khiến đối phương toi tả. Một giờ sau, Antoineio chỉ ra quang cảnh ngoài cửa

sổ. Tuyết rơi. Từ tốn, dường như còn lưỡng lự, những bông tuyết to tướng gàn như rơi thẳng xuống đất.

“Ăng gió quá”, Antoineio nói. “Nhiều tuyết ghê”.

“Koster giờ ở đâu nhỉ?”, Pat hỏi.

“Cậu ấy đã vượt con đèo chính”, tôi đáp. Trong khoảnh khắc, Karl hiện lên rõ mồn một trước mắt tôi, tôi thấy nó cùng Koster xuyên màn đêm trắng xóa, và thốt nhiên mọi sự đối với tôi như một cái gì không có thực... rằng tôi ngồi đây, rằng Koster đang ở giữa dặm trường và Pat ngồi đó. Nàng mỉm cười sung sướng cùng tôi, bàn tay cầm bài chống trên bàn. “Đến lượt anh, Robby!”

Viên đạn đại bác băng qua gian đại sảnh, dừng lại sau bàn chúng tôi và bắt đầu xem chúng tôi đánh bài với vẻ thân thiện. Hình như bà vợ đã ngủ, còn lão đi tìm giải trí. Tôi đặt bài xuống, hẳn học nhìn lão kỳ tới lúc lão phải rút.

“Anh không niềm nở chút nào”. Pat thích thú nhận xét.

“Không”, tôi đáp. “Mà anh cũng không muốn tỏ ra niềm nở”.

Chúng tôi còn đến tiệm rượu uống vài ly đặc biệt. Rồi Pat phải về phòng ngủ. Tôi chia tay với nàng ở gian đại sảnh. Nàng bước chậm chậm lên cầu thang, ngoái lại và dừng chân trước khi rẽ vào hành lang. Tôi chờ một lát, đoạn vào văn phòng lấy chìa khóa phòng mình. Cô thư ký nhỏ nhắn mỉm cười.

“Phòng số 78”, cô ta nói.

Đó là phòng sát phòng Pat. “Theo gợi ý của cô Rexroth chẳng?”, tôi hỏi.

“Không, cô Rexroth ở bên Nhà chung”, cô ta đáp.

“Các Nhà chung đôi khi là một phúc lành”, tôi nói, rồi vội vã lên gác. Hành lý của tôi đã được dỡ ra. Nửa giờ sau, tôi gõ cánh cửa thông sang phòng Pat. “Ai đó?”, Pat hỏi to.

“Cảnh sát thuần phong mỹ tục”, tôi đáp.

Tiếng chìa khóa vụn lạch xạch, cánh cửa bật mở.

“Anh? Robby?”. Pat sững sờ đáp ứng.

“Anh đây!”, tôi nói. “Kẻ chiến thắng cô Rexroth! Kẻ sở hữu rượu cognac và Porto - Roncos!”. Tôi lấy mấy chai rượu ra khỏi túi áo choàng tắm của mình. “Còn bây giờ, khai ngay với anh, đã có bao nhiêu đàn ông lọt vào

đây”.

“Chẳng có ai, ngoài câu lạc bộ bóng đá và giàn hòa tấu được tăng cường”, Pat cười đáp. “Ôi, anh yêu, thời xưa cũ đã trở lại!”

Nàng ngủ thiếp đi trên vai tôi. Tôi còn thao thức hồi lâu. Một ngọn đèn nhỏ thấp trong góc phòng. Những bông tuyết khẽ chạm vào kính cửa sổ, và thời gian như ngừng trôi trong cái bóng tối nâu vàng mờ ảo này. Trong phòng rất ấm. Thịnh thoảng ông sưởi lại kê đánh rắc. Pat cựa mình trong giấc ngủ; từ từ, mấy cái chăn tụt nhẹ xuống sàn. Ô, tôi nghĩ làn da anh ánh, óng như đồng này! Đầu gối thanh tú kỳ diệu này! Sự bí ẩn dịu êm của đôi vú này! Tôi cảm thấy tóc nàng mỏng manh trên vai mình, mạch tay nàng đập dưới môi mình. Em mà phải chết sao, tôi thảm nhủ. Em không thể chết. Em là hạnh phúc.

Tôi khẽ khàng kéo chăn lên. Pat lẩm bẩm điều gì đó, lại im bật, và, vẫn ngủ, nàng từ từ quờ tay ôm cổ tôi.

# CHƯƠNG 27

Những ngày sau tuyết rơi không ngừng, Pat bị sốt, phải nằm. Nhiều người trong viện lên cơn sốt.

“Tại thời tiết”, Antoineio nói. “Oi bức, lại có gió nồm. Đúng là mùa sốt”.

“Anh yêu, đi chơi chút đi”, Pat nói. “Anh biết trượt tuyết không?”

“Không. Làm sao anh biết được? Anh chưa từng ở vùng núi mà”.

“Antoineio sẽ bay cho anh. Anh ta sẽ thích lắm đấy. Anh ta mến anh”.

“Anh muốn ngồi nhà hơn”.

Nàng nhòm dậy trên giường. Chiếc áo ngủ trễ khỏi vai.

Đôi vai nàng gầy quá. Gáy cũng gầy đến tội nghiệp.

“Robby”, nàng nói, “chiều em một tí. Em không muốn anh cứ ngồi lì bên giường bệnh thế này. Hôm qua và hôm kia, thế đã là quá lắm rồi”.

“Anh thích ngồi đây”, tôi đáp. “Anh chẳng tha thiết gì ra ngoài trời tuyết”.

Nàng thở mạnh, và tôi nghe tiếng khò khè không đều trong hơi thở của nàng. “Trong chuyện này em nhiều kinh nghiệm hơn anh”, nàng nói, khuấy tay chống xuống giường. “Như thế tốt hơn cho cả hai ta. Rồi anh sẽ thấy”. Nàng mỉm cười mệt nhọc. “Chiều nay, tối nay anh còn có thể ngồi đây tha hồ. Buổi sáng em thấy thắc thỏm thế nào ấy, anh yêu ạ. Cơn sốt buổi sáng khiến mặt mũi trông gớm ghiếc. Buổi tối lại khác hẳn. Em hời hợt và ngu ngốc... em không muốn xấu xí khi anh nhìn em”.

“Kìa Pat!” Tôi đứng dậy. “Thôi được, anh đi dạo với Antoineio một lát. Trưa anh trở lại. Hy vọng rằng anh không bị tan xương vì cái trò trượt tuyết khi nọ ấy”.

“Anh sẽ học nhanh thôi, anh yêu ạ”. Gương mặt nàng mất đi vẻ căng thẳng sợ hãi, “Chả mấy lúc anh đã trượt tuyết vù vù cho mà xem”.

“Và em đang muốn tổng khứ anh vù khỏi đây cho nhanh chứ gì”, tôi nói và hôn nàng. Hai bàn tay nàng nóng hổi, dầm dấp mồ hôi, môi nàng khô, phồng rộp.

Antoineio sống ở tầng hai. Anh cho tôi mượn giày và thanh trượt. Giày vừa vặn, vì tôi và anh cao bằng nhau. Chúng tôi ra bãi tập nằm sau làng một



quãng. Dọc đường, Antoineio nhìn tôi dò xét. “Sốt khiến người ta thối thỏm”, anh nói. “Những ngày như thế này ở đây đôi khi vẫn xảy ra những chuyện kỳ quặc”. Anh đặt những thanh trượt xuống trước mặt, buộc nó vào chân. “Không gì tệ hại bằng phải chờ đợi trong trạng thái bất lực. Nó khiến người ốm phát điên và suy sụp”.

“Cả những người khỏe”, tôi đáp. “Phải đứng đó nhìn vào mà chịu bó tay”.

Anh gật đầu. “Một vài người trong bọn tôi làm việc”, anh tiếp, “một số đọc bằng hết sách trong thư viện. Nhưng cũng có nhiều người trở lại như trò nhỏ, họ trốn giờ phơi nắng như lần giờ thể dục trước kia, và sợ hãi lù vào các cửa hiệu hay các tiệm bánh ngọt khi bác sĩ bắt đầu đi ngang. Lén hút thuốc, lén uống rượu, vi phạm điều cấm hội hè bù khú trong phòng riêng, chuyện trò nhảm nhí, những cú chơi khăm ngu ngốc... cốt tự cứu mình thoát khỏi sự trống rỗng. Thoát khỏi sự thật. Một sự làm ngơ giả tạo, nhẹ dạ, nhưng cũng can đảm trước cái chết. Suy cho cùng, họ còn có cách nào khác đâu?” Phải, tôi nghĩ, suy cho cùng tất cả chúng ta còn có cách nào khác nữa...

“Ta tập cái chứ?” Antoineio hỏi và dận đôi thanh trượt xuống tuyệt.

“Ừ”.

Anh bày cho tôi cách buộc thanh trượt, cách giữ thẳng bằng. Kể ra cũng chẳng khó. Tôi ngã xoành xoạch, nhưng rồi quen dần và đã trượt được quãng ngắn ngắn. Một giờ sau chúng tôi nghỉ. “Đủ rồi”, Antoineio nói. “Chỉ đến tới là anh đã thấy cơ bắp mỏi nhừ cho mà xem”.

Tôi tháo đôi thanh trượt và cảm giác máu cuồn cuộn chảy trong cơ thể. “Ta ra ngoài thể mà khỏe người, Antoineio ạ”, tôi nói.

Anh gật. “Ta có thể tập sáng sáng. Đầu óc cũng thanh thoi hơn”.

“Vào đâu uống chút gì đi?”, tôi hỏi.

“Đồng ý. Đến quán Forster làm một ly Dubonnet thôi”.

Chúng tôi uống Dubonnet, rồi trở lên Viện điều dưỡng. Ở văn phòng, cô thư ký nói với tôi rằng một người đưa thư tới tìm tôi; ông ta nhấn lại mời tôi ra trạm bưu điện. Có tiền gửi cho tôi. Tôi xem đồng hồ vẫn còn kịp, bèn quay lại làng. Ở trạm bưu điện, người ta trao cho tôi hai ngàn mác. Cả một bức thư của Koster. Cậu ta nói tôi đừng lo lắng gì; tiền vẫn còn. Chỉ cần tôi biên cho cậu ta vài chữ.

Tôi dăm dăm nhìn những tờ giấy bạc. Cậu ta kiếm ở đâu ra vậy? Mà lại

chóng vánh đến thế? Tôi đâu lạ gì các nguồn sinh nhai của cả bọn. Và đột nhiên tôi vỡ lẽ. Tôi thấy trước mắt mình gã chủ xưởng may máu mê đua xe Bonvis, thấy gã thềm thường gõ quanh chiếc Karl và tuyên bố: “Lúc nào tôi cũng sẵn sàng mua chiếc xe”. Khốn nạn! Koster đã bán Karl! Tiền bỗng dung ở đó mà ra! Chiếc Karl mà Koster từng nói cậu ta thà để chặt một bàn tay chứ quyết không nhượng cho ai. Karl không còn nữa. Giờ đây nó rơi vào đôi tay béo mồm của tên chủ xưởng may, còn Otto, người mà tai có thể nhận ra Karl cách hàng cây số, sẽ nghe tiếng nó hú trên các nẻo đường như một con chó bị xua đuổi.

Tôi nhét bức thư của Koster và cái gói nhỏ bọc mấy ống moocphin vào túi. Tôi vẫn đứng trước quầy bưu điện, bối rối không biết nên xử sự thế nào. Tôi không muốn gì hơn là gửi ngay số tiền đó cho Koster, nhưng không được, chúng tôi cần tiền. Tôi vuốt phẳng xấp giấy bạc, cất vào túi. Đoạn đi ra. Mẹ kiếp, từ giờ trở đi có lẽ tôi phải tránh mặt bất kỳ chiếc xe hơi nào. Xe hơi vốn là bè bạn, nhưng Karl đối với chúng tôi còn hơn thế nhiều. Một chiến hữu! Karl, bóng ma trên đường nhựa. Chúng tôi từng sát cánh bên nhau, Karl với Koster, Karl với Lenz, Karl với Pat. Giận dữ và bất lực, tôi dậm chân rữ tuyệt khỏi giày. Lenz chết rồi, Karl đã ra đi. Còn Pat? Với cặp mắt bị chói nắng, tôi dăm dăm ngược nhìn trời, cái bầu trời xám vô tận của một Đức Chúa điên rồ đã phát minh ra sự sống và cái chết làm trò tiêu khiển.

Chiều, gió đổi hướng, trời quang và lạnh hơn, tối đến Pat thấy khỏe ra. Sáng hôm sau nàng đã dậy được, thậm chí vài ngày sau, khi Roth, người vừa bình phục, xuất viện, nàng còn có thể ra tận ga tiễn.

Cả một đám đông đưa chân Roth. Thường bao giờ cũng vậy khi có người ra đi. Bản thân Roth chẳng hề hỏi gì lắm. Anh gập rùi theo lối riêng của mình. Cách đây hai năm, trả lời câu hỏi của Roth liệu anh còn sống được bao lâu, một bác sĩ có tài nói rằng giới lắm chỉ hai năm nữa, nếu anh lo giữ sức khỏe chu đáo, cẩn thận, anh còn yêu cầu một bác sĩ nữa trả lời câu hỏi của mình đúng với sự thật và lương tâm ông ta. Bác sĩ này còn cho biết một thời hạn ngắn hơn. Roth bèn lấy hết của cải của mình chia đều cho hai năm và tiêu tống tiêu táng, chẳng thềm bận tâm gì đến bệnh tật. Cuối cùng, sau những trận thổ huyết nặng, anh bị tống vào Viện điều dưỡng. Và tại đây, thay vì chết đi, anh bắt đầu không ngừng hồi phục. Khi đến, anh cân nặng có bốn lăm cân. Giờ anh lên bảy lăm cân và khỏe tới mức có thể quay về dưới xuôi. Nhưng tiền thì đã rỗng túi.

“Tôi biết làm gì dưới ấy?”, anh hỏi tôi, tay gãi gãi cái đầu tóc đỏ “Anh vừa ở dưới ấy lên, tình hình thế nào?”

“Thay đổi nhiều lắm”. Tôi vừa đáp vừa quan sát gương mặt tròn xoay, phúng phính của anh với những hàng lông mi trắng hoe. Anh đã bình phục mặc dù từng quy phục thần chết, còn thì ở anh chẳng có điểm gì đáng để tôi lưu tâm.

“Tôi sẽ phải kiếm một chỗ làm”, anh nói. “Hiện giờ việc ấy thế nào anh?”

Tôi nhún vai. Nói với anh rằng nhiều phần anh sẽ công cốc thôi mà làm gì. Chẳng chóng thì chầy rồi anh khắc thấy.

“Anh quen biết nhiều không, hay có bạn bè chẳng hạn?”, tôi hỏi.

“Bạn bè... chà, anh biết đấy”. Anh cười mai mỉa. “Khi con người ta đột nhiên nhả túi, bạn bè lập tức nhảy bắn đi chẳng khác gì lũ bọ chét vội rời một con chó chết!”

“Thế thì sẽ gay đấy”.

Anh nhăn trán. “Chẳng biết rồi sẽ ra sao. Tôi chỉ còn vài trăm mác. Lại chẳng học được nghề ngỗng gì ngoài nghề tiêu tiền. Ông giáo sư của tôi thế mà vẫn có lý, cho dù theo cách khác... chỉ hai năm nữa tôi ắt nghèo, cố nhiên vì một viên đạn”.

Trong tôi đột nhiên bùng lên một cơn giận vô lý trước thằng cha ba hoa xuẩn ngốc này. Lẽ nào hẳn không biết cuộc sống đáng quý ngần nào? Trước mắt tôi, Antoineio và Pat đang đi cùng nhau, tôi thấy những cái gáy gầy guộc vì bệnh tật của họ, tôi biết nàng tha thiết được sống biết bao, và trong giây phút này, tôi sẵn sàng giết chết Roth nếu nhờ thế mà Pat lành bệnh.

Tàu khởi hành. Roth vẫy mũ chào. Những người ở lại đua nhau gọi với theo và cười. Một cô gái vừa chạy vừa vấp một quãng theo tàu, cô ta gào lên bằng cái giọng thanh the thé: “Tạm biệt! Tạm biệt!”, đoạn quay lại và òa khóc. Nhưng người khác sượng sùng ra mặt.

“Này!”, Antoineio gọi. “Ai khóc trên sân ga, phải nộp phạt! Đó là luật truyền thống của Viện! Hãy xì tiền cho cuộc liên hoan sắp tới đây!”

Anh điệu bộ chìa tay ra. Mọi người lại cười. Ngay cô gái cũng mỉm cười dưới làn nước mắt chảy trên gương mặt gầy yếu tội nghiệp, và móc túi áo măng-tô ra một cái ví đã sờn. Lòng tôi se thắt lại. Những gương mặt quanh tôi đây là những cái mặt nạ nhăn nhó; đó đâu phải nụ cười, mà là sự vui nhộn đầy đau đớn, quẫn quai.

“Đi em”, tôi bảo Pat, ghì chặt nàng dưới cánh tay.

Chúng tôi lặng lẽ xuôi lối phố trong làng. Tới tiệm bánh kẹo đầu tiên, tôi dừng lại, vào mua một hộp kẹo. “Hạnh nhân rang đây”, tôi nói và chìa cái gói cho nàng. “Em thích ăn lắm mà, phải không?”

“Anh Robby”, Pat nói. Mũi nàng run run.

“Gượng đã”, tôi đáp, chạy vội vào hàng hóa bên cạnh. Đã phần nào trấn tĩnh, tôi quay ra với bó hồng.

“Anh Robby”, Pat nói.

Tôi ngoảnh một nụ cười thiếu nǎo. “Về già anh sẽ còn trở thành con người hào hoa, Pat ạ”.

Tôi không rõ cái gì bỗng đột nhập vào tâm trạng hai đứa. Có lẽ tại con tàu khôn kiếp vừa khởi hành ấy. Nó tựa một cái bóng nặng như chì, một luồng gió xám xịt bứt đi tất thảy những gì con người muốn ra sức níu giữ. Phải chăng hai chúng tôi thốt nhiên là hai đứa trẻ lạc không biết đường tiến lẫn đường lui, và rất muốn tỏ ra can đảm?

“Rảo chân tìm cái gì uống đi”, tôi nói.

Nàng gật. Chúng tôi vào tiệm cà phê gần đây, ngồi vào một cái bàn trống cạnh cửa sổ. “Em muốn uống gì, Pat?”

“Rum”, nàng nói, mắt nhìn tôi.

“Rum”, tôi lặp lại, tìm nắm bàn tay nàng dưới gầm bàn. Nàng xiết chặt tay tôi.

Rum được mang ra. Loại Baccardi pha chanh. “Anh thân yêu của em”, nàng nói và nâng ly.

“Bạn quý tốt bụng của anh”, tôi đáp lại.

Chúng tôi ngồi thêm lát nữa. “Đôi khi kỳ cục sao ấy, anh nhỉ?”. Pat nói.

“Ừ. Cũng có lúc. Lại qua ngay thôi mà”.

Nàng gật. Hai đứa đi tiếp, nép sát vào nhau. Những con ngựa kéo xe trượt phủ hơi phì phì chạy nước kiệu qua chúng tôi. Những người trượt tuyết mệt mỏi, râm nắng, một đội khúc côn cầu trên băng mặc đồng phục áo len trắng đỏ, cuộc sống nhộn nhạo.

“Em thấy trong người ra sao. Pat?”, tôi hỏi.

“Khỏe, Robby”.

“Chúng mình bắt chấp tất cả, hả?”

“Phải, anh yêu”. Nàng ghi cánh tay tôi vào người nàng.

Phố trở nên vắng teo. Hoàng hôn như một tấm chăn hồng phủ trên những ngọn núi đầy tuyết. “Pat”, tôi nói, “em vẫn chưa hề biết chúng mình có cả đồng tiền, Koster gửi”.

Nàng dừng chân. “Tuyệt lắm, Robby. Nếu thế, chúng mình có thể đi chơi ra trò”.

“Chứ sao”, tôi nói. “Đi bao nhiêu tùy thích”.

“Vậy thứ Bảy mình đến phòng khiêu vũ đi. Ở đây sẽ có dạ hội lớn cuối cùng trong năm”.

“Nhưng buổi tối em đâu được phép đi”.

“Phân đông có ai được phép, vậy mà họ vẫn cứ đi”.

Tôi tỏ ra dăm chiêu. “Robby”, Pat nói, “thời gian anh chưa lên đây em đã nhất nhất tuân theo mọi chỉ dẫn của bác sĩ. Em chỉ còn là một đơn thuốc sống đầy sợ hãi, không hơn. Chẳng ích gì. Bệnh em càng nặng lên. Đừng ngắt lời em, em biết trước điều anh định nói. Em cũng biết thế là liều lĩnh. Nhưng ngày nào em còn được sống, được bên anh... hãy để em làm những gì em muốn”.

Mặt nàng đỏ hồng trong ráng chiều. Gương mặt nghiêm trang, điềm tĩnh, tràn đầy tình âu yếm thiết tha. Chúng mình đang nói cái gì thế này? Tôi tự hỏi, miệng se lại, có lẽ nào chúng tôi đang đứng đây và làm nhảm về cái điều không bao giờ có thể, cũng như được phép xảy đến? Thế mà chính Pat đã nói ra những lời đó, bình thản, gần như không chút buồn rầu, tuồng như không còn chút gì để cưỡng lại, kể cả những mảnh toi tả của một niềm hy vọng dối lừa, chính Pat, người hầu như còn là một đứa trẻ cần được tôi che chở, Pat, người bỗng chốc rất xa cách tôi, đã gần gũi và cam chịu với cái vô danh ở phía bên kia.

“Em không được nói như vậy”, cuối cùng tôi khẽ lắm bầm. “Anh chỉ nghĩ có lẽ mình nên hỏi qua bác sĩ trước khi đi chơi”.

“Mình không hỏi ai nữa, không hỏi ai hết!”, nàng lắc mái đầu nhỏ xinh đẹp và nhìn tôi với cặp mắt mà tôi yêu dấu. “Em không muốn biết tí gì nữa cả. Em chỉ còn muốn được sung sướng”.

Tối, trong các hành lang của Viện điều dưỡng có tiếng xì xầm và tiếng bước chân đi lại. Antoineio chuyển một lời mời đến chúng tôi. Nội tối nay, người ta còn tổ chức một cuộc tụ họp bên phòng bác người Nga.

“Tôi đi cùng e có bất tiện không?”, tôi hỏi.

“Ồ đây sao?”, Pat hỏi lại Antoineio.

“Ồ đây người ta có thể làm nhiều chuyện đáng ra không được phép”, Antoineio mỉm cười đáp.

Bác người Nga là một người đàn ông đã đứng tuổi, da ngăm ngăm. Bác sống trong hai phòng trải đầy thảm. Những chai rượu đứng xếp hàng trên nóc một cái rương. Cả hai phòng đều tranh tối tranh sáng. Chỉ có những ngọn nến cháy. Trong đám khách khứa có một cô gái Tây Ban Nha tuyệt đẹp. Hôm nay là sinh nhật cô, cần phải uống mừng dịp này.

Không khí trong những gian phòng bập bùng ánh nến gợi nhớ đến căn hầm trú ẩn, cộng ánh sáng mờ ảo và tình gắn bó kỳ lạ giữa những con người cùng chung số phận nay có vẻ gì thật độc đáo.

“Anh muốn uống gì?”, bác người Nga hỏi tôi. Giọng bác trầm và ấm lạ.

“Thứ nào bác sẵn”.

Bác lấy ra một chai cognac và một bình vodka.

“Anh không ốm à?”, bác hỏi.

“Không ạ”, tôi đáp ngượng nghịu.

Bác mời tôi thuốc lá đầu lọc. Chúng tôi cạn ly. “Chắc ở đây có những cái anh cho là kỳ quặc, đúng chứ?”

“Làm gì tới mức ấy”, tôi đáp. “Tôi vốn không quen với bất kỳ cuộc sống bình thường nào!”

“Phải”, bác nói, ánh mắt rầu rĩ hướng về cô gái Tây Ban Nha, “trên này là một thế giới riêng biệt. Nó biến đổi con người”.

Tôi gật.

“Một căn bệnh lạ lùng”, bác trầm ngâm nói thêm. “Nó làm con người sôi nổi hẳn lên. Đôi khi tốt hơn. Căn bệnh thần bí. Nó tiêu tán các chất cặn bã”. Bác đứng dậy, gật đầu với tôi và đi sang cô gái Tây Ban Nha đang mỉm cười đón bác.

“Một diễn giả thông thiết cho thuyết tiêu tán, hả?” Ai đó hỏi sau lưng tôi.

Một bộ mặt không cảm. Cái trán giô. Cặp mắt lo âu, long lanh trong con sót.

“Tôi là khách ở đây”, tôi nói. “Còn ông?”

“Hắn dùng mảnh khố đó câu đám đàn bà” tay kia nói tiếp, chẳng thèm để tai nghe tôi, “hắn câu họ như vậy đấy. Câu cả cô bé kia nữa”.

Tôi không đáp. “Ai thế em?”, tôi hỏi Pat khi gã đã đi khỏi.

“Một nhạc công. Chơi vĩ cầm. Anh ta mê cô gái Tây Ban Nha như điệu đờ. Mê như trên này người ta vẫn mê nhau. Nhưng cô ấy chẳng thèm để ý đến anh ta. Cô ấy yêu bác người Nga”.

“Giá anh là cô ta, anh cũng yêu”.

Pat cười.

“Anh thấy bác ta là một người đàn ông đáng phải lòng đấy chứ” tôi nói. “Em không nghĩ thế à?”

“Không”, nàng đáp.

“Ở đây em chưa từng phải lòng ai sao?”

“Vừa phải thôi”.

“Giá có, anh cũng mặc”, tôi nói.

“Những lời thú nhận đến là đẹp”. Pat đứng lên. “Thế nhưng anh hoàn toàn chẳng mặc tí nào”.

“Ý anh không phải vậy. Anh không tài nào giải thích cho em hiểu đúng ý anh. Anh không diễn đạt nổi bởi anh vẫn cứ chưa biết em tìm thấy điều gì hay ho ở anh”.

“Đó là việc của em”, nàng đáp.

“Vậy em biết chứ?”

“Lơ mơ thôi”, nàng mỉm cười. “Nếu không, đâu còn là tình yêu”.

Bác người Nga để cái chai lại trên bàn. Tôi rót cho mình một ly và uống sạch. Không khí trong gian phòng đè nặng lên tôi. Tôi không thích thấy Pat giữa cả đám người bệnh tật này.

“Anh không ưng ở đây à?”, nàng hỏi.

“Không ưng lắm. Anh phải làm quen dần”.

“Anh tội nghiệp của em...” nàng vuốt ve bàn tay tôi.

“Có em, anh chẳng tội nghiệp tí nào”, tôi nói.

“Rita chẳng rất đẹp đó sao?”

“Không”, tôi đáp, “em đẹp hơn”.

Cô gái trẻ Tây Ban Nha kê chiếc ghita trên đầu gối. Cô búng vài dây, đoạn cất tiếng hát, giọng hát như một cánh chim u buồn chao lượn khắp gian phòng. Cô hát những bài ca Tây Ban Nha, giọng khe khẽ... cái giọng khàn khàn, dễ gây của người mắc bệnh phổi. Tôi không biết: vì những giai điệu lạ tai, ảo não, vì cái giọng hát ban chiều lay động lòng người của cô thiếu nữ, vì những cái bóng của lũ người ốm o ngồi thu lu trên ghé bành, co ro dưới sàn, hay vì khuôn mặt thô ngăm ngăm cúi xuống của bác người Nga, mà bỗng nhiên tôi cảm giác như tất cả chỉ là một lời khẩn nài âm lặng, nức nở, trước cái định mệnh đang đứng rình rập ngoài kia, đằng sau những ô cửa buồng rèm, một lời cầu xin, một tiếng thét và nỗi sợ hãi, sợ hãi trước cảnh phải một mình đương đầu với cái hư vô đang lặng lẽ ăn tươi nuốt sống mình.

Sáng hôm sau, Pat hớn hờ, vui tươi. Nàng mãi bận rộn với những chiếc áo dài của nàng. “Rộng hẳn ra, rộng quá”, nàng lẩm bẩm ngắm nghía trước gương. Đoạn nàng quay sang tôi.

“Anh có mang theo bộ smoking không đấy, anh yêu?”

“Không”, tôi nói. “Anh biết đâu lên đây lại cần”.

“Vậy anh chạy sang Antoineio. Anh ta sẽ cho anh mượn một bộ. Các anh cùng cỡ người mà”.

“Bản thân anh ta cũng cần chứ”.

“Anh ta diện áo đuôi én”. Nàng ghim một nếp áo lại cho vừa người. “Rồi anh đi trượt tuyết đi. Giờ em phải ngồi đây sửa áo. Nhưng có mặt anh, em lóng ngóng không làm nổi”.

“Chà, Antoineio”, tôi nói, “anh hành anh ta đủ đường. Bọn mình sẽ xoay xử ra sao nếu không có anh ta”.

“Một chàng trai tốt bụng, anh nhỉ?”

“Ừ”, tôi đáp, “đó đúng là từ dành cho anh ta. Một chàng trai tốt bụng”.

“Em không biết em đã làm gì nếu không có Antoineio ở đây, hồi em chỉ có một mình ấy!”

“Thôi ta đừng nghĩ đến hồi ấy nữa”, tôi nói. “Qua từ lâu rồi”.

“Vâng”. Nàng hôn tôi. “Nào anh đi trượt tuyết đi”.

Antoineio đang chờ tôi rồi. “Tôi đã nghĩ bụng chắc anh không mang smoking theo”, anh nói. “Anh thử chiếc áo xem”.

Áo hơi hẹp, nhưng vẫn vừa chán. Antoineio vui thích huýt sáo và treo bộ smoking ra ngoài. “Mai tha hồ vui”, anh nói. “May làm sao cô nàng thư ký



bé nhỏ lại có giờ trực tôi ở văn phòng. Phải tay mù Rexroth thì đừng hòng ra với mù. Về lý thì tất cả các trò này đều bị cấm. Nhưng xét về tình, cố nhiên bọn ta đâu còn là trẻ con”.

Chúng tôi đi trượt tuyết. Tôi tiếp thu nhanh hết chê, nên chúng tôi không cần phải mò ra tận bãi tập nữa. Dọc đường, chúng tôi gặp một gã đàn ông tay đeo dây nhẫn kim cương, diện quần kẻ caro, thắt chiếc cà vạt bay phấp phới như cà vạt nghệ sĩ. “Ở đây có những bộ dạng lố bịch gồm”, tôi nói.

Antoineio cười. “Nhân vật quan trọng đây! Một người tháp tùng xác chết”.

“Cái gì?”, tôi sững sốt hỏi.

“Một người tháp tùng xác chết” Antoineio nhắc lại. “Chả là ở đây có những người bệnh đến từ khắp nơi trên thế giới. Đặc biệt nhiều người từ Nam Mỹ. Thế đấy, và phần đông các gia đình muốn chôn cất thân nhân của họ tại quê hương. Vậy là một người tháp tùng xác chết đi theo để giữ cái xác khỏi những tổn hại thường xuyên đe dọa, đưa cái xác về bản quán trong áo quan bằng kẽm. Bằng cách đó, đám người này trở nên khá giả và tha hồ vớ bẫm. Thì anh thấy đấy thân chết đã biến thành cha vừa rồi thành một gã công tử thời thượng”.

Chúng tôi tiếp tục lên cao hồi lâu nữa, rồi chúng tôi buộc thanh trượt vào chân và trượt xuống. Những vách núi trắng xóa trông tránh. Rượt sau chúng tôi là Billy, sủa ăng ăng, đôi khi đầu rũ xuống tận ngực, hết một quả bóng màu hung. Nó đã lại quen hơi bén tiếng tôi, cho dù nó thường xuyên lộn lại giữa đường và lập tức co căng phi về Viện điều dưỡng với đôi tai dựng trong gió.

Tôi cầu Chúa, và lần nào cũng vậy, hễ trượt xuống dốc, hay chuẩn bị một cú nhảy, hay buông mình bay vút theo đà, tôi đều tự nhủ: nếu mình thành công, không ngã, Pat sẽ khỏi bệnh. Gió quất vào mặt tôi, tuyết nặng và dính, nhưng tôi luôn bắt đầu lại từ trên cao, luôn tìm những triền núi dốc đứng hơn, những địa thế hiểm nghèo hơn, và khi thấy mình thành công liên tiếp, tôi khấp khởi: thoát rồi! Tôi biết họa có rồ đại mới tin vào chuyện ấy, tuy vậy đã lâu lắm tôi mới hoan hỉ đến thế.

Tối thứ Bảy, cuộc khởi hành rầm rộ diễn ra trong bí mật. Antoineio đã hẹn các cỗ xe trượt đến đón tại một điểm cách xa Viện điều dưỡng, tí mé dưới. Bản thân anh dùng xe trượt, chân dận giày da sơn, măng-tô mở phanh, để lộ ngực áo sơ-mi trắng lóa, lên đến đỉnh đèo, anh hồ hởi hô xuống.

“Anh ta hóa rồ rồi”, tôi nói.

“Antoineio vẫn thế luôn”, Pat đáp. “Anh ta cực kỳ nông nổi. Có thể mới chịu được cảnh sống nơi đây. Nếu không, làm sao lúc nào anh ta cũng tươi tỉnh được như vậy”.

“Bù vào đó, chúng mình càng ủ ấm cho em”.

Tôi quán vào nạng tất cả chân và khăn quàng chúng tôi có. Các cỗ xe trượt bắt đầu xuống dốc. Một hàng dài nối đuôi nhau. Ai còn đủ sức đều đi cả. Người ta dễ lầm tưởng một đám rước dâu đang kéo xuống thung lũng; những túm lông sặc sỡ tô điểm trên đầu các chú ngựa lúc lắc đến là trọng thể dưới ánh trăng; tiếng cười nói râm ran, tiếng gọi nhau í ới từ cỗ xe này sang cỗ xe kia.

Phòng dạ hội được trang hoàng xa xỉ. Khi chúng tôi đến, người ta đang khiêu vũ. Khách khứa đến từ Viện điều dưỡng được dành riêng một góc phòng, nơi gió từ cửa sổ không lùa tới. Trong phòng ấm áp, sực nức mùi hoa, nước hoa và rượu vang.

Một đám người quây quanh bàn chúng tôi - bác người Nga, Rita, tay kéo vĩ cầm, một cụ già, một cái đầu lâu trát đầy phấn son, một thằng ma cô, Antoineio và còn một số người nữa.

“Nào, Robby”, Pat bảo, “chúng mình thử khiêu vũ một lần xem sao”.

Sàn nhảy từ từ xoay quanh hai đĩa. Tiếng vĩ cầm và tiếng xentô trỗi lên thành một giai điệu êm dịu trên cả giàn nhạc đang thắm thì. Những đôi chân của các cặp khiêu vũ lướt nhẹ trên sàn nhảy.

“Anh yêu dấu của em, bỗng dưng anh nhảy tuyệt quá kìa”, Pat sừng sốt nói.

“Dào, tuyệt gì...”

“Thật mà. Anh học ở đâu vậy?”

“Gottfried đã bày cho anh”, tôi đáp.

“Trong xưởng của các anh ấy à?”

“Ừ... trong tiệm cà phê Quốc Tế nữa. Bọn anh cũng cần bạn nhảy nữ chứ. Rosa, Marion và Wally hoàn thiện cho anh những bước nhảy cuối cùng. Anh chỉ ngại vì thế mà anh nhảy không được thanh lịch lắm”.

“Sao không!” Mắt nàng sáng rỡ. “Lần đầu tiên chúng mình khiêu vũ cùng nhau thế này, Robby!”

Cạnh chúng tôi, bác người Nga nhảy với cô gái Tây Ban Nha. Bác mỉm cười, gật đầu với hai đĩa. Cô gái Tây Ban Nha trông quá xanh xao. Ôm lấy

vàng trán cô là mái tóc huyền bóng láng như cánh quạ. Cô khiêu vũ với gương mặt nghiêm trang, bất động, cổ tay cô đeo một chiếc vòng có những viên ngọc lục bảo lớn hình chữ nhật. Cô tròn mười tám tuổi. Ngồi bên bàn, tay kéo vĩ cầm dõi theo cô với cặp mắt thèm khát.

Chúng tôi trở lại bàn. “Giờ em muốn hút một điếu thuốc”, Pat nói.

“Có lẽ em không nên hút thì hơn”, tôi thận trọng đáp.

“Vài hơi thôi mà, Robby. Đã lâu em không hút”.

Nàng châm một điếu thuốc, nhưng chỉ được một tí đã quẳng sang bên. “Chẳng ngon gì cả, Robby. Em không thấy ngon nữa, thế thôi...”

Tôi cười, “Bao giờ chả vậy, lâu ngày không động đến ắt thấy chán”.

“Cũng như em với anh chứ gì?”

“Anh đang nói các chất độc cơ”, tôi đáp. “Điều ấy chỉ đúng với rượu và thuốc lá thôi”.

“Con người là một độc tố nguy hại hơn cả thuốc và rượu, anh yêu ạ”.

Tôi cười. “Em là một đứa trẻ thông minh, Pat”.

Nàng chống tay lên bàn, nhìn tôi. “Anh không bao giờ coi em là thật sự nghiêm chỉnh cả, đúng vậy?”

“Ngay bản thân mình anh cũng có coi là thật sự nghiêm chỉnh bao giờ đâu”, tôi đáp.

“Cả em cũng không nói nốt chứ gì? Nói thật xem nào”.

“Anh không rõ. Nhưng hai ta gộp lại thì lúc nào anh cũng xem là chuyện vô cùng nghiêm chỉnh, cái đó anh biết chắc”.

Nàng mỉm cười. Antoineio mời nàng. Hai người ra sàn nhảy. Tôi ngắm nàng trong lúc nàng khiêu vũ. Lần nào lướt qua, nàng cũng mỉm cười với tôi. Đôi giày kim tuyến của nàng hầu như không bén sàn. Nàng có dáng điệu của một con linh dương. Bác người Nga lại khiêu vũ với cô gái Tây Ban Nha. Cả hai đều im lặng. Gương mặt to ngăm ngăm của bác chan chứa một tình âu yếm sâu bi. Gã kéo vĩ cầm đã thử mời cô Tây Ban Nha, nhưng cô chỉ lắc đầu, rồi cô cùng bác người Nga ra sàn nhảy.

Gã kéo vĩ cầm vò nát một điếu thuốc lá trong những ngón tay xương xẩu dài ngoẵng của gã. Bỗng tôi thấy thương gã. Tôi mời gã hút thuốc. Gã từ chối. “Tôi phải giữ gìn sức khỏe”, gã nói với cái giọng nhát gừng của gã.

Tôi gật đầu. “Lão kia ấy à”, gã cười khẩy nói tiếp, tay trở bác người Nga,

“mỗi ngày lão ấy hút có đến năm chục điếu”.

“Mỗi người mỗi cách sống”, tôi đáp.

“Dù bây giờ cô ấy không muốn nhảy với tôi, tôi sẽ vẫn đoạt được cô ấy”.

“Ai kia?”

“Rita”.

Gã ghé sát lại. “Tôi và cô ấy từng quan hệ tốt với nhau. Chúng tôi từng cùng nhau giải trí. Thế rồi lão người Nga đến, và với những tràng đả kích, lão nâng mất cô ấy của tôi. Nhưng tôi sẽ đoạt lại cô ấy”.

“Nhưng anh sẽ phải nhọc sức đấy”, tôi nói. Tôi không ưa gã.

Gã phá lên cười dè bủ. “Nhọc sức ư? Ôi chao là anh, thiên thần ngây thơ! Tôi chỉ có mỗi việc là chờ đợi”.

“VẬY anh cứ chờ”, tôi đáp.

“Năm chục điếu”, gã thì thầm, “hàng ngày nhá. Hôm qua tôi đã xem tám phim chụp hình phổi của lão. Đây những hóc là hóc. Đi đời rồi”. Gã lại cười. “Thoạt đầu lão và tôi bệnh ngang nhau. Dễ lẫn phim. Giờ nhìn vào, đến anh cũng phải nhận ra sự khác biệt! Mà tôi lại lên một cơn cơ chứ. Không, anh bạn ơi, tôi chỉ việc chờ đợi và giữ gìn sức khỏe. Chưa gì tôi đã khắp khờ chờ kỳ chụp phim sắp tới. Lần nào cô y tá cũng cho tôi xem các tấm phim. Hễ lão nghèo, sẽ đến lượt tôi”.

“Cũng là một cách”, tôi nói.

“Cũng là một cách”, gã nhại lại, “cách duy nhất đây, anh bạn non nớt ơi! Nếu tôi tìm cách phá lão, cầm bằng như tôi bị tiêu hủy những cơ may của mình sau này trong quan hệ với cô ấy. Không, chàng lính mới ạ... hòa nhã, bình thân... chờ đợi...”

Không khí trở nên đậm đặc, ngọt ngào. Pat ho. Nhận thấy nàng lo sợ lén đưa mắt nhìn mình, tôi bèn làm ra vẻ như không nghe thấy gì. Mụ già đeo các chuỗi ngọc ngòai lặng lẽ, trầm tư. Thỉnh thoảng mụ ré lên cười, rồi lại lập tức im bặt và ngòai ngây như phỗng. Cái đầu lâu cỡi nhau với thằn ma cô. Bác người Nga rít hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Gã kéo vĩ cầm đánh lửa cho bác. Một cô gái bỗng nấc lên khùng khục, cô đưa khăn tay lên chùi miệng, nhìn vào đó và tái nhợt người đi.

Tôi nhìn suốt gian phòng. Kia là dãy bàn của những nhà thể thao, dãy bàn của những công dân mạnh khỏe, họ ngòai đó: những người Pháp, người Anh, người Hà Lan với những âm vắn sảng khoái trong thứ ngôn ngữ mang

đầy âm sắc đồng cỏ và biển cả... và xen giữa họ, là một thuộc địa của bệnh tật, chết chóc: hâm hấp sốt, xinh đẹp và tuyệt vọng. Đồng cỏ và biển cả... tôi nhìn Pat... đồng cỏ và biển cả... bọt biển, bờ cát, bờ lội... ôi em, tôi thăm nghĩ, vàng trán nhỏ yêu dấu! Đôi bàn tay yêu dấu! Em, cuộc đời yêu dấu mà người ta chỉ có thể yêu chứ không thể cứu.

Tôi đứng dậy, đi ra ngoài. Người tôi nóng ran vì khô sở và bất lực. Tôi thông thả lần theo con đường. Khí lạnh khiến tôi rùng mình, gió từ sau các ngôi nhà lùa đến làm tôi sồn gai ốc. Tôi xiết chặt nắm đấm, mắt trăn trăn hồi lâu vào rặng núi trắng khắc nghiệt trong tâm trạng lẫn lộn, rồi bời bời dao động, giận dữ và đau đớn.

Một cỗ xe trượt rung chuông leng keng lướt qua con phố dưới kia. Tôi quay lại. Pat chạy ra đón tôi. “Anh ở đâu về đây?”

“Ra ngoài kia một lát”.

“Anh buồn ư?”

“Đâu có”.

“Anh yêu, vui lên anh! Hãy vui ngày hôm nay! Vì em! Có trời biết đến bao giờ em mới lại được dự một dạ hội”.

“Còn vô khối dịp”.

Nàng ngả đầu vào vai tôi. “Anh đã nói, chắc phải đúng. Nào, chúng mình khiêu vũ đi anh”.

Chúng tôi khiêu vũ, ánh đèn âm áp, êm ái thật nhân từ; nó át đi mọi quãng thâm mà đêm đi qua đã in dấu trên các gương mặt.

“Em thấy trong người thế nào?”, tôi hỏi.

“Khỏe, Robby ạ!”

“Em đẹp biết bao, Pat”.

Mắt nàng ngời lên. “Em sung sướng được nghe anh nói thế”.

Tôi cảm thấy làn môi khô ấm của nàng gấn lên má mình.

Rất muộn, chúng tôi mới về đến Viện điều dưỡng. “Xem thần sắc lão ấy kìa”, gã kéo vĩ cầm cười khẩy, lén trở bác người Nga.

“Trông anh thì có hơn gì”, tôi bực tức vặc lại.

Gã nhìn tôi chung hứng. “Ái chà, hơm ta đây mạnh khỏe”, gã hần học nói.

Tôi bắt tay bác người Nga. Bác gật đầu chào tôi, rồi dịu dàng, gương nhẹ, bác đỡ cô gái Tây Ban Nha lên cầu thang. Trước ánh sáng nhò nhò của đêm tối, tưởng như gánh nặng của cả nhân gian đang đè lên tấm lưng to bè khom xuống của bác và đôi vai gầy của cô gái. Cái đầu lâu lồi xềnh xệch thẳng ma cô nở mồm trong hành lang. Antoineio chúc chúng tôi ngủ ngon. Toàn bộ cuộc chia tay thầm thì hầu như không tiếng động này có vẻ gì hơi quái đản.

Pat cởi áo dài qua đầu. Nàng cúi xuống, kéo hai vai áo. Lốp gấm rách toạc. Nàng xem vết rách.

“Chắc nó bực sẵn”, tôi nói.

“Không hề gì”, Pat bảo, “đằng nào em cũng chẳng cần dùng đến nó nữa”.

Nàng thong thả gập cái áo lại, không treo vào tủ nữa. Nàng xếp nó vào va-li. Gương mặt nàng thoáng mệt mỏi.

“Xem anh có cái gì đây”, tôi vội nói, rút từ túi áo măng-tô một chai sâm banh. “Giờ đến châu tiệc nhỏ của riêng chúng mình”.

Tôi lấy ly ra rót rượu. Nàng mỉm cười trở lại và nâng ly.

“Chúc cho đôi ta, Pat”.

“Vâng, anh yêu, chúc cho cuộc sống đẹp đẽ của chúng mình”.

Tất cả sao mà lạ lùng: căn phòng này, sự lặng lẽ và nỗi buồn của chúng tôi. Phải chăng đằng sau cánh cửa kia không phải là cuộc sống: vô tận, với những cánh rừng, những con sông và hơi thở mãnh liệt, cuộc sống rộ nở, sôi động? Phải chăng bên kia dãy núi trắng xóa tuyết, tháng Ba không đang bòn chôn gõ vào trái đất dần thức dậy?

“Đêm nay anh ở lại với em chứ, Robby?”

“Ừ, ta đi nằm thôi. Chúng mình sẽ kê sát bên nhau như con người có thể gần gũi với con người, sẽ đặt ly rượu lên tấm chăn phủ giường và nâng ly”.

Rượu. Làn da nâu óng như đồng. Chờ đợi. Thao thức. Im lặng và tiếng khò khè khe khẽ trong lồng ngực người yêu.

# CHƯƠNG 28

Trời chuyển gió nồm. Luồng hơi nóng ẩm ướt ào qua thung lũng. Tuyết mềm ra. Nước nhỏ giọt từ các mái nhà. Các biểu đồ theo dõi thân nhiệt vọt lên. Pat phải nằm bẹp trên giường. Cứ vài giờ bác sĩ lại đến. Mặt ông mỗi lúc càng thêm lo lắng.

Trưa nọ, tôi đang dùng bữa thì Antoincio đến, ngồi xuống cạnh tôi, “Rita chết rồi”, anh nói.

“Rita? Anh muốn nói bác người Nga chết?”

“Không, Rita cơ, cô gái Tây Ban Nha”.

“Không thể có chuyện ấy được”, tôi nói, cảm thấy máu đông lại trong cơ thể. Rita bệnh nhẹ hơn Pat nhiều.

“Ở đây có thể xảy ra những chuyện ghê gớm hơn”, Antoincio rầu rầu đáp. “Cô ấy chết sáng nay. Bị viêm phổi”.

“Viêm phổi. Đó lại là vấn đề khác”, tôi nói nhẹ cả người.

“Mười tám tuổi. Kinh khủng. Và chết đau đớn đến thế”.

“Còn bác người Nga?”

“Ồ, xin anh đừng hỏi. Bác ta không muốn tin là cô ấy đã chết. Bác ta quá quyết cô ấy chỉ có vẻ như chết mà thôi. Bác ta ngồi lý bên giường cô ấy, không ai lôi nổi bác ta khỏi phòng”.

Antoincio bỏ đi. Tôi nhìn trân trân ra cửa sổ. Rita chết rồi; thế mà tôi cứ ngồi đây tâm niệm mỗi một điều: Đó không phải là Pat. Không phải là Pat.

Qua kính hành lang, tôi thấy gã kéo vĩ cầm. Tôi chưa kịp đứng dậy, gã đã lại gần. Trông gã thật khủng khiếp.

“Anh làm điều thuốc chứ?”, tôi hỏi cho có chuyện.

Gã phá lên cười. “Dĩ nhiên! Sao lại không? Vào lúc này? Giờ thì thế nào chẳng xong”.

Tôi nhún vai. “Hắn anh thích chí lắm, đồ đạo đức giả kia?”, gã hỏi giọng nhạo báng.

“Anh điên rồi”, tôi nói.

“Điên à? Không, nhưng bị sa bẫy!”. Gã chồm người qua bàn, phà hơi

cognac vào mặt tôi. “Tôi đã sa bẫy. Chúng giăng bẫy tôi. Lũ lợn ấy. Tất cả chỉ là đồ lợn. Cả anh, con lợn ra vẻ đạo đức”.

“Không nể anh ồm, tôi đã quăng anh ra cửa sổ”, tôi nói.

“Ồm? Ồm?”, gã nhại lại. “Đầy mạnh khỏe, gần như mạnh khỏe, phải, đây đã gần như thoát bệnh! Một trường hợp liền sẹo nhanh đến lạ kỳ! Chuyện khôi hài, hả?”

“Hãy lấy làm mừng”, tôi nói. “Rời nơi đây, anh cũng sẽ quên luôn những nỗi phiền muộn của mình”.

“Thế hẳn”, gã đáp, “anh nghĩ thế đó hả? Đồ đầu óc thực dụng, cái mặt anh! Chúa gìn giữ cho anh cái tâm hồn bụ sữa ấy!”

Gã lão đảo bỏ đi, nhưng lại quay lại. “Đi với tôi! Xin hãy ở bên tôi, uống rượu cùng tôi. Tôi sẽ chịu tiền tất. Tôi không thể ngồi một mình”.

“Tôi không rồi”, tôi nói. “Anh đi mà tìm người khác”.

Tôi trở lên với Pat. Nàng nằm thờ nặng nhọc, dưới lưng kê một lô gối. “Anh không muốn đi trượt tuyết à?”, nàng hỏi.

Tôi lắc đầu. “Tuyết xấu lắm. Đâu đâu cũng thấy tuyết tan”.

“Thế anh không muốn chơi cờ với Antoineio sao?”

“Không”, tôi đáp. “Anh muốn ngồi đây với em”. “Tội nghiệp Robby!” Nàng gắng làm một cử chỉ “Ít nhất anh cũng kiếm chút gì mà uống chứ”.

“Cái ấy thì được”.

Tôi về phòng mình lấy chai cognac và một cái ly. “Em muốn nhấp một chút không?”, tôi hỏi. “Em được phép em biết đấy”. Nàng uống một ngụm nhỏ, lát sau thêm ngụm nữa. Đoạn nàng trao ly lại cho tôi. Tôi rót đầy rồi cạn ly.

“Anh không nên uống chung một ly với em”. Pat nói.

“Càng hay chứ việc gì nhỉ”. Tôi lại rót đầy ly uống ực một hơi.

Nàng lắc đầu. “Anh không được làm thế, Robby. Anh cũng không được phép hôn em nữa. Nói chung anh không được ở bên em nhiều như thế nữa. Anh không được phép ồm”.

“Anh sẽ cứ hôn em, bất chấp cả quỷ sứ”, tôi đáp.

“Không, anh không được phép. Anh cũng không được ngủ trên giường em nữa”.



“Được, đã thế em sang ngủ với anh ở giường anh”.

Nàng mấp máy môi phản đối. “Thôi nào, Robby. Anh còn phải sống muôn tuổi. Em muốn anh mạnh khỏe, muốn anh có vợ, có con cái”.

“Ngoài em ra, anh chẳng thiết vợ, cũng chẳng thiết con. Em là con anh, vợ anh”.

Nàng nằm yên một lát. “Giá được, em ước có một đứa con với anh”, nàng nói, áp mặt vào vai tôi. “Trước kia không bao giờ em muốn điều ấy. Em không sao hình dung nổi mình lại sinh con. Nhưng giờ đây em hay nghĩ đến nó. Thật sung sướng khi ta để lại một cái gì. Thỉnh thoảng con chúng ta sẽ nhìn anh và anh sẽ nhớ tới em. Như thế, dường như em vẫn tồn tại cùng với con”.

“Chúng mình sẽ còn sinh con”, tôi nói. “Khi nào em bình phục. Anh rất muốn em sinh cho anh một đứa con, Pat ạ. Nhưng nó phải là con gái, cũng tên là Pat”.

Nàng lấy cái ly ở tay tôi, uống một ngụm.

“Có lẽ chúng mình không có con mà lại hơn, anh yêu ạ. Anh chẳng nên giữ lại chút gì. Anh cần quên em. Mỗi khi nhớ tới em, anh chỉ cần nghĩ rằng chuyện giữa hai đứa mình thật đẹp... ngoài ra không cần gì nữa. Dẫu vậy chúng mình sẽ chẳng bao giờ tin nổi là chuyện ấy đã qua rồi. Anh không được buồn”.

“Anh buồn khi nghe em nói như vậy”.

Nàng nhìn tôi hồi lâu. “Khi phải nằm thế này, người ta thường nghĩ ngợi linh tinh. Nhiều điều lúc thường em không mảy may chú ý, giờ bỗng lại thấy kỳ quặc làm sao. Anh biết lúc này em không hiểu nổi điều gì không? Rằng dẫu yêu nhau tha thiết như hai ta, một người vẫn phải chết”.

“Im nào”, tôi nói. “Ồ đời, bao giờ một người chẳng phải đi trước. Nhưng còn lâu mới đến lượt chúng mình”.

“Người ta chỉ có quyền chết khi cô độc. Hoặc khi thù ghét nhau... nhưng không phải khi yêu nhau”.

Tôi gượng mím cười. “Đúng vậy, Pat”, tôi nói, cầm lấy bàn tay nóng hổi của nàng, “nếu chúng mình tạo ra thế giới, nó sẽ tốt đẹp hơn, phải không em?”

Nàng gật. “Vâng, anh yêu. Chúng mình sẽ không để những chuyện vô lý nhường ấy xảy ra. Giá biết được đằng sau chúng ta là cái gì. Anh có tin cuộc

đòi sẽ tiếp tục như vậy không, sau này ấy?”

“Anh tin”, tôi đáp. “Thế giới được nặn ra quá ư tồi tệ, đến nỗi không bao giờ chấm dứt nỗi sự vô lý”.

Nàng mỉm cười. “Cũng là một nguyên cơ. Nhưng anh bảo sao, phải chăng thứ này cũng được nặn ra quá ư tồi tệ?”, nàng trở bó hồng vàng bên giường nàng.

“Vấn đề chính là ở đó”, tôi đáp. “Những cá thể tuyệt vời, nhưng tổng thể thì vô nghĩa. Dường như nó được tạo ra bởi một bàn tay quan tâm đến sự đa dạng tuyệt vời của cuộc sống không ngoài mục đích gì khác là lại hủy diệt nó”.

“Và tạo dựng lại từ đầu”, Pat nói.

“Dù vậy, anh vẫn thấy vô nghĩa”, tôi đáp. “Cho đến ngày nay cuộc đời chẳng vì thế mà tốt đẹp hơn”.

“Có đấy, anh yêu”, Pat nói “với chúng mình, bàn tay đó đã sắp đặt tuyệt vời. Không thể tốt đẹp hơn thế nữa. Mỗi tội quá ngắn ngủi. Ngắn ngủi quá sức”.

Vài ngày sau tôi thấy nhói nhói trong ngực và ho. Khi đi qua hành lang, bác sĩ trưởng nghe tiếng thúng thảng, bèn gõ đầu vào phòng tôi. “Mời anh đi với tôi sang phòng khám”.

“Có gì đâu ạ”, tôi nói.

“Mặc”, ông đáp. “Ho hắng như thế, anh không được phép ngồi ở phòng cô Hollmann. Mời anh theo tôi ngay”.

Vào phòng khám, tôi cởi áo sơ-mi với tâm trạng thỏa mãn kỳ lạ. Trên này, sức khỏe bị coi như một lợi thế không chính đáng; ta có cảm giác như mình là một kẻ đầu cơ, một thằng biển lận.

Bác sĩ trưởng nhìn tôi một cách kỳ dị. “Xem ra anh còn lấy làm thích chí”, ông nhăn trán nói.

Đoạn ông khám cho tôi thật kỹ lưỡng. Vừa nhìn những dụng cụ sáng loáng treo trên tường, tôi vừa thở ra hít vào lúc sâu, chậm, lúc nông, nhanh, tùy theo yêu cầu của ông. Khi thở, thấy lại nhói nhói trong ngực, tôi lấy làm hài lòng vì giờ đây thời gian Pat “đi” trước tôi sẽ được rút ngắn lại.

“Anh bị cảm”, bác sĩ trưởng nói. “Anh hãy nằm nghỉ một, hai ngày, hay chí ít cũng quanh quẩn trong phòng anh. Anh không được phép vào phòng cô Hollmann. Không phải vì anh... mà để giữ gìn cho cô Hollmann”.

“Tôi chuyện trò với cô ấy qua cửa được chứ?”, tôi hỏi. “Hoặc qua ban công?”

“Qua ban công thì được, nhưng chỉ vài ba phút, còn qua cửa, theo tôi cũng được, nếu anh chịu khó gân cổ lên. Ngoài bị cảm ra, anh còn bị viêm họng vì khói thuốc lá”.

“Thế còn phổi?”. Tôi vẫn phập phồng hy vọng ít nhất ở phổi cũng có chút gì không ổn. Tôi sẽ cảm thấy thoải mái hơn trước Pat.

“Phổi của anh có thể thay cho ba buồng phổi”, bác sĩ trưởng tuyên bố. “Lâu lắm mới thấy một người khỏe đến như anh. Có điều gan anh khá cứng. Hình như anh uống quá nhiều rượu?”

Ông kê đơn cho tôi, rồi tôi trở lại phòng.

“Robby”, Pat hỏi vọng từ phòng nàng, “ông ấy bảo sao?”

“Tạm thời anh không được sang phòng em” tôi đứng sau cửa đáp. “Cấm ngặt. Nguy cơ lây bệnh”.

“Thấy chưa?”, nàng hoảng sợ nói, “em đã không muốn thế từ trước mà”.

“Nguy cơ lây bệnh cho em, Pat. Chứ không phải cho anh”.

“Thôi đừng đùa vớ vẩn nữa anh”, nàng nói. “Kể rõ cho em chuyện gì xảy ra đi”.

“Đúng thật mà. Ngày chị y tá”, - tôi vẫy chị y tá trực vừa lúc chị ta mang thuốc lại cho tôi - “chị hãy bảo cô Hollmann biết ai trong hai chúng tôi là người nguy hiểm hơn”.

“Ông Lohkamp”, chị y tá nói. “Ông ấy không được phép ra khỏi phòng để khỏi truyền bệnh cho cô”.

Pat nghi hoặc hết nhìn chị y tá lại nhìn tôi. Tôi chìa qua cửa cho nàng thấy thuốc men của mình. Nàng hiểu đó là sự thật và phá lên cười, mỗi lúc một ngặt nghèo, nàng cười đến chảy nước mắt và bắt đầu họ rũ rượi, đến nỗi chị y tá phải chạy vào đỡ nàng “Lạy Chúa, anh yêu”, nàng thì thào, “buồn cười quá đi mất. Trông anh mới hãnh diện chưa kìa”. Suốt tối nàng vui vẻ. Dĩ nhiên tôi không bỏ mặc nàng một mình, mà đánh chiếc măng-tô thật dày, cổ quần khăn, ra ngồi ngoài ban-công đến tận nửa đêm, tay kẹp điều thuốc, tay cầm ly rượu, chai cognac để dưới chân; tôi kể nàng nghe những mẩu chuyện trong đời mình luôn luôn bị ngắt quãng và được kích lệ bởi tiếng cười khe khẽ khúc khích như tiếng chim của nàng, tôi khoác lác ra đủ thứ chuyện cốt được nhìn thấy nụ cười lướt trên gương mặt nàng, tôi sung sướng

về những cơn ho sù sụ của mình, nốc sạch chai rượu, và sáng ra, lại khỏe như thường.

Gió nồm trở lại. Gió lay các cánh cửa sổ, mây nặng trĩu; tuyết dồn lại thành đống, gào thét đêm đêm, và những người ốm vừa nằm thao thức trong trạng thái bị kích thích, quằn quại, vừa nghe ngóng bên ngoài. Trên những triền núi tuyết phủ, hoa nghệ tây bắt đầu đơm bông; dưới phố, giữa đám xe trượt, xuất hiện những chiếc xe hơi cao bánh đầu tiên.

Pat mỗi lúc một đuối sức. Nàng không trở dậy được nữa. Đêm đến nàng hay bị những cơn ngạt. Thế là nàng tái xám đi vì sợ chết. Tôi nắm đôi bàn tay rữa, đấm mồ hôi của nàng. “Miễn sao qua được giờ khắc này!”, nàng thở hỏn hển, “chỉ giờ khắc này nữa thôi, Robby. Ở đây họ chết...”

Nàng sợ cái giờ khắc cuối cùng chuyển từ đêm sang ngày. Nàng tin lúc đêm tàn cũng là lúc luồng sinh khí thần bí yếu đi, gần như tắt lịm... và chỉ giờ khắc ấy mới khiến nàng kinh hãi, sợ bị bỏ lại một mình. Những lúc khác nàng can đảm tới mức tôi thường xuyên phải nghiêng răng vì thương nàng.

Tôi cho chuyển giường mình sang phòng nàng, ngồi xuống bên Pat mỗi khi nàng thức giấc hoặc mắt nàng lộ vẻ van lơn tuyệt vọng. Tôi luôn nghĩ đến những ống moócphin cất trong va-li, giả thử nàng không tỏ ra biết ơn nhường ấy trước mỗi ngày mới, tôi đã chẳng đắn đo gì mà không tiêm chúng cho nàng.

Tôi ngồi bên giường nàng, kể cho nàng những gì chợt đến trong đầu. Nàng không được phép nói nhiều, nàng thích nghe tôi kể tất cả những chuyện đã xảy ra trong đời tôi. Nàng yêu nhất là những mẩu chuyện thời học trò của tôi; thỉnh thoảng, vừa qua cơn tức thở, vẫn còn nhợt nhạt, rữa lả trên chồng gối, nàng đã lại đòi tôi diễn lại điệu bộ của mấy ông thầy cũ nào đó. Cử chỉ nóng nảy, thở phì phò, mặt quệt bộ râu quai nón tưởng tượng đỏ lòe, tôi vừa đi đi lại lại khắp phòng, vừa oang oang thuyết giáo những điều tự bịa ra. Mỗi ngày tôi nghĩ thêm trò mới, dần dần Pat thuộc vanh vách những thằng bạn tếu táo hay trêu chọc trong lớp tôi, những kẻ luôn luôn khiến các ông giáo nổi điên. Có lần, nghe cái giọng ồm ồm như lệnh võ của ông hiệu trưởng trường chúng tôi, nữ y tá trực đêm vội chạy đến, phải mất khá lâu tôi mới giải thích cho chị ta tin nổi rằng tôi chỉ muốn mua vui cho Pat chứ không phải tôi đã hóa rồ, chẳng là đang đêm hôm tôi lại trùm áo choàng không tay, đội mũ chụp vành, vừa nhảy chơi chơi quanh phòng, vừa mắng té tát một trò Karl Ossage nào đó, vì tội nó đã xảo quyệt cưa đứt bực giảng.

Ánh sáng ban mai từ từ tia qua cửa sổ. Những lung núi trở thành những

cái bóng màu đen hằn rõ. Đằng sau chúng, bầu trời bắt đầu lụi lại, lạnh lẽo và nhợt nhạt. Ngọn đèn ngủ ngả màu vàng nhòe. Pat dụi gương mặt ướt đầm vào hai bàn tay tôi. “Thoát rồi, Robby. Giờ em lại được sống thêm một ngày”.

Antoineio mang cho tôi mượn chiếc radiô của anh. Tôi mắc nó vào hệ thống dây điện đèn và ống sưởi. Tôi đến, tôi bật thử cho Pat nghe. Nó ọ ọ, kêu rền rẹt, rồi từ tiếng lạo xạo đó bỗng bay ra một khúc nhạc trong trẻo, êm dịu.

“Cái gì thế, anh yêu?”, Pat hỏi.

Antoineio cho tôi mượn cả một tạp chí chương trình radiô. Tôi lật ra xem. “Hình như đài Rome”.

Vừa lúc đó, cái giọng kim trầm trầm của nữ phát thanh viên vang lên. “Radiô Rome - Napoli - Firenze...”<sup>[17]</sup>.

Tôi tiếp tục xoay núm. Một bản độc tấu pianô. “Cái này chẳng cần tra anh cũng biết”, tôi nói. “Đây là bản Waldstein Sonata của Beethoven. Anh từng chơi được nó vào cái thời anh còn tin rằng sẽ có lúc mình trở thành giảng viên đại học, giáo sư hoặc nhạc sĩ. Giờ thì anh chịu lâu rồi. Tốt hơn là ta vắn tiếp. Những ký ức chẳng hay ho gì”.

Một giọng nữ trầm ấm áp, hết sức khẽ khàng, mơn trớn: “Parlez moi d’amour”<sup>[18]</sup>.

“Paris đây, Pat”.

Một bài thuyết trình về việc diệt trừ bọ nho. Tôi vắn tiếp. Những mẫu quảng cáo. Một bản tứ tấu. “Cái gì thế anh?”, Pat hỏi.

“Praha. Tứ tấu đàn dây, tác phẩm 59, hai, Beethoven”, tôi đọc.

Chờ khúc nhạc lắng xuống, tôi lại vắn tiếp, bỗng nghe réo rắt tiếng vĩ cầm, tiếng vĩ cầm tuyệt vời. “Đúng là Budapest rồi, Pat ơi. Nhạc digan”.

Tôi chỉnh kim thật chính xác. Giờ đây, trên giàn nhạc đệm với đàn ximba, vĩ cầm và sáo mục đồng, giai điệu ấy bay bổng êm ái, tràn ngập.

Nàng nín lặng. Tôi quay lại. Nàng khóc, nước mắt trào ra từ cặp mắt mở to. Tôi vội tắt radiô. “Em sao thế, Pat?”. Tôi ôm lấy đôi vai gầy của nàng.

“Không sao cả, Robby. Lỗi tại em ngu ngốc. Chỉ vì em nghe: Paris, Rome, Budapest... lạy Chúa, trong khi em đủ sung sướng xiết bao giá em có thể xuống làng lần nữa”.

“Kia Pat”.

Tôi dùng mọi lời lẽ để an ủi nàng, giúp nàng quên đi. Nhưng nàng một mực lắc đầu. “Em không buồn, anh yêu ạ. Anh không được nghĩ như thế. Khi khóc, em đâu có buồn. Chắc cũng có lúc em buồn, nhưng chỉ thoáng qua. Bù vào đó, em suy nghĩ rất lung”.

“Em nghĩ về cái gì vậy?”, tôi vừa hỏi vừa hôn tóc nàng.

“Về điều duy nhất em còn có thể suy nghĩ, về sự sống và cái chết. Sau đó, khi em trở nên buồn bã và không hiểu chút gì nữa, em tự nhủ: thà chết lúc vẫn tha thiết sống, còn hơn chết lúc chỉ mong được chết. Anh nghĩ sao?”

“Anh không biết”.

“Có đấy!”, nàng ngả đầu vào vai tôi. “Khi còn tha thiết sống, người ta còn có cái mà người ta yêu. Nó làm cho cái chết nặng nề hơn, nhưng cũng dễ dàng hơn. Hãy nhìn em đây, em sẽ phải chết, nhưng giờ đây em cảm ơn trời đất vì em đã có anh. Em cũng có thể phải cô đơn và bất hạnh lắm chứ. Nếu thế, em chỉ mong chết. Lúc này phải chết thật đau đớn, nhưng bù lại em cũng ngập tràn tình yêu, như một con ong mang đầy mật ngọt về lúc ban chiều. Nếu phải lựa chọn... giữa hai số kiếp, bao giờ em cũng chọn lại số kiếp này”.

Nàng nhìn tôi, “Pat”, tôi nói, “còn khả năng thứ ba nữa... khi hết gió nồm, sức khỏe em sẽ khá lên và chúng mình sẽ rời nơi đây”.

Nàng tiếp tục nhìn tôi dò xét. “Em lo sợ cho anh, Robby. Anh sẽ khổ sở hơn em nhiều lắm”.

“Thôi ta không nói chuyện này nữa”, tôi bảo.

“Em đã nói cốt để anh đừng nghĩ là em buồn”, nàng đáp.

“Anh cũng có nghĩ là em buồn đâu”.

Nàng đặt tay lên cánh tay tôi, “Anh không muốn vặn lại bản nhạc của những người digan à?”

“Em muốn nghe sao?”

“Vâng, anh yêu”.

Tôi lại bật đài, tiếng vĩ cầm cùng tiếng sáo và tiếng búng ximba trầm trầm vang lên, thoát đầu khe khẽ, sau mỗi lúc một tràn ngập căn phòng.

“Hay quá!”, Pat nói. “Như một ngọn gió. Một ngọn gió cuốn ta đi mất”.

Đó là một buổi hòa nhạc chiều hôm trong một khách sạn ngoài vườn ở

Budapest. Thỉnh thoảng nghe loáng thoáng tiếng trò chuyện của khách khứa xen giữa tiếng thầm thì của âm nhạc, đôi lúc còn nghe rõ một tiếng reo vui lạnh lớt. Có thể hình dung giờ đây trên đảo Margarethen, những cây dẻ đã nảy lộc đầu tiên, những chiếc lá non ánh bạc dưới ánh trắng, khẽ rập rờn như bị lay động bởi tiếng vĩ cầm. Có thể bên đó đã là chiều ấm, thiên hạ ngồi ngoài trời, trước mặt là những ly vang Hung vàng óng, những tay bồi bàn chạy đi chạy lại trong những chiếc áo vét trắng, đám nghệ sĩ digan chơi đàn, sau đó mọi người mệt mỏi đi xuyên hoàng hôn mùa xuân về nhà; còn Pat, nàng nằm đó, mỉm cười, không bao giờ còn rời khỏi căn phòng này”, không bao giờ còn gượng dậy khỏi cái giường này.

Thế rồi, đột nhiên mọi sự diễn ra hết sức nhanh chóng. Mặt nàng hóp lại. Hai gò má nhô cao, xương trán dô ra ở hai bên thái dương. Cánh tay nàng mỏng mảnh như tay trẻ nhỏ, xương sườn trồi lên dưới làn da, và các cơn sốt cứ liên tục thiêu đốt thân thể gầy guộc của nàng. Chị y tá mang những bình ôxy lại, bác sĩ xem bệnh từng giờ.

Một chiều nọ, cơn sốt bỗng hạ nhanh một cách không sao giải thích nổi. Pat tỉnh giấc, nhìn tôi hồi lâu. “Cho em xin một cái gương”, đoạn nàng thì thào.

“Em cần gương làm gì?”, tôi nói. “Hãy nghỉ cho lại sức, Pat. Anh tin giờ đây em đã qua khỏi. Em đã dứt sốt”.

“Không”, nàng thì thào với cái giọng khô, khản đặc của mình, “đưa gương cho em đi”.

Tôi vòng qua giường, cầm chiếc gương và buông rơi xuống đất. Gương vỡ. “Xin lỗi em”, tôi nói. “Anh hậu đậu thế thì thôi. Nó tuột khỏi tay anh và lập tức tan thành nghìn mảnh còn đâu”.

“Trong xác tay của em có một chiếc nữa đây, Robby”.

Đó là một chiếc gương nhỏ bằng kền mạ crôm. Tôi xoa tay lên đó cho nó mờ bớt, rồi đưa Pat. Nàng mệt nhọc lau sạch mặt gương, đoạn gắng sức nhìn vào đó. “Anh phải đi khỏi đây, anh yêu”, cuối cùng nàng thì thào.

“Tại sao? Em không còn thiết đến anh nữa à?”

“Anh chẳng nên nhìn em nữa. Đây không còn là em”.

Tôi giật chiếc gương khỏi tay nàng. “Những mảnh kim loại vô tích sự ấy mà, Pat. Thì hãy xem, mặt anh soi vào trông thế nào nào. Xanh xao, gầy gò. Trong khi rõ ràng anh vừa đỏ đấm, vừa vâm váp. Cái của khỉ này hoàn toàn méo mó ấy mà”.

“Anh cần giữ một ký ức khác về em”, nàng thì thào. “Rời khỏi đây đi, anh yêu. Một mình em rồi cũng xong”.

Tôi đỡ dành để nàng bình tâm lại. Nàng lại đổi chiếc gương và xắn tay của nàng. Rồi nàng bắt đầu thoa phấn, gương mặt hốc hác tội nghiệp, đôi môi nứt nẻ và hai quầng màu nặng nề dưới mắt. “Tô điểm một chút gọi là, anh yêu”, nàng nói, gượng mím cười, “không được để anh thấy em xấu xí”.

“Em muốn làm gì tùy ý”, tôi nói, “em sẽ chẳng bao giờ xấu xí. Với anh, em là người phụ nữ đẹp nhất anh từng thấy”.

Tôi cất chiếc gương và hộp phấn đi, nhẹ nhàng đặt tay lên đầu nàng. Lát sau, nàng trở nên bồn chồn.

“Gì thế, Pat?”

“Tiếng tích tắc to quá”, nàng thì thào.

“Cái gì? Đồng hồ phải không?”

Nàng gật. “Váng cả óc...”

Tôi tháo chiếc đồng hồ khỏi cổ tay.

Nàng sợ hãi nhìn vào kim chỉ giây. “Cất nó đi...”

Tôi nhặt chiếc đồng hồ, ném thẳng vào tường. “Thế, giờ thì nó thôi tích tắc. Giờ thời gian đã dừng lại. Chúng mình đã xé toạc thời gian. Chỉ còn đôi ta trên đời, riêng mình đôi ta, em và anh, không một ai khác nữa”.

Nàng nhìn tôi. Hai mắt mở rất to. “Anh yêu...”, nàng thì thào.

Tôi không chịu nổi cái nhìn của nàng. Nó đến từ rất xa, xuyên qua tôi, dũi về đâu đó. “Bạn can trường”, tôi lẩm bảm bảm, “bạn can trường, quả cảm, yêu dấu của anh”.

Nàng tắt thở vào giờ tận cùng của đêm, trước khi trời rạng. Nàng chết vật vã, quần quai, không ai có thể giúp được nàng. Nàng nắm chặt bàn tay tôi, nhưng nàng không còn biết có tôi bên nàng. Rồi đến một lúc, ai đó bảo: “Cô ấy chết rồi..”

“Không”, tôi đáp, “cô ấy chưa chết. Cô ấy còn nắm chặt tay tôi...”

Ánh đèn. Ánh đèn chói gắt, không sao chịu nổi. Người. Bác sĩ. Tôi từ từ xòe bàn tay mình ra. Bàn tay Pat thõng xuống. Máu. Gương mặt méo mó của người chết ngạt. Cặp mắt ngậy dại, đau đớn. Mái tóc nâu óng như tơ.

“Pat”, tôi gọi. “Pat em!”

Và lần đầu tiên nàng không đáp lời tôi.



“Tôi muốn được một mình”, tôi nói.

“Nên chẳng trước hết...?”, ai đó hỏi.

“Không”, tôi đáp. “Đi ra. Chớ có động vào”.

Rồi tôi rửa sạch máu cho nàng. Người tôi như làm bằng gỗ, không còn chút cảm giác. Tôi chải tóc cho nàng. Thân thể nàng trở nên giá lạnh. Tôi đặt nàng nằm lên giường tôi, rồi đắp chăn cho nàng. Tôi ngồi bên nàng và không suy nghĩ nổi bất kỳ điều gì. Tôi ngồi trên ghế, mắt nhìn nàng trần trụi. Con chó chạy vào, nằm xuống cạnh tôi. Tôi chứng kiến gương mặt nàng dần thay đổi ra sao. Tôi không làm nổi việc gì ngoài việc ngồi đó mà nhìn nàng với tâm hồn trống rỗng. Rồi mặt trời lên, và kia không còn là nàng nữa.

### ***Chú thích:***

- [1] Miền đất nước thuộc Bỉ, trong Chiến tranh thế giới I là vùng có chiến sự ác liệt (N.D.).
- [2] Chỉ cuộc cách mạng dân chủ tư sản bắt đầu nổ ra ở Đức vào tháng Mười một (N.D.).
- [3] Những thành viên của bộ tộc Peru cổ (N.D.).
- [4] Giáo phái hình thành giữa thế kỷ XII trên núi Carmel thuộc Palestin với luật lệ hết sức khắc nghiệt, có thời kỳ không được phép nói. (N.D.).
- [5] Salvation Army: Tổ chức từ thiện có tính chất tôn giáo trong quân đội, ở Anh và Mỹ. (N.D.)
- [6] Moses: Người sáng lập ra đạo của người Israen. (N.D.).
- [7] Trong điệu vũ, diễn viên vừa nhảy vừa đập tay vào đùi, đầu gối và bàn chân mình (N.D.).
- [8] Một phun bằng 500gr. (N.D.).
- [9] Cử chỉ trước một người khi muốn nói người ấy điên rồi. (N.D.).
- [10] Tiếng Pháp, nghĩa: trực diện (N.D.).
- [11] Uppercut: tiếng Anh, nghĩa: đấm móc (N.D.).
- [12] Một kiểu áo đuôi tôm, thường là màu đen. (N.D.).
- [13] Tên Pháp, nghĩa: Giờ xanh (N.D.).
- [14] Nhân vật phiên âm cái tên Pháp này theo tiếng Đức nên sai. (N.D.).
- [15] Mannequin: người trưng mốt (N.D.)
- [16] Người đàn bà tượng trưng cho nước Phổ (N.D.).
- [17] Tiếng Ý, nghĩa: “Đài phát thanh Rome - Napoli - Firenze” (N.D.).
- [18] Tiếng Pháp, nghĩa: “Hãy nói với em về tình yêu” (N.D.).